Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM
Website: thuvienhuequang.vn

LĂNG GIÀ

ĐẠI THỪA KINH

Bản dịch đầu tiên từ nguyên bản Sanskrit

DAISETZ TEITARO SUZUKI

Bản dịch tiếng Việt:

Tỳ-kheo THÍCH CHƠN THIỆN

Cư sĩ TRẦN TUẤN MẪN

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1998

thuvienhuequang.vn

THE LANKAVATARA SUTRA
A MAHAYANA TEXT

thuvienhuequang.vn

LỜI TỰA

Đã hơn bảy năm từ khi tôi khởi sự nghiên cứu kinh Lăng Già một cách hết sức nghiêm túc; nhưng do nhiều lần gián đoạn, tôi đã không thể thực hiện chương trình của tôi nhanh như tôi từng mong muốn. Các bạn tôi từ nhiều môi trường sống khác nhau đã có lòng tốt và rộng lượng theo nhiều cách, và giờ đây, tôi trình tác phẩm thô thiển này của tôi ra trước sự thẩm xét của quần chúng độc giả Anh ngữ. Cũng còn nhiều đoạn khó hiểu và tối tăm trong bản kinh mà tôi đã không thể làm sáng tỏ theo như ý muốn. Những khiếm khuyết này cần được các độc giả cao minh sửa chữa. Tôi sẽ vô cùng sung sướng nếu tôi đã làm cho bản kinh Đại thừa đầy đủ ý nghĩa này trở nên dễ hiểu hơn trước, dù chỉ ở một mức độ rất ít oi. Ở Trung Quốc, nhiều học giả uyên thâm và có những thông tuệ về tâm linh, trải qua một thời kỳ khoảng hai trăm năm

thuvienhuequang.vn

mươi năm, đã thực hiện ba hoặc bốn lần nỗ lực để tạo một bản dịch kinh Lăng Già cho dễ hiểu. Chẳng cần phải nói, những nỗ lực ấy đã giúp đỡ vô cùng cho người dịch này. Mong sao bản dịch của tôi cũng có thể là một bàn đạp dù còn yếu ớt để tiến đến một diễn dịch đầy đủ hơn cho bản kinh !

Bản dịch Anh ngữ này được căn cứ trên ấn bản Sanskrit của Bunyu Nanjo do Otani University Press xuất bản năm 1923.

Tôi rất mang ơn Ông Dwight Goddard ở Thetford, Vermont, U.S.A., một lần nữa đã giúp tôi trong việc đánh máy toàn bộ bản thảo cuốn sách này. Ông sang thăm bờ bên này của Thái Bình Dương, quả thực là nhằm để giúp tôi trong công việc ấy. Không Tử nói: "Có bạn từ phương xa đến, há chăng hạnh phúc ư ?" (Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ ?). Câu nói ấy áp dụng vào trường hợp này thật đích đáng.

Tôi may mắn có được sự ủng hộ và giúp đỡ của hội Keimeiwai, một hiệp hội được tổ chức để giúp đỡ cho công trình nghiên cứu của các học giả trong nhiều lĩnh vực văn hóa khác nhau; vì nếu không có hiệp hội này thì công trình của tôi còn phải kéo dài một thời gian nữa mới xong. Còn rất nhiều điều phải hoàn tất trước khi tôi phải ra trước Pháp đình của Diêm Vương mà có thể nói

thuvienhuequang.vn

với ông rằng, "Đây là công trình của tôi; dù nó nhỏ nhoi, nhưng tôi đã cố gắng làm hết sức mình". Tôi xin bày tỏ nơi đây lòng biết ơn của tôi đến tất cả các cố vấn của Hội đã có thiện ý đề nghị cho nhanh chóng thông qua tác phẩm văn học này, một tác phẩm mà tôi trân trọng cầu mong sẽ làm được cái gì đó để phương Tây hiểu rõ hơn về đời sống văn hóa phương Đông.

Bất cứ tác phẩm văn học nào mà tôi có thể cho ra mắt người đọc, tôi cũng không thể bỏ qua mà không ghi vào đấy tên của người bạn tốt, vô vị lợi, một người bạn Phật tử có công tâm là Yakichi Ataka, người luôn luôn muốn giúp đỡ tôi bằng mọi cách nếu có thể được. Nếu không vì ông ta thì tôi không bao giờ có thể thực hiện được các chương trình của mình đến mức độ mà tôi khó có thể hoàn tất được. Về vật chất, từ một loại công tác như thế này thì không thể mong chờ những kết quả cụ thể được, thế mà một học giả lại còn đối mặt với những nhu cầu sinh hoạt của mình. Nếu không có sự việc vào một ngày đẹp đẽ nào đó, chúng ta lập ra một hội đồng lý tưởng trong đó mỗi thành viên thể hiện mọi khả năng thiên bẩm và mọi năng lực tinh thần của mình theo chiều hướng thích hợp nhất để phát huy chúng và theo thể cách lợi lạc nhất cho mọi thành viên khác nói chung và nói

thuvienhuequang.vn

riêng, thì chắc chắn nhiều trở ngại sẽ ngăn chặn con đường của những ai nỗ lực mưu đồ những thứ không có giá trị về thương mại. Còn bây giờ thì ở khắp nơi đều vô cùng cần thiết sự có mặt của hết thảy chư vị Bồ-tát. Và đây há chẳng phải là giáo lý của kinh Lăng Già, đang được khoát áo Anh ngữ, giờ đây đang nằm trước mắt bạn tôi, cũng như trước mắt các độc giả đấy sao ?

Người viết cũng xin cám ơn vợ mình, người đã đọc suốt bản thảo để tạo cho nó một cái vẻ khá hơn về văn chương, xin cảm ơn Ông Hokei Idzumi giúp đỡ tôi nhiều trong việc đọc hiểu nguyên bản, và cảm ơn Giáo sư Yenga Teramoto đã vui lòng cộng tác về mặt kiến thức Tây Tạng.

DAISETZ TEITARO SUZUKI
Tokyo, tháng 11 năm 1931
(Chiêu Hòa, năm thứ sáu)

thuvienhuequang.vn

NỘI DUNG

trang

LỜI TỰA 5

DẪN NHẬP 15

Chương một

CHÚA THÀNH LĂNG GIÀ, XIN ĐƯỢC CHỈ DẠY 85

Chương hai

SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP 116

I. Mahàmati ca ngợi Đức Phật bằng các câu kệ. 116

II. Một trăm lẻ tám câu hỏi của Mahàmati. 118

III. Một trăm lẻ tám câu phủ định. 132

IV. Về các thức. 135

V. Bảy loại Tự tính (Svabhàva). 138

VI. Bảy loại nguyên lý đầu tiên (Đệ nhất nghĩa đế - Paramàrtha) và các kiến giải sai lầm của hàng triết gia về tâm bị loại bỏ. 139

VII. Các kiến giải sai lầm của một số Bà-la-môn, Sa-môn, về nhân duyên, sự tương tục v.v...; các kiến giải của Phật giáo về những chủ đề như A-lại-da Thức, Niết-bàn, Duy tâm, v.v... Những sự chứng đạt của vị Bồ-tát. 140

VIII. Tu tập của vị Bồ-tát về sự tự chứng. 145

thuvienhuequang.vn

IX. Sự phát sinh và vận hành của các Thức; sự tu tập tâm linh của vị Bồ-tát; các câu kệ về biểu A-lại-da và sóng thức. 146
X. Vị Bồ-tát phải hiểu ý nghĩa của Duy tâm. 154
XI.a. Ba khia cạnh của Thánh trí (àryajnàna). 155
XI.b. Sự đạt Như Lai thân (Tathàgatakàya). 156
XII. Lý luận về sừng thỏ. 157
XIII. Các câu kệ về A-lại-da thức và Duy tâm. 162
XIV. Sự thanh tịnh các hiện lưu, tức khắc và dần dần. 163
XV. Đức Phật Sở Lưu, Đức Phật Pháp Tính và Đức Phật Biến Hóa. 165
XVI. Thể chứng của hàng Thanh văn và sự chấp vào ý niệm tự tính. 167
XVII. Sự thường hằng không thể nghĩ bàn. 169
XVIII. Niết-bàn và A-lại-da Thức. 172
XIX. Tất cả các sự vật là vô sinh. 173
XX. Năm loại trí tuệ thuộc tâm linh. 174
XXI. Kệ về Tam thừa. 178
XXII. Hai loại nhất xiển đề (Icchantika). 178
XXIII. Ba hình thức Tự tính. 180
XXIV. Hai vô ngã (Nairàtmaya dvayalakshana). 181
XXV. Khẳng định và phủ nhận (Samaòpàpavàda). 184
XXVI. Bồ-tát mang nhiều nhân cách khác nhau. 188
XXVII. Về hư vô (Trống rỗng - sùnyatà), vô sinh và phi nhị biên. 189
XXVIII. Như Lai tạng và Ngã - linh hồn. 194
XXIX. Kệ về những phân biệt của các triết gia. 197
XXX. Bốn thứ cần thiết cho sự cấu thành quả vị Bồ-tát (Bồ-tát tính). 197

thuvienhuequang.vn

XXXI. Về nhân duyên (sáu loại), và sự sinh khởi của hiện hữu. 201
XXXII. Bốn hình thức phân biệt bằng ngôn từ. 206
XXXIII. Về ngôn từ và phân biệt và thực tính tối cao. 208
XXXIV. Kệ về thực tính và những biểu thị của nó. 210
XXXV. Duy tâm, sự Đa phức và những tương tự, với một nội suy và khái niệm nhị biên và Hiện hữu. 210
XXXVI. Giáo pháp (Dharna désanà) của chư Như Lai. 222
XXXVII. Bốn loại Thiền định (Dhyàna). 223
XXXVIII. Về Niết-bàn. 225
XXXIX. Hai đặc tính của Tự ngã. 227
XL. Hai loại gia lực (Adhishthàna) của Đức Phật. 227
XLI. Về chuỗi nhân duyên (Pratiya samutpàda). 232
XLII. Các từ ngữ (Abhilàpa) và các thực tính (Bhàva). 234
XLIII. Về Tính Trường cửu của Âm thanh (Nityásabda), Bản chất của sai lầm (Bharànta) và Điên đảo (Vipazyàsa). 236
XLIV. Về bản chất của Như Huyễn (Màyà). 241
XLV. Bảo rằng tất cả các sự vật đều vô sinh. 243
XLVI. Về tên gọi, ý nghĩa, âm tiết và ý nghĩa của chúng. 246
XLVII. Những khẳng định không thể giải thich được (Vyàkritàni). 247
XLVIII. Tất cả các sự vật hiện hữu và không hiện hữu (bốn hình thức giải thích). 250
XLIX. Về các Thanh văn, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, A-na-hàm, và A-la-hán, về ba mối ràng buộc (Samyojàni). 252

thuvienhuequang.vn

L. Trí (Buddhi), quán sát và phân biệt. 259
LI. Các thành tố, cơ bản (thứ nhất) và thứ yếu (thứ hai). 261
LII. Năm Uẩn. 263
LIII. Bốn loại Niết-bàn và tám thức. 264
LIV. Vọng tưởng và mười hai chủ đề. 267
LV. Kệ về Tâm, Biến kế sở chấp, Y tha khởi và Viên thành thực. 270
LVI. Nhất thừa và Tam thừa. 275

Chương ba
VỀ VÔ THƯỜNG 279

LVII. Ba hình thức của ý thân (Manomayakàya). 279
LVIII. Năm tội vô gián (Pancànantaryàni); khát ái là mẹ và vô minh là cha. 282
LIX. Phật tính (Buddhatà). 285
LX. Tính bình đẳng (Samatà) của Phật quả và bốn khía cạnh của nó. 286
LXI. Không một lời nào do Đức Phật tuyên thuyết, sự Tự chứng và Thực tính thường trụ. 288
LXII. Về hữu và phi hữu; Hiện thực luận và Hư vô luận. 291
LXIII. Sự thể chứng và giáo lý bằng ngôn từ. 295
LXIV. Sự phân biệt, một thế giới bên ngoài, nhị biện luận và sự ràng buộc (chấp). 298
LXV. Sự liên hệ giữa các từ ngữ (Ruta) và ý nghĩa (Artha). 305
LXVI. Về cái biết, tuyệt đối (Jnàna) và Tương đối (Vijnàva). 308
LXVII. Chín sự Biến hóa (Parinàma). 312

thuvienhuequang.vn

LXVIII. Sự ràng buộc thâm sâu với hiện hữu. 314
LXIX. Tự tính, thực tính, tưởng tượng, chân lý của sự cô tịch, v.v... 318
LXX. Luận đề về vô sinh. 323
LXXI. Trí tuệ thực sự và vô minh. 327
LXXII. Sự tự chứng và bàn luận về sự tự chứng. 331
LXXIII. Về vị Lokàyatika (Lô-ca-da-đà). 333
LXXIV. Các kiến giải về Niết-bàn. 347
LXXV. Như Lai tính có phải là Hữu vị hay không ? Sự liên hệ của nó với các Uẩn, với giải thoát với trí tuệ. 354
LXXVI. Các định nghĩa về Như Lai; sự liên hệ giữa các từ ngữ và ý nghĩa; Đức Phật không tuyên bố một từ nào. 360
LXXVII. Nhân duyên, Vô sinh, Tự tâm, Niết-bàn. 370
LXXVIII. Kệ về vô sinh và nhân duyên. 375
LXXIX. Các kiến giải về vô thường. 381

Chương bốn
VỀ SỰ HIỂU BIẾT NGAY LIỀN (HIỆN LƯỢNG) 391

LXXX. Sự tĩnh lặng hoàn toàn mà chư Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát đạt được. Các địa (cấp độ) Bồ-tát. 391

Chương năm
VỀ SỰ SUY DIỄN VỀ TÍNH CHẤT THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG CỦA NHƯ LAI TÍNH 400

LXXXI. Tính chất vô thường của Như Lai tính. 400

thuvienhuequang.vn

Chương sáu
SỰ CHUYỂN BIẾN THEO TỪNG SÁT NA
(Sát-na chuyển) 405

LXXXII. Như Lai tạng và A-lại-da thức. 405
LXXXIII. Năm pháp, và sự liên hệ của chúng với ba Tự tính. 411
LXXXIV. Năm pháp. 418
LXXXV. Như Lai và cát sông Gangà (Hằng). 419
LXXXVI. Sự chuyển biến mọi lúc (Sát-na chuyển); Tám thức. 426
LXXXVII. Ba loại Ba-la-mật. 429
LXXXVIII. Các kiến giải về Sát-na chuyển; Sự phân biệt. 431

Chương bảy
VỀ SỰ BIẾN HÓA 434

LXXXIX. Về sự biến hóa 434

Chương tám
VỀ SỰ ĂN THỊT 440

Chương chín
CÁC MẬT CHÚ (Đà-la-ni - Dhàranis) 460

Tổng kệ (Sagàthakam) 464

*
* *

thuvienhuequang.vn

DẪN NHẬP

Đối với những ai đã đọc cuốn Nghiên Cứu Kinh Lăng Già[1] của tôi thì chẳng cần đến những lời giải thích chuyên môn nào ở đây cả. Nhưng đối với những ai chưa hoàn toàn quen thuộc với các giáo lý Phật giáo Đại thừa thì một dẫn nhập có tính cách giải thích về những chủ đề chính của Lăng Già có thể được hoan nghênh. Nếu không có một số kiến thức cơ bản về những gì mà kinh muốn dạy thì khó mà thông hiểu được bản kinh, vì những tư tưởng có ý nghĩa thâm sâu được trình bày ở đây một cách rất thiếu hệ thống. Như tôi đã nói trong cuốn khảo sát, Lăng Già là một bản giác thư (memorandum) mà một bậc thầy Đại thừa cất giữ, trong đó có lẽ ông ghi lại hết tất cả các giáo lý quan trọng mà những người theo Đại thừa của thời ông chấp nhận. Rõ ràng ông đã không cố gắng tạo

---

(1) Studies in the Lankàvatàra Sùtra, George Routledge and sons, London, xuất bản 1930, các trang XXXII + 464. (Bản Việt dịch của Thích Chơn Thiện và Trần Tuấn Mẫn, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1993).

thuvienhuequang.vn

cho các giáo lý ấy một thứ tự nào cả và có thể rằng những nhà biên khảo về sau đã không thận trọng trong việc giữ một cách trung thực cái thứ tự đã có lúc ban đầu, do đó mà tạo cho bản kinh một hình thức còn lộn xộn hơn nữa. Phần dẫn nhập sau đây cũng có thể được dùng như là một dẫn nhập cho Phật giáo Đại thừa nói chung.

I
XẾP LOẠI CÁC CHÚNG SINH

Theo quan điểm Đại thừa, các chúng sinh được chia làm hai loại: các chúng sinh giác ngộ và các chúng sinh ngu muội. Loại đầu được gọi là chư Phật, cũng gồm cả chư Bồ-tát, A-la-hán, Bích Chi trong khi loại sau gồm tất cả các chúng sinh còn lại với các định nghĩa chung là bà-la hay bà-la prithajana. Bà-la nghĩa là "chưa phát triển", "ấu trĩ", hay "ngu dại", và prithajna nghĩa là "những người khác" với vị giác ngộ, tức là đám quần chúng hay những người bình thường, mà tâm của họ miệt mài trong sự theo đuổi những thú vui vị kỷ và chưa được thức tỉnh về ý nghĩa cuộc đời. Loại này cũng được gọi là Sarvasattva, "Tất cả các chúng sinh" hay các chúng sinh hữu tình. Đức Phật muốn giúp đỡ người ngu cho nên có giáo lý Phật giáo và sự tu hành.

thuvienhuequang.vn

ĐỨC PHẬT

Tất cả các giáo lý Phật giáo đều tỏ lộ quanh cái quan niệm về Phật tính. Một khi ta nắm cho đúng điều này thì triết học Phật giáo với tất cả những phức tạp và những thêm thắt đa đoan sẽ trở nên sáng sủa. Đức Phật là gì ?

Theo Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati, người tham vấn đức Phật trong Lăng Già, thì Đức Phật có trí tuệ siêu việt (Bát-nhã prajnà) và có lòng đại từ bi (Karunà). Với trí tuệ, Ngài thể chứng rằng cái thế giới của những đặc thù này không có thực tính, không có một ngã thể (anàtman) và rằng trong ý nghĩa này, thế giới ấy giống như Huyễn giả (Màyà) hay một bông hoa ảo giác trong không khí. Vì nó vượt lên khỏi cái phạm trù hữu và phi hữu nên nó được gọi là thanh tịnh (visuddha), Tuyệt đối (Vivikta) và thoát khỏi các điều kiện (animitta, vô tướng). Nhưng trí tuệ siêu việt của Đức Phật không phải luôn luôn ở trên cao độ này, vì bị một năng lực từ bên trong mạnh mẽ không thể cưỡng lại được thúc đẩy Ngài vào cõi sinh tử, Đức Phật giáng trần giữa chúng ta và sống với chúng ta, những kẻ ngu muội và chìm đắm trong bóng tối của phiền não (klésa). Niết-bàn không phải là trú xứ tối hậu của Phật tính, cũng không phải là sự giác ngộ. Tình yêu và lòng từ bi là thứ chủ yếu tạo nên tự tính của đấng Toàn Giác (Sarvajna).

thuvienhuequang.vn

ĐỨC PHẬT LÀ TÌNH YÊU

Tình yêu của đức Phật không phải là một thứ lấy Ngã làm trung tâm. Đấy là một ý lực ham muốn và hành động trong lĩnh vực hai vô ngã, nó sinh khởi từ một cái lòng phi phân biệt, nó thể hiện trong cái thái độ vô mục đích (vô công dụng hạnh - Anàbhogacaryà). Đấy là lòng đại từ bi (Mahàkarunà) của đức.Như Lai thương xót đến tất cả các chúng sinh không bao giờ ngưng dứt cho đến khi hết thảy chúng sinh được dẫn đến trú xứ Niết-bàn tối hậu một cách hạnh phúc; vì chừng nào còn có một chúng sinh đơn lẻ nào chưa được cứu độ thì Ngài vẫn từ chối an hưởng hạnh phúc của cái Tam-ma-địa xứng đáng với sự tu tập tâm linh lâu dài của Ngài. Quả thực, Đức Như Lai là vị có một trái tim của tình yêu thương và lòng từ bi bao la, xem tất cả chúng sinh như là đứa con độc nhất của mình. Nếu chính Ngài nhập Niết-bàn thì không còn gì được làm trong cái thế giới mà phân biệt (Vikalpa) vẫn tiếp diễn và tính đa phức (Vicitrata) vẫn nổi bật. Vì thế, Ngài không chịu rời bỏ cái thế giới tương đối này, tất cả mọi tư tưởng của Ngài đều hướng đến những người ngu và những đám chúng sinh đang khổ đau và Ngài muốn hy sinh niềm hỉ lạc của chân tính tuyệt đối và Tự Định (Samàdhi - Sukhabhùtaktyù Vinivàrya).

thuvienhuequang.vn

CÁC PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO

Bản chất của tình yêu là mưu định, sáng tạo, thích nghi với những hoàn cảnh thay đổi khác nhau và tình yêu của Đức Phật không ngoài điều ấy. Ngài bao giờ cũng mưu định sự chứng ngộ và giải thoát cho hết thảy chúng sinh hữu tình. Điều này đặc biệt được xem là sự vận dụng các phương tiện thiện xảo (Upàyakau'salya). Phương tiện (Upàya) kết quả của trí tuệ (Prajnà) và Từ bi (Karunà). Khi tình yêu chuyên lo đến số phận của những người ngu thì Trí tuệ, có thể nói, dệt một mạng lưới phương tiện thiện xảo để nhờ đó mà vớt họ lên khỏi những chỗ sâu thẳm của cái biển gọi là Sinh tử (Luân hồi - Samsàra). Do bởi phương tiện mà sự nhất thể của thực tính mà trong đó cái tâm giác ngộ của Đức Phật an trú tự biến đổi thành cái đa tính của các hiện hữu đặc thù.

Có một viên ngọc gọi là Mani hoàn toàn trong suốt và trong tự nó không có màu sắc gì, và do bởi đặc tính này, nó phản chiếu trong nó nhiều màu sắc khác nhau (Vicitrarùpa). Đức Phật được các chúng sinh nhận định theo như thế nào thì giáo pháp của Ngài cũng được các chúng sinh diễn dịch theo như thế ấy; tức là, mỗi người nhận biết đức Phật và giáo lý của Ngài tùy theo ý hướng (Àsaya), sự hiểu biết (Citta), định kiến (Ansaya), khuynh

thuvienhuequang.vn

hướng (Adhimukti) và hoàn cảnh (Gati) của mình. Lại nữa, Đức Phật đối xử với các chúng sinh như một thầy thuốc uyên thâm chữa trị các con bệnh đang đau khổ từ nhiều hình thức bệnh hoạn khác nhau. Mục tiêu tối hậu là chữa lành cho họ, nhưng vì các bệnh đòi hỏi các thuốc men khác nhau nên những cách chữa trị không thể giống nhau được. Vì lý do ấy nên bảo rằng Đức Phật nói bằng một ngôn ngữ giác ngộ, dội vào tai của những người nghe bằng tất cả các âm thanh có thể có được. Phương tiện có thể được xem là do bởi sự khác biệt vô cùng giữa các cá tính cách đặc thù hơn là do bởi sự mưu định của trí tuệ siêu việt ở phía Đức Phật.

MỘT ĐỨC PHẬT VỚI NHIỀU TÊN GỌI

Hết thảy chư Phật đều cùng một bản thể, chư vị đều giống nhau khi xét về sự chứng ngộ tự nội, Pháp thân, sự sở hữu ba mươi hai tướng tốt, và tám mươi vẻ đẹp. Nhưng khi chư vị muốn dạy dỗ chúng sinh tùy theo các đặc tính của chúng sinh thì chư vị mang nhiều hình tướng mà hiện ra khác nhau đối với các chúng sinh khác nhau và do đó có đến vô số (Asamkhyeya) danh hiệu của đức Phật.

Về sự việc Đức Phật mang nhiều danh hiệu như thế, cần phải ghi nhận rằng không phải Ngài chỉ được biết đến theo những tên gọi riêng mà Ngài còn được người ta đặt cho một số biệt hiệu

thuvienhuequang.vn

trừu tượng như Vô sinh, Hư vô, Như như, Thực tính, Niết-bàn, Vĩnh cửu, Bình đẳng, Chân như, Tịch diệt v.v... Như thế, Đức Phật có tính chất nhân tính cũng như có tính cách siêu hình.

Kinh Lăng Già ở đây không quên thêm rằng dù Đức Phật được biết bằng nhiều danh xưng khác nhau như thế, Ngài cũng không vì thế mà mập hay gầy, vì Ngài giống như bóng trăng trong nước không chìm xuống cũng không nổi lên. Thí dụ này thường được xem là sự miêu tả đúng nhất về liên hệ giữa nhất tính và đa tính, về cái thực tính tuyệt đối và cái thế giới danh sắc này.

CÁC HÓA THÂN CỦA ĐỨC PHẬT

Trong khi học thuyết Tam thân (Trikàya) chưa được phát triển trong Lăng Già thì mỗi tính chất trong Tam thân tính được vạch ra trong các ý niệm như Đức Phật Pháp tính (hay Pháp thân - Dharmatà Buddha), Đức Phật Báo sinh (hay Báo thân - Vipala Buddha), và Đức Phật Ứng hóa (hay Ứng thân - Nirmàna Buddha). Ý niệm về cái thân biến hóa đương nhiên theo sau từ ý của Đức Phật muốn cứu những người ngu có tâm chưa đủ ngộ để thấy con đường thẳng đi vào thể tính của Phật tính. Vì họ không thấy rõ nên phải kiến lập một cái gì đó để dẫn họ đến con đường đúng, và cái gì

thuvienhuequang.vn

đó này phải phù hợp với tâm thức của họ. Nếu không thì chắc chắn càng lúc họ càng bị lạc đi xa hơn. Nếu họ không thể nắm được Phật tính đúng như Phật tính, thì hãy để cho họ có cái gì đó thuộc về Phật tính rồi họ sẽ được phát triển dần dần. Lý thuyết về phương tiện (Upàya) cũng là lý thuyết về Manomaya Kàya, Ý thân. Mang hình hài của một trái tim từ bi lớn lao, Đức Phật hẳn phải mang một hình tướng nào đó mà Ngài muốn khi Ngài nhìn thấy những khổ đau của các chúng sinh hữu tình. Ý thân là một phần của chương trình cứu thế của Đức Phật. Đây là một trong những lý do vì sao Phật giáo thường được xem là đa thần và đồng thời là phiếm thần.

VỊ BỒ-TÁT VÀ MƯỜI BỐN NGUYỆN CỦA NGÀI

Trong Phật giáo Đại thừa, Đức Phật không phải là vị độc nhất chuyên lo làm cho giác ngộ và cứu vớt cuộc đời. Trong khi Ngài có thể hóa ra nhiều hình tướng đúng theo nhu cầu của các chúng sinh hữu tình, Ngài cũng được sự giúp đỡ của các môn đệ hoặc các "nam tử" (Putra, Suta, hay Aurasa) của Ngài như các kinh Đại thừa gọi. Như thế, chư Bồ-tát là các con của Đức Phật và tỏ ra tận tụy nhất, tinh cần nhất đối với Phật giáo. Thực ra, ta có thể nói, công việc cứu thế thực sự

thuvienhuequang.vn

vẫn được các chiến sĩ tinh linh này tiến hành dưới sự lãnh dạo của Đức Phật. Đôi khi người ta cảm thấy Đức Phật quá xa vời, quá cao diệu, quá siêu phàm, và thường thường không nhìn thấy được Ngài giữa những đấu tranh trần tục của chúng ta. Nhưng vị Bồ-tát thì luôn luôn cùng với chúng ta và bao giờ cũng sẵn sàng là người bạn tâm tình của chúng ta, vì chúng ta cảm thấy ngài chia sẻ chính những phiền não, những thúc đẩy và những nguyện vọng vốn lớn lao, làm rối reng dù cũng làm cao quý những sức mạnh của đời sống con người chúng ta.

Để xác định chân lý các chúng sinh hữu tình đều là Bồ-tát, dù họ có thể si muội và dễ dàng bị lầm lạc. Họ đều là những Jinaputras, các con của bậc Tối Thắng, và hàm dưỡng trong chính họ mọi khả năng đạt chứng ngộ. Chư Bồ-tát vốn đã liên tiếp bước lên hết mọi các cấp địa vị (Bhùmi) và do đó có thể phò trợ chúng ta, thực sự là những huynh đệ của chính chúng ta. Do đó, Mahàmati trong Lăng Già thường mở đầu các câu hỏi của ngài rằng: "Con và chư vị Bồ-tát khác, v.v..." Mahàmati là miệng mồm của chúng ta nói ra những ước muốn và nguyện vọng của chúng ta.

Đây không phải là chỗ để xét về mặt lịch sử xem cái quan niệm phát sinh trong Phật giáo mà

thuvienhuequang.vn

đối tượng đầu tiên của nó hình như đã gồm trong sự thể chứng quả vị A-la-hán. Nhưng chúng ta có thể xác nhận điều này rằng bằng bản chất của Bồ-tát tính là một khẳng định cụ thể về đặc tính xã hội, vị tha của loài người. Bất cứ chứng ngộ nào mà người ta đạt được cũng phải được các đồng loại chúng sinh chia sẻ. Ý tưởng này trước kia được diễn ta trong Đại thừa bằng cái gọi là "Mười nguyện của Phổ Hiền" (Samanthabhadra). Bồ-tát là một người có các "Vô tận nguyện" (Da'sanish-thàpáda). Nếu không có các nguyện này thì Ngài không phải là Ngài. Để cứu đời, để đưa tất cả chúng sinh đồng loại của Ngài lên cùng tầm mức tư tưởng và cảm thọ như Ngài và để không ngưng nghỉ, không nhập Niết-bàn thì cái công việc ấy có thể lâu dài vô cùng và khó khăn không thể tả được. Đây là vị Bồ-tát. Nguyện cứu độ hết thảy chúng sinh, điều này đặc biệt được gọi là Bổn nguyện (Pùrvapranidhàna) trong thuật ngữ học Đại thừa, không thể tách rời khỏi đời sống của vị Bồ-tát, dù chỉ trong một chốc lát.

Đức Phật, chung quanh có chư vị nam tử có thành tâm này, cuối cùng không thể nào không giải thoát được tất cả chúng sinh khỏi sự trói buộc của nghiệp, vô minh và lòng khao khát cuộc đời. Thấy được như thế, Đức Phật luôn luôn thúc đẩy

thuvienhuequang.vn

chư Bồ-tát bằng uy thần lực (Prabhàva) của Ngài và tạo gia trì lực (Adhisthàva) cho chư vị để đưa toàn bộ ba cõi đến chứng ngộ.

NGƯỜI NGU

Cuộc đời đúng như phần đông chúng ta sống là một sự bận bịu khổ đau, vì chúng ta phải chịu đựng nhiều theo nhiều cách khác nhau. Những ham muốn của chúng ta bị cản trở, những ước vọng của chúng ta bị đập vỡ, và tệ nhất là chúng ta không biết làm sao để thoát khỏi vũng xoáy tham, sân, si. Chúng ta ở đầu mút cuối của sự sống đối nghịch với đầu mút kia của Đức Phật. Làm sao chúng ta có thể chảy qua bờ vực mà đến bờ bên kia ?

Theo sự chuẩn định của Đại thừa về những hoàn cảnh mà trong đó hết thảy các chúng sinh bị đặt để thì các chúng sinh đều được nuôi dưỡng bởi khát ái (Trishnà) như là mẹ được kèm theo bởi dục lạc (Nandì) và sân hận (Ràga), trong khi vô minh (Avidyà) là cha. Do đó, để được chữa lành bệnh, họ phải chấm dứt những hoạt động tương tục của sự đầu độc có tính cách nhị biên này. Khi làm được điều này thì có được một trạng thái gọi là giải thoát (Vimoksha) là trạng thái rất an lạc. Một câu hỏi có tính cách Phật giáo là "Giải thoát có thể có được như thế nào ?" Và hệ thống triết học Đại thừa sinh khởi ở đây.

thuvienhuequang.vn

SỰ ĐỘT BIẾN (Paràvritti)

Một đoạn đặc biệt dưới đây nhằm dành riêng cho triết học này. Tôi muốn nói ở đây ít lời về cái sự kiện tâm lý quan trọng được gọi là Paràvritti trong Lăng Già và trong văn học Đại thừa. Paràvritti nguyên nghĩa là "lật lại", "quay sang bề lưng" hay "thay đổi", nói một cách chuyên môn, đấy là một thay đổi tâm linh hay một sự biến hóa xảy ra trong tâm, đặc biệt là rất bất chợt và tôi đã gọi nó là "sự đột biến" (revulsion) trong cuốn Nghiên Cứu Kinh Lăng Già của tôi, sẽ được xem là cái gì đó trả lời cho cái được gọi là "sự cải hóa" (conversion) trong những người học tâm lý học về tôn giáo.

Điều đáng chú ý là Đại thừa vẫn nhằm thúc đẩy các môn đồ thể nghiệm sự chuyển hóa có tính cách tâm lý học này trong đời sống thực tiễn của họ. Một sự thông hiểu suông về chân lý không phải là đủ trong đời sống của một Phật tử, chân lý phải được nắm lấy một cách trực tiếp, được kinh nghiệm bằng cá nhân, được thâm nhập thẳng vào, thế rồi nó sẽ được thăng hoa vào cuộc sống và xác định dòng sống.

Paravritti (đột biến) này, theo Lăng Già, xảy ra trong thức A-lại-da hay cái Tâm chứa tất cả (Tàng thức), được xem là hiện hữu đằng sau những ý thức thực nghiệm cá nhân của chúng ta. A-lại-da

thuvienhuequang.vn

là một thực thể siêu hình, và không một phân tích có tính cách tâm lý học nào có thể đạt tới nó được. Cái mà chúng ta thường gọi là A-lại-da là sự vận hành của nó qua một cái tâm tương đối. Đại thừa gọi phương diện này của A-lại-da là nhiễm ô hay lậu hoặc (klishta) và bảo chúng ta là nhiễm ô hay lậu hoặc (klishta) và bảo chúng ta phải được tẩy sạch nó để thể nghiệm một sự đột biến mà đạt tới thực tính tối hậu.

Do đó, Paràvritti, theo một nghĩa khác, là sự thanh tịnh hóa (Visuddhi). Trong Phật giáo, các thuật ngữ tô màu được dùng nhiều và trở nên thanh tịnh, thoát khỏi mọi cấu nhiễm, có nghĩa là A-lại-da hoàn toàn được tẩy sạch hết cái phát triển nhị biên hay lậu (Àsrava) của nó, tức là Đức Như Lai đã thực hiện việc thanh tịnh hóa trong tâm một chúng sinh hữu tình mà trước kia đã không nhận ra được cái một và cái tất cả của nó. Thanh tịnh là vẫn ở trong tự thể và tự tính (Svabhàva) riêng của nó. Trong khi Paràvritti thuộc tính cách tâm lý học, nó vẫn giữ cái khí vị tri thức của nó như phần lớn các thuật ngữ Phật giáo.

SỰ TỰ TU VÀ NĂNG LỰC CỦA ĐỨC PHẬT

Chừng nào sự đột biến (Paràvritti) vẫn là một kinh nghiệm chứ không phải là sự hiểu biết suông

thuvienhuequang.vn

thì rõ ràng sự tự tu đóng một vai trò quan trọng trong đời sống Phật giáo. Điều này được nhấn mạnh trong Lăng Già khi được làm sáng tỏ bằng cách dùng những câu như "Đừng tin cậy vào những kẻ khác" (Apparapraneya); "Hãy tự nỗ lực" ('Sikshitayam), v.v... Nhưng đồng thời chúng ta không được quên rằng Lăng Già cũng nhấn mạnh sự cần thiết của năng lực của Đức Phật gia phụ vào chư Bồ-tát trong quá trình phát triển tâm linh và trong sự thành tựu công việc cứu đời lớn lao của chư vị. Nếu chư vị không luôn luôn được gia lực bởi thần lực của Đức Phật thì chư vị sẽ nhanh chóng bị rơi vào hàng Triết gia và Thanh văn, và chư vị sẽ không bao giờ có thể đạt chứng ngộ tối thượng và thuyết giảng cái học thuyết giảng thoát cùng khắp. Thật vậy, khi Đức Phật mong muốn như thế thì ngay cả những vật vô tri giác như núi, rừng, lâu đài v.v... cũng sẽ vang dội tiếng nói của Đức Phật; huống chi chư Bồ-tát là những người thừa kế tinh linh của Ngài !

Học thuyết về Gia trì lực lại càng có ý nghĩa hơn khi chúng ta xét sự phát triển của Phật giáo Đại thừa vào trong học thuyết về sự cứu độ bằng chỉ riêng lòng tin mà thôi. Năng lực của các bổn nguyện của chư Bồ-tát có thể được xác định là phát xuất từ Đức Phật. Nếu khả năng chứng ngộ là do bởi gia trì lực (Adhishthàva) hay uy thần lực

thuvienhuequang.vn

(Prabhava) của Đức Phật, thì tất cả những sự kỳ diệu xảy ra do sức mạnh của chứng ngộ tối hậu sẽ được suy ra là phát sinh từ nguồn gốc là chính Phật tính.

Dù sao đi nữa, ý tưởng Đại thừa cho rằng Đức Phật có thể truyền năng lực của Ngài vào những người khác đánh dấu một trong những chuyển hướng mở đầu một thời kỳ mới, tách Đại thừa ra khỏi cái gọi là Phật giáo nguyên thủy hay nguyên gốc. Khi Đức Phật được xem là có thể ban bố gia trì lực, thì đương nhiên các tín đồ của Ngài được dẫn đến bước tiếp theo là cái ý tưởng về sự chịu khổ thay hay sự chuộc lỗi cho người khác. Năng lực là một ý tưởng tích cực trong khi chịu khổ thay cho người khác là một ý tưởng tiêu cực. Dù rằng cũng lạ là trong Lăng Già lại không nói đến sự chịu khổ thay, kinh Gandavyūha (Nhập Pháp Giới Phẩm) cũng như kinh Prajnàpàramità (Bát-nhã Ba-la-mật-đa) chứng tỏ hết sức hùng hồn học thuyết về sự chịu khổ thay ấy. Theo học thuyết này, bất cứ những cái khổ nào mà một người đang chịu đựng đều có thể được chuyển sang cho người khác nếu như người khác này do bởi lòng vị tha và tình thương bao trùm đối với các tha nhân mà muốn tự mình mang lấy những cái khổ để cho những kẻ khổ đau thực sự có thể không những được hết khổ mà còn thoát khỏi những hậu quả

thuvienhuequang.vn

xấu của khổ, do đó khiến cho người ấy tiến đến sự đạt một cuộc đời hạnh phúc một cách dễ dàng hơn và hiệu quả hơn. Điều này hoàn toàn trái với ý tưởng về sự trách nhiệm cá nhân. Nhưng những người thực sự có cái tâm tôn giáo đòi hỏi sự chịu khổ thay này cho đời sống tinh thần của họ.

Chịu khổ hay chuộc tội thay cho người khác vẫn thường tiêu cực và không thể làm thỏa mãn hoàn toàn các nhu cầu tâm linh của chúng ta. Các nhu cầu này đòi hỏi phải có cái thiện nhiều hơn để trấn áp những cái xấu đang muốn dành cuộc đời này cho riêng chúng được hưng thịnh. Cho nên những người theo Đại thừa tích tập thiện hạnh không chỉ nhằm đạt ngộ cho riêng mình mà còn nhằm vun trồng thiện hạnh chung các đồng chúng sinh của họ, hữu tri hay vô tri, đều có thể chia sẻ như nhau. Đây là ý nghĩa đích thực của Hồi hướng (Parinàmana), tức là chuyển thiện hạnh của mình cho những kẻ khác vì lợi lạc tâm linh của họ.

Như tôi đã nói, cái ý niệm về Hồi hướng này không hề được phác họa trong Lăng Già, điều ấy cũng lạ. Ta không thể nghĩ được rằng Lăng Già đã được biên soạn trước Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajnàpàramita) hay Nhập Pháp Giới Phẩm (Gandavyùha) hay Hoa nghiêm; vì nếu nó được soạn trước thì tại sao nó không nói đến ý niệm ấy ? Làm sao có thể giải thích được điều này ?

thuvienhuequang.vn

ĐỨC PHẬT BẬC CHỨNG NGỘ VÀ CÁC CHÚNG SINH, NHỮNG KẺ NGU

Để kết luận phần này, ta bảo Phật giáo là câu chuyện về mối tương quan giữa hai nhóm chúng sinh: một nhóm gọi là Phật là vị giác ngộ, Như Lai, A-la-hán và nhóm kia thường được định nghĩa là Sarvasattva (nhất thiết chúng sinh) nguyên nghĩa là "Tất cả các chúng sinh" là những kẻ ngu, tham muốn các thứ trên đời, và do đó cứ mãi ở trong khổ đau. Do vì họ ham thích các thú vui trần tục, nên họ ý thức về hoàn cảnh của họ, và chẳng thỏa mãn chút nào về hoàn cảnh ấy, khi suy nghĩ lại mà thấy tự nội mình hoàn toàn hiu hắt, họ mong cầu hạnh phúc chân thực, thực tính tối hậu, và chứng ngộ an lạc. Họ nhìn thẳng lên chỗ Đức Phật trang nghiêm ngồi Thiền định một cách thanh thoát mà nhìn họ bằng trí tuệ siêu việt của Ngài. Khi Ngài nhìn xuống các chúng sinh đang quằn quại quá mức vì tham lam, si muội và ích kỷ, Ngài bị ray rứt vì Ngài không ngăn được một cảm thọ yêu thương quấy động trong Ngài. Cái cảm giác vốn đã hoàn toàn được tẩy sạch mọi lậu hoặc của ích kỷ, bao trùm toàn thể thế giới trong thương xót dù không bị ràng buộc vào nó. Đức Phật rời trú xứ cao siêu của Ngài. Ngài được nhìn thấy trong đám chúng

thuvienhuequang.vn

sinh hữu tình, mỗi chúng sinh nhận biết Ngài theo cái ánh sáng riêng của mình.

Trí tuệ siêu việt (Bát nhã - Prajnà) và một trái tim thương yêu bao trùm (Đại từ bi - Mahàkarunà) gồm thành chính cái lý tính của Phật tính, trong khi tham dục hay khát ái cuộc đời (ái trishna), sự không biết về ý nghĩa của đời sống (vô minh - avidya); và các hành động (nghiệp - karma) nối theo từ sự khẳng định mù quáng về sự thúc đẩy của sự sống, đây là những yếu tố nhập vào bản chất của chúng sinh, những kẻ ngu si và cuồng dại. Một người ở trên nhìn xuống dưới mà dang đôi cánh tay để cứu giúp; người kia thì không thể thoát khỏi những rối rắm, nhìn lên trong tuyệt vọng, và khi thấy được những cánh tay cứu độ thì duỗi tay mình ra mà nắm lấy chúng. Và từ hình ảnh này, những chuyện thuộc tâm lý học, luận lý học, hữu thể học để thể hiện trong linh hồn Phật giáo được kể ra.

II
TÂM LÝ HỌC

Điều có thể được gọi là tâm lý học Phật giáo trong Lăng Già chính là sự phân tích cái tâm, tức là, sự xếp loại các thức. Để hiểu đúng đắn tâm lý học

thuvienhuequang.vn

Phật giáo thì cần phải hiểu các từ sau đây: Citta, Manas, Vijnàna, Manovijnàna và Àlayavijnàna.

Ta bắt đầu với từ Vijnàna (Thức). Vijnàna được gồm bởi tiếp đầu ngữ *vi*, nghĩa là "phân chia" và căn ngữ *jna* nghĩa là "nhận thức", "biết". Như thế, Vijnàna là khả năng phân biệt hay phân định hay phán quyết. Khi một đối tượng được bày ra trước mắt nó được nhận thức và được phán quyết là một trái táo đỏ hay một miếng vải trắng; cái khả năng làm như thế được gọi là nhãn thức. Cũng thế, nhĩ thức nhằm cho âm thanh, tỷ thức cho mùi hương, thiệt thức cho vị nếm, thân thức cho sự xúc chạm và ý thức (Manovijnàna) cho các ý tưởng tổng hợp sáu hình thức của Thức nhằm phân biệt những khía cạnh khác nhau của thế giới bên ngoài và bên trong.

Trong sáu Thức (Vjinànas) này, Mạt-na thức hay Ý thức (Manovijnàna) là quan trọng nhất vì nó liên hệ trực tiếp với một khả năng gọi là Mạt-na (Manas) một cách thô sơ, Mạt-na liên hệ với Tâm như một cơ quan của suy nghĩ, nhưng thực ra, nó còn hơn thế nữa, vì nó cũng là một năng lực mạnh mẽ ràng buộc chính nó với kết quả của suy nghĩ. Cái cơ quan suy nghĩ kia có thể chỉ được xem là phụ thuộc đối với cái năng lực thủ chấp (ràng buộc) này. Trước hết Mạt-na muốn, sau đó nó phân

thuvienhuequang.vn

biệt để phán quyết; phán quyết là phân chia, và sự phân chia này chấm dứt khi nhìn thấy hiện hữu một cách nhị biên. Từ đó mà có sự chấp chặt của Mạt-na vào những diễn dịch về hiện hữu một cách nhị biên. Muốn và suy nghĩ được dệt chặt thành tấm vải Mạt-na.

Citta (tâm) là do từ ngữ căn *cit* "suy nghĩ", nhưng trong Lăng Già, biến nghĩa được tạo thành từ chữ căn ci "chồng chất lên", "sắp đặt theo thứ tự". Tâm (citta) do đó là một kho chứa trong đó các hạt giống của mọi tư tưởng và hành động được tích tập và chất chứa. Tuy vậy, tâm có hai nghĩa, nghĩa chung và nghĩa riêng. Khi được dùng theo nghĩa chung thì nó có nghĩa là "tâm", "tâm thức", "các ý niệm" gồm cả những hoạt động của Mạt-na (Manas) và Mạt-na thức (Manavijnàna) và của cả các thức (Vijnànas), trong khi đó thì theo nghĩa riêng nó là một từ đồng nghĩa của A-lại-da-thức (Àlayavijnàna) trong các khía cạnh tương đối của nó, và khác biệt với tất cả các khả năng tâm thức còn lại. Tuy nhiên, khi được dùng trong hình thức citta mà tra Duy tâm, thì nó còn có một nghĩa rộng khác nữa. Chúng ta có thể bảo rằng Tâm xuất hiện ở đây trong ý nghĩa khả hữu cao nhất của nó, vì bấy giờ nó không đơn thuần là Tâm thức hay trí thức, hay nhận thức như là một chức năng của ý

thuvienhuequang.vn

thức. Nó có nghĩa đồng nhất với A-lại-da trong khía cạnh tuyệt đối của A-lại-da. Sau này, điều này sẽ được bàn rõ hơn.

Àlayavijnàna (A-lại-da thức) là Alaya (A-lại-da) + Vijnàna (Thức), và A-lại-da là cái kho chứa trong đó các thứ được tích trữ để dùng về sau. Tâm, (citta) như là một khả năng chất chứa do đó đồng nhất với A-lại-da thức. Nói một cách xác đáng, A-lại-da không phải là một cái Thức, không có năng lực nhận thức nào trong nó, nó chứa chấp tất cả những gì được rót vào nó qua ngõ các Thức. A-lại-da thì hoàn toàn trung tính (vô ký), dửng dưng và không chịu cung cấp các phán đoán.

SỰ LIÊN HỆ GIỮA CÁC CHỨC NĂNG KHÁC NHAU

Sau khi đã giải thích ý nghĩa của các từ quan trọng và các chức năng mà các từ này trỏ đến, chúng ta hãy tiếp tục tìm hiểu chúng liên quan với nhau như thế nào.

Trong Lăng Già, toàn bộ hệ thống các chức năng thuộc về tâm được gọi là Tâm tụ (cittakalàpa) hay Thức thân (Vijnànakàya); Tâm và Thức ở đây được dùng đồng nghĩa với nhau. Trong hệ thống tâm thức này, người ta phân biệt tám thể cách hoạt động: A-lại-da thức, Mạt-na, Mạt-na thức và

thuvienhuequang.vn

Năm Thức giác quan. Khi tám Thức này tập hợp lại với nhau dưới hai đề mục tổng quát thì một nhóm được gọi là Hiện thức (Khyàti vijnàna – cái thức nhận biết). Và nhóm kia được gọi là sự phân biệt thức (Vastuprativikalpa - vijnàna – cái thức phân biệt các đối tượng). Nhưng thực ra các Thức không tách ra làm hai nhóm như thế, vì nhận thức là phân biệt. Khi một đối tượng đặc thù được nhận thức là như thế, tức là, là rắn (cứng), hay là có màu sắc v.v... thì sự phân biệt vốn đã xảy ra rồi; Thực thế, không có sự phân biệt thì sự nhận thức không thể có được, và ngược lại. Mỗi thức đảm nhiệm hai chức năng này, đồng thời với nhau, tức là một sự vận hành có thể được phân tích thành hai ý niệm, nhận thức và phân biệt. Nhưng cần phải nhận định rằng hai hoạt động này không thuộc A-lại-da thức.

Còn một cách xếp loại khác về các thức là tùy theo tướng trạng (Lakshana) hay thể cách hiện hữu của chúng, theo đó ta phân biệt chúng có ba tướng trạng là sinh khởi (pravritti), tạo nghiệp (karama) mà duy trì bản chất (jàti) của chúng. Từ quan điểm này, tất cả các thức đều là những thức sinh khởi và tạo nghiệp, ngoại trừ A-lại-da luôn luôn ở trong tự tính của nó. Sở dĩ như thế là vì các Thức có thể ngưng sinh khởi và tạo nghiệp vì một lý do nào đó, còn A-lại-da thì bao giờ cũng vẫn là nó.

thuvienhuequang.vn

Theo Lãng Già thì A-lại-da có hai khía cạnh: A-lại-da đúng như nó trong chính nó, mà trong phần Tông kệ (Sagàthakam) gọi là A-lại-da Bổn thức (Pàramàlaya - vijnàna) và A-lại-da là sự biểu thị tâm thức gọi là Ý cập ư ý tàng (Vijnaptir Àlaya). Cả hai khía cạnh này cũng được gọi lần lượt là *Tương tục* (Prabandha - không ngưng nghỉ) và *Tướng* (Lakshana - Được biểu hiện ra). A-lại-da là tương tục do bởi sự hiện hữu không gián đoạn của nó; nó là được biểu hiện do bởi hoạt động của nó được tâm nhận biết.

Từ đó, ta có thể thấy rằng trong Lăng Già A-lại-da được quan niệm một mặt là tuyệt đối và mặt khác là phải chịu sự sinh khởi (Pravritti). Chính cái khía cạnh sinh khởi này của A-lại-da phù hợp với sự diễn dịch bất chính của Mạt-na. Chừng nào A-lại-da còn vẫn là nó và bởi chính nó thì nó vẫn còn ở bên ngoài sự nhiếp thủ của một ý thức cá nhân và thực nhiệm, hầu như nó giống như chính Hư vô, dù rằng nó bao giờ cũng nằm đằng sau tất cả các hoạt động của Thức, vì các hoạt động này sẽ ngưng vận hành ngay khi A-lại-da không còn có mặt.

Mạt-na là ý thức về sự hiện hữu của một A-lại-da đằng sau nó và ý thức về sự vận hành liên tục của A-lại-da trên toàn bộ hệ thống các Thức. Suy

thuvienhuequang.vn

nghĩ về A-lại-da và tưởng ra rằng nó là một cái Ngã, Mạt-na chấp vào nó như nó là thực rồi xử lý các báo cáo của các Thức một cách thích nghi. Nói một cách khác, Mạt-na là cái ý muốn sống của cá nhân và là cái nguyên lý của phân biệt. Cái ý niệm về một ngã thể từ đó mà được thành lập và cũng từ đó mà có sự nhận một thế giới bên ngoài nó và khác với nó.

Có thể nói rằng sáu Thức vận hành một cách máy móc khi các điều kiện được thỏa mãn và không ý thức về các hành động của riêng chúng. Chúng không hiểu gì ngoài các môi trường hoạt động tương ứng của chúng. Chúng không được tổ chức tự bên trong chúng và chúng không có lý thuyết nào cho sự hiện hữu và các hành động của chúng. Những gì mà nó kinh nghiệm được thông báo cho các khu điều khiển mà không bình luận hay giải thích gì cả. Mạt-na gồm ở khu điều khiển (hành dinh) và giống như một vị tướng thâu góp tất cả các tin tức từ sáu thức lại, vì chính nó là kẻ điều động và sắp xếp các báo cáo và ra lệnh trở lại cho người báo cáo theo ý muốn và sự hiểu biết của chính nó. Bấy giờ các mệnh lệnh được thi hành một cách trung thành.

Mạt-na là một quái vật hai đầu, một cái mặt nhìn về A-lại-da và cái mặt kia nhìn về các Thức.

thuvienhuequang.vn

Nó không hiểu A-lại-da thực sự là gì. Vì sự phân biệt là một trong những chức năng cơ bản của nó, nó nhìn thấy ở đấy cái đa phức và chấp vào A-lại-da làm tối hậu. Bây giờ sự chấp ràng buộc nó vào một thế giới của các đặc thù. Do đó, khát ái là mẹ, vô minh là cha và cuộc đời này sinh khởi. Nhưng Mạt-na cũng là một cây kiếm có hai bề lưỡi. Khi có một sự "đột biến" (paràvritti) xảy ra trong nó thì toàn bộ sự sắp xếp của các sự vật ở trong thức thân (vijnànakàya) hay Tâm tụ (cittakalàpa) thay đổi. Bằng một cú vung kiếm, các đa tính bị cắt rời ra và A-lại-da được nhìn thấy bằng tự tướng (svalakshana), tức là đúng các tịch tịnh pháp (viviktadharma - cái thực tính đơn độc) của nó, vốn từ đầu vượt ra ngoài sự phân biệt. Mạt-na dĩ nhiên không phải là một tác nhân độc lập, nó luôn luôn tùy thuộc vào A-lại-da, mà không có A-lại-da thì nó không có lý do gì để là chính nó cả, nhưng đồng thời A-lại-da cũng tùy thuộc vào Mạt-na. A-lại-da tuyệt đối là một, nhưng cái một này chỉ có ý nghĩa khi nó được Mạt-na hiểu và nhận ra là kẻ cho nó nương tựa (sở duyên hay phan duyên - àlamba). Mối liên hệ này ở cả hai phía đều quá tinh tế đối với sự nhận thức của những cái tâm tầm thường vốn đã bị bít nghẽn vì các lậu hoặc và các vọng niệm từ thời vô thỉ.

thuvienhuequang.vn

Mạt-na được sự ủng hộ của A-lại-da, đã là chỗ thâm sâu của tham dục hay khát ái (trishnà), nghiệp và vô sinh. Các chủng tử do những thứ này mà sinh khởi và được gởi trong A-lại-da. Khi những làn sóng bị cơn gió đối tượng tính quấy động lên trong biển A-lại-da, được Mạt-na hiểu như thế, thì các chủng tử này luôn luôn cấp dưỡng cho cái dòng nước Thức không bị gián đoạn. Trong sự rối loạn chung này mà tất cả các chúng sinh hữu tình là chúng ta đều đang sống, A-lại-da cũng có trách nhiệm như Mạt-na; vì nếu A-lại-da từ chối mà không nhận các chủng tử được gởi đến từ vùng của Thức thì Mạt-na không thể có cơ hội để thực hiện hai chức năng cơ bản của nó, muốn và phân biệt. Nhưng đồng thời do bởi bản tính tự thanh tịnh của A-lại-da mà trong đó xảy ra một biến cố lớn gọi là "đột biến". Với sự "đột biến" này ở trong A-lại-da. Mạt-na trong mối liên hệ rất thâm sâu với A-lại-da cũng kinh nghiệm một sự biến hóa trong thái độ cơ bản của nó đối với các Thức. Các Thức này không còn được xem là những thông tín viên của một thế giới bên ngoài được định tính là sự đặc thù và sự đa dạng. Bây giờ vị trí này bị loại bỏ, thế giới bên ngoài không còn bị chấp như thế nữa, tức là, như là thực tính; vì nó chỉ là một phản ảnh suông của A-lại-da. A-lại-da đã tự nhìn vào nó

thuvienhuequang.vn

trong tấm kính Mạt-na. Ngay từ đầu tiên, vốn đã không có gì khác hơn là nó. Đấy là học thuyết Duy tâm (Cittamàtra), hay Duy A-lại-da.

Ý NGHĨA TÔN GIÁO

Quan niệm A-lại-da theo hai khía cạnh của nó, 1. là một thể tính tuyệt đối (tịch tịnh pháp - Vivik-tadharma) và 2. là thứ phải chịu tác động do nhân duyên (lutuka), là một sự cần thiết phát xuất từ cái ý niệm và Phật tính (Buddhatà) của Đại thừa. Nếu Phật tính là một cái gì cô tịch tuyệt đối thì mọi nỗ lực tinh tấn của các chúng sinh hữu tình nhằm thực hiện sự chứng ngộ sẽ không có một giá trị nào cả. Nói một cách khác, tất cả những gì đức Như Lai muốn làm cho các chúng sinh hữu tình sẽ không bao giờ có cơ hội đến với các chúng sinh. Phải có cái gì đó được mỗi chúng sinh chia xẻ chung để khi một dấu hiệu được gõ ở đầu này thì một dấu hiệu tương ứng sẽ trả lời ở đầu kia. Một mặt A-lại-da được hiểu là Như Lai tạng (Tathàgata - garbha), cái thai chứa Như Lai tính, và mặt khác bị người ngu tưởng là một ngã - linh hồn (Pudgala hay Atman)

Do đó, Như Lai tạng mà cái tên tâm lý học là A-lại-da thức, là một kho chứa các thứ tốt và xấu, sạch và dơ. Nói một cách khác, Như Lai tạng,

thuvienhuequang.vn

trong tự tính của nó, nguyên vốn là tinh khiết, nhưng do bởi bụi bặm bên ngoài (khách trần - àgantuklésa) mà nó bị ô nhiễm, và một khi đã bị ô nhiễm, đấy là trạng thái thường thấy trong tất ca các chúng sinh, thì không thể có một sự thâm nhập trực tiếp ngay liền được (hiện lượng - pratyaksha). Khi không thể có được sự thâm nhập trực tiếp ngay liền ấy, như trong trường hợp các triết gia (ngoại đạo) và đám quần chúng si muội, đôi khi người ta tin rằng Thai tạng là một vị sáng tạo (karana), và đôi khi tin là một ngã thể (àtman). Vì bị tin như thế nên thai tạng luân hồi qua sáu đường hiện hữu (lục thú). Tuy vậy hãy có cho được một sự thấu nhập trực tiếp và sự thanh tịnh bổn nguyên (tự tính thanh tịnh - prakritipari'suddhi) của Như Lai tạng thì bấy giờ toàn bộ hệ thống thức sẽ trai qua một sự biến chuyển. Nếu Như Lai tạng hay A-lại-da thức không phải là một sự trộn lẫn kỳ diệu của thanh tịnh và cấu uế, thiện và ác, thì sự đột biến (paràvritti) này của toàn bộ nhân cách tính không thể có được. Tức là, nếu Thai tạng hay A-lại-da trong khi đang tuyệt đối trung tính và vô màu sắc trong chính nó, chưa hàm chứa một phi lý tính nào trong nó, thì không có chúng sinh hữu tình nào là Phật, không có chúng sinh nào thể nghiệm chứng ngộ. Sự luận lý phải được vượt qua

thuvienhuequang.vn

ở đâu đó và như thế nào đó. Và vì sự phi luận lý này có thể có trên thực thế, nên Đại thừa thiết lập lý thuyết về Duy tâm (Cittamàtra).

HỮU THỂ HỌC VÀ HAI THỨ VÔ NGÃ

Xét về lý thuyết Duy tâm, chúng ta phải cẩn thận, chớ hiểu điều này theo tâm lý học, Tâm (citta). Ở đây không có nghĩa là cái tâm cá nhân của chúng ta vốn phải chịu quy luật nhân duyên (hetupratyaya). Cái Tâm tuyệt đối thì vượt khỏi cái khái niệm nhị biên về hiện hữu, nó không thuộc hệ thống các Thức, cũng không thuộc thế giới đối tượng (cảnh giới - Vishaya) của chúng ta. Do đó, trong Lăng Già, Tâm này thường được miêu tả trong các từ nghĩa thuộc hữu thể học.

Từ quan trọng nhất là Vastu (bổn hữu, diệu vật, sự, sự vật) được thấy đi kèm với Tathatà (như như, chân như) ở một chỗ (trang 147 dòng 6) (*), và ở một chỗ khác (trang 164 dòng 9 và dòng 10) thì đi kèm với Àryan (Thánh nhân). Trong trường hợp thứ nhất, Vastu và Tathàta được dùng đồng nghĩa với nhau, cái gì là Tathàta thì đấy là Vastu. Tathàta được hiểu hoặc là "Như như", hoặc là

(*) Số trang ở đây là theo ban Sanskrit cua Nanjo - Suzuki ghi số trang này trong các ngoặc đơn rai rác trong ban dịch này (Ng.d.2a Việt ngữ).

thuvienhuequang.vn

"Như thị" là một từ thường được dùng nhiều nhất trong các kinh Đại thừa để chỉ cái thực tính tối thượng có thể đạt tới bằng bát-nhã, cái trí tuệ siêu việc; Vastu trong Phật giáo thường là một đối tượng đặc thù được xem là hiện hữu bên ngoài các Thức và trong Lăng Già, phần lớn các trường hợp dùng cũng như thế. Nhưng rõ ràng trong văn mạch này, khi Vastu là Tathàta thì nó phải có nghĩa là thực tính tối thượng.

Trong trường hợp thứ hai, tức trường hợp Àrya gắn liền với Vastu, Àrya phải là một từ bổ nghĩa, tức là, thực tính này là một cái gì được miêu tả là Àrya, "cao thượng", "thánh linh", hay "xứng đáng".

Thực tính tối thượng cũng được gọi là "cái vốn đã hiện hữu ngay từ đầu" (pùrvadharmasthitità, tr. 241, dòng 14) hay (paurànasthitidharmatà, tr. 143, các dòng 5 và 9), vì nó là cái thực tính xưa cổ nhất, thể chứng nó nghĩa là quay về cái trú xứ bổn nguyên của riêng mình trong đó mọi thứ mà người ta nhìn thấy chung quanh chỉ là một đối tượng quen thuộc xưa cũ. Do đó, trong Phật giáo Thiền, kinh nghiệm được so sánh với sự thăm ngôi nhà mà mình sinh ra và ngồi tĩnh lặng (quy gia ẩn tọa, 歸家隱坐). Chư Phật, các bậc giác ngộ đều an trụ ở đây như vàng nằm trong mỏ. Cái chân tính trường cửu (thường trụ pháp tính - Sthititàdharmatà) thì ở lên trên những sự biến đổi.

thuvienhuequang.vn

Ở bên trên những sự biến đổi nghĩa là vẫn giữ trú xứ của riêng mình, không di chuyển ra khỏi nó, và vì lý do này nên thực tính được gọi là sự tự trú (Svastha, tr. 199 dòng 4), hay vẫn ở trong trú xứ riêng của nó (Svasthàne, Vatishthate, tr. 124, dòng 1). Trú xứ riêng của mình là đơn lẻ, cô độc, tuyệt đối. Từ đó có thực tính là tịch diệt pháp tính (Viviktadharma), là một thứ độc cư; có thực tế (Bhùtakoti), giới hạn của thực tính, trỏ đến một cách suy nghĩ tương tự. Nó lại là cái nhất duyên (Ekàgra), tột đỉnh của cái một, và cái tột đỉnh hay giới hạn (koti) này thì đồng thời là không tuyệt đỉnh, không giới hạn, vì điều này chỉ đạt được khi người ta thực hiện một bước nhảy tối hậu vượt qua sự đa phức của các sự vật.

Những biểu từ thông thường nhất trỏ cái thực tính tối thượng gọi là Tâm là Tathata, "Như như" hay "Như thị", Satyatà (Đế tính), "Trạng thái đương chân", Bhùtatà (Pháp tính), "Trạng thái đương thực", Dharmadhàtu (Pháp giới) "Cảnh giới của chân lý", Nirvàna (Niết-bàn), Thường (Nitya), Bình đẳng (Samatà), Bất nhị (Advaiya), Diệt (Nirodha), Vô tướng (Animitta), Hư vô (Sùnyatà) v.v...

Từ các miêu tả trên, thực là tự nhiên đối với một người theo Đại thừa khi về mặt tâm lý học người ấy không chấp nhận sự hiện hữu của một

thuvienhuequang.vn

ngã - linh hồn hay một ngã thể trong A-lại-da, và về mặt hữu thể học, xác định rằng thảm kịch của đời sống xuất hiện từ sự tin vào cái bản thể hay cứu cánh của một đối tượng đặc thù. Cái trước được gọi theo thuật ngữ là học thuyết Pudgalanairàtmya (nhân vô ngã), sự vô ngã của người[1], và cái sau là học thuyết Dharmanairàtmya (Pháp vô ngã) sự vô ngã của các sự vật; một học thuyết thì không chấp nhận cái thực tính của một ngã-linh hồn và học thuyết kia thì không chấp nhận cứu cánh của một đối tượng đặc thù.

Mới nhìn qua, sự từ chối một ngã (Àtman) trong con người và trong các đối tượng đặc thù âm vang một sự phủ định và không tạo ý nghĩa đạo đức, nhưng khi ta hiểu Duy tâm (Citta màtra) hay Tịch tịnh pháp Viviktadharma) rốt ráo nghĩa là gì, thì những phủ định chỉ ở trên bình diện tương đối của tri thức.

Thuật ngữ "Trung" (Madhyama), nghĩa là "Trung đạo" (con đường giữa) không thấy có trong Lăng Già ngoại trừ trong phần Tổng kệ

---

(1) Không nên lẫn lộn quan niệm về Như Lai tạng (Tathàgata - garbha) với quan niệm về Nhân (Pudgala) hay Ngã (Àtman) - Xem XXVIII. Về sự phi hiện hữu của một ngã - linh hồn cá nhân và sự phi thực tính của một đối tượng đặc thù; đặc biệt, xem các trang 61, 62 của bản dịch này (Anh ngữ).

thuvienhuequang.vn

(Sagàthakam). Nhưng cái ý niệm rằng chân lý không được tìm thấy trong cách diễn dịch sự hiện hữu một cách nhị biên, rằng chân lý vượt ra ngoài phạm trù về hữu và phi hữu, được nhấn mạnh khắp nơi trong Lăng Già. Thực thế, chúng ta có thể bảo rằng một trong những chủ đề chính của Lăng Già là thiết lập cái Tuyệt đối khiến cho một thế giới của các đặc thù có thể có nhưng không nên nắm cái tuyệt đối này bằng hữu hay phi hữu (Astinàstitva). Cái tuyệt đối này là con đường giữa của trường phái Trung đạo (Maddyamaka).

SỰ BẤT KHẢ ĐẮC

Điều này vượt khỏi mọi hình thức của nhị biên luận, tuy vậy, nó có thể được diễn tả bằng nhiều cách khác nhau, hoặc là hữu và phi hữu, hoặc là một và nhiều, cái này và cái kia, nhân duyên và phi nhân duyên, sắc và vô sắc, xác định và phủ định, luân hồi và Niết-bàn, vô minh và trí tuệ, tác và vô tác, thiện và ác, thanh tịnh và lậu hoặc, ngã và vô ngã, trần tục và siêu tục, v.v... Điều này vượt ra khỏi một thế giới của đối nghịch và mâu thuẫn, tạo thành một trong những tư tưởng có ý nghĩa nhất của Đại thừa. Chừng nào chúng ta còn bị vướng mắc trong cái mớ bòng bong của tương đối tính thì không có gì là thực cả, và những khổ đau của

thuvienhuequang.vn

chúng ta sẽ không bao giờ chấm dứt. Do đó chúng ta phải nỗ lực nắm lấy thực tính, nhưng thực tính này không phải là cái gì hoàn toàn cô tịch. Vì trong trường hợp này, không ai trong chúng ta sẽ có thể có được một thoáng ý nào về nó cả, và nếu chúng ta đã có được thì nó cũng sẽ biến thành một cái gì đối mặt với cuộc đời của tương đối này, điều ấy nghĩa là mất đi sự cô tịch, tức là sự cô tịch bây giờ thuộc cái thế giới này.

Như thế, theo triết học Phật giáo, thực tính phải được nắm lấy trong cõi đời này và bởi cõi đời này, vì rằng "vượt ra ngoài nó cũng là ở bên trong", Lăng Già so sánh nó với mặt trăng trong nước hay một cái hoa trong một tấm gương. Nó là bên trong, tuy vậy là bên ngoài, nó ở bên ngoài, tuy vậy là bên trong. Cái khía cạnh này của thực tính được miêu tả là "không thể có được" hay "không thể đạt được" (bất khả đắc - anupalabha). Và chính vì nó là bất khả đắc trong một thế giới của những đặc thù, nên thế giới này, theo quan điểm về thực tính, thì giống như một giấc mộng, như một ảo ảnh v.v... Sự liên hệ tinh tế nhất của thực tính với thế giới này thì vượt khỏi sự miêu tả, nó chỉ nhượng những bí mật của nó cho kẻ nào thực sự thể chứng nó trong chính mình nhờ Thánh trí (Àryinàna hay Prajnà). Sự thể chứng này cũng là

thuvienhuequang.vn

một loại trí dù khác với cái trí thường được gọi bằng cái tên này.

TRI THỨC HỌC

Không có một lý thuyết về tri thức thì do đó triết học Đại thừa trở nên không thể hiểu được. Lăng Già thật là rõ ràng khi cho rằng có hai hình thức hiểu biết: một hình thức để nắm lấy tuyệt đối hay thâm nhập vào cảnh giới của Duy tâm, và một hình thức để hiểu hiện hữu trong khía cạnh nhị biên của nó mà trong đó, lý luận là thù thắng và các thức là hoạt dụng. Trong Lãng Già, hình thức hiểu biết thứ nhất được định nghĩa là sự phân biệt (Vikalpa) và hình thức hiểu biết thứ hai gọi là trí tuệ siêu việt, hay giác trí (Prajnà). Phân biệt hai hình thức hiểu biết này là thiết yếu nhất trong triết học Phật giáo.

Lăng Già quyết định thiên về việc dùng từ Thánh trí (Àrỷajnàna) thay vì dùng từ Bát-nhã (Prajnà) dù rằng từ Bát-nhã vốn đã được dùng từ thời đầu của Phật giáo. Thánh trí, Àryajnàna, thường được kèm với Pratyàtma, tự chứng, mà tro ra rằng cái Trí tuệ Thánh linh, siêu việt này là một chức năng tâm linh vận hành trong các chiều sâu của hiện hữu của chúng ta. Vì nó liên quan với thực tính tối thượng hay chân lý tối hậu của các

thuvienhuequang.vn

sự vật nên nó không phải là cái biết bên ngoài nhằm đối đãi với các đối tượng đặc thù và những liên hệ của chúng. Nó là một sự hiểu biết trực tiếp (trực giác) thâm nhập xuyên qua bề mặt hiện hữu mà nhìn thấy tận cái lý lẽ của mọi sự về mặt luận lý học và hữu thể học.

Lăng Già không bao giờ chịu thôi gây ấn tượng vào người đọc tầm quan trọng của sự hiểu biết này trong việc đạt giải thoát tâm linh; vì sự hiểu biết này là một trực giác cơ bản thâm nhập cái chân lý của Duy tâm và tạo nên sự chứng ngộ Phật giáo mà với sự chứng ngộ này, đời sống của một vị Bồ-tát thực sự khởi đầu.

Cái trí (Jnàna) siêu việt này được định nghĩa bằng nhiều cách khác nhau trong Lăng Già. Đấy là quán sát trí (Pravicayabuddhi), tức là một trí tuệ được gắn vào nền tang tối hậu của hiện hữu. Đấy là Tự trí (Svabuddhi), bẩm sinh, vô ảnh (Niràbhàsa) hay vô tướng (Anàbhàsa), vượt khỏi mọi hình thức rối reng; vô phân biệt (nirvikalpa), vượt khỏi sự phân biệt, nghĩa là cái biết thực nghiệm trực tiếp trước khi sự phân tích khởi sự bằng bất cứ hình thức nào, và do đó nó không hề có thể được diễn tả bằng ngôn từ (vác hay ruta). Sự giác ngộ cái biết tối thượng (A-nậu-đa-la-tam-miệu-tạm-bồ-đề Anuttarasamyasambhodhi) là đề tài của

thuvienhuequang.vn

các kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajnànapàramità - sutra), nhưng trong Lăng Già, trọng lượng của bản kinh đặt vào sự thể chứng bằng Thánh trí về thực tính tối hậu là Duy tâm. Sự nhấn mạnh có tính chất tâm lý này rất rõ ràng trong Lăng Già làm cho kinh chiếm địa vị độc nhất trong văn học Đại thừa.

Cái trí đối nghịch với Bát-nhã hay Thánh trí là phân biệt trí (Vikalpabuddhi) hay nói gọn là Vikalpa mà tôi đã dịch là "sự phân biệt" (discrimination). Nó là cái trí tương đối vận hành trên bình diện nhị biên, nó có thể được gọi là nguyên lý của sự nhị phân nhờ đó phán quyết mới có thể có được. Do bởi chúng ta mà hiện hữu luôn luôn bị phân ra thành những cặp khái niệm, đề và phản đề, tức là hữu và phi hữu, thường và vô thường, Niết-bàn và luân hồi, sinh và tử, sáng tạo và được sáng tạo, cái này và cái kia, tôi và không phải tôi, vân vân và vân vân. Đấy là do bởi sự vận hành của phân biệt (Vikalpa). Tướng (Lakshana) của hiện hữu bày ra trước chúng ta, đấy không phải là bản chất thực sự của nó, nó là cái cấu trúc, tương (giả thiết, Vijnapti) của chúng ta; nhưng Trí (Buddhi) của chúng ta vốn cứ truy tìm các đa phức mà không hiểu sự kiện này và làm cho chúng ta chấp vào những cái giả tạo bên ngoài mà cho đấy là các thực tính. Kết quả là thế giới mà trong đấy chúng

thuvienhuequang.vn

ta thấy chúng ta đang sống đây không còn là nó trong chính nó nữa; vì nó là một thế giới mà chúng ta xây dựng theo sự si muội và phân biệt của chính chúng ta. Thực tính đã thoát khỏi chúng ta, chân lý tuột ra khỏi sự nắm bắt của chúng ta, các vọng kiến chồng chất, các phán đoán lầm lạc tiếp tục gia tăng những phức tính vào những phức tính. Tập khí (Vàsanà) được tạo ra như thế chiếm trọn A-lại-da thức và cái A-lại-da tuyệt đối mãi mãi không thể thoát khỏi những phiền toái ấy. Luân hồi triền miên vô mục đích phải là định mệnh của chúng ta.

HAI CHÂN LÝ (SATYA)

Sự khác biệt giữa chân lý tối thượng (Đệ nhất nghĩa đế - Paramàrthasatya) và chân lý quy ước (Tục đế - Samvriti - satya) không được nêu định rõ ràng trong Lăng Già, nhưng thỉnh thoảng cũng có ám chỉ tới hai chân lý này và bảo rằng sự phân biệt sai lầm là thuộc quy ước (tr. 113 dòng 3). Một từ khác để chỉ sự quy ước là Vyavahàra (Thế tục), kinh nghiệm thông tục, theo đấy chúng ta nói đến các sự vật là được sinh ra, bị đoạn diệt, và cũng nói đến hiện hữu là thế nào, cái gì, ở đâu v.v... Loại hiểu biết này không giúp cho chúng ta có một trí tuệ thâm nhập vào các chiều sâu của hiện hữu.

thuvienhuequang.vn

BA TỰ TÍNH

Một cách xếp loại khác về cái biết được gọi là ba tự tính (Svabhàvas) trong Lăng Già. Đây là sự xếp loại thường thấy trong tất cả các trường phái Đại thừa. Svabhàva nghĩa là "Tự tính" hay "Ngã thực" hay "Tự thể" (Ngã thể), mà sự hiện hữu của nó trong một số hình thức được chấp nhận một cách phổ thông. Hình thức đầu tiên của cái biết mà do đó thực tính của mệnh danh gọi là Parikalpita, "được tưởng tượng", tức là trí tưởng tượng theo nghĩa thông thường. Đây là một ảo tưởng vì các sự vật được tưởng là thực sự hiện hữu ở cái nơi mà thực ra không có chúng. Giống như nhìn thấy một ảo ảnh và nó sẽ tan biến mất khi ta đến gần. Như thế, các đối tượng được tưởng (parikalpita) không có thực tính khách quan.

Hình thức thứ hai của cái biết mà nhờ đó chúng ta quán sát sự hiện hữu là Paratantra (y tha khởi), "tùy thuộc vào cái khác". Đây là một cái biết có tính cách khoa học được đặt căn bản trên sự phân tích. Những người theo Phật giáo dùng cái trí (cái biết) này để bác bỏ cái thể tính của các đối tượng đặc thù, tức là cái Svabhàvatva của các sự vật. Theo họ, không có cái gì tự hiện hữu trong thế giới, mọi sự vật đều tùy thuộc vào sự vật khác để hiện hữu, các sự vật tùy thuộc vào nhau một cách

thuvienhuequang.vn

phổ quát hỗ tương, quan hệ với nhau một cách vô tận. Hãy chia sẻ một đối tượng được xem là hữu cùng, nó sẽ tan biến vào trong cái rỗng không hão huyền. Các nhà khoa học hiện đại tuyên bố rằng sự hiện hữu chẳng khác gì cái công thức toán học. Các nhà Đại thừa hẳn sẽ bảo rằng không có Tự tính trong mọi sự vật mà viện dẫn đến các Thức khi xét từ quan điểm Y tha khởi (Paratantra).

Cái thấy do tưởng tượng (Parikalpita) về thực tính không cho chúng ta một cái biết chân thực về thực tính, và cái thấy bằng tương quan (Y tha khởi - paratantra) biến nó thành rỗng không: nếu thế thì con thuyền của trí tuệ chúng ta bỏ neo ở đâu ? Lăng Già nói cho ta biết rằng có một cách thứ ba để nhìn sự hiện hữu, gọi là Parinishpana (Viên thành), "toàn hảo", cho phép chúng ta trở nên thực sự quen thuộc với cái thực tính đúng theo thực tính. Chính nhờ vào cái biết "toàn hảo" này mà chúng ta có thể thực sự nhìn thấy suốt vào bản chất của hiện hữu, nhận thức đúng đắn Tự tính là gì và tuyên bố rằng không có tự tính như người ngu tưởng và tất cả đều là không ('sùnya).

Viên thành trí hay cái biết "toàn hảo" phát sinh từ Bát-nhã (Prajnà) hay Thánh trí (Àryajnàna) hoặc đôi khi được gọi đơn giản là Trí (Jnàna), nhìn thấy suốt vào cái như như của các sự

thuvienhuequang.vn

vật. Nó nhận thức các sự vật đúng như các sự vật, vì vượt ngoài cảnh giới hữu và phi hữu thuộc phân biệt, tức nguyên lý nhị phân, nó phóng xuống cái vực sâu vô anh tượng (Anàbhàsa). Đấy gọi là sự Tự chứng (Svasiddhi). Cho nên Lăng Già xác nhận rằng, vì người trí nhìn thấy thực tính bằng con mắt Tuệ Bát-nhã nên họ dứt khoát khẳng định được thực tính là gì, tức là thực tính trong tự tính (Bhàvasvabhàva) của thực tính chứ không như người ngu nhìn thấy khi con mắt của người ngu không bao giờ mọc lên khỏi chân trời của tương đối tính.

Đấy cũng được gọi là nhìn thấy tận cái rỗng không (hư vô) của các sự vật. Tuy thế, Không tính ('Sùnyatà) không có nghĩa là "tương đối" như một số học giả nghĩ. Cái hư vô tương đối ở trên một bình diện hiểu biết thấp hơn và làm hiển lộ cái thực kiến về hiện hữu đúng như hiện hữu. Cái hư vô được nói đến trong các kinh Đại thừa đi xa hơn mà vào tận vấn đề. Đấy là đối tượng của cái biết (trí) siêu việt. Hễ chừng nào người ta còn ở trong cái thế giới tương đối mà ở đấy lý luận thù thắng thì người ta không thể có chút ý niệm nào về hư vô thực sự hay về cái mà Bát-nhã Ba-la-mật (Prajnànapàramità) nêu định là Đại không tính (Mahà'sùnyatà). Lăng Già cũng đã ghi nhận loại

thuvienhuequang.vn

Không tính này là một trong bảy không (hư vô). Cái gọi là sự rỗng không tương đối tương ứng với cái không thứ nhất trong bảy không. Trong khi cái không của Đại thừa là Paramàrtha-aryajnàna-Mahà'sùnyatà (Đệ nhất Nghĩa đế Thánh trí Đại không), tức là, sự trống rỗng lớn lao của trí tuệ cao với vốn là thực tính tối thượng.

NĂM PHÁP

Trước khi hết chương này, chúng ta đừng quên hy vọng cái được gọi là Năm pháp trong Lăng Già làm thành một trong những chủ đề chính của các kinh. Năm pháp và ba Tự tính là những cách xếp loại khác nhau về cùng một thể tài. Năm pháp là: Tướng (Nimitta, hình trạng), Danh (Nàma, tên gọi), Phân biệt (Savvikalpa), Chánh trí (Samyaj-nàna) và Như như (Tathàta). Ba pháp đầu tương ứng với hai trong Ba Tự tính, Biến kế sở chấp (Parikalpita) Y tha khởi (Paratantra), trong khi hai pháp còn lại thuộc Viên thành thực (Parinishpanna).

Cái trí tương đối của chúng ta khởi sự bằng các Tướng (về bên ngoài, hình trạng) rồi cho các Tướng ấy bằng những cái Danh (tên gọi). Danh được tướng là thực và Phân biệt được tiếp diễn. Chúng ta có thể bảo rằng phân biệt đã theo cùng

thuvienhuequang.vn

với chúng ta từ lúc đầu ngay cả khi cái gọi là nhận thức chưa xảy ra. Vì không thể gọi tên được nếu không có một hình thức phân biệt nào đó. Thế rồi điều tệ nhất đến với chúng ta là chúng ta bắt đầu tin vào chúng ta và nghĩ rằng nhờ việc gọi tên mà sự hiện hữu được sử dụng một cách thành công và cảm thấy thuận tiện về các vấn đề tôn giáo. Dù không gọi tên thì không thể có cái biết, Chánh trí (Samyajnàna) cũng không được có ở đây. Vì điều này không thể diễn tả được, không thể gọi tên được, nó là cái ý nghĩa không nắm bắt được bằng ngôn từ. Lăng Già không cho phép sự mập mờ, nó mạnh mẽ dứt khoát khuyên chúng ta chớ ràng buộc vào ngôn từ.

Đối tượng của Chánh trí là cái Như như của các sự vật khi các sự vật không bị ảnh hưởng bởi phạm trù hữu và phi hữu. Chính trong ý nghĩa này mà thực tính tối hậu được bảo là giống như trăng trong nước, nó không chìm vào trong nước cũng không ra khỏi nước. Chúng ta không thể bảo rằng mặt trăng là ở trong nước, vì nó chỉ là một phản ảnh dù nó có thể rằng nó thực sự ở trước chúng ta. Đa tính của các đối tượng thì không thực từ quan điểm tương đối cũng như từ quan điểm Như như. Nếu có ai tuyên bố rằng cái thực tính mà Đại thừa

thuvienhuequang.vn

chu trương là quá cao tít tầng mây, quá giống như bóng ma, quá phi thực tế đối với những ước vọng tôn giáo của chúng ta, thì Lăng Già sẽ bỏ lại ngay "Ông còn ở trên bình diện của tương đối tính" khi Thánh trí được chứng ngộ thì Như như tính (Tathatà) là cái thực nhất và là mẫu thức được áp dụng thích hợp nhất đối với năng lực nêu trỏ của chúng ta.

III
THÔNG ĐIỆP CỦA LĂNG GIÀ

Có nhiều tư tưởng khác đáng chú ý trong Lăng Già có thể cần được bàn trong phần Dẫn nhập này. Nhưng vì tôi đã bỏ ra nhiều trang trong phần này rồi và vì độc giả nào muốn biết rõ kinh hơn có thể xem cuốn Nghiên Cứu Kinh Lăng Già[1] của tôi, nên tôi chỉ nói một ít lời, về vị trí của kinh này trong các kinh Phật giáo Đại thừa tổng quát.

Trong khi chúng ta còn mù mờ về Phật giáo Đại thừa đã phát triển thế nào ở Ấn Độ, chúng ta biết rằng Phật giáo Đại thừa đã du nhập vào Trung Hoa do các nhà truyền giáo từ Ấn Độ và Trung Á,

---

1) Bản Việt dịch của Tỳ-kheo Thích Chơn Thiện và Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành 1993.

thuvienhuequang.vn

nó đã được xem là chính miệng vàng của đức Phật nói ra, và biết rằng những gì đã phát triển suốt nhiều trăm năm sau khi Ngài nhập diệt đã được ôm đồm cho rằng đấy là một hệ thống đã chín muồi khi Ngài đang tại thế trải qua một thời kỳ khoảng nửa thế kỷ sau khi Ngài chứng ngộ. Khi các kinh được dịch sang tiếng Trung Hoa, bản đầu tiên xuất hiện vào năm 68 sau Tây lịch, các kinh đã khơi động thâm sâu các tâm thức người Trung Hoa rồi người Nhật Bản, thức tỉnh cái ý thức tôn giáo của họ đến tận chính bề sâu thẳm của nó. Sau đây là những bản kinh Đại thừa quan trọng nhất đã làm lay động những cảm thọ tôn giáo của các dân tộc Viễn Đông và còn tiếp tục lay động như thế.

1. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Saddhama - Pundarika - Sutra) một trong những đề tài chủ yếu của bộ kinh thâm thúy này là sự tuyên bố rằng Đức Phật không bao giờ chết, rằng Ngài sống mãi trên núi Linh Thứu và đang thuyết pháp cho một nhóm Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát, rằng chư vị ấy cũng là những chúng sanh như chúng ta đây và rằng đức Phật chỉ có một thừa (Yàna) cho tất cả mọi chúng sinh. Đây hẳn phải là một giáo lý cách mạng vào cái thời mà người ta nghĩ rằng đức Phật chỉ là người khách trọ ngắn ngày, cũng phải chết như chính chúng ta, và vào cái thời mà thứ

thuvienhuequang.vn

độc nhất để lại sau khi Ngài nhập Niết-bàn là Chánh pháp của Ngài và các tín đồ của Ngài được yêu cầu hãy tìm thấy Bậc Đạo sư của mình trong đó.

2. *Quán Thế Âm Thị Hiện Phổ Môn* (Avalokitésvara - Vikurvana - Nirde'sa), ở Nhật Bản, kinh này thường được gọi là Kwannon-gyo và tạo thành phẩm thứ hai mươi bốn trong bản Phạn ngữ Diệu Pháp Liên Hoa, nhưng tốt hơn nên xem kinh này là một tài liệu riêng biệt vì nó có đầy đủ một bức thông điệp và vốn đã được các tín đồ của kinh xem là riêng biệt như thế dù không phải là luôn luôn cố ý. Quán Thế Âm ở đây được giới thiệu là một vị Thiên có lòng đại lượng sẽ cứu giúp bất cứ ai đang bị khó khăn về tinh thần cũng như về vật chất. Theo các ý thức phổ thông thì vị Thiên cũng chẳng phải nam tính nhiều hơn nữ tính gì, nếu cái gì đó có nữ tính nhiều hơn là do bởi lòng đại lượng có thực tính phối hợp với cái nữ tính nhiều hơn. Sự việc ấy mang nhiều hình tượng khác nhau (Vikurvana) để thành tựu các mục đích của mình rất cần đến trí tưởng tượng có tính cách tôn giáo của các dân tộc phương Đông. Và học thuyết về sự biến hóa này là một trong những đặc trưng của Phật giáo Đại thừa.

3. *Kinh Hoa Nghiêm* (Avatamsaka - Sùtra). Đây là một kinh bách khoa trong đó ta thấy có

thuvienhuequang.vn

Nhập Pháp Giới Phẩm (Gandavyùha) và Thập Địa Kinh (De'sabhumika) tạo thành một phần cua bộ kinh. Đây là một bộ kinh Đại thừa khác có ảnh hưởng sâu xa đến ý thức Trung Hoa và Nhật Ban. Cái gọi là sự thâm nhập tạo nên tư tưởng trung tâm của bộ kinh được nghiên cứu một cách tiêu biểu và cụ thể trong các bản dịch Trung Hoa cüa Buddhabhadra (Phật-đà-bạt-đà-la) (60 quyển), 'Sikshànanda (Thực-xoa-nan-đà) (80 quyên) và Prajna (Bát-nhã) (40 quyển). Bộ kinh này mà chúng ta có đây gồm nhiều kinh có thể được xem là độc lập với nhau dù chúng chắc chắn thuộc cùng một loại văn học. Việc đọc kinh có thể gây tẻ nhạt đối với quan điểm mới vì chủ đề chính không được trình bày ngắn gọn và phải cần có một số thời gian trước khi người đọc có thể vào được thế cách của chính bản kinh. Tuy vậy, sau khi thầm lặng và kiên nhẫn theo dõi kinh, người đọc không thể không có ấn tượng sâu xa về cái tinh thần tiềm ẩn trong kinh dù sự lớn lao của quan điểm của kinh hầu như vượt khỏi sự lĩnh hội của con người. Tượng đức Phật Tỳ-lô-giá-na (Vairocana) to lớn bằng đá đẽo ở Long Môn và tượng bằng đồng ở Nara lần lượt là những đáp ứng nghệ thuật Trung Hoa và Nhật Bản cho sự kích thích tinh thần gây nên bởi kinh Hoa Nghiêm hay bởi Nhập Pháp Giới Phẩm cũng cùng một loại.

thuvienhuequang.vn

Một hiệu qua sâu xa do kinh này tạo nên cho ý thức phương Đông là quan điểm về Bồ-tát Phổ Hiền (Samantabhadra) với "mười nguyện vô tận của Ngài". Ngài không nhập Niết-bàn, đối tượng khao khát của mọi Phật tử, vì ngài chưa thấy không còn một linh hồn đơn lẻ nào ở đằng sau ngài chưa được cứu độ. "Linh hồn" ở đây không chỉ có nghĩa là linh hồn mà có nghĩa là linh hồn của hết thảy chúng sinh có tri giác hay không có tri giác. Hạnh nguyện của Phổ Hiền là giải thoát cho loài vật, cây cối và cả những hiện hữu vô tri giác như núi, nước, đất, v.v... khỏi sự trói buộc của vô minh và nghiệp. Hơn nữa, vũ trụ của ngài thì quá rộng rãi và linh diệu hơn cái vũ trụ tầm thường của chúng ta nhiều.

4. Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (Prajnà-pàramità-sùtra): Phần đông các nhà nghiên cứu Đại thừa thường xem đây là một trong những tác phẩm đầu tiên cua văn học Đại thừa tuyên bố chống lại triết học kinh viện chia chẻ sợi tóc của các nhà học vị Phật giáo trước kia mà hiến dâng cho chúng ta học thuyết về Không tính hay sự Trống rỗng ('sùnyatà) theo đó mọi tơ hào nào khả dĩ gây ràng buộc cho chúng ta đều bị bóc gỡ. Bị đặt vào trong cái không một cách trơ trọi, dù ca khi cái không này tan biến mất quanh ta, đấy là phương pháp

thuvienhuequang.vn

giải thoát toàn hảo mà Bát-nhã Ba-la-mật-đa đề nghị. Đây trọn vẹn là một đề nghị trực tiếp thẳng đối với người theo Đại thừa; nó quyết liệt đòi hỏi những tâm thức trí tuệ cũng như tâm thức huyền mật. Trong khi Hoa Nghiêm đổ đầy cái vũ trụ bằng những thứ tưởng tượng tối tân, những phần tử nhỏ nhất của vũ trụ, thì Bát-nhã Ba-la-mật-đa lại quét sạch mọi thứ ra khỏi cái vũ trụ giờ đây thực sự trở thành cái Rỗng không rộng lớn, và trong sáu trăm quyển của bộ kinh, chúng ta được thông báo rằng chớ sợ hãi, chớ hốt hoảng vì cái Không rộng lớn này. Nếu chúng ta bị chệch choạng trong niềm tin về cái Rỗng không tuyệt đối này thì sẽ bị Đức Phật cho biết rằng chúng ta không thể là những người theo Đại thừa chân thực.

5. *Kinh Duy Ma Cật* (Vimalakirti - Sùtra): Đây là một kiệt tác, một kịch bản có giá trị lớn về văn học vì thế nên kinh này được các cư sĩ thường đọc nhiều hơn các kinh điển Phật giáo khác. Ý nghĩa của kinh nằm trong việc gỡ chiếc áo lấm lem chấp trước ra khỏi lưng chúng ta, chiếc áo mà chúng ta vốn đã mặc từ khi chúng ta chú ý đến sự hiện hữu ở bên ngoài. Một đặc trưng quan trọng khác của kinh là hình tượng chủ đạo không phải là Đức Phật mà là một cư sĩ giàu có tên là Vimalakìrti (Duy-ma-cật). Chính vị lão triết gia trưởng giả linh

thuvienhuequang.vn

lợi này đã làm cho chư Thanh văn và Bồ-tát phải ngượng ngùng khi đến bàn cãi với ông về các chân lý sâu xa nhất của Phật giáo, ngoại trừ vị Thủ tòa của chư Bồ-tát là ngài Văn-thù. Ngài đã thể hiện một cuộc tranh luận rất hay trước sự hùng biện của vị môn đồ Cư sĩ của Đức Phật. Điều mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý trong bản kinh Đại thừa này là Phật giáo không đòi hỏi chúng ta phải sống một cuộc đời không nhà như một Tỳ-kheo để đạt chứng ngộ, tức là một đời sống tại gia cũng thiện hảo và thanh tịnh như đời sống của vị Khất sĩ.

6. *Về mặt này, kinh Thắng Man* ('Srimàlà-Sùtra) cũng rất quan trọng, vì hoàng hậu 'Srimàlà (Thắng Man) được Đức Phật truyền trí tuệ và năng lực cho, đã tuyên thuyết một bài giảng lớn về Như Lai tạng. Có thể nói, Đại thừa là cuộc phản kháng của các nam và nữ Cư sĩ chống lại tinh thần khắc khe độc đoán tỏa khắp trong các nhà hùng biện trước kia của Phật giáo.

7. *Kinh Vô Lượng Thọ* (Sukhàvatì - Vyùha - Sùtra): Ảnh hưởng của kinh này đối với quần chúng phương Đông hoàn toàn khác ảnh hưởng của các kinh khác, vì nó đã thức tỉnh cái khía cạnh tín tâm của ý thức tôn giáo được thiết lập trên căn bản chung của triết học Đại thừa. Thoạt nhìn, lòng tin vào A-di-đà rất giống với lòng tin

thuvienhuequang.vn

vào đấng Christ của Thiên chúa giáo, nhưng những tư tưởng tiềm tàng lại không giống chút nào. Trường phái Tịnh độ (Jòdo) không thể phát sinh từ chỗ nào khác ngoài mảnh đất Phật giáo Đại thừa. Ở Nhật Bản, trường phái này đã thành tựu một sự phát triển độc nhất khi tạo thành một kỷ nguyên tâm linh trong lịch sử tín ngưỡng tôn giáo ở phương Đông.

8. *Kinh Bát Niết-bàn* (Parinizvàna - Sutra): Kinh này đã một lần hình thành cái nền tảng của trường phái Niết-bàn trong lịch sử trước kia của Phật giáo Trung Hoa. Kinh chủ trương rằng Phật tính hiện hữu trong mọi người chúng ta. Trước khi kinh du nhập vào Trung Hoa, người ta thường tin rằng có một hạng người gọi là Nhất-xiển-đề (Ic-chanti) không có Phật tính và do đó họ bị ngăn chận vĩnh viễn và không đạt được chứng ngộ. Tuy nhiên, sự tin tưởng này bị loại bỏ hoàn toàn khi kinh này khẳng định rằng: "Trong tất cả mọi chúng sinh đều có một cái gì đó là chân, là thực, vĩnh cửu, tự điều hành và không bao giờ thay đổi, cái ấy gọi là Tự ngã, dù hoàn toàn khác với cái tự ngã mà các triết gia thường gọi. Tự ngã này là Như Lai tạng, là Phật tính hiện hữu trong mỗi người chúng ta và được định bằng những đức tính như thường hằng, an lạc, giải thoát và thanh tịnh.

thuvienhuequang.vn

9. Tất cả các kinh trên và các kinh khác của Phật giáo Đại thừa hình như nghiên cứu mọi khía cạnh đa diện của trường phái này, nhưng cần có một kinh khác để bao cho chúng ta rằng sự hiểu biết suông là chưa đủ trong đời sống Phật giáo, rằng không có sự tự chứng thì mọi tri thức đều chẳng đáng kể vào đâu cả. Bảo cho chúng ta điều ấy là nhiệm vụ của kinh Lăng Già, và Bồ-đề-đạt-ma (Bodhidharma), vị cha đẻ của Thiền học Phật giáo, đã sử dụng kinh một cách hết sức hiệu quả, vì chính nhờ Ngài mà một trường phái đặc biệt của Phật giáo dưới cái tên là Zen hay Thiền đã phát triển ở Trung Hoa và ở Nhật Bản. Trong khi Thiền như chúng ta đang có hiện nay ở nhiều mặt không giống như Bồ-đề-đạt-ma tuyên thuyết lần đầu cách đây khoảng mười lăm thế kỷ, thì chính cái tinh thần của nó vẫn tiếp diễn hoàn toàn không thay đổi ở phương Đông và điều này được biểu hiện một cách hùng hồn trong kinh Lăng Già. Tuy vậy, ở đây chúng ta cũng không cần đi vào chi tiết, vì chủ điểm đã được bàn kỹ trong tác phẩm mới đây của tôi, cuốn Nghiên Cứu Kinh Lăng Già (Studies in Lankàvatàra Sùtra). Chúng ta chỉ cần bàn sơ đến những đặc trưng của kinh là những đặc trưng, tạo nên bức thông điệp đặc biệt của nó khác với các kinh khác vừa được bàn đến.

Chắc chắn rằng Lăng Già có liên hệ chặt chẽ

thuvienhuequang.vn

về thời gian cũng như về học thuyết với cuốn Đại Thừa Khởi Tín Luận thường được gán cho là của A'svaghosha (Mã Minh). Trong khi có thể ngài vốn không là tác giả của khảo luận quan trọng nhất này về Triết học Đại thừa, chắc chắn có một nhà đại Phật học rung cảm về chính cái tinh thần bàn bạc khắp Lăng Già, Hoa Nghiêm, Bát Niết-bàn v.v... đã trút các tư tưởng của mình vào trong cuốn Khởi Tín. Một số học giả đồng ý cho rằng Khởi Tín là một tác phẩm Trung Hoa, nhưng điều này chưa có căn cứ vững vàng.

Về một mặt, Khởi Tín là một nỗ lực hệ thống hóa Lăng Già, vì tất cả những giáo lý chủ yếu của Lăng Già được phát triển trong bộ khảo luận này theo một thứ tự thích đáng. Xét về mặt lý thuyết thì cả hai bên đều dạy về sự hiện hữu của Thai tạng là thực tính tối hậu. Trong khi Thai tạng này nằm trong những con người bình thường bị ô nhiễm vì các phiền não xấu xa và phát ra cái thanh tịnh bổn nguyên của nó, chúng ta không thể phủ nhận sự hiện hữu của nó trong những con người ấy. Khi cái lớp bọc bất tịnh bên ngoài bị lột bỏ đi thì tất cả chúng ta đều trở thành chư Phật và chư Như Lai. Thật thế, sự ra đời của một đấng Như Lai là ở trong Thai tạng này chứ không ở đâu khác nữa.

thuvienhuequang.vn

Từ quan điểm tâm lý học, Thai tạng là A-lại-da thức, cái tâm tàng chứa tất cả, trong đó tốt và xấu lẫn lộn, và công việc của bậc tu hành, tức là của vị cầu tìm chân lý bằng cách tự tu, là tách rời tốt và xấu ra. Tại sao A-lại-da là được thấy là bị ô nhiễm bởi các tư tưởng và khát ái xấu xa ? Cái xấu là gì ? Cái xấu xuất hiện trong đời này như thế nào ? Chân lý được thể nghiệm như thế nào ? Những câu hỏi này được giải đáp bằng cách nêu định một hệ thống các Thức và bằng học thuyết về Phân biệt (Vikalpa) như đã trình bày trên đây.

Đây là điểm mà Lăng Già gặp gỡ trường phái Du-già (Yogàcàra). Về cơ bản, Du-già luận thuộc về tâm lý học, về mặt này thì nó đối lập với trường phái Trung quán (Madhyamika), là trường phái về tri thức luận. Nhưng A-lại-da thức của Du-già không giống như A-lại-da thức của Lăng Già và của Khởi Tín. Du-già luận cho rằng A-lại-da tự nó vốn là thanh tịnh không có lậu hoặc nào trong nó, trong khi Lăng Già và Khởi Tín cho rằng nó là nguyên nhân của thanh tịnh và của lậu hoặc. Hơn nữa, Du-già chủ trương lý thuyết Duy thức (Vijnàptimatra) chứ không phải Duy tâm (Cit-tamatra) là lý thuyết thuộc Lăng Già, Hoa Nghiêm và Khởi Tín. Sự khác nhau là ở chỗ này: Theo Duy Thức, thế giới chỉ là những ý niệm chứ không là

thuvienhuequang.vn

gì khác nữa, không có thực tính ở đằng sau các ý niệm ấy; nhưng Duy tâm thì khẳng định rằng không có gì ngoài Citta, Tâm trong thế giới và thế giới là sự đối tượng hóa của Tâm. Một bên thì thuần duy ý niệm (idealism) và một bên thì Duy thực lý tưởng (idealistic realism).

Thể chứng Duy tâm là mục đích của Lăng Già, và điều này được thực hiện khi phân biệt bị loại trừ, tức là, khi người ta đạt được một trạng thái vô phân biệt trong đời sống tâm linh của mình. Phân biệt là một thuật ngữ lý luận và thuộc về trí. Như thế, ta thấy rằng chỗ tận cùng của việc tu đạo là vượt khỏi sự duy lý, vì phân biệt, chia chẻ là chức năng của lý trí. Luận lý không dẫn người ta đến tự chứng. Đây là các biện chứng chia che sợi tóc của Long Thọ (Nàgàrjuna). Ý của Ngài là chứng tỏ hiệu quả cua luận lý trong lĩnh vực đời sống tâm linh cua chúng ta. Đây là chỗ gặp gỡ của Lăng Già với Trung Quán. Học thuyết về Không thực sự là nền tảng của triết học Trung Quán. Nhưng không nên hiểu học thuyết này theo cách luận lý phân tích. Lăng Già hoàn toàn rõ ràng và chớ nên hiểu lầm Lăng Già về mặt này.

Cho đến đây, Lăng Già có thể hình như chỉ là một khảo sát triết học không có tính cách tôn giáo ở trong ấy, nhưng thực tế là kinh thấm đậm những

thuvienhuequang.vn

tình cảm tôn giáo. Chẳng hạn, vị Bồ-tát không nhập Niết-bàn do bởi những hạnh nguyện cứu vớt hết thảy chúng sinh hữu tình, và những hạnh nguyện của ngài là vô giới hạn về thời gian và không gian, và vì lý do ấy, các hạnh nguyện này được gọi là "vô tận". Không những các hạnh nguyện của ngài là vô tận mà "những phương tiện thiện xảo" ngài dùng để giải thoát mọi chúng sinh cũng không có giới hạn. Ngài biết cách để sử dụng cho tốt nhất những nguồn vô tận của ngài về trí tuệ và về thực tiễn đối với mục đích kiên định ấy. Ở đây chúng ta có thể bảo rằng Bồ-tát Phổ Hiền trong Hoa Nghiêm hay trong Nhập Pháp Giới Phẩm là phản ánh của ý nghĩa ấy.

Trong Lăng Già, tất cả những khái niệm cơ bản nhất của Đại thừa đều được đưa vào mà không cần có sự cố gắng nào đối với người biên soạn hay những nhà biên soạn để tạo cho chúng một hệ thống. Điều này khiến cho người đọc có suy nghĩ phải tự mình lấy chúng ta khỏi mớ hỗn hợp và xâu chúng thành một chuỗi ngọc do kinh nghiệm tôn giáo của chính mình.

Tuy nhiên, một tư tưởng Đại thừa quan trọng không được bàn rõ trong kinh là tư tưởng về sự Hồi hướng (Parinàmana). Hồi hướng là chuyển cộng đức của một người sang cho người khác để

thuvienhuequang.vn

người này đạt Niết-bàn. Nếu có người nào làm một điều thiện thì chắc chắn công đức ấy sẽ hay trở lại cho chính người ấy. Đấy là học thuyết về Nghiệp (Karma); nhưng theo Đại thừa thì người nhận không cần phải là chính người làm, người ấy có thể là một người, người ấy có thể là toàn bộ thế giới, khi công đức thuộc tính chất phổ quát thì nó có thể chuyển vào bất cứ cái gì mà người thực hiện công đức ấy muốn. Khả năng chuyển đổi này được xem là học thuyết về Hồi hướng, sự chuyển thiện hạnh sang cho người khác. Ý niệm này phát sinh từ giáo lý triết học về sự thâm nhập mà Hoa Nghiêm chủ trương.

IV
NIÊN ĐẠI CỦA LĂNG GIÀ

Cũng như trường hợp của các kinh điển Phật giáo khác, với cái hiểu biết hiện nay của chúng ta về lịch sử Ấn Độ, thực không thể nào xác định niên kỷ của Lăng Già. Điều chắc chắn là kinh này được biên soạn trước năm 443 sau TL, khi bản dịch Hoa ngữ đầu tiên được ghi nhận là hoàn tất. Nhưng điều này không có nghĩa là toàn bộ bản kinh như chúng ta hiện có đã có sẵn lúc bấy giờ, vì chúng ta biết rằng những bản dịch về sau được

thuvienhuequang.vn

thực hiện vào năm 513 và 700 - 704 gồm chương Đà-la-ni (Dhàranì) và Tổng kệ (Sagàthakam) không có trong bản kinh của năm 443 (Tống). Hơn nữa, chương về sự Ăn thịt cũng bị một số thay đổi, nhất là trong bản kinh của năm 513 (Ngụy).

Ngay cả đối với bản kinh đã có trước năm 443 sau TL, chúng ta cũng không biết nó đã phát triển như thế nào, vì chắc chắn từ lúc ban đầu, nó không được viết thành một tác phẩm toàn vẹn theo như ngày nay ta viết một cuốn sách. Nhiều phần của tác phẩm hẳn là được viết trước các phần khác, vì rõ ràng có nhiều đoạn được thêm vào.

Ở một mức độ nào đó, các nội dung có thể cho chúng ta một manh mối về niên kỷ của bản kinh, nhưng do vì theo quan điểm phê phán nguyên bản, khó mà tách rời phần này với phần khác, nên từ các nội dung mà rút ra những khẳng định về niên kỷ thì thật đáng nghi ngờ. Hễ chừng nào chúng ta chưa thực sự biết rõ những hoàn cảnh lịch sử ở Ấn Độ hay ở đâu khác mà các kinh điển Phật giáo được hình thành thì tất cả mọi khẳng định vẫn còn có ít nhiều tính chất phỏng đoán. Tất cả những gì chúng ta có thể nói được là Lăng Già không phải là do đấng sáng lập Phật giáo trực tiếp thuyết giảng, đây là một biên soạn về sau, sau các bộ Ni-kha-da (Nikàya) và A-hàm (Àgamas) cũng là

thuvienhuequang.vn

những bộ được phát triển sau thời Đức Phật, khi các tư tưởng Đại thừa bắt đầu kết tinh ở Bắc bộ cũng như Nam bộ Ấn Độ có lẽ vào kỷ nguyên Thiên chúa hay sớm hơn nữa, người soạn hay những người soạn khởi sự thu thập các đoạn kinh trong khi người ấy, hay những người ấy nghiên cứu Đại thừa và cuối cùng trở thành bản kinh Phật giáo mà nay được biết dưới tiêu đề là kinh Lăng Già.

VÀI GHI NHẬN VỀ KINH

Một số chỗ không được bình thường cần được chú ý trong phần này. Thông thường thì những chỗ dứt chương tỏ ra rằng mỗi chương là mỗi phần của một bộ kinh và thuộc về bộ kinh, nhưng trong trường hợp kinh Lăng Già thì những chỗ dứt chương hoàn toàn có tính cách độc lập và mối liên hệ của chúng với bản kinh chẳng có chút gì rõ ràng. Chẳng hạn:

Chương I : "Chương một gọi là Ravana thỉnh mời".

Chương II : "Đến đây là hết chương Hai, gọi là sự suy nghĩ về tất cả các pháp trong Lăng Già gồm 36.000 ['Sloka]"

thuvienhuequang.vn

Chương III : "Đến đây là hết chương Ba nói về Vô thường trong kinh Lăng Già, một bản kinh Đại Thừa".

Chương IV : "Đến đây là hết chương Bốn về sự Thể chứng".

Chương V : "Đến đây là hết chương Năm về sự Thường hằng và Vô thường hằng của Như Lai".

Chương VI : "Đến đây là hết chương Sáu về Sát-na chuyển".

Chương VII : "Đến đây là hết chương Bảy về Vô ngã".

Chương VIII: "Đến đây là hết chương Tám về sự Ăn thịt trong kinh Lăng Già, tinh yếu của tất cả các giáo pháp của Đức Phật".

Chương IX: "Đến đây là hết chương Chín gọi là Đà-la-ni trong Lăng Già".(*)

Những chỗ không đều đặn này, ít nhất là trong trường hợp to ra rằng có một bản kinh Lăng Già lớn hơn gồm 36.000 'Slokas[1] theo như các ghi

---

(*) *Các phần ở trong ngoặc kép không hoàn toàn giống với phần dịch ở cuối chương của bản dịch này (người dịch ra tiếng Việt).*

(1) *Theo Ô. Hokei Idzumi.*

thuvienhuequang.vn

chú của Pháp Tạng[1], và trong một trường hợp khác, tỏ ra Lăng Già cũng đã được biết, hoặc chứa đựng một chương gọi là "Tinh thể của tất cả giáo lý của Đức Phật" mà thực ra đây là một biệt danh được Gunabhadra (Tống) (Cầu-na-bạt-đà-la) đặt cho bản dịch kinh Lăng Già gồm bốn quyển bằng Hoa ngữ, năm 443 sau T.L.

Phần kệ (Gàthà) gọi là "Tổng kệ" (Sagàthakam) tỏ ra nhiều chỗ hết sức khó khăn. Vì bản dịch Hoa ngữ xưa nhất, của Gunabhadra (Cầu-na-bạt-đà-la), không có phần này nên rất có thể nó vốn không gồm trong bản kinh Lăng Già. Nhưng cả bản dịch đời Ngụy lẫn ấn bản Sanskrit không những gồm những câu kệ đúng như ở phần Tổng kệ mà còn gồm những câu[2] vốn đã xuất hiện trong phần văn xuôi, sự việc này ám chỉ rằng có một bản kinh Lăng Già lớn hơn hay trọn vẹn hơn, trong đó có tất cả các câu kệ của Tổng kệ này và do đó đương nhiên phải đầy đủ hơn nhiều so với bản Lăng Già hiện có - có lẽ là giống như bản gồm 36.000 'Sloka. Có nhiều câu kệ trong phần Tổng kệ

---

(1) Xem cuốn "Nghiên Cứu Kinh Lang Già" (Studies in the Lankàvatàra Sutra) cua tôi, tr. 42.

(2) Đây là những câu mà ban Đường đã loại bo một cách có hệ thống.

thuvienhuequang.vn

quá tối nghĩa, khó mà diễn dịch cho được, nếu không có những đoạn văn xuôi liên hệ. Các câu kệ thường nhằm để ghi nhớ các học thuyết chủ yếu và đôi khi nó không có ý nghĩa nào cả khi tách rời chúng ra mà xét, vì một số khẩu từ chỉ được xếp vào cho nhịp nhàng để giúp cho dễ nhớ mà thôi.

Trong bản Sanskrit, phần Tổng kệ bắt đầu bằng đoạn kệ sau:

"Hãy nghe giáo pháp Đại thừa kỳ diệu
Được tuyên bố trong kinh Lăng Già này
Được gồm trong những viên ngọc kệ
Và phá hủy một mạng lưới của các kiến giải triết học."

Điều này có thể được hiểu là phần này là thuộc Lăng Già được làm bằng các câu kệ, tức là, các câu kệ được rút ra từ toàn bộ bản kinh Lăng Già. Từ Tổng kệ cũng gợi cho ta ý nghĩa ấy, vì nó có nghĩa là "hợp nhất bằng các câu kệ". Nhưng trong trường hợp này, các câu hỏi sau đây có thể được nêu ra:

Nếu đã có một bản kinh Lăng Già lớn hơn, gồm tất cả các câu kệ này của phần Tổng kệ trong dung lượng của bản kinh, hoặc nếu đã có một bản Lăng Già chỉ gồm kệ và là bản riêng biệt mà về sau người ta đặt chung vào với bản kinh hiện có, thì tất cả các câu kệ này như là một bộ trọn có được

thuvienhuequang.vn

xem là thuộc cùng một thời kỳ với bản kinh không ? Nếu thế thì tại sao những đoạn văn xuôi kèm với các câu kệ lại mất đi trong khi chỉ những câu kệ này còn được giữ lại trong phần Tổng kệ ? Có phải không thể nào có một số câu kệ về sau được thêm vào một cách độc lập ? Có nhiều chỗ rõ ràng là được thêm vào mà chúng ta có thể thấy được; chẳng hạn, trong quan niệm về Ứng thân (Sambhogakàya) (câu 384) và về Thức thứ chín (câu 13), đấy là những quan niệm chắc chắn về sau mới được phát triển. Lời giải đáp cho những câu hỏi này và cho một số câu hỏi khác có thể có phải gác lại về sau này đến khi nào tất cả các hoàn cảnh đưa đến việc biên tạo các kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa Phật giáo trong các vùng khác nhau ở Ấn Độ được xác định rõ.

Cách tốt nhất để đọc Lăng Già, như tôi đã nói trong cuốn Nghiên Cứu của tôi là cắt toàn bộ ban kinh thành nhiều tiểu đoạn[1] theo từng ý nghĩa mà ta nhận ra được và xem mỗi tiểu đoạn như là một sự diễn tả toàn bộ về một tư tưởng chủ yếu trong triết học Phật giáo Đại thừa. Trong một số

---

(1) Sự chia cắt này được thực hiện trong bản dịch sau đây bằng các con số La Mã, liên tục trong suốt cả bản kinh, ngoại trừ các chương Ràvana, Đà-la-ni, Sự Ăn Thịt, là các chương không cần phải chia cắt như thế.

thuvienhuequang.vn

trường hợp các tiểu đoạn chia cắt như thế, có thể có vẻ mâu thuẫn với nhau. Trong những trường hợp như thế, ta tìm cho ra một nguyên lý cao hơn ở đâu đó, hợp nhất được một cách hài hòa hai khái niệm mâu thuẫn nhau ấy. Vì, rốt lại, chỉ có một chân lý tối thượng trong Lăng Già, còn tất cả những chân lý khác của Lăng Già là những khía cạnh đa diện được nhìn ở những góc độ khác nhau của tư tưởng.

Tôi đã nghĩ rằng tôi nên xử lý phần Tổng kệ theo cách tương tự như thế, bằng cách chia toàn bộ phần này ra thành nhiều nhóm kệ, mỗi nhóm có thể xem là liên hệ đến một chủ đề. Nhưng vì các câu kệ quá súc tích và chỉ có tính cách gợi nhớ, nên có thể là quá hoài công vô ích khi cắt chúng ra từng nhóm và xem mỗi nhóm chứa đựng chứa quá nhiều tập hợp tư tưởng. Như chúng ta đã lưu ý đến những trường hợp lặp lại xảy ra rất thường trong phần Tổng kệ, các câu kệ không hẳn nhiên là được chuyển từ trong bản kinh, tức là, không phải luôn luôn người ta tìm thấy chúng trong phần Tổng kệ theo cùng theo thứ tự của chúng trong bản kinh. Đôi khi một câu kệ lẻ được lấy ra khỏi nhóm của nó trong chính kinh và được chen vào trong một mạch văn bất chợt nào đó. Trong những trường hợp này, tôi nghĩ rằng hay nhất là cứ để

thuvienhuequang.vn

nguyên phần Tổng kệ như thế và không sắp xếp các câu kệ theo từng nhóm cho đến khi nào chúng ta biết rõ hơn về diễn biến lịch sử của phần này của Lăng Già.

Quả thực, Tổng kệ là một sự hỗn hợp kỳ lạ trong đó các thể tài chẳng liên hệ chút nào với phần văn xuôi lại đặt sát với những thể tài mà theo ý tôi không có ý nghĩa thích hợp trong Lăng Già. Những thể tài như thế là những chuyện kể lịch sử về Vyàsa (Tỳ-da-bà), Kàtyàyana (Ca-chiên-diễn), Nàgahvaya (Long Kiếu), v.v... Những thể tài liên hệ đến đời sống ở tịnh xá và rồi còn có một số đoạn trong Tổng kệ có thể xem là những đoạn thêm vào về sau. Chẳng hạn, khi nói đến tám hay chín Thức (câu 13), hai hình thức A-lại-da (c.59) ba Thân (c.434), ba mươi sáu Đức Phật (c.380) v.v..., thì các thứ ấy rõ ràng là những thứ được sáp nhập về sau. Cần phải khảo sát Tổng kệ nhiều hơn từ quan điểm phê phán nguyên bản và cả về quan điểm lịch sử học thuyết, văn học và chế độ tu tập.

LỊCH SỬ TRUYỀN THỪA LĂNG GIÀ

Trong cuốn sách nhan đề Lăng Già Sư Tử Ký (楞伽師資記) "ghi chép về sư phụ và đệ tử trong [sự truyền thừa] Lăng Già", một trong những tài liệu được tìm thấy ở Đôn Hoàng, có ghi

thuvienhuequang.vn

chép về dòng mạch truyền thừa Lăng Già. Tác giả Tịnh Giác (淨 覺), có lẽ sống vào đầu thế kỷ thứ tám, đã hiên nhiên đồng hóa Phật giáo Thiền với giáo lý của Lăng Già, theo ông thì các vị Tổ truyền thừa của Lăng Già cũng là những vị Tổ truyền thừa của Phật giáo Thiền. Ông cho rằng Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra), dịch giả của bản Tống hay Lăng Già bốn quyển là Sơ tổ của Thiền Trung Hoa chứ không phải là Bồ-đề-đạt-ma như các nhà sử học về Thiền thường quan niệm. Về điều này thì có thể tác giả có lý, vì vào thời ông, chưa có một trường phái độc lập nào mà về sau được gọi là "Thiền" và bấy giờ, những biểu hiện của phong trào này không gì khác hơn là nghiên cứu Lăng Già. Hơn nữa, Tịnh Giác thuộc phái Huyền Trách (玄 賾) và Thần Tú (神 秀) là những người chủ trương Lăng Già, đối nghịch với chủ trương Kim Cang (Vajracchedika) của vị đối lập với họ là Huệ Năng (慧 能). Cuốn sách này là một trong những tài liệu giá trị nhất đối với người nghiên cứu lịch sử Phật giáo Thiền lúc sơ thời ở Trung Hoa[1].

---

(1) Cuốn sách mới vừa được Kin Kyûkei, một nhà tu thư thuộc Đại học Bắc Kinh, xuất bản và phát hành tại Bắc Kinh. Được như vậy là do ông được sự giúp đỡ của Giáo sư Hồ Thích người có các anh bản của các bản thảo nguyên gốc của Lăng Già Tư Ký được giữ ở Viện Bảo tàng Anh Quốc

thuvienhuequang.vn

Cuốn sách gồm nhiều tư liệu chính xác về các vị Tổ mà những lời nói và những giáo lý của chư vị đã chìm vào trong bóng tối từ lâu.

Còn có một cuốn lịch sử Phật giáo Thiền có giá trị như thế cũng được tìm thấy trong động Đôn Hoàng. Tên cuốn sách là Lịch Đại Pháp Bửu Ký (歷代法寶記) "Ghi chép về quá trình truyền kho báu Pháp". Cuốn sách này rõ ràng là được viết ra để chống lại vị trí của Lăng Già Tư Ký, vì nó khẳng định rằng sơ Tổ của kinh Lăng Già biểu hiện Pháp bảo là Bồ-đề-đạt-ma chứ không phải là Cầu-na-bạt-đà-la, Cầu-na-bạt-đà-la chỉ là một dịch giả chứ không phải là người phát hiện ý nghĩa thâm sâu của kinh. Do đó, lịch sử Phật giáo Thiền ở Trung Hoa, lịch sử "Pháp bảo", phải khởi sự một cách đúng đắn từ Bồ-đề-đạt-ma. Tác giả rõ ràng là thuộc trường phái Huệ Năng.

Sự phát hiện hai tác phẩm lịch sử quan trọng về Thiền, cùng với cuốn Thần Hội Ngữ Lục (神會語錄) mà Giáo sư Hồ Thích (胡適) của Đại học

---

(British Museum) và ở Thư viện Quốc gia (Biliothèque Nationale). Một ấn bản bằng "collotype" của London MS không đầy đủ như của Paris MS dù rõ ràng hơn Paris MS rất nhiều, được giáo sư Keiki Yabuki người Nhật Bản phát hành, trong sưu tập của ông về Đôn Hoàng MSS, tựa đề là Minh Sa Dư Vận (鳴沙餘韻) "Âm hưởng của sa mạc", 1930.

thuvienhuequang.vn

Bắc Kinh xuất bản năm 1930 cùng với những ghi chú giảng bình của ông, đã tỏa rạng ánh sáng vào những trang đầu của lịch sử Thiền ở Trung Hoa. Vì ở đây không tiện đi vào chi tiết của chủ đề, tôi xin dành việc bàn luận này cho cuốn khảo luận về Phật giáo Thiền của tôi, Đợt II.

BẢN DỊCH ANH NGỮ NÀY

Về bản dịch Anh ngữ của bộ Kinh, sau nhiều do dự, tôi đã quyết định công bố trước quần chúng với tất cả những thiếu sót khá nhiều của nó. Thực là một mưu định táo bạo đối với người dịch khi cố gắng đem một số tư tưởng sâu xa nhất đã được nuôi dưỡng ở phương Đông mà diễn dịch ra một ngôn ngữ không phải là tiếng mẹ đẻ của mình. Nhưng người dịch nghĩ rằng nếu người ta không thực hiện một nỗ lực đầu tiên, tuy nghèo nàn và yếu đuối, thì những viên ngọc quý có thể vẫn còn bị chôn vùi không ai biết tới, ngoại trừ một số ít học giả, và tình trạng này có lẽ là quá lâu rồi ! Thế rồi mọi sự đều tiến triển. Như là được minh họa trong lịch sử lâu dài về những bản dịch Hán ngữ từ các kinh điển Phật giáo, hẳn phải có nhiều nỗ lực trước khi công việc mang được cái vẻ hoàn chỉnh. Hiện nay có ba bản dịch Hán ngữ và một bản dịch Tạng ngữ về kinh Lăng Già, và bản đầu

thuvienhuequang.vn

tiên tỏ ra có nhiều chỗ chưa chín chắn khi được đem so với bản thứ ba. Chúng ta có thể dễ dàng hiểu những khó khăn mà các học giả Trung Hoa đã gặp phải khi cố gắng khắc phục các bản dịch. Bản Đường có lẽ không thể hoàn chỉnh như thế nếu nó không được kế tục hai bản kia.

Tôi đã làm đủ mọi cách để có thể khiến cho bản dịch của tôi càng dễ hiểu càng tốt đối với các độc giả của tôi. Nếu tôi cố gắng theo sát nguyên nghĩa thì bản dịch sẽ rất khó hiểu. Các thể cách diễn đạt rất khác nhau trong bản Sanskrit. Vẫn còn có nhiều đoạn rất tối nghĩa mà tôi không thể vừa ý khi diễn dịch. Những chỗ tối nghĩa này còn được tìm thấy nhiều hơn trong phần Tổng kệ, vì các câu kệ đòi hỏi phải có sự hiểu biết nhiều về vấn đề được bàn luận trong đó và sự hiểu biết này bây giờ đòi hỏi phải có sự nghiên cứu thật nhiều và cách diễn đạt rõ ràng hơn khả năng của người dịch này. Tổng kệ chưa bao giờ có được những sớ luận bằng Hoa ngữ, và sự việc này càng gây thêm khó khăn vào những khó khăn vốn đã có sẵn. Các học giả Trung Hoa và Nhật Bản, có lẽ muốn ngắn gọn, đã chọn bản kinh bốn quyển của Cầu-na-bạt-đà-la để nghiên cứu, còn phần Tổng kệ rõ ràng đã bị gạt ra.

Chính bản Sankrit như chúng ta đang có chưa thể hoàn chỉnh, và chắc chắn rằng ấn bản của

thuvienhuequang.vn

Nanjo cần phải có nhiều sửa đổi để cho được dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, dù cho ấn bản ấy có thể có một thiếu sót nào đó, chúng ta cũng mang ơn người xuất bản đã làm cho bản kinh được quần chúng chấp nhận dễ dàng hơn so với trước.

Tôi đã không luôn luôn theo Nanjo trong việc đọc hiểu bản kinh. Tôi đã sử dụng phán đoán riêng của tôi trong nhiều trường hợp mà tôi nghĩ rằng ý nghĩa theo đó mà rõ ràng hơn. Trong việc phân đoạn cũng thế, tôi thường không theo Nanjo. Như tôi đã nói trong cuốn Nghiên Cứu của tôi, Lăng Già là một bản kinh hết sức hỗn độn, và có một số đoạn đã bị cưỡng ép vào những chỗ không phải của chúng.

Về mặt này, bản Đường nhìn chung đã tạo sự dễ hiểu nhất về kinh Lăng Già. Trong khi một bản dịch sơ phác đầu tiên được Thực-xoa-nan-đà (Sikshànanda) thực hiện, phần hiệu đính sau cùng được thực hiện bởi Pháp Tạng, một Đại sư về triết học của Hoa Nghiêm là bộ kinh mà Lăng Già có mối liên hệ chặt chẽ nhất. Khi gặp phải những khó khăn trong quá trình dịch từ bản Phạn ngữ ra Anh ngữ, tôi đã thường xuyên dựa theo bản Đường, dù sự việc này tôi đã không ghi chú đều đặn.

*
* *

thuvienhuequang.vn

chương một

CHÚA THÀNH LĂNG GIÀ XIN ĐƯỢC CHỈ DẠY

[1][(1)] Om ! Đảnh lễ Tam Bảo ! Đảnh lễ chư Phật và chư Bồ-tát ! Đây kinh Lăng Già được ghi chép một cách cẩn trọng, trong đó Đấng Pháp Chủ thuyết giảng về tính vô ngã của tất cả các pháp.

Tôi nghe như vầy, một lần nọ Thế Tôn ở trong thành Lăng Già tại đỉnh núi Malaya trên biển lớn, trong thành có trang hoàng hoa bằng đủ loại ngọc[(2)]. Ngài đang ở trong hội chúng Tỳ-kheo đông đảo và rất nhiều Bồ-tát từ nhiều Phật độ khác nhau tụ tập đến. Các vị Bồ-tát Ma-ha-tát do Bồ-tát Mahàmati (Đại Huệ) làm thượng thủ, đều là những bậc thầy hoàn hảo[(3)], chứng đắc nhiều tam muội

---

(1) Số trong ngoặc đơn [ ] là số trang của bản tiếng Sanskrit.

(2) Trong bản Bodhiruci (Ngụy) được miêu tả kỹ hơn nhiều.

(3) Nguyên nghĩa là "Ưu thắng" (Vikridita).

thuvienhuequang.vn

khác nhau, tự tại, năng lực và thần thông; các vị đã được chính tay của hết thay chư Phật làm phép quán đảnh; tất cả các vị ấy đều hiểu rõ rằng thế giới đối đãi phân biệt này là sự biểu hiện của Tâm mình [2]; các vị ấy biết cách nắm vững các hình thức, các giáo pháp và các mức độ giáo huấn tùy theo từng tâm thức của các chúng sinh; các vị ấy hoàn toàn thông suốt trong năm Pháp, ba Tự tánh, tám Thức và hai Vô ngã.

Lúc bấy giờ, sau khi đã thuyết giảng trong cung điện của Long Vương, Thế Tôn xuất thất nhật định và được các chúng Nàgahanyà (Long Nữ) gồm cả Đế Thích và Phạm thiên cung tụng. Ngài nhìn thành Lăng Già trên núi Malaya mà mỉm cười và dạy: "Các Như Lai trong quá khứ là các A-la-hán và các bậc Toàn Giác cũng đã dùng chân lý này làm đề tài thuyết giảng tại thành Lăng Già trên đỉnh núi Malaya, đấy là chân lý được chứng đạt trong tự ngã thâm sâu, vượt ra ngoài tri thức lý luận của các triết gia cũng như ngoài trạng thái tâm thức của hàng Thanh văn và Duyên giác[1]. Nay ta cũng thế, vì lợi ích của Ràvana (La-bà-na vương) chúa loài Yaksha (Dược-xoa) mà thuyết giảng chân lý này".

---

(1) Bản Sanskrit ở đây chắc có sự sai lầm: hẳn phải có phần phủ định ở đâu đó trong đoạn kinh như ở trong các bản Hán dịch.

thuvienhuequang.vn

Do thần lực của đức Như Lai, Ràvana, chúa của loài Ràkshasa (La-sát) nghe được lời ấy. Thực vậy, rất nhiều chúng Nàgakanyà (Long Nữ) gồm ca Đế Thích và Phạm thiên vây quanh Thế Tôn khi Ngài ra khỏi cung điện của Long Vương, nhìn sóng biển và nhìn cả những dao động tâm thức đang tiếp diễn trong hội chúng ấy mà nghĩ đến thức A-lại-da trong đó các thức đang khởi sinh bị quấy động bởi ngọn gió đối đãi phân biệt. [3] Trong khi Ngài đang đứng nhập định như thế thì Ràvana trông thấy Ngài, liền vui sướng thốt lên rằng: "Ta sẽ đến xin Thế Tôn vào Lăng Già, vì suốt đêm nay Ngài có thể gây lợi lạc, thiện ích, hoan hỉ cho trời và người".

Ngay sau đó, Ràvana, chúa cua loài Ràkshasa cùng với đoàn tùy tùng cỡi thiên xa có kết hoa đến chỗ Thế Tôn. Khi đã đến đó, Ràvana cùng đoàn tùy tùng ra khỏi xe. Họ nhiễu quanh Thế Tôn ba lần từ trái sang phải, họ gãy đàn bằng một que ngọc bích rồi đeo đàn một bên, đàn được kham bằng thanh ngọc và dây đeo bằng vải tuyệt quý màu trắng ngà như Priyaingu, họ hát lên nhiều cung điệu khác như Sharshya, Rishabha, Gàndhàre, Dhaivata, Nishàda, Madyama và Kaisíka[1]. Những

---

(1) Ban Bodhiruci và ban Sikshànanda đều không miêu tả quá kỹ các cung điện như thế.

thuvienhuequang.vn

cung điệu này được khéo điều chuyển ở Gràma, Mùrchana... Giọng điệu có đàn phụ họa hài hòa một cách tuyệt vời theo với bài kệ.

1. "Cái kho báu chân lý có nguyên tắc là tự tính của Tâm không có ngã tính, vượt ra ngoài lý luận, tự tại với mọi ô nhiễm, nó trỏ vào cái tri thức đạt được trong tự ngã thâm sâu của mình; Bạch Ngài, xin Ngài chỉ cho con đây con đường dẫn tới chân lý.

2. "Bậc Thiện Thệ là cái thân chứa những đức tính tinh khiết trong Ngài biểu hiện cái năng biến và sở biến; Ngài vui hưởng chân lý đã chứng đạt được trong tự nội thâm mật, xin Ngài hãy đến Lăng Già. Hỡi đấng Mâu-ni, đây là lúc thích đáng !

3. [4] "Lăng Già này đã là trú xứ của chư Phật thời quá khứ, các nam tử của các Ngài bằng nhiều hình tướng đã tùy tùng các Ngài. Bạch Thế Tôn, bây giờ xin Ngài chỉ cho con chân lý tối thượng và các Yaksha với nhiều hình tướng khác nhau sẽ lắng nghe Ngài". Ngay sau đó, Ràvana, chúa thành Lăng Già, theo điệu Totaka mà tụng ca bài kệ.

4. Sau bảy đêm, Thế Tôn rời khỏi biển trú xứ của Makara, cung điện của Hải vương, bây giờ Ngài đang đứng trên bờ biển.

5. Ngay khi Đức Phật bước lên, Ràvana theo

thuvienhuequang.vn

sau là đông đảo các Apsara, Yaksha và Suka (Luân-già), Sàran (Bà-lặc-na) và các trí giả.

6. Bằng một cách kỳ diệu, đến chỗ Thế Tôn đang đứng. Bước xuống xe hoa, Ràvana cung kính đảnh lễ Đức Như Lai, cúng dường Ngài và tự giới thiệu với Ngài rồi đứng một bên Ngài.

7. "Con đã đến đây, con tên là Ràvana, vua mười đầu của loài Ràkshasa (La-sát), xin Ngài nhận con cùng với thành Lăng Già và tất cả mọi dân chúng của thành.

8. "Trong thành này, quả thực trạng thái thân mật của tâm thức được chứng đạt của các bậc Giác ngộ trong quá khứ (5) đã được hiển bày trên đỉnh núi này, đỉnh núi có gắn các loại ngọc thạch.

9. "Kính xin Thế Tôn, đang có các nam tử của bậc Tối thắng vây quanh, bây giờ hãy hiển bày chân lý tinh ròng trên đỉnh núi có trang hoàng ngọc thạch này, chúng con cùng với dân chúng ở Lăng Già rất mong được nghe pháp ấy.

10. "Kinh Lăng Già được chư Phật thời quá khứ ca ngợi, hiển bày trạng thái thâm mật của tâm thức mà chư Phật đã chứng đạt, đấy là trạng thái tâm thức không thể tìm thấy ở bất cứ một pháp môn nào khác.

11. "Con nhớ rằng chư Phật đời quá khứ có các nam tử của bậc Tối thắng vây quanh, đã tuyên

thuvienhuequang.vn

thuyết kinh này; Thế Tôn cũng xin hãy tuyên thuyết kinh này.

12. "Trong tương lai, sẽ có chư Phật và các nam tử của chư Phật thương xót loài Yaksha; chư vị Đạo sư sẽ thuyết giảng pháp thắng diệu trên đỉnh núi có trang hoàng bằng ngọc thạch này.

13. "Thành Lăng Già mỹ diệu này được trang hoàng bằng đủ loại ngọc thạch có các đỉnh núi vây quanh, mát mẻ, đẹp đẽ và được che bằng lưới châu ngọc.

14. "Bạch Thế Tôn, đây là các Yaksha đã thoát khỏi lòng tham, tư duy về chân lý đã được chứng đạt trong tự ngã thâm sâu của mình và đã cúng dường chư Phật đời quá khứ, đây là những tín đồ của giáo pháp Đại thừa và ai cũng kiên trì tu tập.

15. "Có các thanh niên Yaksha, nam và nữ, muốn biết Đại thừa. Bạch Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng con, xin hãy đến Lăng Già, núi Malaya".

16. [6] "Các Ràkshasa, với các Kumbhakarna (Úng nhĩ) ở trên đầu, đang cư ngụ trong thành, vốn đang sùng mộ Đại thừa, cầu mong được nghe về sự thực chứng thâm mật này."

17. "Những kẻ đã tinh cần cúng dường chư Phật và hôm nay sắp cúng dường như thế. Bạch Thế Tôn, vì lòng từ bi, xin hãy đến Lăng Già cùng với các nam tử của Ngài".

thuvienhuequang.vn

18. "Mahàmati (Đại Huệ), xin hãy nhận lấy lâu đài của tôi, đoàn Apsara, các tràng chuỗi đủ loại và vườn cây Ásoka (Vô ưu) an lạc này.

19. "Con xin đem thân phụng sự chư Phật và các vị nam tử của chư Phật; con không tiếc một thứ gì để phụng sự chư Phật; hỡi Đấng Đại Mâu-ni, xin hãy từ bi thương xót con !"

20. Nghe Ràvana nói thế, Đấng Pháp Chủ của Ba cõi dạy: "Này vua của Yaksha, ngọn núi ngọc này đã được các bậc Đạo sư thời quá khứ ghé lại.

21. "Và do thương xót các người, chư vị ấy đã giảng pháp mà chư vị ấy đã liễu kiến trong tự tính thâm mật của mình. Chư Phật trong tương lai cũng sẽ tuyên thuyết như thế trên ngọn núi có trang hoàng bằng châu ngọc này.

22. "Chân lý thâm mật này là trú xứ của các bậc tu hành (Yogin) đang đứng trước chân lý, này vua của Yaksha, ông được các đấng Thiện Thệ và được chính ta thương xót".

23. Thế Tôn chấp nhận thỉnh cầu của Ràvana, Ngài giữ yên lặng trầm tĩnh rồi lên xe kết hoa mà Ràvana dâng cúng.

24. Thế rồi Ràvana cùng với những kẻ còn lại, những nam tử của bậc Tối thắng, [7] được các Ápsarca múa tôn tụng đến thành Lăng Già.

25. Khi đến thành phố an lạc ấy, Đức Phật lại

thuvienhuequang.vn

được long trọng tiếp rước, Ngài được đám Yaksha gồm cả Ràvana và đám phụ nữ Yaksha tôn tiếp.

26. Các thanh niên Yaksha nam và nữ dâng Đức Phật một tấm lưới châu ngọc; Ràvana quàng vào cổ Đức Phật và các nam tử của Ngài những tràng chuỗi, có trang hoàng rất đẹp bằng châu ngọc.

27. Chư Phật cùng các nam tử của Đức Phật và các bậc trí giả nhận các thứ cúng dường, thuyết giảng chân lý, tức là trạng thái tâm thức được thực chứng trong tự tính thâm mật.

28. Tôn xưng Mahàmati là vị biện thuyết giỏi nhất, Ràvana cùng chúng Yaksha cứ mãi hoài ca tụng và thỉnh cầu Ngài:

29. "Ngài là người tham vấn chư Phật về trạng thái của tâm thức được chứng đạt trong tự nội thâm sâu nhất của chư Phật, điều mà chúng tôi đây những Yaksha đang mong mỏi được nghe. Tôi cùng với chúng Yaksha, các nam tử của Đức Phật và các trí giả thỉnh cầu ngài tham vấn Đức Phật giùm cho.

30. "Ngài là bậc biện tài vượt trội nhất, tinh chuyên nhất trong các bậc tu hành (Yogin), tôi thành tín cầu xin Ngài. Hỡi vị thiện tài, xin ngài hãy tham hỏi Đức Phật về pháp ấy !

31. "Chân lý về tâm thức thâm sâu, tinh khiết, tối thắng ơ cấp độ Phật tính thì thoát khỏi những

thuvienhuequang.vn

sai lầm của các triết nhân, của hàng Thanh văn và Duyên giác".

32.[1] Thế rồi Thế Tôn hóa tạo ra các núi non có gắn châu ngọc và các thứ khác được trang hoàng một cách kỳ diệu bằng vô số châu ngọc.

33. Trên đỉnh của từng ngọn núi đều thấy có Đức Phật và có cả Dược xoa Ràvana đứng đó.

34. trên mỗi đỉnh núi đều thấy có toàn thể hội chúng tất cả các quốc độ và mỗi quốc độ đều có một vị lãnh đạo.

35. Tại đây cũng có vua loài Ràkshasa (La-sát) và dân chúng của thành Lăng Già và thành Lăng Già do chính Đức Phật hóa hiện ra.

36. Các thứ khác cũng thế vườn cây asoka (vô ưu) với các cây cối sáng ngời và trên mỗi đỉnh núi đều có Mahàmati đang tham hỏi Đức Phật.

37. Đức Phật vì chúng Yaksha mà thuyết giảng về chân lý đưa đến thực chứng thâm sâu nhất; ở trên đỉnh núi, Ngài thuyết giảng trọn một bộ kinh bằng một âm thanh tuyệt hảo chuyển đổi theo hàng trăm ngàn cách[2].

38. Thế rồi bậc đạo sư cùng các nam tử của

---

(1) Từ câu kệ này, bản đời Đường lại viết bằng văn xuôi.

(2) Đây là theo bản của Bodhiruci và của Sikshànanda. Bản tiếng Phạn ghi là "Hàng trăm ngàn kinh hoàn hảo".

thuvienhuequang.vn

Đức Phật biến mất trong hư không chỉ còn lại chính Dược-xoa Ràvana đang đứng nơi lâu đài của mình.

39. Ràvana nghĩ: "Sao lại thế này ? Thế này nghĩa là gì ? Ai đã nghe nhỉ ? Ai đã thấy nhỉ ? Thành quách đâu rồi ? Những gì đã chợt thấy nhỉ ? Và Đức Phật đâu rồi ?

40. "Các quốc độ kia, chư Phật châu báu sáng ngời kia, chư Như Lai kia đâu rồi ? Mộng đây chăng ? Hay là một ảo ảnh ? Hay đấy là lâu đài do các Gandharva (Càn-thắc-bà) hóa hiện ra ?

41. "Hay do các bụi bặm trong mắt ta hay đấy là một cảnh phù phếp, hay đấy là đứa con mộng mị của một phụ nữ hiếm muộn, hay là khói của hoa luân mà ta thấy ra thế này ?"

42. Rồi Ràvana suy nghĩ: "Đây là bản chất như như (Pháp tính: Dharmatà) của vạn pháp, thuộc lãnh vực của Tâm mà kẻ ngu bị lẫn lộn bởi các hình tướng ảo tưởng nên không hiểu được.

43. "Không có người thấy và cũng không có cái được thấy, không có người nói và điều được nói, không có hình tướng và sở dụng của Phật và Phật pháp. Tất cả chỉ là sự phân biệt mà thôi.

44. "Những kẻ nào thấy sự vật như đã từng thấy trước đây thì không thấy được Đức Phật; khi phân biệt không sinh khởi thì người ta cũng không

thuvienhuequang.vn

thấy[1] được Đức Phật; Đức Phật toàn giác được trông thấy ở nơi nào mà thế giới tự nó không biến đổi.

Chúa thành Lăng Già chợt tỉnh, ông cảm thấy một sự đột biến (Paràvriti) trong tâm, hiểu rằng thế giới chỉ là tâm thức của chính mình: Ông được trú trong cảnh giới vô phân biệt, được thúc đẩy bởi các thiện nghiệp mà ông đã tích tập trong quá khứ, được thiện xảo trong hiểu biết về tất cả kinh kệ, đạt khả năng thấy sự vật đúng như sự vật; ông không còn bị phụ thuộc vào những kẻ khác, ông quan sát sự vật một cách tinh diệu bằng trí tuệ của chính ông (Buddhi), đạt được cái thông tuệ phi lý luận, ông không còn bị phụ thuộc vào những kẻ khác[2], ông trở thành một vị Đại tu hành, có thể

---

(1) Ban Đường: "Kẻ nào thấy theo cách đã thấy trước kia thì không thể thấy Phật; khi không có phân biệt sinh khởi thì mới thực là thấy". Theo bản Ngụy thì: "Nếu kẻ nào thấy sự vật (pháp) và cho rằng sự vật là thực thì kẻ ấy không thể thấy Phật. Ca khi người ấy không còn trú trong một cái tâm phân biệt thì người ấy cũng không thể thấy được Phật. Không thấy có gì hành tác trong đời thì mới được gọi là thấy Phật. Nếu một người có thể thấy (pháp) như thế thì người ấy là người thấy Như Lai. Khi các bậc trí quán sát tất cả mọi kinh nghiệm theo cách như thế thì họ được chuyển sang khoát lấy một cái thân tinh tế. Đây là sự chứng ngộ mà Đức Phật đã đạt được.

(2) Phần này không có trong bản Đường và bản Ngụy.

thuvienhuequang.vn

tự mình biến hóa ra mọi hình tướng kỳ diệu, thành thạo mọi phương tiện thiện xảo, có được sự hiểu biết về những khía cạnh đặc biệt của mỗi cấp độ, nhờ đó ông khéo léo vượt qua nó, ông vui mừng nhìn vào trong Tâm (Citta), Mạt-na và Ý thức (Manovijnana), đạt được cái kiến giải mà nhờ đó ông có thể tách ly được với tam tục, có được cái kiến thức giải quyết mọi ý kiến về nhân duyên [10] của triết gia, hiểu biết thâm sâu Như Lai tạng, cấp độ Phật tính, cái tự ngã thâm sâu nhất, tự thấy mình an trú trong Phật kiến. Bấy giờ giữa hư không bỗng có tiếng nói: "Hãy tự mình biết lấy".

"Tốt lắm, tốt lắm, hỡi chúa thành Lăng Già ! Tốt lắm, hỡi chúa thành Lăng Già, quả thực là tốt lắm ! Bậc tu hành (Yogin) phải tự tu hành như ông vậy. Chư Như Lai và tất cả các pháp phải được thấy như ông thấy; nếu không được thấy thế thì chỉ là hư vô. Hết thảy các sự vật (pháp) đều phải được thông hiểu bằng cách vượt lên trên cái Tâm, cái Mạt-na và cái Thức (Vijnana) như cách ông đã thông hiểu. Ông nên quay nhìn vào trong và đừng để bị ràng buộc với văn tự và với một cái nhìn hời hợt về sự vật, ông chớ rơi vào các tri thức, các khái niệm, kinh nghiệm, kiến giải và Tam-ma-địa của hàng Thanh văn, Duyên giác và các triết gia, ông chớ nên ưa thích lời nói dịu dàng, tế nhị, ông chớ

thuvienhuequang.vn

ái mộ cái khái niệm về ngã thể, chớ có nghĩ đến sự kiêu mạn về quyền hành, chớ trú vào các Thiền định (Dhyàna) như sáu Thiền định v.v...

"Này chúa thành Lăng Già, đây là sự tu tập, của các vị Đại tu hành: loại bỏ những luận thuyết do người khác thực hiện, chà đạp những kiến giải tai hại cho tan rã, giữ mình cách xa những ý niệm qui ngã, tạo nên một sự đột biến trong các chiều sâu những tâm thức một cách thích đáng bằng một tri thức tinh nhạy. Đấy là các nam tử của đức Phật, những người đi theo con đường Đại thừa. Để đạt đến cấp độ tự chứng mà chư Như Lai đã đạt, ông phải kiên trì tu tập.

"Này chúa thành Lăng Già, khi tự ông tu tập theo cách như thế, ông hãy tinh tấn thanh tịnh theo cách mà ông đã đạt được [11]; khi khéo tu tập trong Tam-ma-địa (Samàdhi) và Tam-ma-bạt-đề (Samàpatti), ông chớ theo cách cái trạng thái tu chứng và an vui của hàng Thanh văn, Duyên giác và triết gia[1], đấy là cái trạng thái khởi sinh do óc tưởng tượng của những kẻ tự tu tập theo những thực hành của hàng triết gia kém cỏi. Họ bám lấy những hình tướng riêng lẻ của cái thế giới do những ý tưởng vị kỷ của họ tạo ra; họ nắm giữ ý

---

(1) Hán dịch là ngoại đạo.

thuvienhuequang.vn

niệm như thế làm yếu tố tính chất và chất liệu, họ bám chắc những kiến giải có nguồn gốc từ vô minh, họ bị nhầm lẫn vì tôn giữ cái ý niệm về sự sinh, trong đó hư vô là thù thắng, họ bám lấy phân biệt, họ rơi vào cách suy nghĩ, trong đó [cái nhị biên của] sự định tính và cái được định tính.

"Này chúa thành Lăng Già, đây là pháp đưa đến những chứng đạt tuyệt vời, đây là pháp khiến người ta nhận thức về sự chứng đạt thâm sâu nhất, đây là sự tu tập Đại thừa. Pháp này sẽ đưa đến sự thủ đắc một điều kiện tuyệt vời trong sự sống.

"Này chúa thành Lăng Già, do người ta tu tập Đại thừa, những ngăn ngại (của vô minh) bị tiêu diệt và người ta tách ly khỏi vô số những làn sóng của Thức và không rơi vào chỗ an trú và tu tập của hàng triết gia.

"Này chúa thành Lăng Già, việc tu tập của các triết gia bắt đầu từ những ràng buộc vị kỷ của riêng họ. Việc tu tập xấu xa của họ khởi sinh từ sự chấp chặt vào những quan điểm nhị biên liên hệ đến cái ngã tính của Thức.

"Tốt lắm, này chúa thành Lăng Già, hãy suy nghĩ về ý nghĩa của pháp này như ông đã suy nghĩ khi thấy Như Lai trước đây; vì quả thực pháp này chính là thấy Như Lai".

Bấy giờ, Ràvana nghĩ: "Ta muốn thấy lại Thế

thuvienhuequang.vn

Tôn là vị đã sở hữu mọi công phu tu tập một cách thiện xảo, là vị đã tách ly khỏi những tu tập của hàng triết gia, là vị đã sinh ra từ sự chứng ngộ trạng thái tâm thức sâu kín nhất và là vị đã vượt ra khỏi tính nhị biên của năng biến và sở biến, Ngài là các kiến thức [12] mà các bậc tu hành chứng đạt, Ngài là sự chứng đắc của những vị hưởng an lạc viên mãn của Tam-ma-địa, quả vị đạt được bằng cách đi đến một sự hiểu biết trực giác nhờ Thiền định. Ước mong nhờ vào các thần lực của Ngài, ta được thấy lại đấng từ bi là đấng mà từ bên trong, ngọn lửa khát ái và phân biệt đã bị dập tắt là đấng được các nam tử của đức Phật vây quanh, đấng đã thâm nhập vào trong tâm thức của hết thảy chúng sinh, đấng đi đến mọi nơi, đấng biết mọi sự là đấng tự tại với hành (Kriyà) và tướng (Lakshana); thấy được Ngài, ta sẽ đạt được những gì mà ta chưa đạt được, giữ lại những gì ta đã đạt được, ta sẽ tu tập theo vô phân biệt, an trú trong sự hỷ lạc của Tam-ma-địa và Tam-ma-bạt-đề, đạt tới mảnh đất mà trên đó chư Như Lai bước đi và từ đó mà tinh tấn lên mãi".

Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhận biết rằng chúa thành Lăng Già sắp đạt tới Vô sinh pháp nhẫn (Anutpattikadharmakshànti) nên tỏ lòng đại từ bi cho kẻ mười đầu ấy mà hiện ra một lần nữa trên

thuvienhuequang.vn

đỉnh núi có gắn châu báu và được bao phủ bằng một tấm lưới châu báu. Vị vua mười đầu của thành Lăng Già lại trông thấy trên đỉnh núi sự rực rỡ như trước, trông thấy đức Như Lai, vị A-la-hán, đấng Toàn Giác với ba mươi hai tướng tốt đẹp nơi người Ngài, đồng thời ông cũng tự thấy mình ở trên từng đỉnh núi cùng với Mahàmati đối diện với Như Lai, đấng Toàn Giác đang thuyết pháp về sự chứng ngộ mà đức Như Lai đã thể nghiệm trong tự Ngài và Ngài được vây quanh bởi chúng Yaksha đang thuyết pháp và đang giảng các truyện bổn sanh. Ở các nơi ấy [13] đều có các vị vua chúa lãnh đạo[1].

---

(1) *Chắc chắn có sự không nhất quán trong đoạn kinh. Ban Đường ghi: "Trong tất cả các Phật độ ở mười phương cũng đều diễn biến như thế, không hề có gì khác cả". Ban Ngụy thì hoàn toàn khác: "Ngoài ra, ông thấy tất cả các Phật độ và các vị vua đang suy nghĩ về sự gia tạm của thân thể khi họ do tham ái mà ràng buộc với ngai báu, vợ con và quyến thuộc, họ thấy họ bị năm khát ái trói buộc và không có lúc nào thoát ra được. Thấy như thế, họ từ bo các lãnh địa, lâu đài, vợ chính, vợ hầu, voi, ngựa và các kho báu, và cúng dường hết cho Đức Phật và đoàn Tỳ-kheo của Ngài. Thế rồi họ lui vào các rừng núi, từ bo nhà cửa và mong cầu học Pháp. Rồi ông (Ràvana) trông thấy chư vị Bồ-tát đang chuyên chú tu tập theo pháp, cả đến việc vứt bo thân mạng cho hổ đói, sư tử và quỷ La-sát. Rồi ông trông thấy chư vị Bồ-tát đang đọc tụng kinh dưới một cội cây trong rừng và thảo luận kinh với các vị khác mà từ đó*

thuvienhuequang.vn

Thế rồi Thế Tôn lại nhìn đại chúng bằng con mắt Tuệ (Tuệ nhãn) của Ngài, là con mắt không phải là con mắt của con người mà cười lớn, hùng mạnh như vua sư tử. Những tia hào quang phát ra từ chòm lông ở giữa hai lông mày, từ hai bên sườn, từ hông, từ chữ Vạn ('Srivatsa) ở trên ngực và từ từng lỗ chân lông trên da. Những tia hào quang sáng như ngọn lửa cháy vào lúc tận cùng của một kiếp-ba (Kalpa), như một cầu vồng chói lọi, như mặt trời đang mọc chói ngời rực rỡ huy hoàng, mà từ trên trời Đế Thích ('Sakra), Phạm Thiên (Brahma) và các vị hộ trì thế giới đều quán sát được vị đang ngồi trên đỉnh núi (Lăng Già) sánh với núi Tu-di, đang nổi lên tiếng cười lớn nhất. Bấy giờ hội chúng Bồ-tát cùng với Đế Thích, Phạm Thiên đều tự nghĩ:

thấy được Phật pháp. Rồi ông trông thấy chư vị Bồ-tát ngồi dưới cội Bồ-đề trong rừng Bồ-đề mà nghĩ đến các chúng sinh đang đau khổ và tư duy về Phật pháp. Rồi ông trông thấy ngài Bồ-tát Mahàmati trước Đức Phật đang nói về sự tu tập tâm thức, sống tự nội của một người và còn trông thấy chư Bồ-tát, có chúng Yaksha cùng gia đình vây quanh, đang giảng về tín, về tứ, về câu, về đoạn. "Câu cuối cùng này hiển nhiên là dịch từ Sanskrit desanapathakatham, tương phản với kinh Lăng Già luôn luôn theo ý nghĩa Pratyamaryajnanagocara (Thánh trí tự chứng pháp tính môn cảnh giới, cảnh giới chứng đắc về tâm thức do trí tuệ cao thượng trong tâm thức thâm sâu nhất của một người).

thuvienhuequang.vn

"Chẳng biết vì lý lẽ nào, do bởi nguyên nhân nào mà Thế Tôn, vị chúa tể của toàn thế giới (Sarvadharma - va'savartin - nhất thiết pháp tự trị); sau khi mỉm cười[1] lại cất lên tiếng cười lớn như thế ? Tại sao Ngài phóng hào quang từ thân thể Ngài ? Tại sao khi phóng hào quang, Ngài vẫn im lặng với sự thực chứng trong tự nội thâm sâu nhất của Ngài và Thiền định thâm sâu mà chẳng tỏ chút khác lạ nào trong sự an lạc của Tam-ma-địa quán sát mười phương nhìn quanh như vua sư tử mà chỉ nghĩ đến sự tu tập, chứng đạt và thành tựu của Ràvana ?"

Bấy giờ Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát mà trước đây Ràvana đã yêu cầu tham vấn Đức Phật về sự tự chứng của Ngài, cảm thấy thương cho ông và biết được tâm ý của hội chúng Bồ-tát và quán sát thấy rằng các chúng sinh sinh ra trong tương lai sẽ bị rối rắm về tâm thức vì ưa thích ngôn ngữ văn tự (désanàpàtha) vì chấp vào chữ nghĩa mà cho thấy rằng đấy là đúng hợp với thế giới khách quan (Artha: nghĩa, cảnh) vì chấp vào những năng lực tu tập của hàng Thanh văn, Duyên giác và các triết gia, có thể khiến cho các chúng sinh ấy nghĩ này nọ rằng chư Như Lai, chư Thế Tôn, dù đang ở

---

(1) Không có trong các bản Hán dịch.

thuvienhuequang.vn

trạng thái tâm thức siêu phàm mà cũng bật ra tiếng cười lớn nhất. Bồ-tát Mahàmati liền hỏi đức Phật câu hỏi như sau, để ngăn chặn thắc mắc của họ: "Vì lý lẽ nào, vì duyên cớ nào mà tiếng cười ấy phát ra như vậy ?"

Thế Tôn dạy: "Hay lắm, hay lắm, này Mahàmati ! Quả là hay lắm, này Mahàmati ! Do thấy được thế giới đúng như thế giới trong chính thế giới và muốn giác ngộ cho con người trong thế giới, những con người rơi vào một kiến giải sai lầm về các sự vật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, nên ông đem câu hỏi ấy mà hỏi ta. Hàng trí giả muốn hỏi những câu hỏi cả cho chính mình và cho người khác cần phải như thế. Này Mahàmati, Ràvana, chúa thành Lăng Già đã nêu hai câu hỏi về chư Như Lai trong quá khứ; là các bậc A-la-hán và chư Phật toàn hảo; và bây giờ ông cũng muốn hỏi ta hai câu hỏi để được biết đích xác về sự rõ ràng, sự thông đạt phạm vi của chúng. Đây là điều mà những kẻ thực hành Thiền định của Thanh Văn, Duyên giác và các triết gia không bao giờ biết hết được và kẻ mười đầu ưa thích hỏi ấy cũng sẽ hỏi chư Phật trong tương lai.

Biết như thế nên Thế Tôn bảo chúa thành Lăng Già rằng: "Này chúa thành Lăng Già, hãy hỏi đi, Như Lai đã cho phép ông hỏi, chớ chậm trễ.

thuvienhuequang.vn

Những câu hoi nào mà ông muốn được trả lời, ta sẽ tra lời từng câu một [15] đê thỏa mãn lòng ông. Hãy đặt chỗ suy nghĩ của ông thoát ra khỏi mọi phân biệt (sai lầm) mà quán sát kỹ vào những gì bị nén ở mỗi cấp độ; suy nghĩ về các sự vật bằng trí tuệ; thấu suốt ban chất của các nguyên lý có sẵn trong tự nội cua ông, an trú trong hạnh phúc của Tam-ma-địa, được chư Phật hộ trì trong Tam-ma-địa, an trú trong hạnh phúc của tịch lặng; bằng cách vượt khỏi cái Tam-ma-địa và cái kiến giải mà hàng Thanh văn, Duyên giác đã đạt được, hãy an trú trong cái Bất động địa (Acalà), Thiện tuệ địa (Sàdhumàti) và Pháp vân địa (Dharmameghà); hãy nắm chắc sự vô ngã (vô tự tính) của mọi sự vật trong ý nghĩa đích thực của vô ngã, hãy được chư Phật quán đanh trong Tam-ma-địa tại lâu đài to lớn bằng ngọc ngà hoa sen[1]. Khi được chư Bồ-tát nương thần lực của chư Phật mà ngồi trên những

---

(1) Câu tiếp theo đây được dịch dựa theo ban Đường, vì bản Sanskrit hình như không có nghĩa. Dịch sát nghĩa đen thì: "Do trơ thành các hoa sen, do những hoa sen ấy được ban ân huệ bằng chính con người của mình...". Bản Ngụy ghi: "Này vua Lăng Già, chẳng bao lâu nữa, ông sẽ thấy con người của ông, cũng ngồi trên đài Hoa sen và tiếp tục an trú ở đấy bằng một cách tự nhiên nhất. Có vô số gia tộc của các vua hoa sen và vô số gia tộc Bồ-tát ở đó, mỗi vị ngồi trên một đài sen, được vây quanh bởi những người trong đó có chính ông, nhìn đối mặt nhau, và mỗi người chẳng bao lâu sẽ an trú trong canh giới vượt ngoài sự biêu biết".

thuvienhuequang.vn

hoa sen đủ loại vây quanh ông, ông sẽ thấy mình ngồi trên một hoa sen và các vị Bồ-tát đang đối mặt nhìn vào ông. Đây là một cảnh giới vượt ra ngoài trí tưởng tượng. Ông nên vạch ra một chương trình thích hợp và đặt mình ông vào một cấp độ tu tập bằng cách vạch ra một chương trình như thế với đủ mọi phương tiện thiện xảo khiến ông thực chứng cảnh giới ngoài trí tưởng tượng ấy, và ông nên đạt cái cấp độ Như Lai tính trong đó người ta có thể tự thể hiện mình nhiều hình tướng khác nhau và đấy là cấp độ mà hàng Thanh văn, Duyên giác, Triết gia, Phạm Thiên, Đế Thích, Long Vương và những vị khác chưa bao giờ thấy".

Lúc bấy giờ được Thế Tôn cho phép chúa thành Lăng Già đứng dậy khỏi chỗ ngồi của ông trên đỉnh núi châu báu sáng ngời như sao sen châu ngọc tinh khiết và rực rỡ; ông được vây quanh bởi một đám đông thiên nữ, và đủ loại tràng hoa, bông hoa hương thơm, hương liệu, dao liệu, dù, phướn, cờ, vòng cổ, kiềng, vương miện, mão và các đồ trang sức khác mà chưa ai từng nghe nói hay trông thấy được hóa hiện ra; âm nhạc được trình bày là thứ nhạc cao vời vượt hẳn nhạc của Trời, Rồng, Dược-xoa, La-sát, Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già và Người; các nhạc cụ được hóa hiện ra là thứ nhạc cụ mà khắp cõi dục giới không thể có được và những nhạc cụ siêu đẳng cũng được hóa

thuvienhuequang.vn

hiện ra như các nhạc cụ ở các Phật độ; Thế Tôn và chư Bồ-tát được vây bọc bằng một màn lưới châu ngọc; đủ thứ cờ xí và phướn cao được dựng vút lên hư không để chào mừng Đức Phật, tuôn xuống những đám mây lớn chứa tặng vật xướng nhạc vang khắp chung quanh rồi từ trên không truyền xuống. Chúa Lăng Già ngồi xuống trên đỉnh núi châu báu được trang hoàng bằng những hoa sen châu báu đang chiếu sáng với vẻ rực rỡ chỉ thua có ánh mặt trời. Ông ngồi và lễ phép mỉm cười với Đức Phật trước về việc Ngài cho phép hỏi, rồi hỏi Ngài: "Chư Như Lai trong quá khứ là các vị A-la-hán, các bậc Toàn Giác đã được hỏi và đã giải đáp. Bạch Thế Tôn, bây giờ con hỏi Ngài; lời thỉnh cầu của con chắc chắn sẽ được Ngài thuận giải đáp cho trong tầm mức của sự thuyết dạy bằng lời[1] như chư Phật trong quá khứ đã thuận giải đáp. Bạch Thế Tôn, Năng Hóa Như Lai và Sở Hóa Như Lai thuyết giảng về Nhị nguyên tính chứ Thanh Tịnh Như Lai thì không thuyết giảng[2](*).

---

(1) Tức là ở tầm mức mà giáo lý có thể được chứa đựng trong ngôn ngữ văn tự. De'sanàpàtha (ngôn thuyết, văn tự) trái nghĩa với Siddhànta (tông thú, tự chứng) và Pratyàmagati (tự chứng sơ hành)

(2) Trong bản Đường và bản Ngụy: "Chư Bổn Nguyên Như Lai"

(*) Ở đây chưa nói đến Tam thân (Trikaya) của Đức Phật (người dịch ra Việt ngữ).

thuvienhuequang.vn

Chư Thanh Tịnh Như Lai thiền định trong trạng thái an lạc của Tam-ma-địa, các Ngài không phân biệt về trạng thái này, cũng không thuyết giảng về nó. Bạch Thế Tôn, hẳn là Ngài sẽ thuyết giảng về vấn đề nhị biên tính này. Ngài chính là một bậc thầy của vạn pháp, một vị A-la-hán, một đức Như Lai, các nam tử của Đức Phật và chính con đây rất muốn nghe về vấn đề ấy."

Thế Tôn dạy: "Này chúa thành Lăng Già, hãy nói cho ta biết ông hiểu nhị biên tính là gì ?"

Chúa quỷ La-sát [17] trông mới hẳn lên với những đồ trang sức của ông, đầy vẻ rực rỡ và mỹ miều, với vương miện, vòng đeo tay, vòng cổ xâu bằng chi Vajra, ông nói: "Con nghe rằng ngay cả chánh pháp cũng phải từ bỏ huống chi là phi pháp. Bạch Thế Tôn, tại sao lại có nhị biên mà chúng con lại được dạy là phải từ bỏ ? Chánh pháp là gì ? Và phi pháp là gì ? Sao lại có sự việc rằng vì không biết các bản chất vô phân biệt của A-lại-da thức (Àlayavijnanà) nên có thể có một nhị biên tính của các pháp mà cần phải từ bỏ. Một nhị biên tính khởi sinh do bị rơi vào trong phân biệt, do phân biệt cái ngã hữu, mà trong đó không có gì, do cái ý tưởng về pháp được sinh ra và không được sinh ra ? Giống như việc trông thấy cái vòng tóc (hair-circle) là có thực giữa hư không, cái ý niệm nhị

thuvienhuequang.vn

biên thuộc vào lãnh vực tri thức chưa được tẩy sạch toàn bộ. Đấy là cái trường hợp phải như thế thì tại sao lại có thể có sự lìa bỏ pháp và phi pháp ?"

Thế Tôn dạy: "Này chúa thành Lăng Già, ông há chẳng thấy rằng sự phân biệt các sự vật, như về các bình lọ và các đồ vật dễ vỡ khác, mà bản chất của nó là tàn diệt theo thời gian, sự phân biệt ấy xảy ra trong một cảnh giới phân biệt mà kẻ ngu si ưa chuộng ? Điều ấy là như thế, há nó lại không được hiểu như thế ? Đấy là do sự phân biệt mà kẻ ngu si ưa thích cho nên có sự phân biệt pháp và phi pháp, không thể chứng đạt Thánh trí (Aryajnàna) bằng cách nhìn thấy [sự vật] theo cách như thế. Này chúa thành Lăng Già, hãy mặc cho kẻ ngu si chạy theo cái khía cạnh [đặc thù hóa] của hiện hữu với các đồ vật như bình lọ v.v... chứ người có trí thì lại không như thế. Một ngọn lửa với cùng bản chất bốc lên tùy theo nhà cửa, dinh thự, khuôn viên, nền dãy và thiêu cháy các thứ ấy, trong khi có sự khác biệt trong các ngọn lửa tùy theo sức mạnh của từng vật liệu cháy với độ dài, độ lớn v.v... khác nhau. Điều này là thế, tại sao [18] lại không hiểu như thế ? Tính nhị biên của pháp và phi pháp hiện hữu như thế đấy. Này chúa thành Lăng Già, không những người ta trông thấy một ngọn lửa lan rộng ra trong một tương tục

thuvienhuequang.vn

mà còn thấy nó thành nhiều ngọn khác nhau, nhưng do từ một mầm mà ra, cũng trong một sự tương tục, thân, chồi, nụ, lá, cánh hoa, hoa, trái, cành, mỗi thứ riêng biệt, được sinh ra. Nhiều pháp (đối tượng, sự vật) sinh khởi từ pháp (đối tượng bên ngoài), từ các nội pháp cũng như thế. Do vô minh, từ đó các uẩn (Skàndhas), các giới (Dhàtus), các xứ (Àyatanas) phát triển với đủ mọi thứ sự vật theo sau sinh khởi trong ba cõi mà trong đó, như chúng ta thấy, chúng ta có hạnh phúc, tướng trạng, ngôn ngữ và thái độ, mỗi mỗi khác biệt nhau đến vô cùng. Cái nhất thể của Thức được nắm bắt theo đủ cách tùy theo sự tiến hóa của thế giới khách quan, do đó người ta thấy có pháp bên dưới, pháp bên trên và pháp ở giữa; pháp ô nhiễm và tự tại không bị ô nhiễm, pháp thiện và pháp ác. Này chúa thành Lăng Già, không những chỉ có một sự khác biệt về điều kiện như thế trong các sự vật (pháp) nói chung mà còn có rất nhiều sự chứng nghiệm mà một người Tu hành (Yogin) đạt được một cách tự nội khi vị ấy đi theo con đường tu tập tạo nên sự tu tập của vị ấy. Còn biết bao nhiêu sự khác biệt trong pháp và phi pháp mà hà chúng ta lại không thấy được trong một thế giới của những đặc thù do phân biệt mà sinh khởi ? Quả thực, chúng ta đã thấy được.

"Này chúa thành Lăng Già, sự khác biệt giữa

thuvienhuequang.vn

pháp và phi pháp là do từ sự phân biệt mà ra, này chúa thành Lăng Già, Pháp là gì ? Chính là pháp được phân biệt do sự phân biệt mà hàng triết gia, Thanh văn, Duyên giác và hàng ngu si chủ trương. Họ nghĩ rằng pháp được định bằng phẩm cách và bản chất, được sản sinh ra là do nhân duyên. Đấy là những ý tưởng cần phải từ bỏ. Những pháp như thế chớ nên xem là thực vì chúng đều là những tướng trạng (Lakshana). Do người ta nắm chấp vào cái tướng trạng nên cho rằng những biểu hiện của chính Tâm mình là thực (Pháp tính - Dharmatà) [19]. Những sự vật như bình lọ v.v... là những sản phẩm của phân biệt do kẻ ngu si quan niệm, những sản phẩm ấy không có, bản chất của chúng là không thể đạt được. Nhìn sự vật từ cái quan điểm như thế thì cũng như là từ bỏ chúng vậy.

"Lại nữa, phi pháp là gì ? Này chúa thành Lăng Già, không thể đạt tới tự tính của pháp, pháp không phải là những tướng trạng sinh ra do phân biệt pháp ở bên trên nhân quả. Trong pháp không có cái gì mang tính nhị biên để được xem là thực hay không thực. Đấy gọi là sự từ bỏ pháp. Lại nữa, tính chất bất khả đắc của pháp là gì ? Đấy là, cũng như sừng thỏ, hay lừa, hay lạc đà, hay ngựa hay đứa bé trong bụng bà già. Không nên nghĩ rằng đấy là thực vì những thứ ấy chỉ là những tướng

thuvienhuequang.vn

trạng. Chúng chỉ được nói đến trong cách nói thông thường nếu chúng có chút ý nghĩa nào đó mà thôi, không nên chấp chặt vào chúng như trong trường hợp bình, lọ v.v... Vì những thứ hư giả này cần phải được từ bỏ, tri thức (vijnàna) không thông hội chúng, các pháp (bhàva) phân biệt cũng phải được từ bỏ như thế. Đấy gọi là sự từ bỏ pháp và phi pháp. Này chúa thành Lăng Già, câu hỏi của ông với sự từ bỏ pháp và phi pháp đã được trả lời như thế đấy.

"Này chúa thành Lăng Già, ông còn bảo rằng ông đã đem câu hỏi này mà hỏi chư Như Lai trong quá khứ, là những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác và câu hỏi này đã được các vị ấy giải đáp. Này chúa thành Lăng Già, điều gì được nói ra trong quá khứ, thì thuộc về phân biệt, vì quá khứ cũng là một ý niệm phân biệt, đến cả những ý niệm trong tương lai và trong hiện tại cũng là phân biệt. Do thực tính (Pháp tính - Dharmatà) mà chư Như Lai không phải là phân biệt, chư vị ấy đã vượt khỏi phân biệt và hí luận, chư vị ấy đã không theo cái khía cạnh đặc thù của sắc (Rùpa) trừ khi để nhằm soi sáng cho vô minh và vì an lạc của chư vị[1]. Do

---

(1) Đây là một trong những phần quan trọng nhất trong chương dẫn nhập đầu tiên này, nhưng đặc biệt ca ba ban

thuvienhuequang.vn

bởi trí tuệ siêu việt (bát nhã - prajnà) mà Như Lai thực hiện những công hạnh vượt lên trên các sắc tướng (vô tướng hạnh - animittacàra); do đó cái bao gồm nên chư Như Lai trong bản chất cũng như trong thân thể là trí tuệ (jnàna). Chư vị không phân biệt, cũng không bị phân biệt. Vì sao chư vị không phân biệt mạt-na (Manas) ? Vì sự phân biệt là thuộc ngã, thuộc linh hồn, thuộc cá tính (Personality). Chư vị không phân biệt như thế nào ? Cái mạt-na thức (Manovijnàna) là dành cho cái thế giới đối tượng trong đó tính nhân quả là thù thắng về hình sắc, về vẻ bên ngoài, về điều kiện, về tướng

---

kinh, có lẽ ngoại trừ ban Đường, có một số khó hiểu. Bản Ngụy: "Này chúa thành Lăng Già, cái mà ông bảo là quá khứ thì đấy là một hình thức phân biệt; cả hiện tại và vị lai cũng thế, cũng đều thuộc về phân biệt... Này chúa thành Lăng Già, khi ta bảo cái bản chất thực sự của Như như là thực, thì đấy cũng thuộc vào phân biệt.

Nếu ai muốn thực chứng hạnh phúc của trí tuệ thì hãy tự mình tu tập trong cái biết vượt lên trên hình tướng; do đó, chớ phân biệt và cho rằng chư Như Lai có thân hiểu biết hay có bản chất trí tuệ. Đừng ưa chuộng bất cứ sự phân biệt nào trong tâm (ông). Trong tâm ý, chớ bám vào những ý niệm như tự ký, ngã tính, linh hồn v.v... Không phân biệt như thế nào ? Chính là trong Mạt-na-thức (Manojnàna) có sự ưa chuộng những hình danh, sắc tướng (v.v...) Đừng ưa chuộng những sự phân biệt ấy. Đừng phân biệt cũng đừng bị phân biệt. Lại nữa, này chúa thành Lăng Già, cũng như những hình tướng khác nhau được tô vẽ trên tường, hết

thuvienhuequang.vn

trạng. Do đó, vượt lên trên cả phân biệt và vô phân biệt.

"Này chúa thành Lăng Già, chúng sinh là những cái vẻ bên ngoài, chúng sinh giống như những hình ảnh được vẽ trên tường, không có cảm tính (hoặc ý thức). Này chúa thành Lăng Già, mọi thứ gì ở trong đời này đều không có tạo, không có tác vì hết thảy các sự vật (pháp) đều không có thực tính và không có cái gì được nghe, không có cái gì nghe. Này chúa thành Lăng Già, mọi thứ trên đời này đều giống như một hình ảnh được biến đổi một cách xảo diệu. Các triết gia và kẻ ngu

---

thảy chúng sinh hữu tình cũng như thế. Này chúa thành Lăng Già, hết thảy chúng sinh hữu tình đều giống như cỏ cây, chẳng có tạo tác, chẳng có hành vi. Này chúa thành Lăng Già, hết thảy pháp và phi pháp, chẳng có gì được nghe, chẳng có gì được nói...". Bản Đường: "Này chúa thành Lăng Già, điều mà ông nói đến gọi là thuộc quá khứ thì cũng chỉ là phân biệt mà thôi, tương lai thì cũng như thế; Ta cũng giống như thế [có lẽ ý nói rằng: "Hiện tại cũng giống như thế chăng ?"]. Này chúa thành Lăng Già, giáo pháp của tất cả chư Phật ở bên ngoài phân biệt, vì vượt khỏi mọi phân biệt và mọi hí luận cho nên giáo pháp không phải là một hình thức thù biệt hóa, giáo pháp chỉ được hiểu rằng trí tuệ mà thôi. Giáo pháp ấy có phần nào được thuyết giảng là cũng chỉ nhằm để tạo hạnh phúc cho tất cả chúng sinh hữu tình. Sự thuyết giảng được thực hiện bằng cái trí tuệ vượt lên trên sắc tướng. Đấy gọi là Như Lai; do đó đấng Như Lai có ban thể của Ngài, có thân

thuvienhuequang.vn

si không hiêu được như thế. Này chúa thành Lăng Già, kẻ nào thấy sự vật theo như thế thì kẻ ấy là kẻ thấy đúng sự thực. Những ai thấy sự vật khác thế thì đấy là những kẻ đi vào phân biệt; vì họ tùy thuộc vào phân biệt nên họ chấp vào nhị biên. Đấy cũng như nhìn ảnh của chính mình phản chiếu trong gương hay bóng của chính mình trong nước hay nghe một tiếng dội trong thung lũng. Người ta nắm níu những cái bóng của phân biệt của chính mình; [21] duy trì sự phân biệt pháp và phi pháp và do không từ bỏ được như nguyện nên họ tiếp tục phân biệt và không bao giờ đạt được sự an tịnh. Do an tịnh có ý nghĩa nhất tính (oneness - nhất duyên, ekàgra); và nhất tính sinh ra Tam-ma-địa

---

thể của Ngài trong trí tuệ này. Như thế, Ngài không phân biệt, Ngài cũng không bị phân biệt. Đừng phân biệt Ngài theo cái ý niệm về tự ngã cá tính hay hữu thể (chúng sinh). Tại sao lại có tính chất không thể phân biệt này ? Vì mạt-na thức (Manovijnàna) bị khơi động bởi một thế giới đối tượng trong đó mạt-na thức tự nối kết nó với hình danh sắc tướng. Do đó Như Lai ở ngoài (cái biến) phân biệt cũng như (cái ý tưởng) bị phân biệt. Này chúa thành Lăng Già, giống như các chúng sinh được tô vẽ bằng màu sắc trên một bức tường, chúng sinh không có cảm tính (hay ý thức). Chúng sinh hữu tình trong thế giới cũng giống như các hình vẽ trên tường ấy, không có tạo tác, không có nghiệp báo. Tất cả các giáo pháp cũng thế, không có sự nghe, không có sự giảng".

thuvienhuequang.vn

cao nhất, là cảnh giới đạt được bằng cách nhập vào Như Lai tạng, là cảnh giới của trí tuệ cao thượng, thực chứng được trong tự nội thâm sâu nhất của mình.

Chương đầu tiên gọi là "Ràvana xin được nghe giảng pháp"[1].

---

(1) *Cần ghi nhận rằng những chỗ chấm dứt chương không phải là như nhau trong suốt bộ kinh. Thông thường, ở cuối mỗi chương đều có nhắc đến chính ban kinh, xác nhận rằng chương ấy mang một tựa đề như thế nào, thuộc ban kinh nào. Nhưng ở đây không có ghi gì về kinh Lăng Già , có ve như chương Ràvana này là một phần hoàn toàn độc lập. Trong khi xem trọn vẹn mâu chuyện kê của nó và lại thấy phần còn lại cua ban kinh không hề nhắc thêm gì về Ràvana, người ta chắc chắn rằng chương này về sau đã được thêm vào ban kinh thì đồng thời người ta cũng thấy rằng cái khuynh hướng thuyết giang cua Đức Phật ở đây to ra ở chương này có liên hệ mật thiết với ban kinh, nhất là khi ở phần cuối chương lại nhấn mạnh sự quan trọng của sự tự chứng, phê phán tính hão huyền, vô bổ cua giáo pháp bằng ngôn từ thường được một vị thầy đưa ra.*

thuvienhuequang.vn

SỰ TẬP HỢP TẤT CẢ CÁC PHÁP

I[1]

[22] Lúc bấy giờ Mahàmati (Đại Huệ), vị Bồ-tát Ma-ha-tát, đã từng đến tất cả các Phật độ cùng với tất cả các vị Bồ-tát, liền đứng lên khỏi chỗ ngồi nhờ thần lực của chư Phật, kéo thượng y lên một vai, quỳ gối phải trên đất, chấp tay hướng về phía Thế Tôn, kính cẩn đảnh lễ Ngài rồi tán thán Ngài bằng những câu tụng sau đây:

1. Vì Ngài quán xét thế giới bằng trí tuệ và từ bi siêu việt của Ngài nên đối với Ngài, thế giới giống như một đóa thiên hoa mà người ta không thể nói rằng nó đang sinh hay diệt vì (loại) chúng sanh và phi chúng sanh thì không thể thông hiểu nó.

2. Vì Ngài quán xét tất cả các sự vật bằng trí

---

(1) Người dịch (Suzuki) chia thành từng phần để dễ hiểu kinh vì nhiều đề tài trong kinh được nêu xét mà không theo hệ thống.

thuvienhuequang.vn

tuệ và từ bi siêu việt của Ngài nên đối với Ngài, các sự vật giống như những ảo ảnh, chúng vượt ngoài tầm hiểu biết vì (loại) chúng sanh mà phi chúng sanh thì không thể thông hiểu được chúng.

3. Vì Ngài quán xét thế giới bằng trí tuệ và từ bi siêu việt nên thế giới đối với Ngài như một giấc mộng mà người ta không thể nói rằng nó là thường hay là đoạn vì (loại) chúng sanh và phi chúng sanh không thể thông hiểu được nó.

4. Trong pháp thân mà cái tự tính giống như một ảo ảnh hay một giấc mộng, thì có cái gì để tán thán ? Khi không có cái ý tưởng nào về sự hiện hữu hay về sự không có tự tính khởi lên thì không có sự tán thán.

5. Bạch Đức Mâu-ni, làm sao có thể tán thán hay phê bác một sự vật mà cái về bên ngoài của nó thì không thể thấy được [23] vì nó vượt khỏi những ý nghĩa và những đối tượng của các ý nghĩa ấy ?

6. Bằng trí tuệ và từ bi siêu việt trên mọi hình tướng, Ngài thông hiểu cái vô ngã của sự vật và của người và chính Ngài luôn luôn thanh tịnh, tự tại với mọi ô nhiễm của khát ái và tri thức.

7. Ngài không tịch diệt trong Niết-bàn và Niết-bàn cũng không tồn tại trong Ngài; vì Niết-bàn vượt khỏi cái nhị biên của năng tri và sở tri và của hữu và phi hữu.

thuvienhuequang.vn

8. Những ai thấy đấng Mâu-ni tịnh tịch, vượt khỏi sinh tử thì những kẻ ấy sẽ sạch được những trói buộc, thanh tịnh trong đời này và cả đời sau.

II

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati ca ngợi Thế Tôn bằng những câu tụng như thế rồi xưng tên của chính mình cho Thế Tôn biết.

9. Bạch Thế Tôn, con tên là Mahàmati, con được thông hiểu rõ về Đại thừa. Con mong được đưa ra một trăm lẻ tám câu hỏi mà hỏi Ngài, vị biện thuyết bậc nhất.

10. Nghe nói thế, bậc Tối Thắng trí trên đời nhìn khắp hội chúng mà nói với vị nam tử của đấng Thiện Thệ rằng:

11. Hãy hỏi Ta đi, hỡi các nam tử của bậc Tối Thắng, và này Mahàmati, ông hỏi và Ta sẽ chỉ cho ông về sự tự chứng.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati được Thế Tôn cho cơ hội để nói, sụp mình xuống chân Thế Tôn và hỏi:

[24] 12. Làm sao mà người ta có thể tẩy bỏ được cái trí sai lầm ? Do đâu mà trí sai lầm sinh khởi ? Làm sao mà người ta có thể nhận ra những sai lầm ? Do đâu mà sai lầm sinh khởi ?

13. Do đâu mà có các vùng đất có sự biến hóa

thuvienhuequang.vn

hủy hoại, xuất hiện và có các triết gia ngoại đạo ? Vì sao có trạng thái vô tưởng có các cấp độ và do đâu có các nam tử của đấng Tối Thắng ?

14. Đâu là con đường giải thoát ? Ai bị trói buộc ? Do gì mà người ấy được cứu thoát ? Trạng thái tâm thức của những vị tu hành Thiền định là gì ? Do đâu gọi là tam thừa ?

15. Cái gì được sinh ra từ nhân quả ? Quả là gì ? Nhân là gì ? Do đâu mà có học thuyết nhị biên ? Do đâu mà nó sinh khởi ?

16. Do đâu mà có sự tu tập vô sắc làm an tịnh ? Do đâu mà có sự tận diệt tu tập ấy ? Do đâu gọi là sự diệt các tư tưởng ? Và làm sao mà người ta được tỉnh giác từ nó ?

17. Hành động sinh khởi như thế nào ? Do đâu gọi là thái độ của những kẻ nắm giữ thân thể ? Do đâu gọi là [thế giới] sở kiến [này] ? Do đâu gọi là các điều kiện (duyên) ? Do đâu có sự nhập vào các cấp độ (các địa) ?

18. Ai chính là kẻ phá ba cõi (tam hữu) ? Trú xứ là gì ? Thân là gì ? Cái đang tồn tại sinh khởi ở đâu ? Do đâu gọi là nam tử của đức Phật ?

19. Ai đạt các khả năng tâm linh, sự tự điều ngự, các tam-ma-địa ? Tâm được an tịnh như thế nào ? Hỡi đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy nói cho con nghe.

thuvienhuequang.vn

20. A-lại-da là gì ? Do gì có Mạt-na thức ? [25] [Thế giới] sở kiến khởi sinh thế nào ? Nó không còn khả kiến nữa như thế nào ?

21. Do đâu mà gọi là có gia tộc và không có gia tộc ? Duy tâm nghĩa là gì ? Mang các tướng là gì ? Do đâu gọi là học thuyết Vô ngã ?

22. Tại sao không có chúng sanh ? Loại pháp nào thích hợp với sự suy nghĩ phổ thông ? Làm cách nào người ta có thể thôi chủ trương thường kiến ('Sasvata - darshana) và đoạn kiến (Uccheda - darshana) ?

23. Thế nào là về vẻ bên ngoài Ngài không khác với hàng triết gia ? Xin Ngài cho con biết, tại sao có sự khởi sinh của học phái Nyàya ? Tương lai của nó thế nào ?

24. Hư vô nghĩa là gì ? Theo Ngài sự đoạn diệt tạm thời là gì ? Thai tạng nghĩa là gì ? Do đâu mà có sự ổn định của thế giới ?

25. Tại sao cuộc đời giống như một ảo ảnh và một giấc mộng ? Nó giống thành của Càn-thác-bà (Gandharva) như thế nào ? Tại sao nó được xem như một tấm gương hay như một mặt trăng được phản chiếu trong nước ? Xin Ngài nói cho con biết.

26. Các yếu tố chứng ngộ (Thất giác chi) là gì ? Các thành phần của chứng ngộ là gì ? Do đâu có một cuộc cách mạng, một sự hỗn loạn trong một

thuvienhuequang.vn

vương quốc ? Cái thực kiến về cuộc đời (Bhava-drishti) sinh khởi như thế nào ?

27. Cuộc đời vượt lên trên sinh và tử nghĩa là gì ? Cuộc đời giống như hoa giữa hư không nghĩa là gì ? Ngài hiểu cuộc đời như thế nào ? Tại sao Ngài xem nó vượt ngoài ngôn từ ?

28. Nó không bị lệ thuộc vào phân biệt như thế nào ? Nó giống bầu trời như thế nào ? Như như gồm có bao nhiêu loại ? Tâm gồm bao nhiêu thứ ? Có bao nhiêu Ba-la-mật ?

29. Do đâu gọi là thứ tự của các cấp độ ? Trạng thái vô tưởng là gì ? Vì sao có hai thứ vô ngã ? Người ta được tẩy sạch tri kiến như thế nào ?

30. Bạch đấng Đạo Sư, tri thức (jnàna) có bao nhiêu loại ? Có bao nhiêu giới hạnh ? Có bao nhiêu hình thức chúng sanh ? Do đâu mà những gia đình được sinh ra bởi vàng, châu ngọc ?

31. Việc thuyết giảng sinh ra từ ai ? Do đâu có sự khác biệt giữa các chúng sinh ? Do đâu có các khoa học, có lễ nghi, có nghệ thuật ? Và các thứ này do ai mà thành ?

32. Kệ (gàthà) gồm bao nhiêu thứ ? văn xuôi (trùng tụng) là gì ? Văn vần (đoản cú - metu) là gì ? Lý luận và bình luận gồm bao nhiêu thứ ?

33. Có bao nhiêu thứ đồ ăn và đồ uống ? Nhục

thuvienhuequang.vn

dục bắt nguồn từ đâu ? Sao gọi là các quốc vương; các lãnh chúa và các nhà quản trị địa phận ?

34. Một ông vua bảo vệ lãnh thổ của mình như thế nào ? Chư Thiên gồm bao nhiêu nhóm ? Sao gọi là đất, tinh tú, các chòm sao, mặt trăng và mặt trời.

35. Có bao nhiêu loại giải thoát ? Bao nhiêu kẻ Tu hành (Yogin) ? Có bao nhiêu loại tu tập ? Có bao nhiêu bậc Đạo sư ?

36. Có bao nhiêu loại Phật tính ? Có bao nhiêu chuyện Bổn sanh (Jàtaka) ? Những kẻ xấu đông như thế nào ? Hàng ngoại đạo đông như thế nào ?

37. Thế nào là cái học thuyết chẳng có gì khác ngoài cấu trúc của tư duy (giả thiết) ? Hỡi đấng Biện Tài đệ nhất, xin hãy nói cho con nghe.

38. Do đâu có mây trên bầu trời ? Có gió ? Thiền định là gì ? Trí tuệ (midhà) là gì ? Do đâu có cây mộc, câu leo ? Hỡi đấng Chủ Quản của ba cõi, xin hãy nói cho con nghe.

39. Làm cách nào bắt ngựa, voi và nai ? Sao gọi là kẻ ngu, người xấu ? Hỡi Ngài, đấng Điều Quản Tâm, xin hãy nói cho con biết.

40. Do đâu mà sáu mùa được nêu ra ? Kẻ không có Phật tính (Nhất xiển đề - Icchantica) nghĩa là gì ? Xin Ngài nói cho con biết, do đâu mà có sự sinh ra của một nam nhân, một phụ nữ, một kẹ phi nam phi nữ ?

thuvienhuequang.vn

41. Người ta bị thối thất trong tu tập Yoga như thế nào ? Người ta tiến bộ trong tu tập Yoga như thế nào ? Có bao nhiêu phép tu tập Yoga ? Có bao nhiêu người trú vào các phép tu tập ấy ? Xin Ngài hãy nói cho con biết.

42. Chúng sanh được sanh ra theo nhiều con đường sống khác nhau như thế nào ? Người ta thăng tiến qua các con đường ấy như thế nào ? Người ta đạt được sự sung mãn về thời gian như thế nào ? Hỡi đấng giống như bầu trời, xin hãy nói cho con biết.

43. Do đâu có dòng họ Thích (Sakya) ? Do đâu người ta sinh ra là hàng Ikshvàku ? Sao gọi là vị Thấu thị trường khổ hạnh ? Vị ấy nói điều gì ?

44. Làm sao Ngài hiển hiện ở mọi nơi trong từng cõi, được vây quanh bởi chư vị Bồ-tát có tên khác nhau, có hình tướng khác nhau như thế ?

45. Tại sao không ăn thịt ? Tại sao cấm thịt ? Loài ăn thịt do đâu mà sinh ra ? Ai ăn thịt ?

46. Tại sao các vùng đất được đẽo nặn giống như mặt trăng, mặt trời, núi Tu-di (Sumeru), hoa sen, swatika, sư tử ? Xin Ngài nói cho con biết.

[28] 47. Vì sao các vùng đất lại được đẽo nặn giống như tấm lưới úp ngữa của Đế Thích (Indra) gồm đủ loại châu báu ? Xin Ngài nói cho con biết tại sao ?

thuvienhuequang.vn

48. Tại sao [đất] lại được đẽo nặn thành hình một cây đàn hay một cái trống ? Được đẽo nặn giống như hoa quả giống như mặt trời và mặt trăng tinh sạch như thế ? Xin Ngài nói cho con biết.

49. Sao gọi là chư Phật Hóa thân ? Sao gọi là chư Phật Báo thân ? Sao gọi là chư Phật có trí tuệ như như siêu việt ? Xin Ngài nói cho con biết.

50. Tại sao người ta không đạt giác ngộ trong dục giới ? Xin Ngài nói cho con biết. Thế nào là ý nghĩa của sự việc Ngài được giác ngộ ở cõi trời Sắc cứu cánh (Akanishtha) do rũ sạch mọi ái dục ?

51. Sau khi con chết, ai hộ trì việc tu tập ? Bậc Đạo Sư an trú bao lâu ? Giáo pháp được tiếp tục bao lâu ?

52. Có bao nhiêu thứ chân lý được thiết lập ? Có bao nhiêu quan điểm triết học ? Sao gọi là Đạo đức (Giới) ? Cái gì tạo thành sự hiện hữu của một Tỳ-kheo ? Xin Ngài nói cho con biết.

53. Tình trạng thối thất nghĩa là gì ? Sao gọi là trạng thái vô tướng (được chứng nghiệm) bởi hàng Duyên giác, Bồ-tát và Thanh văn ?

54. Ai đạt được các năng lực tâm linh của đời này (thế tục thông) ? Những ai là đấng xuất thế gian ? Tâm nhập vào bảy cấp độ (thất địa) bằng những phương tiện nào ? Xin Ngài nói cho con biết.

thuvienhuequang.vn

55. Có bao nhiêu loại giáo chúng Tỳ-kheo ? Một sự bất đồng ý xảy ra trong giáo chúng như thế nào ? Các cách chữa trị thuốc men cho chúng sinh như thế nào ? Xin Ngài hãy nói cho con rõ.

[29] 56. Ngài bảo rằng Ngài ở trong hàng chư Phật Ca-diếp, Câu-lưu-tôn và Câu-na-hàm Mâu-ni. Hỡi đấng Đại Mâu-ni, xin Ngài nói cho con nghe tại sao như thế.

57. Thế nào là học thuyết vô ngã, linh hồn trong các chúng sinh ? Thế nào là thường hằng là đoạn diệt ? Tại sao Ngài không tuyên thuyết ở mọi nơi cái chân lý Duy tâm ?

58. Rừng nam và nữ nghĩa là gì ? Rừng Karitaki và Àmali nghĩa là gì ? Do đâu mà có các núi Kailàsa, Caknavàda và Vajrasamhananà ?

59. Trong những núi này, những núi nào có trang hoàng bằng đủ loại châu ngọc khác nhau và đầy cả những vị Thấu thị (Rishis), và Càn-thác-bà (Gaudharva) ? Xin Ngài nói cho con biết.

60. Khi nghe tụng này, gồm trong giáo pháp tuyệt mỹ của Đại thừa và cũng là trái tim cao vời nhất của chư Phật, đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Tối Thắng trong sự liễu tri về cuộc đời dạy rằng:

61. Hay lắm ! Này Đại trí Mahàmati. Hãy nghe cho kỹ, Ta sẽ nói cho ông nghe về các câu hỏi của ông.

thuvienhuequang.vn

62. Sinh, vô sinh, Niết-bàn, hư vô luân hồi, vô tự tính, chư Phật, các nam tử của Ba-la-mật.

63. Hàng Thanh văn, Bồ-tát, những vị có khả năng có hành vi vô tướng, núi Tu-di (Meru), các biển, núi non, các đảo, các vùng đất, trái đất.

64. Các tinh tú, mặt trời, mặt trăng, các triết gia (ngoại đạo), Atula (Asura) [30] giải thoát, tự chủ, các khả năng tâm linh, các Thiền định, các Tam-ma-địa (samàdhis).

65. Các sự diệt (nirodha), các năng lực siêu phàm (thần thông), các yếu tố chứng ngộ (giác chi), và các con đường; Thiền định, vô lượng, các uẩn và các sự đến và đi.

66. Các Tam-ma-bạt-đề (định - Samàpatti), các sự diệt những quấy động của tâm thức, những giải thích bằng ngôn từ, Tâm (Citta), Mạt-na (Manas) và Thức (Vijnàna), Vô ngã, Năm pháp.

67. Tự tính, năng phân biệt, sở phân biệt, hữu hình nhị biên, sao gọi như thế ? Các hình thức khác nhau về thừa, các gia tộc, những kẻ sinh ra từ vàng, châu, ngọc là gì ?

68. Nhất-xiển-đề (Icchantika), các yếu tố nguyên gốc (đại), sự lang thang khắp nơi (hoang loạn), một Phật tính, tri kiến, sở tri kiến, sự tiến hành, sự đạt được, sự hiện hữu và không hiện hữu của chúng sanh ?

thuvienhuequang.vn

69. Ngựa, voi và nai bị bắt bằng cách nào ? Xin Ngài nói cho con rõ như thế nào[*]. Thế nào là một lời tuyên bố, một sự thuyết dạy được thiết lập bằng sự nối kết của lý luận và minh họa.

70. Thế nào là nhân quả ? Là những sai lầm khác nhau ? Là lý luận ? [Sao lại có sự xác nhận rằng] không có gì cả ngoài cái Tâm, rằng không có thế giới đối tượng, rằng không có sự thăng tiến cấp độ ?

71. Do đâu có trạng thái vô tưởng và chuyển đổi gồm một trăm loại[1] ? Cũng như thế, thế nào là cách trị bệnh, các học nghệ, nghề thủ công, khoa học và các giáo pháp ?

72. Và các núi non, núi Tu-di và trái đất có độ lượng như thế nào ? Biển, mặt trăng và mặt trời có độ lượng như thế nào ? Hãy nói cho con biết.

[31] 73. Có bao nhiêu vi trần trong thân thể của một chúng sinh ? Có bao nhiêu người thô, người tinh, người trung bình ? Có bao nhiêu vi trần trong mỗi vùng đất ? Có bao nhiêu vi trần trong mỗi dhanva ?

(*) Theo mạch văn, đây là lời của Đức Phật, nhưng ở đây và rải rác nhiều chỗ sau này có chen vào câu đại loại như: "Xin hãy nói cho con biết"... có lẽ cách trình bày chưa chính xác (lời người dịch ra tiếng Việt).

(1) Không có trong bản Đường.

thuvienhuequang.vn

74. Về khoảng cách đo được, một hasta, một dhana, một krósa, một yojana, nửa yojana là bao nhiêu ? Có bao nhiêu lông thỏ, có bao nhiêu bụi ở cửa sổ, bao nhiêu trứng rận, lông cừu, lúa mạch ?[1]

75. Có bao nhiêu hạt lúa mạch trong một prastha ? Có bao nhiêu hạt lúa mạch trong một nửa prastha ? Cũng thế, bao nhiêu hạt lúa mạch trong một drona, trong một khàrya, một lakshà, một koti, một vinìvana ?

76. Có bao nhiêu nguyên tử (trần) trong một hạt cải ? Có bao nhiêu hạt cải trong một rakshikà ? Bao nhiêu nguyên tử trong một hạt đậu, trong mội dharanà, trong một màshakà ?

77. Có bao nhiêu dharanà trong một karsha ? Có bao nhiêu karsha trong một pala ? Và có bao nhiêu pala trong núi Tu-di là núi gồm một khối to lớn ?

78. Này nam tử ! Ông nên hỏi ta như thế ! Sao ông lại hỏi ta khác đi ? Có bao nhiêu nguyên tử trong thân thể của một Bích-chi, của một Thanh văn, của một vị Phật hay của một Bồ-tát ? [32] Sao ông lại không hỏi ta như thế ?

79. Có bao nhiêu nguyên tử trên chóp của một ngọn lửa ? Có bao nhiêu nguyên tử trong gió ? Bao

---

(1) Xem bộ Abhidharmakósa, ban dịch của Louis de la Vallée Poussin ch. III, tr. 178

thuvienhuequang.vn

nhiêu nguyên tử trong mỗi giác quan ? Bao nhiêu nguyên tử trong một lỗ chân lông ? Trong lông mày ?

80. Sao gọi là những người có tài sản to lớn, quốc vương, đại lãnh chúa ? Họ giữ gìn vương quốc như thế nào ? Họ giải thoát như thế nào ?

81. Xin cho biết thế nào là văn xuôi và văn vần ? Tại sao nhục dục lại được ưa chuộng một cách phổ biến ? Sao là sự khác nhau của các đồ ăn thức uống ? Sao gọi là rừng nam nữ ?

82. Sao có các núi Vajrasamhanna (Kim cương) ? Xin nói cho biết do đâu, vì sao các núi ấy có giống như một ảo ảnh, một giấc mộng và một sự huyễn hóa ?

83. Sao có mây khởi lên ? Do đâu có các mùa ? Sao là tính chất của vị giác ? Sao gọi là nam nữ và phi nam, phi nữ ?

84. Sao gọi là những đồ trang điểm và các Bồ-tát ? Này, nam tử, hãy hỏi ta đi ! Sao gọi là những núi thiêng liêng được trang nghiêm bằng các bậc Thấu thị (Rishis) và Càn-thác-bà (Gandharva) ?

85. Thế nào là con đường giải thoát ? Ai bị trói buộc ? Kẻ ấy được giải thoát nhờ ai ? Thế nào là trạng thái của một người tu tập Thiền định ? Sự biến hóa là gì ? Những triết gia (ngoại đạo) ấy là ai ?

thuvienhuequang.vn

86. Thế nào là hữu, phi hữu và vô hiệu quả ? Do đâu mà thế giới khả kiến sinh khởi ? [33] Làm cách làm người ta có thể tẩy sạch vọng thức ? Do đâu vọng thức sinh khởi ?

87. Do đâu hành động (nghiệp) si khởi ? Thế nào là sự ra đi của hành động ? Xin hãy cho biết. Sự diệt tướng xảy ra như thế nào ? Một Tam-ma-địa nghĩa là gì ?

88. Ai là kẻ phá bỏ tam giới ? Vị trí là gì ? Thân là gì ? Thế nào là học thuyết cho rằng chúng sinh không có ngã linh hồn ? Thế nào là một giáo pháp phù hợp với cuộc đời ?(1)

89. Này nam tử của bậc Tối Thắng giả, ông có hỏi ta về các tướng không ? Ông có hỏi ta về vô ngã không ? Ông có hỏi ta về Thai tạng, về các triết gia Nyàya không ?

90. Vĩnh cửu luận và hư vô luận là thế nào ? Tâm được tĩnh lặng như thế nào ? Lại nữa này nam tử của bậc Thắng Giả, thế nào là ngôn thuyết, là tri thức, là đạo đức, là gia tộc ?

91. Lý luận và minh họa nghĩa là gì ? Đạo sư và môn đệ là gì ? Phức tính của chúng sinh, đồ ăn, thức uống, bầu trời, trí tuệ, kẻ ác và lời xác nhận

---

(1) Sainvrityà de'sana (thế tục thuyết) trái nghĩa với paramàrtha - satya (đệ nhất nghĩa đế), chân lý tối cao.

thuvienhuequang.vn

rằng không gì ngoài tư tưởng được cấu thành nghĩa là gì ?

92. Này nam tử của bậc Thắng Giả, ông hỏi Ta điều gì về cây mộc, cây leo ? Ông hỏi gì về tính khác biệt của các vùng đất và về bậc Thấu thị trường khổ hạnh ?

93. Gia tộc của ông là gì ? Thần của ông là ai ? Này nam tử của bậc Thắng Giả, hãy nói cho Ta biết: Ai là những kẻ bị khinh thường ? Thế nào là ý nghĩa của sự việc trong Yoga, ông không đạt được chứng ngộ ở dục giới mà ở cõi trời Sắc cứu cánh (Akanistha) lại có sự thể chứng ?

94. Ông hỏi ta điều gì về lý luận ? [34] Điều gì về những khả năng tâm linh thuộc cõi đời này và về bản chất của một Tỳ-kheo ?

95. Ông có hỏi ta điều gì về chư Phật biến hóa, về chư Phật báo ứng, về chư Phật của trí tuệ như như, và thế nào là vị Bồ-tát hay không ?

96. Này nam tử của bậc Thắng Giả, ông hỏi Ta về các vùng đất (địa) không có ánh sáng, giống như một cây đàn, một cái trống và một cái hoa về cái tâm an trú trong bảy cấp độ.

97. Ông hỏi ta như thế và nhiều câu hỏi khác phù hợp với các tướng trạng [hay chân lý] và thoát khỏi những quan điểm sai lầm.

thuvienhuequang.vn

III

98.[1] Ta sẽ dạy cho ông về sự thể nghiệm và giáo lý về nó. Hãy nghe Ta cho kỹ; Ta sẽ giải thích cho ông về các câu ấy. Này nam tử, hãy nghe Ta nói về một trăm lẻ tám câu như đã được chư Phật ghi nhận.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế Tôn: "Thế nào là ý nghĩa của một trăm lẻ tám biểu ngữ (cú, câu phát biểu) ?[2]

---

(1) Câu kệ này có thể bị tách ra khỏi các câu kệ trước, vì nó hình thành một loại dẫn nhập cho những gì theo sau. Một trăm le tám câu hoi (prásna), được gọi như thế không cần thiết phai đồng nhất với một trăm lẻ tám biểu ngữ (pada) là những câu đều bị phu nhận trong đoạn kế tiếp. Một số đề mục là chung cho các câu hoi và các câu phu định nhưng các đề mục khác lại không như thế. Tôi không nghĩ rằng có sự liên hệ hữu cơ giữa hai phần. Điều gây chú ý trong ca những câu hoi và câu phu định là những đề mục tầm thường trộn lẫn với những đề mục quan trọng và cùng tạo thành nội dung về sự tự chứng. Ban kinh được xem là có liên hệ với những đề mục ấy cũng thiếu một sự nối kết sâu sắc cua chúng.

(2) Đây là một trong những phần thâm mật và khó hiểu cua kinh Lăng Già. Từ Sanskrit mang ý nghĩa "lời xác nhận" là pada, vốn co nguyên nghĩa là "bước chân", "một sự đặt chân", "một vị trí", "một chu đề", "một nơi trú ân", "một thoại đề", "một phần cua một hàng trong câu kệ" v.v... Các dịch gia Trung Hoa dịch từ Pada là "cú" (句), "kiến" (見), "vị" (位), "trụ" (住). Nhưng những từ

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: "Một phát biểu về sinh thì không phát biểu về sinh; một biểu ngữ về sinh là vô ngữ về sinh; một biểu ngữ (cú) về thường hằng là vô ngữ về thường hằng. [Thể cách phủ định như thế cứ theo như sau:(1)]. Các tướng đặc biệt, trụ và

ấy đều không tạo nên ý nghĩa nào cho văn mạch chung. "Cú" (句) có lẽ là từ khá nhất trong việc giữ nguyên nghĩa nhưng nó phải được hiểu theo nghĩa là "một mệnh đề", "một biểu ngữ" và mỗi câu có chứa từ này trong các phủ định tiếp theo có ý nghĩa rằng mỗi đề mục liên hệ không được diễn đạt một cách xác đáng. Ví dụ, quan niệm về sinh không phù hợp với ý nghĩa đích thực về thực tính. Sinh là đối lập với tử, sinh và tử là những ý niệm tương đối và không áp dụng vào một thế giới mà trong đó các sự vật được nhận thức trong khía cạnh tuyệt đối của chúng. Do đó, hễ biểu ngữ nào được tạo ra liên hệ đến sinh thì không đúng thực chút nào cả, sinh là bất sinh, tử là bất tử và vân vân. Ngay cả những ý niệm như chân lý, sự thể chứng, tự tính, tâm, ba-la-mật cũng đều có thể được bàn như thế, đưa ra một biểu ngữ về một cái gì là làm sai lạc cái ấy. Từ đó cả một chuỗi phủ định là để làm sáng tỏ điều ấy. Nhưng điều lạ là chúng tro đến quá nhiều những đề mục tầm thường rõ ràng là không có liên hệ trực tiếp gì với các giáo lý Đại thừa. Chắc phải có cái gì đó thuộc ý nghĩa lịch sử về những diễn đạt ấy mà hiện nay người dịch hoàn toàn không biết gì cả. Một sự lạ lùng nữa là ở đây nói tới con số Pada (cú, biểu từ): tại sao lại 108 mà không nhiều hơn hay ít hơn ?

(1) Để khỏi phải lặp lại, chỉ riêng các đề mục là được nêu ra, các đề mục này được phủ định một cách hệ thống trong bản kinh.

thuvienhuequang.vn

chuyển hóa, Sát-na, tự tính, hư vô, đoạn diệt, tâm, ở giữa thường hằng, nhân, duyên, phiền não, khát ái [35], phương tiện thiện xảo, thanh tịnh, suy luận (hay kết luận), sự minh họa, đệ tử, bậc thầy, gia tộc, tam thừa, vô tướng nguyện, tam luận, tướng, nhị biên của chúng sinh và phi chúng sinh, sự cả hai, Thánh trí của sự tự chứng, hạnh phúc của cõi đời này, các vùng đất, các nguyên tử, nước, một cái cung, sự chân thật, các con số và toán học, các mãnh lực tâm linh, bầu trời, mây, các học nghệ, các nghề thủ công và các khoa học, gió, đất, sự suy tưởng, các cấu trúc suy tưởng, tự tính, các uẩn, chúng sinh, trí tuệ, Niết-bàn, các sở tri, các triết gia, sự hoang loạn, huyễn mộng, ảo ảnh, sự phản chiếu, một cái vòng được tạo ra trong đêm tối bằng một thanh củi cháy, thành của Càn-thác-bà, các cõi trời, đồ ăn và thức uống, dục tính, các quan điểm triết học, các Ba-la-mật, giới hạnh, mặt trăng, mặt trời và các vì sao, sự thực (đế), kết quả, sự đoạn diệt và sự khởi nguyên, chữa bệnh, các tướng đặc biệt, thứ chi, các học nghệ và khoa học, Thiền định, sai lầm, sở kiến, sự hộ trì, triều đại, bậc Thấu thị, vương quốc, sự lãnh hội, kho báu, sự giải thích, nhất-xiển-đề, nam nữ và phi nam phi nữ, vị giác, hành động, thân thể, vọng thức, động

thuvienhuequang.vn

lực, các giác quan (căn) hữu vi (samkrita)[1] nhân và quả, chư thiên Kanistha[2], các mùa, sự mọc lên xum xuê của cây mộc, cây leo, bụi cây, [37] tính đa phức, nhập vào giáo thuyết, hệ thống giới luật, chư Tỳ-kheo, các năng lực được gia tăng (bởi đức Phật), đàn. Đây là một trăm lẻ tám biểu ngữ (cú) mà chư Phật đời quá khứ đã thuật kỹ lại.

IV

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, các thức (Vijnàna) sinh khởi, trụ và diệt theo cách thế nào ?"

Thế Tôn dạy: Các thức sinh khởi, trụ và diệt theo hai cách, điều này các triết gia không biết ! Nghĩa là sự diệt xảy ra theo hai mặt là sự tương tục và hình tướng. Trong sự sinh khởi của thức cũng thế, hai mặt này có thể được nhận biết: sinh khởi về mặt tương tục và sinh khởi về mặt hình tướng. Trong sự trụ cũng thế, hai cách [có thể phân biệt được] là: một cách xảy ra ở mặt tương tục và cách kia nảy ra ở mặt hình tướng.

[Lại nữa] ba thể cách có phân biệt được về thức: (1) thức đang chuyển biến (chuyển tướng),

---

(1) Cái gì tạo ra một kết qua.
(2) Một hạng chư Thiên.

thuvienhuequang.vn

(2) Thức đang tạo các quả (nghiệp tướng), (3) Thức đang ở trong bản chất của nó (chân tướng).

[Lại nữa], này Mahàmati trong các thức gồm tám món, hai chức năng tổng quát có thể phân biệt được là lĩnh hội (hiện thức) và phân biệt đối tượng (phân biệt sự thức). Như một tấm gương phản chiếu các hình tướng, này Mahàmati, các thức lĩnh hội nhận [các đối tượng]. Này Mahàmati giữa hai thức ấy, cái thức lĩnh hội và cái thức phân biệt đối tượng, không có gì khác nhau cả. Chúng là nhân duyên của nhau. Thế rồi, này Mahàmati, cái thức lĩnh hội (hiện thức) vận hành vì có sự chuyển biến xảy ra [trong tâm] do một tập khí kỳ bí. Trong khi đó, này Mahàmati, cái thức phân biệt đối tượng (phân biệt sự thức) vận hành là do tâm phân biệt một thế giới đối tượng và do cái tập khí chồng chất bằng những lập luận sai lầm vốn có từ vô thỉ.

Này nữa, Mahàmati, cái tập khí sinh ra do phân biệt hư ngụy, chất chứa bằng nhiều cách khác nhau của thức A-lại-da sẽ bị diệt khi tất cả các căn thức bị diệt. Này Mahàmati, điều này gọi là sự diệt về mặt hình tướng của các thức.

Này nữa, Mahàmati, sự diệt về mặt tương tục của các thức xảy ra theo cách sau đây: Này Mahàmati, đấy là khi cái sở duyên [của thức] và cái làm sở kiến [của thức], cả hai cái ấy ngưng vận hành.

thuvienhuequang.vn

Cái làm sở duyên của thức, tức là cái tập khí (hay trí nhớ) vốn đã được chất chứa do sự lập luận sai lầm từ vô thỉ, cái sở kiến [của thức] tức là cái thế giới đối tượng (thức cảnh) được các thức lĩnh hội và phân biệt, tuy vậy, tất cả không có gì khác hơn là chính cái Tâm mà thôi !

Này Mahàmati, giống như cục đất và những hạt bụi đất làm thành chất đất ấy, hai thứ ấy không khác nhau cũng không không khác nhau; lại nữa, vàng và các đồ trang sức làm bằng vàng cũng thế, này Mahàmati, nếu cục đất mà khác với hạt bụi đất làm nên nó thì sẽ không có cục đất nào được thành do các hạt bụi đất. Nhưng vì cục đất được thành do các hạt bụi đất nên nó không khác với các hạt bụi đất. Lại nữa, nếu không có sự khác nhau giữa cục đất và các hạt bụi đất thì cục đất sẽ không thể khác biệt với các hạt bụi đất của nó.

Cũng thế, này Mahàmati, nếu cái thức đang chuyển biến, (chuyển thức) khác với thức A-lại-da thì ngay cả trong nguyên tướng của nó, A-lại-da cũng không phải là nguyên nhân. Lại nữa, nếu chúng không khác thì khi cái thức đang chuyển biến diệt, thức A-lại-da cũng diệt, nhưng cái nguyên tướng của thức A-lại-da không diệt. Do đó, này Mahàmati, cái ngưng vận hành (diệt) là cái tướng đang tạo kết quả (nghiệp tướng) của các

thuvienhuequang.vn

thức chứ không phải là A-lại-da trong tự tướng nguyên gốc (tự chân tướng) của nó. Khi cái tự tướng nguyên gốc này ngưng hiện hữu thì bấy giờ mới thực sự có sự diệt của thức A-lại-da [39]. Tuy nhiên, nếu có sự diệt của thức A-lại-da thì học thuyết này sẽ chẳng khác gì với học thuyết hư vô luận của các triết gia (ngoại đạo).

Này Mahàmati, cái học thuyết ấy được các triết gia tin theo là thế này: khi sự nhiếp thọ một thế giới đối tượng ngưng thì sự tương tục của các thức ngưng; và khi không còn sự tương tục này trong các thức nữa thì sự tương tục vốn đã được tiến hành từ vô thỉ cũng bị diệt đi. Này Mahàmati, các triết gia xác quyết rằng có một nguyên nhân đầu tiên, từ đó xảy ra sự tương tục; họ không cho rằng nhãn thức sinh khởi do sự tương tác của hình sắc và ánh sáng; họ cho rằng có một nguyên nhân khác. Này Mahàmati, cái nguyên nhân ấy là gì ? Cái nguyên nhân đầu tiên của họ được gọi là Thần (Thắng giả - Pradhàna), linh hồn (Nhân, Sĩ phu - Purusha) Thượng nhân (Tự tại thiên - I'svara), thời gian hay nguyên tử (vi trần).

V

Lại nữa, này Mahàmati, có bảy thứ tự tính: tập (samudaya), hữu (bhàva), tướng (lakshana), đại

thuvienhuequang.vn

(các yếu tố - mahàbhùta), nhân (nguyên nhân - hitu), duyên (pratyaya) và thành (toàn hảo - nish-patti)[1].

VI

Lại nữa, này Mahàmati, có bảy thứ đệ nhất nghĩa (hay sự phân biệt tối cao, paramarhta): cảnh giới của tâm (citta - gocara), cảnh giới của tri thức (tuệ cảnh giới jnãna - gocara), cảnh giới của trí tuệ (siêu tri thức, prajnà - gocara), cảnh giới của nhị biên kiến (kiến cảnh giới, drishti - gocara), cảnh giới siêu nhị biên kiến, cảnh giới siêu Bồ-tát địa và một cảnh giới mà nơi đó Như Lai đạt tự chứng.[2]

[40] Này Mahàmati, đây là tự tính, là đệ nhất nghĩa, là bản chất tạo nên cái hữu thể của chư Như Lai, chư A-la-hán, chư vị Toàn Giác trong quá khứ, hiện tại và vị lai, nhân đó mà thành tựu các sự vật (pháp) của thế giới này (thế gian) và của một thế giới trên thế giới này (siêu thế gian), chư

---

(1) Ý nghia chính xác cua các khái niệm về tự tính (Svabhàna) là gì thực khó mà xác định theo như Lăng Già đề cập.

(2) Bay nguyên lý hay bay sự chân thật này không được giai thích trong ban kinh. Nhưng chúng ta có thê xác nhận rằng chúng là rất nhiều thứ paramartha khác nhau như trong trường hợp svabhàva, nhiều trường phái triết gia hay Phật gia cũng quan niệm như thế.

thuvienhuequang.vn

vị ấy, bằng Thánh nhãn của trí tuệ siêu việt, nhập vào các hoàn cảnh hiện hữu khác nhau, đặc thù và tổng quát (biệt tướng và cộng tướng), mà thiết lập nên các sự vật (pháp) ấy. Và những gì được chư vị ấy thiết lập không nên lẫn lộn với những giáo pháp sai lầm thường được các triết gia nêu lên.

Này Mahàmati, những giáo pháp sai lầm mà các triết gia thường chấp nhận là gì ? [Sự sai lầm của họ ở chỗ] họ không biết rằng một thế giới đối tượng phải là của chính cái tâm mà bị phân biệt một cách sai lầm; và vì không hiểu rằng bản chất của Thức vốn cũng chẳng là gì khác hơn những biểu hiện của Tâm, nên họ cũng như những kẻ sơ trí, họ tôn quý cái nhị biên giữa có và không mà trong đó chỉ có cái tự tính và cái nguyên lý đầu tiên.

Lại nữa, này Mahàmati, giáo pháp của Ta gồm trong sự diệt những cái khổ sinh khởi do phân biệt ba cõi; trong sự diệt cái vô minh, khát ái, hành vi (nghiệp), nhân quả, và trong sự nhận biết rằng một thế giới đối tượng, giống như một ảo ảnh, là sự biểu hiện của chính cái Tâm.

VII

Này Mahàmati, có một số Bà-la-môn và Sa-môn cho rằng có cái hữu do từ cái vô, và bảo rằng có một bản chất hiện hữu ở đó, bị ràng buộc trong

thuvienhuequang.vn

nhân quả và trụ trong thời gian và rằng các uẩn (Skandha), các giới (Dhàtu) và lục xứ (giới - Àyatana) có sự sanh khởi, tương tục của chúng trong nhân quả và sau khi hiện hữu như thế, những thứ này sẽ diệt đi.

Này Mahàmati, họ là những người theo quan điểm đoạn diệt và hư vô, cho rằng những thứ ấy là sự tương tục, vận hành, sanh khởi, phá diệt, hiện hữu, Niết-bàn, con đường, nghiệp (Karma), thành giả và chân lý [41] Tại sao ? Vì họ đã không đạt được một sự thấu hiểu trực giác (về chân lý), vì họ không có cái trí thông hiểu về sự thật. Này Mahàmati, giống như một cái lọ đã vỡ ra từng mảnh, không thể có chức năng của một cái lọ nữa; lại nữa, cũng giống như hạt giống bị cháy, không thể nảy mầm được nữa. Nhưng dù như vậy, này Mahàmati, các uẩn, các giới, và các xứ của họ mà họ coi là bị thay đổi cũng thực sự không thể biến đổi liên tục vì các quan điểm của họ không bắt nguồn từ sự nhận thức một thế giới đối tượng như là một sự biểu hiện của chính cái Tâm bị phân biệt sai lầm.

Lại nữa, này Mahàmati, nếu cái hữu từ cái vô mà có và nếu có sự khởi sinh của các thức do lập luận bằng một tập hợp ba nguyên nhân tạo quả thì chúng ta có thể nói như thế về một sự vật không

thuvienhuequang.vn

hiện hữu, rằng một con rùa có thể mọc lông và cát có thể sinh ra dầu - [vì điều này là không thể được] nên cái mệnh đề ấy không có giá trị, nó chấm dứt ở sự không xác định được gì cả. Và, này Mahàmati, từ đó hành vi, tạo tác, nhân quả [mà họ nói đến] cũng vô ích và ý kiến của họ về hữu và vô hữu cũng như thế mà thôi ! Này Mahàmati, khi họ xác quyết rằng có một tập hợp của ba nguyên nhân tạo quả [tức là do cái nguyên lý cho rằng có cái hữu từ cái hữu chứ không phải từ cái vô], và như thế thì có [các thứ như] quá khứ, hiện tại, vị lai và hữu vô. Chừng nào họ còn chấp vào cái căn bản triết lý của họ thì luận chứng của họ sẽ chỉ dựa vào cách luận lý và sách vở của họ vì cái trí ức thuộc trí óc sai lầm sẽ mãi buộc chặt vào họ[1]. Như thế, này

---

(1) Lập luận ở đây có thể gây một chút khó hiểu. Cái ý tổng quát mà Lăng Già vẫn giữ là chừng nào một thế giới tương đối còn được khẳng định thì vẫn còn một dây xích mãi mãi tuần hoàn của nhân quả không thể chối cãi được trong mọi trường hợp. Trong trường hợp này, chúng ta không thể nói về một sự vật gì có một chỗ cuối hay một sự đoạn diệt. Cái sai lầm của các triết gia là họ không có một trực giác căn bản nào đi vào cái bản chất tinh yếu của một thế giới đối tượng - một thế giới của đặc thù, vốn thực sự là phóng ảnh của tâm do lý luận của ký ức hay tập khí chồng chất từ vô thỉ. Cứ nắm chặt cái suy nghĩ như thế thì quan điểm của triết gia cũng có thể vẫn còn đúng đắn. Nhưng vì họ thiếu cái trực giác căn bản cho nên tất cả cái siêu cấu luận lý mà họ thiết lập chủ yếu là một sự sai lầm.

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, những kẻ sơ trí, bị đầu độc bởi một quan điểm sai lầm, tuyên bố cái cách suy nghĩ sai lầm do cái ngu nói ra mà bảo rằng đấy là cách suy nghĩ của đấng Toàn Trí.

Lại nữa, này Mahàmati, có một số Bà-la-môn và Sa-môn [42] nhận ra rằng cái thế giới bên ngoài chính là của chính cái Tâm. Người ta trông thấy nó là do sự phân biệt và do cái trí sai lầm đã được thực hiện từ vô thỉ, những vị ấy biết rằng thế giới không có tự tính và chưa bao giờ được sinh ra, nó giống như một đám mây, một vòng tròn do thanh củi cháy mà có, như thành quách của Càn-thác-bà, một ảo tưởng, một ảo ảnh, cái mặt trăng phản chiếu trong biển và một giấc mộng; rằng tâm trong tự nó không có cái gì để mà phân biệt, nhân quả, thuyết giảng về tướng và năng tướng sở tướng (lakshya, lakshana); rằng thân, tài sản, nhà cửa đều là những đối tượng hóa của thức A-lại-da[1] là cái thức trong tự nó vượt lên trên [cái nhị biên chủ thể và đối tượng] rằng trạng thái vô tướng là trạng thái đúng theo sự tỉnh giác của chính cái Tâm[2] thì không bị ảnh hưởng bởi những sự biến đổi như sinh, trụ, diệt.

---

(1) Ở đây người dịch (Suzuki) theo ban Đường.
(2) Mệnh đề này không thấy có trong ban Đường.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ trước tiên đạt đến cái hiểu biết rằng Niết-bàn và Luân hồi là một. Này Mahàmati, công hạnh của chư vị ấy sẽ hòa hợp với một sự biểu lộ không chút cố gắng nào của một lòng đại từ bi tạo ra các phương tiện [cứu độ] tinh xảo, chư vị ấy biết rằng hết thảy chúng sinh đều có cái bản chất hiện hữu như một ảo tưởng, một phản ảnh và rằng [chỉ có một điều là] không bị ràng buộc bởi nhân quả, vượt ra khỏi sự phân biệt chủ thể và đối tượng; [và còn] thấy rằng không có gì bên ngoài cái Tâm và do phù hợp với một vị trí của vô vi tính, chư vị ấy sẽ lần lượt đi qua từng cấp độ khác nhau của Bồ-tát địa và sẽ thể nghiệm những cấp độ Tam-ma-địa khác nhau rồi do cái công hạnh của sự thành tín, sẽ hiểu ra rằng ba cõi là chính cái Tâm và khi hiểu như thế, chư vị ấy sẽ đạt được Như huyễn Tam-muội (Samàdhi Màyopama). Chư Bồ-tát nhập vào trạng thái vô tướng, ở đó chư vị thấy suốt cái chân lý của Duy tâm, đạt được trú xứ Ba-la-mật (Pàramita) và tự giữ mình xa rời cái tư tưởng về sinh thành, hành vi và tu hành. Chư vị ấy sẽ đạt Kim cương Tam-muội (Kim cương dụ định - Samàdhi Vajavimbopama) đúng hợp với Như Lai thân (Tathàgatakàya) và với những sự biến hóa của Như như. Này Mahàmati, sau khi đã thành tựu một sự

thuvienhuequang.vn

chuyển biến trong trú xứ [của các Thức], chư vị ấy sẽ dần dần thể chứng được Như Lai thân là cái thân có được năng lực, các khả năng tâm linh, sự tự điều ngự, tình thương, từ bi và các phương tiện; có thể nhập vào các cõi Phật và vào trú xứ của các triết gia, vượt lên trên cảnh giới của [43] Tâm - Ý - Ý thức (Citta - Mano - Monovijnàna). Do đó, này Mahàmati, chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát này là những vị do theo Như Lai thân, mong cầu được chứng nghiệm Như Lai thân; sẽ tự mình tu tập đúng theo cái chân lý Duy tâm mà lìa bỏ sự phân biệt và lý luận sai lầm về những ý niệm như uẩn, các giới, các xứ, tư tưởng, nhân quả, nghiệp, tu tập và sinh, trụ, diệt.

VIII

Khi nhận thức rằng ba cõi là do cái tập khí phân biệt sai lầm và cái lý luận hư ngụy vốn đã tiến hành từ vô thỉ, và cũng suy nghĩ về trạng thái Phật tính là vô tướng, vô sinh, vị Bồ-tát sẽ trở nên thành thạo về cái chân lý cao thượng là sự tự chứng, sẽ trở nên một người chủ toàn hảo của chính cái tâm mình, sẽ tự tu tập mà không cần có sự cố gắng nào, sẽ giống như ngọc phản chiếu nhiều màu sắc, sẽ có thể mang cái thân biến hóa,

thuvienhuequang.vn

sẽ có thể nhập vào những cái tâm tinh tế của mọi chúng sinh và do lòng xác tín ở cái chân lý Duy tâm, và lần lượt lên cao cấp độ mà sẽ được kiến lập trong Phật tính. Do đó, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát nên tu tập kỹ càng trong sự tự chứng.

IX

Thế rồi Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, xin Ngài dạy cho con về cái học thuyết tinh tế nhất ấy, học thuyết giải thích tâm, ý, và ý thức, năm pháp, các tự tính (Svabhàva) và các tướng (Lakshana); là cái học thuyết mà chư Phật, chư Bồ-tát đem thực hành, học thuyết tách ly với trạng thái của cái tâm cho rằng một thế giới là cái gì đó ở bên ngoài chính cái tâm, là cái học thuyết phá bỏ những cái gọi là những chân lý được thiết lập bằng ngôn từ và lý luận, mà tạo nên cái tinh yếu của các giáo pháp của chư Phật. Xin hãy giảng cho chúng hội này, gồm chư vị Bồ-tát tụ hội trên núi Malaya trong thành Lăng Già; xin hãy giảng cho chư vị về cái Pháp thân mà chư Như Lai ca ngợi, và là cảnh giới [44] thức A-lại-da, giống như biển và sóng của nó.

Bấy giờ, Thế Tôn lại dạy Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati rằng: Có bốn lý do khiến cho nhãn thức sinh khởi. Bốn lý do ấy là gì ? Đó là: 1. Sự nắm

thuvienhuequang.vn

chặt một thế giới bên ngoài mà không biết đấy là của chính cái tâm; 2. Sự ràng buộc vào hình tướng và tập khí chồng chất từ thời vô thỉ do sự lý luận hư ngụy và các quan điểm sai lầm; 3. Cái tự tính vốn có trong Thức; 4. Ham muốn các hình sắc và về bên ngoài. Này Mahàmati, do bốn lý do này, mà các thức đang chuyển hóa (chuyển thức) bị quấy động trên thức A-lại-da mà thức A-lại-da giống như nước lũ. Cũng có thể nói về các căn thức khác như đã nói về nhãn thức vậy. Thức này sinh khởi ngay một lúc hoặc dần dần trong mỗi căn bao gồm các nguyên tử (vi trần) và các lỗ chân lông của da; căn trần được nhiếp giống như một tấm gương phản chiếu các đối tượng, giống như biển bị gió lướt qua. Này Mahàmati, tương tự như thế, những đợt sóng của các biển tâm bị ngọn gió của tính đối tượng quấy động không ngừng; nguyên nhân (nhân quả), hành vi (nghiệp) và ngoại tướng tác động tạo điều kiện (duyên) lẫn nhau không rời, cái thức vận hành và cái thức nguyên gốc ràng buộc chằng chịt với nhau như thế, và này Mahàmati, vì người ta không hiểu cái tự tính của hình sắc, v.v... nên cái hệ thống năm thức (Vijnànas) mới vận hành. Này Mahàmati, theo cùng với cái hệ thống năm thức này, có cái được gọi là Ý thức (Manovijnàna) [tức là cái chức năng suy nghĩ của thức] từ đó thế giới đối tượng (ngoại giới) được phân biệt và những

thuvienhuequang.vn

hình tướng bên ngoài được phân định và cái thân thể vật lý có được chỗ sinh thành của nó trong đó. Nhưng ý thức và các thức khác không nghĩ rằng chúng bị ảnh hưởng lẫn nhau (duyên nhau) và không nghĩ rằng chúng sinh ra từ sự ràng buộc nhau mà thành ra, sự phân biệt là thứ chỉ nhằm vào những phóng ảnh của chính cái Tâm. Như thế, các thức tiếp tục vận hành liên hệ lẫn nhau một cách thâm sâu và phân biệt một thế giới hiện tượng.

[45] Vì các thức cứ tiếp tục vận hành như thế [mà không ý thức các hành động của riêng chúng], nên các nhà Tu hành (Yogin) trong khi nhập vào trạng thái Tam-ma-bạt-đề (Samàpatti) không chú ý tới những vận hành của những tập khí tinh tế (hay ký ức) bên trong của chính mình; vì vậy các vị ấy nghĩ rằng họ nhập vào Tam-ma-bạt-đề bằng sự đập tắt các thức. Nhưng [thật ra] họ đang ở trong trạng thái này mà không dập tắt những cái thức vẫn còn tồn tại vì các chủng tử của tập khí chưa bị dập tắt; và [cái mà họ tưởng là] một sự dập tắt thực ra là sự ngưng vận hành của thế giới bên ngoài mà họ không còn bị ràng buộc. Vì vậy, này Mahàmati, thật không thể dễ gì hiểu được sự vận hành tinh tế của thức A-lại-da, trừ phi là Như Lai hay các vị Bồ-tát ở các địa; đặc biệt với những ai

thuvienhuequang.vn

tu tập theo Thanh văn, Duyên giác và các triết gia (ngoại đạo), dù cho có được các năng lực của Tam-ma-địa và có trí tuệ siêu việt, cũng khó mà phân biệt nó được. Chỉ những ai hiểu đầy đủ tất cả các khía cạnh của các Bồ-tát địa khác nhau bằng sự trợ lực của trí tuệ siêu việt của họ, đạt được một sự hiểu biết chân xác về ý nghĩa của các mệnh đề riêng lẻ, vun trồng các thiện căn trong các cõi Phật vô giới hạn, và giữ mình tách ly với những phân biệt và những lý luận hư ngụy sinh khởi do sự không biết một thế giới bên ngoài là của chính cái Tâm, thì những vị ấy mới lui vào sống ẩn dật trong rừng và nỗ lực tu tập tâm linh, hoặc cao, hoặc thấp hoặc trung bình, chỉ các vị ấy mới có thể đạt một sự thông hiểu về sự trôi chảy của chính cái tâm trong một thế giới của phân biệt, mới có thể được chư Phật quán đảnh mà sống trên các cảnh giới vô giới hạn và mới có thể thể nghiệm sự tự điều ngự (tự tại), các năng lực, các khả năng tâm linh (thần thông) và các Tam-ma-địa. Này Mahàmati, do được vây quanh bởi các bạn bè tốt (thiện tri thức) và chư Phật họ có thể biết được tâm, ý, ý thức là những cơ năng phân biệt một thế giới bên ngoài mà tự tính của nó chính là của chính cái Tâm, họ có thể vượt qua biển sinh tử khởi sinh do lý luận về nghiệp, ái và vô minh. Này

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, vì lý do này nên các nhà Tu hành phải thực hiện sự tu tập mà các bạn bè tốt và chư Phật đã trao cho.

[46] Bấy giờ, Thế Tôn đọc các câu kệ sau đây:

99. Giống như sóng khởi trên biển, bị quấy động bởi gió, cứ nhấp nhô mà không ngưng.

100. Biển A-lại-da cũng bằng một cảnh tương tự như thế, mãi bị quấy động bởi những cơn gió của đối tượng, người ta thấy nó nhấp nhô theo với các thức [mà các thức] là những con sóng của đa tính.

101. Màu xanh đậm, màu đỏ [và các màu khác], với muối, vỏ ốc, sữa, mật, hương thơm của hoa quả và ánh sáng mặt trời.

102. Các thứ ấy không khác nhau cũng không không khác nhau: sự liên hệ cũng giống như sự liên hệ với biển và sóng biển. Bảy thức nối kết với Tâm cũng như thế.

103. Cũng như những con sóng khác nhau bị quấy động trên biển, ở trong A-lại-da có nhiều thứ khác nhau được tạo thành gọi là các thức.

104. Tâm, ý và các thức được phân biệt về mặt tướng trạng của chúng; [nhưng trong bản chất] cả tám thức không rời nhau vì không có cái bị định tính (sở) cũng không có cái định tính (năng).

105. Vì không có sự phân biệt giữa biển và

thuvienhuequang.vn

sóng biển, trong tâm không có sự khác nhau giữa các thức.

106. Nghiệp do Tâm chất chứa, do Ý (Manas) phản ánh và do Ý thức (Manovijnàna) nhận biết và thế giới sở kiến được phân biệt bởi năm thức.

[47] 107. Những màu sắc khác nhau như xanh đậm, v.v... đưa ra cho cái thức của chúng ta. Hỡi đấng Đại Mâu-ni, sao mà có những khác nhau về màu sắc này giống như sóng [trên biển] ?(*)

108. Trong sóng biển không có những sự khác nhau về màu sắc như thế; do vì muốn chỉ cho kẻ sơ trí nên mới tạm nói Tâm có biến đổi về tướng trạng.

109. Không có sự biến đổi nào trong chính cái Tâm là cái vượt ra khỏi sự hiểu biết. Ở đâu có sự hiểu biết thì ở đó có cái phải hiểu như là trường hợp của sóng [trên biển].

110. Thân thể, tài sản và nhà cửa được bày ra theo các thức của chúng ta và các thức ấy được xem là biến đổi theo cách giống như sóng.

111. Biển được trông thấy rõ là đang nhấp nhô trong trạng thái có sóng; tại sao trí óc lại không

---

(*) Ở đây, một lần nữa lại có sự chen lẫn lời của Mahàmati vào trong bài kệ của Đức Phật ! (Lời người dịch ra tiếng Việt). Từ đây, xin hiểu rằng những chú thích bằng dấu (*) là của người dịch ra tiếng Việt.

thuvienhuequang.vn

nhận ra sự biến đổi của A-lại-da như nhận ra biển [nhấp nhô][1] ?

112. A-lại-da được ví với biển là [chỉ] nhằm cho cái trí óc của người ngu, sự giống như sóng vận động là [chỉ] nêu ra để nhằm minh họa [mà thôi].

113. Khi mặt trời mọc, chiếu đồng đều lên người cao kẻ thấp, do đó Ngài là ánh sáng của thế gian, Ngài nên tuyên bố sự thật (tattvam) cho kẻ ngu.

[48] 114. Tại sao Ngài đang trụ trong pháp mà Ngài lại không tuyên thuyết sự thật ? Nếu sự thật do con nói ra, thì sự thật không ở trong tâm[2].

115. Cũng như sóng chỉ xuất hiện ngay liền trên biển, hay [các hình ảnh] xuất hiện ngay liền trong một tấm gương hay trong một giấc mộng, cũng như thế, tâm được phản chiếu ngay liền trong các căn trần của riêng nó[3].

116. Do thiếu điều kiện, sự tiến hóa [của các

---

(1) Câu hoi này, theo ban Tống và ban Đường là của Mahàmati.

(2) Ban Tống và ban Đường ghi số 113 và phần đầu của số 114 là lời của Mahàmati, nhưng ban Ngụy lại cho ca hai số 113 và 114 là lời của Mahàmati.

(3) Ở đây hẳn phai có sự sai lầm, vì cái ví dụ sóng biển trong ban kinh thường được dùng để minh họa sự liên hệ của A-lại-da với các thức khác chứ không dính dáng gì đến tính cách ngay liền của nhận thức như trong trường hợp ví dụ hình anh trong tấm gương này.

thuvienhuequang.vn

thức] xảy ra dần dần[1] chức năng của ý thức là nhận biết và chức năng của ý là phản ánh.

117. Trong khi thế giới thực sự tự hiển bày ra cho năm thức, không có thứ lớp nào khi người ta ở trong một trạng thái định (Samàhita)[2]. Giống như một họa sư hay các học trò của ông ta.

118.[3] Sắp xếp các màu sắc để tạo một bức tranh, Ta thuyết giảng cũng như vậy. Bức tranh không phải ở trong các màu sắc, cũng không ở trong vải, cũng không ở trong tấm bảng.

119. Để làm cho nó gợi sự chú ý của mọi chúng sinh, một bức tranh được trình bày bằng các màu sắc. Điều gì được thuyết giảng thì vượt ra khỏi sự thuyết giảng, vì chân lý (tattva) thì vượt khỏi ngôn từ.

120. Ta trú trong pháp, mà giảng chân lý cho

---

(1) Phần này phải thuộc vào câu kệ trước (115). Vì không muốn làm lộn xộn cách ghi chú nguyên gốc nên người dịch đã theo đúng bản kinh. Ở phần tiếp theo, xin người đọc chỉ tìm ý nghĩa chứ đừng chú ý gì đến cách phân chia các câu kệ.

(2) Samàhita, Samàdhi, Samàpatti, Ekàgra có thể được hiểu là đồng nghĩa, từ một trạng thái của thức, trong đó tâm được tập trung mạnh mẽ nhất vào một ý tưởng. Đây là trạng thái thu nhận của trực giác hơn là cái trạng thái hoạt động của suy nghĩ.

(3) Hãy theo ý nghĩa, không cần để ý đến sự phân chia các câu kệ như trước.

thuvienhuequang.vn

các bậc tu hành. Chân lý là trạng thái tự chứng và vượt khỏi những phạm trù của phân biệt.

121. Ta dạy điều ấy cho các nam tử của bậc Tối Thắng, giáo pháp này không phải cho kẻ ngu. Điều gì được thấy thành đa phức thì đấy là một ảo tưởng, không hiện hữu.

122. Chính giáo pháp được ban bố theo nhiều cách khác nhau phải chịu sự vi phạm; [49] giáo pháp không phải là giáo pháp nếu nó không nhằm vào từng trường hợp.

123. Tùy theo bản chất của một căn bệnh mà người thầy thuốc cho thuốc; cũng thế, chư Phật dạy chúng sinh tùy theo tâm thức của chúng sinh.

124. Đây thực sự không phải là một lĩnh vực tâm linh mà các triết gia và hàng Thanh văn đạt tới được; điều được các vị Đạo sư dạy là lĩnh vực của sự tự chứng.

X

Lại nữa, này Mahàmati, nếu vị Bồ-tát mong được hiểu trọn vẹn rằng một thế giới bên ngoài được xếp vào các phạm trù của phân biệt, như là năng nhiếp (chủ thể) và sở nhiếp (đối tượng) là của chính cái Tâm, vị ấy phải tránh xa những chướng ngại như động loạn, sự giao tiếp xã hội và việc ngủ nghê; vị ấy phải tránh xa các luận

thuvienhuequang.vn

bàn, sách vở của các triết gia, tránh xa các pháp của Thanh văn thừa và Duyên giác thừa; vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải nỗ lực tập quen với các đối tượng của phân biệt là những thứ cần phải được xem là của chính cái Tâm.

XI (a)

Lại nữa, này Mahàmati, khi vị Bồ-tát Ma-ha-tát tự mình an trú tại nơi mà mình đã đạt được một sự hiểu biết cặn kẻ về Tâm nhờ ở trí siêu việt của mình, vị ấy còn cần phải tu tập trong sự vun trồng Thánh trí trong ba khía cạnh (Tam tướng) của Thánh trí. Này Mahàmati, ba khía cạnh của Thánh trí mà vị ấy còn phải tu tập nữa là gì ? Đó là: 1. Vô tướng; 2. Gia lực nhờ chư Phật do các bổn nguyện của chư Phật và 3. Sự tự chứng đạt được nhờ Thánh trí. Sau khi đã chế ngự được ba khía cạnh ấy, bậc tu hành phải xả bỏ cái hiểu biết về Tâm đã đạt được nhờ trí siêu việt, đang còn giống như một con lừa què; và khi nhập vào Bồ-tát đệ bát địa, vị ấy cần phải tiếp tục tu tập về ba khía cạnh (tam tướng) của Thánh trí.

Lại nữa, Mahàmati, khía cạnh vô tướng sẽ có được khi mọi pháp của hàng Thanh văn, Duyên giác và của các triết gia được điều ngự chặt chẽ. Lại nữa, này Mahàmati, còn về gia lực thì gia lực

thuvienhuequang.vn

sẽ đến cho các bồn nguyện được chư Phật thể hiện. Lại nữa, này Mahàmati, về khía cạnh tự chứng của Thánh trí thì khía cạnh này sẽ khởi lên khi một vị Bồ-tát tách mình ra khỏi sự thấy tất cả các sự vật theo hiện tượng tính của chúng thì thể chứng cái thân Tam-muội, nhờ đó vị ấy nhìn thế giới như nhìn một ảo ảnh, và tiếp tục tiến xa hơn mà đạt Phật địa. Này Mahàmati, đây là tiếp tục tiến xa hơn mà đạt Phật địa. Này Mahàmati, đây là ba tướng của đời sống cao thượng. Được trang bị bằng cái ba tướng này, hàng Thánh giả sẽ đạt được đến trạng thái tự chứng, kết quả của Thánh trí. Vì thế, này Mahàmati, ông nên tu tập Thánh trí theo ba khía cạnh của nó.

XI (b)

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati biết được những gì đang diễn tiến trong tâm của chư Bồ-tát đã tụ tập ở đấy, và được phấn kích nhờ gia lực của hết thảy chư Phật tạo cho, bèn hỏi Thế Tôn cái học thuyết gọi là quán sát vào thực tính của Thánh trí: Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn dạy con học thuyết quán sát vào thực tính của Thánh trí mà một trăm lẻ tám biểu ngữ phải tùy vào đấy mà được phân biệt. Cái học thuyết mà chư Như Lai, A-la-hán, chư vị Toàn Giác sẽ tùy vào đó mà phân

thuvienhuequang.vn

tích và vạch rõ cái bản chất và quá trình của sự suy tưởng hư ngụy, nhằm giúp cho [51] chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát khỏi bị rơi vào cách nhìn các sự vật từ các khía cạnh tổng quát và riêng lẻ của chúng. Như thế, chư vị Bồ-tát sẽ được học tập trong sự phân tích và quán sát cặn kẽ về những suy tưởng hư ngụy và do đó chư vị sẽ có được con đường thanh tịnh dẫn đến cái vô ngã của các sự vật và con người, và có được sự soi sáng về các Bồ-tát địa, và hơn nữa, vượt ra khỏi cái hạnh phúc Thiền định[1] của hết thảy Thanh văn, Duyên giác và các triết gia, sẽ đạt được Pháp thân (Dharmakaya) của Như Lai, Pháp thân này thuộc cảnh giới và hành trạng của Như Lai tính, vượt khỏi mọi suy nghĩ và trong đó không có sự sinh khởi của năm pháp. Như thế nghĩa là chư vị ấy sẽ đạt được cái thân, Như Lai là pháp gắn liền một cách thâm mật với sự hiểu biết sinh ra từ trí siêu việt và là cái thân nhập vào ảo ảnh mà đạt tất cả các Phật địa, thiên cung của cõi trời Đâu-suất (Tushita) và trú xứ của cõi trời Sắc cứu cánh (Akanishtha).

XII

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, có một số triết

---

(1) Đó là Dhyàna, Samàdhi và Samàpatti, về mặt thực tế đều thuộc cùng một loại.

thuvienhuequang.vn

gia chủ trương thuyết phủ định; theo quan điểm triết học của họ, cái phi hữu của sừng thỏ được xác nhận bằng cái trí óc phân biệt xác định rằng tự tính của các sự vật ngưng hiện hữu khi các nguyên sinh của chúng đoạn diệt; và họ bảo rằng tất cả các sự vật là phi hữu giống như sừng thỏ.

Lại nữa, này Mahàmati, có những kẻ khác do thấy những khác biệt ở trong các sự vật về mặt yếu tố, đặc tính nguyên tử, chất liệu, hình tướng và vị trí, và bị ràng buộc vào cái ý niệm rằng sừng thỏ là phi hữu cho nên khẳng định rằng trâu thì có sừng.

Này Mahàmati, có những kẻ rơi vào con đường nhị biên của suy nghĩ không thể hiểu được chân lý Duy tâm (chỉ có tâm mà thôi); họ muốn phân biệt một thế giới vốn là của chính cái Tâm. Này Mahàmati, thân thể, tài sản và nhà cửa chỉ hiện hữu khi được đo đếm trong sự phân biệt. [52] Sừng thỏ không phải có, cũng không phải không có; không nên có sự phân biệt nào về chúng. Này Mahàmati, đối với mọi sự vật cũng thế, chúng hữu hay phi hữu cũng không thể xác định được, chớ có phân biệt nào về chúng !

Lại nữa, này Mahàmati, những ai đã vượt khỏi hữu và phi hữu thì không còn ưa chuộng cái ý tưởng cho rằng thỏ không có sừng vì bởi kẻ ấy

thuvienhuequang.vn

không bao giờ nghĩ rằng thỏ không có sừng do bởi ý nghĩa đối đãi, cũng không nghĩ rằng trâu có sừng bởi vì không có một bản chất thâm sâu nào dù cho sự phân tích về sừng có thể vẫn tiếp tục cả trên những phần tử tinh tế nhất gọi là nguyên tử (vi trần): cái trạng thái trong đó Thánh trí được chứng đạt thì vượt khỏi hữu và phi hữu.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế tôn rằng: Bạch Thế Tôn, há chẳng phải là khi nhìn thấy rằng sự phân biệt xảy ra như thế nào, chúng ta chuyển sang nhìn thấy sự không sinh khởi của phân biệt mà cho rằng sừng là phi hữu chăng ?

Thế Tôn dạy: Không, này Mahàmati, thực ra sự phi hữu của sừng không liên hệ gì tới sự không sinh khởi của phân biệt. Tại sao lại không ? Vì có sự phân biệt là do cái ý tưởng về sừng. Thực ra, này Mahàmati, tùy thuộc vào cái ý tưởng về sừng và phân biệt xảy ra và vì mối tương quan tùy thuộc và mối tương quan anyànanya[1] nên người ta nói về sự phi hữu của sừng thỏ, chứ chắc chắn không phải vì liên hệ [đến sừng thỏ của con trâu]. Lại nữa, này Mahàmati, nếu sự phân biệt là khác (anya) với sừng thỏ, [53] thì sự phân biệt sẽ không

---

(1) Nguyên nghĩa là khác và không khác.

thuvienhuequang.vn

xảy ra do bởi sừng [và do đó cái này không khác với cái kia]; nhưng nếu sự phân biệt là không khác (anànya) với sừng thỏ, thì có một sự phân biệt xảy ra do bởi sừng [và do đó cái này khác với cái kia]. Tuy nhiên, một cách kỹ càng, các nguyên tử của sừng được phân tích thì không có (chất) sừng nào là có được cả; cái ý niệm về sừng tự nó không có giá trị khi được lập luận như thế. Khi cả hai thứ ấy không có thứ nào [tức là không sừng thỏ cũng không sừng trâu] là hiện hữu thì liên hệ vào đâu mà nói là phi hữu ?

Do đó, này Mahàmati, sự lập luận bằng liên hệ về sự phi hữu của sừng thỏ là không có giá trị. Sự phi hữu của sừng thỏ được xác định trong liên hệ với sự hiện hữu của chúng [trên con trâu, nhưng thực ra, một cái sừng tự nó từ lúc khởi đầu không có sự hiện hữu nào]; do đó, đừng có sự phân biệt nào về sự phi hữu ấy cả ! Này Mahàmati, cái nhị biên của hữu và phi hữu như các triết gia chủ trương là không đúng như chúng ta thấy trong lập luận về sừng.

Lại nữa, này Mahàmati, có những triết gia khác mắc phải các quan điểm sai lầm bị trói buộc vào những ý niệm như hình sắc, nguyên nhân và tướng trạng, vì không hiểu đầy đủ bản chất của hư không và vì thấy rằng hư không tách rời với hình

thuvienhuequang.vn

sắc nên chuyển sang phân biệt về sự hiện hữu riêng lẻ của chúng. Nhưng, này Mahàmati, vì hư không nhập nào hình sắc nên hình sắc là hư không. Này Mahàmati, để thiết lập sự liên hệ của năng y và sở y nên mới chia ra hai, hư không và hình sắc. Này Mahàmati, khi các thành tố (đại) bắt đầu tạo ra [một thế giới] thì chúng khác biệt nhau, chúng không trụ trong hư không và hư không không phải không hiện hữu trong chúng. Đối với sừng thỏ cũng thế, này Mahàmati, sự phi hữu của chúng được xác định trong sự liên hệ với sừng trâu. Nhưng, này Mahàmati, khi sừng trâu được phân tích cho tới các nguyên tử nhỏ nhất của chúng, rồi các nguyên tử nhỏ nhất này lại còn được phân tích nữa, sau rốt chẳng có gì được gọi là nguyên tử nữa. Vậy phi hữu của cái gì, được xác định trong liên hệ với cái gì ? Với các sự vật khác cũng thế, cách lập luận từ sự liên hệ ấy [54] là không đúng thực.

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati rằng: Này Mahàmati, ông nên vứt bỏ các quan điểm và phân biệt liên hệ đến sừng thỏ sừng trâu, đến hư không và hình sắc. Và cũng thế, này Mahàmati, ông cùng chư Bồ-tát khác hãy suy nghĩ về bản chất của phân biệt mà các vị có từ chính cái Tâm và hãy nhập vào mọi Bồ-tát địa ở đó

thuvienhuequang.vn

các vị nên thể hiện con đường tu tập của chính mình trong sự biểu lộ của chính cái Tâm.

XIII

Thế rồi bấy giờ Thế Tôn đọc các câu kệ sau đây:

125. Thế giới [như chúng ta thấy nó] không hiện hữu, các đa tính của sự vật sinh khởi từ cái Tâm đang được nhìn thấy [theo bề ngoài]; thân thể, tài sản, nhà cửa đều biểu hiện ra cho chúng ta thấy, là của thức A-lại-da.

126. Các vị dẫn đạo nói về Tâm, ý và [ý] thức, [ba] tự tính, năm pháp, hai thứ vô ngã và sự thanh tinh.

127. Dài và ngắn, v.v... hiện hữu ràng buộc hỗ tương nhau; khi sự hữu được xác nhận thì có phi hữu, và chỗ nào phi hữu được xác nhận thì chỗ ấy có hữu.

128. Cứ phân tích xuống tới các nguyên tử, thì thực sự chẳng có hình sắc nào có thể được phân biệt như thế. Điều mà ta có thể kiến lập là [cái chân lý] Duy tâm là điều mà những kẻ ưa chuộng những kiến giải lầm lạc không tin.

129. Điều này không thuộc lĩnh vực của các lý thuyết gia, cũng không phải là lĩnh vực của Thanh văn; [55] chư Phật khai mở con đường tự chứng.

thuvienhuequang.vn

XIV

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại tham vấn Thế Tôn về sự tẩy sạch (thanh tịnh) cái hiện lưu hình thành do sự nhận biết một thế giới đối tượng vốn là của chính cái Tâm: Bạch Thế Tôn, làm thế nào để tẩy sạch cái hiện lưu sinh ra do sự nhận biết một thế giới bên ngoài vốn là của chính cái Tâm ? Sự tẩy sạch ấy là ngay tức khắc (đốn) hay dần dần (tiệm) ?

Thế Tôn trả lời: cái hiện lưu sinh ra do sự nhận biết một thế giới bên ngoài vốn là của chính cái Tâm dần dần được tẩy sạch chứ không phải ngay tức khắc được tẩy sạch. Này Mahàmati, nó cũng như trái àmra chín dần dần chứ không chín ngay tức khắc; đằng này cũng vậy, này Mahàmati, sự tẩy sạch cho các chúng sinh [1] là dần dần chứ không phải ngay tức khắc. Này Mahàmati, cũng giống như người thợ đồ gốm làm ra các bình lọ là các thứ được làm nên dần dần chứ không phải ngay tức khắc; đằng này cũng thế, này Mahàmati, Như Lai tẩy sạch cho chúng sinh là tẩy sạch dần dần chứ không phải tẩy sạch ngay tức khắc. Này

---

(1) Được tóm tắt từ "hiện lưu xảy ra trong các chúng sinh khi họ nhận biết một thế giới bên ngoài vốn là của chính cái Tâm là một thế giới thực (Svacitta dṛśya dhàrà sattvànàm).

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, cũng giống như việc học đóng kịch, nhảy múa, ca hát, âm nhạc, chơi đàn, viết lách và các học nghệ [khác] là việc đạt được dần dần chứ không phải ngay liền; đằng này cũng vậy, này Mahàmati, sự tẩy sạch do Như Lai thực hiện cho các chúng sinh là dần dần chứ không phải là ngay tức khắc.

Này Mahàmati, giống như một tấm gương phản chiếu trong nó ngay tức khắc và không phân biệt các hình sắc và ảnh tượng; [56] đằng này cũng vậy, này Mahàmati, sự tẩy sạch do Như Lai thực hiện cho các chúng sinh là ngay tức khắc, khiến cho chúng sinh thoát khỏi sự phân biệt và dẫn chúng sinh đến trạng thái vô tướng. Này Mahàmati, giống như mặt trời và mặt trăng làm hiển lộ ngay tức khắc các hình sắc như chiếu rọi ánh sáng của nó vào các hình sắc ấy; đằng này cũng vậy, này Mahàmati, bằng sự việc làm cho chúng sinh loại bỏ cái tập khí khởi sinh do những kiến giải sai lầm mà chúng sinh nuôi dưỡng đối với một thế giới bên ngoài vốn là của Tâm, Như Lai khai thị ngay tức khắc cho hết thảy mọi chúng sinh thấy một cảnh giới bất khả tư nghì thuộc về Phật tính. Giống như thức A-lại-da tạo ngay tức khắc một thế giới của thân thể, tài sản và nhà cửa là cái thế giới được trông thấy từ chính cái Tâm;

thuvienhuequang.vn

đẳng này cũng vậy, này Mahàmati, Đức Phật Sở lưu (Nishyanda Buddha) làm chín muồi ngay tức khắc cái tâm thức của chúng sinh mà đặt chúng sinh vào lâu đài cung điện của cõi trời Sắc cứu cánh (Akanishtha), nơi ấy chúng sinh sẽ trở thành những kẻ thực hành phép tu tập tâm linh khác nhau. Này Mahàmati, giống như Đức Phật Pháp tính (Dharmatà - Buddha) phóng hào quang khởi từ Đức Phật Sở lưu Biến hóa (Nishyada - Nirmana Buddha); đẳng này cũng thế, này Mahàmati, chân lý cao thượng về tự chứng cũng tỏa rạng ngay tức khắc khi những biến giải [nhị biên] hư ngụy về hữu và phi hữu bị loại bỏ.

XV

Lại nữa, này Mahàmati, điều mà Đức Phật Pháp tính Biến hóa (tức là Đức Phật hóa hiện từ pháp tuyệt đối) dạy là hết thảy các pháp (sự vật) đều có thể hiểu được các khía cạnh đặc thù (tự tướng) và tổng quát (cộng tướng) vì các pháp ràng buộc bằng nhân, duyên của cái tập khí được chất chứa do sự không nhận biết một thế giới bên ngoài là của chính cái Tâm. Do bởi chấp chặt vào những suy tưởng hư ngụy này mà có sự đa phức của các hư huyễn giống như những cảnh trí và những con người được sáng tạo một cách ảo huyễn và được

thuvienhuequang.vn

tưởng ra là thực trong hiện hữu. Lại nữa, này Mahàmati, những suy tưởng hư ngụy sinh khởi do chấp chặt vào cái ý niệm tương đối. Để minh họa: Khi nhà ảo thuật dựa vào cỏ, [57] gỗ, cây bụi, cây leo mà thực hiện tài nghệ của mình thì các chúng sinh, các hình sắc mang lấy hình tướng, những con người được sáng tạo một cách ảo huyễn được hình thành, xuất hiện có đặc thù và cái thân thể vật chất và được phân biệt bằng một cách đa dạng và huyễn hoặc. Trong khi các thứ ấy tự hiển lộ ra như thế, này Mahàmati, không có một bản chất nào trong đó cả. Cũng thế, này Mahàmati, dựa vào cái ý niệm tương đối, sự suy tưởng hư ngụy nhận biết rất nhiều về bên ngoài được phân biệt do một cái tâm phân biệt. Và vì những về bên ngoài đặc thù của các chúng sinh và hình sắc ấy được tưởng tượng ra và được chấp chặt vào cho nên có tập khí, và này Mahàmati, chừng nào huyễn tưởng còn tiếp tục thì chúng ta có đủ cái điều cần thiết để lập nên cái tự ngã của sự tưởng tượng hư giả. Này Mahàmati, đấy là sự thuyết giảng của Đức Phật Sở lưu.

Lại nữa, này Mahàmati, sự thực hiện của Đức Phật Pháp tính là thiết lập cái trạng thái cao vời của sự tự chứng, vượt ra khỏi hiện tượng của cái tâm [thực nghiệm].

Lại nữa, này Mahàmati, điều mà Đức Phật

thuvienhuequang.vn

Ứng hóa (Nirmita - Nirmana - Buddha) kiến lập gồm các vấn đề như sự bố thí, giới hạnh, Thiền quán, Thiền định, những hình tướng khác nhau của trí siêu việt và của sự lĩnh hội, các uẩn, các giới, các xứ (Àyatanas), giải thoát, các thức, và các cách thức mà chúng vận hành, các hình thức mà chúng mang lấy, những phân biệt và những thực hiện của chúng. Điều Đức Phật khai thị vượt ra khỏi mọi hình tướng, ngược với các kiến giải triết học (của các triết gia ngoại đạo).

Lại nữa, này Mahàmati, đức Phật Pháp tính là vô vi tự tại với các duyên, không dính dáng gì đến tạo tác, ý nghĩa, đo đếm và không thuộc vào cái thế giới của kẻ ngu, của hàng Thanh văn, Duyên giác và của các triết gia là những kẻ luôn luôn bám chặt vào các ý niệm về một cái ngã. Vì thế, này Mahàmati, ông nên tu tập theo con đường tuyệt vời, cao cả dẫn đến sự tự chứng; [58] ông nên tránh xa những kiến giải nhận biết rằng một thế giới bên ngoài cách biệt với chính cái Tâm là thực.

XVI

Lại nữa, này Mahàmati, trong đời sống của Thanh văn thừa, có hai khía cạnh cần phân định, đó là, cái trạng thái tuyệt diệu và cao vời của sự tự

thuvienhuequang.vn

chứng, và sự chấp chặt vào cái ý niệm về tự tính (hay ngã tính) sinh khởi do phân biệt. Cái trạng thái tuyệt diệu, cao vời của sự tự chứng thuộc hàng Thanh văn là gì ? Đây là một trạng thái tập định tâm thức đạt được khi người ta thể nghiệm các trạng thái không, vô ngã, khổ, vô thường và thể nghiệm cái chân lý là thứ thoát khỏi những phiền não và bao giờ cũng trong sáng; khi người ta đoạn trừ những ý niệm thuộc ngoại tính của các sự vật như các uẩn, các giới, các xứ, tính đặc thù và tính tổng quát; và khi người ta có một trí tuệ thâm nhập vào cái thực tính đúng như thực tính. Nhập vào cái tập định tâm thức này, hàng Thanh văn sẽ đạt đến trú xứ an lạc của sự tự chứng cao vời trong đó có sự giải thoát thuộc một Thiền định, con đường và kết quả của một Tam-ma-địa, và sự giải phóng của một Tam-ma-bạt-đề, nhưng trong đó chưa có sự loại bỏ tập khí và chưa có sự thoát ly khỏi sự biến hóa không thể cảm nhận được của cái chết. Này Mahàmati, đấy là cái trạng thái cao vời của sự tự chứng của Thanh văn. Sau khi đạt được cái điều kiện hạnh phúc và cao vời của tự chứng như hàng Thanh văn chứng nghiệm, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát không nên an hưởng hạnh phúc của sự tịch diệt, hạnh phúc của Tam-ma-bạt-đề mà nên từ bi suy nghĩ đến các chúng sinh khác và mãi mãi cho tinh tấn các bổn

thuvienhuequang.vn

nguyện của mình. Này Mahàmati, vị Bồ-tát có thể tự tìm thấy mình ở trong bất cứ một trạng thái cao vời và an lạc nào của sự tự chứng, vị ấy đừng bao giờ đặt mình vào cái trạng thái cao vời và an lạc của sự tự chứng như hàng Thanh văn đã đạt được.

[59] Này Mahàmati, thế nào là sự chấp trước vào ý niệm tự tính sinh khởi từ sự phân biệt ? Sự chấp trước này xảy ra khi một người thấy rằng các thành tố (đại) và các tính chất (chung) như xanh, vàng, ấm, ẩm, động và cứng chưa từng được tạo lập bởi một kẻ tạo lập, rồi người ấy chấp vào những ý niệm về tính đặc thù (tự tướng) và tính tổng quát (cộng tướng) phù hợp với những đo lường được ghi trong các sách lý luận. Này Mahàmati, vị Bồ-tát khi biết được điều ấy là gì thì phải từ bỏ nó đi, phù hợp với sự vô ngã của các sự vật và ngăn chặn những kiến giải sai lầm về sự vô ngã của một con người, vị Bồ-tát nên tinh tấn lên các cấp độ. Đấy là sự chấp trước của hàng Thanh văn vào các ý niệm tự tính sinh khởi từ sự phân biệt về sự hiện hữu.

XVII

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế Tôn rằng: Theo lời dạy của Thế Tôn, sự thường hằng bất khả tư nghì là điều kiện cao vời

thuvienhuequang.vn

của sự tự chứng và cũng là sự thực cao nhất. Nay các triết gia há cũng chẳng nói về đấng sáng tạo là thường hằng bất khả tư nghì đấy ư ?

Thế Tôn trả lời: Không, này Mahàmati, sự thường hằng bất khả tư nghì mà các triết gia quan niệm để định tính cho đấng sáng tạo của họ là không vững vàng. Tại sao ? Này Mahàmati, cái thường hằng bất khả tư nghì này tự nó không phù hợp với ý tưởng về một nguyên nhân thì làm sao mà điều này lại tỏ ra là vững vàng được ? [60] Lại nữa, này Mahàmati, điều gì được tuyên bố là thường hằng bất khả tư nghì mà phù hợp với cái ý tưởng về một nguyên nhân (vốn là thường hằng) trong chính nó thì nó có thể là thường hằng; nhưng vì cái ý tưởng về một đấng sáng tạo lại được căn cứ vào một nguyên nhân [xa hơn] nên nó không thể là thường hằng bất khả tư nghì.

Nhưng, này Mahàmati, cái chân lý tối cao của Ta là thường hằng bất khả tư nghì vì nó phù hợp với cái ý tưởng về một nguyên nhân và vượt ra ngoài hữu và phi hữu. Vì nó là trạng thái cao vời của tự chứng nên nó có đặc tính riêng của nó; vì nó là nguyên nhân của chân lý tối cao nên nó có sự tạo quả của nó; vì nó chẳng có liên hệ đối đãi gì với hữu và phi hữu nên nó vô vi; vì nó phải được xếp vào cùng một đề mục như hư không, Niết-bàn,

thuvienhuequang.vn

diệt nên nó là thường hằng. Do đó, này Mahàmati, không giống như cái thường hằng bất khả tư nghì của hàng triết gia; cái thường hằng bất khả tư nghì của chư Như Lai là cái Như thị được thể chứng bằng Thánh trí bên trong chư Như Lai. Vì thế, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải tu tập để đạt đến bằng Thánh trí cái chân lý tự chứng là cái thường hằng bất khả tư nghì.

Lại nữa, này Mahàmati, cái thường hằng bất khả tư nghì của hàng triết gia không được định tính chất là thường hằng vì nó có một nguyên nhân không phải là thường hằng; điều mà họ xem là thường hằng thì không phải là thường hằng vì nó không được định tính chất là cái năng lực có thể tự sinh ra nó. Lại nữa, này Mahàmati, nếu các triết gia chứng tỏ cái thường hằng của cái thường hằng bất khả tư nghì của họ khác biệt với sự trở thành và do đó chứng tỏ cái vô thường của các sự vật được tạo ra, này Mahàmati, nếu thế thì cũng bằng cách lập luận như vậy [61], Ta có thể chứng tỏ rằng cái thường hằng của các triết gia chẳng có lý do gì để nêu ra như thế vì các sự vật được tạo ra là phi thường hằng do ở sự trở thành của chúng.

Lại nữa, này Mahàmati, nếu cái thường hằng bất khả tư nghì của các triết gia là phù hợp với ý tưởng về một nguyên nhân thì cái mà họ xem là

thuvienhuequang.vn

một định tính cho một nguyên nhân là một sự phi thực như sừng thỏ; và này Mahàmati, cái thường hằng bất khả tư nghì của họ chỉ là một sự phân biệt thuộc ngôn từ mà trong đó, này Mahàmati, vì những phân biệt suông thuộc về ngôn từ thực ra đều là sừng thỏ vì chúng không có một định tính nào cho cái nguyên nhân tự nội. Hơn nữa, này Mahàmati, cái thường hằng bất khả tư nghì của Ta là thực sự thường hằng vì nó tìm thấy nguyên nhân của nó trong trạng thái cao vời của sự tự chứng vì nó chẳng có đối đãi dính dáng gì với người sáng tạo, với hữu và phi hữu. Tính thường hằng của nó không phải do từ cách lập luận dựa vào ý niệm bên ngoài về hữu và phi hữu, của thường hằng và phi thường hằng. Nếu cái thường hằng bất khả tư nghì là thường hằng xét về mặt phi hữu và về mặt thường hằng của ngoại vật thì chúng ta có thể nói về loại thường hằng bất khả tư nghì này rằng các triết gia không biết gì về cái đặc tính tự sinh. Vì họ ở bên ngoài cái trạng thái tự chứng mà Thánh trí đạt được cho nên, này Mahàmati, thuyết giảng của họ là không đúng vấn đề.

XVIII

Lại nữa, này Mahàmati, những kẻ nào vì sợ khổ đau sinh khởi do phân biệt sinh tử mà cầu tìm

thuvienhuequang.vn

Niết-bàn thì những kẻ ấy không biết rằng sinh tử và Niết-bàn không rời nhau; và do thấy rằng hết thảy mọi sự vật phải chịu sự phân biệt thì không có thực tính nên tưởng rằng Niết-bàn sẽ có được sau khi đoạn diệt các giác quan (căn) và các môi trường của chúng (trần). [62] Này Mahàmati, những kẻ ấy không biết rằng Niết-bàn là thức A-lại-da trong đó có một sự đột chuyển xảy ra do tự chứng. Do đó, này Mahàmati, những kẻ ngu nói về tam thừa mà không nói về trạng thái Duy tâm, trong đó không có ảnh tượng gì cả. Do đó, này Mahàmati, những ai không hiểu giáo lý của chư Như Lai trong quá khứ, hiện tại và vị lai thì khi liên hệ đến cái thế giới bên ngoài là thế giới của chính cái Tâm, họ lại chấp vào ý niệm rằng có một thế giới ngoài những gì được thấy của Tâm, và này Mahàmati, họ tiếp tục trôi lăn theo bánh xe sinh tử.

XIX

Lại nữa, này Mahàmati, theo giáo lý của chư Như Lai trong quá khứ, hiện tại và vị lai, mọi sự là vô sinh. Vì sao ? Vì chúng không có thực tính mà chỉ là những biểu hiện của chính cái Tâm, và, này Mahàmati, vì các sự vật không sinh ra từ hữu hay phi hữu nên chúng là vô sinh. Này Mahàmati, hết thảy các sự vật đều giống như sừng thỏ, ngựa,

thuvienhuequang.vn

lừa hay lạc đà, nhưng người ngu và kẻ sơ trí mù quáng theo sự hư ngụy và những tưởng tượng sai lầm của họ mà phân biệt các sự vật tại nơi chúng không có mặt; tại đó, hết thảy các sự vật là vô sinh. Hết thảy các sự vật là vô sinh trong tự tính của chúng, này Mahàmati, đấy là thuộc lãnh vực của tự chứng do Thánh trí đạt được chứ cơ bản không thuộc về lãnh vực của phân biệt nhị biên mà người ngu và kẻ sơ trí chủ trương. Tự tính và đặc tướng của thân thể, tài sản và nhà cửa sẽ phát sinh khi thức A-lại-da bị kẻ ngu nghĩ là năng nhiếp và sở nhiếp; và rồi họ bị rơi vào cái kiến giải nhị biên về sự hiện hữu mà chủ trương cái ý niệm rằng mọi sự vật được sinh ra và chịu sự phân biệt là hữu và phi hữu. [63] Do đó, này Mahàmati, ông nên tu tập về mặt ấy [tức là về tự chứng].

XX

Lại nữa, này Mahàmati, có năm nhóm người, mỗi nhóm đạt được trí tuệ riêng của mình. Năm nhóm ấy là gì ? Đấy là: 1). Nhóm người mà trí tuệ của họ thuộc Thanh văn thừa; 2). Nhóm người mà trí của họ thuộc Duyên giác thừa; 3). Nhóm người mà trí của họ thuộc Như Lai thừa; 4). Nhóm người có chủng tính bất định; 5). Nhóm người không thể có trí.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, làm sao biết được nhóm người có trí thuộc Thanh văn thừa ? Có những người mà lông tóc trên thân thể họ dựng đứng lên khi họ biết và thể nghiệm bản chất của các uẩn, các giới, các nhập [ý nghĩa của] tính tổng quát (cộng tướng) và tính đặc thù (tự tướng); trí óc của họ sẽ nhảy lên vì vui mừng khi biết và tu tập điều gì thuộc về sự thể hiện (tướng) chứ không phải khi tu tập những gì họ biết về sợi dây xích nhân quả liên tục. Những người như thế, này Mahàmati, được gọi là những người có trí thuộc Thanh văn thừa. Khi đã có trí tuệ thâm nhập chính cái thừa của mình, họ an trú trong địa (cấp độ) thứ năm hay thứ sáu, ở đấy họ loại trừ được các phiền não mà không loại trừ được tập khí, họ chưa vượt qua được sự biến dịch - sinh tử khó hiểu, và tiếng rống sư tử của họ là "sự sống của ta đã được đoạn diệt, Phạm hạnh của ta đã được thành tựu, v.v..."; thế rồi họ sẽ tu tập theo vô ngã về người (nhân vô ngã) và cuối cùng đạt được sự hiểu biết về Niết-bàn.

Lại nữa, này Mahàmati, có những người khác tin vào các thứ như ngã, chúng sinh, nguyên lý sống (thọ mạng), người nuôi dưỡng (trưởng dưỡng), thần linh tối cao (sĩ phu) hoặc linh hồn con người, họ sẽ cầu tìm Niết-bàn trong các thứ ấy. Lại nữa, này Mahàmati, còn có những người thấy

thuvienhuequang.vn

rằng tất cả các sự vật hiện hữu tùy thuộc vào các nguyên nhân mà sẽ theo đấy mà nhận ra con đường đi đến Niết-bàn. [64] Nhưng, này Mahàmati, vì họ không có trí tuệ thâm nhập vào sự vô ngã của các sự vật nên không có giải thoát cho họ. Này Mahàmati, đấy là chỗ sai lầm về trí tuệ của Thanh văn thừa và của các triết gia do nhìn thấy cái phi giải thoát thành ra cái giải thoát. Do đó, này Mahàmati, ông nên tu tập thể thoát khỏi cái kiến giải sai lầm này.

Này Mahàmati, những người thuộc nhóm Duyên giác thừa sẽ tuôn nước mắt và cảm thấy lông tóc của thân thể mình dựng đứng lên khi cái trí tuệ Duyên giác được khai thị cho họ. Khi giáo lý giữ cho họ cách ly được với những liên hệ xã hội và những rối rắm, không bị ràng buộc với thế giới bên ngoài và với cái tướng trạng đa dạng của nó, thành tựu cái năng lực thần thông nhờ đó họ có thể phân thân thành ra hai hay thực hiện các biến hóa, khi cái giáo lý ấy được khai mở cho họ thì họ theo đó mà được người ta mong cầu. Vì họ thuộc nhóm có trí tuệ của Duyên giác thừa nên các thuyết giảng của họ sẽ phù hợp với trí tuệ của Duyên giác thừa. Này Mahàmati, đây là đặc trưng của nhóm người có trí tuệ thuộc Duyên giác thừa.

Bây giờ, này Mahàmati, ba khía cạnh có thể

thuvienhuequang.vn

phân biệt được về trí tuệ thuộc nhóm Như Lai thừa. Đấy là: 1). Một trí tuệ nhờ đó người ta có thể thấy suốt cái tự tính của các sự vật là cái tự tính vô tự tính; 2). Một trí tuệ cao vời, là sự chứng đắc về tự chứng; và 3). Một trí tuệ thâm nhập vào sự rộng lớn của các Phật độ bên ngoài. Này Mahàmati, khi ba khía cạnh này được lần lượt khai thị, trong đó thân thể, tài sản và nhà cửa được thấy là sự biểu hiện của chính cái Tâm thì bấy giờ một người sẽ không bị hăm dọa, không sợ hãi, cũng không tỏ ra dấu hiệu sợ hãi nào; một người như thế được gọi là thuộc nhóm những người có trí tuệ thuộc Như Lai thừa. Này Mahàmati, [65] đây là đặc trưng của trí tuệ của những người thuộc Như Lai thừa.

Lại nữa, này Mahàmati, khi ba hình thức trí tuệ này được khai thị cho một người, người ấy nhờ đó có thể vững tin mà tu tập về ba hình thức trí tuệ ấy. Này Mahàmati, đây là cấp độ chuẩn bị cho việc kiến lập cái nhóm riêng của người ấy. Để người ấy có thể bước lên cấp độ vô tướng cho nên có sự kiến lập này. Nhưng vị Thanh văn nào sẽ tẩy sạch tập khí riêng phiền não của mình nhờ đạt một nhận thức tự nội về A-lại-da và nhờ thấy suốt cái vô ngã của các sự vật, thì vị Thanh văn ấy sẽ

thuvienhuequang.vn

an trú trong hạnh phúc của Tam-ma-địa và cuối cùng sẽ đạt cái thân của Như Lai tính[1].

XXI

Thế rồi Thế Tôn đọc các câu kệ sau đây:

130. Quả vị Nhập lưu, và quả vị Nhất lai; quả vị Bất lai và quả vị A-la-hán, thảy đều do động loạn về tâm thức.

131. Tam thừa, nhất thừa và vô thừa, Ta nói về các thừa ấy là nhằm cho những kẻ chậm trí, và [cũng] cho những kẻ trí, những kẻ ưa tịch mịch .

132. Cánh cổng của tính chân thực tối cao không dính dáng chi tới hai hình thức cấu trúc tư tưởng (chủ thể và đối tượng); ở chỗ vô tưởng thì lập ra ba thừa làm chi ? 133. Các thiền định, các vô lượng, các vô sắc định và các diệt tưởng định, tất cả đều chẳng được tìm thấy chút nào trong cái Duy tâm.

XXII

Lại nữa, này Mahàmati, tại sao hàng nhất-xiển-đề (Icchantika)[2] lại không thức tỉnh tham dục để giải thoát ? [66] Vì họ đã xả bỏ tất cả mọi

---

(1) Việc nhận định về nhóm có chủng tánh bất định không rõ ràng lắm.

(2) Những kẻ không có Phật tính.

thuvienhuequang.vn

thượng căn và họ tôn chuộng các hạnh nguyện dành cho hết thảy chúng sinh từ vô thỉ. Xả bỏ tất cả thiện căn nghĩa là gì ? Đấy là nhằm chỉ [các Phật tử] đã xả bỏ Bồ-tát tập định [của các kinh điển] mà tuyên bố lầm lạc rằng không hợp với kinh, với giới luật và với giải thoát. Do như vậy, họ đã phá bỏ hết thiện căn và sẽ không nhập Niết-bàn. Thứ đến, này Mahàmati, có những vị Bồ-tát Ma-ha-tát, do các bổn nguyện của chư vị dành cho hết thảy chúng sinh, rằng "khi nào chúng sinh không nhập Niết-bàn thì ta sẽ không nhập Niết-bàn", nên tự mình lánh xa Niết-bàn. Này Mahàmati, đấy là lý do khiến chư vị ấy không nhập Niết-bàn, và vì thế, họ tiếp tục trên con đường của nhất-xiển-đề.

Mahàmati lại bạch: Bạch Thế Tôn, kẻ nào không bao giờ nhập Niết-bàn ?

Thế Tôn dạy: Biết rằng tất cả mọi sự vật ở trong chính Niết-bàn từ ngay lúc bắt đầu, nên vị Bồ-tát nhất-xiển-đề sẽ không bao giờ nhập Niết bàn. Nhưng các vị nhất-xiển-đề đã xả bỏ mọi thiện căn ấy [cuối cùng] lại nhập Niết-bàn. Này Mahàmati, các vị nhất-xiển-đề ấy vốn đã xả bỏ mọi thiện căn, một ngày kia có thể được ảnh hưởng bởi năng lực của chư Như Lai và bất cứ lúc nào cũng được tích tụ thiện căn. Tại sao ? Này Mahàmati, vì không có chúng sinh nào bị chư Như Lai bỏ ra cả.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, do đó mà chính vị Bồ-tát nhất-xiển-đề [67] không bao giờ nhập Niết-bàn.

XXIII

Lại nữa, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải thực thành thạo với ba loại tự tính (svabhàva) - [Thế nào là ba? Đó là] 1. Sự phân biệt sai lầm (vọng tưởng) 2. Trí tương đối (duyên khởi) và 3. Trí toàn hảo (thành). Này Mahàmati, sự phân biệt sai lầm (vọng tưởng tự tánh) do tướng (mini-tta) mà sinh khởi. Này Mahàmati, nó sinh khởi do tướng như thế nào ? [Xét] về mặt tương đối tính của tự tánh thì các thực tính xuất hiện theo nhiều cách khác nhau như có các tướng, các dấu hiệu và các hình trạng. Này Mahàmati, khi các đối tượng, hình tướng và dấu hiệu này được người ta chấp [là thực], thì sự chấp này xảy ra theo hai cách, chư Như Lai, A-la-hán và chư vị Toàn Giác tuyên bố rằng sự phân biệt sai lầm gồm sự chấp vào các tên gọi (danh tướng, kế trước tướng) và sự chấp vào các đối tượng (sự tướng kế trước tướng). Này Mahàmati, sự chấp vào các đối tượng nghĩa là bị ràng buộc vào các sự vật bên trong (nội pháp) và bên ngoài (ngoại pháp) [như là các thực tính]. Sự chấp vào các tên gọi nghĩa là nhận ra trong các sự vật bên trong và bên ngoài (nội pháp và ngoại pháp) các dấu vết đặc biệt của tính đặc thù (tự

thuvienhuequang.vn

tướng) và tính tổng quát (cộng tướng) và xem chúng là dứt khoát thuộc về các đối tượng. Này Mahàmati, hai thể cách chấp trước này đều là sự phân biệt sai lầm (tức vọng tưởng tự tánh). Cái trí về khía cạnh tương đối (duyên khởi tướng - paratantra) sinh khởi từ sự tách rời chủ thể (sở y-À'sraya) và đối tượng (sở duyên - Àlambana)

Này Mahàmati, trí toàn hảo (viên thành tự tánh) là gì ? Trí này được thể nghiệm khi người ta loại bỏ các ý niệm phân biệt về hình tướng, tên gọi, thực tính và đặc tính; đấy là sự thể chứng tự nội bằng Thánh trí. Trí toàn hảo này [68], này Mahàmati là bản thể của Như Lai tạng (Tathàgata - garbha).

Rồi Thế Tôn đọc hai câu kệ sau đây:

134. Tướng, danh và phân biệt thuộc hai hình thức Tự tính, Chánh trí và Như như thuộc khía cạnh trí toàn hảo (viên thành).

Này Mahàmati, đấy gọi là cái học thuyết quán sát vào bản chất của Năm pháp và Hai tự tính, tạo nên trạng thái tự chứng đạt được bằng Thánh trí, và ông cùng chư Bồ-tát khác cần phải tu tập.

XXIV

Lại nữa, này Mahàmati. vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải thông hiểu cái bản tính của hai loại vô ngã.

thuvienhuequang.vn

Nầy Mahàmati, hai vô ngã này là gì ? [Đó là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Nhân vô ngã nghĩa là gì ? Đó là] trong tập hợp uẩn, giới, xứ không có ngã thể, không có gì thuộc về ngã thể cả; Thức có gốc là vô minh, nghiệp và khát ái, và thức duy trì chức năng của nó bằng cách nhiếp các đối vật nhờ vào các căn như mắt v.v... và bằng cách chấp rằng các đối vật là thực; trong khi một thế giới đối tượng và thân thể được thể hiện do bởi sự phân biệt xảy ra trong một thế giới của chính cái Tâm, đó là trong cái thức A-lại-da. Do cái tập khí bị chất chứa bằng sự suy tưởng sai lầm từ vô thỉ, cái thế giới này (vishaya) phải chịu vô thường và đoạn diệt trong từng sát na; giống như một dòng sông, một hạt giống, một ngọn đèn gió và một đám mây; [trong khi cái thức tự nó] giống như một con khỉ không lúc nào ngưng nghỉ, giống như một con ruồi bao giờ cũng tìm kiếm những thứ không sạch và những chỗ dơ bẩn, giống như một ngọn lửa [69] không bao giờ thỏa. Lại nữa, giống như một bánh xe kéo nước hay một cái máy, nó [tức là cái thức] tiếp tục lăn bánh xe luân hồi, mang nhiều thân thể và sắc tướng khác nhau, làm sống lại cái chết như quỷ Vetàla, khiến cho các hình tượng bằng gỗ cử động lung tung như một nhà ảo thuật làm chúng cử động vậy. Này Mahàmati, một sự thấu hiểu

thuvienhuequang.vn

thông suốt về các hiện tượng này được gọi là sự thông hội về nhân vô ngã (cái vô ngã về người).

Bây giờ, này Mahàmati, thế nào là pháp vô ngã (cái vô ngã về các sự vật) ? Đấy là thể nghiệm rằng các uẩn, giới, xứ được định tính bằng cái bản chất của sự phân biệt sai lầm. Này Mahàmati, vì các uẩn, giới và xứ không có một tự tính mà chỉ là một sự tích tập của các uẩn và phải chịu nhân duyên hỗ tương ràng buộc nhân qủa với nhau bằng sợi dây khát ái và nghiệp; vì thế mà không có nhân tố tạo sanh nào trong chúng cả. Này Mahàmati, các uẩn cũng không có các tướng đặc thù (tự tướng) và các tướng tổng quát (cộng tướng); kẻ ngu do vì phân biệt lầm lạc mà tưởng ra cái đa phức của các hiện tượng; còn người trí thì không thế. Này Mahàmati, khi nhận ra rằng tất cả các sự vật (pháp) đều không có tâm, ý, ý thức năm pháp và [ba] tự tính, vị Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ hiểu rõ thế nào là pháp vô ngã.

Lại nữa, này Mahàmati, nếu vị Bồ-tát Ma-ha-tát đã hiểu đúng về pháp vô ngã thì không bao lâu, vị ấy sẽ đạt tới sơ địa [của Bồ-tát địa] khi vị ấy đạt được sự nhận thức rõ ràng về vô tướng, khi đã thực sự có được chứng đắc về [Bồ-tát] địa, vị Bồ-tát sẽ cảm thấy hoan hỉ, rồi dần dần vượt lên mà đạt tới đệ cửu địa, nơi ấy trí tuệ của vị ấy đã viên

thuvienhuequang.vn

mãn và [cuối cùng đạt đến thập địa gọi là] Đại pháp vân địa (Dharmameghà). Trụ lập tại đây [70] vị ấy sẽ được ngồi trong cung điện lớn bằng ngọc gọi là "Đại điện hoa đài" có hình một hoa sen và được trang hoàng bằng đủ loại châu ngọc; vị ấy sẽ thành tựu một cảnh giới huyễn tự tính; được chư vị Bồ-tát cùng qủa vị vây quanh và được quán đảnh giống như nam tử của Chuyển luân vương (Caknavarti) do bàn tay của chư Phật đến từ mọi Phật độ, vị ấy sẽ vượt khỏi Bồ-tát địa cuối cùng, đạt Thánh đế của sự tự chứng và trở thành một Như Lai có sự tự tại của Pháp thân do trí tuệ của vị ấy đã thẩm nhập vào pháp vô ngã. Này Mahàmati, đấy là ý nghĩa của sự vô ngã của tất cả các pháp mà ông cùng các Bồ-tát Ma-ha-tát khác cần phải khéo tu tập.

XXV

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế Tôn: xin Ngài dạy cho con về việc xác nhận hay bác bỏ ngõ hầu con cùng chư Bồ-tát khác được thoát khỏi những kiến giải lầm lạc có thể khởi lên do chấp nhận hay bác bỏ mà có thể thể hiện ngay liền sự chứng ngộ cao nhất. Khi đã chứng ngộ, chư Bồ-tát sẽ giữ mình xa lìa những chấp nhận hay bác bỏ về đoạn diệt và chỉ trừ cái giác nhãn của Chư vị là không bị bác bỏ.

thuvienhuequang.vn

Bấy giờ Thế Tôn hiểu thỉnh cầu của Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati, bèn đọc câu kệ sau:

135. Xác nnhận và bác bỏ không có trong cái Duy tâm; kẻ ngu không hiểu rằng Tâm là hình tướng của thân thể, tài sản và nhà cửa nên cứ phải lang thang khắp với những xác nhận và bác bỏ.

[71] Lúc bấy giờ, để soi sáng ý nghĩa câu kệ trên, Thế Tôn dạy: này Mahàmati, có bốn hình thức xác nhận về các sự vật không hiện hữu. Bốn hình thức ấy là gì ?

1. Xác nhận về các đặc tướng vốn không có;

2. Xác nhận về các kiến giải triết học vốn là không có [tức là không thực];

3. Xác nhận về một nguyên nhân vốn là không có;

4. Xác nhận về các đối tượng vốn là không có;

Này Mahàmati, đấy là bốn sự xác nhận.

Lại nữa, này Mahàmati, bác bỏ nghĩa là gì ? nghĩa là do ngu đốt mà không khảo sát một cách thích đáng mọi xác nhận căn cứ trên những lầm lạc. Này Mahàmati, đấy là đặc điểm của xác nhận và bác bỏ.

Lại nữa, này Mahàmati, thế nào là các đặc điểm của sự xác nhận về các tướng đặc thù và tướng tổng quát vốn là những tướng phi hữu ? Đấy là đối với các tướng đặc thù và các tướng tổng quát

thuvienhuequang.vn

trong các uẩn, các giới, các xứ vốn thực sự không hiện hữu nhưng người ta lại cho rằng chúng là thực mà chấp vào chúng để rồi có thể xác nhận rằng chúng đúng là như thế này chứ không phải như thế khác. Này Mahàmati, đấy là đặc điểm của các tướng đặc thù là những tướng phi hữu[1]. Này Mahàmati, sự xác nhận và phân biệt về mặt các đặc tướng phi hữu này khởi lên khi người ta bị ràng buộc vào tập khí tích chứa từ vô thỉ do bao nhiêu kiến giải sai lầm phát xuất từ suy tưởng hư vọng. Này Mahàmati, đấy là đặc điểm của sự xác nhận các đặc tướng vốn phi hữu (mà cho rằng chúng là hiện hữu).

Này nữa, Mahàmati, sự xác nhận về các kiến giải triết học (của ngoại đạo) là những kiến giải phi hữu [tức là không thực] nghĩa là [một số triết gia] cho rằng trong các uẩn, các giới, các xứ có sự hiện hữu của một cái ngã, một hữu thể, một linh hồn, một sinh thể, một người nuôi dưỡng hay một thần linh. Này Mahàmati, đấy gọi là sự xác nhận về một số kiến giải triết học vốn là phi hữu [tức là không thực]

Này nữa, Mahàmati, sự xác nhận về một nguyên nhân vốn là phi hữu nghĩa là [một số triết

---

(1) Ý này được lập lại dưới đây, rõ ràng là do biên chép lẫn lộn.

thuvienhuequang.vn

gia] cho rằng sự sinh ra mà không do nguyên nhân của cái thức đầu tiên [72] mà về sau trở thành một sự phi hữu như huyễn (màyà); tức là cái thứ vốn là vô minh khởi sự vận hành dưới những điều kiện của mắt, hình sắc, ánh sáng và ký ức. Sự vận hành này tiếp diễn trong một lúc rồi ngưng. Này Mahàmati, đấy là sự xác nhận về một nguyên nhân phi hữu.

Này nữa, Mahàmati, sự xác nhận về các đối tượng vốn phi hữu là một sự xác nhận khởi lên từ sự chấp vào những hiện hữu phi hành tác như hư không, diệt và Niết-bàn. Này Mahàmati, những thứ ấy không phải là hữu, cũng không phải là phi hữu; vì tất cả các sự vật đều không có sự dứt khoát là hữu hay phi hữu và này Mahàmati, phải xem chúng như là sừng một con thỏ, một con ngựa hay một con lạc đà hoặc giống như một cái lưới tóc, kẻ ngu bị mê đắm vào những xác nhận và bác bỏ vì trí óc của họ không vào được cái sự thật rằng không có gì cả ngoài những thứ được trông thấy do từ chính cái Tâm, nên mới phân biệt các đối tượng ấy mà cho rằng chúng là thực. Người trí thì không như thế. Này Mahàmati, đây là điểm đặc biệt của sự xác nhận về các đối tượng phi hữu. Do đó, này Mahàmati, cần phải tránh những kiến giải xây dựng trên sự xác nhận và sự bác bỏ.

thuvienhuequang.vn

XXVI

Lại nữa, này Mahàmati, chư Bồ-tát thuần thục với bản tính của Tâm, Ý và Ý thức của năm pháp, của [ba] tự tính và của hai thứ vô ngã, sẽ khoát lấy bao nhiêu những nhân cách nhằm gây lợi lạc cho những kẻ khác, giống như sự tưởng tượng phát sinh từ vị trí của cái trí tương đối và lại giống như hạt ngọc kỳ bí tỏa sáng muôn màu. Vượt lên trên hết thảy mọi cõi Phật và mọi hội chúng, chư Bồ-tát sẽ nghe chư Phật thuyết giảng, sẽ luận bàn về bản tính của tất cả các sự vật là những thứ giống như một ảo ảnh, một giấc mộng, một ảo giác, một phản ảnh và bóng trăng trong nước, chẳng liên hệ chi tới sinh tử, thường hằng và đoạn diệt; chư Bồ-tát, đối diện với chư Như Lai như thế, sẽ nghe pháp của chư Như Lai giảng về cái chân lý không thuộc về Thanh văn - Duyên giác thừa. Chư vị sẽ đắc một trăm ngàn Tam-ma-địa [73]. Thực thế, một trăm ngàn ức triệu Tam-ma-địa, và nhờ vào các Tam-ma-địa này, chư vị sẽ đi quanh từ xứ này sang xứ khác. Chư vị sẽ đảnh lễ chư Phật, sẽ sinh vào mọi lâu đài của các cõi thiên nơi đó chư vị sẽ thuyết giảng về Tam Bảo, thể hiện các Phật thân; và được các Thanh văn và các Bồ-tát vây quanh, chư vị sẽ thuyết giảng cho họ thông hiểu thế nào là một thế giới đối tượng, cái thế giới không là gì ngoài chính

thuvienhuequang.vn

cái Tâm, và trong đó không có gì là thực để cho họ thoát khỏi cái chấp dứt khoát là hữu hay dứt khoát là phi hữu.

Bấy giờ Thế Tôn đọc câu kệ sau đây:

136. Khi những ai sinh ra từ Đức Phật thấy rằng thế giới không gì khác hơn là chính cái Tâm thì những người ấy sẽ đạt được một cái thân biến hóa là cái thân không liên hệ chi tới các hành tác nhân quả và có các năng lực (thần thông), các khả năng tâm linh và sự tự điều ngự.

XXVII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại thỉnh vấn Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết thế nào là các sự vật (pháp) đều là không, vô sinh, vô nhị và không có tự tính để cho con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khả dĩ được ngộ cái giáo lý về không, vô sinh, vô nhị và vô tự tính để rồi rời cái phân biệt về hữu và phi hữu mà mau chóng thể chứng sự chứng ngộ tối thượng.

Thế Tôn dạy Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati rằng: Này Mahàmati, hãy lắng nghe cho kỹ và suy nghĩ cho kỹ những gì Ta nói.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, con xin vâng. [74] Thế Tôn dạy: Cái không, cái không, quả thế, này Mahàmati, đấy là một biểu

thuvienhuequang.vn

từ mà tự tính của nó chỉ là sự suy tưởng hư vọng. Do bởi người ta chấp vào sự suy tưởng hư vọng mà này Mahàmati, chúng ta phải nói về không, vô sinh, vô nhị và vô tự tính. Tóm lại, này Mahàmati, có bảy loại không: 1). Cái không về tướng (lakshana) (tướng không); 2). Cái không về tự tính (bhàvasva bhàva) (tính tự tính không); 3). Cái không về vô hành (apracarita) (vô hành không); 4). Cái không về hành (pracarita) (hành không); 5). Cái không về các sự vật trong ý nghĩa rằng chúng không thể xác định được (ly ngôn thuyết không); 6). Cái không trong ý nghĩa cao nhất của nó về thực tính thâm sâu chỉ có thể được hiểu bằng Thánh trí (đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không) và 7). Cái không về sự hỗ tương (itaretara) (bỉ bỉ không) là cái không thứ bảy.

Này Mahàmati, tướng không là gì ? Đấy là tất cả các sự vật không có [sự phân biệt về] các tướng đặc thù và các tướng tổng quát. Xét về mặt hỗ tương và tích tập (thì các sự vật được nghĩ là thật) nhưng khi chúng được quán sát và phân tích kỹ hơn thì này Mahàmati, chúng là phi hữu và không thể xác định bằng cái đặc thù hay cái tổng quát và vì thế nên những ý niệm như tự ngã, tha nhân hoặc cả nhân và ngã không có ý niệm nào là có giá trị cả; này Mahàmati, các đặc tướng không còn có nữa. Đấy gọi là tướng không.

thuvienhuequang.vn

Lại nữa, này Mahàmati, tự tính không là gì ? Này Mahàmati, đấy là tất cả các sự vật trong tự tính của chúng là vô sinh, do đó mà không có tự tính cho nên bảo rằng các sự vật là không tự tính của chúng.

Lại nữa, này Mahàmati, vô hành không là gì ? Đấy là các uẩn chính là Niết-bàn và không có sự hành tác nào thực hiện trong chúng từ lúc khởi đầu. Đấy gọi là vô hành không [75].

Lại nữa, này Mahàmati, hành không là gì ? Đấy là các uẩn không có một cái ngã và những thứ thuộc về ngã, và tiếp tục vận hành khi có sự nối kết hỗ tương của nguyên nhân và hành động. Do đó người ta bảo là hành không.

Lại nữa, này Mahàmati, ly ngôn thuyết không là gì ? Đấy là cái bản chất của sự suy tưởng hư vọng thì không thể diễn tả được, do đó là cái không của hết thảy mọi sự vật trong ý nghĩa về cái tính không thể xác định của chúng. Đấy gọi là ly ngôn thuyết không.

Lại nữa, này Mahàmati, đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không là gì ? Đấy là trong sự đạt một thể chứng tự nội nhờ Thánh trí, không có dấu vết nào của cái tập khí do tất cả các ý niệm sai lầm (của cái quá khứ vô thỉ) sinh ra. Đấy gọi là đệ nhất nghĩa Thánh trí đại không.

thuvienhuequang.vn

Lại nữa, này Mahàmati, bỉ bỉ không là gì ? Đấy là: khi một sự vật không có mặt ở nơi đây, người ta nói đến cái không của nó ở nơi kia. Chẳng hạn, này Mahàmati ở trong giảng đường của Mragàrama (tịnh xá Lộc Mẫu) không có voi, không có trâu, không có cừu nhưng vì ta có thể bảo với các Tỳ-kheo rằng giảng đường không có các con thú ấy; đấy là không chỉ ở ngang mức độ người ta quan niệm về chúng (tức các con thú). Lại nữa, này Mahàmati, không phải rằng giảng đường là không có các đặc tính riêng của nó cũng không phải rằng người Tỳ-kheo không có chúng Tỳ-kheo này, cũng không phải rằng trong một số chỗ khác cũng thế không có voi, trâu, cừu. Này Mahàmati, ở đây người ta thấy tất cả các sự vật trong khía cạnh đặc thù và tổng quát của chúng, nhưng từ quan điểm hỗ tương (bỉ bỉ) (itaretara); một số sự vật không hiện hữu tại một nơi nào đó. Đấy gọi là bỉ bỉ không.

Này Mahàmati, đấy là bảy loại không mà cái được xếp cuối cùng là cái bỉ bỉ không và ông phải xa lìa nó.

[76] Lại nữa, này Mahàmati, không phải các sự vật là không được sinh ra, mà chúng không được sinh ra từ chính chúng, trừ phi chúng được quan sát trong trạng thái Tam-ma-địa, đấy là ý nghĩa của "các pháp đều vô sinh". Này Mahàmati,

thuvienhuequang.vn

theo ý nghĩa thâm sâu nhất thì không có tự tính là vô sinh. Tất cả các pháp không có tự tính nghĩa là có một sự trở thành luôn luôn có và liên tục, một sự thay đổi sát-na từ trạng thái hiện hữu này sang trạng thái hiện hữu khác; này Mahàmati, thế thì tất cả các pháp đều không có tự tính. Đấy gọi là tất cả các pháp đều không có tự tính.

Lại nữa, này Mahàmati, vô nhị là gì ? Này Mahàmati, đấy nghĩa là ánh sáng và bóng tối, dài và ngắn, đen và trắng là những biểu từ tương đối và cái này không độc lập đối với cái kia; như Niết-bàn và luân hồi, tất cả các sự vật là không hai, không có Niết-bàn ngoài nơi có luân hồi; không có luân hồi ngoài nơi có Niết-bàn; vì cái điều kiện hiện hữu không có đặc tính độc lập đối với nhau[1]. Do đó mà bảo rằng tất cả các pháp là vô nhị như Niết-bàn và luân hồi vậy. Vì vậy, này Mahàmati, ông phải tu tập (thể nghiệp) cái không, vô sinh, vô nhị và vô tự tánh.

Thế rồi lúc bấy giờ Thế Tôn đọc đoạn kệ sau đây:

137. Ta luôn luôn thuyết giảng cái không vượt ra ngoài quan điểm thường hằng hay đoạn diệt; luân hồi giống như một giấc mộng và một ảo ảnh mà nghiệp cũng chẳng biến mất.

138. Hư vô, Niết-bàn, hai hình thức đoạn diệt,

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

kẻ ngu theo thế mà phân biệt các sự vật là những thứ vốn không nhân quả tạo tác, còn kẻ trí thì đứng vượt trên cái hữu và phi hữu.

Bấy giờ Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati rằng: [Giáo lý về] cái không, vô sinh, vô nhị và vô tự tính này được tìm thấy trong tất cả các kinh điển của hết thảy chư Phật, và giáo lý này được xem là chính giáo lý của chư Phật. Tuy nhiên, này Mahàmati, giáo lý trong kinh điển là giáo lý để phù hợp với những khai thị cho mọi chúng sinh, xa lệch [thực] nghĩa, và không phải là sự khẳng định thủ trì chân lý. Này Mahàmati, giống như các ảo ảnh với những dòng nước giả trá của nó thu hút con nai đến; những dòng nước ấy không có ở đấy nhưng con nai bị chấp buộc, tưởng rằng chúng là thực. Các giáo lý được khai thị trong tất cả kinh điển cũng thế, nhằm cho tất cả các chúng sinh mà làm hoan hỉ những cái tâm phân biệt của họ. Các giáo lý ấy không phải là những khẳng định về chân lý dành cho Thánh trí nhiếp thủ. Do đó, này Mahàmati, hãy theo đúng với thực nghĩa chứ đừng miệt mài theo ngôn thuyết.

XXVIII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế Tộn rằng: Thế Tôn có nêu ra cái Như Lai tạng

thuvienhuequang.vn

trong các kinh điển và quả thực Ngài đã miêu tả Như Lai tạng về cái bản chất sáng sủa trong sạch của nó như là vốn không ô nhiễm, có ba mươi hai tướng tốt, dấu trong thân thể của mỗi chúng sinh như một viên ngọc quý được đặt trong cái áo dơ, được bao trong cái áo của các uẩn, giới, xứ và bị bẩn vì bụi của tham, sân, si và huyễn tưởng, [78] trong khi Thế Tôn miêu tả nó là trường cửu thường hằng, tốt đẹp, không thay đổi. Thế Tôn dạy về Như Lai tạng như thế há lại không phải cùng một thứ với cái tự ngã mà các triết gia vẫn tuyên thuyết hay sao ? Cái ngã như được nói đến trong các hệ thống của các triết gia là một kẻ sáng tạo trường cửu, bất định tính, có mặt khắp nơi và không bị hủy diệt.

Thế Tôn dạy: Không, này Mahàmati, Như Lai tạng của Ta không phải là cùng thứ với cái ngã mà các triết gia tuyên thuyết; này Mahàmati, cái mà chư Như Lai tuyên thuyết là cái Như Lai tạng trong ý nghĩa rằng đây là cái không, cái bờ giới của thực tính, Niết-bàn, vô sinh, vô định tính, và vô nguyện; lý do khiến chư Như Lai và các bậc A-la-hán và bậc Toàn Giác thuyết giảng cái giáo lý trở về Như Lai tạng là để làm cho kẻ ngu dẹp bỏ sự sợ hãi khi nghe nói đến giáo lý vô ngã và để cho họ thể chứng cái trạng thái vô phân biệt và vô tướng.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, Ta cũng mong rằng chư Bồ-tát Ma-ha-tát trong hiện tại và vị lai sẽ không chấp vào cái ý niệm về một cái ngã [tưởng rằng nó là một linh hồn]. Này Mahàmati, cũng giống như một người thợ đồ gốm tạo ra nhiều bình lọ do một khối đất sét cùng một loại bằng sự khéo tay và cần mẫn với một cái cần nước và chỉ, này Mahàmati, chư Như Lai thuyết giảng về sự vô ngã của các sự vật gỡ bỏ tất cả những dấu vết phân biệt nhờ vào phương tiện thiện xảo khác nhau xuất phát từ trí tuệ siêu phàm của chư vị, đấy là có khi chư vị dùng lý thuyết về Như Lai tạng, có khi dùng lý thuyết vô ngã, và cũng giống như người thợ đồ gốm, chư vị dùng nhiều đề mục, nhiều biểu từ và những từ đồng nghĩa mà thuyết giảng. Vì thế, này Mahàmati, học thuyết về tự ngã của các triết gia không phải là cùng một thứ [79] với giáo pháp về Như Lai tạng. Này Mahàmati, học thuyết về Như Lai tạng được trình bày để thức tỉnh các triết gia cho họ khỏi chấp vào ý niệm ngã, để cho những cái tâm nào đã rơi vào các kiến giải tưởng rằng cái ngã phi hữu là thực và rơi vào cái ý niệm về tam giải thoát là cứu cánh, thì bây giờ nhờ học thuyết này mà có thể nhanh chóng ngộ được trạng thái chứng ngộ tối thượng. Như thế, này Mahàmati, chư Như Lai là những bậc A-la-hán, Toàn Giác khai thị học thuyết Như Lai tạng, là cái giáo pháp không nên

thuvienhuequang.vn

bị xem là đồng nhất với ý niệm về ngã thể của các triết gia. Do đó, này Mahàmati, để từ bỏ cái vọng niệm mà các triết gia tôn quý, ông phải nỗ lực tu tập giáo pháp về vô ngã và về Như Lai tạng.

XXIX

Bấy giờ Thế Tôn đọc câu kệ sau:

139. Cái ngã linh hồn, sự tương tục, các uẩn, nhân quả, vi trần, thần linh tối thượng, kẻ điều khiển, vị sáng tạo (các thứ ấy) đều là những phân biệt trong cái Duy tâm[1].

XXX

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati quán xét đến các thế hệ sau nên lại thỉnh bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết về việc thành tựu sự tu tập nhờ đó chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát trở thành bậc Đại tu hành.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, có bốn điều mà chư Bồ-tát nếu làm tròn được thì trở thành bậc Đại tu hành. Bốn điều ấy là gì ? Đó là: 1). Có sự thông hiểu rõ ràng về những gì được thấy từ chính cái Tâm[2]. 2). Lìa bỏ những ý niệm về sinh, trụ,

---

(1) Câu kệ này được đề vào đây kê cũng lạ !

(2) Đây là dịch hơi vụng về Svacitta Dr'isya. Dr'isya là "những gì được thấy", tức là thế giới khả kiến này, hay

thuvienhuequang.vn

diệt. 3). Thấy rõ (cái chân lý) rằng không có cái thế giới bên ngoài nào tồn tại cả. 4). Tìm cách chứng đạt bằng sự tự chứng nhờ vào Thánh trí. Có được bốn điều này, chư Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ trở thành những bậc Đại tu hành.

Này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát làm sao để có được sự thông hiểu rõ ràng về những gì được trông thấy từ chính cái Tâm ? Để được như thế, vị ấy phải nhận biết rằng ba cõi này không gì khác hơn là chính cái Tâm, không có một cái ngã và những thứ thuộc về ngã, [1] không nỗ lực, không đến và đi, rằng ba cõi này được biểu hiện và được tưởng là thực dưới ảnh hưởng của cái tập khí được chất chứa từ vô thỉ bằng lý luận và suy tưởng hư vọng, với cái đa phức của đối tượng và hành động trong một mối tương quan chặt chẽ và phù hợp với

---

thế giới đối tượng mà theo Lăng Già là một sự biểu hiện của chính cái Tâm. Khi chân lý này được thể nghiệm thì thế giới đối tượng theo đó mà mất đi cái thật của nó và chúng ta không còn chấp vào nó như nó là một yếu tố tối hậu không thể giam trừ được, đối nghịch với cái Tâm. Ý niệm Phật giáo về cách diễn dịch sự hiện hữu về mặt lý tưởng mang tính chất tôn giáo hơn là luận lý, vì các Phật tử muốn đề cao giá trị tinh thần cao hơn vật chất một cách tuyệt đối để cho vật chất sẽ phải tuân theo những mệnh lệnh của tinh thần.

(1) Câu này được xếp lại vào đây cho thích hợp, trong bản Sanskrit còn ghi câu này ở cuối câu 81.

thuvienhuequang.vn

những ý tưởng phân biệt như thân thể, tài sản và nhà cửa. Thế đấy, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát đạt được một sự thông hiểu rõ ràng về những gì được thấy từ chính cái Tâm.

Lại nữa, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát vứt bỏ các ý niệm về sinh, trụ và diệt như thế nào ? Điều này có nghĩa là tất cả các sự vật được xem như là những hình tướng được sinh ra từ một ảo ảnh, hay một giấc mộng và vốn chẳng bao giờ được sáng tạo ra vì không có các thứ như ngã, tha (người khác, cái khác) hoặc cả ngã và tha. [Chư Bồ-tát] sẽ thấy rằng cái thế giới bên ngoài chỉ hiện hữu trong sự phù hợp với duy Tâm, và do thấy rằng không có sự quấy động của các Thức và rằng ba cõi là một mạng lưới nhân quả, sinh khởi do phân biệt, [81] nên chư vị Bồ-tát thấy rằng tất cả mọi sự vật, trong và ngoài đều vượt ra khỏi sự định tính, rằng không có cái gì được thấy là tự tính và rằng [thế giới] không nên được xem là được sinh ra; và từ đó, chư vị sẽ thích nghi với sự thông hiểu rằng mọi sự vật thuộc bản chất của một ảo ảnh, v.v..., và đạt tới sự nhận biết rằng tất cả các sự vật đều vô sinh (vô sinh pháp nhẫn). Tự kiến lập mình trong Bồ-tát đệ bát địa, chư vị ấy sẽ thể nghiệm một sự chuyển biến [trong tâm thức] bằng cách vượt qua Tâm, Ý và Ý thức, năm pháp (ba) tự tính và hai thứ vô ngã, do đó đạt được cái thân do ý sinh

thuvienhuequang.vn

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM
Website: thuvienhuequang.vn

ra (ý sanh thân - manomayakàya). Này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ vứt bỏ cái ý niệm về sinh, trụ và diệt như thế đấy.

Bồ-tát Mahàmati [1] bạch: Bạch Thế Tôn, Ý thân nghĩa là gì ? Thế Tôn dạy: Nghĩa là người ta [trong cái thân thể này] có thể chuyển động rất nhanh theo như người ta muốn mà không bị trở ngại; Này Mahàmati, đấy là Ý thân. Chẳng hạn, này Mahàmati, ý muốn [hay ý] vượt qua núi non, tường vách, sông núi, cây cối v.v... mà không bị trở ngại, các thứ ấy có thể ở cách xa hàng trăm ngàn do-tuần (yojana), khi người ta hồi tưởng các cảnh trí trước kia đã nhập vào trong nhận thức của mình trong khi cái ý riêng của mình vẫn tiếp tục vận hành trong thân thể mà không có chút nào ngưng nghỉ hay bị ngăn ngại. Này Mahàmati, cũng bằng cách như thế, khi đạt đến cái Tam-ma-địa gọi là Như Huyễn và có được các tướng trạng như năng lực, khả năng tâm linh (thần thông), tự tại thì cái ý tâm sẽ được sinh trong các đạo lộ và các chúng hội cao thượng, tự do đi khắp theo ý muốn, như trở lại với bổn nguyện và các thế giới để đưa chúng sinh tới chỗ thuần thục.

---

(1) Toàn bộ đoạn này là một đoạn lạc đề, là một loại ghi chú giai thích. Ý thân (manomayakàya) sau này sẽ còn được nói đến ơ các trang 115 và kế tiếp.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, thế nào gọi là vị Bồ-tát Ma-ha-tát [82] có sự thông tuệ về sự phi hữu của các ngoại vật ? Này Mahàmati, đấy là tất cả các sự vật đang hiện diện đây vốn căn bản là do chúng ta chấp trước vào cái tập khí phân biệt vốn đã chín muồi từ vô thỉ vì vọng tưởng và lý luận sai lầm nên chư vị Bồ-tát sẽ mong cầu chứng đạt sự tự chứng bằng Thánh trí của họ. Này Mahàmati sẽ trở thành những bậc Đại tu hành. Do đó, này Mahàmati, ông phải tu tập theo như thế.

XXXI

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại thỉnh vấn Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, xin ngài nói cho con nghe về nhân duyên của tất cả các sự vật để nhờ đó con cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác có thể thấy rõ được bản chất của nhân duyên và do thoát khỏi sự phân biệt [xuất phát từ các kiến giải triết học về] thường hằng và đoạn diệt, chúng con có thể không còn phân biệt về sự sinh khởi dần dần hay cùng một lúc của các sự vật.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, có hai yếu tố nhân duyên khiến cho tất cả các sự vật hiện hữu: ngoại duyên (yếu tố bên ngoài) và nội duyên (yếu tố bên trong). Này Mahàmati, cái ngoại duyên là một khối đất sét, một cái que, một bánh xe, sợi chỉ,

thuvienhuequang.vn

nước, người thợ và công sức của anh ta, tập hợp của tất cả mọi thứ từ đó một cái lọ được sản xuất. Này Mahàmati, cũng như cái lọ được làm bằng một khối đất sét hay một mảnh vải được làm bằng chỉ sợi, hay một chiếc đệm được làm bằng cỏ thơm, hay mầm cây lớn lên từ hạt giống hay bơ tươi được sản xuất từ sữa chua do một người đánh quậy từ công sức của mình, [83] thì này Mahàmati, đây cũng thế, các sự vật do các ngoại duyên điều động mà xuất hiện thứ này sau thứ kia trong một quá trình liên tục. Này Mahàmati, về các nội duyên của nhân quả thì các nội duyên thuộc loại vô minh, ái và nghiệp tạo thành ý niệm của chúng ta về nhân quả. Này Mahàmati, do từ các thứ ấy mà có sự thể hiện của các uẩn, giới, xứ, chúng nó [là những thực thể] không thể tách rời [1] nhưng lại bị kẻ ngu phân biệt ra [như thế].

Này Mahàmati, có sáu (nguyên) nhân: 1. Đương hữu nhân (nguyên nhân về khả hữu), 2. Tương tục nhân (nguyên nhân về sự tùy thuộc), 3. Tướng nhân (nguyên nhân về khách quan), 4. Tác

---

(1) Bản Ngụy ghi câu này không có phần phu định, trong khi bản Đường lại bỏ đi toàn câu cùng với phần trước nó là pratiya-samut pàdasamjnànàm pratilabhante. Phần này cũng bị bỏ đi trong bản dịch này vì người dịch (Suzuki) cho rằng chen nó vào đây là một nhầm lẫn trong việc biên chép, có lẽ đây cũng là ý của bản Đường.

thuvienhuequang.vn

nhân (nguyên nhân về tác động), 5. Hiển thị nhân (nguyên nhân về sự biểu lộ), 6. Đãi nhân (nguyên nhân về sự lãnh đạm).[1]

Này Mahàmati, đương hữu nhân nghĩa là khi một nguyên nhân hiện hữu trở thành hữu hiệu thì có sự sinh khởi của các sự vật bên trong và bên ngoài (nội ngoại pháp). Này Mahàmati, tương tục nhân nghĩa là khi các điều kiện hiện hữu trở thành hữu hiệu thì có sự sinh khởi của các chủng tử của các uẩn v.v... bên trong và bên ngoài. Lại nữa, này Mahàmati, tưởng nhân nghĩa là do bị ràng buộc bởi thế giới đối tượng, [cái thức] duy trì sự hoạt động tương tục của nó. Lại nữa, này Mahàmati, tác nhân nghĩa là một nguyên nhân được đưa ra tự xác định nó với quyền tối thượng giống như một ông vua tối cao. Lại nữa, hiển thị nhân nghĩa là khi cái khả năng phân biệt sinh khởi thì nó làm tỏ lộ ra các đặc tướng như một cây đèn làm tỏ lộ các hình tướng v.v... Cuối cùng, đãi nhân nghĩa là khi có một sự hủy diệt thì [84] cái sức mạnh tập hợp bị gián đoạn và bấy giờ trạng thái vô phân biệt sinh khởi.

---

(1) Hán ngữ 視 待 , quán đãi (ban Đường) 相 待 , tướng đãi (ban Ngụy) hay chỉ đơn giản là 待 , đãi (ban Tống) nhằm để chỉ opeksha hơn là upeksha. Trong trường hợp này, tốt hơn nên dịch là "ý nghĩa hỗ tương".

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, những thứ ấy là kết quả của sự phân biệt mà kẻ ngu và người sơ trí cứ tiếp tục thể hiện chứ chẳng có sự hiện hữu nào khởi lên theo dần dần hoặc ngay liền gì cả. Tại sao ? Này Mahàmati, bởi vì có sự hiện hữu khởi sinh ngay cùng một lúc thì sẽ không có sự khác biệt nào giữa nguyên nhân và kết quả và sẽ không có gì để định tính cho một nguyên nhân như thế. Nếu chấp nhận có sự sinh khởi dần dần thì không có một bản thể nào giữ các đặc tướng lại với nhau, điều ấy khiến cho có sự sinh khởi dần dần là không thể chấp nhận được. Này Mahàmati, khi một đứa trẻ chưa sinh ra thì biểu từ cha không có ý nghĩa gì cả[1]. Nhà luận lý xác quyết rằng có cái được sinh ra và cái tạo sự sinh ra do sự tác động hỗ tương của các yếu tố có tính cách nhân quả như nguyên nhân, sự tồn tại, tính tương tục, sự tăng tốc và các thứ khác nữa; và họ kết luận rằng có sự sinh khởi dần dần của hiện hữu. Nhưng này Mahàmati, sự sinh khởi dần dần này không thể có, ngoại trừ lý do là họ chấp vào cái ý niệm về tự ngã khi [cái ý niệm về] thân thể, tài sản và nhà cửa được tôn giữ trong cái không có gì ngoài sự biểu hiện của chính cái Tâm thì thế giới bên ngoài được nhận thức

---

(1) Ở đây và phần tiếp theo, người dịch (Suzuki) không theo bản Đường

thuvienhuequang.vn

dưới những khía cạnh của đặc thù và tổng quát, lại là những khía cạnh không thực; và do đó, này Mahàmati, không thể chấp nhận có sinh khởi dần dần hoặc ngay liền được. Chỉ khi nào cái Thức phát sinh do lý luận phân biệt và lý luận này phân biệt sự biểu hiện cua chính cái Tâm [thì bấy giờ sự hiện hữu mới gọi là biểu lộ cho ta thấy]. Vì vậy, này Mahàmati, ông phải nỗ lực loại trừ những ý niệm về sự dần dần và ngay liền trong cái tập hợp của những hoạt động nhân quả. Cho nên bảo:

140. Không có gì được sinh ra hay đoạn diệt vì nhân duyên; khi có phân biệt nhân duyên thì có sự sinh và diệt.

[85] 141. Không phải là tách xa cái ý tưởng về sanh và diệt xảy ra trong nhân duyên; mà là tách xa cái vọng tưởng về nhân duyên mà kẻ ngu thủ chấp.

142. Cái hữu và phi hữu của các sự vật phải chịu nhân duyên là (duyên khởi pháp) không thực; ba cõi do Tâm mà hiện hữu, sự hiện hữu này bị lẫn lộn do bởi tập khí.

143. Không hề hiện hữu thì có sự vật nào được sinh ? Nhưng trong nhân duyên, không có sự vật nào mất; khi các sự vật hữu vi (Samskrita) được xem như con của người phụ nữ không thể có con hay một bông hoa trên bầu trời (không hoa) thì người ta sẽ nhận thức được rằng cái năng nhiếp

thuvienhuequang.vn

(chủ thể) và cái sở nhiếp (đối tượng) là một sự lầm lạc và sẽ thôi [không phạm vào sự lầm lạc như thế nữa].

144. Không có cái gì sẽ được sinh ra, cũng không có cái gì đã được sinh ra; cả nhân duyên cũng không có; chính là do việc sử dụng thông tục mà nói rằng các vật có hiện hữu.

XXXII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn xin Ngài nói cho con biết về giáo pháp được gọi là bản chất của phân biệt về ngôn từ, để nhờ đó, bạch Thế Tôn, con cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác một khi thông hiểu và thuần thục với cái bản chất của phân biệt về ngôn từ thì sẽ được truyền đạt thấu suốt về ý nghĩa của hai thứ ngôn thuyết (sự diễn đạt) và sở thuyết (cái được diễn đạt) và do đó mà liền đạt ngay sự giác ngộ tối thượng và sẽ giảng giải hai thứ này, ngôn thuyết và sở thuyết để làm cho tất cả chúng sinh được thanh tịnh.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ. [86] vì Ta sẽ nói cho ông nghe về điều ấy.

Lành thay ! Bồ-tát Ma-ha-tát nói như thế và lắng nghe Thế Tôn.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn bảo với Mahâmati rằng: Này Mahàmati, có bốn loại phân biệt về ngôn từ. Đó là: 1. Ngôn từ biểu hiện các đặc tướng (tướng ngôn thuyết), 2. Ngôn từ của mộng mị (mộng ngôn thuyết), 3. Các ngôn từ nảy sinh do sự chấp vào các lý luận và sự phân biệt sai lầm (quá vọng tưởng kế trước ngôn thuyết) và 4. Các ngôn từ nảy sinh do sự phân biệt từ vô thỉ (vô thỉ vọng tưởng ngôn thuyết).

Này Mahàmati, các ngôn từ biểu hiện các đặc tướng sinh khởi do sự phân biệt rằng các hình trạng và các dấu hiệu đặc biệt tự chúng là thực rồi chấp vào chúng. Này Mahàmati, các ngôn từ của mộng mị sinh khởi từ những hoàn cảnh chung quanh không thực tự biểu lộ ra [trước cái tâm] khi cái tâm hồi tưởng về kinh nghiệm trước đó của nó. Này Mahàmati, các ngôn từ sinh khởi do sự chấp trước vào các lý luận và phân biệt sai lầm sinh khởi do sự hồi tưởng những hành vi mà trước đây người ta đã có lần thể hiện. Này Mahàmati, các ngôn từ nảy sinh do sự phân biệt vận hành từ vô thỉ sinh khởi do cái tập khí mà các mầm mống của nó đã nảy sinh do chấp vào những lý luận sai lầm và những suy tưởng hư vọng từ vô thỉ. Này Mahàmati, đấy là bốn đặc trưng của sự phân biệt về ngôn từ, đấy là câu trả lời về câu hỏi của ông.

thuvienhuequang.vn

XXXIII

Bấy giờ, Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại thỉnh Thế Tôn giảng về vấn đề sau: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con nghe về những điều kiện mà nhờ đó, sự phân biệt ngôn từ tự thể hiện. Giữa mọi người, các ngôn từ chỉ sự phân biệt xảy ra ở đâu, do gì, ra làm sao và do ai ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, sự phân biệt về ngôn từ tiếp tục xảy ra do liên hợp của đầu, ngực, mũi, cổ họng, lợi, môi, lưỡi và răng.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn [87] các ngôn từ phải được xem là khác (anyà) hay không khác (ananyà) với phân biệt ?

Thế Tôn đáp: Này Mahàmati, chúng không khác cũng không không khác. Vì sao ? Này Mahàmati, vì các ngôn từ sinh khởi với sự phân biệt làm nguyên nhân của chúng. Này Mahàmati, nếu ngôn từ mà khác với phân biệt thì chúng đã không lấy sự phân biệt làm nguyên nhân. Còn nếu chúng không khác với phân biệt thì các ngôn từ không thể diễn tả ý nghĩa mà nó tạo nên. Do đó, các ngôn từ và sự phân biệt không phải là khác nhau mà cũng không phải là không khác nhau.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, các ngôn từ có phải là cái thực tính tối cao đệ nhất nghĩa không ? Hay điều được diễn tả trong các ngôn từ là cái thực tính tối cao ?

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, các ngôn từ không phải là thực tính tối cao, cũng không phải điều được diễn tả trong ngôn từ là thực tính tối cao. Vì sao ? Vì thực tính tối cao là một trạng thái cao vời của hạnh phúc, vì trạng thái ấy không thể được thông hiểu bằng những biểu từ suông về nó nên các ngôn từ không phải là thực tính tối cao. Này Mahàmati, cái thực tính tối cao phải được đạt bằng sự chứng ngộ tự nội của Thánh trí; nó không phải là trạng thái của phân biệt về ngôn từ, do đó phân biệt không diễn tả cái thực tính tối cao. Và này Mahàmati, các ngôn từ phải chịu sự sinh và diệt, chúng không ổn định, hỗ tương duyên nhau và do luật nhân quả tạo ra. Lại nữa, này Mahàmati, cái gì hỗ tương duyên nhau và do luật nhân quả tạo nên thì không thể diễn tả cái thực tính tối cao được vì những sự chỉ định [trỏ sự khác biệt giữa] ngã và phi ngã là không hiện hữu (phi hữu). Này Mahàmati, các ngôn từ là những sự chỉ định này và không diễn tả [cái thực tính tối cao].

[88] Lại nữa, này Mahàmati, sự phân biệt về ngôn từ không thể diễn tả cái thực tính tối cao vì các đối tượng bên ngoài với những đặc tướng đa phức của chúng là phi hữu và chỉ xuất hiện trước chúng ta như những gì do chính cái tâm hiển bày ra mà thôi. Do đó, này Mahàmati, ông phải cố gắng

thuvienhuequang.vn

tránh xa mọi hình thức của sự phân biệt về ngôn từ.

XXXIV

Cho nên bảo rằng:

145. Trong tất cả mọi sự vật không có tự tính, các ngôn từ cũng không có thực tính; vì kẻ ngu không hiểu cái không là gì, nên mới lang thang đây đó.

146. Trong tất cả mọi sự vật không có tự tính, các sự vật chỉ là ngôn từ suông của con người; cái gì bị phân biệt thì không có thực tính; [ngay cả] Niết-bàn cũng giống như một giấc mộng; không thấy có gì trong luân hồi, cũng không có cái gì nhập Niết-bàn.

147. Như một ông vua hay một gia chủ giàu có cho con cái nhiều con vật làm bằng đất sét, làm cho chúng vui và chơi đùa (với các đồ chơi), rồi về sau cho chúng những con vật thật.

148. Cũng thế, Ta sử dụng nhiều cách thức và hình ảnh về các sự vật mà dạy các nam tử của Ta. Nhưng giới hạn của thực tính (thực tế - bhùtakoti) [chỉ] có thể được thể chứng bên trong tự mỗi người.

XXXV

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại [89] bạch Thế tôn rằng: Bạch Thế Tôn xin Ngài nói cho

thuvienhuequang.vn

con biết về việc đạt tới sự tự chứng bằng Thánh trí là sự chứng đạt không thuộc về con đường và cách sử dụng của các triết gia; là sự chứng đạt không có [những thuộc đề như] hữu hay phi hữu, đồng hay dị, vừa đồng vừa dị (câu), không vừa đồng vừa dị (phi câu), hiện hữu và phi hiện hữu, thường hằng và phi thường hằng; là sự chứng đạt không có liên hệ gì tới suy tưởng hư vọng, cũng không liên hệ gì tới đặc thù và tổng quát là sự chứng đạt tự biểu lộ và sự thật của thực tính tối cao (đệ nhất nghĩa đế); là sự chứng đạt thăng tiến một cách liên tục theo từng cấp độ thanh tịnh, nhập vào Như Lai địa; là sự chứng đạt mà do những bổn nguyện đạt được không bằng sức lực nào cả, sẽ thành tựu mọi việc của nó trong các cõi vô biên, giống như một viên ngọc phản chiếu nhiều màu sắc và là sự chứng đạt được thể hiện [khi người ta nhận biết cái thể cách mà] các đặc tướng sinh khởi trong mọi sự vật như sự thể nghiệm cái tiến trình và cảnh giới của những gì được thấy từ chính cái Tâm, và nhờ đó mà con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác có thể quán sát các sự vật từ cái quan điểm không bị các đặc tướng và tổng quát tướng hoặc bất cứ cái gì thuộc vọng tưởng làm trở ngại và có thể mau chóng đạt sự chứng ngộ tối thượng và khiến cho mọi chúng

thuvienhuequang.vn

sinh thành tựu sự toàn hảo của tất cả đức hạnh của họ.

Thế Tôn dạy: Hay lắm, này Mahàmati, hay lắm ! Này Mahàmati, quả là hay lắm ! Này Mahàmati, vì lòng từ bi của ông đối với đời, vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của nhiều người; vì an lạc, lợi lạc và hạnh phúc của nhiều người, của cả trời và người mà ông thỉnh cầu Ta như thế. Thế thì này Mahàmati, hãy nghe kỹ, nghe cho đúng và hãy suy nghĩ, Ta sẽ nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Xin vâng, rồi lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

[90] Thế Tôn bảo với Mahàmati rằng: Này Mahàmati, vì kẻ ngu và người sơ trí không biết rằng thế giới là cái được thấy từ chính cái Tâm mà chấp vào sự đa dạng của các đối tượng bên ngoài, chấp vào những ý niệm về hữu và phi hữu, đồng và dị, vừa đồng vừa dị (câu) và không vừa đồng vừa dị (phi câu), hiện hữu và phi hiện hữu, thường hằng và phi thường hằng, cho rằng chúng được định tính do cái tự tính là cái khởi sinh do sự phân biệt được đặt căn bản trên tập khí, do đó họ mê đắm vào các vọng tưởng. Này Mahàmati, giống như một ảo ảnh trong đó các dòng suối được trông thấy như là thực. Những con vật khát nước vì khí hậu nóng nực nên tưởng các dòng suối kia là thực

thuvienhuequang.vn

mà chạy đến. Vì không biết rằng những dòng suối chính là cái ảo tưởng tâm thức của chính chúng nên những con vật không hiểu được rằng không có các dòng suối như thế. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, kẻ ngu và người sơ trí với những cái tâm thức bị khắc sâu bằng những lý luận và phân biệt sai lầm từ vô thỉ, với những cái tâm thức đang bùng cháy bằng ngọn lửa của tham, sân, si, khát ái trong một thế giới sắc tướng đa phức, với những tư tưởng no đầy bằng những ý niệm về sinh, diệt, trụ; do không hiểu rõ thế nào là hiện hữu và phi hiện hữu, nội và ngoại, nên người ngu và kẻ sơ trí rơi vào con đường thủ chấp đồng và dị, hữu và phi hữu. Này Mahàmati, cũng giống như thành Càn-thác-bà mà kẻ thiếu trí tưởng là một thành phố thực dù rằng thực ra nó không phải là thực. Thành này hiện ra vốn là do sự chấp chặt của họ vào ký ức về một cái đã có sẵn trong mầm mống từ vô thỉ. Thế thì thành này không phải là hiện hữu cũng không phải là phi hiện hữu. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati; chấp vào ký ức (tập khí, huân tập - Vàsanà) của những lý luận và học thuyết lầm lạc từ vô thỉ, họ chấp chặt vào các ý niệm như đồng và dị, hữu và phi hữu, và tư tưởng của họ chẳng có chút nào rõ ràng về những gì được thấy từ cái Duy tâm. [91] Này Mahàmati, cũng giống như một người trong khi ngủ mộng thấy một

thuvienhuequang.vn

xứ sở đầy cả đàn bà, đàn ông, voi, ngựa, xe cộ, người đi bộ, làng mạc, phố xá, xóm phường, bò trâu, nhà cửa, rừng cây, núi non và sông hồ, người ấy nhập vào các nhà cửa trong ấy rồi tỉnh giấc mộng. Trong khi thức dậy như thế, người ấy nhớ lại cái thành phố và nhà cửa bên trong thành phố. Này Mahàmati, ông nghĩ thế nào ? Khi người ấy nhớ lại những thứ không thực mà anh đã thấy trong giấc mộng thì anh ta có được xem là một người có trí không ?

Mahàmati đáp: Bạch Thế Tôn, quả thực anh ta không được xem là kẻ có trí.

Thế Tôn dạy tiếp: Đằng này cũng vậy, kẻ ngu và người sơ trí bị các kiến giải sai lầm ăn sâu vào và nghiêng theo các triết gia mà không nhận ra rằng các sự vật được thấy từ chính cái Tâm là giống như một giấc mộng và bị chấp chặt bởi các ý niệm về đồng và dị, về hữu và phi hữu. Này Mahàmati, giống như tấm vải của người họa sĩ trên đó không có chỗ lõm, chỗ lồi như người ngu tưởng. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, trong tương lai có thể có một số người được nuôi dưỡng trong cái tập khí, tâm thức và suy tưởng dựa trên những kiến giải sai lầm của các triết gia; chấp vào cái ý niệm về đồng và dị, về câu và phi câu, họ có thể đưa chính mình và kẻ khác đến chỗ hủy hoại, họ

thuvienhuequang.vn

có thể tuyên bố như những kẻ hư vô luận kia, nắm lấy cái học thuyết về vô sinh xa rời cái tính chuyển đổi nhau giữa hữu và phi hữu. Họ [bác bỏ] nhân quả, và theo những kiến giải tệ hại mà loại trừ các thiện căn thanh tịnh. Những kẻ mong cầu sự thắng diệu, cần xa rời họ. Họ là những kẻ có những suy nghĩ rối loạn, những lầm lạc về ngã, tha nhân và cả hai mặt ấy [92] trong những lầm lạc về suy tưởng đến hữu và phi hữu, xác nhận và bác bỏ và cuối cùng sẽ trú vào địa ngục. Này Mahàmati, giống như những kẻ mắt lòa trông thấy một cái lưới tóc mà kêu lên với nhau rằng: "Tuyệt quá ! Tuyệt quá ! Ồ thưa các ngài, hãy nhìn kìa !" Nhưng cái lưới tóc kia vốn chưa từng hiện hữu. Thực ra nó không phải là một thực thể, cũng không phải là một phi thực thể, bởi vì nó được trông thấy và không được trông thấy(*). Cũng như thế, này Mahàmati, những kẻ nào có tâm mê muội vào sự phân biệt của những kiến giải sai lầm mà các triết gia ưa chuộng và còn say đắm những ý niệm duy thực về hữu và phi hữu, đồng và dị, câu và phi câu, thì sẽ cưỡng lại Chánh pháp, rốt rồi tự hủy diệt mình và hủy diệt những kẻ khác. Này

---

(*) Có lẽ là được trông thấy bởi người có mắt lòa và không được trông thấy bởi người có mắt tốt.

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, giống như một bánh xe lửa(*) không phải là bánh xe thực nhưng người ngu tưởng ra như thế, chứ người có trí thì không. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, những kẻ nào có những cái tâm rơi vào trong những kiến giải sai lầm của các triết gia thì sẽ suy tưởng một cách lầm lạc về đồng và dị, câu và phi câu trong sự sinh khởi của chúng sinh.

Này Mahàmati, giống như những bọt nước trong một trận mưa, bề ngoài trông như những hạt ngọc pha lê, và kẻ ngu tưởng chúng là những hạt ngọc pha lê thực mà chạy theo chúng. Này Mahàmati, chúng chỉ là những bọt nước, chúng không phải là ngọc, cũng không phải là không phải ngọc, vì chúng được hiểu như thế [theo một phía] và không được hiểu như thế [theo phía kia]. Cũng vậy, này Mahàmati, những kẻ nào có tâm bị tập khí của những kiến giải triết học và của phân biệt ăn sâu, thì sẽ nhìn các sự vật được sinh ra thành phi hiện hữu và những sự vật bị đoạn diệt bởi nhân quả thành hiện hữu.(1)

Lại nữa, này Mahàmati, do nêu lên ba hình thức của đo lường (tam lượng) và (năm) chi phần

---

(*) Do quay cây cui đang cháy lên không theo vòng tròn (trong đêm tối).

(1) Toàn bộ đoạn này phải được xét riêng ra.

thuvienhuequang.vn

của Nhân Minh luận, [93] [các triết gia] phân biệt rằng có một thực tính tự nó hiện hữu, đạt được bằng sự chứng nghiệm của Thánh trí và không có hai tự tính (Svahàva). [Tuy nhiên sự phân biệt ấy] là không đúng. [Học thuyết của Phật giáo là thế này]. Này Mahàmati, khi một sự chuyển biến [tâm lý] xảy ra bên trong các vị Tu hành (Yogin) [do sự siêu việt của] Tâm, Ý và Ý thức, họ vứt bỏ sự phân biệt [nhị biên] về sở chấp và năng chấp trong những gì được thấy được từ chính cái Tâm, và nhập vào Như Lai địa mà đạt sự chứng ngộ Thánh trí; và ở trong đó không có ý tưởng về hiện hữu và phi hiện hữu. Lại nữa, này Mahàmati, nếu có sự chấp về hiện hữu và phi hiện hữu trong cảnh giới mà các vị Tu hành đạt được thì sẽ có trong họ sự chấp về một cái ngã, một kẻ nuôi dưỡng, một linh hồn tối thượng hay một người. Lại nữa, này Mahàmati giáo lý trở về tự ngã, về tính đặc thù và tính tổng quát của các sự vật là giáo lý của đức Phật Hóa thân chứ không phải giáo lý của đức Phật Pháp thân. Lại nữa, này Mahàmati, một giáo lý như thế là, nhằm cho kẻ ngu, phù hợp với tâm thức của họ, với cách suy nghĩ và cách nhìn sự vật của họ; bất cứ sự kiến lập nào ban bố con đường tự ngã thì không thể hiển lộ được cái chân lý của tự chứng và cái trú xứ an lạc của Tam-ma-địa.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, cũng như cây cối được phản chiếu trong nước; chúng là những phản ảnh lại là phi phản ảnh, cây cối là những hình tướng [thực] lại là những vô hình tướng. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, những ai bị cái tập khí của các kiến giải triết học in sâu thì những kẻ ấy vẫn tiếp tục phân biệt về đồng và dị; về câu và phi câu (cả hai và không phải cả hai), hữu và phi hữu, vì tâm trí họ chưa được chứng ngộ từ những gì được thấy từ Duy tâm.

Này Mahàmati, giống như một tấm gương phản chiếu tất cả các màu sắc và hình ảnh [94] do các điều kiện (nhân duyên) tạo nên mà không phân biệt, chúng không phải là những hình ảnh cũng không phải là không phải hình ảnh, vì chúng được nhìn thấy là hình ảnh và cũng được nhìn thấy là không phải hình ảnh. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, đồng và dị, câu và phi câu là những hình ảnh được phản chiếu của tự tâm trong khi chúng hiện ra như là thực.

Này Mahàmati, giống như một tiếng dội tạo ra cái âm thanh của một tiếng người, của một con sông hay của gió; nó không hiện hữu cũng không phải phi hiện hữu, vì nó được nghe ra là một tiếng nói và lại không được nghe lã không phải một tiếng nói. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, những ý

thuvienhuequang.vn

niệm về hữu và phi hữu, đồng và dị, câu và phi câu là sự phân biệt của tự tâm và của tập khí.

Này Mahàmati, giống như một ảo ảnh kết hợp với mặt trời xuất hiện cùng những cơn sóng trôi chảy của nó ở trên mặt đất, nơi không có cỏ, không có bụi bờ, cây leo, cây mộc. Chúng không phải hiện hữu cũng không phải phi hiện hữu tùy theo việc có hay không có cái ý muốn về chúng. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, cái thức phân biệt của kẻ ngu si in ấn bởi cái tập khí của những suy tưởng và lý luận hư vọng từ vô thỉ, giống như một ảo ảnh ngay cả ở trong cái thực tính được phát lộ nhờ Thánh trí, cái thức phân biệt ấy bị quấy động bởi những làn sóng của sinh, trụ, diệt, của đồng và dị, của câu và phi câu, hữu và phi hữu.

Này Mahàmati, giống như tên quỷ Tỳ-xá-xà (Pisàca) dùng thần chú làm cho một thây ma hay một tượng gỗ trở thành sống động dù nó không có năng lực riêng, thế nhưng kẻ ngu chấp vào cái phi hiện hữu mà tưởng rằng cái thứ ấy có năng lực cử động. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, [95] kẻ ngu và người sơ trí vì trao thân mình cho những kiến giải triết học sai lầm mà hoàn toàn nhiệt thành với những ý niệm về đồng và dị nhưng sự quả quyết của họ không có chút cơ sở vững chắc nào cả. Vì thế, này Mahàmati, để đạt tới chân lý

thuvienhuequang.vn

cao thượng có thể đạt được bên trong chính ông, ông phải dứt bỏ cái phân biệt dẫn đến những ý niệm về sinh, trụ và diệt, về đồng và dị, về câu và phi câu, về hữu và phi hữu.

Do đó mà bảo rằng:

149. Các uẩn, mà thức là uẩn thứ năm, giống như những phải ảnh trong nước của cây, chúng phải được xem là Huyễn giả (Màyà) và như một giấc mộng, chúng là thế là do bởi cái cấu trúc của tưởng; chớ phân biệt !

150. Ba cõi này giống như một cái lưới tóc hay như nước trong một ảo ảnh bị lay động; nó như một giấc mộng, như huyễn; ai nhìn theo cách như thế thì được giải thoát.

151. Giống như một ảo ảnh trong lúc mùa xuân; tâm bị hoang mang, thú vật tưởng là nước nhưng không có nước thực.

152. Các chủng tử của thức bị chuyển và thế giới hiện ra, kẻ ngu tưởng rằng thế giới khởi sinh, giống như những kẻ có mắt lòa nhìn thấy các sự vật trong bóng tối.

153. Từ vô thỉ, kẻ ngu vẫn phải qua các đường (lục đạo) luân hồi, mê muội trong sự thủ chấp vào hiện hữu; như một cây nêm được tạo ra bằng một cây nêm khác, họ được dẫn đến sự xả bỏ [sự mê muội của họ].

thuvienhuequang.vn

154. Do nhìn thế giới luôn luôn giống như một thây ma cử động nhờ phù chú, hay như một cái máy, hay như một giấc mộng, hay một ánh chớp hay một đám mây; [96] ba món tương tục bị xé rời ra và người ta được giải thoát.

155. Ở đây không có cái gì về cấu trúc của tưởng giống như một hình ảnh trong hư không; khi người ta hiểu tất cả như thế thì không có gì để biết.

156. Ở đây không có gì ngoài cấu trúc của tưởng và tên gọi. Ông chỉ mất công tìm kiếm những đặc tướng; các uẩn giống như một cái lưới tóc từ trong đó sự phân biệt tiếp diễn.

157. Một thế giới của đa phức là một cái lưới tóc, một ảo ảnh, một giấc mộng và là thành của Càn-thác-bà; đấy là [một bánh xe được tạo thành do] một que lửa, một phản ảnh, đấy là một phi thực thể, một sự ngoại hiện đối với người ta.

158. Thường hằng và phi thường hằng, nhất, cả câu và phi câu đều như nhau: những thứ ấy là do người ngu phân biệt vì họ bị rối rắm trong tâm thức, và bị ràng buộc bởi những lầm lạc từ vô thỉ.

159. Các hình ảnh được trông thấy trong một tấm gương, trong nước, trong một con mắt, trong một cái chậu và trên một viên ngọc, nhưng ở trong các thứ ấy không có hình ảnh nào [tức các thực tính] để thủ chấp cả.

thuvienhuequang.vn

160. Giống như một phản ảnh giữa hư không, các sự vật cũng chỉ là cái bề ngoài suông mà thôi, chúng được trông thấy ra bằng nhiều hình tướng khác nhau, nhưng chúng giống như một đứa bé trong giấc mộng của một người đàn bà không sinh đẻ được.

XXXVI

Lại nữa, này Mahàmati, giáo lý của chư Như Lai thoát ra khỏi bốn biểu ngữ (tứ cú). Tức là, không có đồng và dị, không có câu và phi câu (vừa đồng vừa dị, vừa không đồng vừa không dị), vượt ra ngoài hữu và phi hữu, xác nhận và bác bỏ, giáo lý của chư Như Lai được đặt lên đầu bởi [Tứ thánh] đế [Thập nhị] nhân duyên và [Bát chánh] đạo đưa đến giải thoát.

[97] Này Mahàmati, giáo lý của chư Như Lai không bị ràng buộc bởi những ý niệm như: Tự tính (Prakriti), Tự tại (I'svara), phi nhân duyên, tự nhiên, các nguyên tử (vi trần), thời gian và ngã tính. Lại nữa, này Mahàmati, [chư Như Lai, chư vị Đạo sư] kế tiếp nhau tiến lên phía trước giống như người lãnh đạo một đoàn người chở hàng để tẩy sạch cho đoàn người ấy những chướng ngại của khát ái và tri kiến, sẽ đặt họ vào một trăm lẻ tám biểu ngữ (cú) về vô tướng và vào trong sự phân

thuvienhuequang.vn

biệt các thừa, các cảnh giới [của Bồ-tát địa] và các [giác chi].

XXXVII

Lại nữa, này Mahàmati, có bốn thứ Thiền định (Dhyàna). Bốn thức ấy là gì ? Đấy là: 1. Thiền định do kẻ ngu thực hành (ngu phu hành Thiền); 2. Thiền định nhằm quán sát ý nghĩa (quán sát nghĩa Thiền); 3. Thiền định có đối tượng là Như như (Tathatà) (như thực pháp Thiền) và 4. Thiền định của chư Như Lai (Như Lai Thiền).

Thiền định do kẻ ngu thực hành (phàm phu hành Thiền) là gì ? Đấy là thứ Thiền định mà các hành giả thực hiện theo cách tu tập của hàng Thanh văn và Duyên giác, họ nhận ra rằng không có một bản ngã, rằng các sự vật được định tính bằng tính đặc thù và tính tổng quát, rằng thân thể là một cái bóng và một bộ xương, tạm bợ, đầy cả khổ đau và bất tịnh, họ cứ chấp chặt vào các ý niệm ấy là những ý niệm được họ xem là đúng thực như thế, không thể khác thế được, rồi họ khởi sự từ các ý niệm ấy mà cứ tiếp tục thăng tiến lên cho đến khi họ đạt tới diệt tưởng định. Đấy gọi là Thiền định mà kẻ ngu thực hành.

Này Mahàmati, Thiền định nhằm quán sát ý nghĩa (quán sát nghĩa Thiền) là gì ? Đấy là thứ

thuvienhuequang.vn

Thiền định [được thực hành bởi những người] đã vượt qua khỏi cái vô ngã của các sự vật, khỏi tính đặc thù và tính tổng quát, khỏi sự bất khả thủ những ý niệm như ngã, tha, ngã và tha mà các triết gia chấp lấy, họ tiếp tục quán sát và bám theo ý nghĩa của những khía cạnh (khác nhau) của sự vô ngã của các sự vật và các cảnh giới của Bồ-tát địa. Đấy là Thiền định nhằm quán sát ý nghĩa.

Này Mahàmati, Thiền định có đối tượng là Như Như (Như như pháp Thiền) là gì ? Khi [các vị hành giả nhận ra rằng] sự phân biệt về hai hình thức của vô ngã chỉ là sự tưởng tượng suông mà thôi và rằng chỗ nào mà hành giả đặt mình vào cái thực tính của Như thực (Yathàbhùta) thì chỗ ấy không có sự sinh khởi của phân biệt, Ta gọi đấy là Thiền định có đối tượng là Như như (Tathàta).

[98] Này Mahàmati, Thiền định của chư Như Lai (Như Lai Thiền) là gì ? [Khi hành giả] do nhập vào cảnh giới Như Lai địa và trụ trong ba thứ an lạc định tính sự tự chứng do Thánh trí đạt được, vì hết thay chúng sinh mà chuyên trì vào [sự thành tựu] những công việc bất tư nghì, ta gọi đấy là Thiền định của chư Như Lai. Do đó mà nói rằng:

161. Có Thiền định nhằm quán sát ý nghĩa,
Thiền định do kẻ ngu thực hành, Thiền định có đối
tượng là Như như và Thiền định thanh tịnh của
Như Lai.

thuvienhuequang.vn

162. Hành giả trong khi hành Thiền, thấy hình tướng của mặt trời hay mặt trăng, hay một số sự vật trông giống như một cái hoa sen, hay cõi thấp, hay nhiều hình tướng khác nhau như bầu trời, lửa v.v...

163. Tất cả những ngoại hiện (vẻ bên ngoài) ấy dẫn bậc tu hành đi vào con đường của các triết gia, ném bậc tu hành ấy vào trạng thái của Thanh văn và vào cảnh giới của Duyên giác.

164. Khi tất cả những ngoại hiện ấy bị gạt sang một bên và khi có một trạng thái phi tướng và khi một điều kiện phù hợp với Như như tự hiển lộ; thì bấy giờ chư Phật sẽ từ tất cả các quốc độ của mình mà cùng đến làm lễ quán đảnh thiện nhân ấy bằng chính những bàn tay chói ngời của chư vị.

XXXVIII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát lại bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, Ngài dạy về Niết-bàn, Niết-bàn nghĩa là gì ?

Thế Tôn đáp: Khi tự tính và tập khí của tất cả các Thức, gồm A-lại-da, Ý và Ý thức mà từ đó khởi sinh cái tập khí của những lý luận sai lầm, khi tất cả những thứ ấy qua một sự đột biến thì bấy giờ Ta và hết thảy chư Phật tuyên bố rằng có Niết-bàn

thuvienhuequang.vn

và con đường và tự tính của Niết-bàn này là cái Không tức cái trạng thái của thực tính.

[99] Lại nữa, này Mahàmati, Niết-bàn là cảnh giới của sự tự chứng đạt được bằng Thánh trí, thoát khỏi sự phân biệt về thường hằng và đoạn diệt, hiện hữu và phi hiện hữu (hữu và vô) Tại sao nó không phải là thường hằng ? Vì nó đã vứt bỏ sự phân biệt về tính đặc thù và tính tổng quát nên nó không phải là thường hằng. Vì sao nó không phải là đoạn diệt ? Vì tất cả mọi trí giả trong quá khứ, hiện tại và vị lai đã đạt chứng ngộ. Do đó nó không phải là đoạn diệt.

Lại nữa, này Mahàmati, Đại Niết-bàn (Parinirvana) không phải là hủy diệt, cũng không phải là sự chết. Này Mahàmati, nếu Đại Niết-bàn là sự chết thì sẽ có một sự sinh và tương tục. Nếu nó là sự hủy diệt thì nó sẽ mang tính chất của hành vi tạo kết quả (nghiệp). Vì thế, này Mahàmati, Đại Niết-bàn không phải là sự hủy diệt, cũng không phải là sự chết. Đại Niết-bàn cũng không dính dáng gì tới sự triệt tiêu[1]; đấy là cứu cánh của các bậc Tu hành. Lại nữa, này Mahàmati, Đại Niết-bàn không phải là sự lìa bỏ, cũng không phải là sự đạt

---

(1) Trong bản kinh, ở đây có lập lại từ Maranam, như thế là nhầm.

thuvienhuequang.vn

được; không phải là một ý nghĩa, cũng không phải là không ý nghĩa nào; như thế gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Mahàmati, hàng Thanh văn và Duyên giác cho rằng Niết-bàn gồm trong sự nhận biết cái đặc thù và cái tổng quát, trong sự thoát khỏi giao tiếp xã hội, trong sự không có một kiến giải sai lầm về thế giới, và không sinh khởi phân biệt. Đấy là ý niệm của họ về Niết-bàn.

XXXIX

Lại nữa, này Mahàmati, có hai loại dấu hiệu đặc biệt (tướng) về tự tính.

[100] Hai loại ấy là gì ? Đấy là chấp vào các ngôn từ mà cho là có tự tính và chấp vào cái đối tượng mà cho là có tự tính. Này Mahàmati, việc chấp vào ngôn từ mà cho rằng có tự tính xảy ra do bởi người ta nhiếp thủ cái tập khí về ngôn từ và những suy tưởng sai lầm từ vô thỉ và việc chấp vào các đối tượng mà cho rằng có tự tính xảy ra do không biết rằng thế giới bên ngoài không gì khác hơn là chính cái tâm mình.

XL

Lại nữa, này Mahàmati có hai loại trợ lực (thần lực kiến lập) khởi xuất từ chư Như Lai là các bậc A-la-hán và các đấng Toàn Giác. Được gia trợ

thuvienhuequang.vn

bởi năng lực này, [chư Bồ-tát] sẽ phủ phục dưới chân chư Như Lai mà tham vấn. Hai năng lực gia trợ chư Bồ-tát ấy là gì ? Một là cái năng lực mà nhờ đó chư Bồ-tát được gia trợ để vượt qua các Tam-ma-địa và các Tam-ma-bạt-đề; còn cái kia là cái năng lực mà nhờ đó chư Phật tự hiện ra trước chư Bồ-tát mà làm lễ quán đảnh chư Bồ-tát bằng chính những bàn tay của mình. Và này Mahàmati, được gia trợ bởi năng lực của chư Phật, chư Bồ-tát Ma-ha-tát đang ở cấp độ thứ nhất của mình (Sơ địa), sẽ đạt đến Bồ-tát Tam-ma-địa gọi là Ánh sáng của Đại thừa (Phát quang địa) thuộc về chư Bồ-tát Ma-ha-tát. Chư vị sẽ thấy ngay tự thân chư Như Lai, những bậc A-la-hán, Toàn Giác xuất hiện trước chư vị, chư Như Lai từ tất cả các trú xứ khác nhau ở mười phương thế giới mà đến, giờ đây đối mặt với chư Bồ-tát và truyền cho chư Bồ-tát cái năng lực gia trợ được thể hiện bằng thân thể, mồm miệng và các ngôn từ. Này Mahàmati, như trường hợp của Bồ-tát Ma-ha-tát Kim Cang Tạng (Vajragarbha Bodhisattva Mahàsattva) và của chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác là những vị đã sở hữu những tính chất và [101] công hạnh tương tự nhau, này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát ở Sơ địa cũng thế, chư vị sẽ đạt được năng lực của chư Như Lai gia trợ cho trong các Tam-ma-địa và Tam-ma-bạt-đề

thuvienhuequang.vn

của chư vị. Do công hạnh thiện căn chất chứa từ một trăm ngàn kiếp, chư vị Bồ-tát sẽ lần lượt lên các cấp độ và sẽ trở nên hoàn toàn thuần thục với những gì nên làm và không nên làm, cuối cùng chư vị ấy sẽ đạt đến cấp độ của Bồ-tát địa gọi là Pháp vân địa (Dharmameghà). Nơi đây, chư Bồ-tát Ma-ha-tát thấy mình ngồi trên một cái bệ của cung điện Liên Hoa chung quanh có chư Bồ-tát Ma-ha-tát cùng đẳng cấp với mình, đầu đội mũ tiara có trang hoàng bằng đủ loại ngọc, thân thể[1] chiếu sáng ngời như ánh trăng trong màu vàng kim của hoa campaka. Bấy giờ chư Phật từ các thế giới của mình ở mười phương đến, bằng những bàn tay giống như hoa sen của mình, rắc rưới vào trán của vị Bồ-tát Ma-ha-tát đang ngồi trên bệ trong cung điện Liên Hoa; chư Phật tự thân, tự tay làm lễ quán đảnh cho vị Bồ-tát ấy giống như một vị đại vương trao quyền tối thượng [làm lễ đăng quang cho thái tử]. Vị Bồ-tát và chư vị Bồ-tát này được gọi là được gia trợ bởi năng lực của chư Phật khi được làm lễ quán đảnh bằng chính những bàn tay [của chư Phật]. Này Mahàmati, đấy là hai loại năng lực gia trợ được truyền cho chư Bồ-tát Ma-ha-tát, những vị này, do được gia trợ bằng hai loại

---

(1) Theo các bản dịch Trung Hoa.

thuvienhuequang.vn

năng lực gia trợ, sẽ tự thân đi vào trong sự hiện diện của chư Phật. Không thể tham vấn chư Như Lai, các bậc A-la-hán, Toàn Chứng bằng cách nào ngoài cách trên cả.

Lại nữa, này Mahàmati [102] các Tam-ma-địa, các khả năng tâm linh, các giáo lý mà chư Bồ-tát Ma-ha-tát tuyên thuyết đều được gia trợ bằng hai loại năng lực gia trợ của tất cả chư Phật. Này Mahàmati, nếu chư Bồ-tát Ma-ha-tát biểu lộ biện tài của mình mà không có năng lực gia trợ của chư Phật thì kẻ ngu, người sơ trí cũng sẽ biểu lộ các biện tài của họ. [Nhưng những người này không biểu lộ được các biện tài], tại sao ? Vì [một bên] có năng lực gia trợ và [một bên] thì không có năng lực gia trợ. Nơi nào có chư Như Lai mang năng lực gia trợ đến thì nơi ấy sẽ có nhạc trỗi lên, không chỉ riêng trong các dụng cụ âm nhạc, trong các bình lọ mà cả trong cỏ, bụi cây, núi, này Mahàmati, trong phố xá, lâu đài, nhà cửa, cung điện nữa, còn có biết bao nhiêu là những hữu tình khác nữa. Này Mahàmati, kẻ mù, kẻ câm, kẻ điếc, sẽ được chữa lành các khuyết tật của họ và sẽ an hưởng giải thoát. Này Mahàmati, đây là đức tính phi thường của năng lực gia trợ mà chư Như Lai ban bố.

Bồ-tát Mahàmati lại nói: Bạch Thế Tôn, tại

thuvienhuequang.vn

sao khi chư Bồ-tát Ma-ha-tát đang được an trú trong các Tam-ma-địa và các Tam-ma-bạt-đề và khi chư vị ấy được thọ quán đảnh ở trong cảnh giới (địa) tối thắng thì chư Như Lai, bậc A-la-hán, Toàn Chứng lại ban cho chư Bồ-tát Ma-ha-tát ấy cái năng lực gia trợ ?

Thế Tôn đáp: Đấy là để làm cho chư vị ấy tránh khỏi những kẻ xấu, nghiệp và khát ái, để giữ cho chư vị ấy xa rời cái Thiền định và các cảnh giới của Thanh văn, để chư vị thể chứng cảnh giới của Như Lai (Như Lai địa) và làm cho chư vị tăng trưởng trong sự thật và sự thể nghiệm mà chư vị đã đạt được. Này Mahàmati, vì lý do ấy nên chư Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Chứng đã gia trợ năng lực của mình cho chư Bồ-tát Ma-ha-tát. Nếu chư Bồ-tát Ma-ha-tát không được gia trợ như thế thì này Mahàmati, [103] chư vị ấy sẽ rơi vào cách suy nghĩ, cách cảm thọ mà hàng triết gia, Thanh văn, hay ác nhân ưa chuộng và sẽ không đạt sự chứng ngộ tối thượng. Vì lý do ấy mà chư Như Lai, bậc A-la-hán, Toàn Chứng hộ trì chư Bồ-tát Ma-ha-tát, cho nên bảo rằng:

165. Năng lực gia trợ được thanh tịnh bởi bổn nguyện của chư Phật; trong sự quán đảnh, trong các Tam-ma-địa v.v..., từ Sơ địa đến Thập [địa], [chư Bồ-tát ở trong vòng tay của chư Phật].

thuvienhuequang.vn

XLI

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Chuỗi duyên khởi mà Thế Tôn dạy là tùy thuộc vào một nguyên nhân sinh ra, một kết quả và đấy không phải là cái lý thuyết được thiết lập trên nguyên tắc của một ngã thể làm duyên khởi. Các triết gia cũng ban bố một nguyên khởi khi họ bảo rằng tất cả các sự vật sinh khởi phụ thuộc ảnh hưởng của một thần linh tối thượng, I'svara, một ngã linh hồn, thời gian hay nguyên tử (vi trần). Tại sao Thế Tôn giải thích sự sinh khởi của tất cả các sự vật bằng một từ ngữ khác liên hệ đến nhân duyên nhưng về mặt ý nghĩa lại không khác ? Bạch Thế Tôn, các triết gia giải thích sinh bằng hữu và phi hữu, trong khi theo Thế Tôn thì tất cả mọi sự vật hiện hữu do từ vô và biến mất do bởi nhân duyên[1], tức là Thế Tôn nói về Vô minh, từ đó Hành sinh khởi cho đến Lão và Tử. Giáo lý mà Thế Tôn, thuyết giảng đây là học thuyết về phi duyên khởi chứ không phải học thuyết về duyên khởi. Theo Thế Tôn[2] thì "Cái kia có thì cái này có". Nếu đây là sự phụ thuộc (duyên, điều kiện

---

(1) Đây là theo các bản dịch Trung Hoa; trong bản tiếng Phạn rõ ràng là có bỏ sót.

(2) Bản Đường hình như sáng nghĩa nhất.

thuvienhuequang.vn

tính) đồng thời chứ không phải hỗ tương tuần tự thì như thế là không đúng. Thế thì bạch Thế Tôn, thuyết giảng của các triết gia là đúng chứ không phải của Thế Tôn là đúng. Tại sao ? Cái nguyên nhân mà các triết gia xác quyết thì không phụ thuộc vào chuỗi duyên khởi và sinh ra kết quả. Nhưng, bạch Thế Tôn, cái nguyên nhân của Thế Tôn có liên hệ đến kết quả của nó và cái kết quả có liên hệ đến nguyên nhân của nó, và như thế có một sự liên kết của các khâu và từ sự hỗ tương này mà sinh ra cái sai lầm phi cứu cánh. Khi người ta nói về "Cái kia có thì cái này có" thì đấy là một trạng thái "phi duyên khởi".

Thế Tôn đáp: "Này Mahàmati, không phải thế, giáo pháp của Ta không phải là một lý thuyết phi duyên khởi do từ sự liên kết (vô tận) của nhân và duyên. Ta bảo rằng "Cái kia có thì cái này có" là vì Ta nhìn thấu suốt bản chất của cái thế giới bên ngoài là cái thế giới không gì khác hơn chính cái Tâm và vì tính phi chân thật của sở nhiếp (đối tượng) và năng nhiếp (chủ thể).

Tuy nhiên, này Mahàmati, khi chấp vào cái ý niệm về sở nhiếp và năng nhiếp thì người ta không thể hiểu được rằng thế giới là những gì được thấy từ chính cái Tâm; và này Mahàmati, họ phạm sai lầm vì họ nhận cái thế giới bên ngoài là thực với

thuvienhuequang.vn

các hữu và phi hữu(*) của nó chứ không phải cái học thuyết về nhân duyên của Ta phạm sai lầm.

XLII

Mahàmati lại bạch: Bạch Thế Tôn, há chẳng phải là do bởi thực tính của ngôn từ mà tất cả các sự vật có mặt hay sao ? Nếu không phải là vì ngôn từ, thì bạch Thế Tôn, sẽ không có sự sinh khởi của các sự vật. Thế thì, bạch Thế Tôn, sự hiện hữu của các sự vật là do bởi thực tính của ngôn từ.

Thế Tôn dạy: "Này Mahàmati, ngay cả khi không có các sự vật (liên hệ) cũng vẫn có ngôn từ; ví dụ: sừng thỏ, lông rùa, đứa con của người đàn bà không thể sinh con, v.v... [105] Các thứ ấy chẳng hề có trên đời, thế mà ngôn từ (trỏ về chúng) vẫn có. Này Mahàmati, các thứ ấy không phải là thực thể, cũng không phải là những phi thực thể, nhưng được biểu hiện trong ngôn từ. Này Mahàmati, nếu ông bảo rằng vì cái thực tính của ngôn từ mà các sự vật hiện hữu thì đấy là lối nói vô nghĩa. Ngôn từ không hề được biết tới trong tất cả các cõi Phật; này Mahàmati, 'ngôn từ là một sáng tạo của con người. Trong một số cõi Phật, các

---

(*) Từ dùng của Suzuki là Its beings and non beings cũng có thể được hiểu là các tánh và phi tánh, các chúng sinh và phi chúng sinh.

thuvienhuequang.vn

ý tưởng được biểu thị bằng cách nhìn chăm chú; trong một số cõi Phật khác, các ý tưởng được biểu thị bằng cử chỉ; trong mỗi số cõi khác thì bằng một cái cau mày, bằng cử động của mắt, bằng tiếng cười, bằng cái ngáp hay bằng cái đằng hắng giọng, hay bằng sự tập định hay bằng sự rung thân. Này Mahàmati, ví dụ, trong các thế giới Định Quán và trong các thế giới Tế Hương và trong cõi Phật Phổ Hiền (Samantabhadra) đức Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Chứng, chư Bồ-tát Ma-ha-tát do chăm chú nhìn không chớp mắt mà có được sự nhận biết rằng tất cả các sự vật là vô sinh và cùng đạt đến nhiều Tam-ma-địa tối thượng. Vì thế, này Mahàmati, giá trị của tất cả các sự vật không liên hệ gì đến cái thực tính của các ngôn từ. Này Mahàmati, hãy quán sát ngay cả trong thế giới này thì cũng nhận thấy rằng trong nước của các chúng sinh đặc biệt như loài kiến, loài ong v.v..., chúng vẫn làm việc mà không cần ngôn từ. Cho nên bảo rằng:

166. Vì hư không, sừng thỏ, và đứa con của người đàn bà không thể sinh con là những phi thực thể, chỉ được diễn tả trong các ngôn từ, cho nên sự hiện hữu này (đời này) là giả tướng.

167. Khi các nhân và các duyên hợp lại thì người ngu tưởng đấy là sự sinh khởi [của cuộc đời

thuvienhuequang.vn

này]; [106] vì họ không hiểu được lý này cho nên họ cứ lang thang khắp trong ba cõi, ba cõi là trú xứ của họ.

XLIII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, do đâu mà Thế Tôn tuyên bố âm thanh là thường hằng ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, tùy theo sự lầm lạc; vì cả với người trí, cũng có sự lầm lạc này, có điều rằng người trí thì thoát khỏi sự điên đảo. Này Mahàmati, giống như một kẻ sơ ý trong đời, mang cái ý tưởng điên đảo về một ảo ảnh, một bánh xe do củi cháy, một cái lưới tóc, thành của Càn-thác-bà, huyễn giả (như huyễn), một giấc mộng, một phản ảnh và một Aksha - purusha, nhưng nếu có sự hiểu biết thì lại không như thế, dù những ảo tưởng kia không phải là không xuất hiện đối với họ. Này Mahàmati, khi có sự lầm lạc này thì người ta sẽ thấy ra biết bao nhiêu là hình tướng dù rằng cái ý niệm về vô thường không thể thích hợp với sự lầm lạc này. Tại sao ? Vì nó không thể được định tính bằng những ý niệm về hữu và phi hữu. Lại nữa, này Mahàmati, tại sao các ý niệm về hữu và phi hữu lại không thích hợp với sự lầm lạc này ? Vì tất cả những kẻ ngu đón nhận những

thuvienhuequang.vn

tình trạng khác nhau, giống như sóng biển và nước sông Hằng thì Ngạ quỷ (Preta) không trông thấy nhưng [những chúng sinh khác] lại trông thấy. Vì vậy cho nên, này Mahàmati, sự hiện hữu hư giả [hay thế giới ảo tưởng này] là không có, nhưng cũng như nước này thì được trông thấy bởi một số chúng sinh lại không hiện hữu đối với một số chúng sinh khác. Do đó, đối với người trí, sự lầm lạc không phải là một điên đảo cũng không phải là một phi điên đảo. Và vì lý do ấy, này Mahàmati, sự lầm lạc tự nó được định tính là thường hằng, có bản chất phi phân biệt [khi xét về sự hiện hữu của chính nó]. Này Mahàmati, vì bị phân biệt về các đặc tướng khác nhau của nó [107], cho nên lầm lạc được nhận thấy là bị khác biệt. Như thế thì lầm lạc [một khi xét về mặt bản chất riêng của nó] được định tính là thường hằng. Lại nữa, này Mahàmati, vì sao sự lầm lạc này phải được xem là thực ? Này Mahàmati, vì đối với lầm lạc này, người trí không tôn giữ cái kiến thức điên đảo, cũng không tôn giữ cái kiến thức phi điên đảo. Nó là [như thế và] không gì khác. Ở đây, này Mahàmati, nếu người trí phải tôn giữ bất cứ ý tưởng nào trong sự lầm lạc này thì trái với sự chân thực mà Thánh trí đạt được. Nếu có điều gì ở đây thì đấy là do

thuvienhuequang.vn

người ngu nói xàm chứ không phải do người trí tuyên thuyết.

Lại nữa, khi sự lầm lạc được phân biệt theo một kiến giải điên đảo hay một kiến giải phi điên đảo thì nó làm sinh khởi hai loại gia tộc (chủng tánh), một gia tộc của người trí và một gia tộc của người ngu và sơ trí. Này Mahàmati, gia tộc của người trí lại chia ra làm ba loại là hàng Thanh văn, hàng Duyên giác và chư Phật. Này Mahàmati, gia tộc Thanh văn thừa sinh khởi như thế nào từ sự phân biệt mà theo đó kẻ ngu mang lấy lầm lạc ? Này Mahàmati, có sự sinh khởi của gia tộc Thanh văn thừa ở nơi mà sự chấp thủ những ý niệm về đặc thù và tổng quát được duy trì. Này Mahàmati, lầm lạc này khiến cho gia tộc Thanh văn thừa sinh khởi theo cách như thế đấy. Này Mahàmati, gia tộc Duyên giác thừa sinh khởi như thế nào khi lầm lạc được phân biệt ? Này Mahàmati, khi ở trong lầm lạc này, sự thủ chấp các ý niệm về đặc thù và tổng quát [108] đưa người ta đến một sự rút lui khỏi đời sống xã hội thì bấy giờ gia tộc Duyên giác thừa sinh khởi. Nầy Mahàmati, gia tộc Phật thừa sinh khởi như thế nào khi sự lầm lạc này được người trí phân biệt ? Này Mahàmati, khi thế giới được hiểu là không gì khác hơn chính cái Tâm thì sự hiện hữu và phi hiện hữu của các đối tượng bên ngoài

thuvienhuequang.vn

không còn bị phân biệt nữa, bấy giờ có sự sinh khởi của gia tộc Phật thừa. Này Mahàmati, đấy là gia tộc, tức là, đấy là ý nghĩa của gia tộc.

Lại nữa, này Mahàmati, khi sự lầm lạc bị kẻ ngu phân biệt thì không có sự biểu hiện của các đối tượng tạo nên sự xác nhận rằng đây là như thế nầy chứ không như thế khác; từ đó khởi sinh cái gia tộc của xe luân hồi. Này Mahàmati, vì thế nên lầm lạc bị người ngu phân biệt là được định tính bởi sự đa phức, và lầm lạc này không phải là một thực tính cũng không phải một phi thực tính. Này Mahàmati, sự lầm lạc này khi được kẻ trí phân biệt thì nó lại chuyển thành Như như (Tathatà) đối với họ nhờ cái công đức của sự đột biến xảy ra trong họ thuộc Tâm, Ý, Ý thức, lý luận, sai lầm, tập khí, [ba] tự tính và [năm] pháp. Như thế, này Mahàmati, có lời khẳng định rằng Như như (Tathatà) là cái tâm được giải thoát. Này Mahàmati, ý nghĩa của lời khẳng định này được Ta diễn tả rõ ràng ở đây, tức là từ bỏ tất cả mọi phân biệt, nghĩa là loại trừ phân biệt. Nói về lời khẳng định ấy như thế đã đủ.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, lầm lạc có phải là một thực thể không ?

Thế Tôn dạy: Cũng như Như huyễn (Màyà), này Mahàmati, trong chính sự lầm lạc không có

thuvienhuequang.vn

đặc tính nào đưa đến chấp trước cả; này Mahàmati, nếu trong chính sự lầm lạc mà có đặc tính nào đưa đến chấp trước [109] thì sẽ không có giải thoát nào có thể có được từ sự chấp thủ vào cuộc đời và chuỗi nhân duyên sẽ được hiểu theo ý nghĩa về sự sáng tạo mà các triết gia chủ trương.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, nếu lầm lạc giống Như huyễn (Màyà) thì từ đó nó sẽ là nguyên nhân của một lầm lạc khác nữa.

Thế Tôn dạy: Không, này Mahàmati, Như huyễn không thể là nguyên nhân của lầm lạc vì Như huyễn không thể tạo ra xấu xa và hư giả; và do đó, này Mahàmati, Như huyễn không thể làm cho những ý tưởng xấu xa và những hư giả sinh khởi. Lại nữa, này Mahàmati, Như huyễn không có sự phân biệt nào về chính nó; nó sinh khởi khi được một người nào đó dùng phù phép mà gọi nó. Trong chính nó không có tập khí của những ý tưởng xấu xa và những hư giả sinh ra do tự phân biệt mà tác động vào nó. [Do đó] không có hư giả trong Như huyễn. Đấy chỉ là do cái kiến giải điên đảo mà người ngu quá ưa chuộng về Tâm, và người trí chẳng có liên hệ gì tới nó cả. Cho nên bảo rằng:

168. Người trí không thấy [sự (?)] lầm lạc
cũng không có cái chân thực nào ở trong chính nó;

thuvienhuequang.vn

vì nếu sự chân thực ở trong chính nó thì [sự (?)] lầm lạc sẽ là sự chân thực.

169. Nếu nó có sự sinh khởi của các đặc tướng (Nimitta) ở bên ngoài mọi lầm lạc, thì đấy quả thực là sai lầm, cái bị ô nhiễm giống như bóng tối[1].

XLIV

Lại nữa, này Mahàmati, Như huyễn không phải là phi thực, vì nó có cái bề ngoài của thực, và tất cả mọi sự vật đều có cái bản chất của Như huyễn.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, có phải rằng tất cả mọi sự vật giống như Như huyễn vì Như huyễn là thứ được tưởng tượng ra và được chấp rằng nó có sự đa phức về đặc tướng hay không ? [110] Hay đấy là do sự tưởng tượng sai lầm về các đặc tướng ? Nếu tất cả các sự vật có sự giống với Như huyễn vì Như huyễn là thứ được tưởng tượng và được chấp rằng nó có nhiều đặc tướng, thế thì, bạch Thế Tôn: Các sự vật không giống với Như huyễn. Tại sao ? Vì các hình tướng được trông thấy trong sự đa phức của các đặc tướng mà không có những nguyên nhân thích đáng. Nếu chúng có hiện ra mà không có nguyên nhân thích đáng và

---

(1) Trong văn mạch của hai câu này, thực khó mà tìm ra ý nghĩa đích xác của chúng, nhất là câu sau.

thuvienhuequang.vn

lấy sự đa phức về các đặc tướng và hình trạng, [thì bấy giờ] chúng sẽ giống Như huyễn. Bạch Thế Tôn vì thế cho nên các sự vật giống Như huyễn không phải vì chúng [tức là tất cả các sự vật và Như huyễn] đều giống nhau trong sự bị tưởng tượng ra và bị chấp rằng chúng có sự đa phức về đặc tướng.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, không phải rằng tất cả các sự vật là Như huyễn vì sự vật và Như huyễn giống nhau ở chỗ đều được tưởng tượng ra và được chấp rằng có sự đa phức về đặc tướng, mà tất cả các sự vật giống Như huyễn vì sự vật và Như huyễn đều không thực và đều giống như một ánh chớp được xem là biến mất rất nhanh. Này Mahàmati, một ánh chớp hiện ra và biến mất trong một sự tương tục nhanh chóng khi nó được biểu hiện ra cho người ngu; đằng này cũng thế, này Mahàmati, tất cả các sự vật đều mang tính đặc thù và tổng quát theo chính sự phân biệt [của chính cái Tâm]. Khi trạng thái vô tưởng[1] được nhận biết thì các đối tượng được tưởng tượng ra và được chấp là có các đặc tướng sẽ thôi không còn tự xác lập nữa. Do thế nên bảo rằng:

170 Như huyễn không phải là không có thực tính, vì Như huyễn có cái gì đó giống thực tính, cái

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

chân tính của tất cả sự vật được nói đến [theo một cách tương tự như thế], chúng là không thực giống như một chớp sáng [hiện ra và biến mất] nhanh chóng, và do đó chúng được xem là giống với Như huyễn.

XLV

Mahàmati lại bạch: Thế Tôn dạy rằng tất cả các sự vật là vô sinh [111] và giống như Như huyễn, nhưng bạch Thế Tôn, há không có cái hư dối mâu thuẫn giữa lời khẳng định trước và lời khẳng định sau đó sao ? Thế Tôn xác quyết rằng tất cả các sự vật là vô sinh và do chúng có bản tính của Như huyễn[1].

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, khi tất cả các sự vật được xác nhận là vô sinh vì chúng có bản chất của Như huyễn, thì không có hư dối mâu thuẫn giữa lời khẳng định trước và lời khẳng định sau của Ta. Tại sao ? Vì sinh là vô sinh khi ta nhận ra rằng thế giới đang tự hiển lộ ra trước chúng ta đây không gì khác hơn ngoài chính cái Tâm, còn như tất cả các đối tượng bên ngoài mà chúng ta khẳng

---

(2) Câu chót này không có trong bản Đường, còn bản Ngụy thì ghi: "Như Lai dạy rằng tất cả các sự vật đều không giống Như huyễn".

thuvienhuequang.vn

định rằng chúng có hay không có, thì chúng được trông thấy là phi hiện hữu và vô sinh; và do đó, này Mahàmati, ở đây không có hư dối mâu thuẫn giữa lời khẳng định trước và khẳng định sau của Ta. Nhưng này Mahàmati, để gạt bỏ cái đề thuyết của các triết gia về cái sinh do nhân duyên nên phải xác định rằng tất cả các sự vật đều giống Như huyễn và vô sinh. Này Mahàmati, các triết gia là cả một đám bị mê lầm, nuôi dưỡng cái ý niệm cho rằng sự sinh của các sự vật do từ sự sinh của hữu và phi hữu, và không thể nhìn thấy sự sinh ấy do bởi chấp vào sự đa phức sinh khởi từ chính sự phân biệt [của chính cái Tâm]. Này Mahàmati, Ta không có e ngại gì cả [khi xác lập sự khẳng định này][1]. Này Mahàmati, từ "vô sinh" phải được hiểu trong ánh sáng ấy.

Lại nữa, này Mahàmati, giáo lý bảo rằng tất cả các sự vật là hiện hữu được nêu ra là để công nhận có luân hồi, để phê phán cái hư vô luận bảo rằng: "Không có gì cả", và để khiến cho các đệ tử của Ta công nhận cái học thuyết khẳng định rằng nghiệp

---

(1) Ban Đường chép: "Ta bao rằng tất cả các sự vật là phi hiện hữu do sự vô sinh của chúng". Ban Ngụy: "Ta bao rằng tất cả các sự vật là vô sinh khi chúng không hiện hữu". Ban Tống: "Ta không [bao] rằng cái hiện hữu và cái phi hiện hữu là vô sinh".

thuvienhuequang.vn

(Karma) là có thực trong nhiều hình thức khác nhau và sinh là có thực trong nhiều thế giới khác nhau, vì rằng khi công nhận thuật ngữ hiện hữu thì chúng ta công nhận luân hồi. Này Mahàmati, giáo lý dạy rằng tất cả các sự vật được định tính bằng cái tự tính Như huyễn là nhằm để khiến kẻ ngu và người sơ trí gạt bỏ cái ý tưởng về tự tính trong mọi sự vật; [112] vì họ tôn giữ những tư tưởng do sai lầm mà định ra, vì họ không nắm rõ cái ý nghĩa rằng thế giới không gì khác hơn là chính cái Tâm nên họ tưởng tượng ra và chấp vào nhân duyên, hành tác, sự sinh ra và các đặc tướng; để phê phán điều ấy nên Ta dạy rằng tất cả các sự vật được định tính trong tự tính của chúng bằng cái bản chất của Như huyễn và của mộng tưởng. Bị ràng buộc vào những tư tưởng sai lầm, họ tự mâu thuẫn với chính họ và mâu thuẫn với cả người khác vì không thấy được tất cả các sự vật đúng thật như các sự vật. Này Mahàmati, thấy được tất cả các sự vật đúng thật như các sự vật nghĩa là thể nghiệm rằng không có gì được trông thấy ngoài chính cái Tâm, do đó mà bảo rằng:

171. Trong lý thuyết về vô sinh, nhân quả không được chấp nhận [như kẻ ngu thủ chấp]; chỗ nào hiện hữu được chấp nhận thì chỗ ấy luân hồi là thù thắng; do thấy rằng [tất cả các sự vật] giống

thuvienhuequang.vn

Như huyễn v.v... người ta không phân biệt các đặc tướng.

XLVI

Lại nữa, này Mahàmati, chúng ta sẽ giải thích các đặc tính của danh thân, cú thân và ấm thân, vì khi hiện rõ được danh thân, cú thân và ấm thân thì chư Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ thích nghi với một câu, một âm tiết mà mau chóng thể nghiệm sự chứng ngộ tối tượng và do đó khiến tất cả chúng sinh giác ngộ được ý nghĩa ấy. Này Mahàmati, danh thân nghĩa là một đối tượng mà một cái tên gọi dựa vào đấy để có được thân thể là đối tượng ấy, nói cách khác, thân thể nghĩa là thể chất (thể thân - Sarira), này Mahàmati, đây là thân thể của một cái tên gọi. Thân thể của một câu, cú thân, nghĩa là cái mà nó trỏ nghĩa, tức cái đối tượng thực bằng cách xác định ý nghĩa của đối tượng ấy, nói một cách khác nó thành tựu cái ý nghĩa của đối tượng. Này Mahàmati, đấy là lời dạy của Ta về cú thân. Ấm thân [113] nghĩa là cái mà nhờ nó, danh và cú được chỉ định; đấy là một sự tượng trưng, một dấu hiệu, nói cách khác, đó là một cái gì được chỉ định.

Lại nữa, này Mahàmati, cú (pada) thân nghĩa là sự trọn vẹn của ý nghĩa được diễn tả trong câu. Lại nữa, này Mahàmati, một cái tên (danh - hay

thuvienhuequang.vn

một chữ, nàma) nghĩa là những chữ cái rời rạc được phân biệt về tự tính của nó từ a đến ha. Lại nữa, này Mahàmati, một âm tiết (vyanjana) thì ngắn, dài, hay rất dài. Lại nữa, này Mahàmati, về cú (pada) thân, người ta có được ý niệm về nó từ những dấu chân để lại trên đường của voi, ngựa, người, nai, gia súc, bò, trâu, dê, cừu v.v... Lại nữa, này Mahàmati danh (nàma) và âm tiết (vyanjana) thuộc về bốn uẩn vô sắc là bốn uẩn được chỉ định bằng danh; các danh được tạo nên như vậy đó. Do bởi các danh được định tính một cách khác nhau nên có các âm tiết (vyanjana); các âm tiết được tạo nên như vậy đó. Này Mahàmati, đây là ý nghĩa của một thân thể của một cái danh (nàma), của một cú (pada) và của một âm tiết (vyanjana). Ông nên nỗ lực mà hiểu thấu đáo các từ ấy. Cho nên bảo rằng:

172. Do sự khác biệt giữa nàma, pada, và vyanjana mà người ngu, kẻ sơ trí sa sìa vào chúng giống như con voi bị sa sìa trong bùn sâu.

XLVII

[114] Lại nữa, này Mahàmati, trong tương lai, những người vô trí và thiên về những lý luận sai lầm do sự thiếu tri thức của họ về sự thật và về nguyên nhân sẽ bị người có trí hỏi về những gì

thuvienhuequang.vn

vượt ra khỏi những khái niệm nhị biên và về các sự vật như đồng và dị, câu và bất câu thì những người vô trí ấy có thể sẽ trả lời rằng "có gì đâu, có gì đáng nêu ra đâu, đấy là câu hỏi: có phải sắc, v.v... và vô thường phải được xem là một hay khác ?"

Đằng này cũng thế, Niết-bàn và các uẩn, sự chỉ định và cái được chỉ định, sự định tính và cái được định tính, cái thực tính và các thành tố (đại), cái được thấy và sự thấy (sở kiến, năng kiến), bụi bặm và nguyên tử (trần và vi trần), tri thức và các bậc Tu hành [được xem là một hay khác ?]. Những câu hỏi liên hệ đến những khía cạnh khác nhau của hiện hữu liên tục dẫn từ cái này đến cái kia không dứt và những ai bị người ta hỏi về những vấn đề không thể giải thích này thì nên tuyên bố rằng những vấn đề ấy đã được Thế Tôn gạt sang một bên vì không thể trả lời được. Tuy nhiên, những kẻ si muội này lại không thể hiểu [cái ý nghĩa của] những gì mà họ nghe [từ lời Phật dạy] vì họ thiếu kiến thức. Chư Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Chứng không giải thích những thứ ấy cho hết thảy mọi chúng sinh vì chư Như Lai muốn cho chúng sinh khỏi những phen sợ hãi.

Này Mahàmati, chư Như Lai không nêu lên để xét những điều không thể giải thích ấy

thuvienhuequang.vn

(Vyàhritàni) nhằm khiến cho các triết gia rời xa những kiến giải và lý thuyết sai lầm của họ. Này Mahàmati, các triết gia có thể tuyên bố rằng: đời sống nào là đời sống của thân thể, hay đời sống là một chuyện, thân thể lại mà một chuyện khác. Họ nêu lên những khẳng định không thể giải thích được về đời sống và về thân thể. Này Mahàmati, do bị cái ý tưởng về một đấng sáng tạo làm cho bối rối nên các triết gia mới nêu ra một khẳng định không giải thích được chứ giáo lý của Ta thì không hề có sự khẳng định kiểu như thế. Này Mahàmati, trong giáo lý của Ta không có phân biệt vì Ta dạy người nghe đứng vượt khỏi sở nhiếp và năng nhiếp [115]. Ở đây làm sao có thể có cái gì đó phải gạt riêng ra một bên được ? Nhưng này Mahàmati, đối với những người mê đắm vào cái sở nhiếp và cái năng nhiếp vì không thông hiểu thế giới là cái chỉ được thấy từ chính cái Tâm thì bấy giờ lại có cái phải gạt riêng ra một bên [vì không thể giải thích được]. Này Mahàmati, chư Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Chứng dạy pháp cho tất cả chúng sinh bằng bốn hình thức hỏi và trả lời. Còn về những mệnh đề bị gạt riêng ra [vì không thể giải thích được], này Mahàmati, những mệnh đề ấy được Ta dùng trong một số dịp khác cho những người có nhận thức chưa được hoàn toàn chín muồi, nhưng đối

thuvienhuequang.vn

với những người có nhận thức đã chín muồi thì không có gì phải gạt riêng ra cả.

XLVIII

Lại nữa, này Mahàmati, tất cả các sự vật không có sự hành tác và người hành tác thì không sinh ra (vô sinh); vì không có người hành tác nên tất cả các sự vật được gọi là vô sinh. Này Mahàmati, tất cả các sự vật là không có tự tính. Tại sao ? Này Mahàmati, bởi vì khi chúng được xét bằng sự tự tri thì không hề thấy có những dấu hiệu gì định tính cho chúng về mặt đặc thù và tổng quát (tự tướng và cộng tướng); do đó tất cả các sự vật được gọi là không có tự tính. Lại nữa, này Mahàmati, trong tất cả các sự vật, không có sự sinh ra, không có sự mất đi. Tại sao ? Này Mahàmati, các tướng về đặc thù và tổng quát được thấy là hiện hữu và tuy vậy, chúng ta là phi hiện hữu, chúng được thấy là mất đi và tuy vậy chúng không mất đi. Vì thế cho nên, này Mahàmati, tất cả các sự vật không sinh ra, cũng không mất đi. Lại nữa, này Mahàmati, tất cả các sự vật không bao giờ bị tiêu diệt. Vì sao ? Vì rằng các đặc tướng làm nên tự tính của các sự vật là phi hiện hữu và tất cả các sự vật là bất khả đắc. Do đó, tất cả các sự vật được gọi là không bao giờ bị tiêu diệt. Lại

thuvienhuequang.vn

nữa, này Mahàmati, tất cả các sự vật thì không thường hằng. Tại sao ? [116] Vì sự sinh khởi của các đặc tướng được định tính bằng sự phi thường hằng. Do đó, tất cả các sự vật được gọi là không thường hằng. Lại nữa, này Mahàmati, tất cả các sự vật là thường hằng. Vì sao ? Vì sự sinh khởi của các đặc tướng là phi sinh khởi và phi hiện hữu; và tất cả các sự vật là thường hằng vì tính phi thường hằng của chúng. Do đó, này Mahàmati, tất cả các sự vật được gọi là thường hằng.

Do đó mà bảo rằng:

173.[1] Có bốn loại giải thích là: xác định trực tiếp, hỏi, phân biệt nghĩa, và gạt sang một bên; do đó phải xa rời các triết gia.

174. Các triết gia thuộc phái Sànkha (Số luận) và phái Vai'sashika (Thắng luận) dạy người ta rằng sinh là từ hữu hoặc từ phi hữu, tất cả những gì họ tuyên bố đều là những điều không thể giải thích được.

175. Khi cái tự tính (của tất cả các sự vật) được xét bằng sự hiểu biết thì tự tính ấy là bất khả đắc; do đó các sự vật là không có tự tính và không thể đạt tới được.

---

(1) Ca ba câu kệ này hăn phai tiếp theo XLVII.

thuvienhuequang.vn

XLIX

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài dạy cho con về Nhập lưu và sự chứng đắc đặc biệt định nên tính chất của trạng thái Nhập lưu, từ đó con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác đều được thuần thục với Nhập lưu và sự chứng đắc đặc biệt định tính cái trạng thái Nhập lưu và sẽ thăng tiến lên mà hiểu các phương tiện và cái công hạnh định tính các quả vị Nhất lai, Bất lai và A-la-hán; rồi chúng con sẽ giảng pháp cho tất cả chúng sinh theo cách như thế. Khi đã hiểu được hai hình thức vô ngã và [117] hai chướng ngại, chúng con sẽ dần dần trải qua các cảnh giới của Bồ-tát địa mà mỗi cảnh giới đều có đặc tính riêng của nó và khi đạt được Như Lai địa với cảnh giới tâm linh bất tư nghì, chúng con sẽ giống như một viên ngọc muôn màu và sẽ thành tựu những gì tốt đẹp cho sự sống của tất cả các chúng sinh, cống hiến cho các chúng sinh mọi giáo lý, điều kiện, thái độ, thân thể và an lạc.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, hãy nghe cho kỹ và ghi kỹ vào lòng; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati trả lời rằng: Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế rồi Thế Tôn dạy rằng: Này Mahàmati, trong quả vị mà hàng Thanh văn đạt, có ba loại

thuvienhuequang.vn

khác nhau. Ba loại ấy là gì ? Này Mahàmati, ba loại theo thứ tự là: thấp, trung và cao. Những người thuộc loại thấp sẽ sinh lại bảy lần khi sự hiện hữu của họ dứt, loại trung sẽ đạt Niết-bàn sau ba hay năm lần sinh, hạng cao nhất sẽ đạt Niết-bàn trong lần sinh này. Này Mahàmati, đối với ba thứ bậc này [của Nhập lưu] lại có ba loại ràng buộc (kiết): yếu, trung và mạnh. Này Mahàmati, ba loại ràng buộc ấy là gì ? Đó là: 1. Cái thấy về ngã tính riêng (thân kiến); 2. Nghi (nghi kiến) và 3. Sự chấp chặt vào việc tu tập giới hạnh (giới thủ chấp). Này Mahàmati, khi tất cả ba mối ràng buộc này được lần lượt vượt qua mà lên cho đến cảnh giới cao hơn thì người ta sẽ đắc quả A-la-hán.

Này Mahàmati, có hai loại kiến chấp về cái ngã tính riêng (thân kiến); đó là: 1. Cái kiến chấp bẩm sinh (vu sanh) và 2. Cái kiến chấp do vọng tưởng; giống như [sự liên hệ giữa] cái thấy tương đối và cái vọng tưởng [về ba] tự tính (Svabhàva). [118] Chẳng hạn, này Mahàmati, tùy theo cái thấy tương đối về các sự vật mà sinh khởi lên những cái chấp khác nhau vào vọng tưởng. Nhưng sự [hiện hữu] này, không phải là một hữu, không phải là một phi hữu, cũng không phải là một hữu và phi hữu; nó không phải là thực vì nó là vọng tưởng, và nó bị kẻ ngu phân biệt mà mang lấy nhiều đặc

thuvienhuequang.vn

tướng khác nhau, và kẻ ngu bị ràng buộc chặt vào những đặc tướng này giống như con nai bị ràng buộc vào một ảo ảnh. Này Mahàmati, đấy là cái thấy về một ngã tính riêng (thân kiến) do vọng tưởng của hàng Nhập lưu, cái thấy ấy được tích tụ rất lâu do vô minh và chấp trước của họ. Cái thấy ấy sẽ bị tiệu diệt khi người ta đạt được vô ngã bằng cách không còn chấp trước nữa.

Này Mahàmati, cái thấy bẩm sinh về một ngôi vị cá nhân (câu sinh thân kiến) mà hàng Nhập lưu thủ chấp [bị đoạn diệt bằng cách ấy]. Khi đem cái thân thể này của chúng ta ra mà xét thì ta thấy rằng nó gồm sắc và bốn uẩn kia, rằng sắc sinh khởi từ các đại (thành tố) và các thứ phụ thuộc của các đại, rằng các đại nương duyên nhau và rằng do đó mà không có uẩn nào được gọi là sắc cả. Khi hàng Nhập lưu hiểu rằng cái ý niệm về hữu và phi hữu là một cái thấy bất toàn [về sự thật] thì cái thấy về một ngã tính riêng tiêu mất. Khi cái thấy về một ngã tính riêng bị tiêu mất như thế thì tham sẽ không bao giờ có mặt. Này Mahàmati, cái thấy về một ngã tính riêng được định tính như thế đấy.

Lại nữa, này Mahàmati, lại nói về bản tính của nghi ngờ (nghi) khi đạt được pháp, thể nghiệm pháp và thông hiểu đến tận những đặc tính của pháp, và khi hai cái thấy về ngã tính riêng bị tiêu

thuvienhuequang.vn

diệt như đã miêu tả trên đây, thì không còn nghi ngờ trong giáo pháp (của chư Phật) và do bởi [sự khác biệt giữa] tịnh và bất tịnh nên [trong tâm của hàng Nhập lưu] không có cái ý nghĩ là phải theo sự dẫn dắt của bất cứ vị thầy nào khác. Này Mahàmati, đấy là ý nghĩa của nghi ngờ mà hàng Nhập lưu [loại bỏ].

Lại nữa, này Mahàmati, tại sao hàng Nhập lưu lại không thủ chấp giới hạnh ? Họ không thủ trì giới hạnh vì họ thấy suốt cái bản chất của khổ mà từ đó họ có thể bị tái sinh. Thủ trì [nghĩa là gì] ? Này Mahàmati, người ngu và kẻ sơ trí giữ giới, tín thành, sám hối là vì họ muốn nhờ đó mà đạt được những hạnh phúc an lạc tầm thường; họ mong cầu được sinh ra trong những điều kiện thuận lành, và [hàng Nhập lưu] không thủ trì [giới luật] vì tư tưởng của họ chỉ hướng đến trạng thái cao vời của sự tự chứng, và sở dĩ họ tinh chuyên vào giới luật là vì họ muốn điều ngự những chân lý ấy cho phù hợp với vô phân biệt và với các dòng vô nhiễm (vô lậu ?). Này Mahàmati, đấy là thể cách thủ trì giới hạnh và tín thành của hàng Nhập lưu. Này Mahàmati, do phá trừ ba mối ràng buộc (kiết) mà hàng Nhập lưu sẽ loại bỏ tham, sân và si.

Mahàmati bạch: Thế Tôn đã dạy về nhiều loại thạm, loại tham nào cần phải loại bỏ ?

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: Trong đời này ái sinh trưởng tức là sự ham muốn về nhục dục, biểu lộ trong sự đập, vỗ, khêu gợi, hôn, ôm, ngửi, liếc mắt, nhìn chăm, và đời này có thể cho người ta những vui thú nhất thời, nhưng lại gây sầu khổ về sau. [Đối với hàng Nhập lưu] không có ham muốn như vậy. Tại sao ? Vì họ đang an trú trong hạnh phúc của Tam-ma-địa mà họ đã đạt được. Do đó họ gạt bỏ ái mà không gạt bỏ sự mong muốn Niết-bàn.

[120] Lại nữa, này Mahàmati, quả vị Nhất lai là gì ? Trong các vị Nhất lai đã một lần có sự phân biệt về hình sắc, tướng trạng và về bên ngoài, nhưng vì họ biết mà không nhìn các đối tượng đặc thù dưới khía cạnh bị định tính và định tính, và vì họ biết rõ những gì ghi rõ sự chứng đạt Thiền được cho nên họ nhập trơ lại cuộc đời một lần nữa rồi chấm dứt khổ mà chứng Niết-bàn. Đấy gọi là qua vị "Nhất lai".

Lại nữa, này Mahàmati, Bất lai nghĩa là gì ? Nghĩa là tuy còn cái thấy về các đối tượng đặc thù được định tính bằng hữu và phi hữu trong quá khứ, hiện tại và vị lai, nhưng sự phân biệt không quay trơ lại với những sai lầm và hư ngụy của nó, những khat ái đã lặng chìm không biểu lộ ra và các mối ràng buộc (kiết sử) đã hoàn toàn bị cắt đứt không bao giờ trơ lại. Đấy gọi là "Bất lai".

thuvienhuequang.vn

Lại nữa, này Mahàmati, vị A-la-hán là vị đã đạt được các Thiền định, các Tam-ma-địa, các giải thoát, năng lực, khả năng tâm linh (thần thông) đối với các vị ấy, không còn khát ái, khổ đau, phân biệt. Đấy gọi là "A-la-hán".

Mahàmati bạch: Thế Tôn tuyên bố rằng có ba loại A-la-hán: từ "A-la-hán" là nhằm trỏ loại nào trong ba loại A-la-hán ? Trỏ vị đi thẳng vào con đường tịch diệt ? Hay trỏ vị bỏ tất cả các công hạnh của mình vì bổn nguyện nhằm giác ngộ người khác ? Hay trỏ vị có hình tướng của Hóa thân [Phật] ?

Thế Tôn đáp: Này Mahàmati [từ "A-la-hán"] chỉ nhằm để trỏ hàng Thanh văn đi thẳng vào con đường tịch diệt chứ không nhằm để trỏ ai khác cả. Này Mahàmati, các vị ấy là những vị đã thành tựu các công hạnh của một Bồ-tát. Chư vị ấy đều là những hình tướng của Đức Phật Hóa thân. Bằng những phương tiện thiện xảo sinh ra từ các bổn nguyện căn bản của mình [121], chư vị ấy hiện ra trong đám đông để trang nghiêm các pháp hội của chư Phật. Này Mahàmati, trong các con đường và các trú xứ hiện hữu này, chư vị ấy đưa ra nhiều giáo pháp xây dựng trên phân biệt, tức là vì chư vị ấy vượt khỏi những thứ như sự đắc quả các Thiền định, Thiền giả hay các đề tài cho Thiền định, và

thuvienhuequang.vn

vì chư vị biết rằng thế giới này không gì khác hơn là thứ được trông thấy từ chính cái Tâm, nên chư vị thuyết giảng về quả vị được chứng đắc [cho tất cả các chúng sinh]. Lại nữa, này Mahàmati, nếu như hàng Nhập lưu nghĩ rằng: "Đây là các mối ràng buộc (kiết sử) nhưng ta được tách ly khỏi chúng", thì như thế chư vị nọ sẽ phạm hai sai lầm: họ còn chấp vào những thói xấu của ngã và họ đã không ra khỏi các ràng buộc.

Lại nữa, này Mahàmati, để vượt ra khỏi các Thiền định các vô lượng và cõi vô sắc thì phải lìa bỏ các hình tướng của cái thế giới khả kiến này, tức cái thế giới của chính cái Tâm. Cái Tam-ma-bạt-đề đưa đến sự diệt tưởng và diệt thọ không khiến người ta vượt khỏi cái thế giới của đặc tướng vì không có cái gì ngoài Tâm cả. Cho nên bảo rằng:

176. Các Thiền định, các vô lượng, vô sắc, các Tam-ma-địa và sự tận diệt các tư tưởng (diệt tưởng - Nirodha), những thứ này không hiện diện chỗ nào chỉ riêng có cái Tâm.

177. Quả vị Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai và quả vị A-la-hán; những quả vị này là những trạng thái rối loạn của Tâm.

178. Thiền giả, Thiền định, đề tài cho Thiền định, sự đoạn diệt, sự thấy chân lý; tất cả những

thuvienhuequang.vn

thứ này không gì khác hơn là những phân biệt, khi nhận biết được điều ấy thì có sự giải thoát.

L

[122] Lại nữa, này Mahàmati, có hai loại trí (giác): loại trí có chức năng quán sát và loại trí vận hành liên hệ với sự chấp trước vào những ý tưởng phân biệt. Này Mahàmati, trí quán sát là một hành động thuộc trí tuệ quán sát tự tính của các sự vật mà nhận ra rằng tự tính ấy không thuộc tứ cú và tự tính ấy là bất khả đắc. Đấy gọi là cái trí quán sát. [không có] tứ cú nghĩa là gì ? Nghĩa là không có đồng và dị, vừa đồng vừa dị (câu), không vừa đồng vừa dị (phi câu), hữu và phi hữu, thường hằng và phi thường hằng. Đấy gọi là tứ cú. Này Mahàmati, ông hãy tập quán sát tất cả các sự vật một cách cẩn thận về mặt tứ cú này. Này Mahàmati, thế nào là cái trí vận hành liên hệ vào sự chấp trước những ý niệm phân biệt ? Đấy là cái trí mà người ta dùng nó để phân biệt Tâm và những ý tưởng sinh khởi từ đó được người ta chấp vào [như là thật]; và sự chấp này gây nên sự sinh khởi của những khái niệm về hơi ấm, tính lỏng, tính vận động và tính rắn để định tính cho những thành tố thô (tứ đại); trong khi sự chấp chặt vào các mệnh đề, vào lý luận, định nghĩa, và minh họa

thuvienhuequang.vn

đưa đến sự xác nhận một phi thực thể [là thực thể]. Đấy gọi là cái trí vận hành liên hệ với sự chấp trước vào những ý niệm phân biệt.

Này Mahàmati, đấy là những gì định tính cho hai loại trí mà chư Bồ-tát quán triệt được các tướng vô ngã về người và về sự vật (nhân và pháp) phù hợp với hai loại trí ấy [123] và sự hiểu biết về vô tướng trở nên thuần thục với cấp độ quán sát và tu tập mà sẽ đạt Sơ địa [Bồ-tát] đã được một trăm Thiền định (Dhyana). Khi đạt được các Tam-ma-địa cao vời, chư vị sẽ thấy một trăm Đức Phật và Bồ-tát, chư vị sẽ nhập vào một trăm kiếp trước và cũng sẽ nhập vào một trăm kiếp sau, chư vị sẽ chiếu sáng một trăm cõi Phật, và khi chiếu sáng một trăm cõi Phật, chư vị sẽ hiểu các tướng trạng thuộc những cảnh giới cao hơn; và do công hạnh của những nguyện ước cao vời nhất, chư vị sẽ thể hiện các thần lực, chư vị sẽ được [chư Phật] thọ ký khi chư vị đạt tới cảnh giới Pháp vân (Pháp vân địa - Dharmamegha) và khi thể chứng cảnh giới cao nhất của chư Như Lai, chư vị sẽ được cung cấp bằng những thứ liên hệ chặt chẽ với mười nguyện vô tận; và để đưa tất cả các chúng sinh đến thành tựu, chư vị sẽ tỏa sáng trong nhiều hình tướng khác nhau bằng những tia sáng của biến hóa; chư vị sẽ hoàn toàn miệt mài trong hạnh phúc của sự tự chứng.

thuvienhuequang.vn

LI

Lại nữa, này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát thuần thục về các thành tố chủ yếu (đầu tiên, thứ nhất) và thứ yếu (thứ hai). Chư Bồ-tát biết các thành tố chủ yếu và thứ yếu như thế nào ? Này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát phải biết rằng sự thật là những thành tố chủ yếu chưa bao giờ hiện hữu và này Mahàmati, và biết rằng những thành tố này là vô sinh. Hiểu như thế thì trên đời này không có gì cả ngoài những gì được [tư tưởng của ta] phân biệt. Khi nhận ra rằng thế giới sở kiến này không gì khác hơn là chính cái Tâm thì những đối tượng bên ngoài không còn là thực nữa và không có gì cả ngoài những thứ được Tâm phân biệt và nhận thức (là bên ngoài). Như thế nghĩa là hãy hiểu rằng ba cõi này không có dính dáng gì tới thành tố chủ yếu và thứ yếu, [124], rằng ba cõi vượt ra ngoài bốn mệnh đề và các hệ thống triết học, rằng ba cõi không dính dáng gì tới một cái ngã cá nhân và những thứ phụ thuộc vào cái ngã cá nhân ấy và rằng ba cõi tự an lập trong thực tính chân thật, nơi ấy ba cõi được nhìn thấy trong hình trạng riêng biệt của chúng tức là trong trạng thái vô sinh.

Này Mahàmati, những thành tố sinh ra từ những thành tố chủ yếu nghĩa là gì ? Cái thành tố

thuvienhuequang.vn

được phân biệt là tính lưu chảy sinh ra lãnh vực nước, bên trong và bên ngoài; cái thành tố được phân biệt là tính năng lượng sinh ra lãnh vực lửa, bên trong và bên ngoài; cái thành tố được phân biệt là tính khả phân thành hình tướng sinh ra lĩnh vực đất cùng với không gian, bên trong và bên ngoài. Do vì chấp vào những sự thực không đúng mà có sự tích tụ của năm uẩn khiến cho các thành tố chủ yếu và thứ yếu sinh khởi.

Lại nữa, này Mahàmati, Thức (Vijnàna) có nguyên nhân của nó trong sự chấp trước và ham muốn của chúng ta về sự đa phức của các trạng thái và các đối cảnh; Thức tiếp tục tiến hóa trong một con đường hiện hữu khác (đạo, thú...). Này Mahàmati, các thành tố thứ yếu như đất v.v... [được gọi là] có nguyên nhân của chúng trong các thành tố chủ yếu, mà thành tố chủ yếu này lại phi hiện hữu. Này Mahàmati, do bởi các sự vật có hiện hữu, có đặc tính, tướng trạng, cảm nhận, trú xứ và hành tác nên người ta bảo rằng các sự vật được sinh ra từ sự tập hợp của nhiều [yếu tố] nhân quả khác nhau; chứ không phải là do bởi các sự vật không có các đặc tướng. Vì lý do ấy, cho nên, này Mahàmati, các thành tố chủ yếu và thứ yếu là những phân biệt của hàng triết gia chứ không phải của Ta.

thuvienhuequang.vn

LII

Lại nữa, này Mahàmati, Ta sẽ giảng giải những gì định tính cho cái tự tính của năm uẩn. Này Mahàmati, năm uẩn là gì ? Năm uẩn là sắc [125], thọ, tưởng, hành và thức. Này Mahàmati, bốn uẩn trong năm uẩn này không có hình thức về chất liệu (phi sắc) - thọ, tưởng, hành và thức. Này Mahàmati, sắc thuộc về những gì được tạo thành từ bốn thành tố chủ yếu và những thành tố này khác nhau theo các dấu hiệu đặc biệt của chúng. Nhưng bốn uẩn này không có sắc tướng không thể được nhận biết là bốn, chúng giống như hư không. Chẳng hạn, này Mahàmati, hư không không thể được đo đếm và do bởi chúng ta phân biệt mà nó được chỉ định như thế; đằng này cũng vậy, này Mahàmati, các uẩn vượt ra khỏi sự tính toán vì chúng không có các tướng trạng về số lượng, không nên định tính cho chúng là hiện hữu hay phi hiện hữu và chúng vượt ra ngoài bốn mệnh đề (tứ cú); nhưng đối với người ngu thì chúng được miêu tả là chịu sự đo đếm, còn đối với người trí thì lại không như thế.

Lại nữa, này Mahàmati người trí xem năm uẩn là những cấu trúc của tư tưởng, không có [các tính nhị biên như] khác và không khác; vì chúng giống như nhiều hình tướng và đối tượng trong một ảo

thuvienhuequang.vn

ảnh, giống như những hình ảnh và người trong một giấc mộng. Vì chúng không có cái bản chất nào tốt hơn để mà y cứ và vì chúng làm trở ngại con đường của Thánh trí, cho nên có điều gọi là sự phân biệt uẩn. Này Mahàmati, đây là điều định tính cho tự tính của các uẩn. Ông phải loại bỏ sự phân biệt này và khi đã loại bỏ nó, ông nên tuyên bố cái sự thật về cô tịch. Đẩy lùi những kiến giải của hàng triết gia, sự thật về cô tịch cần được tuyên thuyết trong tất cả các hội chúng của đức Phật, này Mahàmati, và do đó giáo lý về sự vô ngã của các sự vật được thanh tịnh và ông sẽ vào Viễn hành địa (địa thứ bảy - Durамgamà). Vào Viễn hành địa, ông sẽ trở thành vị thầy của nhiều Tam-ma-địa và khi đạt được ý thân [126] ông sẽ thể chứng cái Tam-ma-địa gọi là Như huyễn (Màyopama). Thuần thục về các năng lực, các khả năng tâm linh (thần thông) và về sự tự điều ngự, ông sẽ là chỗ nương tựa của mọi chúng sinh như là đất vậy. Này Mahàmati, vì đất rộng lớn là chỗ nương tựa cho mọi chúng sinh, cũng thế, vị Bồ-tát Ma-ha-tát là chỗ nương tựa của mọi chúng sinh.

LIII

Lại nữa, này Mahàmati, có bốn loại Niết-bàn. Bốn loại ấy là gì ? Đấy là: 1. Niết-bàn đạt được khi

thuvienhuequang.vn

tự tính của tất cả các sự vật được nhìn thấy là phi thực thể (tính tự tính phi tính Niết-bàn); 2. Niết-bàn đạt được khi những tự tướng định tính tất cả các sự vật được nhìn thấy là những phi thực thể (tướng tính phi tính Niết-bàn); 3. Niết-bàn đạt được khi có sự nhận biết về sự phi hiện hữu của một chúng sinh có những thuộc tính đặc biệt của chúng sinh ấy (tự tướng tính phi tính giác Niết-bàn) và 4. Niết-bàn đạt được khi có sự chặt đứt sự ràng buộc ảnh hưởng đến tính tương tục của tính đặc thù và tính tổng quát của các uẩn (chư uẩn tự cộng tướng tương tục lưu chú đoạn Niết-bàn). Bốn kiến giải này về Niết-bàn là của các triết gia chứ không phải là giáo pháp của Ta. Này Mahàmati, theo giáo pháp của Ta, vứt bỏ cái ý thức (Manovijnàna), đấy gọi là Niết-bàn.

Mahàmati bạch: Thế Tôn há không thiết lập tám thức đấy sao ?

Thế Tôn đáp: Có, này Mahàmati, có thiết lập tám thức.

Mahàmati bạch: Nếu tám thức được thiết lập thì tại sao Thế Tôn lại chỉ nhằm đến sự vứt bỏ ý thức mà không vứt bỏ bảy thức [kia nữa] ?

Thế Tôn đáp: Lấy ý thức làm nguyên nhân và làm chỗ y cứ, bảy thức sinh khởi. Lại nữa, này Mahàmati, ý thức được cho vận dụng thì nó phân

thuvienhuequang.vn

biệt một thế giới đối tượng và trở nên chấp trước vào thế giới ấy và do cái tập khí [ký ức] đa phức [127], nó nuôi dưỡng thức A-lại-da. Mạt-na được tăng trưởng theo với ý niệm về một cái ngã và những thứ tùy thuộc của ngã và nó chấp chặt vào và suy tưởng về ý niệm ấy. Nó không có thân thể của riêng nó, cũng không có hình tướng riêng; thức A-lại-da là nguyên nhân và chỗ y cứ của nó. Vì cái thế giới vốn là chính cái Tâm được tưởng là thực và được chấp trước như thế nên toàn bộ hệ thống tâm lý biến hóa bằng cách ảnh hưởng (duyên) lẫn nhau. Này Mahàmati, giống như sóng biển, cái thế giới là cái Tâm được biểu hiện này bị cơn gió đối tượng tính quấy động, nó biến hóa và tiêu tan. Như thế, này Mahàmati, khi ý thức (Manovijnàna) bị vứt bỏ thì bảy thức cũng bị vứt bỏ. Cho nên bảo rằng:

179. Ta không vào Niết-bàn bằng phương tiện hữu, hành và các đặc tướng; Ta vào Niết-bàn khi cái thức do phân biệt tạo ra tiêu dứt.

180. Mạt-na củng cố cái công dụng của nó bằng cách lấy ý thức làm nguyên nhân và chỗ nương tựa; thức khiến cho Tâm vận hành và được Tâm nương tựa vào [nó].

181. Như một dòng nước lớn không bị sóng quấy động vì đã bị khô đi, [hệ thống] thức trong

thuvienhuequang.vn

các hình thức khác nhau của chúng ngưng vận hành khi có sự đoạn diệt [của ý thức].

LIV

Lại nữa, này Mahàmati, Ta sẽ nói cho ông biết về những đặc trưng khác nhau của vọng tưởng (parikalpita) và khi ông và chư Bồ-tát Ma-ha-tát đã khéo thuần thục về từng đặc trưng trong hình thức riêng biệt của nó thì các ông sẽ xa rời phân biệt; và do thấy rõ và biết được con đường tự chứng tự nội bằng Thánh trí, cũng như thấy và biết được những cách lý luận của các triết gia. [128] thì các ông sẽ loại bỏ được các phân biệt như năng nghiếp và sơ nhiếp, và sẽ không bị đày đưa vào phân biệt về các khía cạnh đa phức của sự hiêu biết tương đối (duyên khởi tướng - paratantra) như về các hình thức cua vọng tưởng. Này Mahàmati, các đặc trưng khác nhau của vọng tưởng là gì ? Đấy là những phân biệt về 1. Ngôn từ (abhilàpa). 2. Ý nghĩa, 3. Các đặc tướng, 4. Tài san. 5. Tự tính. 6. Nguyên nhân. 7. Các kiến giai triết học. 8. Lý luận, 9. Sinh, 10. Bất sinh, 11. Tùy thuộc, 12. Trói buộc và Giải thoát. Này Mahàmati. đấy là những đặc trưng khác nhau của vọng tưởng.

Này Mahàmati, phân biệt về ngôn từ là gì ? Đấy là bị ràng buộc vào những giọng điệu ngọt

thuvienhuequang.vn

ngào và sự ca hát. Đấy là sự phân biệt về mặt ngôn từ.

Phân biệt về ý nghĩa là gì ? Đấy là sự phân biệt mà theo đó người ta tưởng rằng các ngôn từ sinh khởi tùy thuộc vào những đề tài mà người ta diễn đạt và những đề tài mà người ta xem là tự hữu và thuộc về sự chứng đạt của Thánh trí.

Sự phân biệt về các đặc tướng là gì ? Đấy là tưởng tượng ra từ trong những gì được ngôn từ diễn tả thành ra nhiều đặc tướng như một ảo ảnh rồi chấp chặt vào chúng mà phân biệt tất cả các sự vật theo các loại như sự nóng, tính lỏng, tính lưu động và tính rắn chắc.

Sự phân biệt về tài sản là gì ? Đấy là muốn một tình trạng giàu có như vàng, bạc và nhiều loại ngọc quý.

Sự phân biệt về tự tính là gì ? Đấy là phân biệt theo những kiến giải tưởng tượng của hàng triết gia về tự tính của tất cả các sự vật [129] mà họ nắm chắc mà bảo rằng: "Đây đúng là tự tính chứ không có gì khác nữa".

Sự phân biệt về nguyên nhân là gì ? Đấy là phân biệt cái ý niệm nhân duyên về hữu và phi hữu và tưởng rằng có những tướng nguyên nhân. Đấy là sự phân biệt về nguyên nhân.

Sự phân biệt về lý luận là gì ? Đấy tức là cái

thuvienhuequang.vn

giáo lý mà lý luận của nó được đặt căn bản trên sự chấp vào cái ý niệm ngã hữu và những gì thuộc về ngã hữu.

Sự phân biệt về sinh là gì ? Tức là bị ràng buộc vào cái ý niệm rằng các sự vật sinh ra [trong cuộc sống] và mất đi [khỏi cuộc sống] tùy theo nhân duyên.

Sự phân biệt về vô sinh là gì ? Đấy là phân biệt rằng tất cả các sự vật từ lúc khởi đầu là vô sinh, rằng những bản chất phi nhân duyên vốn là không có, nhưng sinh ra do bởi lý luận về nhân duyên.

Sự phân biệt về sự tùy thuộc là gì ? Tức là sự tùy thuộc tương hỗ của vàng và sợi dây [làm bằng vàng].

Sự phân biệt về trói buộc và giải thoát là gì ? Đấy cũng giống như tưởng ra rằng cái gì đó bị trói buộc do bởi cái gì đó trói buộc như trong trường hợp một người nhờ một sợi dây mà cột một cái gút hay tháo nó ra.

Này Mahàmati, đấy là những đặc trưng khác nhau của vọng tưởng và những người ngu và những kẻ sơ trí chấp vào đấy mà tưởng ra rằng các sự vật là có hoặc không có. Những ai bị ràng buộc vào cái ý niệm về tương đối thì bị ràng buộc vào cái ý niệm về sự đa phức của các sự vật khởi sinh từ vọng tưởng. Cũng như thấy nhiều đối tượng tùy

thuvienhuequang.vn

thuộc vào Như huyễn (Màyà) nhưng những đối vật như thế chính chúng lại bị người ngu phân biệt thành ra những gì khác hơn chính Như huyễn tùy theo cách suy nghĩ của họ. [130] Này Mahàmati, Như huyễn và những đối vật thì không phải khác cũng không phải một. Nếu chúng ta là khác nhau thì những đối vật đã không có nguyên nhân là Như huyễn. Nếu Như huyễn cùng với các đối vật là một thì đã không có sự phân biệt nào giữa hai thứ ấy, nhưng vì có sự phân biệt nên hai thứ này nên Như huyễn và các đối vật không phải là một cũng không phải là khác nhau. Vì vậy ông cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát đừng bao giờ mê muội vào cái ý niệm về hữu và phi hữu.

LV

Cho nên bảo rằng:

182. Tâm bị ràng buộc vào cái thế giới đối tượng; chức năng của trí tuệ là suy xét; và trong trạng thái cao vời của phi tưởng, có sự phát khởi của trí tuệ siêu việt (bát-nhã - prajnà).

183. Tùy theo vọng tưởng mà ngã thể có mặt, nhưng do từ quan điểm tương đối (y tha khởi - paratantra) thì ngã thể không có mặt, do lầm lạc nên cái ý bị phân biệt thì bị thủ chấp [như là

thuvienhuequang.vn

thực]; trong tính tương đối (duyên khởi) thì không có phân biệt.

184. Bao nhiêu thứ phân biệt đều là do [người ngu] tưởng tượng [như là thật] nhưng cũng giống như Như huyễn, phân biệt không có, nhiều hình tướng đặc thù cũng được phân biệt như thế, nhưng [thực ra] chúng không có.

185. [Tưởng tượng ra] những hình tướng đặc thù là sai lầm, sự tưởng tượng như thế khiến người ta bị trói buộc; những hình tướng ấy tự cái Tâm sinh ra do vọng tưởng của người ngu; được đặt trên căn bản duyên khởi thì các hình tướng ấy không bị phân biệt.

186. Hiện hữu phải chịu sự phân biệt như thế thì không gì khác hơn là khía cạnh tương đối của nó, [131] vọng tưởng thì gồm nhiều hình thức khác nhau, được đặt trên căn bản tương đối thì sự phân biệt vẫn tiếp diễn.

187. Chân lý quy ước (tục đế - samvriti) và chân lý tối hậu (đệ nhất nghĩa đế - paramàrtha), nếu có một chân lý thứ ba thì phi thực thể là nguyên nhân của chân lý thứ ba này; vọng tưởng thuộc về quy ước (tục đế); khi vọng tưởng bị cắt rời ra thì có cảnh giới trí tuệ.

188. Còn đối với các bậc Tu hành (Yogin) thì có một sự chân thật tự biểu lộ ra thành đa phức và

thuvienhuequang.vn

tuy thế ở trong sự chân thật ấy không có sự đa phức; đấy là bản chất của vọng tưởng.

189. Đối với con mắt bị bệnh thì nhiều sự vật được trông thấy và được tưởng tượng ra trong khi sự mờ mắt không phải là một hình sắc (rùpa) cũng không phải là vô hình sắc (arùpa). Đấy là tính tương đối do những người ngu [phân biệt].

190. Như vàng ròng, như nước không dơ bẩn, như bầu trời không có mây; [cái tâm] thanh tịnh cũng thế khi được gỡ ra[1] khỏi vọng tưởng.

191. Sự hiện hữu (cuộc đời) do bởi tưởng tượng sai lầm là không có, nhưng do bởi quan điểm tương đối mà nó có, khi người ta thoát khỏi tưởng tượng thì sự chấp nhận và sự bác bỏ đều bị đoạn diệt.

192. Nếu có cái khía cạnh tương đối của hiện hữu trong khi không có sự tưởng tượng thì như thế có nghĩa là có một cái hữu bên ngoài cái hữu và một cái hữu sinh ra từ một cái phi hữu.

193. Do vọng tưởng mà có cái khía cạnh tương đối tính của hiện hữu; Do sự nối kết của sắc và danh mà vọng tưởng sinh khởi.

194. Vọng tưởng không bao giờ có thể là cái

---

(1) Suốt bản kinh, Vikalpa được dịch là "phân biệt" hay "tương tượng", nhưng ở đây các từ này rõ ràng được dùng theo nghĩa phủ định. Cái chức năng của Kalpita nằm trong những câu kệ này thay cho từ Parikalpita.

thuvienhuequang.vn

biết toàn hảo (viên thành - nishpanna). Nó không sản sinh ra cái gì khác [ngoài chính nó]; [132] khi tự ngã được thanh tịnh thì người ta biết được thế nào là cái chân lý tối hậu vốn có tự tính thanh tinh.

195. Có mười loại[1] vọng tưởng và sáu loại tương đối (duyên khởi); trong cái biết về chân như được chứng đạt tự nội, không có phân biệt nào cả.

196. Chân lý gồm trong [sự hiểu biết] năm pháp và cả ba tự tính nữa; khi vị Tu hành hiểu [chân lý] như thế, thì vị ấy không vượt khỏi chân như (Tathàta)

197. Do hình sắc của tương đối, có những danh xưng thuộc vọng tưởng, và nhiều khía cạnh khác nhau của vọng tưởng sinh khởi từ tương đối.

198. Khi được cân nhắc kỹ càng bằng trí tuệ (buddhi) thì cả tương đối tính (duyên khởi) và cả vọng tưởng đều không có; ở đâu có cái biết toàn hảo (viên thành) thì ở đấy không có cái gì hiện hữu [theo cách nhị biên]; vì khi đã có trí tuệ thì làm sao mà phân biệt lại có thể xảy ra được ?

199. Ở đâu có cái biết toàn hảo thì cái hiện hữu không thể được định tính bằng hữu và phi hữu, trong cái không thể được định tính bằng hữu

---

(1) Các bản Hán ngữ đều được ghi là "mười hai" thay vì "mười"

thuvienhuequang.vn

và phi hữu thì làm sao có thể có hai tự tính này được ?

200. Do bởi vọng tưởng, hai tự tính được thiết lập; ở đâu có vọng tưởng thì ở đấy sự đa phức của các sự vật được nhận biết; một khi tất cả được thanh tịnh thì điều kiện [tâm linh] của bậc trí giả được đạt.

201. Ở đâu có vọng tưởng thì ở đó có sự đa phức của các sự vật và các sự vật này được phân biệt dưới khía cạnh của tương đối; nếu chúng được phân biệt khác đi thì người ta trở thành bị chấp chặt vào các giáo lý của hàng triết gia.

202. Cái gì được tưởng tượng thì phải cứ tiếp tục được tưởng tượng; có nhiều kiến giải khác nhau mà từ đó học thuyết về nguồn gốc nhân quả sinh khởi; [133] khi sự phân biệt nhị biên bị vứt bỏ thì bấy giờ mới thực có cái biết toàn hảo (viên thành)[1].

---

(1) Toàn bộ đoạn này bàn về tam thừa, chủ yếu là giải thích cái chỗ mà Parikalpita (vọng tưởng) khác với Paratantra (quan điểm tương đối). Trong khi sự giải thích đôi khi to ra quá phức tạp thì điểm chủ yếu vẫn khá rõ ràng. Kalpita là một mạng lưới gồm những diễn giải sai lạc thêu dệt về Paratantra tức là về cái kiến giải nhị biên về sự hiện hữu và luôn luôn vẫn có giá trị. Nhưng để đạt đến Nishpana (cái biết toàn hảo - viên thành) thì cần phải vượt lên khỏi mọi hình thức nhị biên, vì Paratantra không có nghĩa là chân lý tối hậu (đệ nhất nghĩa đế).

thuvienhuequang.vn

LVI

Bấy giờ, Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết về cái nhất thừa định tính sự chứng đạt tự nội của Thánh trí, nhờ đó mà bạch Thế Tôn, con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác khi thành thạo với cái nhất thừa ghi dấu sự chứng đạt nội tại của Thánh trí, có thể được đặt vào trong giáo pháp của Đức Phật mà không phải tùy thuộc vào ai khác nữa.

Thế Tôn dạy: Thế thì này Mahàmati, hãy lắng nghe và tự suy nghĩ khi Ta nói cho ông.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati đáp: Vâng, bạch Thế Tôn, con xin theo như thế, con xin lắng nghe Thế Tôn.

Thế Tôn liền dạy: Phù hợp với các giáo pháp chính thống trong đó không có sự phân biệt thì này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải tự mình lui về một nơi hoàn toàn hẻo lánh, tại đây, vị ấy có thể suy nghĩ trong chính mình chứ không dựa vào một ai khác ngoài trí tuệ tự nội của chính mình để gạt bỏ những kiến giải và những phân biệt lầm lạc mà tinh tấn và nỗ lực để cuối cùng nhập vào Như Lai địa. Này Mahàmati, đây là đặc trưng của sự thể chứng tự nội đạt được nhờ Thánh trí.

Điều gì định nên con đường của nhất thừa ? Ta gọi nó là nhất thừa vì nhờ đó mà người ta nhận

thuvienhuequang.vn

biết và thể nghiệm con đường dẫn đến nhất thừa. Con đường của nhất thừa này phải được nhận biết và thể nghiệm như thế nào ? Sự nhận biết về nhất thừa được đạt khi không có phân biệt sinh khởi bằng cách gạt bỏ cái ý niệm về năng chấp và sở chấp và bằng cách trú trong như thực (yathàbhùta). Này Mahàmati, sự nhận biết về nhất thừa này, [134] ngoài chính Như Lai ra, các triết gia, Thanh văn, Bích-chi, Bà-la-môn, v.v..., không hề có ai khác Như Lai mà trước đây đã từng đạt được. Vì lý do ấy mà này Mahàmati, đây được gọi là nhất thừa.

Mahàmati bạch: Vì lý do nào mà Thế Tôn nói về tam thừa chứ không nói về nhất thừa ?

Thế Tôn dạy: Vì rằng không có giáo lý nào mà nhờ đó hàng Thanh văn và Bích-chi có thể tự mình chứng đạt Niết-bàn nên ta không nói đến nhất thừa. Này Mahàmati, hàng Thanh văn và Bích-chi được học tập, được tách riêng và được huấn luyện trong Thiền định theo thuyết giảng của Như Lai, nhờ đó họ được dẫn đến giải thoát chứ không phải do chính tự họ.

Lại nữa, này Mahàmati. vì chưa đoạn diệt cái tập khí (ký ức) của nghiệp và cái chướng ngại của tri thức, tất cả Thanh văn và Bích-chi không thể chứng đạt cái vô ngã của các sự vật và chưa hiểu

thuvienhuequang.vn

được sự biến hóa sinh tử khó nghĩ bàn. vì thế Ta thuyết giảng cho hàng Thanh văn [và Bích-chi] tam thừa mà không thuyết giảng về nhất thừa.(1)

Này Mahàmati, khi đoạn diệt được tất cả tập khí xấu xa, họ chứng đạt được cái vô ngã của các sự vật, bấy giờ họ thoát khỏi tập khí xấu xa, họ sẽ không bị các Tam-ma-địa làm cho mê đắm và sẽ ngộ nhập vào cảnh giới vô lậu. Bây giờ được đưa vào một thế giới siêu việt và cảnh giới vô lậu, họ sẽ thu nhặt tất cả mọi thứ để đạt được Pháp thân (Dharmakaya), năng lực cao vời và vượt ngoài mọi khái niệm. Cho nên bảo:

203. Thiên thừa, Phạm-ma thừa, Thanh văn thừa, [135] Duyên giác thừa và Như Lai thừa, Ta nói đến các thừa ấy.

204. Hễ bao giờ còn có một cái tâm nỗ lực tạo tác thì vẫn không thể có sự tối thượng về các loại thừa; khi có sự đột biến xảy ra trong tâm thì không có một thừa nào, cũng không có ai nhập vào thừa ấy cả.

205. Thực ra, không có sự kiến lập các thừa khác nhau và vì thế Ta nói đến nhất thừa(2),

---

(1) Hãy chuyển từ Naikayànam (dòng 9) sang dòng 10 sau từ Yànatrayam.

(2) Theo các ban dịch Trung Hoa.

thuvienhuequang.vn

nhưng để độ người ngu nên Ta nói đến nhiều thừa khác nhau.

206. Có ba loại giải thoát, và trong tất cả các sự vật, không có cái ngã hữu, cái biết và phiền não là cùng một bản chất, khi [người ta] được giải thoát thì cái biết và phiền não đều bị loại bỏ.

207. Như một miếng gỗ trôi nổi trên sóng biển, vị Thanh văn bị ám ảnh bằng các đặc tướng bị lôi kéo theo [dòng cuộc sống].

208. Dù được thoát khỏi những khổ đau có tính cách tạo tác, họ (các Thanh văn) vẫn còn bị ràng buộc với cái tập khí của phiền não, bị đắm say trong chất rượu của Tam-ma-địa nên họ vẫn còn trú trong cảnh giới vô lậu.

209. Trong đó không có sự đến nơi tối hậu, cũng không có sự thối chuyển [quên mình] trong sự chứng đạt cái thân Tam-ma-địa, vị ấy chẳng chứng ngộ chút nào cả, dù cho đến lúc chấm dứt các kiếp-ba (Kalpas).

210. Giống như người say rượu được tỉnh táo, hết say sưa, đạt lại được trí óc của mình, [vị Thanh văn] sẽ thể chứng chân lý của Đức Phật vốn là thân thể của chính mình.

Đến đây là hết chương Hai, [được gọi là] "Suy tưởng về tất cả các pháp", rút ra từ Lăng Già 36,000 ['Sloka].

thuvienhuequang.vn

chương ba

VỀ VÔ THƯỜNG

LVII

[136] Bấy giờ, Thế Tôn lại nói với Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati rằng: Này Mahàmati, ta sẽ nói cho ông về cái ý thân (ý sinh thân, cái thân do ý mà sinh); hãy nghe cho kỹ và suy nghĩ cho kỹ trong chính ông. Ta sẽ nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát bạch: "Bạch Thế Tôn, xin vâng, con sẽ lắng nghe Thế Tôn".

Bấy giờ Thế Tôn dạy rằng: Này Mahàmati, có ba loại ý thân. Đó là: 1. Ý thân đạt được trong sự vui hưởng Tam-ma-địa; 2. Ý thân đạt được trong sự nhận biết tự tính của pháp; và 3. Ý thân [mà một vị Bồ-tát] mang lấy [tùy theo] loại chúng sinh [cần được cứu giúp] và là cái thân làm cho toàn hảo và thành tựu [mà không có một ý tưởng nào về sự thành tựu của riêng nó]. Do thể chứng liên tục từ

thuvienhuequang.vn

cấp độ đầu tiên (Sơ địa) cho đến các cấp địa cao hơn, bậc Tu hành sẽ thể nghiệm [tất cả] các thân ấy.

Này Mahàmati, thế nào là cái ý thân đạt được trong sự vui hưởng Tam-ma-địa ? Nó như thế này: khi [bậc Tu hành] trong các địa (cấp độ) thứ ba, thứ tư, thứ năm, loại bỏ các thứ phân biệt đang tiếp tục vận hành trong tâm mình và đang an trú[1] những làn sóng tâm thức không còn quấy động trong biển Tâm nữa và những chức năng của thức được tĩnh lặng, đang hưởng sự an lạc ấy, và khi vị ấy nhận biết được sự phi hiện hữu của thế giới bên ngoài là cái thế giới không gì khác hơn là

---

(1) *Các độc gia đọc các ban Trung Hoa về Lăng Già cần lưu ý rằng hợp từ Svacitta - Vividha - Viveka - Vihàra được các dịch gia Trung Hoa hiểu theo ba cách khác nhau, chứng to rằng một hợp từ tiếng Sanskrit được diễn dịch theo nhiều cách khác nhau. Đây là một trong nhiều những trường hợp như thế mà ta gặp được trong suốt ban kinh.*

Bản Tống 種種自心寂靜安住

(Chủng chung tự tâm tịch tĩnh an trú): cái tâm tự nó [do phân biệt] đa dạng, trở nên yên tĩnh và tìm thấy chỗ an trú của mình.

Bản Ngụy 自心寂靜行種種行

(Tự tâm tịch tĩnh hành chung chung hành): cái tâm tự nó được yên tĩnh và thực hiện các hành vi.

Bản Đường 離種種心寂然不動

(Ly chung chung tâm tịch nhiên bất động): cái tâm được yên tĩnh và bất động.

thuvienhuequang.vn

chính cái Tâm của chính mình, thì vị ấy được gọi là có cái ý thân[1].

[137] Thế nào là cái ý thân đạt được bằng cách nhận biết tự tính của Pháp ? Khi [bậc Tu hành] ở địa thứ tám có một sự thâm nhập thấu suốt vào trong bản tính của các sự vật là cái bản tính giống như huyễn giả (Màyà) và không tạo ra hình ảnh, vị ấy thể nghiệm một sự đột biến nơi tâm thức và đạt cái Tam-ma-địa gọi là Như huyễn và các Tam-ma-địa khác. Do nhập vào các Tam-ma-địa, vị ấy đạt được một cái thân có nhiều năng lực tự điều ngự và hành động siêu việt, cái thân theo ý nguyện của vị ấy mà chuyển động nhanh như một cái hoa nở, giống như huyễn thuật, như một giấc mộng, một phản ảnh, cái thân không phải là được cấu tạo bằng các thành tố (các đại) nhưng có cái gì tương tự như cái được cấu tạo bằng các thành tố (các đại), được trang bị bằng tất cả những sự khác biệt thích hợp với thế giới hình sắc và tuy thế vẫn có thể nhập lên tất cả các hội chúng trong các cõi Phật. Đây là cái thân có một cái biết thông suốt về tự tính của pháp và vì lý do ấy nên được gọi là ý thân.

Thế nào là cái ý thân được sinh ra phù hợp với chủng loại và làm cho toàn hảo, thành tựu ? Khi [bậc Tu hành] đã hoàn toàn thành thạo với tất cả các đặc tính của tự chứng và sự an lạc ngập khắp

---

(1) Trang 136, dòng 14, bỏ từ abhàva và từ manaso.

thuvienhuequang.vn

giáo pháp của Đức Phật do tự chứng, vị ấy được gọi là có cái thán được làm bằng ý, được sinh ra theo [chủng loại] mà làm cho toàn hảo và thành tựu. Này Mahàmati, ông phải nỗ lực để có được một cái biết hoàn toàn thông suốt về ba tướng trạng của cái ý thân. Cho nên bảo:

1. Giáo pháp Đại thừa của Ta không phải là một thừa, không phải là một âm thanh, cũng không phải là ngôn từ, nó không phải là chân lý, cũng không phải giải thoát, không phải cảnh giới của vô tướng.

2. Tuy vậy, giáo pháp Đại thừa là một thừa, mang các Tam-ma-địa dẫn đến những hoạt động sáng tạo; mỗi hình thức của ý thân đều có trang nghiêm bằng hoa của ý tối cao.

LVIII

[138] Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch với Thế Tôn rằng: Thế Tôn thuyết giảng về năm tội vô gián; bạch Thế Tôn, năm tội ấy là gì ? Và một nam tử, một nữ nhân vi phạm thì bị rơi xuống địa ngục A-tỳ (Avici) ?

Thế Tôn đáp: Này Mahàmati, hãy nghe cho kỹ và suy nghĩ vì Ta sẽ nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Xin vâng, bạch Thế Tôn. Rồi Bồ-tát lắng nghe Thế Tôn dạy.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn bảo với Bồ-tát rằng: Năm tội vô gián là gì ? Đó là: 1. Giết mẹ; 2. Giết cha; 3. Giết A-la-hán; 4. Phá vỡ Tăng-già; 5. Do ác tâm mà làm thân của Như Lai chảy máu.

Thế nào là mẹ của tất cả chúng sinh ? Đấy là sự tham ái có tính cách gây ra sinh tạo đi kèm với dục lạc và sân hận và thiết lập nên sự làm mẹ. Vô minh đại diện cho sự làm cha khiến người ta tái sinh trong sáu làng (sáu tụ, lục nhập) của thế giới cảm giác. Khi đoạn diệt trọn vẹn cả hai căn gốc này, tức sự làm cha và làm mẹ, thì gọi là giết mẹ và cha. Khi có sự đoạn diệt hoàn toàn các kiết sử như tham v.v... vốn là những thứ giống như một kẻ thù, một con chuột độc thì có sự giết A-la-hán. Thế nào là phá vỡ Tăng-già ? Khi có sự phá vỡ căn bản toàn bộ cái tập hợp các uẩn mà cái đặc tướng của nó vốn là một trạng thái tùy thuộc hỗ tương giữa các sự khác biệt thì gọi là phá vỡ Tăng-già.

[139] Này Mahàmati, thân thể gồm tám thức, nhận biết một cách lầm lạc rằng đặc thù và phổ quát (tự tướng và cộng tướng) là ở ngoài thân, được [người ngu] trông thấy trong hình tướng của một thế giới bên ngoài. Cái thân thể ấy một khi hoàn toàn bị diệt trừ bằng những phân biệt còn sai sót tức là bằng ba giải thoát và các vô lậu và khi cái tâm thức sai sót Thức - Phật (Vijnàna - Bud-

thuvienhuequang.vn

dha) bị làm cho chảy máu thì gọi là một cái hạnh thuộc tội vô gián. Này Mahàmati, đây là năm tội vô gián tự nội, và khi một nam tử hay một nữ nhân của một gia đình tốt thể nghiệm năm tội này thì đấy là một cái hạnh thuộc tội vô gián về sự thể chứng đối với pháp.

Lại nữa, này Mahàmati, có năm tội ngoại vô gián và Ta sắp nêu ra cho ông thấy để ông và chư Bồ-tát khác trong tương lai có thể nhờ đó mà được giải thoát khỏi vô minh. Năm tội ấy là gì ? Đó là các tội vô gián được tả trong các kinh điển và những ai mắc phải các tội này không bao giờ có thể thể nghiệm một biểu hiện nào trong những biểu hiện này, trừ phi chư Biến Hóa [Phật] được gia trợ bởi năng lực [của chư Như Lai] và vốn đã chứng ngộ rồi. Này Mahàmati, các Biến Hóa Thanh văn được sự gia trợ năng lực của chư Bồ-tát hay của chư Như Lai, có thể thấy được một người nào đó tạo ác hạnh, và chư vị ấy sẽ không ngừng nỗ lực thật nhiều để làm cho người ấy thoát khỏi sự ác hạnh và các kiến giải sai lầm, và làm cho người ấy thể chứng cái phi thực của ác hạnh và các kiến giải sai lầm bằng cách gỡ bỏ gánh nặng cho người ấy. Đây là cái cách Ta thể hiện biến hóa, gia lực và thể chứng. Này Mahàmati, tuy vậy, đối với những ai trọng phạm vào các tội vô gián [140] thì không

thuvienhuequang.vn

thể nào chứng đắc được, trừ phi họ nhận biết được cái chân lý rằng một thế giới bên ngoài không gì khác ngoài[1] chính cái Tâm, mà thấy rằng bản thể, tài sản và nhà cửa đều là những phân biệt và rằng cái ý niệm về một tự ngã và những thứ thuộc về tự ngã cần phải được tránh xa; hoặc trừ phi họ được thoát khỏi cái sai lầm về ngã phân biệt nhờ gặp một người bạn tốt vào một lúc nào đó và được sinh ra theo một con đường hiện hữu (sinh thú) khác. Cho nên bảo rằng:

3. Tham dục được gọi là mẹ và vô minh được gọi là cha, cái thức nhận biết một thế giới đối tượng là [được sánh với] Phật.

4. Các kiết sử là A-la-hán, sự tập hợp năm uẩn là Tăng-già; vì các thứ này phải được đoạn diệt ngay tức khắc cho nên các thứ này được gọi là các hạnh vô gián.

LIX

Mahàmati lại bạch: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết cái mà làm cho chư Phật và chư Thế Tôn được như chư Phật và chư Thế Tôn; tức là, cái Phật tính của chư Phật [là gì] ?[2]

---

(1) Trang 140, dòng 1: bhavana hăn bị bỏ đi.

(2) Bhàgavàn buddhànàm, trang 140, dòng 10 có thể bị bỏ sót.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: Khi sự vô ngã của các sự vật và của người được hiểu, khi cái biết về hai chướng ngại hoàn toàn vững chắc, khi hai cái chết (nhị sinh tử - cyuti) được hoàn tất, và khi hai nhóm phiền não bị đoạn diệt, thì này Mahàmati, bấy giờ có cái Phật tính của chư Phật và chư Thế Tôn. Khi những giai lý này được hàng Thanh văn và Bích-chi thể nghiệm thì có cái Phật tính của các vị ấy. Cho nên nói:

5. Hai vô ngã, hai nhóm phiền não, hai chướng ngại và cái sinh tử biến hóa bất tư nghì - khi các thứ này được đạt thì có Như Lai.

LX

[141] Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Theo ý nghĩa sâu xa[1] nào mà Ngài đã tuyên bố trước hội chúng rằng "Ta là tất ca chư Phật trong quá khứ", và rằng "Ta đã trai qua nhiều lần sinh ra trong nhiều hình tướng khác nhau, có lúc là Chuyên luân vương (Màndhàtri), voi, chim Oanh vũ, Đế Thích (Indra), Tỳ-da-bà (Vyàsa), Thiện Nhãn (Sunetra) và nhiều chúng sinh khác trong một trăm ngàn kiếp của Ta" ?

---

(1) Samdhaya. Ban Ngụy và ban Tống không nói đến từ này. Từ này có một ý nghĩa đặc biệt ở đây và ở các chỗ khác trong Lăng Già.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, theo ý nghĩa sâu xa, có bốn loại bình đẳng (Sameness) được phân biệt, và chư Như Lai, chư A-la-hán, chư vị Toàn Giác xác nhận rằng: Bấy giờ Ta đã là Đức Phật Câu-lưu-tôn (Krakucchanda), Câu-na-hàm-mâu-ni (Kanakamuni) và Ca-diếp (Kà'syapa). Bốn loại bình đẳng được phân biệt theo ý nghĩa sâu xa ấy là gì ? Đấy là: 1. Bình đẳng về chữ; 2. Bình đẳng về ngôn từ; 3. Bình đẳng về giáo pháp, và 4. Bình đẳng về thân. Theo bốn bình đẳng này trong ý nghĩa sâu xa, chư Như Lai, chư A-la-hán, chư vị Toàn Giác tuyên bố như thế trước hội chúng.

Này Mahàmati, bình đẳng về chữ là gì ? Đấy là tên của Ta [được đánh vần] là P-h-ậ-t và những chữ này cũng được dùng cho chư Phật và chư Thế Tôn khác. Này Mahàmati, những chữ này trong bản chất của chúng không bị phân biệt sai khác gì nhau cả; do đó, này Mahàmati, có sự bình đẳng về chữ.

Này Mahàmati, bình đẳng về ngôn từ đối với chư Như Lai, A-la-hán và chư vị Toàn Giác là gì ? Đấy nghĩa là sáu mươi bốn âm của ngôn ngữ Phạm thiên được Ta đây phân biệt, và cũng cùng sáu mươi bốn âm thanh này của ngôn ngữ Phạm thiên cũng được chư Như Lai, A-la-hán và chư vị Toàn Giác phát ra và các âm giai giống như chim ca-lăng-tần-già (kalavinka) của chư vị cũng cùng

thuvienhuequang.vn

giống như của tất cả chúng ta, cũng như về mặt này thì chúng ta không khác biệt gì nhau.

Này Mahàmati, bình đẳng về thân là gì ? Đấy là Ta và chư vị Như Lai, A-la-hán, chư vị Toàn Giác khác đều như nhau về Pháp thân và về [ba mươi hai] tướng tốt, [tám mươi] vẻ đẹp, không có sự khác biệt nào trong Ta và chư vị ấy. Ngoại trừ khi chư Như Lai thể hiện những hình tướng khác nhau tùy theo những hoàn cảnh khác nhau, những chúng sinh cần được giáo hóa bằng nhiều phương tiện khác nhau.

Này Mahàmati, bình đẳng về giáo pháp là gì ? Đấy là Ta cũng như chư vị [Như Lai khác], tất cả đều thành thạo về các giáo pháp thuộc ba mươi bảy ngành của chứng ngộ (ba mươi bảy phẩm trợ đạo). Theo cái ý nghĩa sâu xa hơn về bốn bình đẳng này mà chư Như Lai, A-la-hán và chư vị Bồ-tát nêu lời tuyên bố của chư vị trước hội chúng. Cho nên bảo rằng:

6. "Ta là Ca-diếp, Câu-lưu-tôn và Câu-na-hàm-mâu-ni"; Ta thuyết giảng như thế do từ sự bình đẳng nhằm vì các nam tử của Đức Phật.

LXI

Mahàmati lại bạch: Thế Tôn dạy rằng từ đêm chứng ngộ đến đêm nhập Đại Niết-bàn, Như Lai

thuvienhuequang.vn

[143] chưa hề tuyên thuyết một từ nào, cũng sẽ không bao giờ tuyên thuyết; vì không tuyên thuyết là sự tuyên thuyết của Đức Phật. Theo ý nghĩa sâu xa nào mà bảo rằng không tuyên thuyết là sự tuyên thuyết của đức Phật ?

Thế Tôn đáp: Này Mahàmati, do bởi hai điều trong ý nghĩa sâu xa mà Ta nêu lên lời khẳng định ấy. Hai điều đó là gì ? Đấy là cái chân lý về sự tự chứng và một thực tính về sự thường trụ. Theo hai điều thuộc ý nghĩa sâu xa ấy mà Ta nêu lời khẳng định ấy. Cái thực tính về sự tự chứng trong ý nghĩa sâu xa là gì ? Điều gì mà chư Như Lai thể chứng thì đấy là điều mà chính Ta đây thể chứng, trong đó không tăng không giảm, vì cảnh giới của tự chứng vượt ngoài các ngôn từ và phân biệt, chẳng có liên hệ dính dáng gì tới cái khoa thuật ngữ học cả.

Một thực tính về sự thường trụ nghĩa là gì ? Này Mahàmati, cái con đường xưa cũ của sự chân thật vẫn hằng ở nơi đây, như vàng, bạc hay châu ngọc vẫn được giữ ở trong mỏ. Này Mahàmati, Pháp giới (Dharmadhàtu) là thường trụ, dù cho Như Lai có xuất hiện trên đời này hay không; vì Như Lai thường trụ nên cái lý của tất cả các sự vật (pháp tính - dharmatà) thường trụ; thực tính

thuvienhuequang.vn

thường trụ, thực tính giữ cái trật tự của nó giống như những con đường trong một thành cổ. Này Mahàmati, ví như một người đang đi trong một khu rừng và khi phát hiện ra một thành phố cổ với những con đường trật tự quy cũ, người ấy có thể đi vào thành phố ấy và khi đã vào rồi, người ấy có thể nghỉ ngơi, tự xem mình là một người dân trong thành phố, hưởng tất cả những thú vui ở đấy. [144] Này Mahàmati, ông nghĩ thế nào ? Người ấy có làm ra con đường mà ông ta theo đó để vào thành phố, có làm ra bao nhiêu thứ khác ở trong thành phố ấy không ?

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn dạy: Đúng thế, này Mahàmati, điều mà chính Ta đây và chư Như Lai khác đã chứng ngộ là cái thực tính này, cái thực tính thường trụ (Sthitilà), cái thực tính tự điều (Niyàmatà), cái như như của các sự vật (tathàta), cái sự thực của các sự vật (pháp tính - bhùtatà), cái sự thực chính nó (đế tính - satyatà). Vì thế, này Mahàmati, Ta khẳng định rằng từ đêm Như Lai chứng ngộ đến đêm Như Lai nhập Niết-bàn, trong thời gian ấy, Như Lai đã không tuyên thuyết và sẽ không tuyên thuyết một từ nào. Cho nên bảo rằng:

7. Từ đêm chứng ngộ đến đêm nhập Niết-bàn,

thuvienhuequang.vn

trong khoảng thời gian ấy Ta đã không tuyên bố điều gì cả.[1]

8. Chính vì ý nghĩa sâu xa mà Ta nói đến cái thực tính thường trụ của sự tự chứng; và giữa Ta đây và chư Phật [khác] không có gì khác nhau về mặt này cả.

LXII

Bấy giờ, Mahàmati thỉnh bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết về sự hữu và phi hữu của tất cả các sự vật; và khi con đây cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác thoát khỏi những ý niệm về hữu và phi hữu thì chúng con sẽ mau chóng đạt được sự chứng ngộ tối cao.

[145] Thế Tôn đáp: Thế thì này Mahàmati, hãy nghe cho kỹ và hãy suy nghĩ cho kỹ trong chính ông; Ta sắp nói cho ông nghe đây.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Thưa vâng, bạch Thế Tôn; rồi Bồ-tát lắng nghe Thế Tôn.

Thế rồi Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, người ta trên đời này bị lệ thuộc vào hai thứ, tức là người ta bị lệ thuộc vào cái ý niệm về hữu và vào cái ý niệm về phi hữu, và họ bị rơi vào các kiến giải theo đó họ tìm vui thú hoặc trong Hư vô luận hoặc

---

(1) Các Thiền sư thường diễn dịch về lời tuyên bố quan trọng này.

thuvienhuequang.vn

trong Duy thực luận. Họ tưởng tượng ra sự giải thoát ở nơi chỗ không có giải thoát.

Này Mahàmati, ai là những kẻ bị lệ thuộc vào ý niệm về hữu ? Đấy là họ nhìn thế giới mà cho rằng thế giới sinh khởi do nhân duyên vốn thực sự hiện hữu và rằng cái thế giới thực sự hiện hữu và đang hình thành không phải là sinh khởi từ cái nhân duyên vốn phi hiện hữu. Nếu thế giới là cái gì phi hiện hữu thì họ cho là không đúng. Do đó họ nói đến một thế giới thực sự hiện hữu sinh khởi từ cái nhân duyên thực sự. Đây là quan điểm duy thực mà một số người chủ trương.

Này Mahàmati, thế nào là bị lệ thuộc vào cái ý niệm về phi hữu ?

Này Mahàmati, tức là chấp nhận tham, sân, si và phân biệt và hai phân biệt về tính phi thực của những gì tạo nên tham, sân, si; và này Mahàmati, có người không chấp nhận cái thực tính của các sự vật do bởi cái sự vật không có các đặc tướng; lại có người khác thấy chư Phật, Thanh văn, Duyên giác thoát khỏi tham, sân, si do bởi tất cả các sự vật không có các đặc tướng [mà nghĩ rằng tham, sân, si] không hiện hữu.

Này Mahàmati, trong hai người ấy, ai là người đáng gọi là bị hủy hoại ?

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, người phá

thuvienhuequang.vn

hoại là người chấp nhận tham, sân, si rồi lại không chịu chấp nhận tham, sân, si.

[146] Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, quả là đúng lắm ! Quả thực ông lại nói đúng lắm ! Này Mahàmati, không phải chỉ chính người ấy ắt là kẻ bị hủy hoại do cái quan niệm của anh ta cho rằng tham, sân, si là hiện hữu rồi lại cho rằng không hiện hữu mà anh ta còn phá hoại cả đặc tính của Đức Phật, Thanh văn và Duyên giác. Tại sao ? Vì các phiền não không nên được xét hiểu theo bên trong và bên ngoài, vì chúng không khác nhau cũng không phải không khác nhau. Này Mahàmati, tham, sân, si cũng không xét hiểu được theo bên trong cũng như theo bên ngoài; chúng không có bản chất nào của riêng chúng và không nên chấp nhận chúng. Này Mahàmati, vì không có thực tính trong bản chất của tham, sân, si [kẻ nào không thể hiểu được điều này] là kẻ phá hoại đặc tính của Đức Phật, Thanh văn và Duyên giác. Đức Phật, Thanh văn và Duyên giác tự bản chất là giải thoát vì trong chư vị không có cái nguyên nhân để tạo sự bị ràng buộc và sự ràng buộc. Này Mahàmati, [mặt khác] ở đâu có một trạng thái bị ràng buộc thì ở đó có sự ràng buộc và cái nguyên nhân gây ràng buộc. [Và thế thì có] kẻ nào nói như thế [tức là, từ chối nhân duyên] thì ấy là kẻ bị hủy

thuvienhuequang.vn

hoại. Này Mahàmati, đấy là sự giải thích đặc tính của Hư vô luận và Duy thực luận.

Đây là điều Ta khẳng định theo ý nghĩa sâu xa. Thà rằng chuộng cái ý niệm về một ngã hữu vững chắc như núi Tu-di (Sumeru) còn hơn là có cái ý niệm về hư vô trống rỗng do cái quan điểm ngã mạn về hữu và phi hữu. Kẻ nào kiêu mạn trong quan điểm về hữu và phi hữu quả thực đáng gọi là kẻ bị hủy hoại. Những ai ưa thích đề cao những ý niệm về đặc thù và phổ quát thì không hiểu được rằng một thế giới bên ngoài không gì khác hơn là chính cái Tâm và không có thực tính; và vì họ không hiểu điều ấy nên họ nhìn thấy sự vật bên ngoài là tạm bợ, vì họ chịu từng lúc thay đổi này theo sau thay đổi khác, khi thì nứt rạn, khi thì phân chia, trong khi các uẩn, giới, xứ cứ liên tục nhau, cấu kết với nhau khi thì hiện đến và [147] khi thì đi mất. Những ai vì không để ý đến những lời lẽ trong các kinh điển mà buông mình theo những phân biệt sai lầm thì bị gọi là những kẻ bị hủy hoại. Cho nên nói:

9. Chừng nào cái nhị biên tính của hữu và phi hữu còn trải ra thì còn có cảnh giới của tri thức; khi cảnh giới này biến đi thì tri thức hoàn toàn diệt.

10. Khi thế giới bên ngoài bị chấp thủ [như là

thuvienhuequang.vn

thực] thì không có nhân duyên cũng không có thực tính; có cái bản chất của Như như (Tathata) vốn là cảnh giới [tâm linh] của người trí.

11. Những ai tin rằng có sự sinh ra của một cái gì vốn chưa từng hiện hữu và lại hiện hữu, cuối cùng biến mất đi, điều ấy đưa họ đến sự xác nhận rằng các sự vật hiện hữu, các sự vật biến mất theo nhân duyên - Những ai tin như thế là những kẻ không đặt chân vào được trong giáo lý của Ta.

12. Không phải do các triết gia, do chư Phật, do chính Ta, do bất cứ ai khác, nhưng chính do nhân duyên mà có hữu; làm sao người ta có thể nói đến phi hữu được ?

13. Khi do nhân duyên mà có hữu thì ai gây ra phi hữu ? Do bởi các tà kiến căn cứ vào học thuyết về sự sinh nên hữu và phi hữu mới bị phân biệt.

14. Khi thể chứng được rằng không có gì được sinh ra, không có gì diệt đi thì không thể khẳng định sự hữu và phi hữu; thế giới phải được xem là tĩnh tịch.

LXIII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại thỉnh bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài vạch rõ cho con; hỡi Đấng Thiện Thệ, xin Ngài vạch rõ cho con; hỡi đức Như Lai, đấng Toàn Giác, xin

thuvienhuequang.vn

Ngài vạch rõ cho con ! Hỡi đấng Tối Thắng, xin Ngài nói cho con biết [148] thế nào là sự thể chứng mà nhờ đó con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác, một khi đã hoàn toàn thành thục ý nghĩa của nó, có thể nhanh chóng đạt được sự chứng ngộ tối thượng, và một khi tin cậy vào chính mình, sẽ không bị bất cứ lý luận và triết lý (ngoại đạo) nào dẫn đi xa ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, thế thì hãy nghe cho kỹ và suy nghĩ cho kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Vâng, bạch Thế Tôn. Rồi Bồ-tát lắng nghe Thế Tôn.

Thế Tôn liền dạy rằng: Có hai cách định tính sự thể chứng của tất cả Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát: tự chính sự thể chứng và giáo lý [về nó]. Này Mahàmati, tự chính sự thể chứng nghĩa là cái cảnh giới của chứng đạt tự nội; các đặc trưng của nó là nó không có liên hệ gì tới các ngôn từ, phân biệt, chữ nghĩa; nó dẫn người ta lên đến cảnh giới vô lậu; nó là cái trạng thái của một kinh nghiệm tự nội; nó hoàn toàn không có những suy luận triết học và [những hành vi của] kẻ ác và một khi đoạn diệt những suy luận triết học và [những hành vi của] kẻ ác, nó phóng tỏa ra bằng cái ánh sáng chứng ngộ tự trong chính nó. Này Mahàmati, đấy là những đặc tính của sự thể chứng.

Này Mahàmati, cái giáo pháp [về sự thể chứng

thuvienhuequang.vn

ấy] là gì ? Giáo pháp đã được nêu nhiều trong chín bộ giáo điển; giáo pháp khiến người ta tránh xa những ý niệm nhị biên về hữu và phi hữu, về đồng và dị, trước tiên dùng các phương tiện khéo léo, các sự thích hợp mà khiến cho mọi chúng sinh có được một nhận thức [về giáo pháp này] sao cho hễ kẻ nào đến với giáo pháp thì có thể hiểu được giáo pháp. Do đó, này Mahàmati, ông cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác phải nỗ lực học tập điều này.

15. Sự thể chứng và giáo pháp, sự tự chứng và giáo điển; những ai có trí tuệ thông hiểu sự khác biệt sẽ không bị những hệ thống triết học dẫn đi xa.

16. Không có chân lý trong bất cứ cái gì do người ngu suy tưởng. Ở nơi nào không có thế giới đối tượng thì ở đấy có giải thoát; tại sao những người suy luận lại không tìm kiếm điều này ?

17. Thế giới hữu vi (samskrita) được xem là sự tương tục của sinh tử, theo đó mà các nhị biên luận được nuôi dưỡng, và vì sai lầm như thế nên không nhận thức được [chân lý].

18. Có một chân lý, đấy là Niết-bàn; chân lý ấy không dính dáng gì đến ý (manas); thế giới được nhìn thấy là bị phân biệt giống như một cây chuối thân mộc, một giấc mộng[1], một ảo ảnh.

(1) *Ban kinh ghi là skandha; nhưng hình như svapna thì đúng hơn.*

thuvienhuequang.vn

19. Không có tham, không có sân, không có si, lại nữa, không có một cái ngã cá nhân; do khát ái mà khởi sinh các uẩn là những thứ như một giấc mộng.

LXIV

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại thỉnh bạch Thế Tôn: Bạch Thế tôn, xin Ngài nói cho con nghe; bạch đấng Thiện Thệ, xin hãy nói cho con nghe thế nào là sự phân biệt sai lầm (hư vọng phân biệt - abhùtaparikalpa). Bạch Thế Tôn, xin ngài nói cho con nghe cái như thế nào, gì, tại sao và ai về sự phân biệt sai lầm mà khi phân biệt này khởi lên và tiếp tục thì nó tạo thành cái gọi là sự phân biệt sai lầm; tức là cái từ phân biệt sai lầm thuộc vào loại suy nghĩ nào ?

[150] Thế Tôn dạy: Hay lắm, hay lắm, này Mahàmati; quả thực là hay lắm, này Mahàmati ! Ông là kẻ được chấp nhận [vào hàng Bồ-tát], nghĩ rằng vấn đề này đáng được đem hỏi, vì an lạc cho nhiều người, vì hạnh phúc cho nhiều người, do bởi lòng từ bi của ông đối với đời, vì lợi lạc của số đông, vì an lạc và hạnh phúc của trời và người. Do đó, này Mahàmati, hãy nghe kỹ và hãy suy nghĩ kỹ trong chính ông khi ta nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Xin vâng, bạch Thế Tôn; rồi Bồ-tát lắng nghe Thế Tôn.

thuvienhuequang.vn

Bấy giờ Thế Tôn dạy Mahàmati rằng: Khi sự đa phức của các sự vật được tưởng tượng một cách sai lầm [là thật] và bị ràng buộc vào đấy, thì sự phân biệt sinh khởi; và này Mahàmati, vì người ta bị ràng buộc chặt chẽ vào cái ý niệm chấp thủ, vì họ không xác quyết trong tâm họ về cái bản chất của thế giới đối tượng vốn chỉ là chính cái Tâm, vì họ bị rơi vào trong cái kiến giải nhị biên về hữu và phi hữu, và này Mahàmati, vì họ bị nuôi dưỡng bởi cái tập khí của các kiến giải và phân biệt của hàng triết gia nên họ nhận thấy sự đa phức của các đối tượng bên ngoài [là thực] và trở nên bị ràng buộc vào cái đối tượng ấy; và vì lý do này mà một hệ thống tâm thức - tâm và những thứ thuộc về tâm - bị phân biệt và được nói đến [như là thực] và hệ thống này tiếp tục vận hành với sự xác quyết về một cái ngã - linh hồn và những thứ thuộc về ngã - linh hồn.

Mahàmati bạch: Bạch Thế tôn, theo Ngài dạy thì khi sự đa phức của các đối tượng bên ngoài bị người ta tưởng lầm [là thực] và bị người ta chấp vào, thì bấy giờ phân biệt tiếp tục phát triển; và người ta bị rơi vào trong cái kiến giải nhị biên về hữu và phi hữu [1] và người ta nuôi dưỡng những

---

(1) Trong bản Đường, chỗ này bị bỏ sót.

thuvienhuequang.vn

kiến giải và phân biệt của các triết gia là những người căn cứ vào ý niệm sở chấp và năng chấp; [151] và vì họ nhận sự đa phức của các đối tượng bên ngoài [là thực] rồi bị ràng buộc vào các đối tượng ấy cho nên một hệ thống tâm thức - tâm và những thứ thuộc về tâm - được phân biệt và được nói đến [như là thật] và tiếp tục vận hành do bởi không nhận ra rằng thế giới bên ngoài là chính cái Tâm và do chấp chặt vào sự vật về [cái ý niệm về] hữu và phi hữu. Bạch Thế Tôn, nếu thế thì sự đa phức của các đối tượng bên ngoài vốn được định tính bằng Nhị biên luận về hữu và phi hữu, phải được gọi là không hiện hữu cũng không phải phi hiện hữu, và sự đa phức ấy cũng không thuộc cơ cấu của các kiến giải triết học [vì thế giới bên ngoài do sự phân biệt mà hiện hữu, nên phải nói rằng tự trong thế giới ấy không có mọi hình thức nhị biên]. Bạch Thế Tôn, cũng theo cách như thế, cái thực tính tối cao được tuyên bố là không có [mọi hình thức phân tích luận lý như] những phương tiện thể nghiệm, cảm nhận, lý luận nhân minh, minh giải, lập luận, v.v... Bạch Thế Tôn, làm sao mà trong khi một mặt bảo là sự phân biệt về tính đa phức vẫn tiếp tục tác động vào sức mạnh của sự thủ chấp tự ràng buộc nó vào tính đa phức cùng những cái phi thực bên ngoài thì mặt khác,

thuvienhuequang.vn

cái thực tính tối cao lại không tạo sự sinh khởi cho sự phân biệt tiếp tục vận hành theo cách riêng của nó ? Bạch Thế Tôn, trong một chỗ Ngài bảo rằng "nó làm cho [sự phân biệt] sinh khởi" và ở một chỗ khác Ngài lại bảo "nó không làm cho sinh khởi", như thế chẳng phải Ngài đã lập luận sai trái đấy ư ?[1] Theo Thế Tôn thì do tùy thuộc và chấp vào nhị nguyên về hữu và phi hữu mà phát sinh ra những kiến giải đặc biệt thuộc sự phân biệt sai lầm như khi nhà ảo thuật tạo ra nhiều người chẳng phải là thực tí nào và tạo ra các đồ vật đầy đủ. Những hình tướng về hiện hữu và phi hiện hữu được tưởng tượng ra một cách sai lầm và tiếp tục được tưởng tượng như thế; [nhưng thực ra sự hiện hữu tự nó] không có phân biệt. Nếu thế thì tại sao người ta lại tôn quý cái nhị biên như một người bám chặt lấy cuộc đời ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, thực ra phân biệt vốn không khởi sinh cũng không bị tiêu mất. Tại sao ? Vì không có sự khởi sinh phân biệt về mặt hữu và phi hữu; vì sự nhận biết những thực

---

(1) Toàn bộ đoạn dưới đây không có bản Tống. Bản kinh hình như có lẫn lộn và khó mà vạch rõ nó có nghĩa thế nào. Bản kinh này chỉ là một cố gắng thử tìm hiểu. Bản dịch này (của Suzuki) chủ yếu theo sự diễn dịch của bản Đường; bản Ngụy thì chẳng giúp cho ta hơn những gì ta có thể thấy được.

thuvienhuequang.vn

tại bên ngoài là không thực; vì tất cả những gì được trông thấy đều phải được nhận ra là không gì khác ngoài chính cái Tâm. [152] Này Mahàmati, phân biệt không khởi sinh và cũng không bị tiêu mất. Nhưng này Mahàmati, vì nhằm cho những người ngu đang mê đắm phân biệt cái phức tính của các sự vật vốn là do từ chính cái Tâm của họ, cho nên Ta bảo rằng sự phân biệt vốn có cái chức năng đầu tiên là tạo ra kết quả đã sinh khởi do sự chấp rằng khía cạnh phức tính là đặc tính của các đối tượng. Nếu không bảo thế thì này Mahàmati, làm sao mà người ngu và kẻ sơ trí có được một sự thông hiểu về chính cái Tâm mà họ phân biệt và có thể thấy mình thoát khỏi ý niệm về một cái ngã và những thứ thuộc về ngã, và cũng thấy mình thoát khỏi cái quan niệm sai lầm về nhân và quả ? Lại nữa, làm sao họ có thể nhận ra rằng không có gì ngoài chính cái Tâm và có thể gây nên một sự đột biến trong chỗ thâm sâu nhất của tâm thức (città'raya) ? Làm sao họ có thể có cái nhận thức rõ ràng về tất cả các cấp độ (địa) và đạt được sự tự chứng tự nội của chư Như Lai và sự tự chứng vượt lên năm pháp, ba tự tính và ý niệm về thực tính cũng như vượt khỏi sự phân biệt. Này Mahàmati, vì thế cho nên Ta bảo rằng phân biệt sinh khởi là do chúng ta chấp vào cái phức tính của các đối

thuvienhuequang.vn

tượng không thực và rằng giải thoát có được là do chúng ta thông hiểu ý nghĩa của thực tính đúng như thực tính và cả ý nghĩa của cái phức tính của các sự vật sinh khởi do phân biệt. Cho nên nói:

20. Những ai nhìn thế giới mà cho rằng thế giới phát sinh từ các nhân và duyên mà chấp vào các ý niệm ấy cũng như chấp vào bốn mệnh đề (tứ cú) thì không hiểu được giáo lý của Ta.

21. Không thể nêu định thế giới là hữu hay phi hữu hay hữu và phi hữu như nó bị phân biệt bởi người ngu, nhìn nó mà cho rằng nó chịu ảnh hưởng của các nhân và duyên.

22. Khi thế giới được trông thấy [là không thể nêu định bằng những ý niệm như] hữu, phi hữu, hay hữu và phi hữu, [153] thì có một sự chuyển biến trong tâm người ta và người ta đạt được vô ngã.

23. Tất cả các sự vật là bất sinh vì chúng được sinh ra từ nguyên nhân; cái gì sinh ra từ nguyên nhân thì cái ấy là một kết quả và không có gì được sinh ra từ một kết quả cả.

24. Không có một kết quả nào sinh ra từ một kết quả; [nếu ông xác nhận điều này thì] ông phạm vào lỗi về hai kết quả; và hai kết quả thì không thể chấp nhận được, cho nên không có sự hiện hữu nào là do một kết quả cả.

thuvienhuequang.vn

25. Khi hữu vi (Samskrita) [tức là cái gì được tạo ra] được xem là thoát ra khỏi [cái nhị biên về] cái bị tùy thuộc và cái tùy thuộc (sở duyên và năng duyên) thì hẳn nhiên là có Duy tâm và do đó có giáo lý về Duy tâm của Ta.

26. Cái [Tâm là] chuẩn tắc (hiện lượng) là nơi trú của tự tính vốn là cái tự tính không có liên hệ dính dáng gì đến, thế giới nhân quả; Ta nói đến chuẩn tắc ấy tức là sự hiện hữu toàn hảo và là Phạm thiên[1] tối cao.

27. Một cái ngã - linh hồn là một sự thật thuộc về cấu trúc suy tưởng trong đó không có một thực tính thực sự nào; tự tính của các uẩn cũng là một cấu trúc suy tưởng vì không có thực tính nào trong nó cả.

28. Bình đẳng gồm bốn loại: các đặc tướng, nguyên nhân đương hữu[2], và bình đẳng về vô ngã là loại thứ tư: đây là bốn đề tài tu tập của các bậc Tu hành (Yogins).

29. [Có một trạng thái] xa rời mọi kiến giải triết học, thoát khỏi cái bị tưởng tượng và cái tưởng tượng (sở tưởng và năng tưởng), thoát khỏi

---

(1) Tất ca các ban Trung Hoa đều dùng từ "Tịnh" thay cho từ này. Nó có nghĩa là "cái tuyệt đối" đã sạch hết mọi bất tịnh nhị biên chăng ?

(2) Bhàvaja, đang vào hiện hữu, đương hữu.

thuvienhuequang.vn

sự đạt được (đắc) và sự vô sinh. Ta gọi trạng thái ấy là chuẩn tắc của Tâm (tâm hiện lượng).

30. Ta không nói đến hiện hữu hoặc phi hiện hữu mà chỉ nói đến Duy tâm là thứ không liên hệ dính dáng gì tới hữu và phi hữu và như thế[1], nó thoát ra khỏi sự hiểu biết.

[154] 31. Như như (Tathatà), hư vô, pháp giới (dharmadhàtu), những hình thức khác nhau của ý thân - những thứ ấy ta gọi là Duy tâm (tâm lượng).

32. Cái đa tính của các đối tượng sinh khởi từ sự nối kết giữa tập khí và phân biệt; nó sinh ra từ Tâm, nhưng người ta lại thấy nó là hiện hữu bên ngoài: cái đa tính ấy là Duy tâm.

33. Thế giới bên ngoài là không có, và cái đa tính của các đối tượng là cái được thấy từ Tâm; thân thể, tài sản, nhà cửa, những thứ ấy ta gọi là Duy tâm.

LXV

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế tôn rằng: Thế Tôn dạy rằng vị Bồ-tát Ma-ha-tát và chư vị khác không nên chấp vào ý nghĩa [của thực tính - artha] của các từ. Nhưng bạch Thế Tôn, tại

---

(1) Theo các bản dịch Trung Hoa thì Tathà chứ không phải Tathatà.

thuvienhuequang.vn

sao vị Bồ-tát Ma-ha-tát không nên chấp vào ý nghĩa của các từ ? Các từ là gì ? Ý nghĩa là gì ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, hãy nghe cho kỹ và suy nghĩ cho kỹ trong chính ông, Ta sẽ nói cho ông nghe.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati liền bạch: Bạch Thế Tôn, con xin vâng; rồi Bồ-tát lắng nghe Thế Tôn.

Thế Tôn bèn dạy: Này Mahàmati, ngôn từ được tạo ra như thế nào ? Dựa vào phân biệt và tập khí [hay ký ức] làm nguyên nhân, có sự nối kết và sự phân biệt giữa các âm và chữ, phát ra từ răng, hàm, lợi, lưỡi, môi và xoang của miệng mà khiến cho có thể có những đối thoại. Đấy là ngôn thuyết. Này Mahàmati, nghĩa tức là gì ? [155] Vị Bồ-tát được gọi là đã nắm ý nghĩa kỹ càng khi hoàn toàn đơn độc trong một nơi đơn độc, vị ấy đi trên con đường dẫn đến Niết-bàn nhờ vào trí tuệ siêu việt (bát-nhã - prajnà) của mình, là cái trí tuệ sinh khởi do học tập, suy nghĩ và Thiền định và nhờ vào tự trí (svabuddhi) tạo nên một sự đột biến trước hết là ở cái nguồn tập khí, vị ấy an trụ trên các cảnh giới của tự chứng, tại đó, vị ấy có một cuộc sống đầy Phạm hạnh.

Lại nữa, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát thành thục về các từ ngữ và ý nghĩa nhận thấy

thuvienhuequang.vn

rằng các từ ngữ không phải khác cũng không phải không khác với ý nghĩa và rằng ý nghĩa cũng có cùng liên hệ như thế đối với từ ngữ. Này Mahàmati, nếu ý nghĩa khác với các từ ngữ thì nó sẽ không được biểu hiện ra bởi các từ ngữ, nhưng ý nghĩa được các từ ngữ thâm nhập như các sự vật được [tỏ lộ] bởi một cây đèn. Này Mahàmati, giống như một người mang một cây đèn để coi sóc tài sản của mình. [Nhờ vào ánh sáng này] người ấy có thể nói: Đây là tài sản của ta và được giữ như thế ở chỗ này. Cũng thế, này Mahàmati, nhờ vào cây đèn của từ ngữ và ngôn thuyết do phân biệt mà sinh ra, chư vị Bồ-tát Ma-ha-tát có thể nhập vào trạng thái cao vời của tự chứng, vượt khỏi sự phân biệt ngôn thuyết.

Lại nữa, này Mahàmati, nếu một người chấp vào cái [nguyên] nghĩa của các từ và chấp chặt vào những xác nhận của chúng về trạng thái nguyên gốc về Niết-bàn vốn bất sinh, bất tử, về tam thừa, nhất thừa, [năm] pháp, tâm thức, [ba] tự tính v.v..., người ấy sẽ tôn quý những kiến giải hoặc khẳng định hoặc phủ định. Vì các đối tượng được nhìn thấy trong Như huyễn và bị phân biệt [là thực], nên những phát triển được tạo nên một cách sai lầm và những phân biệt vẫn tiếp tục một cách sai lầm [156]. Do bởi người ngu mà phân biệt

thuvienhuequang.vn

cứ tiếp tục như thế; chứ với người trí thì không như thế[1], cho nên bảo:

34.[2] Những ai theo các từ mà phân biệt và xác quyết nhiều ý niệm khác nhau thì sẽ bị đọa địa ngục do bởi những xác quyết của họ.

35. Cái ngã - linh hồn không cùng với các uẩn, các uẩn cũng không ở trong ngã - linh hồn, những thứ này không phải như chúng được phân biệt, cũng không phải khác thế.

36. Thực tính của các đối tượng được xem là do người ngu phân biệt; nếu nó là giống như nó được trông thấy thì tất cả đều đang thấy chân lý.

37. Vì tất cả các sự vật là không thực nên không có cấu uế, cũng không có thanh tịnh; các sự vật không giống như chúng được trông thấy, chúng cũng không phải khác thế.

LXVI

Lại nữa, này Mahàmati, Ta sẽ nói cho ông

---

(1) Ở đây ít nhiều dựa theo ban Đường. Abhinive'sam Pratitya (tr. 155, dòng 15) bị bo sót, và tad yathà mahàmate anyathà hi màyàvaicitryam drashtavyam anyathà (tr. 155, dòng 17, trang 156, dòng 1) không có trong ban Đường, và vì nó lặp lại một phần những gì trước đó, chưa kể việc nó làm cho đoạn kinh tối nghĩa, nên ban dịch này bo qua.

(2) Theo các ban Trung Hoa.

thuvienhuequang.vn

nghe về các đặc trưng của Trí (cái biết tuyệt đối - Jnàna) và của Thức (cái biết tương đối - Vijnàna)[1], và khi ông cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác đã thành thạo về các đặc trưng của trí và của thức thì các ông sẽ mau chóng thể nghiệm sự chứng ngộ tối thượng. Có ba loại trí - Thế gian, Xuất thế gian, Siêu việt (Xuất thế gian thượng thượng trí). Này, cái biết thuộc thế gian là của các triết gia, của người ngu và kẻ sơ trí bị ràng buộc vào các kiến giải nhị biên về hữu và phi hữu. Cái biết xuất thế gian là của tất cả Thanh văn và Duyên giác bị ràng buộc vào các ý niệm về tính đặc thù và tính tổng quát (tự tướng và cộng tướng). Cái biết siêu việt thoát ngoài cái nhị biên về hữu và phi hữu là của chư Bồ-tát và sinh khởi khi chư Bồ-tát quán sát triệt để các sự vật vô tướng mà thấu suốt trạng thái bất sinh và bất diệt và chứng ngộ vô ngã ở cấp độ của Như Lai tính[2] (Như Lai địa).

[157] Thức thì phải bị sinh và diệt, và trí thì

---

(1) Việc dùng từ Vijnàna theo nghĩa này là hiếm thấy trong Lăng Già; trong khi đó, các từ jnàna, aryajnanà, prajnà và buddhi thường được dùng theo cùng nghĩa này.

(2) Đoạn kinh từ "Này, cái biết thuộc thế gian" đến Như Lai tính" được đặt vào đây theo bản Đường và bản Tống, trong khi ở bản Sanskrit, nó được đặt sau đoạn kế tiếp, tr. 157, II. 8-13.

thuvienhuequang.vn

không bị sinh và diệt. Lại nữa, này Mahàmati, Thức rơi vào trong [cái nhị biên của] sắc tướng và phi sắc tướng. Lại nữa, này Mahàmati, Thức được định tính bằng sự tích tập (chất chứa) và trí là phi tích tập. Trí có ba loại: cái trí xét định tính đặc thù và tổng quát, cái trí xét định sinh và diệt, và cái trí xét định bất sinh vạ bất diệt.

Lại nữa, này Mahàmati, trí thì không có sự ràng buộc; Thức được sinh ra do sự hòa hợp của ba tập hợp (tam hòa hợp)[1]; trí, trong tự tính của nó, không có liên hệ gì tới tập hợp hay hòa hợp. Lại nữa, này Mahàmati,[2] Trí được định tính bằng sự bất khả đắc; đấy là trạng thái thâm sâu của tự chứng bằng Thánh trí [158] và vì trí không vào cũng không ra nên nó như mặt trăng trong nước. Cho nên bảo:

38. Nghiệp do tâm chất chứa, và do trí phân biệt; người ta đạt trạng thái vô tưởng và các năng lực (thần thông) bằng trí bát-nhã (prajnà).

39. Tâm bị buộc vào một thế giới đối tượng, trí phát sinh bằng suy tưởng; tuệ (bát-nhã) phát sinh

---

(1) Theo ban Tống và ban Đường, đọc là Trisamgatyutpàda-yogalaksanam (dòng 15-16) và asamgatiyogasva (dòng 16).

(2) Ban Đường và ban Tống có thêm vào chỗ này: Thức được định tính bằng sự bất kha đắc.

thuvienhuequang.vn

trong trạng thái cao vời của phi tưởng và trong những điều kiện tối thắng.

40. Tâm, ý và thức không có các tưởng và các phân biệt[1]; chính hàng Thanh văn mới cố đạt thực tính bằng cách phân biệt chứ hàng Bồ-tát thì không như thế.

41. Trí của Như Lai thì thanh tịnh, [an trú] trong tịch lặng, trong tối thắng nhẫn [hay sự nhận biết chân lý]; nó sinh ra ý nghĩa cao vời và không có sự hướng mục đích (samudàcàra - varijtam).

42. Tuệ (Bát-nhã - Prajnà) của Ta có ba thứ; nhờ đó kẻ không có đầy năng lực, các đặc tướng được phân biệt và tất cả các sự vật được biểu hiện[2].

43. Tuệ của Ta không liên hệ dính dáng chi tới hai thừa, nó gạt bỏ cái thế giới hữu là thế giới của hàng Thanh văn chấp vào hữu mà sinh ra; tuệ của Như Lai không cấu nhiễm[3] vì nó hiện hữu trong sự phù hợp với Duy tâm.

---

(1) Câu này có hợp với mạch tư tưởng chung của bản kinh hay không ? Bản Đường và bản Tống ghi rằng: Tâm, ý và thức, khi không có tướng và phân biệt, sẽ đạt cái trạng thái vô phân biệt; đấy là thể cách của chư Bồ-tát chứ không phải của hàng Thanh văn.

(2) Theo bản Đường.

(3) Từ amalà chứ không phải matà.

thuvienhuequang.vn

LXVII

Lại nữa, này Mahàmati, có chín loại chuyển biến mà các triết gia vin vào để xác lập cái học thuyết chuyển biến. Đó là: 1. Chuyển biến về hình tướng; [159] 2. Chuyển biến về các tính đặc tướng; 3. Chuyển biến về nguyên nhân; 4. Chuyển biến về sự phù hợp; 5. Chuyển biến về kiến giải; 6. Chuyển biến về nguồn gốc; 7. Chuyển biến về bản chất; 8. Chuyển biến về những điều kiện rõ ràng; và 9. Chuyển biến về hành tác rõ ràng. Này Mahàmati, đây là chín kiến giải về chuyển biến mà tất cả các triết gia đều giảng phù hợp với giáo lý bí mật của họ, tất cả các kiến giải ấy đều được xây dựng trên cái nhị biên về hữu và phi hữu.

Này Mahàmati, sự chuyển biến về hình tướng nghĩa là sự thay đổi hình tướng bên ngoài như vàng mang lấy các hình dạng khác nhau khi được làm thành đủ loại trang sức. Thí dụ: vàng được làm thành một vòng đeo tay, một vòng cổ, một chữ vạn, hay thứ gì đấy; dù vàng tự nó vẫn là vàng nhưng nhiều thứ khác nhau [được làm bằng vàng] có những hình tướng khác nhau, tức là, những chuyển biến của chúng. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, có một sự chuyển biến chung của các sự vật mà các triết gia khác phân biệt nó, xem nó có là do từ một yếu tố nguyên nhân. Các triết gia

thuvienhuequang.vn

này không hợp lý, cũng không phải không hợp lý. Tất cả sự khác biệt trong sự chuyển biến phải được xem là do phân biệt, cũng giống như sữa đông lại thành sữa đông và trái cây chín thành rượu. Này Mahàmati, giống như sự đông và sự chín, mỗi chuyển biến là một chuyển biến sinh khởi từ sự phân biệt được các triết gia phân biệt, chứ thực ra không có cái gì được chuyển biến, vì những đối tượng bên ngoài, mà sự hữu và phi hữu của chúng được phân biệt, là những gì được thấy từ chính cái Tâm, và không có cái thực tính của chính chúng. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, những gì mà người ngu và kẻ sơ trí xem là sự phát sinh của các sự vật thì không gì khác hơn là sự phân biệt của chính cái Tâm họ, và [160] này Mahàmati, thực ra không có gì phát sinh, không có gì biến mất, vì giống như nhìn các sự vật phát sinh trong một ảo ảnh và một giấc mộng. Này Mahàmati, đấy cũng giống như nhận thấy sự sinh ra và sự biến mất của các sự vật trong một giấc mộng; giống như sự sinh ra và sự chết đi của đứa con của một người phụ nữ không thể sinh con cho nên nói:

44. Sự chuyển biến về hình tướng theo thời gian (thời), và sự bao gồm [một linh hồn] trong các thành tố (đại) và các giác quan (căn) ở trong sự hiện hữu của trung ấm (antaràbhava) - Những ai

thuvienhuequang.vn

tướng [một đứa trẻ sinh ra như thế] thì không phải là người khôn.

45. Chư Phật không phân biệt rằng thế giới phải chịu ảnh hưởng của chuỗi nhân quả; nhưng chư vị xem nhân quả đang điều động thế giới này là một cái gì giống như thành của Càn-thác-bà (Gandhava).

LXVIII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati thỉnh Thế Tôn giải thích về sự ràng buộc (chấp) vào sự hiện hữu của tất cả các sự vật và cách giải thoát: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết ! Bạch Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, xin Ngài nói cho con biết những đặc tính của sự việc chúng con bị ràng buộc chặt vào sự hiện hữu và về sự việc chúng con được tách rời điều ấy. Khi con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác hiểu rõ sự khác nhau giữa sự ràng buộc và sự tách rời thì chúng con sẽ biết được đâu là phương cách thiện xảo về hai thứ ấy và sẽ không còn bị ràng buộc vào các từ ngữ mà chúng con theo đó để chấp ý nghĩa. Khi chúng con hiểu rõ thế nào là chấp (ràng buộc) vào sự hiện hữu của các sự vật và sự tách rời các sự vật thì chúng con sẽ đoạt diệt sự phân biệt của chúng con về từ ngữ và về chữ; và bằng trí tuệ (buddhi) của

thuvienhuequang.vn

chúng con, chúng con sẽ vào trong tất cả các Phật độ và hội chúng; sẽ được in dấu rõ ràng bằng các năng lực, sự tự điều ngự, những khả năng tâm linh và các đà-la-ni (Dhàranì); và sẽ được trang bị bằng trí tuệ (Buddhi) trong mười nguyện vô tận và sáng ngời bằng những tia sáng khác nhau của Hóa thân, [161] hành tác tự tại như mặt trăng, mặt trời, châu ngọc, và các thành tố (đại); và giữ những kiến giải ở mọi cảnh giới (cấp độ) vượt khỏi mọi dấu hiệu của sự tự phân biệt; và, khi thấy rằng tất cả các sự vật giống như một giấc mộng, giống như một giả huyễn (Màyà) v.v..., chúng con [sẽ có thể] nhập vào cấp độ và nơi an trú thuộc Phật tính, và thuyết pháp trong thế giới của mọi chúng sinh và hợp với nhu cầu của họ và giải thoát họ khỏi cái ý niệm nhị biên về hữu và phi hữu trong sự quán sát tất cả các sự vật như một giấc mộng và giả huyễn, và cũng giải thoát cho họ khỏi sự phân biệt hư vọng về sinh và diệt; và cuối cùng chúng con [sẽ có thể] trú vào nơi có một sự đột biến ở chỗ thâm sâu nhất [của tâm thức chúng con] mà ngôn từ không thể [diễn tả].

Thế Tôn dạy: Hay lắm, này Mahàmati, hay lắm ! Này Mahàmati, hãy nghe Ta cho kỹ và hãy suy nghĩ cho kỹ trong chính ông; Ta nói cho ông nghe đây.

thuvienhuequang.vn

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Xin vâng, bạch Thế Tôn; rồi Bồ-tát lắng nghe Thế Tôn.

Thế Tôn dạy rằng: Này Mahàmati; sự chấp chặt sâu xa nhất của chúng ta vào sự hiện hữu của mọi sự vật, tức cái ý nghĩa mà chúng ta cố gắng hiểu theo các ngôn từ là vô lượng. Ví dụ, có những sự chấp chặt vào các hình tướng đặc thù, vào nhân duyên, vào ý niệm về hữu và phi hữu, vào sự phân biệt sinh và bất sinh, vào sự phân biệt diệt và bất diệt, vào sự phân biệt thừa và phi thừa, hữu vi (samskrita) và vô vi (asamskrita), của các địa (cảnh giới, cấp độ) và phi địa, và sự chấp chặt vào chính sự phân biệt, và vào sự phân biệt sinh khởi từ chứng ngộ, sự chấp vào sự phân biệt hữu và phi hữu, mà các triết gia quá lệ thuộc vào đó, và sự chấp vào tam thừa và nhất thừa vốn là những thứ bị phân biệt. Này Mahàmati, đấy là những sự chấp trước thâm sâu vào những phân biệt của mình mà người ngu và kẻ sơ trí ưa chuộng. Buộc chặt mình vào những chấp trước này, người ngu và kẻ sơ trí cứ tiếp tục phân biệt mãi giống như những con tằm không chỉ tự cuốn lấy chúng mà cuốn cả những con khác bằng sợi tơ phân biệt và chấp thủ của chúng và mê đắm cái sợi tơ của mình; người ngu và kẻ sơ trí bao giờ cũng bị ràng buộc vào những ý niệm về hữu và phi hữu như thế. Tất cả

thuvienhuequang.vn

các sự vật phải được xem là ở trong cô tịch, trong đó không phát khởi phân biệt. Này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải có chỗ trú của mình, nơi ấy vị ấy nhìn tất cả các sự vật từ quan điểm cô tịch.

Lại nữa, này Mahàmati, khi sự hiện hữu và phi hiện hữu của thế giới bên ngoài được hiểu là thấy chính cái Tâm trong những tướng trạng ấy, [vị Bồ-tát] có thể nhập vào cõi phi tướng, nơi đó có cái Duy tâm và [tại đó] thấy suốt vào sự cô tịch định tính, sự phân biệt về tất cả các sự vật là hữu và phi hữu và thấy suốt những ràng buộc thâm sâu do từ đó mà có. Như thế, trong tất cả các sự vật không có những dấu hiệu của sự ràng buộc thâm sâu hay của sự tách rời. Này Mahàmati, không có ai ở trong trói buộc, không có ai ở trong giải thoát, chỉ trừ những ai do cái trí điên đảo[1] mới nhận thấy có trói buộc và có giải thoát. Tại sao ? Vì trong tất cả các sự vật, không có hữu cũng không có phi hữu nào được nắm giữ cả.

Lại nữa, này Mahàmati, có ba sự ràng buộc nằm thâm sâu trong tâm của người ngu và kẻ sơ trí. Đấy là: tham, sân và si; và do đó có khát ái sinh ra hỉ và tham, được hỉ và tham đi kèm theo mà bị ràng buộc chặt vào đấy, theo đó mà có những sự sinh ra tương tục trong [năm] đường. Do đó mà có

---

(1) Đọc là buddhyà thay vì budhyà.

thuvienhuequang.vn

năm đường hiện hữu (ngũ thú) cho tất cả mọi chúng sinh bị ràng buộc chặt [vào tham, sân, si]. Khi người ta được tách rời khỏi sự ràng buộc này, [163] thì sẽ không có những dấu hiệu trỏ sự ràng buộc hay không ràng buộc.

Lại nữa, này Mahàmati, do tùy thuộc và ràng buộc vào ba tập hợp (ba hòa hợp) cùng nhau hành tác mà có sự tương tục của các thức không ngừng vận hành; và do bởi sự ràng buộc mà có sự xác nhận tiếp theo và sâu xa về hiện hữu. Khi ba hòa hợp gây nên sự vận hành của các thức không còn xảy ra nữa thì có ba giải thoát, và khi có được cái thấy như thế thì không có hòa hợp nào sinh khởi cả. Cho nên nói:

46. Tướng ra các sự vật không hiện hữu - đấy là đặc tính của sự ràng buộc (chấp trước) [nằm sâu trong tất cả các chúng sinh]; khi chân lý này được thông hiểu thì cái lưới ràng buộc bị gỡ bỏ.

47. Người ngu chấp chặt vào cái biết về hiện hữu theo các từ ngữ và bị trói buộc bằng những phân biệt của chính mình giống như con tằm vậy; đấy là do bởi sự vô minh của họ về sự chấp trước [nằm sâu trong tâm họ].

LXIX

Thế rồi Mahàmati bạch: Theo Thế Tôn dạy thì

thuvienhuequang.vn

không có tự tính trong tất cả các sự vật vốn được sự phân biệt theo nhiều cách, vì không có gì ngoài [sự tạo ra của] vọng tưởng (parikalpita). Bạch Thế Tôn, nếu chỉ có [sự tạo ra của] vọng tưởng và không có gì trong đời được hiểu là tự tính cả, thế thì bạch Thế Tôn, theo sự khẳng định của Ngài, há chẳng phải rằng không có cấu uế cũng không có thanh tịnh vì tất cả các sự vật đều là thuộc bản chất của vọng tưởng ư ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, đúng như ông nói. Tự tính của các sự vật là sự phân biệt của người ngu và kẻ sơ trí, thực ra không phải như họ phân biệt. [164] Này Mahàmati, đấy là do vọng tưởng tạo ra; không xác định được cái gì trở về tự tính cả. Nhưng này Mahàmati, có cái tự tính như người trí xác định bằng cái biết thông tuệ, bằng cái trí thông tuệ và bằng cái thấy thông tuệ của họ.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, nếu có cái tự tính của các sự vật như người trí xác định bằng cái biết thông tuệ, bằng cái trí thông tuệ và bằng cái thấy siêu việt của họ, tức cái thấy không phải cái thấy của người và của trời, và nếu không có cái tự tính như người ngu và kẻ sơ trí phân biệt thì bạch Thế Tôn, làm sao người ngu và kẻ sơ trí có thể từ bỏ những phân biệt của họ khi mà họ không có cách nào để biết được sự hiện diện của một

thuvienhuequang.vn

thực tính cao vời (Thánh tự tính sự - Àryabhàva-vastu) ? Bạch Thế Tôn, vì họ không điên đảo cũng không phi điên đảo, [tức là, họ vẫn như hiện trạng của họ]. Tại sao ? Vì họ không thể có một trí thấu suốt vào tự tính của thực tính cao vời, vì họ trông thấy diễn tiến của các sự vật trong khía cạnh hữu và phi hữu. Thực tính cao vời[1] cũng không thể giống như người trí phân biệt, vì cái khía cạnh thực của nó đúng như nó thì ở bên trong chính nó chứ không thể là một đối tượng [của sự phân biệt của bất cứ ai]; bạch Thế Tôn, vì cái gì xuất hiện trước người trí như là tự tính của thực tính thì không gì khác hơn là cái do tưởng tượng của họ tạo ra, được xác định bằng cái ý niệm về nhân duyên và phi nhân duyên; tức là họ cũng theo cái ý niệm về một hữu thể có tự tính theo cách của họ. [Và họ có thể bảo] rằng đây là một cảnh giới của riêng cho một số người chứ không phải [của kẻ ngu]. Đây là phạm lỗi về vô cùng (không có chỗ hết) vì những gì tạo thành cái tự tính của thực tính thì không thể biết được. Bạch Thế Tôn, cái gì do từ tưởng tượng mà ra thì không thể là cái tự tính của thực tính. Làm sao mà [165] trong khi các sự vật được

---

(1) Vastu và bhàva đều được dùng ở đây theo nghĩa là thực tính (sự).

thuvienhuequang.vn

gọi là do tưởng tượng[1] [hay phân biệt] mà hiện hữu, thì chúng lại bị xem là không giống như chúng được tưởng tượng ra ?

Bạch Thế Tôn, [quả thực rằng] theo như cách diễn tiến của tưởng tượng thì cái tự tính của thực tính đang được xét có thể thay đổi, vì một khi nguyên nhân không giống như nó thì cái ý niệm về thực tính được coi trọng ấy cũng có thể không giống thực tính. Nhưng bạch Thế Tôn, theo như Ngài dạy thì trong khi tưởng tượng vẫn kèm theo bên người trí cũng như bên người ngu thì chỉ có riêng người ngu không thấy cái thực tính đúng y như thực tính; thế nhưng Ngài dạy chúng con rằng cái lý do tại sao bảo rằng các sự vật không đúng như chúng được tưởng tượng bằng sự tưởng tượng, cái lý do ấy là để làm cho các chúng sinh gạt bỏ sự tưởng tượng của họ. Bạch Thế Tôn, thế thì có phải rằng để cho tất cả mọi chúng sinh thoát khỏi cái ý niệm hữu [tức là duy thực] và phi hữu [tức hư vô luận], Ngài làm cho họ ưa thích cái kiến giải duy thực về hiện hữu[2] bằng cách bảo họ nắm

---

(1) Suốt ban kinh này, từ parikalpa, vikalpa, patikalpa và prativikalpa được dùng thay thế lẫn nhau.

(2) Không phải abhinive'sànnàstitvadrishtih (dòng 8 - 9) như trong ban kinh, mà là abhinive'sàdastitva theo như ban Đường và ban Tống.

thuvienhuequang.vn

lấy cái ý niệm về tự tính của thực tính, nhờ đó họ được dẫn đến việc chấp lấy cái cảnh giới của Thánh trí ? Tại sao Ngài lại phủ nhận cái chân lý về cô tịch bằng cách thuyết dạy học thuyết về thực tính mà tự tính của nó [theo Ngài] là Thánh trí[1] ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, không phải là Ta phủ nhận cái chân lý về cô tịch, cũng không phải là Ta rơi vào một kiến giải duy thực bằng cách đề cao cái học thuyết cao thượng về thực tính tự hiện hữu. Nhưng để mọi chúng sinh vốn từ cái quá khứ vô thỉ đã mê đắm vào ý niệm tự ngã được thoát khỏi sợ hãi nên Ta nói với họ rằng có cái chân lý của cô tịch, sau khi đã làm cho họ thể nghiệm bằng Thánh trí rằng thực tính trong tự tính của nó được [người ngu] làm thành cái sở chấp. Nhưng này Mahàmati, những ai đã tự mình hiểu cái chân lý của cô tịch đúng như nó và đang trú vào nó thì sẽ thấy rằng [sự hiện hữu của] sai lầm không có hình tướng; và theo đó, do biết rằng những gì được thấy chỉ là chính cái Tâm, [166] họ được tránh xa khỏi sự thấy [nhị biên] một thế giới bên

---

(1) Toàn bộ đoạn này được gán cho là lời của Mahàmati là một trong những đoạn khó nhất trong Lăng Già, một phần là do những chỗ không nhất quán. Người dịch (Suzuki) chẳng vừa ý chút nào về đoạn dịch.

thuvienhuequang.vn

ngoài[1] dưới khía cạnh hữu và phi hữu; họ được ghi dấu rõ bằng dấu ấn Như như đạt được bằng ba giai thoát; họ sẽ có một trực giác thấu suốt cái tự tính của tất cả các sự vật nhờ cái trí tuệ đã thuần thục trong chính họ và do đó loại bỏ những ý niệm về thực tính dẫn chính họ đến duy thực và hư vô luận.

LXX

Lại nữa, này Mahàmati, luận đề "Tất cả các sự vật là bất sinh" là luận đề mà vị Bồ-tát Ma-ha-tát không nên giữ chắc lấy. Tại sao ? Theo luận đề này thì phải khẳng định rằng hễ cái gì được xác định thì mang bản chất của hữu và rằng lý cái lý do luận đề này được định tính bằng tính chất của sự sinh; trong khi vị Bồ-tát Ma-ha-tát xác định rằng tất cả các sự vật là bất sinh thì chính sự xác định ấy đã hủy hoại cái luận đề của vị ấy. Luận đề bảo rằng tất cả các sự vật là bất sinh chống lại với người chủ trương nó vì nó được sinh ra từ nguyên lý hỗ tương. Ngay cả khi luận đề về bất sinh này phải được giữ bên trong phạm vi của chính sự hiện hữu thì cái ý niệm về bất sinh cũng không thể đứng được trong đó, và sự khẳng định, luận đề

---

(1) Viviktadharma ... yathàtathya (dòng 2 - 3) là một sự lặp lại kỳ lạ các dòng trước nó, chúng tôi bo đi không đưa vào bản dịch...

thuvienhuequang.vn

rằng tất cả các sự vật là bất sinh bị hủy hoại vì nó tùy thuộc vào các chi phần của nhân minh luận. Còn cái luận đề chủ trương vô sinh[1] của hữu và phi hữu thì này Mahàmati, luận đề này, để được vững, phải ở trong các giới hạn của chính sự hiện hữu; nhưng không có khía cạnh hiện hữu nào có thể được xem là hữu hoặc là phi hữu. Này Mahàmati, nếu sự vô sinh của tất cả các sự vật phải được xác nhận bằng cái luận đề về vô sinh này, [167] thì chính sự nỗ lực xác nhận ấy lại đánh bại chính cái luận đề[2]. Do đó, không nên xác lập luận đề này vì có nhiều lỗi phát lộ trong sự liên hệ với các chi phần nhân minh luận này có những lý luận lẫn lộn nhau cho nên không nên xác lập luận đề này.

Vị Bồ-tát Ma-ha-tát chớ nên chủ trương [Cái luận đề] rằng tất cả các sự vật là bất sinh cũng như chớ nên chủ trương [cái luận đề] rằng tất cả các sự vật là trống rỗng và không có tự tính. Nhưng này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát phải vạch rõ ra rằng các sự vật trong tự tính của chúng

---

(1) Nguyên nghĩa là "không được sinh ra" (không có sự ra đời của nó).

(2) Ban dịch này bỏ qua "pratijnàyam... pratijnà bhavati" theo với ban Đường và ban Tống vì phần này không giúp gì thêm trong việc làm sáng tỏ ý nghĩa.

thuvienhuequang.vn

là giống giả huyễn, như một giấc mộng, vì một mặt chúng được nhận biết [là hiện hữu] và mặt khác chúng lại không được nhận biết [như thế] và tất cả các sự vật được nhìn thấy như thế theo [hai] cách, phù hợp với sự biết hoặc sự không biết. Phải vạch rõ ra rằng tất cả các sự vật đều giống giả huyễn (Maya - như huyễn) và một giấc mộng, ngoại trừ khi cái cảm giác sợ hãi trỗi lên trong tâm của người ngu. Này Mahàmati, người ngu và kẻ sơ trí mê đắm vào những kiến giải về hữu và phi hữu và có thể run sợ [khi nghe giáo lý của chúng ta]; này Mahàmati, đừng để cho họ sợ hãi và xa lánh Đại thừa. Cho nên nói:

48. Không có tự tính, không có sự thiết lập của tưởng (giả thiết), không có thực tính, không có thức A-lại-da; những thứ này quả thực là những phân biệt bởi người ngu là kẻ giống như thây ma, kém luận lý.

[168] 49. Tất cả các sự vật là bất sinh - [luận đề này] được các triết gia thiết lập; [nhưng] hễ không có gì sinh ra [không cần phải có sự thiết lập], các sự vật đều được nhân duyên nối kết.

50. Tất cả các sự vật là bất sinh - Cái biết siêu việt không tạo ra một phân biệt nào như thế; khi một kết luận nào đó được tạo nên mà phụ thuộc

thuvienhuequang.vn

vào một nguyên nhân thì trong nó không có sự phán đoán vững vàng nào.

51. Giống như một cái lưới tóc là cái do những người bị nhặm mắt nhận lầm ra, sự hiện hữu được phân biệt [là thực] là do sự phân biệt sai lầm của người ngu.

52. Ba cõi không gì khác hơn sự thiết lập của tướng (giả thiết - prajñapti), không có thực tính trong cái tự tính của ba cõi; do bởi cái thực tính thiết lập của tướng mà các nhà luận lý tiếp tục phân biệt.

53. Đặc tướng, thực tính, sự thiết lập của tướng - những thứ này [chỉ] là một sự động loạn của tâm thức; nếu vượt lên trên nó thì các nam tử của Ta sẽ bước đi ở chỗ không có phân biệt.

54. Như trong một ảo ảnh giữa không trung, cái ý tưởng về nước được ấp ủ ở chỗ không có nước, cho nên người trí nhìn các sự vật không giống như người ngu nhìn thấy.

55. Trí của người trí vận hành khắp trong cõi vô tướng thì thanh tịnh, được sinh ra do ba giải thoát, vượt khỏi sinh và diệt.

56. Chỗ nào mà tất cả các sự vật bị tống đuổi đi, thì chỗ ấy đối với các bậc Tu hành, cả đến một trạng thái vô tướng cũng ngưng hiện hữu; trong sự

thuvienhuequang.vn

bình đẳng của hữu và phi hữu, quả [của trí tuệ] được sinh ra cho người trí.

[169] 57. Hữu ngưng hiện hữu như thế nào ? Bình đẳng xảy ra như thế nào ? Khi tâm không hiểu được [chân lý] thì có sự động loạn bên trong, bên ngoài và ở giữa; khi có sự diệt [của động loạn] thì tâm thấy bình đẳng.

LXXI

Thế rồi Mahàmati bạch: Theo như Thế Tôn dạy thì cái biết [thực sự] đạt được thì độc lập với bất cứ đối tượng nào thiết lập nó, và bất cứ những gì người ta khẳng định về nó cũng chỉ là sự thiết lập của tưởng (giả thiết, thi thiết), và cũng theo Ngài thì vì không nên chấp vào sự thiết lập của tưởng mà cho rằng đấy là thực, nên cái hành động chấp của người chấp tự nó ngưng và khi không có sự chấp như thế thì cái biết gọi là phân biệt không còn phát sinh nữa. Bạch Thế Tôn, [tại sao không thể đạt được cái biết siêu việt ?]. Có phải rằng không thể đạt được cái biết siêu việt là vì chúng ta không nhận biết tính tổng quát và tính đặc thù, các đa tính và các đơn tính của các sự vật hay không ? Hay là không thể đạt được cái biết siêu việt vì [những ý niệm như] tính đặc thù, tính tổng

thuvienhuequang.vn

quát, đa tính và tự tính chế ngự lẫn nhau ? Hay là không thể đạt được cái biết siêu việt vì những trở ngại do một bức tường, một ngọn núi, một đống đất, một thành lũy gây nên, hay do đất, gió, nước hay lửa gây nên ? Hay do bởi xa hoặc gần ? Hay cái biết không đạt được đối tượng biết của nó do bởi [sự bất toàn của] các giác quan vì tuổi trẻ, vì tuổi già hay vì mù lòa ? Bạch Thế Tôn, nếu cái biết không đạt được là do chúng ta không nhận biết được tính đặc thù, tính tổng quát, đơn tính và đa tính, thì bạch Thế Tôn, cái biết ấy không phải là cái biết [siêu việt]; nó phải được gọi là vô minh (ajñàna), dù các đối tượng để biết là ở trước mắt chúng ta, chúng ta cũng không biết chúng. Lại nữa, nếu cái biết là không thể đạt được vì rằng [những ý niệm như] tính đặc thù, tính tổng quát, tính đa phức và tự tính chế ngự lẫn nhau, thì đấy là vô minh (ajñàna). [170] Bạch Thế Tôn, đấy không phải là cái biết [siêu việt]. Bạch Thế Tôn, ở đâu có cái để biết thì ở đấy cái biết phát sinh; ở đâu không có cái gì cả thì ở đấy không có cái gì phát sinh cả; cái biết [chỉ] có thể có ở nơi nào một sự quan hệ với cái được biết. Lại nữa, nếu cái biết không đạt được do trở ngại của một bức tường, một ngọn núi, đống đất, thành lũy hay do đất, nước, gió, lửa hoặc xa và gần, hay do sự bất toàn của các

thuvienhuequang.vn

giác quan như trong trường hợp một đứa bé, một người già, một người mù, sự không đạt được như thế thì không phải là cái biết [siêu việt]; đấy là vô minh vì cái đối tượng để biết vẫn có đó, nhưng cái khả năng biết thì lại không có.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, [cái biết gọi là bất khả đắc] như thế không phải là vô minh, đấy là cái biết [siêu việt]; này Mahàmati, đấy không phải là vô minh. Không phải vì ý nghĩa sâu xa mà Ta nói điều này, nhưng khi [chúng ta biết rằng] có cái biết đạt được độc lập với đối tượng xác lập nó thì dù chúng ta có những khẳng định nào về nó, những khẳng định ấy cũng chỉ là những thiết lập của tưởng (giả thiết) mà thôi. Cái biết [siêu việt] ấy không đạt được là do nhận ra rằng không có gì cho thế giới cả ngoài những thứ được thấy từ cái Tâm và rằng những đối tượng bên ngoài này, mà từ đó hữu và phi hữu được định tính, là phi hiện hữu (không có). Vì [cái biết] này không thể đạt được nên không có sự phát sinh của cái năng tri và cái sở tri, và khi thể chứng ba giải thoát như thế thì có cái biết không thể đạt được (bất khả đắc) [là cái biết siêu việt]. Nhưng các nhà lý luận do bị ảnh hưởng của cái tập khí vốn đã diễn ra liên tục từ thời vô thỉ trong lý luận về hữu và phi hữu nên họ không thể biết tất cả điều này được, và trong khi

thuvienhuequang.vn

không biết được điều này, họ bị mắc vào [những ý niệm như] các đối tượng bên ngoài, các bản chất, các hình tướng, các biểu thị, hiện hữu và phi hiện hữu, và tuy thế, họ lại tuyên bố rằng sự dứt bặt phân biệt [trạng thái của] Duy tâm. Vì họ chấp chặt vào cái ý tưởng về một ngã - linh hồn và tất cả những gì thuộc về cái ngã - linh hồn ấy, cho nên quả thực họ không thể hiểu được học thuyết Duy tâm là gì [171] và tiếp tục phân biệt năng tri và sở tri. Và do phân biệt năng tri và sở tri, họ nghĩ rằng các sự vật là hiện hữu và phi hiện hữu, và khi tuyên bố rằng [cái biết siêu việt] là không thể đạt được thì họ trú vào Hư vô luận. Cho nên bảo rằng:

58. Nếu cái biết [siêu việt] không nhìn thấy một thế giới đối tượng đang ở trước đó, thì đấy là vô minh chứ không phải cái biết; đấy là giáo thuyết của các nhà luận lý.

59. Nếu cái biết [siêu việt], dù có nhiều trở ngại xa hay gần, vẫn không nhìn thấy cái đối tượng độc nhất của nó vốn không tự hiển lộ [như một đối tượng], thì đấy gọi là cái biết sai lầm.

60. Nếu cái biết [siêu việt]; do bởi các giác quan yếu kém như trường hợp nhỏ tuổi, lớn tuổi, mù lòa mà không biết các đối tượng của chính nó vốn hiển lộ ra, thì đấy gọi là cái biết sai lầm.

* * *

thuvienhuequang.vn

LXXII

Lại nữa, này Mahàmati, người ngu và kẻ sơ trí cứ múa may nhảy nhót mê đắm với những lý luận sai lầm, những hư vọng và những tự phân biệt của họ, và không thể hiểu chân lý của tự chứng, và những thuyết giảng (kinh điển) về chân lý ấy bằng ngôn từ; vì chấp vào cái thế giới bên ngoài vốn được thấy từ chính cái Tâm, nên họ chấp vào sự học kinh điển vốn là một phương tiện và không hiểu đúng cách nào để xác nhận cái chân lý của tự chứng vốn là cái chân lý không bị bốn mệnh đề (tứ cú) làm hư hao.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, đúng như Ngài dạy. Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con nghe về những đặc trưng của chân lý của tự chứng và về những kinh điển (những thuyết giảng) về chân lý ấy, nhờ đó con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác trong tương lai, khi hiểu được những thứ ấy, có thể xa rời được những nhà luận lý sai lầm như các triết gia và những kẻ thuộc các thừa Thanh văn và Duyên giác.

[172] Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, thế thì hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Đúng thế, bạch Thế Tôn; Mahàmati bạch như thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn bảo với Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, có hai hình thức giảng dạy cái chân lý mà chư Như Lai, A-la-hán, các bậc Toàn Chứng đạt được trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Đấy là sự giảng dạy bằng thuyết giáo (kinh điển), và sự giảng dạy bằng thiết lập sự tự chứng. Này Mahàmati, sự học tập các giáo thuyết là thế này: có nhiều môn, nhiều kinh điển, nhiều thuyết giảng nói đến các chúng sinh hữu tình theo thể cách và khuynh hướng của họ. Thế nào là cái chân lý của tự chứng mà nhờ đó các bậc Tu hành tách rời được sự phân biệt những gì được thấy từ chính cái Tâm ? Có một trạng thái cao vời của sự tự chứng đạt tự nội không rơi vào cái nhị biên của đồng và dị, của cả đồng và dị và không đồng và dị (tứ cú), vượt khỏi Tâm, Ý và Ý thức; không dính dáng gì đến luận lý, suy luận, thuyết lý và dẫn giải; đấy là điều mà bất cứ các nhà luận lý yếu kém. các triết gia, Thanh văn, Duyên giác là những kẻ bị rơi vào các kiến giải nhị biên về hữu và phi hữu không bao giờ cảm nghiệm được. Điều ấy ta gọi là sự tự chứng. Này Mahàmati, điều này định tính cái chân lý của tự chứng và thuyết giảng về chân lý ấy, ông và chư Bồ-tát Maha-tát phải học tập chân lý ấy. Cho nên bảo:

61. Ta có hai hình thức giảng dạy chân lý: tự chứng và thuyết giảng. Ta thuyết giảng cho kẻ ngu và [khai mở] sự tự chứng cho các bậc Tu hành.

thuvienhuequang.vn

LXXIII

(173) Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Có lần Thế Tôn, đấng Như Lai, vị A-la-hán, bậc Toàn Chứng đã dạy rằng vị Lokàyatika (Lộ-ca-da-đà) [xảo diệu trong] nhiều hình thức về bùa chú và trong nghệ thuật hùng biện, lại không được tôn trọng, không được sùng ái và không được phục vụ một cách kính cẩn; vì những thứ mà người ta đạt được từ những sùng mộ như thế là những hỷ lạc trần tục chứ không phải pháp [hay chân lý]. Bạch Thế Tôn, vì lý do nào mà, bằng cách hiến mình cho Lokàyatika, người xảo diệu về nhiều thứ bùa chú và về nghệ thuật hùng biện thì chỉ đạt được những hỷ lạc trần tục chứ không đạt được pháp [hay chân lý] ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, Lokàyatika xảo diệu trong những bùa chú và trong nghệ thuật hùng biện đặt những cái tâm của kẻ ngu vào trong sự rối loạn hoàn toàn bằng những suy luận khác nhau, bằng [mánh khóe khéo léo của] từ và các nhóm từ và những gì ông ta giảng dạy không phù hợp chút nào với sự thực cũng không hợp nhất với ý nghĩa. Này Mahàmati, vì lý do ấy nên người ta bảo vị Lokàyatika thiện xảo trong nhiều bùa chú và trong nghệ thuật hùng biện. Ông ta thu hút người ngu bằng cách khéo léo sử dụng nhiều ngôn

thuvienhuequang.vn

từ khác nhau, [nhưng] ông ta không bao giờ dẫn họ đến con đường chân lý và giáo lý đúng đắn. Vì ông ta không hiểu tất cả các pháp nghĩa là gì nên ông ta đặt tâm trí của người ngu vào sự lẫn lộn hoàn toàn bằng những kiến giải nhị nguyên của ông ta, do đó mà ông tự hủy hoại mình. Vì không thoát khỏi sự chuyển từ đường này sang đường nọ, không hiểu rằng không có gì ngoài những cái được nhìn thấy từ chính cái Tâm và tự ràng buộc vào cái ý niệm về tự ngã trong các sự vật bên ngoài nên vị Lokàyatika không biết cách thoát khỏi sự phân biệt. Này Mahàmati, vì lý do ấy nên vị Lokàyatika khéo léo trong nhiều bùa chú khác nhau [174] và trong nghệ thuật hùng biện, không bao giờ thoát khỏi những tai ách[1] như sinh, già, bệnh, sầu, khổ, đau, thất vọng; nên ông ta đưa người ngu đến hoang mang bằng những từ, những nhóm từ, lý lẽ, thí dụ và những kết luận.

Này Mahàmati, Đế Thích (Indra) đã là một Lokàyatika [Lô-ca-da-đà] lỗi lạc mà kiến thức của ông khiến ông trở thành bậc thầy về bất cứ những khảo luận nào và chính ông là tác giả của một khảo luận về âm thanh. Ông ta có một môn đệ mang hình của một con rắn, lên trời và vào nơi của

---

(1) Được đọc là apàyàsa thay vì upàyàsa.

thuvienhuequang.vn

thần Đế Thích, anh ta đưa ra một luận đề và thách đố thần: Hoặc chiếc xe có ngàn nan hoa của Ngài bị đập vỡ hoặc tất cả loài rắn chúng tôi bị chặt đứt hết. Trong cuộc tranh luận, người đệ tử Lokàyatika có hình rắn ấy đã đánh bại [vị thần đối thủ], do đó, cái xe có ngàn nan hoa bị đập vỡ. Thế rồi người môn đệ ấy trở lại cõi này. Này Mahàmati, cũng theo cách như thế, [vị Lokàyatika] có một hệ thống gồm nhiều lý luận và dẫn dụ và biết rõ đến cả những cái tâm của thế giới loài vật đặt các Thiên thần và các A-tu-la hiếu chiến vào trong sự lẫn lộn hoàn toàn bằng nhiều từ, nhóm từ khác nhau; ông ta làm cho họ dính chặt vào cái ý niệm về đến và đi (ayavyaya); còn biết bao nhiêu là người nữa ! Vì thế, này Mahàmati, phải lánh xa vị Lokàyatika, vì ông ta mang sẵn cái nguyên nhân khiến khổ đau sinh khởi. Chớ kính trọng, tôn sùng, phục vụ ông ta. Này Mahàmati, sự chứng đắc của vị Lokàyatika không vượt quá cảnh giới của thân thể và cái biết về cảnh giới ấy dù ông ta có thể giải thích cái thuyết Thế luận của ông bằng cách sử dụng nhiều từ ngữ và câu kéo khác nhau [175] gồm đến một trăm ngàn cách. Nhưng rồi về sau, năm trăm năm sau, sẽ có những sự phân chia [giữa những người theo ông ta] đưa họ đến những lý luận và chứng minh lầm lạc; những phân tán sẽ rất nhiều do vì các lầm lạc ấy khiến không thể giữ

thuvienhuequang.vn

vững các môn đệ được. Như thế, này Mahàmati, Thế luận bị chia rẽ thành nhiều phần và mắc vào những suy luận khác nhau, được giải thích bởi các triết gia, mỗi người trong họ nắm vào cách lý luận vì họ biết rằng không có chân lý nào tự nó hiện hữu (*). Trong khi đây tuyệt nhiên không phải là trường hợp của những triết gia có những khảo luận và học thuyết của riêng mình, thuyết Thế luận được xác nhận dưới những ngụy trang khác nhau; trong những ngụy trang ấy [cũng] không có chân lý nào tự nó hiện hữu (*), và do bởi sự ngu ngốc của họ (1) không nhận ra rằng những luận thuyết của họ là Thế luận.

Mahàmati bạch: Nếu tất cả các triết gia thuyết giảng thuyết Thế luận bằng nhiều từ ngữ, câu cú, thí dụ và kết luận không đúng sự thật, nhưng lại là những xác định ích kỷ của riêng họ được giữ chặt, thì há chẳng phải Thế Tôn cũng thuyết giảng thuyết Thế luận bằng nhiều từ và nhóm từ khác nhau cho các hội chúng trời, quỷ và người từ các nơi tụ về, mà theo con hiểu thì thuyết Thế luận không phải là chân lý của tự chứng nhưng là cái gì đó giống như các thuyết giảng của tất cả triết gia ?

(*) Tức là sai, không đúng thực, không phù hợp với chân lý (người dịch ra tiếng Việt).

(1) Được đọc là Mohàt thay vì Mohohàt.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: Ta không thuyết giảng thuyết Thế luận, cũng không giảng cái đến và đi (ayavyaya). Nhưng này Mahàmati, ta thuyết giảng cái không phải đến và đi. Này Mahàmati, đến nghĩa là sinh tạo và tích tụ, nó được sinh ra do sự chất chứa. Này Mahàmati, đi nghĩa là sự diệt. Cái gì không phải là đến và đi thì gọi là bất sinh. [176] Này Mahàmati, ta không thuyết giảng điều gì đưa đến sự phân biệt của các triết gia, vì sao như vậy ? Vì không có những đối tượng bên ngoài, không có gì để bị ràng buộc vào, khi người ta trụ vào Duy tâm mà Duy tâm không có thế giới bên ngoài, nhị biên đoạn diệt; vì không có cảnh giới của hình sắc này được đặt căn bản trên phân biệt cho nên người ta biết được rằng không có gì ngoài những thứ được thấy từ chính cái Tâm; và vì những lý do ấy nên sự phân biệt những gì được thấy từ chính cái Tâm không xảy ra. Do đoạn diệt phân biệt, người ta nhập vào ba giải thoát trong đó là trạng thái của vô hình tướng, trống rỗng, vô tác. Đấy gọi là giải thoát.

Này Mahàmati, Ta nhớ rằng khi Ta đang ở tại một nơi nào đó, một Bà-la-môn Lokàyatika đến gần Ta và sau khi đến gần, thỉnh lình hỏi Ta rằng: Thưa Cồ-đàm, có phải tất cả đều được tạo ra ?

Ta bảo với ông ta rằng: Này Bà-la-môn, nếu tất

thuvienhuequang.vn

cả đều được tạo ra thì đây là trường phái đầu tiên của Thế luận.

Thưa Cồ-đàm, có phải tất cả đều không được tạo ra ?

Này Bà-la-môn, nếu tất cả đều không được tạo ra thì đây là trường phái thứ hai của Thế luận. Cứ [khẳng định rằng] tất cả là phi thường hằng, hay tất cả là thường hằng, hay tất cả là sinh, hay tất cả là bất sinh thì này Bà-la-môn, đây là trường phái thứ sáu của Thế luận.

Lại nữa, này Mahàmati, Bà-la-môn Lokàyatika hỏi Ta rằng: Thưa Cồ-đàm, có phải tất cả là một ? Có phải tất cả là khác ? Có phải tất cả là vừa là một, vừa là khác ? Có phải tất cả không phải vừa là một, vừa là khác ? Có phải tất cả phải được xem là do nhân duyên vì tất cả được nhìn thấy là được sinh ra từ nhiều nguyên nhân khác nhau ?

Này Bà-la-môn, đây là trường phái thứ mười của Thế luận.

Lại nữa, thưa Cồ-đàm, có phải tất cả đều có thể giải thích được ? Có phải tất cả đều không thể giải thích được ? Có phải có một ngã linh hồn không ? Có phải không có một ngã linh hồn không ? Có phải thế giới này là thực không ? [177] Có phải thế giới này là không thực không ?

thuvienhuequang.vn

Thế giới khác là hiện hữu hay phi hiện hữu ? [1]. Có giải thoát chăng ? Không có giải thoát chăng ? Có phải tất cả là tạm thời ? Có phải tất cả không tạm thời ? Thưa Cồ-đàm, có phải hư không, phi trạch diệt (Apratisamkhya - nirodha)[2] và Niết-bàn được tạo ra hay không được tạo ra ? Có cõi trung giới chăng ? Không có cõi trung giới chăng ?

Này Mahàmati, Ta bèn trả lời ông ta rằng: Này Bà-la-môn, đấy là Thế luận. Đấy không phải là luận thuyết của Ta. Này Bà-la-môn, đấy là cái triết lý thế tục của ông. Này Bà-la-môn, Ta giảng giải rằng ba cõi có cái nguyên nhân của nó trong tập khí phân biệt tiếp diễn từ thời vô thỉ do lầm lạc và lý luận sai lầm vì phân biệt xảy ra. Này Bà-la-môn, bởi vì không nhận biết rằng không có cái thế giới bên ngoài ngoài chính cái Tâm, chứ không phải bởi vì một thế giới bên ngoài được thấy là đối tượng của nhận thức. Theo các triết gia thì có ba hòa hợp của ngã linh hồn, các giác quan và một thế giới đối tượng chứ Ta thì không bảo như thế. Này Bà-la-môn, Ta không thuộc vào trường phái nhân duyên, cũng không thuộc trường phái phi nhân duyên, Ta chỉ giảng về cái chuỗi nhân quả chừng nào cái thế giới tướng cấu của sở chấp và năng chấp còn dựa

---

(1) Các bản dịch Trung Hoa bỏ sót câu hỏi này.

(2) "Có hư vô mà không có suy tính trước", một trong ba vô vi (asamskrita).

thuvienhuequang.vn

vào phân biệt mà hiện hữu. Ông và những người khác ưa chuộng cái khái niệm về một ngã linh hồn và tính tương tục của nó thì không hiểu được điều ấy. Này Mahàmati, hư không, Niết-bàn và nhân quả hiện hữu theo ý nghĩa về số đếm chứ ba vô vi ấy không phải là những thực tại. Do đó mà không cần phải trả lời cho câu hỏi rằng chúng có được tạo ra hay không.

Lại nữa, này Mahàmati, Bà-la-môn Lokàyatika nói rằng: Có phải ba cõi phải được xem là do vô minh, ái và nghiệp gây ra hay không ? Hay ba cõi là phi nhân duyên ?

Này Bà-la-môn, hai câu hỏi này lại thuộc về Thế luận.

Thưa Cồ-đàm, có phải tất cả các sự vật phải được hiểu [178] dưới khía cạnh đặc thù và tổng quát chăng ?

Này Bà-la-môn, điều ấy cũng thuộc vào Thế luận. Chừng nào còn có một sự rối loạn tâm thức thì còn có Thế luận.

Lại nữa, này Mahàmati, vị Bà-la-môn Thế luận này nói với Ta rằng: Thưa Cồ-đàm, có cái triết lý nào không thuộc cuộc đời này không ? Tất cả sự thật mà tất cả các triết gia nói bằng nhiều từ và nhóm từ khác nhau, bằng các lý luận, thí dụ và kết luận, thưa Cồ-đàm, theo như người ta công nhận, là của tôi.

thuvienhuequang.vn

Này Bà-la-môn, có cái gì đó không phải là của ông, dù nó không vượt khỏi cái chân lý được người ta chấp nhận, cũng không độc lập với nhiều từ và nhóm từ khác nhau, và hơn nữa, nó không ở bên ngoài sự phù hợp với lý luận.

[Vị Bà-la-môn hỏi:] Có triết lý nào không thuộc cuộc đời này mà lại thuộc ý kiến chung của cuộc đời này không ?

Này Bà-la-môn, có cái triết lý không thuộc Thế luận và là triết lý mà trí tuệ ông và trí tuệ của các triết gia chấp vào những phân biệt lầm lạc và những suy luận sai trái vì không thể thấy được cái không thực của các đối tượng bên ngoài nên không đạt tới được. Đấy nghĩa là sự ngưng bặt phân biệt. Khi người ta nhận biết rằng không có gì ngoài những thứ được thấy từ chính cái Tâm thì sự phân biệt về hữu và phi hữu dứt đoạn. Khi không có cái thế giới bên ngoài như là đối tượng của nhận thức thì sự phân biệt trú trong chỗ trú của chính nó [1].

---

(1) Một ý nghĩa rõ ràng hơn của bản Nanjo có thể đã dựa theo bản Đường và bản Ngụy, theo đó, Vikalpah, (1, 16) bị bỏ và Suasthane 'vatishthate tạo thành một câu riêng biệt như sau: "Sự phân biệt dứt và người ta trú trong sự tự trú." Sự tự trú này có nghĩa là sự tự trú của thực tính, được lấy từ những nhóm từ như "Yathàbhùtarthasthànadar'sanam (tr. 200, 1.6)

thuvienhuequang.vn

Đấy không phải là của Thế luận; đấy là của Ta, không phải là của ông.

Trú trong chỗ trú riêng biệt của nó, nghĩa là nó ngưng phát sinh; khi phân biệt không còn sinh ra thì nó được gọi là ngưng phát sinh. Này Bà-la-môn, đây không phải là của Thế luận. Tóm lại, này Bà-la-môn, nếu có sự đến và đi nào của các Thức, [179] và một sự biến mất và xuất hiện, một sự xúi giục, một sự ràng buộc, một sự thương yêu mãnh liệt, một kiến giải triết học, một lý thuyết, một chỗ trú, một xúc chạm; chấp vào nhiều hình tướng, một hội chúng, một sự tương tục [1], ái (trishna), và sự chấp vào một nguyên nhân, thì này Bà-la-môn, đây là cái Thế luận của ông chứ không phải của Ta.

Này Mahàmati, người Bà-la-môn Thế luận đã đến hỏi Ta như thế, và khi được tiễn đi, ông ta im lặng mà ra đi.

Yathàbhùtavasthànadar'sanam (tr. 112, 1.6).
Yathabhùtasvalaksanàvasthànàvasthitam (tr. 124, 1.1).
Vikalpasyàpràvritteh svastho, loko nishkriyah (tr. 119, 1.3)
v.v... Sự tự trú của thực tính là ở nơi mà thực tính được thấy đúng như thực tính, hay như sự bình đẳng của hiện hữu, hay như một cái gì đơn độc (viviktadharma), nghĩa là tuyệt đối.

(1) Samtatish thay vì sattvànàm, theo bản Đường và bản Tống.

thuvienhuequang.vn

Bấy giờ có Long Vương tên Krishnapakshaka, mang hình hài một Bà-la-môn đến và hỏi Thế Tôn: Thưa Cồ-đàm, có phải không có một thế giới khác chăng ?

Này người thanh niên, anh từ đâu đến ?

Thưa Cồ-đàm, tôi từ Đảo Trắng đến.

Này Bà-la-môn, đấy là thế giới khác.

Người thanh niên bị bác bỏ và bị khiến phải im lặng như thế, liền biến mất mà không hỏi Ta bất cứ điều gì về giáo lý của chính Ta là cái giáo lý đối lập với giáo lý của anh ta; [1] anh ta tự suy nghĩ rằng: vị nam tử của dòng họ Thích-ca ('Sakyas) đứng ngoài hệ thống của ta; ông ta là một người bạn đáng thương, ông thuộc cái trường phái chủ trương sự đoạn diệt của các hình tướng và các nguyên nhân, ông ta nói đến sự dứt đoạn phân biệt là điều gì sẽ xảy ra khi nhận biết một thế giới bên ngoài là cái gì đó được nhìn thấy bằng sự phân biệt riêng của người ta. Và này Mahàmati, ông cũng hỏi Ta tại sao mà đối với một người phục vụ vị Lokàya-tika khéo léo trong nhiều bùa chú và trong nghệ thuật hùng biện lại có những hỷ lạc thế tục và không có sự đạt pháp.

---

(1) Trong các bản chữ Hán không thấy có nói tới đối thoại này, giữa Krishnapaleshaka và Đức Phật.

thuvienhuequang.vn

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, các từ "những đối tượng thuộc hỷ lạc thế tục" và "Pháp" nghĩa là gì ?

[180] Thế Tôn dạy: Hay lắm ! Này Mahàmati, hay lắm ! Ông đã nghĩ một cách sâu xa về hai ý nghĩa này khi nhìn những thế hệ hiện tại và tương lai. Thế thì này Mahàmati, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói như thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn bảo Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, một mục đích thế tục về hỷ lạc nghĩa là gì ? Nghĩa là cái đối tượng mà người ta có thể sờ, thu hút, xóa bỏ, nắm lấy hay nếm; tức là cái mục đích làm cho người ta ràng buộc vào một thế giới bên ngoài, vào trong một nhị biên do vì vọng kiến, và xuất hiện trở lại trong các uẩn và cái sức ái có tính chất sinh tạo, từ đó sinh ra tất cả các loại tai họa như sinh, già, bệnh, chết, sầu khổ, bi ai, đớn đau, thất vọng, v.v... Ta và chư Phật khác gọi đấy là mục đích của hỷ lạc thế tục. Này Mahàmati, đấy là đạt những hỷ lạc thế tục chứ không phải đạt chân lý. Đấy là cái Thế luận mà người ta học được do phụng sự cho vị Lokàyatika.

Này Mahàmati, sự đạt Pháp (chân lý) nghĩa là

thuvienhuequang.vn

gì ? Khi cái chân lý của tự tâm và hai vô ngã được hiểu, khi bản chất vô ngã của các sự vật và của người được thông suốt thì phân biệt ngưng tác động; khi người ta hoàn toàn nhận thức được lần lượt các cấp độ chứng đạt của Bồ-tát (các Bồ-tát địa) thì Tâm, Ý và Ý thức bị tống đi; và khi người ta vào con đường quán đảnh bởi trí tuệ của hết thảy chư Phật và giữ chắc [mười] nguyện vô tận [1] thì người ta trở thành [181] vị thầy tối cao của tất cả các sự vật bằng đức hạnh của một cuộc đời vô tác. Đấy gọi là Pháp (Dharma) vì người ta nhờ đó mà thoát khỏi tất cả những kiến giải triết học, những suy luận điên đảo, những phân biệt, và những khái niệm nhị biên. Này Mahàmati, hiển nhiên những kiến giải triết học dẫn dắt người ngu, chứ không phải người trí, đến cái nhị biên, tức là đoạn diệt luận và vĩnh cửu luận. Vĩnh cửu luận (thường hằng luận) sinh khởi do chủ trương một học thuyết phi nhân duyên, trong khi đoạn diệt luận sinh khởi do tin vào một sự đoạn diệt các điều kiện nhân quả (duyên) và tin vào một sự phi hữu của một nguyên nhân (tin rằng không có nguyên nhân). Tuy nhiên, pháp được gọi là do Ta giảng cũng [chịu ảnh hưởng của] sinh, trụ và diệt. Này

---

(1) Được đọc là anishthapada, thay vì anadishthapada.

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, đấy là kết luận về sự hỷ lạc thế tục và về pháp. Cho nên nói:

62. Các chúng sinh được thuyết phục bằng sự thu nhiếp (samgraha) [1] và được đưa vào trong sự điều phục bằng các giới hạnh ('sila); họ được tách ly khỏi các kiến giải triết học bằng cái biết siêu việt (tuệ giác - prajna) và được nuôi dưỡng, bằng các giải thoát. [2].

63. Tất cả những gì do các triết gia giảng mà không nhằm vào mục đích nào đều là Thế luận; ở đâu chủ trương cái kiến giải duy thực về nhân quả thì ở đấy không có sự tự chứng.

64. Ta dạy cho hội chúng Tỳ-kheo của Ta một sự tự chứng không dính dáng gì tới nhân quả, thoát ngoài Thế luận.

65. Không có gì khác ngoài những cái được thấy từ chính cái Tâm, nhị biên tính cũng là do Tâm, trong khi sự hiện hữu [3] [được xem là chia ra thành] sở nhiếp và năng nhiếp, không dính dáng gì tới vĩnh cửu luận hay đoạn diệt luận (thường hằng luận hay hư vô luận).

---

(1) Có bốn cách thu nhiếp ke khác, catvàri samgrahavastùni (tứ nhiếp pháp): từ thiện (bố thí), tinh thần hiền thiện (ái ngữ), hành động độ lượng (lợi hành) và bình đẳng (đồng sự).

(2) Không có trong ban Tống.

(3) Trong ban Tống là Abhavena (?).

thuvienhuequang.vn

[182] 66. Hễ tâm thức còn tiếp diễn thì còn có Thế luận; khi không có sự sinh khởi nào của phân biệt thì thế giới nhìn thấy là thế giới của chính cái Tâm.

67. "Đến" (àyam) nghĩa là sự bắt nguồn của thế giới đối tượng như là kết quả; và "đi" (vyayam) là sự không nhìn thấy [1] kết quả; khi người ta thông hiểu cái "đến và đi", thì sự phân biệt dứt đoạn.

68. Thường hằng và phi thường hằng, cái sở tạo và cái phi sở tạo, thế giới này và thế giới kia, tất cả những [ý niệm] này hay [những ý niệm] khác đều là của Thế luận.

LXXIV

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Niết-bàn, Niết-bàn được Thế Tôn nói đến; cái từ này nghĩa là gì ? Niết-bàn mà tất cả các triết gia phân biệt là Niết-bàn nào ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn bảo với Bồ-tát rằng: Những loại Niết-

---

(1) Theo các bản Hán dịch.

thuvienhuequang.vn

bàn mà các triết gia phân biệt thực sự chẳng hề có. Một số triết gia cho rằng Niết-bàn phải được tìm thấy ở nơi nào mà một hệ thống tâm thức không còn vận hành, điều ấy là do sự dứt đoạn các uẩn, các giới và các xứ, hay do không để ý gì tới thế giới đối tượng, hay do nhận ra rằng tất cả các sự vật là vô thường; [183] hoặc Niết-bàn phải được tìm thấy ở nơi nào không có suy tưởng về quá khứ và hiện tại, giống như khi một ngọn đèn bị tắt, hay như khi một hạt mầm bị đốt cháy, hay như khi một ngọn lửa đã mất đi, vì bấy giờ có sự dứt đoạn của tất cả cái làm nền tảng, đấy là điều mà các triết gia giải thích là sự bất sinh khởi của phân biệt. Nhưng này Mahàmati, Niết-bàn không phải là đoạn diệt suông mà thôi.

Lại nữa, một số triết gia giảng rằng giải thoát là đi đến một nơi và một trú xứ khác, như khi một ngọn gió ngưng thổi, khi sự phân biệt các đối tượng dứt đoạn. Lại nữa, một số triết gia giảng rằng giải thoát là vứt bỏ cái kiến giải [nhị biên] về năng tri và sở tri. Một số triết gia lại cho rằng giải thoát là ngưng phân biệt chỗ nào mà người ta thấy thường và vô thường.

Lại nữa, một số triết gia giải thích rằng phân biệt các hình tướng khác nhau như là người mang khổ đau, và vì họ chưa hiểu rằng không có gì khác

thuvienhuequang.vn

ngoài cái được thấy từ chính cái Tâm nên họ dè chừng cái ý niệm về sắc tướng và tìm hạnh phúc của mình trong sự vô sắc tướng [1]. Họ chủ trương cái ý niệm về Niết-bàn như thế đấy.

Lại nữa, một số triết gia quan niệm Niết-bàn như thế này: Xét về tính tổng quát và tính đặc thù được nhận biết trong tất cả các sự vật bên trong và bên ngoài thì chúng không bao giờ bị đoạn diệt, vẫn duy trì sự hiện hữu của chúng trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Lại nữa, một số triết gia cho rằng Niết-bàn là một ngã linh hồn, một hữu thể, một sinh lực, một người nuôi dưỡng, một thần tối cao và là sự bất diệt của tất cả mọi sự vật.

Lại nữa, này Mahàmati, một số triết gia do ngu dại mà tuyên bố Niết-bàn là thế này: Có một bản chất tiên sơ, có một linh hồn tối cao và hai thứ ấy được xem là khác nhau, chúng tạo thành tất cả các sự vật từ những chuyển biến của các tính chất.

Một số triết gia quan niệm Niết-bàn chính là sự dập tắt thiện hạnh và ác hạnh; một số cho rằng Niết-bàn chính là sự đoạn tận các khổ đau bằng trí tuệ; [184] một số cho rằng Niết-bàn là sự xem Tự Tại Thiên (I'svara) là vị sáng tạo thế giới một cách tự tại. Một số triết gia nghĩ rằng thế giới được sinh

---

(1) Theo các bản Hán dịch, từ Ninutto (dòng 10) phải được bỏ đi.

thuvienhuequang.vn

ra do tương tác và rằng không có nguyên nhân [đặc biệt] nào khác hơn cái nguyên nhân này, và khi chấp vào nó, họ không giác ngộ được do sự ngu dốt của họ và họ cho rằng Niết-bàn chính là sự phi giác ngộ này.

Lại nữa, này Mahàmati, một số triết gia quan niệm Niết-bàn phải là sự đạt được con đường chân thực. Một số ưa chuộng cái ý tưởng cho rằng Niết-bàn là nơi có sự đồng nhất của các tính chất với cái tính chất riêng họ, từ đó có đồng và dị. Một số tưởng rằng Niết-bàn ở nơi mà họ thấy cái tự tính của các sự vật hiện hữu hoàn toàn do bản chất riêng của nó, như là những cái lông có đốm của con công, những viên ngọc có nhiều hình dạng, sự nhọn của một cái gai [*].

Này Mahàmati, một số triết gia cho rằng Niết-bàn là sự nhận biết hai mươi lăm sự thật (Tattvas); một số cho rằng Niết-bàn là sự tuân giữ của ông vua về sáu đức hạnh được nêu ra trong giáo lý; một số triết gia thấy rằng thời gian là một kẻ sáng tạo và sự sinh khởi của thế giới tùy thuộc vào thời gian nên cho rằng Niết-bàn chính là sự nhận ra sự kiện này. Lại nữa, này Mahàmati, một số triết gia

---

(*) *Là những thứ có bản chất riêng của nó, tự nhiên như thế chứ không phải do thế này, thế nọ (người dịch ra tiếng Việt).*

thuvienhuequang.vn

cho rằng hữu là Niết-bàn, một số cho rằng phi hữu là Niết-bàn, trong khi một số cho rằng tất cả các sự vật và Niết-bàn không nên được phân biệt là khác nhau.

Tất cả những kiến giải này về Niết-bàn được các triết gia xúc tiến theo nhiều cách bằng những suy luận của họ, không phù hợp với luận lý, không được người trí chấp nhận. Này Mahàmati, tất cả các triết gia ấy đều quan niệm Niết-bàn theo cách nhị biên và trong một nối kết nhân quả. Này Mahàmati, tất cả các triết gia suy tưởng về Niết-bàn bằng những sự phân biệt ấy, chứ không có gì sinh khởi, không có gì biến mất ở đây cả [và không có chỗ nào để phân biệt cả]. Này Mahàmati, mỗi triết gia tin vào kinh điển riêng của mình, từ đó họ vẽ nên sự hiểu biết và thông minh của họ, khán xét [chủ đề] và sai phạm với [sự thật], vì [sự thật] không phải như họ tưởng; [lập luận của họ] chấm dứt khi khiến cái Tâm đi lang thang khắp nơi và trở nên lộn xộn, vì không tìm thấy Niết-bàn ở đâu cả.

Lại nữa, này Mahàmati, có những người khác rống lên cái biết tất cả của họ như một con sư tử rống, giải thích Niết-bàn theo cách sau đây: đấy là, Niết-bàn là nơi mà người ta nhận biết rằng không có gì cả ngoài cái được thấy từ chính cái Tâm; nơi mà không có sự ràng buộc (chấp) vào các đối tượng

thuvienhuequang.vn

bên ngoài, hiện hữu hay phi hiện hữu; nơi mà vì loại trừ bốn mệnh đề (tứ cú) nên có một trí tuệ thông suốt chỗ trú của thực tính đúng như thực tính; nơi mà vì nhận biết bản chất của Tự tâm, [185] nên người ta không tôn trọng cái nhị biên của phân biệt; nơi mà không còn có cái sở nhiếp và năng nhiếp; nơi mà tất cả những đo lường luận lý không bị chấp vì hiểu rằng chúng không bao giờ tự xác lập; nơi mà người ta không bị dính chặt vào cái ý niệm về sự thực mà chỉ xem nó một cách thờ ơ. Vì nó gây nên một sự điên đảo; nơi mà, do đạt được Pháp tối cao nằm trong chỗ thâm sâu cùng tột của sự hiện hữu của người ta, nên hai hình thức vô ngã được nhận biết, hai hình thức phiền não bị loại trừ và hai thứ chướng ngại được tẩy sạch; nơi mà các địa Bồ-tát được lần lượt trải qua cho đến khi địa Như Lai được đạt tới, trong đó tất cả các Tam-ma-địa khởi đầu bằng Tam-ma-địa Như huyễn (Màyo-pama) đều được chứng đắc, và Tâm, Ý, Ý thức bị loại bỏ [1]: [đây mới thực sự được gọi là tìm thấy Niết-bàn].

69. Niết-bàn được các triết gia quan niệm theo nhiều cách; [186] nhưng Niết-bàn của họ chỉ là sự

---

(1) Toàn bộ đoạn này phai ơ vào chỗ cua nó trong ban dịch này, thì trong ban Sanskrit và ca trong ban Tống, nó lại được đặt trước đoạn cuối. Xin bo từ Kalpayanti (tr. 185, 1.6).

thuvienhuequang.vn

tưởng tượng, đấy không phải là con đường giải thoát.

70. Được cởi bỏ khỏi cái bị ràng buộc và cái ràng buộc, thoát khỏi mọi phương tiện thuận lợi, các triết gia tưởng rằng họ được giải thoát nhưng không nên tìm thấy giải thoát ở đấy.

71. Các hệ thống của các triết gia được chia thành nhiều trường phái; như thế không có giải thoát trong các trường phái ấy do vì sự tưởng tượng của họ vẫn tiếp diễn một cách ngu ngốc.

72. Bị thâm nhiễm một cách sai lầm bằng những ý niệm về nhân và quả, tất cả các triết gia đều bị lầm lạc, và do đó, không có sự giải thoát cho họ, tức là cho những người thuộc trường phái nhị biên về hữu và phi hữu.

73. Người ngu mê thích sự thuyết giảng và lý luận hư vọng [nhưng] họ không thể nêu lên được sự thông tuệ nào về chân lý (Tattva), thuyết giảng là một nguồn gốc của khổ đau trong ba cõi, trong khi chân lý là người dập tắt khổ đau.

74. Giống như một hình ảnh trong một tấm gương, nó không thực, cái Tâm được người ngu nhìn thấy trong một hình thức nhị biên trong tấm gương tập khí.

75. Khi người ta không thông hiểu rằng không có gì ngoài cái được thấy từ chính cái Tâm thì

thuvienhuequang.vn

những phân biệt nhị nguyên xảy ra; khi người ta thông hiểu rằng không có gì ngoài cái được nhìn thấy từ chính cái Tâm thì sự phân biệt dứt đoạn.

76. Tâm chỉ là sự đa phức, [và tuy thế nó] không có cái được định tính và cái định tính; các hình tướng có thể được nhìn thấy nhưng không phải được nhìn thấy như người ngu phân biệt.

77. Ba cõi không gì khác hơn là sự phân biệt, không có những đối tượng bên ngoài; sự phân biệt nhìn thấy sự đa phức, người ngu không hiểu điều ấy.

[187] 78. [Chân lý] được bảo là bị phân biệt [khác đi] trong các kinh khác nhau do bởi các tên gọi và các ý niệm; [nhưng] ngoài các từ ngữ thì không có ý nghĩa nào có thể đạt được cả.

LXXV

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, đấng Như Lai, vị A-la-hán, bậc Toàn Giác, xin hãy nói cho con biết về tự tính của Phật tính, nhờ đó con cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác khi hiểu rõ tự tính [1] của Như Lai thì chúng con và cả những người khác có thể được giác ngộ [trong sự thật].

---

(1) Tathagata - svabhàvaku'sala, thay vì svaku'sala.

thuvienhuequang.vn

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, thế thì hãy hỏi Ta như ý ông muốn, theo đó Ta sẽ trả lời.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, Như Lai, vị A-la-hán, bậc Toàn Giác cần phải được xem là không được tạo thành hay được tạo thành, là một kết quả hay một nguyên nhân, được nêu tỏ hay nêu tỏ, sự biểu hiện hay sự được biểu hiện, cái biết hay cái được biết ? Thế Tôn khác với tất cả các biểu từ này hay không khác ?

Thế Tôn dạy: Nếu Như Lai, vị A-la-hán, bậc Toàn Giác phải được miêu tả bằng các biểu từ ấy thì Ngài không phải được tạo thành cũng không phải không được tạo thành, không phải là một nguyên nhân cũng không phải là một kết quả. Tại sao ? Vì như thế là phạm vào sai lầm nhị biên. Này Mahàmati, nếu Như Lai là được tạo thành thì Như Lai là vô thường; nếu Như Lai là vô thường thì bất cứ thứ gì được tạo thành cũng là một Như Lai, đấy là điều mà chính ta đây và chư Như Lai khác không muốn. Nếu Như Lai là không được tạo thành thì khi cái tự thể của Như Lai một khi là sự chứng đạt thì tất cả mọi chuẩn bị tinh tấn [cho sự thể chứng Như Lai tính] sẽ là vô ích, [188] giống như sừng thỏ hay đứa con của một người đàn bà không sinh đẻ được, vì những thứ này chưa bao giờ được tạo thành. Này Mahàmati, cái gì không phải

thuvienhuequang.vn

là một kết quả cũng không phải là một nguyên nhân thì không phải là một hữu cũng không phải là một phi hữu; và cái gì không phải là một hữu cũng không phải là một phi hữu thì ở ngoài tứ cú (bốn mệnh đề). Này Mahàmati, tứ cú là thuộc về sự sử dụng của thế tục. Cái gì ở ngoài tứ cú thì chỉ là một từ ngữ, giống như đứa con của một người đàn bà không sinh đẻ được. Này Mahàmati, đứa con của một người đàn bà không sinh đẻ được chỉ là một từ ngữ suông và ở ngoài tứ cú. Vì nó ở ngoài tứ cú nên người trí biết rằng nó không chịu lệ thuộc vào sự đo lường. Người trí cần phải hiểu ý nghĩa của mọi từ ngữ trỏ về Như Lai theo như thế.

Ta bảo rằng tất cả các sự vật đều vô ngã: Này Mahàmati, điều này có nghĩa là các sự vật không có tự tính; do đó mà vô ngã. Ta bảo rằng tất cả các sự vật mỗi thứ đều có cái đặc tính riêng của nó, đặc tính của sự vật này không thuộc về đặc tính của sự vật khác, như trong trường hợp của một con bò và một con ngựa. Này Mahàmati, thí dụ là một con bò thì không thuộc bản chất của một con ngựa, là một con ngựa thì không thuộc bản chất bò. Điều này minh họa trường hợp về không phải hữu cũng không phải phi hữu. Mỗi thứ không phải là không có đặc tính riêng của nó, mỗi thứ là đúng y như nó do bởi cái bản chất riêng của nó. Này

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, đằng này cũng vậy, các sự vật mỗi thứ không phải là không có đặc tính riêng của nó, các sự vật là đúng như các sự vật, và người ngu và kẻ sơ trí không hiểu được ý nghĩa của vô ngã do bởi sự phân biệt của họ; quả thực, họ không thoát khỏi sự phân biệt. Cần phải hiểu một cách đúng đắn như thế về tất cả các sự vật là trống rỗng, không được sinh ra và không có tự tính.

Cũng theo cách như vậy, Như Lai và các uẩn không phải không khác cũng không phải khác. Nếu Như Lai là không khác với các uẩn thi Như Lai là vô thường [189] vì các uẩn là những gì được tạo thành. Nếu Như Lai và các uẩn là khác nhau thì cả hai bên là hai thực thể riêng biệt nhau; thì trường hợp này giống như hai cái sừng của một con bò. Vì hai sừng giống nhau, nên chúng không khác nhau; vì một sừng thì ngắn và một sừng thì dài nên chúng khác nhau. Tất cả các sự vật [cũng có thể được bàn như vậy]. Này Mahàmati, cái sừng phía bên phải của một con bò khác với cái sừng phía bên trái của nó; sừng trái cũng khác với sừng phải như thế; cái này thì dài hơn hoặc ngắn hơn cái kia. Ta cũng có thể nói như thế về các màu sắc. Như thế, Như Lai và các uẩn không phải khác cũng không khác nhau.

Cũng theo như vậy, Như Lai là không khác

thuvienhuequang.vn

cũng không phải không khác với giải thoát, Như Lai có thể được diễn tả bằng những từ ngữ của giải thoát. Nếu Như Lai là khác với giải thoát thì Như Lai mang bản chất của một sự vật vật chất; nếu Như Lai mang bản chất của một sự vật vật chất thì Như Lai là vô thường. Nếu Như Lai là không khác thì sẽ không có sự khác biệt nào trong các chứng đắc của các bậc Tu hành. Và này Mahàmati, trong các bậc Tu hành có một sự khác biệt; do đó [Như Lai] không phải là khác cũng không phải là không khác [với giải thoát].

Đằng này cũng vậy, cái biết không phải là khác cũng không phải là không khác với cái được biết. Này Mahàmati, cái gì không phải là thường hằng cũng không phải là không thường hằng, không phải là kết quả cũng không phải là nguyên nhân, không phải là tạo kết quả cũng không phải là không tạo kết quả, không phải là cái biết cũng không phải là cái được biết, không phải được nêu trỏ cũng không phải là cái nêu trỏ, không phải là các uẩn cũng không khác với các uẩn, không phải là cái được biểu thị cũng không phải là sự biểu thị, không phải bị ràng buộc với một và khác, với vừa một vừa khác và không vừa một vừa khác. Đấy là những gì thoát khỏi mọi đo lường; cái gì thoát khỏi mọi đo lường thì không thể biểu thị bằng các từ

thuvienhuequang.vn

ngữ;[1] cái gì không thể biểu thị[2] là cái không được sinh ra; cái gì không được sinh ra thì không bị đoạn diệt; cái gì không bị đoạn diệt [190] thì giống như hư không, và, này Mahàmati, hư không không phải là một kết quả cũng không phải là một nguyên nhân. Cái gì không phải là một kết quả cũng không phải là một nguyên nhân là cái gì không bị phụ thuộc điều kiện (bị duyên). Cái gì không bị phụ thuộc vào điều kiện thì vượt ra khỏi mọi lý luận suông. Cái gì vượt ra khỏi mọi lý luận suông thì đấy là Như Lai. Này Mahàmati, đây là bản chất của sự toàn trí, đây là tự tính của Phật tính, vượt ra khỏi tất cả mọi ý nghĩa và mọi đo lường. Cho nên bảo rằng:

79. Cái gì thoát khỏi các ý nghĩa và đo lường thì không phải là một nguyên nhân cũng không phải là một kết quả; nó chẳng dính dáng gì tới cái biết và cái được biết. Nó thoát khỏi cái được nêu trỏ và cái nêu trỏ.

80. Có những cái mà không ai thấy ở đâu cả như các uẩn, nhân quả, chứng ngộ; cái mà không ai thấy ở đâu cả thì chúng ta làm sao mà miêu tả nó được ?

81. Đấy không phải là cái gì được tạo thành

---

(1) (2): Theo bản Tống.

thuvienhuequang.vn

cũng không phải không được tạo thành, đấy không phải là một kết quả hay một nguyên nhân, đấy không phải là các uẩn cũng không là không phải các uẩn, không phải là khác hòa hợp.

82. Có cái mà sự phân biệt về cái hữu của nó không nhìn thấy nó được; nó cũng không được gọi (được biết) là phi hữu, đấy là cái tự tính của tất cả các sự vật.

83. Được theo sau bởi cái hữu, có cái phi hữu; được theo sau bởi cái phi hữu, có cái hữu; vì phi hữu không được biết [bởi chính nó] nên hữu không được phân biệt.

84. Những ai chấp vào các từ ngữ suông mà không biết một ngã - linh hồn và vô ngã nghĩa là gì thì bị đắm chìm vào nhị biên. Họ bị hư hoại và dẫn người ngu đến hư hoại.

[191] 85. Khi họ thấy giáo pháp của Ta thoát ngoài mọi sự gây hại thì họ nhìn một cách đúng đắn, họ không làm dơ bẩn những người lãnh đạo cuộc đời.

LXXVI

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết, bạch đấng Thiện Thệ, xin Ngài nói cho con

thuvienhuequang.vn

biết. Trong các kinh điển có ghi sự không bị sinh không bị diệt của Thế Tôn và Thế Tôn tuyên bố rằng sự không bị sinh không bị diệt này là một thuộc từ của đấng Như Lai. Bạch Thế Tôn, sự không bị sinh không bị diệt này có phải là một phi thực thể không ? Và nó có phải là một danh hiệu khác của đức Như Lai như Thế Tôn tuyên bố không ? Thế Tôn dạy rằng tất cả các sự vật đều không bị sinh cũng không bị diệt vì chúng không bị nhìn thấy ở khía cạnh nhị biên về hữu và phi hữu. Bạch Thế Tôn, nếu tất cả các sự vật là bất sinh thì không ai có thể nắm bắt vào cái gì cả vì không có cái gì được sinh ra cả; và nếu đấy là một cái tên khác của một cái gì đó thì bạch Thế Tôn cái gì đó này là gì ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn bảo với Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, Như Lai không phải là một phi thực thể; cũng không được quan niệm rằng Như Lai như tất cả các sự vật, không được quan niệm rằng Như Lai là bất sinh bất diệt; không phải Như Lai phải nhìn quanh mà chờ nhân duyên [để xuất hiện trước hơn

thuvienhuequang.vn

những người khác]; không phải Như Lai không có ý nghĩa; Ta muốn bảo Như Lai là bất sinh.

[192] Tuy vậy, này Mahàmati, vẫn có một cái tên khác cho Như Lai là Pháp thân của Ý thân. Đây là điều vượt khỏi sự lĩnh hội của hàng triết gia, Thanh văn, Duyên giác và của chư Bồ-tát còn trú trong địa thứ bảy. Này Mahàmati, bất sinh là đồng nghĩa với Như Lai.

Này Mahàmati, ví dụ Indra (Đế Thích) [đôi khi được gọi là] 'Sakra [đôi khi ? là] Puradara; bàn tay là hasta, kara, pani; thân thể là tanu, duha, 'saùra; đất là prithivì, bhùmi, vasumdhara; bầu trời là kha, àkà'sa, gagana; tất cả các thứ ấy mỗi thứ đều được trỏ bằng nhiều tên gọi được sử dụng và được hiểu đồng nghĩa với nhau; không nên tưởng tượng ra các sự vật khác nhau bởi vì chúng có những tên gọi khác nhau như thế; đồng thời các sự vật cũng không phải là không có tự tính. Này Mahàmati, nói về Ta thì cũng như thế, vì Ta đến trong tầm nghe của những người ngu trong cái thế giới khổ đau này bằng nhiều tên gọi khác nhau. Có tới một trăm ngàn lần ba a-tăng-kỳ tên gọi, và người ta gọi Ta bằng những cái tên ấy mà không biết rằng tất cả những cái tên ấy đều là tên của Như Lai. Này Mahàmati, trong những cái tên ấy, một số người

thuvienhuequang.vn

nhận biết Ta là Như Lai, một số người nhận Ta là đấng Tự Tại, một số người gọi ta là vị Lãnh đạo, là Vinayaka (Thắng Đạo giả) là Parinàyaka (Dẫn đạo giả), là Phật, là Rishi (Thấu thị), là Mẫu Vương (Bull-king), là Phạm Thiên (Brahma), là Vishu (Tỳ-nữu) là I'svara (Tự Tại Thiên), là Bổn Nguyên (Thắng giả - Pratthàna), là Kapila (Ca-tỳ-la), là Bhùtàna (Chân Thực), là Arishta (Vô Tận giả), là Nemina (A-lợi-trạch-ni-di), là Soma (Nguyệt), là Mặt trời, là Ràma (Đại Hùng giả), là Vyàsa (Tỳ-da-bà), là 'Suka (Đế Thích), là Indra (Đế Thích), là Balin (Đại Lực giả), là Varuna (Thủy Thần); trong khi những người khác lại nhận ra Ta là đấng Bất sinh bất diệt, là Không, là Như thị, là Chân lý, là Chân thực, là Thực giới, [193] là Pháp giới (Dharmadhàtu), là Niết-bàn, là Thường hằng, là Bình đẳng, là Bất nhị, là Bất tử, là Vô tướng, Nhân quả tính, là Học thuyết Phật nhân, là giải thoát, là chân lý của đạo, là bậc Chánh Biến Tri, là bậc Chiến Thắng, là Ý thân. Này Mahàmati, Ta có trọng vẹn một trăm ngàn lần ba a-tăng-kỳ cách gọi, không hơn không kém như thế, trong cõi này và trong các cõi khác Ta được mọi người biết như mặt trăng trong nước, không phải ở bên trong nước, cũng không phải bên ngoài nước. Thế nhưng

thuvienhuequang.vn

những người ngu bị rơi vào trong khái niệm nhị biên về tính tương tục[1] nên không biết được điều ấy. Dù họ trọng vọng, ca ngợi, tôn quý và kính ngưỡng Ta, họ cũng không hiểu đúng ý nghĩa của các từ ngữ và các định nghĩa, họ không phân biệt được các ý niệm, họ không có chân lý riêng của họ, và, do chấp vào các từ ngữ của kinh điển, nên tưởng rằng không bị sinh và diệt nghĩa là một phi thực thể, và họ không thấy được rằng đấy là một trong nhiều tên gọi của Như Lai như trong trường hợp Indra, 'Sakra, Purandara. Họ không tin vào các kinh điển mà trong đó cái chân lý tự xác lập được phô bày, do đó trong khi nghiên cứu tất cả các sự vật, họ chỉ theo các từ ngữ suông được diễn tả trong kinh mà từ đó cố gắng đặt ý nghĩa.

Do đó, này Mahàmati, những người ngu này sẽ tuyên bố rằng từ ngữ thế nào thì ý nghĩa thế ấy, rằng ý nghĩa không khác gì hơn từ ngữ. Vì sao ? Vì ý nghĩa không có cái thân riêng của nó và không thể khác với các từ ngữ. Sự việc người thiếu trí thông minh tuyên bố rằng các từ ngữ thì đồng nhất với ý nghĩa là do sự ngu dốt của họ cũng như do cái tự tính của các từ ngữ. Này Mahàmati, họ không biết rằng các từ ngữ [194] thì phải bị sinh

---

1) *Không có trong bản Đường và bản Tống.*

thuvienhuequang.vn

và diệt chứ ý nghĩa thì không bị như thế. Này Mahàmati, các từ ngữ thì tùy thuộc vào các chữ, chứ ý nghĩa thì không thế. Vì ý nghĩa thì thoát khỏi hữu và phi hữu nên nó là bất sinh, nó không có cái chất liệu nền tảng. Và này Mahàmati, chư Như Lai không dạy cái học thuyết nào tùy thuộc vào các chữ. Về các chữ thì sự hữu và phi hữu của nó là không thể hiểu được; chứ về ý tưởng thì lại không như thế, ý tưởng không bao giờ lệ thuộc vào các chữ. Lại nữa, này Mahàmati, hễ ai thuyết giảng về một sự thật không lệ thuộc vào các chữ thì người ấy chỉ là kẻ nói tầm xàm vì sự thật thì vượt ra ngoài các chữ. Vì thế, này Mahàmati. Ta đây và chư Phật và chư Bồ-tát tuyên bố trong kinh điển này rằng chư Như Lai không phát ra hay tuyên bố một chữ nào cả. Tại sao như thế ? Vì những sự thật không bị lệ thuộc vào các chữ. Không phải rằng chư Như Lai không bao giờ tuyên bố và trả lời điều gì phù hợp với ý nghĩa; khi chư vị tuyên bố một điều gì, đấy là theo sự phân biệt [của tất cả mọi chúng sinh]. Này Mahàmati, nếu chân lý không được tuyên bố[1] [bằng ngôn từ] thì kinh điển chứa đựng tất cả các chân lý sẽ biết mất;

---

1. *Theo các bản Hán Ụpàdàyànupàdàyàt trong sự nối kết này không sáng sủa lắm.*

thuvienhuequang.vn

và khi kinh điển biến mất thì sẽ không còn chư Phật, Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát và khi không có ai [thuyết dạy] thì điều gì được nói và nói cho ai ? Vì thế, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát chớ bị ràng buộc vào các từ ngữ trong các kinh điển. Này Mahàmati, do sự vận hành của tâm thức của các chúng sinh hữu tình mà các kinh điển đôi khi vượt ra khỏi cái dòng thẳng tiến; những thuyết giảng đạo lý của chính Ta và của chư Như Lai, A-la-hán, Toàn Chứng khác đáp ứng theo những lòng tin khác nhau của phía các chúng sinh, nhằm tách ly các chúng sinh ra khỏi [sự trói buộc của] Tâm, Ý và Ý thức chứ không phải để nhằm chứng đạt và thiết lập sự tự chứng là thứ phát sinh từ Thánh trí. Khi người ta nhận biết rằng tất cả các sự vật đều được định tính bằng vô tướng và rằng không có gì trong thế giới ngoài những thứ được nhìn thấy từ chính cái Tâm thì bấy giờ có sự loại bỏ cái phân biệt nhị biên.

Do đó, này Mahàmati, vị Bồ-tát Ma-ha-tát cần phải phù hợp với ý nghĩa [195] chứ không phải với chữ. Này Mahàmati, một nam tử hay một nữ nhân của một gia đình tốt cứ thích nghi với chữ thì sẽ làm hư hại sự hiểu biết của mình về cái thực tính tối hậu[1] và sẽ khiến cho những kẻ khác không

---

(1) Đọc là Paramàrtha theo ban Tống và ban Ngụy.

thuvienhuequang.vn

biết được [sự thực]. Do tiếp tục tôn quý những kiến giải hư vọng, sự xác lập riêng của người ta bị các triết gia làm cho lẫn lộn, các triết gia này là những kẻ không hiểu rõ thế nào là các cấp độ của Pháp và không có cái biết đầy đủ về việc diễn đạt các từ ngữ. Nếu họ thông hiểu thế nào về các cấp độ của Pháp và có được đầy đủ những sự diễn đạt từ và ngữ và hiểu đúng đắn về ý nghĩa và lý do của tất cả các sự vật thì họ sẽ hướng một cách đúng đắn sự an lạc của vô tướng trong khi những kẻ khác hoàn toàn được an lập trong Đại thừa (Mahàyàna). Này Mahàmati, khi được an lập trong Đại thừa, họ sẽ hoàn toàn được nằm trong vòng tay của chư Phật, Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát. Được an định trong chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác và Thanh văn, họ sẽ [lần lượt] an định tất cả các chúng sinh. An định tất cả các chúng sinh, họ sẽ an định Thiện pháp. Thiện pháp được an định thì Phật chủng sẽ không bị tiêu diệt. Khi các Phật chủng không bị tiêu diệt thì các trú xứ cao thượng sẽ được đạt. Khi các trú xứ cao thượng được đạt thì này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ thấy rằng [tất cả mọi chúng sinh] được an lập trong Đại thừa, được sinh ra ở đấy [trong các trú xứ cao thượng ấy], và khi tự kiên định bằng mười lực siêu phàm và mang lấy nhiều hình tướng khác nhau, họ

thuvienhuequang.vn

sẽ thuyết giảng về pháp phù hợp với chân tính (tathàva) của pháp và thuyết giảng bằng một sự hiểu biết thông suốt về những ước nguyện và những đặc tính của các chúng sinh. Một khi chân tính của các sự vật (tathàva) được định tính bởi sự vô phân biệt và sự thực thì chân lý ấy không đến cũng không đi, nó chận đứng mọi lý luận vu vơ và nó được gọi là sự thật (tattvam).

Do đó, này Mahàmati, một nam tử và một nữ nhân của một gia đình tốt phải thật cẩn thận đừng để bị ràng buộc vào các từ ngữ mà xem từ ngữ như là hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa, vì sự thật thì không thuộc vào chữ. Đừng như kẻ nhìn vào đầu ngón tay. Này Mahàmati, ví dụ, khi một người dùng đầu ngón tay trỏ cho ai một vật gì đó thì đầu ngón tay có thể bị nhận lầm là cái vật được trỏ; này Mahàmati, đằng này cũng vậy, những người thuộc hạng ngu và sơ trí giống như đám trẻ con, cho đến khi chết cũng không bỏ được cái ý niệm cho rằng đầu ngón tay của từ ngữ có sẵn cái ý nghĩa, và họ sẽ không nắm được chân lý tối hậu vì sự chấp chặt của họ vào từ ngữ vốn là những thứ chẳng khác gì đầu ngón tay trỏ vào chúng. Này Mahàmati, đây là một minh họa khác: cháo là thức ăn riêng cho các em bé, [giả như] có người cho chúng ăn đồ ăn chưa nấu. Trong trường hợp này,

thuvienhuequang.vn

người ấy phải được xem là mất trí vì người ấy không biết làm sao để chuẩn bị thức ăn cho đúng. Này Mahàmati, cái gì bất sinh bất diệt cũng như vậy; nó không tự phô bày cho ai cả, nếu như người ấy không khéo tu tập về nó. Do đó, ông phải tu tập thật chắc chắn về điều này và đừng như kẻ chấp vào đầu ngón tay của riêng mình mà thấy ra cái ý nghĩa ở đấy. Vì vậy, này Mahàmati, [197] ông phải tinh tấn tu tập để đạt tới chính cái ý nghĩa.

Này Mahàmati, ý nghĩa thì tự nó (vivikta) biệt lập và là nguyên nhân của Niết-bàn. Các từ ngữ thì bị ràng buộc với phân biệt và là thứ mang luân hồi. Này Mahàmati, ý nghĩa đạt được là do học nhiều, và này Mahàmati, sự học nhiều này liên hệ với ý nghĩa có nghĩa là [xác lập] cái kiến giải không dính chi đến bất cứ trường phái triết học nào và sẽ không những chỉ giữ cho ông mà còn cho những người khác khỏi bị rơi vào [những kiến giải hư vọng]. Này Mahàmati, như thế mới được gọi là được học nhiều về ý nghĩa. Do đó, những ai cầu tìm ý nghĩa hãy kính cẩn đến gần những kẻ [học nhiều về ý nghĩa], còn những kẻ bị ràng buộc vào các từ ngữ, cho từ ngữ là phù hợp với ý nghĩa thì những ai cần tìm chân lý phải rời bỏ lánh xa những kẻ ấy.

* * *

thuvienhuequang.vn

LXXVII

Bấy giờ Bồ-tát Mahàmati được gia lực bởi các thần lực của Đức Phật lại bạch rằng: Không có gì đặc biệt khác biệt trong giáo pháp của Đức Phật về sự bất sinh và bất diệt cả. Tại sao ? Bạch Thế Tôn, vì tất cả các triết gia cũng tuyên bố rằng những cái nguyên nhân của họ là bất sinh và bất diệt, và bạch Thế Tôn, Ngài cũng thế, Ngài tuyên bố rằng hư không, phi trạch diệt (Apratisamkhyaniroda), và Niết-bàn là bất sinh và bất diệt; bạch Thế Tôn, các triết gia tuyên bố rằng thế giới sinh khởi từ nhân duyên, trong khi Thế Tôn cũng tuyên bố rằng thế giới khởi sinh từ vô minh, ái, nghiệp, phân biệt vận hành phù hợp với luật nhân quả. Cả hai bên đều nói đến nhân duyên, vậy chỉ khác nhau cái tên gọi mà thôi.

Còn về sự sinh khởi của các đối tượng bên ngoài, cả Ngài và họ đều bảo là nhân duyên bên ngoài. Bạch Thế Tôn, như vậy không có sự khác biệt nào giữa giáo pháp của Ngài với giáo pháp của các triết gia. [Theo họ], có chín thành tố được xem là bất sinh và bất diệt: các Nguyên tử (vi trần), Linh hồn tối cao (Pradhàna), Tự tại thiên (I'svara), Người tạo lập (Prajàpati), v.v..., [198] trong khi đó, bạch Thế Tôn, Ngài khẳng định rằng tất cả các sự vật là bất sinh và bất diệt vì sự hữu và phi hữu của

thuvienhuequang.vn

chúng là không thể hiểu được. Vì các thành tố thì không thể bị tiêu diệt, nên tự tính của chúng là bất sinh, bất diệt; theo với những quá trình diễn tiến khác nhau của sự chuyển hóa, cái gì gồm thành bản chất của các thành tố ấy không bị rời bỏ. Dù ý niệm của Ngài và các triết gia về những thành tố có thể khác trong hình thức, bạch Thế Tôn, điều mà các triết gia suy tưởng cũng giống như chính Ngài suy tưởng. Vì thế giáo lý của Ngài và của các triết gia không có gì khác nhau cả. Nếu có điều gì đặc biệt khiến cho giáo pháp của đức Như Lai vượt hẳn giáo pháp của các triết gia thì xin Ngài hãy nói cho con biết. Bạch Thế Tôn, nếu không có gì đặc biệt trong giáo pháp của Ngài thì chúng con có thể bảo rằng có cái gì đó thuộc Phật tính trong giáo lý của tất cả các triết gia, vì trong cả hai giáo pháp có một nguyên nhân trỏ đến bất sinh và bất diệt. Thế Tôn đã tuyên bố rằng nhiều đức Như Lai không sinh ra đồng thời ở cùng một nơi trong một thế giới. Nhưng nếu luật nhân quả về hữu và phi hữu là thực và nếu giáo pháp của chính Ngài không để lại đằng sau nó điều gì mâu thuẫn thì phải có nhiều đức Như Lai [sinh khởi cùng một lúc và trong cùng một nơi].

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, [giáo lý] của Ta về bất sinh và bất diệt không giống như giáo lý của

thuvienhuequang.vn

các triết gia là những người cũng nói về bất sinh và bất diệt; cũng không giống như cái họ thuyết về sinh và vô thường của họ. Tại sao ? Này Mahàmati, vì cái mà các triết gia gán những đặc tính của bất sinh và bất biến vào đó là cái tự tính của tất cả các sự vật. Nhưng giáo pháp của Ta không phải là giáo pháp bị rơi vào cái nhị biên luận về hữu và phi hữu. Này Mahàmati, giáo pháp của Ta vượt ra ngoài cái nhị biên về hữu và phi hữu; không dính dáng gì tới sinh, trụ và diệt; không phải là hiện hữu, cũng không phải là phi hiện hữu. Tại sao không là phi hiện hữu ? Vì [199] đa tính của các sự vật phải được nhìn thấy là huyễn giả và là một giấc mộng; Ta bảo rằng đấy không phải là phi hiện hữu. Tại sao không phải là hiện hữu ? Vì không có những đặc tướng nào để được nhận thức là thuộc cái tự tính của các sự vật; chúng được nhìn thấy [trong một ý nghĩa là các đối tượng riêng] và không được nhìn thấy [như thế trong một ý nghĩa khác] hơn nữa, chúng [trong một ý nghĩa là cái gì đó] có thể nắm bắt được [và trong một ý nghĩa khác] không thể nắm bắt được. Vì thế các sự vật là hiện hữu và phi hiện hữu.

Nhưng khi người ta hiểu rằng không có gì trong thế giới ngoài những gì được nhìn thấy do chính cái Tâm, thì phân biệt không còn sinh khởi

thuvienhuequang.vn

nữa, và người ta được an lập trong trú xứ của chính mình là cảnh giới vô hành tác. Người ngu hành tác và phân biệt chứ người trí thì không thế. Này Mahàmati, [những hành tác của người ngu] là những cái không thực được phân biệt ra, là những cái thực bị quấy động; giống như thành của Càn-thác-bà (Gandharva), giống như những hình ảnh được tạo ra bằng ảo thuật. Này Mahàmati, ví dụ đây là một thành phố của Càn-thác-bà, trong đó trẻ con do ảo thuật mà thấy có người, có thương gia và nhiều thứ khác nữa được tạo ra đi vào và đi ra, và tưởng rằng những người ấy là đi vào, đi ra thực sự. Đấy chính là vì điên đảo tạo phân biệt mà ra như thế. Này Mahàmati, với người ngu, có cái nhận thức điên đảo về sinh và bất sinh thì cũng như thế. Thực ra không có gì được tạo nên và không tạo nên cả, giống như sự xuất hiện của những người được tạo ra bằng ảo thuật; vì những người được tạo ra bằng ảo thuật thì không phải là được sinh ra cũng không phải là bị đoạn diệt, ở đây không có vấn đề gì về sự hiện hữu và phi hiện hữu của họ cả. Đằng này cũng vậy, tất cả các sự vật không có liên hệ gì tới sinh và diệt cả, ngoại trừ những người ngu quý chuộng những ý niệm sai lầm mà tưởng tượng ra sự sinh và diệt của các sự

thuvienhuequang.vn

vật. Chứ đối với người trí thì không như vậy. Các đối tượng không được xét đoán đúng như tự chính trong chúng nó thì đấy là những ý niệm sai lầm. Các sự vật không là gì nữa cả. Khi [cái thực tính] bị phân biệt khác với chính nó thì có sự chấp vào cái ý niệm cho rằng tất cả các sự vật có cái tự tính của chúng. [200] Và cái gì tự nó độc lập thì không được nhìn thấy và khi tự nó độc lập không được nhìn thấy thì bấy giờ không có sự biến mất của phân biệt. Vì thế, này Mahàmati, một trí tuệ thấu suốt cái vô tướng mới thắng vượt chứ một trí tuệ thấu suốt vào cái tướng thì không thắng vượt được; vì tướng thì gây ra một sự sinh khác nên nó không thắng vượt. Này Mahàmati, vô tướng nghĩa là sự biến mất của phân biệt.

Bất sinh và bất diệt[1], Ta gọi đấy là Niết-bàn. Này Mahàmati, Niết-bàn nghĩa là nhìn thấu suốt chỗ trú của thực tính đúng như thực tính trong chính nó; và khi cùng với sự quay lại toàn bộ hệ thống tâm thức (citta - caitta - kalàpa) thì bấy giờ có sự đạt tự chứng bằng Thánh trí, là cái trí của chư Như Lai, Ta gọi đấy là Niết-bàn[2].

---

(1) Được thêm vào theo các bản Hán dịch, nhưng bản Ngụy ghi là animitta thay vì anirodha.

(2) Không biết vì sao ở đây lại đi lạc đề mà bàn về Niết-bàn.

thuvienhuequang.vn

LXXVIII

Cho nên bảo:

86. Để gỡ bỏ [ý niệm về] sinh và để thành tựu [ý niệm về] bất sinh, Ta thuyết giảng học thuyết phi nguyên nhân; nhưng điều này người ngu không hiểu.

87. Tất cả đều không được sinh ra, nhưng như thế không có nghĩa là không có các sự vật; các sự vật được nhìn thấy giống như thành phố của Càn-thác-bà, một giấc mộng và huyễn giả, các sự vật là ở đây nhưng không có nguyên nhân.

88. Hãy nói cho con các sự vật là bất sinh như thế nào mà không có tự tính[1] và trống không. Khi các sự vật được nhìn thấy bằng cái biết [siêu việt], chúng không bị ảnh hưởng của hòa hợp và không thể hiểu được; do đó Ta tuyên bố rằng các sự vật là không, bất sinh và vô tự tính[*].

89. Khi được xét riêng từng cái hòa hợp thì có cái hòa hợp, thế giới được thấy là hiện hữu; nhưng thực ra không có gì đang hiện hữu cả; thế giới không phải như các triết gia quan niệm; khi hòa hợp tan rã thì không còn thấy có gì cả.

---

(1) Theo bản Đường và bản Tống.

(*) Trong một câu kệ, vẫn có sự chen lẫn lời Mahàmati, và lời Đức Phật.

thuvienhuequang.vn

90. Như một giấc mộng, một cái lưới tóc, huyễn giả, thành Càn-thác-bà và một ảo ảnh, [201] khởi lên trong cái thấy một cách phi nhân duyên. Tính đa phức của thế giới cũng như vậy.

91. Bằng cách ngăn chặn lý thuyết vô nhân[1] (không có nguyên nhân), mà bất sinh được nêu tỏ; khi thuyết bất sinh được tuyên bố thì pháp nhãn[2] của Ta không bao giờ bị đoạn diệt, khi thuyết vô nhân bị vạch rõ thì các triết gia phải kinh sợ.

92. [Mahàmati hỏi] Như thế nào, do ai, ở đâu, và tại sao thuyết vô nhân xuất hiện ? [Thế Tôn trả lời][3] Khi các sự vật hữu vi (Samskrita) được nhận thức và không bị nhân duyên, cũng không vượt khỏi nhân duyên thì cái kiến giải mà các triết gia chủ trương về sinh và diệt bị loại trừ.

93. [Mahàmati hỏi] Có phải vô hữu là vô sinh chăng ? Hay phi hữu phải chờ nhân duyên ? Hay phi hữu chỉ là một cái tên của hữu mà không có một thực tính [liên hệ] ? Xin Ngài nói cho con biết.

94. [Thế Tôn dạy:] Phi hữu không phải là bất sinh, cũng không chờ nhân duyên, cũng không

---

(1) "Lý thuyết về nhân duyên" theo ban Đường và ban Tống.

(2) Theo ban Đường là Netrì; ban Tống thì "Dòng pháp", ban Ngụy thì "Pháp của Ta".

(3) Theo ban Tống.

thuvienhuequang.vn

phải là một cái tên của hữu, cũng không phải là một cái tên mà không có một đối tượng [liên hệ].

95. Đây là một thực tính không thuộc hàng Thanh văn, Duyên giác, không thuộc các triết gia, không thuộc chư Bồ-tát đã nhập địa thứ bảy; đấy là ý nghĩa của bất sinh.

96. Loại trừ cái ý niệm nhân và duyên, loại bỏ cái yếu tố tác động thuộc nguyên nhân, thiết lập Duy tâm, Ta bảo đấy là bất sinh.

97. Gạt bỏ [cái ý niệm cho rằng] các sự vật là do nhân duyên tạo nên, gỡ bỏ [cái nhị biên về] sở tưởng và năng tưởng, [202] cái hữu được giải thoát khỏi cái hữu và phi hữu có tính cách nhị biên, Ta bảo đấy là bất sinh.

98. Tâm được thoát khỏi cái thế giới đối tượng của nó, sự dứt bỏ hai tự tính (svabhàva) [biến kế sở chấp, parikalpita và y tha khởi, paratantra), sự đột biến ở chỗ thâm sâu của tâm thức, Ta bảo đấy là bất sinh.

99. Không có sự hiện hữu bên ngoài, không có phi hiện hữu, không có sự nắm chấp tâm; [các sự vật giống như] một giấc mộng, một cái lưới tóc, huyễn giả, [thành của] Càn-thác-bà, một ảo ảnh[1]; sự lìa bỏ tất cả các kiến giải triết học. Đấy là bất sinh.

---

(1) Dòng này hẳn là có sự tự ý thêm vào, nên bỏ đi thì đúng hơn.

thuvienhuequang.vn

100. Tất cả các từ này cũng sẽ được hiểu, đó là không, không có tự tính v.v... [thế giới] là không, thực ra không phải là vì cái rỗng không của nó mà vì cái rỗng không của nó trong ý nghĩa bất sinh.

101. Một hệ thống [tâm thức] có thể có sinh khởi, có tiêu mất do nhân duyên; khi có sự suy tàn của hệ thống thì không có sự sinh cũng không có sự diệt.

102. Khi có sự suy tàn xảy ra ở đâu đó trong các phần tử của hệ thống thì sự hiện hữu (của hệ thống) như thế sẽ ngưng, đấy là theo như sự phân biệt của các triết gia theo [những phạm trù như] đồng và dị.

103. Không có gì được sinh ra; hữu cũng không có, phi hữu cũng không có, không chỗ nào có hữu, và phi hữu; ngoại trừ chỗ nào có một hệ thống thì chỗ ấy mới có sự sinh khởi và suy tàn của các sự vật.

104. Chỉ riêng trong sự phù hợp với quy ước chung mới nói đến một sợi xích[1] của sự hỗ tương tùy thuộc (các duyên tương tục hỗ tương); [203] sự sinh không có ý nghĩa khi sợi dây của duyên bị đứt đoạn.

105. Vì không có gì gây sinh tạo nên sự bất sinh, thoát khỏi những lỗi lầm của các triết gia; Ta

---

(1) *Samkata.*

thuvienhuequang.vn

theo quy ước mà nói đến điều này. Theo [cái lý thuyết về] sự nối kết, và điều này người ngu không hiểu được.

106. Nếu có cái gì được sinh ra ở đâu đó ngoài sự nối kết; kẻ nào cho như thế thì phải xem đấy là người biện hộ cho thuyết vô nhân vì người ấy xóa bỏ sự nối kết.

107. Nếu sự nối kết tác động [từ bên ngoài] giống như một ngọn đèn làm tỏ hiện tất cả mọi loại sự vật thì điều ấy nghĩa là sự hiện hữu của cái gì đó bên ngoài sự nối kết.

108. Tất cả các sự vật không có tự tính, chưa từng được sinh ra và tự trong bản tính của chúng, chúng giống như bầu trời; các sự vật tách rời sự nối kết thì thuộc sự phân biệt của người ngu.

109. Có một loại bất sinh khác là cái tự thể của các sự vật mà người trí hiểu được; sự sinh của nó là bất sinh trong sự bất sinh này có một sự nhận biết.[1]

110. Khi toàn bộ thế giới này được xem là sự nối kết, là không có gì khác ngoài sự nối kết thì bấy giờ tâm đạt sự tĩnh lặng.

111. Vô minh, ái, nghiệp v.v... những thứ này

---

(1) Đây là ý nghĩa của anutpattikadharmakshànti, sự nhận biết rằng các sự vật là bất sinh (vô sinh pháp nhẫn), được xem là sự chứng đạt tâm linh tối cao của chư Bồ-tát.

thuvienhuequang.vn

là sự nối kết bên trong, một cái vá, đất sét, một cái lọ, một bánh xe v.v..., hay các chủng tử, các thành tố v.v..., những thứ này là những nối kết bên ngoài.

112. Nếu có một hiện hữu nào khác được sinh ra từ sự nối kết, thì điều ấy trái với luật nối kết; những ai [chủ trương kiến giải này] thì không phải là kẻ đứng trong những nguyên tắc suy luận đúng đắn.

[204] 113. Nếu có một sự vật hiện hữu và tuy thế lại không hiện hữu, thì dựa vào luật nhân duyên nào mà biết nó ? Các sự vật đều thuộc nguồn gốc hỗ tương và vì vậy mà nhân duyên được tuyên bố.

114. Hơi nóng, tính ướt, tính động, tính rắn, những ý niệm như thế là do người ngu phân biệt; có một hệ thống về những tương quan, không có những đối tượng riêng biệt nào hiện hữu cả; do đó mà có sự chối bỏ tự tính [cho rằng tự tính tạo nên cái thực của các sự vật].

115. Người thầy thuốc tùy theo bệnh mà thay đổi cách chữa dù rằng không khác biệt trong nguyên tắc [chữa bệnh]; khác biệt là do những khác nhau của bệnh.

116. Cũng theo như thế, [để cứu] những thế hệ chúng sinh thoát khỏi cơn bệnh phiền não của họ

thuvienhuequang.vn

mà họ đang khổ đau, Ta thuyết dạy cho mọi người các học thuyết của Ta theo năng lực của họ.

117. Giáo pháp của Ta không thay đổi, nhưng các phiền não và năng lực (của mọi người) khác nhau; chỉ có một thừa, tám con đường (bát chánh đạo) là thiện hảo.

LXXIX

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Vô thường, vô thường, đấy là sự phân biệt của các triết gia, bạch Thế Tôn, và Ngài cũng tuyên bố trong các kinh điển rằng tất cả các sự vật hữu vi là vô thường, bị sinh và diệt là bản chất của các sự vật; nhưng bạch Thế Tôn, điều ấy đúng hay sai ? Và bạch Thế Tôn, [có] bao nhiêu thứ vô thường ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, cớ tám thứ vô thường theo như các triết gia phân biệt, chứ Ta thì không bảo thế. Tám thứ ấy là gì ?[1]

1. Một số triết gia bảo [205] rằng có nguyên khởi, thế rồi có chấm dứt - đấy là vô thường, tức là, này Mahàmati, vào lúc khởi đầu có cái gì đó được sinh ra mà nó ngưng hiện hữu - đấy là vô

---

(1) Cả bản Đường và bản Tống đều ghi là bảy chứ không phải tám. Bản dịch này cũng chỉ nêu ra bảy mà thôi; cái thứ tám bỏ sót ở đây được bổ sung ở phần ghi chú từ bản Ngụy.

thuvienhuequang.vn

thường. 2. Một số giải thích vô thường là thay đổi hình trạng. 3. Một số bảo rằng sắc[1] tự nó là vô thường. 4. Một số xem vô thường chính là sự thay đổi của sắc (rùpa), khi bảo rằng trong một sự hiện hữu tương tục bất đoạn của tất cả các sự vật thì có một sự thay đổi trong đặc tính tự nhiên của chúng; ví dụ, sữa - qua một biến hóa trở thành sữa chua, và có một sự phân ly vô hình như thế xảy ra trong tất cả các sự vật; đấy gọi là vô thường. 5. Một số tưởng rằng có một hiện hữu (bhàva) khách quan được gọi là vô thường. 6. Một số tưởng ra cái hiện hữu và phi hiện hữu kia - đấy là vô thường. 7. Một số bảo rằng không được sinh ra là vô thường; vì tất cả các sự vật là vô thường và vì vô thường là cố hữu trong các sự vật[2].

Này Mahàmati, sự vô thường có trong hiện hữu và phi hiện hữu nghĩa là các sự vật được tạo thành bởi các thành tố[3] thì tự bản chất, chúng phải bị diệt và chúng không có gì trong chúng để

---

(1) Hoặc vật chất, rùpa.

(2) Đây là cái vô thường thứ tám trong bản Ngụy, còn cái vô thường thứ bảy của bản Ngụy được ghi là: "Lại nữa, có các triết gia khác, theo họ vô thường chính là không có (hiện hữu) vào lúc đầu nhưng sau đó lại hiện hữu thì không có gì được nhìn thấy, không có gì được sinh ra vì chúng bị tách ra khỏi các chất liệu cung cấp. Đấy gọi là vô thường".

(3) Bhùta trước bhautika (dòng 10) có thể bỏ đi thì đúng hơn.

thuvienhuequang.vn

người ta có thể nắm vào, trong khi tự chính các thành tố (đại) thì không bao giờ vận động.

Sự vô thường là bất sinh có nghĩa rằng không có[(1)] thường cũng không có vô thường; rằng trong tất cả các sự vật không có sự biến chuyển [nhị biên] của hữu và phi hữu, và rằng không có gì được nhìn thấy là hiện hữu, ngay cả khi chúng được xét đến tận cái nguyên tử (vi trần) cuối cùng. Sự không thấy có gì cả là một tên gọi khác cho bất sinh chứ không phải cho sinh. Này Mahàmati, đấy là bản chất của cái vô thường được xem là bất sinh, và vì không hiểu bản chất ấy nên tất cả các triết gia tôn quý cái kiến giải về vô thường được đặt căn bản trên sinh.

Lại nữa, này Mahàmati, sự vô thường được quan niệm là một hiện hữu khách quan có nghĩa rằng có một sự phân biệt trong chính cái Tâm [của các triết gia] về cái gì không phải là thường hằng và về cái không phải là vô thường. Ý nghĩa của điều này là gì ? [206] Nó có nghĩa rằng có một sự vật gọi là vô thường, mà tự trong nó không bị đoạn diệt, nhưng do sự vận hành của nó mà có sự biến mất của tất cả các sự vật; và nếu không phải vì vô thường thì sẽ không có sự biến mất nào của tất cả các sự vật. Cũng như một cái gậy hay một cục đá,

---

(1) Phủ định phân từ Na được đặt vào đây theo bản Tống.

thuvienhuequang.vn

hay như một cái búa đập vỡ những đồ vật khác ra từng mảnh trong khi chính nó thì vẫn không vỡ. [Đây là sự diễn nghĩa của các triết gia nhưng] Vì thực sự chúng ta thấy các sự vật quanh chúng ta không có sự khác biệt hỗ tương nào như thế buộc chúng ta phải bảo rằng ở đây cái nguyên nhân là vô thường và có sự biến mất của tất cả các sự vật mà các sự vật là kết quả; không có sự phân biệt nguyên nhân và kết quả nào như thế, và chúng ta không thể nói: Đây là vô thường làm nguyên nhân và có kết quả. Khi không có sự khác biệt nào giữa nhân và quả thì tất cả các sự vật là thường hằng vì không có nguyên nhân nào khiến chúng khác đi. Này Mahàmati còn về sự biến mất của tất cả các sự vật thì có một nguyên nhân, nhưng người ngu và kẻ sơ trí không hiểu được như vậy. Khi nguyên nhân là thuộc một bản chất khác thì kết quả [giống nhau] không được tạo ra. Trong trường hợp có kết quả giống nhau thì sự vô thường của tất cả các sự vật là một minh họa về kết quả khác nhau, và không có sự khác biệt nào giữa nguyên nhân và kết quả. Nhưng sự khác biệt giữa nguyên nhân và kết quả được quán sát trong chúng. Nếu có một sự hiện hữu (khách quan) để được xem là vô thường thì nó sẽ được định tính bằng bản chất của một nguyên nhân sinh kết quả, và sẽ có một thực thể được chứa đựng trong tất cả các sự vật. Khi có cái

thuvienhuequang.vn

chủ trương có một kết quả sinh nguyên nhân, thì điều này có nghĩa là cái vô thường làm nguyên nhân là vô thường vì nó mang bản chất của cái kết quả vốn vô thường. Thế thì tất cả các sự vật sẽ không được xem là vô thường mà phải xem là thường hằng.

Nếu vô thường [làm nguyên nhân] nằm bên trong tất cả các sự vật thì vô thường sẽ đến theo ba giai đoạn thời gian. Nó mất đi cùng với các sự vật trong quá khứ; cái tương lai của nó thì chưa có. Ở đây vì các sự vật của tương lai vẫn chưa được sinh ra; trong hiện tại nó tan rã cùng với các sự vật của hiện tại.

[207] Sắc [hay vật chất] sinh ra từ sự hòa hợp và biến đổi của các thành tố (đại); vì các thành tố đầu tiên và các thành tố thứ hai thì không phải là khác nhau cũng không phải là không khác nhau nên trong bản chất chúng nó không bị diệt, vì theo các triết gia thì các thành tố không thể bị diệt. [Nhưng này Mahàmati], một sự kiện được xác lập là toàn bộ ba cõi với các thành tố đầu tiên và thứ hai của chúng là được sinh, trụ và diệt. Làm sao mà các triết gia lại nghĩ ra một hiện hữu riêng lẻ của vô thường không phụ thuộc vào các thành tố thứ nhất và thứ hai, trong khi các thành tố tự chúng là không bị sinh khởi cũng không bị đoạn

thuvienhuequang.vn

diệt vì họ chấp vào ý niệm về tự tính [là vĩnh viễn không thể biến đổi] ?

Cái quan niệm cho rằng vô thường là hiện hữu trong cái nguồn gốc đầu tiên không tiếp tục nữa [là không vững vì ba lý do]: Các thành tố không thể thành tố này sinh ra thành tố khác được vì mỗi thành tố có tự tính của nó khác với các thành tố khác. Mỗi thành tố riêng không thể tự sinh ra được vì không có sự khác biệt nào trong nó. Cái nguồn gốc tách biệt [nhau] của các thành tố là không thể có được vì không có sự liên hệ nào giữa hai nguồn gốc. Do đó cái kết luận cho rằng có cái vô thường từ nguồn gốc là không thể chấp nhận được.

Cái quan niệm cho rằng vô thường là do có những biến đổi xảy ra ở hình tướng bên ngoài có nghĩa rằng: các yếu tố thứ nhất và thứ hai không bị sự tan rã. Này Mahàmati, cái gì được gọi là sự tan rã, thì dù cho nó có được xét một cách chặt chẽ đến các nguyên tử, nó cũng không phải là sự đoạn diệt của các thành tố thứ nhất và thứ hai mà là sự đoạn diệt của các hình tướng bên ngoài mà nhờ đó các thành tố mang những vẻ bên ngoài khác nhau như ngắn hay dài; nhưng, thực ra không có gì bị đoạn diệt trong các nguyên tử cấu thành cả. Cái được thấy là ngưng hiện hữu là cái cấu thành bên

thuvienhuequang.vn

ngoài của các thành tố. Đây là cái kiến giải mà trường phái Số luận (Samkhya) chủ trương.

Sự vô thường của các hình dạng bên ngoài nghĩa là sự vô thường về sắc (rùpa); [208] cái vô thường là cái hình dạng bên ngoài chứ không phải các thành tố. Nếu các thành tố tự chúng là vô thường thì tất cả kinh nghiệm hằng ngày của chúng ta trở thành không cả. Đây là cái kiến giải do phái Lộ-ca-da-đà (Lokàyàtika) chủ trương, theo kiến giải ấy thì tất cả các sự vật đều có thể thâu tóm vào các từ ngữ mà thôi vì tự tính của chúng không bao giờ được nhìn thấy là được sinh ra.

Cái vô thường do các biến đổi có nghĩa là sự biến đổi của sắc (rùpa) chứ không phải là sự biến đổi của tự chính các thành tố như ta thấy trong nhiều đồ trang sức khác nhau bằng vàng mang nhiều hình thức khác nhau. Trong khi không có sự biến mất nào của cái chất vàng thì các đồ trang sức ấy vẫn thay đổi hình thức theo nhiều cách.

Những kiến giải này hay kiến giải khác về vô thường cho rằng vô thường là những biến đổi là do các triết gia phân biệt theo nhiều cách khác nhau như đã được miêu tả ở đây. Lửa có thể đốt cháy tất cả các thành tố, nhưng tự tính của chúng không bao giờ bị cháy, khi mỗi thành tố tự nó đi rời ra thì

thuvienhuequang.vn

có sự đoạn diệt của những cái cấu thành các thành tố thứ nhất và thứ hai.

Tuy vậy, này Mahàmati, Ta không theo chủ trương thường hằng cũng không theo chủ trương vô thường. Tại sao ? Vì các lý do sau đây: các sự vật bên ngoài là không chấp nhận được; ba cõi được bảo là không gì khác hơn ngoài chính cái Tâm; những đa phức của các hiện hữu bên ngoài là không được chấp nhận; không có sự sinh khởi của các thành tố, không có sự biến mất, không có sự tương tục của chúng, không có sự khác biệt của chúng, không có những sự vật như thế làm các thành tố đầu tiên và thứ hai, do bởi phân biệt mà phát sinh ra những biểu thị nhị biên về cái được nhận thức và cái nhận thức; khi nhận ra rằng do bởi phân biệt mà có một tính nhị biên thì sự tranh luận về sự hiện hữu và sự phi hiện hữu của thế giới bên ngoài không còn nữa vì cái Duy tâm đã được hiểu. Phân biệt [209] sinh khởi do phân biệt một thế giới của những hành tác tạo quả; không có phân biệt nào xảy ra khi thế giới này được nhận biết[1].

Khi một người ngưng chủ trương phân biệt về hiện hữu và phi hiện hữu sinh khởi do cái Tâm của chính người ấy, anh ta thấy rằng các sự vật, hoặc

---

(1) Được đọc theo các bản Hán.

thuvienhuequang.vn

ở cõi này hoặc ở một cõi cao hơn hoặc ở cõi cao nhất, không nên được miêu tả là thường hằng hay vô thường, vì người ấy không hiểu cái chân lý rằng không có gì trong thế giới khác hơn là những gì được thấy từ chính cái Tâm(*). Vì tất cả các triết gia nào bị rơi vào những ý niệm sai lầm của nhị biên và là những kẻ không có sự chứng đạt tâm linh thì không hiểu được ý nghĩa của sự phân biệt nên họ nêu lên sự vô thường để làm đề tài bàn luận. Này Mahàmati(1) ba khía cạnh của tất cả các sự vật được phân biệt của cõi này, cũng như của cõi cao hơn và của cõi cao nhất là hậu quả của sự phân biệt từ ngữ, nhưng người ngu và kẻ sơ trí không hiểu được điều này. Cho nên bảo rằng:

118. Những triết gia ngu si phân biệt mà cho rằng vô thường là có nguyên khởi, có chấm dứt, là sự biến đổi của các hình thức bên ngoài, là một hiện hữu [độc lập], là hình tướng.

119. Không có sự đoạn diệt nào của các sự vật; các thành tố vẫn thường trụ về bản chất của chúng; bị mê đắm vào nhiều kiến giải khác nhau, các triết gia phân biệt vô thường như thế.

120. Đối với các triết gia ấy, không có diệt,

(*) Phần cuối câu, từ chỗ "vì anh ta không hiểu..." làm cho câu tự mâu thuẫn, tối nghĩa.

(1) Sarvatìrthakara (dòng 6) bị bo, theo các bản Hán.

thuvienhuequang.vn

không có sinh, các thành tố là thường hằng về bản chất của chúng; ai từng phân biệt sự vô thường ?

[Đấy là vị trí của các triết gia].

121. [Theo Đức Phật], không có gì trong thế giới này ngoài chính cái Tâm; và tất cả cái gì thuộc nhị biên thì có sự sinh khởi của nó từ Tâm và được nhìn thấy là cái được nhận thức và cái nhận thức; một ngã - linh hồn và những gì thuộc về nó thì không hiện hữu.

122. Chỗ trú và cảnh giới của Phạm thiên v.v... Ta tuyên bố tất cả đều là của cái Tâm duy nhất, [210] ngoài cái Tâm duy nhất thì Phạm thiên v.v... đều không có.

Đến đây là hết chương thứ ba "Về vô thường" trong kinh Đại Thừa Lăng Già (Lankàvatàra - Mahàyàna - Sùtra).

thuvienhuequang.vn

chương bốn

VỀ SỰ HIỂU BIẾT NGAY LIỀN (Hiện lượng)

LXXX

[211] Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết về trạng thái diệt tận định (nirodha) và sự phát triển xa hơn của nó mà tất cả Bồ-tát, Thanh văn và Duyên giác đạt được; vì khi con đây và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác thông hiểu sự phát triển xa hơn này thì tất cả chúng con được thoát khỏi sự điên đảo nhờ cái hạnh phúc có được từ sự chứng đạt diệt tận định và cũng khỏi bị rơi vào cái trạng thái tâm thức điên đảo của hàng Thanh văn, Duyên giác và các triết gia.

Thế Tôn dạy: Thế thì hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

thuvienhuequang.vn

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; Bồ-tát Mahàmati bảo thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói với Bồ-tát rằng: Chư Bồ-tát Ma-ha-tát nào đã đạt tới địa thứ thì sáu thì cũng như tất cả Thanh văn và Duyên giác đều đạt diệt tận định. Ở địa thứ bảy, chư Bồ-tát Ma-ha-tát vứt bỏ cái kiến giải cho rằng tự tính tiềm ẩn trong tất cả các sự vật mà đạt diệt tận định trong từng phút của cuộc sống tâm linh của chư vị, tuy vậy đấy không phải là trường hợp của hàng Thanh văn và Duyên giác; vì đối với chư vị, không có cái gì tạo kết quả, và trong sự đạt diệt tận định của chư vị, có một dấu vết [của nhị biên] về sở nhiếp và năng nhiếp. Do đó, chư vị không đạt diệt tận định trong từng phút của cuộc sống tâm linh của chư vị trong khi cuộc sống này có thể ở địa thứ bảy. Chư vị không thể đạt tới [niềm tin rõ ràng về] một trạng thái không bị đổi khác của tất cả các sự vật [212] và sự chấm dứt của [tất cả các] đa phức, sự đạt của chư vị là do hiểu được cái khía cạnh của tất cả các sự vật trong đó tự tính của chúng bị phân biệt là tốt và không tốt. Do đó, cho đến địa thứ bảy, vẫn không có một sự chứng đạt vững vàng về tận diệt định từng phút trong cuộc sống tâm thức của chư vị.

Này Mahàmati, ở địa thứ bảy, chư Bồ-tát Ma-

thuvienhuequang.vn

ha-tát, Thanh văn và Duyên giác không còn giữ lấy những ý niệm phân biệt khởi sinh từ Tâm, Ý và Ý thức. Từ địa thứ nhất lên cho đến địa thứ sáu, chư vị nhận thấy rằng ba cõi không gì khác hơn là Tâm, Ý và Ý thức, rằng vì ba cõi được sinh ra từ một cái tâm phân biệt cho nên không có cái ngã - linh hồn và những gì thuộc về ngã - linh hồn, và rằng không có sự rơi vào trong cái đa phức của các đối tượng bên ngoài ngoại trừ do [sự phân biệt của chính cái Tâm. Hàng Thanh văn quay cái tự trí (Svajnàna)] của họ về cái nhị nguyên của sở nhiếp và năng nhiếp nên không hiểu được, vì có sự vận hành của tập khí vốn đã chất chứa từ thời vô thỉ do bởi lý luận và phân biệt sai lầm.

Này Mahàmati, ở địa thứ tám thì có Niết-bàn đối với hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát; nhưng chư Bồ-tát được năng lực của hết thảy chư Phật[1] tách ly chư vị khỏi [sự mê đắm về] hạnh phúc của Tam-ma-địa, và do đó chư vị không nhập vào Niết-bàn. Khi Như Lai địa không được thành tựu trọn vẹn thì sẽ có sự dứt đoạn tất cả các hành động, và nếu [chư Bồ-tát] không được [chư Phật] phụ trợ thì quyến thuộc của Như Lai sẽ bị tiêu diệt. Do đó, chư Phật, chư Thế Tôn vạch rõ các

---

(1) Theo các bản Hán.

thuvienhuequang.vn

công hạnh của Phật tính vốn vượt ngoài mọi khái niệm. [213] Do đó [chư Bồ-tát] không nhập vào Niết-bàn, chứ hàng Thanh văn và Duyên giác mải mê trong hạnh phúc của các Tam-ma-địa cho nên tôn giữ cái ý tưởng về Niết-bàn.

Này Mahàmati, ở địa thứ bảy, vị Bồ-tát quán sát đúng đắn vào trong bản chất của Tâm, Ý và Ý thức; vị ấy quán sát vào trong [những đề tài như] ngã - linh hồn và những gì thuộc ngã - linh hồn, sở nhiếp và năng nhiếp, sự vô ngã của người và các sự vật, sự sinh khởi và đoạn diệt, tính đặc thù và tính tổng quát, vị ấy xác quyết một cách khéo léo bốn phân tích luận lý; vị ấy hưởng hạnh phúc của sự tự điều ngự; vị ấy lần lượt nhập vào các địa; vị ấy biết những sự khác biệt có các yếu tố trong chứng ngộ (thất giác chi) khác nhau. Tầng bậc của các cấp độ được Ta sắp xếp để vị Bồ-tát Ma-ha-tát là người không biết tính đặc thù và tính tổng quát là gì và không hiểu được sự phát triển liên tiếp của các cấp độ (địa) tương tục, khỏi phải rơi vào lối nhìn sự vật một cách sai lầm của các triết gia. Nhưng này Mahàmati, thực ra không có cái gì sinh khởi, không có cái gì biến mất, tất cả là không gì cả ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm; tức là sự phát triển liên tiếp của các cấp độ tương tục và tất cả những hành động đa dạng của

thuvienhuequang.vn

ba cõi [tất cả các hành động ấy là thuộc chính cái Tâm]. Người ngu không hiểu được điều này. Ta và tất cả chư Phật[1] thiết lập cái học thuyết về cấp độ (địa) phát triển không ngừng cũng như về mọi hành động của ba cõi.

Lại nữa, này Mahàmati, hàng Thanh văn và Duyên giác ở địa thứ tám của Bồ-tát thì quá mê đắm vào hạnh phúc do đạt được diệt tận định mà có và vì không thông hiểu được rằng không có gì trong thế giới ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm nên chư vị không thể vượt qua những chướng ngại và cái tập khí sinh ra do những ý niệm của chư vị về tính tổng quát và tính đặc thù; và do trung thành với sự vô ngã của người và các sự vật và [214] yêu chuộng những kiến giải khởi lên, từ đó, và chư vị có cái ý niệm phân biệt và cái biết về Niết-bàn vốn không phải là cái biết về cái chân lý của sự cô tịch tuyệt đối. Này Mahàmati, khi chư Bồ-tát đối mặt và nhận thức cái hạnh phúc của Tam-ma-địa Diệt tận định, chư vị xúc động vì lòng thương và tình cảm do các bản nguyện của chư vị và chư vị chú ý đến cái phần mà chư vị phải thành tựu về [mười] nguyện vô tận. Do đó, chư vị không vào Niết-bàn, nhưng thực ra là

---

(1) Ở đây theo các bản Hán.

thuvienhuequang.vn

chư vị ở trong Niết-bàn vì trong chư vị không có sự sinh khởi nào về phân biệt. Với chư vị, sự phân biệt sở nhiếp và năng nhiếp không còn xảy ra nữa; vì [bây giờ] chư vị biết được rằng không có gì trong thế giới ngoài những gì được thấy từ chính cái Tâm, nên chư vị đã lìa bỏ cái ý tưởng phân biệt về tất cả các sự vật. Chư vị đã lìa bỏ sự trung thành và sự phân biệt về các ý niệm như Tâm, Ý và Ý thức, các đối tượng bên ngoài, tự tính; tuy nhiên, chư vị đã không bỏ đi những thứ nêu rõ cái nguyên nhân của Phật giáo; do bởi sự chứng đạt của chư vị về cái trí tuệ tự nội thuộc Như Lai địa nên hễ chư vị làm điều gì là đều phát xuất từ cái biết siêu việt của chư vị.

Cũng như một người đi qua một dòng nước trong một giấc mộng chẳng hạn, này Mahàmati, giả thử trong lúc ngủ, một người nằm mộng thấy rằng anh ta đang ở giữa một con sông lớn mà anh cố gắng hết sức mình để tự mình qua sông; nhưng trước khi anh qua được dòng sông, anh tỉnh mộng, và khi tỉnh mộng, anh tự nghĩ: "Đây là thực hay không thực ?" Rồi anh lại nghĩ: "Không, không phải thực cũng không phải không thực. Do cái tập khí mà kinh nghiệm chất chứa từ thời vô thỉ, vì những đa phức của hình trạng và điều kiện được trông thấy, được nghe, được suy nghĩ, được nhận

thuvienhuequang.vn

biết nên có sự nhận thức và phân biệt về tất cả các sự vật mà cho rằng các sự vật là hiện hữu hay phi hiện hữu; và vì lý do này mà ý thức (Manovijñàna) của ta kinh nghiệm ngay cả trong một giấc mộng tất cả những gì mà chính ta đã nhìn thấy".

Đằng này, cũng vậy, này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát thuộc Bồ-tát địa thứ tám, [215] sau khi trải qua từ địa thứ nhất lên cho đến địa thứ bảy, quán sát rằng không còn gì thuộc phân biệt sinh khởi trong chư vị nữa vì tất cả các sự vật giống như huyễn giả v.v..., khi chư vị có một sự hiểu biết ngay liền về bản chất [thực sự] của tất cả các sự vật và do đó [mà lại còn] có sự quán sát rằng tất cả các sự vật thuộc sở nhiếp, năng nhiếp sinh khởi từ sự khát ái mạnh mẽ của người ta không còn có nữa, và cũng có sự quán sát rằng Tâm và những gì thuộc về Tâm đã thể hiện phân biệt như thế nào, thì bấy giờ chư Bồ-tát Ma-ha-tát sẽ không bao giờ lơi lỏng các nỗ lực tu tập các giáo lý của chư Phật. Này Mahàmati, chư vị sẽ tập làm cho những ai chưa đạt chân lý đạt được chân lý. Đối với chư Bồ-tát, Niết-bàn không có nghĩa là sự dập tắt; vì chư vị đã bỏ những ý tưởng phân biệt phát sinh từ Tâm, Ý và Ý thức, chư vị đạt được sự nhận thức rằng tất cả các sự vật là bất sinh. Và này Mahàmati, trong cái chân lý tối hậu, không có tầng

thuvienhuequang.vn

bậc cũng không có sự thăng tiến liên tục; [chỉ có] sự thật của sự cô tịch tuyệt đối (tịch diệt chi pháp - vivikadharma) là được nói đến, trong đó sự phân biệt về tất cả các sự vật được an tịnh. Cho nên bảo:

1. Các trú xứ và các địa Bồ-tát được thiết lập trong[1] Duy tâm vô tưởng. Đây là điều mà chư Phật đã nói, đang nói và sẽ nói đến.

2. Bảy địa (cấp độ) [đầu tiên] thì [vẫn còn] thuộc Tâm; hai địa [thứ chín và thứ mười] [vẫn còn] có cái gì ở trong đó; địa [cao nhất] được tách biệt là của Ta.

3. Tự chứng và thanh tịnh tuyệt đối - địa này là của Ta; đấy là cõi tối cao tối thắng (Mahésvara), cõi Sắc cứu cánh [thiên] (Akanishta) sáng rực rỡ.

4. Những tia sáng của cõi này phóng ra như một khối lửa; những tia sáng này màu sắc rực rỡ, đẹp đẽ và thiện lành làm biến hóa ba cõi.

5. Một số cõi đang được biến hóa trong khi các cõi khác đã được biến hóa[2] rồi, nơi ấy Ta thuyết giảng các thừa khác nhau thuộc địa của Ta.

[216] 6. Nhưng [từ quan điểm tuyệt đối] thì địa thứ mười là địa thứ nhất, và địa thứ nhất là địa

---

(1) Sagathakam, V. 105, là cittamatrami iràbhasam... thay vì cittamatre niràbhàse..., như ở đây.

(2) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

thứ tám, và thứ chín là thứ bảy và thứ bảy là thứ tám.

7. Và địa thứ hai là địa thứ ba, và thứ tư là thứ năm, và thứ ba là thứ sáu; có tầng bậc nào ở nơi mà vô tưởng nổi bật lên ?

Chương thứ tư "Về sự hiểu biết ngay liền".
[chấm dứt ở đây].

*
* *

thuvienhuequang.vn

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM
Website: thuvienhuequang.vn

chương năm

SUY LUẬN VỀ TÍNH CHẤT THƯỜNG VÀ VÔ THƯỜNG CỦA NHƯ LAI

LXXXI

[217] Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Thế Tôn, đấng Như Lai, vị A-la-hán, bậc Toàn Giác là thường hằng hay vô thường ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, Như Lai không phải là thường hằng cũng không phải vô thường. Tại sao ? Vì phía nào cũng có sai lầm ở đấy cả. Này Mahàmati, mỗi khẳng định như thế có sự sai lầm nào ?[1] Nếu Như Lai là thường hằng thì Như Lai sẽ bị nối kết với những tác nhân sinh tạo. Vì rằng,

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

này Mahàmati, theo tất cả các triết gia thì những tác nhân sinh tạo là những gì không được tạo ra và thường hằng. Nhưng Như Lai thì không thường hằng [trong nghĩa như thế] vì những gì không được tạo ra thì thường hằng. Nếu Như Lai là vô thường thì Như Lai sẽ bị nối kết với những gì được tạo ra. Vì các uẩn được định nghĩa là cái được định tính và cái định tính (sở và năng) và vì các uẩn phải bị đoạn diệt nên đoạn diệt là bản chất của các uẩn. Này Mahàmati, tất cả những gì được tạo ra là vô thường như một cái bình, một cái áo, rơm rạ, một miếng gỗ, một viên gạch v.v... tất cả đều bị nối kết với vô thường. Như thế, tất cả những chuẩn bị để nói về trí tuệ của đấng Toàn Giác sẽ trở thành vô ích vì chúng là những thứ được tạo ra. Vì không có sự phân biệt nào cả nên quả thực Như Lai là cái gì đó được tạo ra. Vì lý do ấy nên Như Lai không phải là thường hằng cũng không phải là vô thường.

Lại nữa, này Mahàmati, Như Lai không thường hằng vì rằng [nếu Như Lai là thường hằng] thì Như Lai sẽ giống như hư không và những chuẩn bị mà người ta định nói về Như Lai tính là vô ích, thế có nghĩa là, này Mahàmati, hư không không thường hằng cũng không vô thường vì hư không ở ngoài [cái ý niệm về] thường hằng và vô thường, [218] và nếu nói rằng hư không được định

thuvienhuequang.vn

tính bằng những sai lầm về đồng và dị, cả đồng và dị và không đồng và dị của thường hằng và vô thường thì nói như thế là không đúng. Lại nữa, này Mahàmati, giống như sừng thỏ hay sừng ngựa, lừa, lạc đà, ếch, rắn, ruồi, cá [với Như Lai] cũng như các thứ sừng ấy là sự thường hằng về bất sinh. Do bởi cái sai lầm về sự thường hằng của bất sinh này nên Như Lai không thể thường hằng.

Tuy nhiên, này Mahàmati, có một ý nghĩa khác trong đó Như Lai có thể được gọi là thường hằng. Tại sao ? Vì cái biết sinh khởi do chứng ngộ [bằng một sự hiểu biết ngay liền, sự liễu hội trực giác] là thuộc một bản chất thường hằng cho nên Như Lai là thường hằng. Này Mahàmati, cái biết này, vì được chư Như Lai, A-la-hán, Toàn Giác đạt được một cách ngay liền nên nó thực sự là thường hằng. Dù Như Lai có ra đời hay không, pháp tính (Dharmatà) vốn là như thế và là cái nguyên lý nền tảng cần được tỏ bày trong sự chứng ngộ của tất cả Thanh văn, Duyên giác và các triết gia, Pháp tính này vẫn thường trụ và cái nguyên lý nền tảng của hiện hữu không giống như sự trống rỗng của hư không, cái nguyên lý mà người ngu và kẻ sơ trí không hiểu. Này Mahàmati, cái biết giác ngộ này của chư Như Lai phát xuất từ cái biết siêu việt (bát nhã trí - prajnàjñàna); này Mahàmati, chư Như

thuvienhuequang.vn

Lai, chư vị A-la-hán, Toàn Giác không phải phát xuất từ cái tập khí vô minh nối kết với Tâm, Ý và Ý thức và các uẩn, các giới, các xứ. Ba cõi khởi nguồn từ sự phân biệt những cái phi thực, còn chư Như Lai không khởi nguồn từ sự phân biệt những cái phi thực. Này Mahàmati, ở đâu có nhị biên thì ở đấy có thường hằng và vô thường do bởi sự không là một của nó. Này Mahàmati, [sự thực về] sự cô tịch tuyệt đối thực sự là phi nhị biên[1], vì tất cả các sự vật được định tính bằng phi nhị biên và bất sinh. Vì thế, này Mahàmati, chư Như Lai, chư vị A-la-hán, chư vị Toàn Giác không thường hằng cũng không vô thường. Này Mahàmati, chừng nào còn có sự phân biệt theo ngôn từ, [219] thì theo sau đó còn có cái ý niệm sai lầm về thường hằng và vô thường. Này Mahàmati, sự đoạn diệt cái quan niệm về thường và vô thường như người ngu chủ trương sẽ sinh khởi do loại bỏ cái biết được đặt căn bản trên phân biệt chứ không phải do loại bỏ cái biết được đặt căn bản trên trí tuệ của sự cô tịch. Cho nên nói:

1. Bằng cách gạt bỏ thường và vô thường, [và dù] bằng cách giữ lấy thường và vô thường trong kiến giải, những ai luôn luôn nhìn thấy chư Phật

---

(1) Được đọc là advayam, chứ không là dvayam.

thuvienhuequang.vn

sẽ không đặt mình vào năng lực của các học thuyết triết học.

2. Khi thường và vô thường bị dính mắc vào tất cả thì sự tích tập [mà người ta thực hiện để chứng đắc thực tính] sẽ là vô ích; bằng cách diệt trừ cái biết được đặt căn bản trên phân biệt thì [cái ý niệm về] thường và vô thường bị đẩy lui.

3. Ngay khi một sự khẳng định được hình thành thì tất cả đều lẫn lộn; khi người ta hiểu rằng trong thế giới không có gì ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm, thì các tranh luận không bao giờ sinh khởi.

Đến đây là hết chương thứ năm, "Về suy luận về thường và vô thường của Như Lai".

*
* *

thuvienhuequang.vn

chương sáu

SỰ CHUYỂN BIẾN THEO TỪNG SÁT NA (Sát-na chuyển)

LXXXII

[220] Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại thỉnh vấn Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin hãy nói cho con biết; bạch đấng Thiện Thệ, xin hãy nói cho con biết về sự sinh khởi và sự biến mất của các uẩn, các giới và các xứ. Trong trường hợp không có ngã - linh hồn thì cái gì hiện hữu và cái gì biến mất ? Người ngu bị ràng buộc vào ý niệm sinh và diệt, không hiểu được sự dập tắt khổ đau, và như thế họ không hiểu Niết-bàn là gì.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, thế thì hãy nghe cho kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông biết.

Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch: Thưa vâng,

thuvienhuequang.vn

bạch Thế Tôn; rồi Bồ-tát lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói với Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, Như Lai tạng giữ trong nó cái nguyên nhân của cái thiện và cái ác và tất cả các hình thức hiện hữu đều được tạo ra do từ nó. Giống như một diễn viên, nó mang lấy nhiều hình trạng khác nhau và [trong tự nó] không có một ngã - linh hồn và những thứ thuộc về ngã - linh hồn. Vì người ta không hiểu điều này nên có sự tác động lẫn nhau của ba hòa hợp, từ đó các kết quả xảy ra. Nhưng các triết gia vì không hiểu điều này nên chấp chặt vào cái ý niệm về một nguyên nhân [hay một nhân tố sinh tạo]. Do bởi ảnh hưởng của tập khí vốn đã chất chứa khác nhau bởi sự suy luận sai lầm từ thời vô thỉ, nên cái hiện đang có cái tên là A-lại-da thức (Àlayavijñàna) kèm theo là bảy thức tạo sự sinh khởi cho một trạng thái gọi là chỗ trú của vô minh. Giống như một biển lớn trong đó sóng mãi cuồn cuộn nhưng [dưới sâu vẫn bất động, tức là] cái phần [A-lại-da] tự nó vẫn tồn tại không gián đoạn, hoàn toàn vượt khỏi sự hư giả của vô thường, không liên hệ gì với học thuyết ngã thể, và hoàn toàn thanh tịnh trong bản tính của nó.

Còn về bảy thức kia, khởi đầu bằng Ý và Ý thức, chúng có sự sinh khởi và dứt đoạn hoàn toàn

thuvienhuequang.vn

của chúng từng lúc một. Chúng được sinh ra với cái nguyên nhân là sự phân biệt sai lầm, và với các điều kiện (duyên) là các hình sắc và các tướng trạng và tính chất đối tượng nối kết một cách thâm sâu với nhau; đính mắc vào các tên gọi là các hình tướng (danh - sắc), chúng không hiểu rằng những hình tướng đối tượng đặc thù thì không[1] gì hơn là những thứ được nhìn thấy từ chính cái Tâm vốn không tạo sự thông tin chính xác về hỷ lạc và khổ đau; chúng không phải là nguyên nhân của giải thoát; hễ nêu dựng danh và sắc là những thứ được sinh ra từ tham thì tham lại sinh ra và hai phía cứ hỗ tương tác động (sở duyên và duyên). Khi các quan năng (căn) thu nhiếp [thế giới đối tượng] bị tiêu diệt, thì những thứ khác lập tức ngưng vận hành và không còn có sự nhận biết hỷ lạc hay khổ đau vốn là sự tự phân biệt của cái biết; do đó có sự đạt diệt tận định trong đó các tư tưởng và cảm giác đều được an tịnh, hoặc có sự thể chứng bốn Thiền định (Dhyàna) trong đó các chân lý giải thoát được thông hiểu; ngay lúc ấy, các bậc Tu hành sẽ nắm giữ cái ý niệm về giải thoát [chân thực], do bởi sự không sinh khởi [của các thức].

[Nhưng] khi một sự đột biến không xảy ra trong Thức A-lại-da được gọi là Như Lai tạng thì

---

(1) Theo bản Đường và Tống.

thuvienhuequang.vn

sẽ không có sự dứt đoạn của bảy thức gây phát triển. Tại sao ? Vì sự phát triển của các thức tùy thuộc vào nguyên nhân này; nhưng điều này không thuộc lãnh vực của hàng Thanh văn, Duyên giác và của những kẻ tu tập theo cách tu tập của các triết gia. Vì họ [chỉ] biết cái vô ngã của ngã - linh hồn, vì họ [chỉ] chấp nhận tính đặc thù và tính tổng quát của các uẩn, giới, xứ nên có sự gây phát triển của Như Lai tạng. Khi người ta có được một trí tuệ thấu suốt năm pháp, ba tự tính và sự vô ngã của tất cả các sự vật thì Như Lai tạng trở thành an tịnh. Nhờ gây nên một sự đột biến trong sự phát triển tương tục của các địa theo thứ bậc, [vị Bồ-tát] mới có thể không bị các triết gia chủ trương những kiến giải khác dẫn đi lạc đường. Tự an lập ở địa Bồ-tát Bất động [Acalà], vị ấy đạt tới con đường dẫn đến hạnh phúc của mười Tam-ma-địa. Được phù trợ bởi chư Phật trong Tam-ma-địa, quán sát các chân lý của chư Phật là những chân lý vượt khỏi tư tưởng và quán sát các bổn nguyện của mình, không nhập vào hạnh phúc của Tam-ma-địa vốn là giới hạn của thực tính, nhưng nhờ vào sự tự chứng mà thông thường các cách tu tập thuộc hàng Thanh văn, Duyên giác và các triết gia không đạt được, vị Bồ-tát đạt được mười đường tu tập thuộc Thánh tộc [của chư Như Lai], và [cũng đạt được] cái thân trí tuệ sinh ra do ý nguyện được

thuvienhuequang.vn

thoát khỏi những hành tác [có ý định trước] của Tam-ma-địa. Vì lý do ấy cho nên này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát cầu tìm cái chân lý cao vời phải thanh tịnh cái Như Lai tạng được gọi là thức A-lại-da.

Này Mahàmati, nếu ông bảo rằng không có cái Như Lai tạng gọi là (được biết là) thức A-lại-da thì sẽ không có sự sinh khởi hay sự biến mất [của một thế giới bên ngoài gồm những đa phức] khi không có cái Như Lai tạng được gọi là thức A-lại-da. Nhưng này Mahàmati, có sự sinh khởi và sự biến mất của kẻ ngu cũng như của hàng Thánh giả. [Do đó], trong khi đi trên Thánh đạo của tự chứng và trú trong sự vui hưởng các sự vật như thế, các bậc Tu hành đã không lìa bỏ công phu khó nhọc và không bao giờ bị thất bại [trong những hiểu biết của họ]. Này Mahàmati, cảnh giới của Như Lai tạng vốn là không ô nhiễm và vượt ra ngoài mọi lý thuyết lý luận của hàng Thanh văn, Duyên giác và các triết gia, nhưng nó xuất hiện nơi họ mà không thanh tịnh vì nó bị ô nhiễm bởi những cấu uế bên ngoài này. Này Mahàmati, trường hợp của chư Như Lai thì lại không như thế, đối với chư Như Lai, đấy là một kinh nghiệm trực giác như là một trái Àmalaka được nắm trong lòng bàn tay.

Này Mahàmati, Ta đã giảng điều này trong

thuvienhuequang.vn

kinh nói về Hoàng hậu 'Srìmàlà (Thắng Man phu nhân), [223] và trong một kinh khác, ở đấy chư Bồ-tát có được cái biết tinh tế, tốt lành, thanh tịnh, được phụ trợ [bởi các thần lực của Ta] Ta bảo rằng Như Lai tạng được biết là thức A-lại-da chuyển biến cùng với bảy thức. Điều này nhằm cho các Thanh văn chưa thoát khỏi chấp để làm cho họ thấy tới cái vô ngã của tất cả các sự vật; và nhằm cho Hoàng hậu 'Srimàlà đã được gia lực của Đức Phật, cho nên cảnh giới [thanh tịnh] của Như Lai tính được thuyết giảng. Điều này không thuộc cảnh giới lý luận của hàng Thanh văn, Duyên giác và các triết gia khác, này Mahàmati, ngoại trừ cảnh giới Như Lai tính này là cảnh giới của Như Lai tạng. Thức A-lại-da được nhằm cho chư Bồ-tát Ma-ha-tát như ông, có được cái năng lực tư tưởng tinh tế, tốt lành và thẩm nhập và có được sự hiểu biết phù hợp với ý nghĩa, chứ không nhằm cho những kẻ khác như các triết gia. Thanh văn và Duyên giác bị ràng buộc vào văn tự trong các kinh điển. Vì thế, này Mahàmati, ông và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác phải tu tập trong cảnh giới của Như Lai tính, trong sự hiểu biết về cái Như Lai tạng A-lại-da thức này, để các ông không chỉ bằng lòng với sự học suông. Cho nên nói:

1. Cái tạng của chư Như Lai quả thực đồng

thuvienhuequang.vn

nhất với bảy thức; khi chấp vào điều ấy thì nhị biên sinh khởi, nhưng khi hiểu biết điều ấy một cách đúng đắn thì nhị biên không còn nữa.

2. Cái tâm vốn là sản phẩm của trí tuệ từ thời vô thỉ, được nhìn thấy như là hình ảnh suông; khi các sự vật được quán sát đúng như các sự trong chính chúng thì không có tính đối tượng (khách tính) cũng không có sự xuất hiện của nó.

3. Như người ngu, nhiếp vào đầu ngón tay chứ không vào mặt trăng, [224] cho nên những ai chấp vào văn tự thì không biết được chân lý của Ta.

4. Tâm nhảy múa như một vũ công; Ý giống như một anh hề; [Ý] thức hiệp cùng năm [thức] tạo ra thế giới đối tượng giống như một sân khấu[1].

LXXXIII

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati thỉnh bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết; bạch đấng Thiện Thệ, xin Ngài nói cho con biết những khía cạnh khác nhau của năm pháp, [ba] tự tính, [tám] thức và hai thứ vô ngã. Do [nhận biết được] các khía cạnh khác nhau của hai vô ngã, con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác sẽ có

---

(1) Hình như bản Tống và bản Đường hiểu câu kệ này không đúng.

thuvienhuequang.vn

thể thiết lập những chân lý ấy trong khi thực hành một sự phát triển (tu tập) qua các Bồ-tát địa khác nhau. Chúng con được biết rằng nhờ các chân lý này và chúng con có thể vào các chân lý Phật, và do vào tất cả các chân lý Phật, chúng con cũng vào được cả mảng đất của sự chứng ngộ tự nội của Như Lai.

Thế Tôn dạy: Thế thì này Mahàmati, hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông, Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn ! Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn bảo Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, Ta sẽ nói cho ông nghe về các khía cạnh khác nhau của năm pháp, [ba] tự tính, [tám] thức và hai vô ngã. Năm pháp là: danh, tướng, phân biệt, chánh trí và như như. [Khi] các bậc Tu hành [thông hiểu các pháp ấy, họ sẽ nhập vào dòng chứng ngộ tự nội của Như Lai, nơi ấy họ sẽ được tách khỏi những kiến giải như vĩnh cửu luận và đoạn diệt luận, hiện thực luận và phu định luận; và [225] họ sẽ được đối mặt với trú xứ của hạnh phúc của đời hiện tại cũng như của Tam-ma-bạt-đề (sự tĩnh tịch). Nhưng này Mahàmati, vì người ngu không hiểu rằng năm pháp, [ba] tự tính, [tám] thức và hai vô ngã cùng với các đối tượng bên ngoài được xem là

thuvienhuequang.vn

hiện hữu và phi hiện hữu - [tất cả những thứ này không gì khác hơn là] những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm - họ buông mình theo sự phân biệt, nhưng với người trí thì không như thế.

Mahàmati bạch: Thế nào là người ngu buông mình theo sự phân biệt và người trí thì không như thế ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, người ngu chấp vào các tên gọi, các ý niệm, các tướng trạng; tâm của họ vận hành theo [các đường hướng này]. Vì họ cứ tiến hành như vậy nên họ sống bằng các đa phức của các đối tượng, và rơi vào cái ý niệm về một ngã - linh hồn và những gì thuộc về nó, và chấp vào những vẻ bên ngoài có lợi. Vì họ chấp như thế nên có một quay trở lại vô minh và họ trở thành hư hoại, nghiệp chướng sinh ra từ tham, sân và si được tích tập. Vì nghiệp tích tập mãi hoài nên Tâm của họ trở thành bị quấn trong cái kén của sự phân biệt giống như con tằm; và do luân hồi trong biển sinh tử (gati), giống như bánh xe kéo nước, họ không thể tiến lên được. Và do si muội, họ không hiểu rằng tất cả các sự vật đều giống như Huyễn giả, như một ảo ảnh, như trăng trong nước, và không có một bản thể nào để được tưởng tượng là một ngã - linh hồn và những gì thuộc về ngã - linh hồn, họ không hiểu rằng các sự vật sinh khởi

thuvienhuequang.vn

do từ vọng tưởng của họ; rằng các sự vật không có cái được định tính và cái định tính; và chẳng dính dấp gì tới dòng sinh, trụ và diệt; rằng các sự vật sinh ra từ sự phân biệt những gì chỉ được nhìn thấy từ chính cái Tâm mà thôi, và khẳng định[1] rằng các sự vật được sinh ra từ Tự tại thiên (I'svara), thời gian, các nguyên tử hay từ một thần linh tối cao vì họ chạy theo các tên gọi và các vẻ bên ngoài (danh, tướng). Người ngu trôi lăn theo các tướng (vẻ bên ngoài).

Lại nữa, này Mahàmati, "tướng" có nghĩa là cái gì tự hiển lộ nó cho nhĩ căn [226] và được nhận thức là các hình trạng và cũng theo cách như vậy, những gì xuất hiện cho sự nghe, ngửi, nếm, thân thể và ý thức (nhĩ, tị, thiệt, thân, ý) và được nhận thức là âm thanh, mùi, vị, sự xúc chạm và ý niệm (thanh, hương, vị, xúc, pháp) - tất cả các thứ ấy Ta gọi là "tướng".

Lại nữa, này Mahàmati, "sự phân biệt" có nghĩa là cái gì mà nhờ đó những tên gọi được nêu ra và do đó mà có sự trở về các tướng [khác nhau]. Bảo rằng đây là cái này chứ không phải cái kia, chẳng hạn, bảo rằng một con voi, một con ngựa, một bánh xe, một người đi bộ, một phụ nữ, một

---

(1) Theo ban Đường và ban Ngụy.

thuvienhuequang.vn

người đàn ông, mỗi ý niệm được phân biệt như thế thì được chỉ định như thế.

Lại nữa, này Mahàmati, "Chánh trí" nghĩa là thế này: khi các danh và các tướng được xem là không thể hiểu được do bởi sự ảnh hưởng hỗ tương về điều kiện (duyên) thì không còn có sự sinh khởi của các thức nữa; vì không có cái gì đoạn diệt nên không có cái gì thường trụ, và khi không bị rơi trở lại vào cấp độ của các triết gia, Thanh văn và Duyên giác như thế thì gọi là có chánh trí. Lại nữa, này Mahàmati nhờ vào chánh trí này mà vị Bồ-tát Ma-ha-tát không xem danh là thực và tướng là phi thực.

Khi các vọng kiến đặt căn bản trên ý niệm nhị biên về khẳng định và phủ định bị loại bỏ và khi các thức không còn sinh khởi về thế giới đối tượng của danh và tướng, Ta gọi đấy là "Như như". Này Mahàmati, một vị Bồ-tát Ma-ha-tát an lập trên như như thì đạt được trạng thái vô tướng và theo đó đạt địa Bồ-tát Hoan hỉ (Hoan hỉ địa - Pramudità).

Khi [vị Bồ-tát] đạt địa Hoan hỉ, vị ấy tách ly khỏi các xu hướng xấu của các triết gia và nhập vào con đường của các chân lý siêu thế gian. Khi [tất cả] các điều kiện [của chân lý] đã thành tựu, vị ấy nhận ra rằng dòng tiếp diễn của tất cả các sự vật khởi từ cái ý niệm về Huyễn giả v.v... và sau

thuvienhuequang.vn

khi đạt được cái chân lý cao thượng của tự chứng, vị ấy nỗ lực chận đứng việc thiết lập lý thuyết lý luận; [227] và do liên tục trải qua các địa Bồ-tát, cuối cùng vị ấy đạt đến địa Pháp vân (Pháp vân địa - Dharmameghà). Sau khi đạt địa Pháp vân, vị ấy đạt đến địa Như Lai (Như Lai địa), nơi ấy những bông hoa của các Tam-ma-địa, các năng lực, sự tự điều ngự và những khả năng tâm linh đều nở rộ. Sau khi đạt đến đây, để mang tất cả mọi chúng sinh đến thuần thục, vị ấy chiếu sáng như mặt trăng trong nước, bằng những tia sáng khác nhau. Thành tựu đầy đủ[1] [mười] nguyện vô tận, vị ấy giảng pháp cho tất cả mọi chúng sinh tùy theo những hiểu biết khác nhau của họ. Này Mahàmati, vì chư Bồ-tát Ma-ha-tát đã nhập vào Như như, nên họ có cái thân thoát khỏi ý muốn và các cấu trúc tư tưởng[2].

Mahàmati lại bạch: Có nên xem ba tự tính là gồm trong năm pháp hay xem ba tự tính có những đặc tính riêng trọn vẹn trong chính tự chúng ?

Thế Tôn dạy: Ba tự tính, tám thức và hai vô ngã - tất cả các thứ ấy đều gồm [trong năm pháp].

---

(1) Theo bản Tống và bản Đường

(2) Bản Đường và bản Ngụy ghi là Citta - Mano - Manovijnànarahitam.

thuvienhuequang.vn

Danh và tướng của chúng đều được gọi (được biết) là Parikalpìta (vọng tưởng). Này Mahàmati, sự phân biệt sinh khởi tùy thuộc vào chúng là một ý niệm về một ngã - linh hồn và những gì thuộc về ngã - linh hồn, cái ý niệm và sự phân biệt xảy ra đồng thời, giống như mặt rời mọc lên và những tia sáng của nó. Này Mahàmati, sự phân biệt phụ trợ cái ý niệm về tự tính tiềm ẩm trong các đa phức của các đối tượng thì gọi là Y tha khởi [dựa vào cái khác - Paratantra]. Này Mahàmati, chánh trí và như như thì bất diệt, và do đó chánh trí và như như được gọi là Toàn trí [Parinishpana].

Lại nữa, này Mahàmati, do dính mắc vào những gì được nhìn thấy bằng chính cái Tâm nên có tám phân biệt. Điều này là do bởi sự tưởng tượng ra những đặc tướng không thực [mà cho là thực]. [228] Khi hai cái chấp vào một ngã - linh hồn và những gì thuộc về ngã - linh hồn không còn nữa thì có sự khởi sinh của hai vô ngã. Này Mahàmati, năm pháp này gồm tất cả các chân lý Phật giáo và cũng gồm cả sự khác biệt và tương tục của các [Bồ-tát] địa, và sự việc hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và Như Lai nhập vào trạng thái tự chứng bằng Thánh trí của chư vị ấy.

* * *

thuvienhuequang.vn

LXXXIV

Lại nữa, này Mahàmati, trong năm pháp - danh, tướng, phân biệt, chánh trí và như như - tướng là cái được nhìn thấy ra các đặc tính như hình thức, hình dạng, các đặc trưng khác nhau, các hình ảnh, các màu sắc v.v... Đấy là "tướng". Do tướng này mà các ý niệm được hình thành như bình v.v... theo đó người ta có thể nói cái này là thế này chứ không phải thế kia, đấy là "danh". Khi danh (tên gọi) được nêu ra thì các tướng được chỉ định[1] và có "sự phân biệt" bảo rằng đây là tâm, và đây là thuộc về tâm. Các danh và các tướng này cuối cùng là bất khả đắc vì khi cái trí bị gỡ đi thì khía cạnh hỗ tương [trong đó tất cả các sự vật được chỉ định] không còn được nhận thức, được tưởng tượng nữa - đấy gọi là cái "như như" của các sự vật. Và cái như như này được định tính là chân lý, thực tính, cái biết đúng, giới hạn, nguồn suối, tự thể, bất khả đắc. Đấy là điều mà chính Ta và chư Như Lai chứng đắc, vạch rõ ra một cách thực sự trọn vẹn, nhận biết, phổ biến và bày tỏ rộng khắp. Khi thuận hợp với điều này, [chân lý] được hiểu đúng đắn rằng không phải là phủ định cũng

---

(1) Samadharmeti và tiếp theo phần này có lẽ bị bỏ đi trong các bản Hán.

thuvienhuequang.vn

không phải là xác định, phân biệt không còn sinh khởi và có một trạng thái đúng hợp với tự chứng nhờ ở Thánh trí, không phải là cái xu hướng tranh luận của các triết gia, Thanh văn và Duyên giác, đấy gọi là "chánh trí".

[229] Này Mahàmati, đấy là năm pháp và trong năm pháp này gồm ba tự tính, tám thức, hai vô ngã và tất cả mọi chân lý Phật giáo. Này Mahàmati, ông hãy suy nghĩ cho kỹ điều này bằng chính trí tuệ của ông và hãy khiến cho những người khác làm [như thế] chứ đừng để ông bị người khác dẫn dắt (sai lạc). Cho nên bảo:

5. Năm pháp, các tự tính, tám thức và hai vô ngã - tất cả đều nằm trong Đại thừa.

6. Danh tướng và phân biệt [liên hệ đến] hai tự tính đầu tiên, trong khi chánh trí và như như là Toàn trí (Parinishpanna).

LXXXV

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Trong kinh, Thế Tôn dạy rằng chư Như Lai trong quá khứ, hiện tại và vị lai giống như cát sông Hằng (Gangà). Bạch Thế Tôn, điều này có thể chấp nhận theo nghĩa bình thường hay có một

thuvienhuequang.vn

ý nghĩa khác ? Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết.

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, chớ hiểu điều ấy theo nghĩa thường, vì này Mahàmati chư Phật trong ba đời thì không thể đo đếm được bằng sự đo đếm cát của sông Hằng. Tại sao ? Vì một sự so sánh mà vượt lên một cái gì đó của thế giới và vượt lên nó thì không thể được gọi là một sự so sánh, vì trong nó không có cái gì giống và cái gì không giống. [230] Chư Như Lai, A-la-hán, Toàn Giác không nêu ra một sự tương tục trong nó có cái gì giống và cái gì không giống và nó vượt khỏi thế giới và vượt khỏi nó. Nhưng này Mahàmati, Ta và chư Như Lai chỉ nêu ra sự so sánh trong đó bảo rằng chư Như Lai, A-la-hán, Toàn Giác giống như cát sông Hằng; ý niệm ấy gây kinh sợ cho người ngu và kẻ sơ trí là những kẻ chấp chặt vào cái ý niệm về thường và vô thường và buông mình theo cách suy nghĩ, kiến giải sai lầm của các triết gia và trôi lăn theo bánh xe luân hồi. Với những ai lưu tâm thoát khỏi những rắc rối của bánh xe của cuộc đời mà cầu tìm trạng thái cao vời và nghĩ cách để có thể thực hiện được như thế, thì họ được dạy rằng sự xuất hiện của chư Như Lai không giống như hoa udumbara (ưu-đàm) nở, vì nhờ đó mà họ sẽ thấy rằng đạt được Phật tính không phải là khó

thuvienhuequang.vn

thực hiện và họ sẽ nỗ lực tinh tấn. Nhưng kinh dạy rằng chư Như Lai xuất hiện, hiếm hoi như hoa udumbara và điều này là để nói cho những kẻ do Ta dẫn đạo. Này Mahàmati, tuy thế, chưa có ai từng thấy hoa udumbara nở, sẽ không ai thấy được hoa udumbara nở; này Mahàmati, trong khi đó chư Như Lai đang ở trong đời này; có thể rằng chư Như Lai được nhìn thấy và phải được nhìn thấy, chư Như Lai xuất hiện hiếm như hoa udumbara [thực ra] chẳng phải liên hệ gì đến sự an lập của chính chân lý. Này Mahàmati, khi sự an lập của chính chân lý được tỏ rõ, nó vượt khỏi mọi đo lường, không thứ gì trong đời có thể lấy làm ví dụ so sánh với nó, vì [người ngu] không thể tin được. Và do đó về phía người ngu và kẻ sơ trí thì không có sự tin tưởng; [231] không có chỗ nào dành cho sự so sánh vào lãnh vực của tự chứng là lãnh vực chỉ được thực hiện bằng Thánh trí. Chân lý vượt khỏi mọi ý niệm vốn là đặc tính của Tâm, Ý và Ý thức. Chân lý là chư Như Lai, và do đó trong chư Như Lai không có gì có thể được diễn tả bằng so sánh được.

Nhưng, này Mahàmati, [đôi khi] cũng có thể được sử dụng; tức là, chư Như Lai được bảo là giống với cát sông Hằng, vì chư vị là nhất như và bình đẳng [với mọi sự vật], vì chư vị vượt ra ngoài

thuvienhuequang.vn

tưởng tượng và phân biệt. Này Mahàmati, ví như cát sông Hằng có bị tung khắp bởi cá, rùa, cá heo, cá sấu, trâu, sư tử, voi v.v... nhưng cát cũng vượt khỏi tưởng tượng vào phân biệt; vì cát không giận mà bảo: "Chúng ta bị giẫm lên" hay "Chúng ta không có". Cát là vô phân biệt, thanh tịnh trong chính chúng, tách biệt với mọi ô nhiễm. Đẳng này cũng vậy, này Mahàmati, sự tự chứng của Thanh trí mà chư Như Lai, chư A-la-hán, chư vị Toàn giác đã đạt được cũng giống như sông Hằng và các năng lực, các khả năng tâm linh (thần thông), và sự tự điều ngự của chư vị giống như cát, và tuy chư vị bị tung khắp bởi những con cá của hàng triết gia, bởi kẻ ngu thuộc các trường phái khác, chư vị cũng không bị rối rắm bởi các tưởng tượng và các phân biệt. Do bởi các bổn nguyện, chư Như Lai [mà tâm] tràn đầy an lạc của Tam-ma-bạt-đề không bị rối rắm vì các tưởng tượng và các phân biệt đối với chúng sinh. Do đó, chư Như Lai giống như cát của sông Hằng thoát khỏi sự thiên vị do bởi chư vị không có những cái thích hay không thích.

Này Mahàmati, Ví dụ vì cát của sông Hằng mang tính chất của đất, cơn hỏa hoạn sẽ gây ra và cuối kiếp-ba (kalpa) có thể sẽ đốt cháy của đất. Này Mahàmati, đất không bị cháy vì đất không tách lìa với thành tố lửa, [232] và chỉ có người ngu

thuvienhuequang.vn

và kẻ sơ trí do bị rơi vào các vọng niệm mà tưởng rằng đất bị lửa đốt cháy. Trái lại vì đất cung cấp cái nguyên nhân vật chất cho thành tố lửa cho nên có không bao giờ bị cháy. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, Pháp thân của chư Như Lai, giống như cát sông Hằng, không bao giờ bị tiêu diệt.

Này Mahàmati, ví dụ: Cát của sông Hằng thì không thể đo đếm được. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, những tia ánh sáng của chư Như Lai thì vượt khỏi sự đo đếm, được chư Như Lai phóng chiếu trong tất cả các hội chúng của Phật để đưa chúng sinh đến chỗ chín muồi và khích lệ họ [đến cái biết chân lý].

Này Mahàmati, ví dụ: Cát sông Hằng không mang cái bản chất khác với chính nó mà bao giờ cũng giữ được như thế. Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, chư Như Lai, A-la-hán, Toàn Giác không sinh khởi, không biến mất trong luân hồi vì trong chư vị, cái nguyên nhân làm cho chư vị hiện hữu đã không còn nữa.

Này Mahàmati, ví dụ: Cát của sông Hằng thì khó được biết là chúng bị vơi đi hay được thêm vào. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, trí tuệ của chư Như Lai được dùng vào việc làm cho chúng sinh được chín muồi thì không hao hụt cũng không tăng thêm, vì pháp không có cái thân vật lý. Này

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, cái gì có một cái thân vật lý thì phải bị đoạn diệt chứ cái gì không có cái thân vật lý thì không bị như thế; và pháp không phải là một cái thân vật lý.

Này Mahàmati, ví dụ: Cát của sông Hằng dù cho có bị ép thật nhiều để lấy bơ lỏng và dầu, chúng cũng không thể cho được các thứ ấy. Đằng này cũng vậy, [233] này Mahàmati, chừng nào tất cả các chúng sinh chưa được chư Như Lai với lòng từ bi lớn lao dẫn vào Niết-bàn thì chư Như Lai không bao giờ dứt bỏ những quan tâm[1] sâu đậm và các bổn nguyện hạnh phúc đối với pháp giới (Dharmadhàtu), dù cho chư vị phải mang nặng khổ đau vì chúng sinh.

Này Mahàmati, ví dụ: Cát của sông Hằng bị dòng nước kéo theo chứ không bị kéo theo ở nơi không có nước. Đằng này cũng thế, này Mahàmati, giáo lý của Như Lai về tất cả các chân lý Phật giáo xảy ra theo với dòng Niết-bàn; vì lý do ấy mà bảo rằng chư Như Lai giống như cát sông Hằng.

Này Mahàmati, trong Như Lai ("đến như thế") không có ý nghĩa "đi xa"; này Mahàmati, "đi xa" nghĩa là đoạn diệt. Này Mahàmati, giới hạn tiên sơ của luân hồi thì không được biết đến. Không được biết đến, làm sao Ta có thể nói về ý nghĩa của "đi

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

xa" ? Này Mahàmati, ý nghĩa của "đi xa" là đoạn diệt, và người ngu và kẻ sơ trí không biết điều này.

Mahàmati bạch: Bạch Thế Tôn, nếu cái giới hạn tiên sơ của luân hồi của tất cả chúng sinh là không thể biết được thì làm sao có thể biết được sự giải thoát của chúng sinh ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, khi không hiểu rằng thế giới đối tượng không là gì cả ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm thì cái tập khí của lý luận sai lầm và của phân biệt lầm lạc vốn đã tiếp diễn từ thời vô thỉ sẽ bị loại bỏ, và có một sự đột biến ở cái căn bản của phân biệt. Này Mahàmati, đây là giải thoát chứ không phải là đoạn diệt. Do đó, này Mahàmati, không thể nói gì về vô cùng được. Vô cùng trong giới hạn, này Mahàmati, là một cái tên khác dành cho phán biệt. Bên ngoài cái phân biệt [234] thì không có những chúng sinh khác. Này Mahàmati, khi tất cả các sự vật bên ngoài hoặc bên trong được quán sát bằng trí tuệ thì vắng bặt cái năng tri của sở tri. Nhưng khi không nhận biết được rằng tất cả các sự vật sinh khởi từ sự phân biệt của chính cái Tâm thì sự phân biệt tự khẳng định nó. Khi người ta hiểu điều ấy thì sự phân biệt không còn nữa; cho nên bảo:

7. Những ai xem những vị gỡ bỏ trở ngại [tức là chư Phật] là không đoạn diệt cũng không vĩnh

thuvienhuequang.vn

viễn ra đi như cát sông Hằng thì đấy là những người thấy được Như Lai.

8. Như cát sông Hằng, cát không có bất cứ sai lầm nào: Cát trôi theo dòng nước và thường hằng, bản chất [hay bản thể] của Phật tính cũng như thế.

LXXXVI

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: Bạch Thế Tôn, xin Ngài nói cho con biết; bạch đấng Thiện Thệ, Như Lai, A-la-hán, Toàn Giác, xin Ngài nói cho con biết về sự đoạn diệt trong từng lúc (sát-na) của tất cả các sự vật và những dấu hiệu riêng của chúng. Bạch Thế Tôn, tất cả các sự vật là tạm thời (theo từng sát-na) nghĩa là gì ?

Thế Tôn đáp: Này Mahàmati, thế thì hãy lắng nghe kỹ và hãy suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn bảo với Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, tất cả các sự vật, tất cả các sự vật mà ta nói đến, chúng là tốt hay xấu, tạo kết quả hay không tạo kết quả, thuộc thế giới này [235] hay thuộc siêu thế giới, hư dối hay không hư dối, hữu lậu hay vô

thuvienhuequang.vn

lậu, có tiếp thọ hay không tiếp thọ. Này Mahàmati, tóm lại, năm uẩn thích nghi [1] có sự sinh khởi của chúng từ cái tập khí của Tâm, Ý và Ý thức, chúng được tưởng ra là tốt hay xấu. Này Mahàmati, hạnh phúc của Tam-ma-địa và những chứng đắc [sinh ra từ đó] mà người trí có được vì họ an trú trong hạnh phúc của thế giới hiện hữu thì được gọi là những sự thiện vô lậu.

Lại nữa, này Mahàmati, tám thức nghĩa là tốt và xấu (thiện và ác). Tám thức là gì ? Tám thức là Như Lai tạng được gọi (được biết) là A-lại-da thức, Ý và Ý thức là hệ thống năm thức như các triết gia miêu tả. Này Mahàmati, hệ thống năm thức thì cùng với Ý thức (Manovijñàna) và có một sự tương tục không bị chia chẽ và sự khác biệt của tốt và xấu, và cái toàn bộ ấy vận hành một cách liên tục và buộc chặt lấy nhau. Vì tiếp tục vận hành, nó đi đến một chỗ chấm dứt; nhưng vì không hiểu rằng không có gì trong thế giới ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm, nên có sự sinh khởi của [hệ thống] thức khác đi theo sau sự diệt của cái thức đầu tiên; và Ý thức hợp nhất với hệ thống

---

(1) Tất cả các uẩn đều tự thích nghi, hay tự nhiếp khi nào còn có sự ràng buộc vào cái ý niệm về một ngã linh hồn. Khi cái ngã linh hồn bị loại bỏ thì các uẩn là vô lậu (anasrava), tức là không bị ô nhiễm ác lậu.

thuvienhuequang.vn

năm thức, nhận thức sự khác biệt của các tướng trạng và các hình ảnh mà được đưa vào vận động không giữ yên được trong một giây phút nào. Điều này ta gọi là sát-na chuyển (tạm bợ, thay đổi trong từng sát-na). Này Mahàmati, A-lại-da thức được gọi là Như Lai tạng đi kèm với Ý (manas) và với cái tập khí của các thức phát sinh là có tính chất sát-na chuyển. Đây là sát-na chuyển. Nhưng [A-lại-da thức cùng đi] với tập khí vô lậu (anàsrava) [238] thì không phải là sát-na chuyển. Người ngu và kẻ sơ trí miệt mài với học thuyết về sự sát-na chyển nên không hiểu điều này. Vì không hiểu tính sát-na chuyển và tính phi sát-na chuyển của tất cả các sự vật nên họ theo hư vô luận, từ đó họ nỗ lực hủy diệt cả cái vô vi (asamskrita). Này Mahàmati, chính tự cái hệ thống năm thức thì không bị luân hồi cũng không bị hỷ lạc và đau khổ, cũng không đưa đến Niết-bàn. Nhưng này Mahàmati, Như Lai tạng đi cùng với cái nguyên nhân thọ nhận hỷ lạc và đau khổ; chính nó khiến cho sự hành tác vận động và ngưng dứt; nó bị bốn tập khí làm cho mê muội. Nhưng người ngu không hiểu nó vì tư tưởng của họ chứa đầy tập khí phân biệt là cái tập khí theo kiến giải chủ trương sát-na chuyển.

Lại nữa, này Mahàmati, vàng, kim cương (vajra) và Xá-lợi của đức Phật, do bởi đặc tính

thuvienhuequang.vn

riêng của chúng nên không bao giờ bị hủy hoại mà vẫn giữ y nguyên cho đến tận cùng của thời gian. Này Mahàmati, nếu bản chất của chứng ngộ là sát-na chuyển thì người trí sẽ mất sự thông tuệ (àryatva) của họ, nhưng (thực ra) họ chẳng từng mất sự thông tuệ. Này Mahàmati, vàng và kim cương vẫn giữ luôn luôn như thế cho đến tận cùng của thời gian; vẫn luôn như thế, vàng và kim cương không giảm, không tăng, thế thì làm sao kẻ ngu vốn không biết được cái ý nghĩa thâm mật của tất cả các sự vật bên trong và bên ngoài lại phân biệt trong ý nghĩa về sát-na chuyển ?

LXXXVII

Mahàmati lại hỏi: Thế Tôn dạy rằng do thành tựu sáu Ba-la-mật (Pàramitas) mà được thể chứng Phật tính. Sáu Ba-la-mật là gì ? Và người ta thành tựu sáu Ba-la-mật như thế nào ?

Thế Tôn đáp: Này Mahàmati, có ba loại Ba-la-mật. Ba loại ấy là gì ? Đấy là loại thuộc thế gian, loại xuất thế gian và loại tối thượng siêu thế gian. Này Mahàmati, trong ba loại này, loại Ba-la-mật thế gian [được thực hành như sau]: Do dính chặt vào cái ý niệm về một ngã linh hồn và những gì thuộc về ngã linh hồn và do nắm chặt vào nhị biên, những ai tham ái cái thế giới hình sắc này v.v..., sẽ

thuvienhuequang.vn

thực hành Ba-la-mật về bố thí để đạt đến các cảnh giới của hiện hữu. Cũng thế, này Mahàmati, người ngu sẽ thực hành (tu tập) các Ba-la-mật trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền định và Bát-nhã. Đạt được các năng lực tâm linh, họ sẽ được sinh vào cõi Phạm thiên.

Còn về các Ba-la-mật xuất thế gian thì hàng Thanh văn, Duyên giác có tư tưởng bị ám ảnh bởi ý niệm về Niết-bàn thực hành các Ba-la-mật này; các Ba-la-mật bố thí v.v... được chư vị ấy thành tựu, họ cũng như những người ngu, thích hưởng thụ Niết-bàn cho chính họ.

Lại nữa, này Mahàmati, còn về các Ba-la-mật siêu thế gian thì chư Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành (tu tập) các Ba-la-mật này; chư vị ấy là những người thực hành cái hình thức cao nhất của sự tu tập tâm linh, tức là nhận thấy rằng không có gì trong thế giới ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái Tâm, do phân biệt và hiểu rằng nhị biên là thuộc chính cái Tâm, họ thấy rằng sự phân biệt ngưng vận hành; và rằng chấp thủ là phi hiện hữu; và vượt ra khỏi mọi tư tưởng chấp trước vào những đối tượng đặc thù vốn là của chính cái Tâm, và để gây lợi lạc và hạnh phúc cho mọi chúng sinh hữu tình, [chư Bồ-tát] thực hành Ba-la-mật bố thí. Trong khi đối đãi với một thế giới đối tượng, trong

thuvienhuequang.vn

họ không hề có sự sinh khởi của phân biệt; họ thực hành việc trì giới và đấy là Ba-la-mật [trì giới]. Thực hành sự nhẫn nhục mà không có ý tưởng phân biệt sinh khởi trong họ [238] và thực hành với cái biết trọn vẹn về sở nhiếp và năng nhiếp. Đấy gọi là Ba-la-mật nhẫn nhục. Nỗ lực tinh tấn từ đầu hôm đến cuối hôm trong sự phù hợp với các độ lượng tu tập và không để cho phân biệt sinh khởi. Đấy gọi là Ba-la-mật tinh tấn không chủ trương phân biệt, không rơi vào cái ý niệm về Niết-bàn của các triết gia, đấy là Ba-la-mật Thiền định. Còn về Ba-la-mật Bát-nhã là thế này: Khi sự phân biệt của chính cái Tâm ngưng dứt, khi các sự vật được quán sát kỹ càng bằng trí tuệ thì người ta không bị rơi vào nhị biên và một sự đột biến xảy ra từ chỗ căn bản, trong khi tiền nghiệp được đoạn trừ; khi [cái biết siêu việt] được thực hiện để thành tựu sự tự chứng thì bấy giờ có Ba-la-mật Bát-nhã. Này Mahàmati, đấy là các Ba-la-mật và các ý nghĩa của chúng.

LXXXVIII [1]

Cho nên bảo rằng:

9. Cái được tạo ra (hữu vi - samskrita) thì

---

(1) Chỗ đích xác của đoạn này là sau phần nói về "sát-na chuyển" và trước phần "Ba-la-mật", như thế phần Ba-la-mật được đặt sai chỗ trong kinh.

thuvienhuequang.vn

trống rỗng, vô thường, sát-na chuyển người ngu phân biệt như vậy; ý nghĩa của sát-na chuyển được phân biệt nhờ các thí dụ về một con sông, một ngọn đèn và các hạt giống.

10. Tất cả các sự vật đều phi hiện hữu, chúng không phải là sát-na chuyển, tịch lặng, không bị diệt và không được sinh ra. Ta gọi đấy là ý nghĩa của sát-na chuyển.

11. Sinh và diệt nối tiếp nhau không dứt, ta không vạch rõ điều này cho người ngu. Do sự tương tục không dứt của hiện hữu, sự phân biệt vận hành trong [sáu] đường (lục đạo).

12. Vô minh là nguyên nhân và có sự sinh khởi tổng quát của những cái tâm, và khi hình sắc chưa được sinh ra thì đâu là chỗ trú của trung ấm ?

13. Nếu có một cái tâm khác được sinh ra (được đưa vào vận hành) trong một sự tương tục không gián đoạn của những sự diệt, [239] thì tâm ấy tìm thấy chỗ dựa của nó ở đâu khi hình sắc không được thiết lập vào lúc ấy ?

14. Nếu tâm được sinh ra ở đâu đó, bằng cách nào đó thì cái nguyên nhân là một cái không thực; nó không trọn vẹn; làm sao người ta có thể biết về những sự biến mất trong từng sát-na được ?

15. Sự chứng đạt của các bậc Tu hành, vàng,

thuvienhuequang.vn

xá-lợi Phật và cung điện của cõi trời Quang Âm (Quang Âm thiên - Abhasvara) thì không thể bị hủy diệt vì bất cứ nhân tố thế gian nào.

16. Các chân lý mà chư Phật chứng đắc và cái biết toàn hảo, bản chất của Phật tính [mà chư Phật chứng đạt] thì thường trụ. Làm sao lại có thể có sự sát-na chuyển (tạm bợ) trong đó được ?

17. Thành của các Càn-thác-bà, các hình tướng Như huyễn - làm sao mà các thứ ấy có thể khác hơn là sự sát-na chuyển (tạm bợ) được ? Các thực tính được định tính bằng phi thực tính, và làm sao mà các thứ ấy lại có thể là những nhân tố nguyên nhân được ?

Đến đây là hết chương thứ sáu "về sát-na chuyển (sự tạm bợ)".

*
* *

thuvienhuequang.vn

chương bảy

VỀ SỰ BIẾN HÓA

LXXXIX

[204] Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati lại bạch Thế Tôn rằng: [Thế nào là sự] việc chư vị A-la-hán được Thế Tôn đảm bảo chắc (thọ ký) sự đạt chứng ngộ tối thượng của chư vị ấy ? [Làm sao mà] tất cả các chúng sinh [lại có thể] đạt Như Lai tính mà không thể chứng các chân lý của Đại Niết-bàn (Parinirvana) ? [Thế nào là ý nghĩa của điều này:] từ đêm Như Lai chứng ngộ vô thượng trí đến đêm Ngài nhập Đại Niết-bàn, giữa khoảng thời gian ấy Như Lai chưa từng nói lên, chưa từng tuyên bố một chữ nào ? [Thế nào là ý nghĩa của điều này:] chư Như Lai luôn luôn ở trong Tam-ma-địa mà không suy tưởng và không quán sát ? [Thế nào là] chư Phật Biến Hóa trong trạng thái hóa thân thực hiện các hành tác của chư Như Lai ? Sự

thuvienhuequang.vn

tương tục của sự tan rã theo từng sát-na xảy ra trong các thức được giải thích như thế nào ?

[Lại nữa, các khẳng định sau đây có nghĩa như thế nào:} Thần Kim Cương Thủ (Vajrapàni) mãi mãi theo đức Như Lai làm vị thủ hộ cho đức Như Lai ? Giới hạn tiên sơ thì không biết được, thế mà sự chấm dứt lại có thể biết được ? Có những kẻ ác, các hành động của họ và nghiệp báo ? Bạch Thế Tôn, [những sự kiện về] nghiệp chướng [được Như Lai} tỏ bày [qua sự việc] Canna (Chiên-giá), con gái của một Bà-la-môn Sujata (Tôn-đà-lợi), con gái của một khất sĩ, một cái chén không, v.v...; làm sao Thế Tôn với những ác chướng vô tâm như vậy lại có thể chứng đạt toàn giác ?

Thế Tôn dạy: Này Mahàmati, thế thì hãy nghe kỹ và suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông nghe.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; [211] Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn nói với Bồ-tát rằng: Cảnh giới Niết-bàn trong đó không còn chất hiệu gì để lại đằng sau (Vô dư Niết-bàn) là theo cái ý nghĩa thâm mật và nhằm cho những người tu hành nhờ đó mà nỗ lực trong hành tác của chư vị Bồ-tát. Này Mahàmati, có những vị Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát ở

thuvienhuequang.vn

đây và ở các Phật độ khác mà lại muốn đạt Niết-bàn của Thanh văn thừa. Để khiến cho họ quay hướng khỏi Thanh văn thừa mà nỗ lực tu tập theo Đại thừa, các Thanh văn đang chuyển hóa được Đức Phật Hóa Thân [về Phật tính trong tương lai của họ]; chứ không phải Đức Phật Pháp Thân thọ ký cho họ. Này Mahàmati, sự thọ ký cho chư vị Thanh văn như thế được tuyên bố theo ý nghĩa thâm mật. Này Mahàmati, sự dứt bỏ phiền não chướng của hàng Thanh văn và Duyên giác không khác [sự dứt bỏ phiền não chướng của chư Như Lai], do bởi sự bình đẳng của vị giải thoát, nhưng sự dứt bỏ tri chướng (chướng ngại do cái biết) thì lại không như thế. Này Mahàmati, tri chướng được Thanh tịnh khi sự vô ngã của các sự vật được nhận thức một cách rõ ràng; nhưng phiền não chướng chỉ bị đoạn diệt khi sự vô ngã về người được nhận thức và được thực hiện trước đã, vì [bấy giờ] Ý thức ngưng vận hành. Lại nữa, pháp chướng được loại bỏ do bởi sự tiêu mất của tập khí [được chất chứa trong] thức A-lại-da, có như thế thì pháp chướng mới được hoàn toàn tẩy sạch.

Có một thực tính thường trụ [cần phải được hiểu] theo ý nghĩa thâm mật, vì đấy là sự không có những cái đi trước và những cái đi sau (hậu quả). Như Lai khai thị Pháp mà không suy tưởng, không

thuvienhuequang.vn

quán sát và dùng phương tiện các từ ngữ nguyên gốc và độc lập. Do bởi sự suy nghĩ đúng đắn và do bởi thắng trí, Như Lai không suy tưởng, không quán sát, Ngài không còn ở cái cấp độ của bốn tập khí, [242] Ngài vượt ra ngoài hai cái chết, Ngài dứt bỏ hai chướng ngại về phiền não và về tri kiến.

Này Mahàmati, bảy thức, tức là, ý, ý thức, nhãn thức, v.v... được định tính là sát-na chuyển vì chúng bắt nguồn từ tập khí, chúng không có những yếu tố thiện vô lậu và không có tính chất lưu chuyển luân hồi. Này Mahàmati, cái lưu chuyển luân hồi là cái Như Lai tạng vốn là nguyên nhân của Niết-bàn đồng thời cũng là nguyên nhân của hỷ lạc và khổ đau. Người ngu có cái tâm bị xé rách bởi ý niệm về sự trống rỗng nên không hiểu được điều ấy.

Này Mahàmati, chư Như Lai được Thần Vajrapàni (Kim Cương) hộ tòng là chư Như Lai được hóa hiện trong sự hóa hiện chứ không phải chư Như Lai, A-la-hán, Toàn Giác Bổn Nguyên. Này Mahàmati, thực ra chư Như Lai Bổn Nguyên vượt ra ngoài tất cả mọi ý nghĩa và độ lượng, vượt ra khỏi tầm hiểu biết của những người ngu, của hàng Thanh Văn, Duyên Giác và các triết gia. [Chư Như Lai này] vốn vẫn an trú trong cõi an lạc vì chư vị đã chứng đắc cái chân lý của trí tuệ trực

thuvienhuequang.vn

tiếp bằng Trí nhẫn (Jñànakshànti). Do đó thần Vajrapàni không bị ràng buộc vào chư vị. Tất cả chư Phật Biến Hóa (Phật Hóa Thân) hiện hữu không do nghiệp; trong chư vị không có Như Lai tính, nhưng ngoài chư vị ra thì cũng không có Như Lai tính nào. Cũng như người thợ đồ gốm dựa vào các thứ hòa hợp; [Đức Phật] Biến Hóa thực hiện các hành tác của Ngài vì chúng sinh hữu tình; Ngài dạy cái học thuyết theo các điều kiện (tùy duyên) chứ không phải duy cái học thuyết sẽ thiết lập cái chân lý đúng như chân lý là cái chân lý thuộc lĩnh vực cao thượng của tự chứng.

Lại nữa, này Mahàmati, do sự chấm dứt sáu thức nên người ngu và kẻ sư trí chuốc lấy quan điểm đoạn diệt luận, và do họ không hiểu cái thức A-lại-da nên họ có quan điểm vĩnh cửu luận. Này Mahàmati, cái giới hạn đầu tiên của sự phân biệt của cái tâm của chính họ [243] thì không được biết. Giải thoát sẽ được đạt khi sự phân biệt của chính cái Tâm không còn nữa. Có sự xả bỏ bốn tập khí thì có sự xả bỏ tất cả mọi sai lầm.

Cho nên nói: (1)

1. Tam thừa là vô thừa; không có Niết-bàn đối

---

(1) Các câu kệ sau đây hình như không có sự liên hệ đặc biệt nào đối với phần văn xuôi.

thuvienhuequang.vn

với chư Phật; điều được nêu rõ ra là sự thọ ký được trao cho tất cả những ai thoát ra khỏi lỗi lầm.

2. Cái giác trí tối hậu, Niết-bàn không còn lưu dấu vết gì (vô dư); điều này được nói ra theo ý nghĩa thâm mật để khích lệ kẻ rụt rè.

3. Trí tuệ được chư Phật tạo nên, và con đường được chư Phật vạch ra: Chư Phật đi trên con đường ấy chứ không đi trên con đường nào khác, do đó không có Niết-bàn đối với chư Phật.

4. Hiện hữu (hữu), ái dục (dục); hình sắc (sắc - rùpa), kiến (sự lý thuyết hóa) - đấy là bốn tập khí; đấy là nơi ý thức (manovijnana) sinh khởi và A-lại-da và Ý (manas) trụ vào.

5. Đoạn diệt luận và ý niệm về vô thường sinh khởi do bởi ý thức, nhãn thức, v.v... vĩnh cửu luận sinh khởi từ [cái ý ưởng rằng] không có sự bắt đầu trong Niết-bàn, không có trí tuệ, kiến lập.

Đến đây là hết chương thứ bảy "về sự Biến hóa (Hóa thân)".

* * *

thuvienhuequang.vn

chương tám (1)

VỀ SỰ ĂN THỊT

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati hỏi Thế Tôn bằng kệ rồi lại thỉnh bạch rằng: Bạch Thế Tôn, đức Như Lai, vị A-la-hán, đấng Toàn Giác, xin hãy nói cho con nghe về thiện hạnh và ác hạnh của việc ăn thịt; nhờ đó con và chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác trong hiện tại và trong tương lai có thể giảng pháp để khiến cho các chúng sinh lìa bỏ sự ham muốn ăn thịt, đấy là những chúng sinh bị ảnh

---

(1) Chương này bàn về việc ăn thịt lại là một phần khác về sau được thêm vào bản kinh; có thể được thêm vào sớm hơn chương Ravana. Nó đã xuất hiện sẵn trong bản Tống, nhưng trong ba bản Hán dịch, phần thêm trong bản Tống là ngắn nhất, tỉ lệ là bản Tống = 1, bản Đường = 2, bản Ngụy = 3. Hẳn là việc ăn thịt được thực hiện nhiều hoặc ít trong hàng Phật tử trước kia, được làm thành một đề tài phê phán gay gắt do các đối thủ của họ nêu lên. Các Phật tử vào thời Lăng Già không thích sự phê phán ấy nên đã thêm phần này, trong đó nói rõ giọng điệu biện hộ.

thuvienhuequang.vn

hưởng của cái tập khí thuộc sự sống cần ăn thịt, rất khao khát các thức ăn thịt. Khi những kẻ ăn thịt này lìa bỏ sự muốn ăn ngon [của họ] thì họ sẽ mong cầu pháp để làm thức ăn và niềm hỷ lạc, và khi xem tất cả các chúng sinh với lòng thương giống như các chúng sinh là đứa con độc nhất, họ sẽ có lòng đại từ bi đối với các chúng sinh. Có [lòng đại từ bi], họ sẽ tu tập ở các địa Bồ-tát và sẽ mau chóng giác ngộ trong sự giác ngộ tối thượng; hoặc sẽ ở lại ở địa Thanh văn và uyên giác trong một thời gian, rồi cuối cùng họ sẽ đạt địa Như Lai tối cao.

Bạch Thế Tôn, ngay cả các triết gia chủ trương các học thuyết một cách sai lầm và mê đắm vào các kiến giải của phái Lokàyata (Lộ-ca-da-đà - Thế luận) như nhị biên luận về hữu và phi hữu, đoạn diệt luận và vĩnh cửu luận, cũng sẽ cấm ăn thịt và chính họ cũng sẽ kiêng ăn thịt. Huống chi, bạch đấng Đạo sư, chính Ngài là người đã khuyên người ta tỏ lòng nhân từ và là vị Toàn Giác; [245] tại sao trong giáo lý của Ngài, Ngài lại không cấm việc ăn thịt, chẳng những tự riêng Ngài mà cả cho những người khác ? Quả thực trong tâm Thế Tôn đầy tình thương xót đối với toàn thế giới, Thế Tôn xem hết thảy chúng sinh như đứa con độc nhất của mình và có lòng đại từ bi đúng theo sự mẫn cảm của Ngài,

thuvienhuequang.vn

Ngài hãy dạy cho chúng con về những công hạnh và ác nghiệp của việc ăn thịt để con cùng chư Bồ-tát Ma-ha-tát khác có thể thuyết pháp.

Thế Tôn dạy: Thế thì này Mahàmati, hãy nghe kỹ và hãy suy nghĩ kỹ trong chính ông; Ta sẽ nói cho ông biết.

Thưa vâng, bạch Thế Tôn; Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati nói thế và lắng tai nghe Thế Tôn dạy.

Thế Tôn bảo với Bồ-tát rằng: Này Mahàmati, vì vô số lý do mà vị Bồ-tát, bản chất vốn có lòng từ, không nên ăn bất cứ loại thịt nào; Ta sẽ giải thích những lý do ấy; này Mahàmati, trong quá trình lâu dài của luân hồi này, không có chúng sinh nào một khi mang hình hài của một chúng sinh mà đã không đã từng là mẹ của ông, hoặc cha, hoặc anh em, hoặc chị em hoặc con trai hoặc con gái, hoặc người này hoặc người nọ trong nhiều tầng bậc bà con của ông; và khi mang một hình thức sống khác thì có thể sống làm một con thú, làm một gia súc, một con chim hoặc một loại thai sinh, hoặc một thứ gì đó trong một liên hệ nào đó với ông; [sự việc như thế thì] làm sao vị Bồ-tát Ma-ha-tát vốn muốn đến gần tất cả các chúng sinh theo cách như chúng sinh là chính mình và muốn tu tập các chân lý Phật, lại có thể ăn thịt của bất cứ chúng sinh nào vốn có cùng bản chất với

thuvienhuequang.vn

mình ? Này Mahàmati, ngay cả loài Rakshasa (La-sát), khi nghe Như Lai thuyết về thể tính tối cao của pháp, đạt được ý niệm về hộ trì [của Phật giáo], và cảm thọ được lòng thương xót [246] nên đã kiêng không ăn thịt, huống chi những người yêu mến Pháp ! Như thế, này Mahàmati, hễ khi nào có chúng sinh xuất hiện thì người ta phải tôn giữ cái ý tưởng rằng mình có bà con với các chúng sinh ấy và khi nghĩ rằng hết thảy chúng sinh đều [phải được thương yêu như đấy là] một đứa con độc nhất thì người ta phải kiêng ăn thịt. o đó, đối với chư Bồ-tát, vốn có bản chất là từ bi, [việc ăn] thịt cũng phải được tránh. Ngay cả trong những trường hợp đặc biệt, ăn thịt cũng không phải là một thể hiện từ bi của một Bồ-tát kiên lập. Này Mahàmati, thịt của một con chó, một con bò, một con lừa, một con ngựa, một con trâu, hay thịt người, hay thịt của bất cứ [chúng sinh] nào khác, là thứ thịt mà người ta không thường ăn được bày bán bên lề đường để kiếm tiền như thịt cừu; và do đó, này Mahàmati, vị Bồ-tát không nên ăn thịt.

Vì lòng yêu thương thuần khiết, này Mahàmati, vị Bồ-tát nên kiêng ăn thịt là thứ được sinh ra từ tinh dịch, máu, v.v... Này Mahàmati, vì sợ gây kinh hãi cho các chúng sinh nên vị Bồ-tát tu tập để đạt lòng từ bi phải kiêng ăn thịt. Này

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, ví dụ: khi một con chó, dù đang ở khoảng cách xa, trông thấy một người thợ săn, một tiện dân, một ngư phủ v.v... là những người muốn ăn thịt, thì nó sợ hãi mà nghĩ rằng: "Họ là những kẻ sát hại, họ sẽ giết cả ta nữa đây". Đằng này cũng vậy, này Mahàmati, ngay cả những con vật bé nhỏ đang sống trên không trung, trên đất và trong nước mà trông thấy những người ăn thịt đang ở cách xa, chúng cũng nhờ khứu giác bén nhạy của chúng mà tự nhận ra được [247] cái mùi của quỷ La-sát và bay xa khỏi những người như thế càng nhanh càng tốt, vì những người ấy đang đe dọa cái chết đối với chúng. Này Mahàmati, vì lý do ấy nên vị Bồ-tát, người đang tu tập, an trụ trong đại từ bi, sợ gây kinh hãi cho các chúng sinh nên cần phải kiêng ăn thịt. Này Mahàmati, thịt mà người vô trí ưa thích thì rất hôi thối và nếu ăn thịt sẽ gây tiếng xấu, khiến người trí tránh xa; vị Bồ-tát phải kiêng ăn thịt. Này Mahàmati, thức ăn của người trí là thức ăn của các vị Thấu thị (Rishi), không gồm thịt và máu. Do đó, này Mahàmati, vị Bồ-tát phải kiêng ăn thịt.

Này Mahàmati, để hộ trì các tâm thức của mọi chúng sinh, vị Bồ-tát vốn có bản chất thánh thiện và muốn tránh sự phê bác giáo pháp của Đức Phật phải kiêng ăn thịt. Chẳng hạn, này Mahàmati, có

thuvienhuequang.vn

một số người đời nói xấu giáo pháp của Đức Phật [có thể họ bảo rằng]: "Tại sao những người sống đời sống của một vị Sa-môn hay một vị Bà-la-môn lại từ bỏ loại thức ăn mà các bậc Thấu thị ngày xưa ưa chuộng, mà lại thích các con thú ăn thịt sống trên không trung, trên đất hay trên nước ? Tại sao họ đi khắp nơi trên thế giới và gây kinh hãi cho các chúng sinh mà không lý gì tới đời sống của một Sa-môn và hủy diệt hạnh nguyện của một Bà-la-môn ? Chẳng có chánh pháp, chẳng có tu hành gì trong họ cả ?" Có nhiều người mang cái tâm đối nghịch mà nói xấu giáo pháp của Đức Phật như thế. Này Mahàmati, vì lý do ấy cho nên, để hộ trì các tâm thức của tất cả mọi người, [248] vị Bồ-tát vốn có bản chất đầy thương xót và muốn tránh sự phê bác giáo lý của Đức Phật, phải kiêng ăn thịt.

Này Mahàmati, thường có một mùi hôi hám cho cơ thể ngược hẳn với tự nhiên, do đó vị Bồ-tát phải kiêng ăn thịt. Này Mahàmati, khi thịt được nướng lên, hoặc đó là thịt của người chết hay thịt của một sinh vật đang sống, thì chẳng có sự khác biệt nào về mùi của chúng. Khi thịt của bất cứ loại nào được nướng lên thì cũng phát ra mùi độc như nhau. o đó, này Mahàmati, vị Bồ-tát bao giờ cũng muốn thanh tịnh trong tu tập của mình, phải hoàn toàn kiêng ăn thịt.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, khi một nam tử hay một nữ nhân của một gia tộc tốt, mong cầu thực hành nhiều tu tập như đạt được lòng từ bi, nắm được một công thức kỳ diệu hay sự thành tựu cái biết kỳ diệu, hoặc khởi xuất hành hương đến núi Himàlàya (Hi-mã-lạp-sơn), lui vào một nghĩa địa, hay vào một nơi hoang vu, hay một khu rừng nơi đó các quỷ tu tập hoặc thường đến gần; hay khi họ ngồi trên một cái giường hay ngồi Thiền; [do vì việc ăn thịt] họ bị trở ngại trong việc đạt các thần lực và trong việc chứng đắc giải thoát. Này Mahà-mati, thấy rằng có những trở ngại như thế cho việc thành tựu tất cả mọi tu tập, vị Bồ-tát vốn muốn lợi lạc cho mình cũng như cho những người khác, phải hoàn toàn kiêng ăn thịt.

Ngay cả khi trông thấy những đối tượng bên ngoài gây nên sự ham muốn được thưởng thức mùi vị ngon lành của chúng, vị Bồ-tát vốn có bản chất thương xót và vốn xem tất cả các chúng sinh là đứa con độc nhất của mình, cũng phải hoàn toàn kiêng ăn thịt. [249] Nhận biết rằng miệng của mình cảm thấy khó chịu nhất, ngay cả khi đang sống đời sống này, vị Bồ-tát cũng phải kiêng ăn thịt.

[Người ăn thịt] khó ngủ và khi thức dậy thì bị mệt mỏi. Người ấy ngủ thì bị ác mộng khiến tóc anh ta phải dựng đứng lên. Anh ta bị đặt vào trong

thuvienhuequang.vn

một túp lều trống; anh ta sống một cuộc đời cô đơn; và tinh thần anh ta bị quỷ nắm. Anh ta thường hay bị kinh hoàng, anh ta run sợ mà không biết tại sao, không có sự điều độ trong việc ăn của anh ta, anh ta không bao giờ được thỏa bụng. Trong việc ăn[1], anh ta không bao giờ biết thế nào là vị thích hợp, sự tiêu hóa, sự dinh dưỡng. Tạng phủ anh ta đầy cả sâu bọ và các sinh vật dơ dáy khác và chứa nguyên nhân bệnh phong cùi. Anh ta không còn ấp ủ những ý tưởng chán ghét đối với tất cả các bệnh tật. Khi Ta thuyết dạy về thức ăn mà bảo rằng ăn thịt cũng giống như ăn thịt đứa con độc nhất của mình hay dùng thức ăn cũng giống như dùng thuốc trị bệnh, thì này Mahàmati, làm sao mà Ta có thể cho phép ăn thức ăn gồm thịt và máu là thứ làm cho kẻ vô trí ưa thích và bị người trí khinh ghét, là thứ mang nhiều điều xấu và cách xa điều tốt; và là thứ đã không dành cho các bậc Thấu thị và chẳng có chỗ nào thích hợp cả ?

Này Mahàmati, thức ăn mà Ta cho phép [các đệ tử của Ta dùng] thì làm hài lòng tất cả mọi người trí chứ không phải làm hài lòng người vô trí, nó tạo nên nhiều thiện hạnh, nó tách ly nhiều ác hạnh; và nó vốn đã được các bậc Thấu thị thời xưa

---

(1) Bo từ pìtakhàdità (dòng 7).

thuvienhuequang.vn

chấp nhận. [250] Thức ăn ấy gồm gạo, lúa mạch, lúa mì, đậu đỏ, đậu, đậu lăng, v.v..., bơ lọc, dầu, mật, mật mía, mật đường, mía, đường thô, v.v...; các thức ăn được làm bằng các thứ ấy là thức ăn thích hợp. Này Mahàmati, trong tương lai sẽ có một số người phi lý, họ sẽ phân biệt và thiết lập những giới luật mới và dưới ảnh hưởng của cái tập khí thuộc các chủng loại ăn thịt sẽ rất ham ăn [thịt], thức ăn đã nêu trên không phải nhằm cho những người này. Này Mahàmati, đấy là thức ăn Ta nêu bày cho chư Bồ-tát Ma-ha-tát đã cúng dường chư Phật thời trước, đã vun trồng thiện căn, nay có tín tâm, không phân biệt, là tất cả các nam nhân và phụ nữ thuộc gia tộc Sàkya (Thích-ca), là nam tử và nữ nhân của gia tộc tốt, không có ràng buộc vào thân thể, đời sống, tài sản, không thèm các đồ ăn ngon, chẳng có tí gì tham ăn, vì từ bi muốn ôm trọn mọi chúng sinh đang sống như những người thân của họ, và nhìn thấy tất cả chúng sinh bằng tình thương yêu như đấy chính là đứa con độc nhất của mình.

Này Mahàmati, vào một thời xa xưa, có một ông vua tên là Simhasaudàna (Sư Tử Tô-đà-na), sự ham thích ăn thịt quá đáng của ông, sự ham muốn được dọn thịt của ông [251] đã kích thích các vị giác thích thịt của ông đến tột độ đến nỗi ông ăn

thuvienhuequang.vn

[cả] thịt người. Sự việc ấy đưa đến hậu quả là các bạn bè, các cố vấn, bà con thân thuộc đều xa lánh ông, đấy là không nói đến dân thành thị và thôn quê. Kết quả là ông phải từ bỏ ngai vàng, lãnh thổ của ông, và phải chịu những tai ương lớn do bởi sự ham mê thịt của ông.

Này Mahàmati, ngay cả Indra (Đế Thích) cai quản chư Thiên cũng có lần phải mang hình hài chim ưng trong một tiền kiếp do bởi cái tập khí dùng thịt làm thức ăn; bấy giờ thần Vi'svakarma xuất hiện giả làm một con chim bồ câu đậu trên cái thang và bị Indra đuổi bắt. Vua 'Sivi cảm thấy thương hại [con chim bồ câu] vô tội [phải hy sinh mạng sống cho con chim ưng và] phải bị quá đau đớn như thế. Này Mahàmati, ngay cả một vị Thiên đã trở thành Indra vị quyền năng, sau khi trải qua nhiều kiếp làm chim, cũng phải chịu mạng, tai họa cho mình và cho những kẻ khác; huống chi là đối với những kẻ không phải là Indra !

Này Mahàmati, có một ông vua[1] khác bị con ngựa của ông mang đi xa vào một khu rừng. Sau khi lang thang khắp nơi trong rừng; vì sợ chết, ông đã phạm những hành vi xấu cùng với một con sư tử cái, thế rồi ông có mấy đứa con do con sư tử cái

---

(1) Trong bản kinh, tất cả các từ này đều ở số nhiều (những ông vua).

thuvienhuequang.vn

đẻ ra. Do sinh ra từ sự kết hợp của ông với một con sư tử cái; [252] nên các hoàng tử được gọi là Bàn Chân Có Đốm, v.v... Do bởi cái tập khí ác trược trong quá khứ khi thức ăn của họ đã là thịt, họ vẫn ăn thịt ngay cả [sau khi đã trở thành] vua và, này Mahàmati, trong đời sống này, họ đã sống trong một ngôi làng tên là Kutìraka ("Bảy túp lều") và vì họ quá ràng buộc và ham hê ăn thịt nên họ sanh ra các Dàkà và các Dàkinà là những tên ăn thịt người kinh khủng. Này Mahàmati, trong cõi luân hồi này, những kẻ như vậy sẽ đọa thai vào những sinh vật quá thèm thịt như sư tử, hổ, báo, linh cẩu, dã miêu, dã can, cú v.v...; họ sẽ đọa thai vào loài quỷ Rakshana (La-sát) còn ham thích ăn thịt hơn và còn kinh khủng hơn nữa. Bị đọa như thế, họ sẽ khó có thể đầu thai làm người; huống chi đạt Niết-bàn [lại còn khó hơn] !

Này Mahàmati, đấy là các ác hạnh của sự ăn thịt; còn biết bao nhiêu là các tính [xấu] sinh ra từ những cái tâm điên đảo của những kẻ thích [ăn thịt][1]. Và này Mahàmati, người ngu và kẻ sơ trí không chú ý đến hết điều này và đến những ác hạnh và thiện hạnh [liên hệ với sự ăn thịt]. Này

---

(1) Cả bản Đường lẫn bản Ngụy ở đây đều có một câu như sau: "Những ai không ăn thịt thì đạt được rất nhiều thiện hạnh".

thuvienhuequang.vn

Mahàmati, Ta bảo ông rằng, do thấy những ác hạnh và thiện hạnh mà vị Bồ-tát vốn có bản chất thương xót không nên ăn thịt.

Này Mahàmati, nếu không ai ăn thịt cả vì dù bất cứ lý do gì, thì sẽ không có kẻ sát sinh. Này Mahàmati, trong phần lớn các trường hợp, [253] sự giết các sinh vật vô tội đang sống là vì ngã mạn chứ rất hiếm khi vì các lý do khác. Dù chẳng có gì đặc biệt để có thể nói về sự ăn thịt các sinh vật đang sống như các thú vật, chim muông, thì hỡi ôi, này Mahàmati, kẻ mê đắm vào sự ưa thích mùi vị [thịt] sẽ ăn thịt người ! Này Mahàmati, trong hầu hết các trường hợp, những người đã mất lý trí vì thèm thịt đã đặt lưới và các thiết bị khác ở nhiều nơi, và do đó nhiều con vật khổ nạn vô tội bị hủy diệt vì sự ngã mạn [mà họ mang sẵn] - như chim chóc, kaunabhaka, kaivarta, v.v... là những con vật di chuyển khắp trên không trung, trên đất và trong nước. Này Mahàmati, cũng có một số người, giống như bọn quỷ La-sát nhẫn tâm và thường làm những điều hung bạo,[1] không có lòng từ bi, vẫn thường xem các chúng sinh đang sống là thịt để ăn và để hủy diệt - không có lòng từ bi được khơi dậy trong họ.

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

Này Mahàmati, thịt quả thực không phải là thức ăn thích hợp và được chấp nhận đối với vị Thanh văn khi [con vật khổ nạn] không do vị ấy giết, khi vị ấy không khiến những kẻ khác giết nó, khi nó không bị giết đặc biệt để cho vị ấy. Lại nữa, này Mahàmati, trong tương lai có thể có một số người vô ý bắt đầu sống một cuộc sống không nhà theo giáo lý của Ta, được công nhận là hàng nam tử của Thích-ca và mang áo cà-sa như một phù hiệu, nhưng trong tư tưởng lại bị tác động xấu xa bởi những suy luận sai lầm. Họ có thể nói về nhiều thứ, phân biệt khác nhau mà họ tạo nên trong giới luật của họ khi mê đắm vào cái kiến giải về một linh hồn cá nhân. Nhưng dưới ảnh hưởng của sự thèm ăn [thịt], họ sẽ bằng nhiều cách khác nhau [254] buộc những lý lẽ ngụy biện lại với nhau để bênh vực sự ăn thịt. Họ nghĩ rằng họ đang trao cho Ta một sự vu khống về sau này khi họ phân biệt và nói về các sự việc có thể được diễn dịch bằng nhiều cách khác nhau. Khi tưởng tượng rằng sự việc này có thể được diễn dịch như thế này, [họ kết luận rằng] Thế Tôn cho phép lấy thịt làm thức ăn thích hợp và rằng thịt được ghi vào danh sách các thức ăn được phép dùng và rằng có lẽ chính Như Lai cũng ăn thịt. Nhưng, này Mahàmati, không có chỗ nào trong kinh chấp nhận rằng thịt là thứ

thuvienhuequang.vn

đáng ưa, cũng không nhằm nói rằng thịt là thích hợp trong các thức ăn được khuyến dụng [đối với các môn đồ của Đức Phật].

Này Mahàmati, nếu như Ta có cái ý cho phép [ăn thịt], hoặc nếu Ta bảo rằng [thịt] là thích hợp với chư Thanh văn thì Ta đã không cấm đoán, nay Ta cấm đoán sự ăn thịt đối với các bậc Tu hành, các nam tử, các nữ nhân của gia tộc tốt là những người vì mong muốn tôn giữ cái ý niệm rằng đối với họ, tất cả các chúng sinh đều như đứa con độc nhất mà có lòng từ bi, tu tập quán tưởng, khổ hạnh và đang trên đường đi đến Đại thừa. Và này Mahàmati, sự cấm không được ăn bất cứ loại thịt nào được nêu ra đây cho tất cả các nam tử và các nữ nhân của gia tộc tốt, dù họ là các ẩn sĩ ở nghĩa địa, thuộc các ẩn sĩ của rừng sâu, hay các bậc Tu hành đang tu tập, nếu họ mong cầu pháp và đang trên con đường đưa đến sự điều phục một thừa nào đó, và do có lòng từ bi, họ mang cái ý niệm xem tất cả các chúng sinh như một đứa con độc nhất, để hoàn tất việc tu tập của họ.

[255] Trong các kinh điển, đâu đâu quá trình tu tập cũng được diễn tiến một cách thứ tự giống như một cái thang lên cao theo từng nấc và nấc này được nối với nấc kia theo một cách đều đặn và có phương pháp; sau khi giải thích từng điểm, thịt mà người ta có được trong những trường hợp đặc

thuvienhuequang.vn

biệt này thì không bị cấm[1]. Lại nữa, mười điều cấm được nêu ra về thịt các con thú được tìm thấy tự chúng đã chết rồi. Nhưng trong kinh này thì tất cả [sự ăn thịt] dưới bất cứ hình thức nào và ở bất cứ nơi nào đều bị cấm vô điều kiện và tuyệt đối với tất cả. Như thế, này Mahàmati, Ta đã không cho phép ai cả, nay Ta không cho phép và Ta sẽ không cho phép ăn thịt. Này Mahàmati, Ta nói cho ông biết, sự ăn thịt là không thích hợp với các Tỳ-kheo sống đời không nhà. Này Mahàmati, có thể có một số người bảo rằng Như Lai đã ăn thịt vì nghĩ rằng điều này sẽ vu khống được Như Lai. Này Mahàmati, những kẻ vô trí như thế sẽ theo dòng ác của nghiệp chướng của riêng họ và sẽ đọa vào các cõi nơi đó những đêm dài trôi qua mà không lợi lạc và không hạnh phúc. Này Mahàmati, hàng Thánh Thanh văn không ăn thịt là thức [thường] nhân riêng dùng, huống chi thức ăn gồm thịt và máu cũng đều hoàn thành không thích hợp. Này Mahàmati, thức ăn cho hàng Thanh văn, uyên giác và Bồ-tát là Pháp chứ không phải thức ăn có thịt[2]; huống chi lại là thức ăn cho Như Lai ! Này Mahàmati, Như Lai là Pháp thân (harmakaya),

---

(1) Đoạn văn được sắp xếp vào đây cần phải được giải thích đầy đủ hơn.

(2) Trong bản Đường là amisra.

thuvienhuequang.vn

Ngài an trụ trong Pháp là thức ăn, thân của Như Lai không phải là thân được nuôi sống bằng thức ăn có thịt, Ngài không trú vào bất cứ thức ăn có thịt nào. Ngài đã loại bỏ cái tập khí khát ái kéo dài mọi sự hiện hữu; Ngài xa lánh cái tập khí của tất cả mọi mê đắm xấu; Ngài hoàn toàn giải thoát trong tâm và trí; Ngài là bậc Toàn Trí; [256] Ngài là bậc Toàn Kiến, Ngài xem hết thảy chúng sinh đều như một đứa con độc nhất; Ngài là một tấm lòng đại từ bi. Này Mahàmati, khi có ý tưởng về một đứa con độc nhất đối với mọi chúng sinh, làm sao Ta có thể, như Ta đây, cho phép hàng Thanh văn ăn thịt của đứa con của chính họ ? Huống chi Ta làm sao mà ăn thịt được ! Bảo rằng Ta đã cho phép hàng Thanh văn cũng như tự chính Ta [ăn thịt] thì này Mahàmati, điều ấy chẳng có chút cơ sở nào !

Cho nên bảo rằng:

1. Này Mahàmati, chư Bồ-tát Ma-ha-tát và những ai là Đại hùng thì cần phải tránh rượu, thịt và hành.

2. Thịt không phải là dễ chịu đối với người trí: nó có một mùi nôn mửa; nó gây tiếng xấu, nó là thức ăn cho loài ăn thịt; này Mahàmati, Ta bảo[1] điều này, không nên ăn thịt.

---

(1) Brùmi, thay vì Brùhi như trong bản Kinh.

thuvienhuequang.vn

3. Có những hậu quả tai hại, đối với những ai ăn [thịt] và có những thiện quả đối với những ai không ăn thịt; này Mahàmati, ông nên biết rằng những người ăn thịt mang những hậu quả vào chính họ.

4. Bậc Tu hành phải kiêng ăn thịt vì thịt được sinh ra từ chính mình, vì [sự ăn thịt] bao gồm tội lỗi, vì [thịt] được tạo thành bằng tinh dịch và máu, và vì [sự giết súc vật] gây kinh hãi cho những chúng sinh đang sống.

5. Bậc Tu hành phải luôn luôn kiêng ăn thịt, hành và các loại rượu, hẹ và tỏi.

6. Chớ xức thân thể bằng dầu mè; chớ ngủ trên giường được khoang lễ bằng đinh; [257] vì các sinh vật đang sống ẩn trong các lỗ và sống trong những chỗ không có lỗ, có thể bị kinh hãi[1].

7. Từ sự ăn [thịt] mà kiêu mạn khởi sinh, từ kiêu mạn mà các vọng tưởng phát sinh, và từ vọng tưởng mà tham được sinh ra; và vì lý do ấy nên phải kiêng ăn [thịt].

8. Từ vọng tưởng, tham sinh ra, do tham mà tâm ngu muội; có sự ràng buộc vào ngu muội và không có sự giải thoát khỏi sự sinh [và sự chết].

9. Vì ham lợi mà các chúng sinh hữu tình bị

---

(1) Theo người dịch thì chỗ này không rõ ý.

thuvienhuequang.vn

sát hại vì thịt mà tiền phải được chi trả, cả hai đều là những kẻ ác tác và [hành vi] chín muồi trong các địa ngục gọi là Rauvana v.v...

10. Kẻ nào ăn thịt, vi phạm những lời dạy của đấng Mâu-ni là kẻ ác tâm; những giáo thuyết của đấng Thích-ca nêu rõ kẻ ấy là kẻ phá hủy hạnh phúc của hai cõi.

11. Những người làm ác như thế thì phải vào địa ngục kinh khủng nhất; những kẻ ăn thịt bị nấu chín trong các địa ngục hãi hùng như Rauvana, v.v...

12. Không có thứ thịt nào được xem là tinh sạch trong ba cách: không có chủ tâm, không do xin hỏi, không do ép buộc; do đó hãy kiêng ăn thịt.

13. Bậc Tu hành, chớ ăn thịt, Ta đây cũng như chư Phật đều cấm ăn thịt; những chúng sinh hữu tình ăn thịt nhau mà sống sẽ bị tái sinh vào loài thú ăn thịt.

14. [Kẻ ăn thịt] thì hôi hám, đáng khinh và vốn sinh ra đã thiếu trí; [258] người ấy sẽ tái sinh hoài vào loài Candàla, Pukkasa, và Domba.

15. Từ thai bào của Dàkinì, người ấy sẽ bị sinh vào loài ăn thịt, rồi đầu thai vào một Ràksasì (nữ La-sát) và một con mèo; người ấy thuộc hạng người thấp kém nhất.

16. Ta loại bỏ sự ăn thịt qua các kinh Has-

thuvienhuequang.vn

tikashya (Tượng Hiếp), Mahàmegha (Đại Vân), Nirvàna (Niết-bàn), Ariglimelika (Chỉ Man) và Lankàvatàra (Lăng Già).

17. Chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn đều lên án sự ăn thịt; nếu kẻ nào ham mê [thịt] do lòng không biết hổ thẹn thì sẽ luôn luôn thiếu trí.

18. Ai tránh ăn thịt, v.v... thì do đó mà được sinh vào trong gia tộc của Bà-la-môn hay của các bậc Tu hành, có được trí tuệ và giàu sang.

19. Hãy tránh xa tất cả sự ăn thịt [bất cứ điều gì mà người ta có thể nói về] mắt thấy, tai nghe, lòng nghi; những kẻ lý luận này được sinh ra từ một gia tộc ăn thịt nên không hiểu điều này.

20. Vì tham là chướng ngại cho giải thoát nên sự ăn thịt, uống rượu v.v... cũng là những chướng ngại.

21. Có thể có lúc có người nhận xét một cách điên rồ về sự ăn thịt rằng "thịt là thích hợp để ăn, không thể gây trở ngại và Đức Phật cho phép ăn thịt".

22. Sự ăn thịt là một thứ bùa ngãi; lại nữa, thịt giống như thịt của một đứa trẻ con; [259] hãy theo lượng số vừa phải và hãy ghét [thịt], vị Tu hành phải đi khắp nơi mà khất thực [theo như thế].

23. Ta cấm [ăn thịt] bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào đối với những ai muốn an trú trong từ bi; [kẻ

thuvienhuequang.vn

nào ăn thịt] sẽ bị sinh ra cùng một chỗ với sư tử, hổ, chó sói, v.v...

24. Do đó chớ ăn thịt là thứ gây kinh hãi cho mọi người, vì thịt che giấu chân lý giải thoát; [không ăn thịt] đấy là tiêu bảng của người trí.

Đến đây, là hết chương thứ tám, "Về sự ăn thịt" trong Lăng Già, tinh yếu của giáo pháp của chư Phật[1].

*
* *

(1) Về nhóm từ "tinh yếu của giáo lý của chư Phật" (Sarva budha pravacanahridaya", xem các trang 39 - 40).

thuvienhuequang.vn

chương chín [1]

CÁC MẬT CHÚ
(Đà-la-ni - Dhàrani)

[260] Bấy giờ Thế Tôn bảo Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati: Này Mahàmati, ông phải trì chú sau đây của Lăng Già, là chú đã được đọc, đang được đọc và sẽ được đọc bởi chư Phật trong quá khứ,

---

(1) *Có lẽ đây cũng là một chương khác được thêm vào về sau, khi Dhàrani (Đà-la-ni) đã được đưa vào bộ phận văn học Phật giáo một cách rộng rãi trước khi nó biến mất khỏi manh đất mà nó được khai sinh. Dhàranì tự nó là một sự nghiên cứu. Ở Ấn Độ, nơi mà tất cả những gì được gọi là dị thường trong khoa biểu tượng có tính chất tôn giáo được phát triển rất phong phú, Dhàranì cũng đã đạt tới sự phát triển cao độ như trong trường hợp Mudrà (bắt ấn bằng các ngón tay), Àsana (ngồi), và Kalpa (nghi lễ thần bí). Khi một sự biểu tượng có tính cách tôn giáo khởi sự theo một chiều hướng nào đó, nó vẫn đi theo dòng riêng của chính nó không kể gì đến cái ý nghĩa nguyên gốc của nó, và sự biểu tượng tự nó bắt đầu đạt một ý nghĩa mới chưa từng*

thuvienhuequang.vn

hiện tại và vị lai. Ta sẽ đọc chú ấy ra đây vì lợi ích của những người tuyên thuyết pháp, là những người sẽ ghi nhớ bài chú này. Đấy là:

Tutte, tutte - vutte, vutte - patte, patte - katte - amale, amal - vimale, vimale - nime, nime - hime, hime - vame, vame - kale, kale, kale, kale - atte, matte - vatte, tutte - jñette, sputte - katte, katte - latte, patte - dime, dime - cale, cale - pace, pace - badhe, bandhe - añce, mañce - dutàre, dutàre - patàre, patàre - arkke, arkke - sarkke, sarkke - cakre, cakre - dime, dime - hime, hime - tu tu tu tu (4) - du du du du (4) - ru ru ru ru (4) - phu phu phu phu (4) - svàhà.

[261] Này Mahàmati, bài chú trên là của kinh Đại Thừa Lăng Già (Lankàvatàra Mahàyàna Sùtra): Nếu các nam tử và các nữ nhân thuộc gia tộc tốt trì, giữ, tuyên đọc, thể nghiệm bài chú này, thì không ai có thể đàn áp được họ. Dù cho đó là một vị Thiên hay một vị nữ Thiên, hay một Nàga (Long), hay một Nàgì (giống nữ của Naga), một

---

được nghĩ tới trước kia trong mối liên hệ với ý niệm nguyên gốc. Sự bí mật của một sự phát từng âm thanh đã vô cùng quyến rũ trí tưởng tượng của người cổ sơ đã đưa đến sự tạo ra một chuỗi âm thanh vô nghĩa trong hình thức của một Dhàranì. Ngày nay các tín đồ theo Dhàranì vẫn cho rằng đọc chuỗi âm thanh ấy lên là để tạo những hiệu quả thần bí theo nhiều cách khác nhau theo đời sống.

thuvienhuequang.vn

Yaksha (Dạ-xoa), hay một Yakshì, hay một Asura (A-tu-la), hay một Asurì, hay một Garuda (Kim-xí điểu), hay một Garudì, hay một Kinnara (Khẩn-na-la) hay một Kinnarì, hay một Mahoraga (Ma-hầu-la-già), hay một Mahogarì, hay một Gandharva (Càn-thác-bà), hay một Gandharvì, hay một Bhùta, hay một Bhùtì, hay một Kumbhànda, hay một Kumbhàndì, hay một Pi'sàca, hay một Pi'sacì, hay một Austàraka, hay một Austàrakì, hay một Ampasmàra, hay một Ampasmàrì, hay một Ràkshasa (La-sát), hay một Ràkshasì, hay một Dàka, hay một Dàkinì, hay một Aujohàra, hay một Aujohàrì, hay một Katapùtana, hay một Kataputanì, hay một Amanushya, hay một Amanushyì, không ai trong những kẻ ấy sẽ có thể áp bức được [người trì thần chú này]. Nếu ai gặp phải rủi ro thì hãy đọc thần chú trên một trăm lẻ tám lần và [những kẻ gây ác sẽ than khóc và kêu la mà tránh xa và đi đến nơi khác.

Này Mahàmati, Ta sẽ nói cho ông nghe một bài thần chú khác. Đó là:

Padme, padmavede - hine, hini, hine - cu, cule, culu, cule [262] - phale, phula, phule - yule, ghule, yula, yule - ghule, ghula, ghule - pale, pala, pale - muñce, muñce, muñce - cchinde, bhinde, bhañje, marde, pramarde, dinakare - svàhà.

Này Mahàmati, nếu nam tử và nữ nhân nào

thuvienhuequang.vn

thuộc gia tộc tốt, trì, giữ truyên thuyết, và thể nghiệm bài thần chú này thì sẽ không chúng sinh ác nào có thể áp bức được họ. Dù đấy là một vị Thiên, hay một nữ Thiên, hay một Nàga, hay một Nàgù, hay một Yaksha, hay một Yakshì, hay một Asura, hay một Asurì, hay một Garuda, hay một Garudì, hay một Kinnara, hay một Kinnarì, hay một Mahoraga, hay một Mahogarì, hay một Gandharva, hay một Gandharvì, hay một Bhùta, hay một Bhùtì, hay một Kumbhànda, hay một Kumbhandì, hay một Pi'sàca, hay một Pi'sacì, hay một Austàraka, hay một Austàrakì, hay một Apasmàra, hay một Apasmàrì, hay một Ràkshasa, hay một Ràkshasì, hay một Dàka, hay một Dàkinì, hay một Aujohana, hay một Aujoharì, hay một Katàputàna, hay một Kataputàtì, hay một Amanushya, hay một Amanushyì - không ai trong những kẻ ấy sẽ có thể áp bức được [người trì thần chú này]. [Toàn bộ] King Lăng Già sẽ được tụng đọc bởi người nào sẽ tụng đọc thần chú này.

Thế Tôn đưa ra bài thần chú này để chống lại sự can thiệp của các Ràkshasas.

Đến đây là hết chương thứ chín gọi là "Dhàrani" (Đà-la-ni) trong Lăng Già.

thuvienhuequang.vn

[SAGÀTHAKAM] (1)

(TỔNG KỆ)

[264] Hãy nghe giáo pháp Đại thừa kỳ diệu
Được tuyên bố trong kinh Lăng Già này
Được gồm thành những viên ngọc kệ
Và phá hủy một mạng lưới của các kiến giải triết học.

Bấy giờ Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati bạch Thế Tôn[2] rằng:

---

(1) Phần này gọi là "Sagàthakam" gồm toàn kệ. Nó có thể về sau được thêm vào bản kinh. Các chủ đề khảo sát rất nhiều và khác nhau, kể cả những chủ đề chưa bao giờ xuất hiện trong bản kinh. Các câu kệ rất lộn xộn, thường rất khó sắp xếp cho mạch lạc thứ tự. Người đọc có thể tự mình phán đoán, tìm hiểu riêng.

(2) Câu ghi chú này chỉ nhằm trỏ riêng sáu câu kệ đầu mà thôi ở chỗ này, các bản Hán có ghi như sau: "Bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên thuyết lại ý nghĩa sâu xa của kinh nên đã tuyên đọc các câu kệ sau đây". Trong bản Sanskrit gồm 884 câu, ngoại 208 câu được lặp lại những câu đã có sẵn trong chính kinh. Các câu kệ được lặp lại này, bản Đường đã loại bỏ một cách hệ thống, trong khi ở bản Ngụy, trừ một ít ngoại lệ, đã lặp lại hết tất cả. Trong bản dịch Anh ngữ này, tôi (Suzuki) đã theo phương pháp của bản Đường. Khi chúng ta biết nhiều hơn về những hoàn cảnh lịch sử

thuvienhuequang.vn

1. (Chương II, câu kệ 1).

2. (Chương II, câu kệ 3).

3. (Chương II, câu 2).

4. + 5. (Chương II, các câu 6, 7).

[265] 6. (Chương II, câu 8)[1]

7. + 8. (Chương II, các câu 151, 152)

9. (Chương II, câu 178)

10. Các đối tượng đặc thù này không phải là [những thực tính] bền vững; chúng sinh khởi do bởi tưởng tượng; vì tưởng tượng tự nó là trống rỗng nên cái gì được tưởng tượng thì trống rỗng.

11. (Chương II, câu 149).

12. (Chương II, câu 154).

13. Do vọng tưởng mà [hệ thống] Thức sinh khởi, nhiều đến tám, đến chín[2] thức, giống như các sóng trên đại dương.

---

của việc biên soạn các bản kinh khác nhau thì chúng ta mới có thể thấy được những sự lặp lại này được chen vào đây như thế nào và cũng có thể nhận ra được những gì có liên hệ của phần tổng kệ (Sagathàkam) này với phần trước của kinh.

(1) Những câu kệ này không được lặp lại theo cùng thứ tự của chúng theo như trong phần văn xuôi của bản kinh. Cũng có một số câu bị bỏ sót. Những chỗ không bình thường như thế này gồm trong suốt phần "Tổng kệ", to ra rằng các câu kệ vốn gốc độc lập nhau.

(2) Ở đây cần lưu ý. Chính kinh vẫn giữ hệ thống tám thức, chứ không phải chín thức là hệ thống được phát triển về sau.

thuvienhuequang.vn

14. Cái căn rễ luôn được nuôi dưỡng bởi tập khí, bám chặt vào chỗ thâm sâu; [266] tâm vận hành theo một thế giới bên ngoài như sắt bị đá nam châm kéo theo.

15. Cái nguồn gốc và tất cả chúng sinh hữu tình bị phụ thuộc vào, thì vượt khỏi lý thuyết, tất cả các hành động chấm dứt thì có giải thoát, năng tri và sở tri đều bị vượt khỏi.

16. Trong Tam-ma-địa gọi là Như huyễn, người ta vượt qua khỏi mười địa Bồ-tát; kẻ nào được thoát khỏi tưởng và cái biết thì nhận thức được Tâm vương.

17. Khi có một sự "quay chuyển" (đột chuyển) xảy ra trong tâm thì người ta sẽ thường trú trong cung điện có hình hoa sen là cung điện được sinh ra từ cảnh giới của Như huyễn (Màgà).

18. An trụ trong đó, người ta đạt được một đời sống vô tưởng, và giống như một viên ngọc muôn màu, người ta thành tựu những đạo hạnh cho hết thảy mọi chúng sinh.

19. Ngoài phân biệt, không có Hữu vi (hay các sự vật được tạo thành - Samskrita), cũng không có vô vi (hay các sự vật không được tạo thành - Asamskrita); những người ngu chấp chặt hữu vi, vô vi như một người đàn bà không thể có con (thạch nữ) chấp chặt đứa con trong giấc mộng; họ khờ dại làm sao !

thuvienhuequang.vn

20. Phải biết rằng một ngã linh hồn, sự tương tục của uẩn, nhân duyên, giới và [ý niệm về] hiện hữu và phi hiện hữu đều không có tự tính, bất sinh và trống rỗng.

21. Đối với Ta, giáo pháp là một xảo phương tiện, nhưng Ta không thuyết giảng các hình tướng bên ngoài, người ngu vì bị ràng buộc vào hiện hữu mà chấp chặt vào cái được định nghĩa và cái định nghĩa.

22. Một người biết tất cả mọi sự vật không phải là một người biết tất cả, và tất cả thì không ở bên trong tất cả; người ngu phân biệt và [nghĩ rằng] Ta là bậc chứng ngộ trên thế giới, nhưng Ta đây không phải là bậc chứng ngộ và Ta cũng không làm cho người khác chứng ngộ.(*)

[267] 23. (Chương II, câu 156).

24. (Chương II, câu 143 và nửa đầu của câu 144).

25. (Chương II, câu 179)(1).

26. (Chương II, câu 181).

27. Các sự vật này đều trống rỗng, không có, tự tính và bất sinh, giống như Huyễn giả, giống như một giấc mộng, và hữu và phi hữu của chúng thì không thể thiếu được.

28. Ta dạy một tự tính (Svabhàva) thoát khỏi

(*) Câu này không rõ ý. Có sự nghi chép nhầm chăng ?

(1) Bọ dồng trong các ngoặc đơn.

thuvienhuequang.vn

lý luận và cấu trúc của tướng, thuộc cảnh giới [tâm linh] tinh tế của người trí, vượt khỏi hai tự tính [tức là Parikalpita và Paratantra).

[268] 29. Dù sự đa phức của các sự vật không có sự hiện hữu [thực sự], đối với kẻ mê đắm, các sự vật xuất hiện như những con đôm đốm, do bởi sự điên đảo bản chất của họ, [sự xuất hiện của] thế giới vốn tự nó cũng như vậy.

30. Vì ảo thuật (Màyà) được thể hiện nhờ vào cỏ, gỗ và gạch, nhưng ảo thuật tự nó là phi hiện hữu, tất cả các sự vật cũng thế, vốn chỉ là những vẻ bên ngoài mà thôi.

31. Không có cái nắm bắt cũng không có cái bị nắm bắt, không có cái bị ràng buộc cũng không có cái ràng buộc, tất cả đều giống như ảo thuật, như một giấc mộng, như một con mắt bị bệnh.

32. Khi người đi tìm chân lý nhìn thấy [chân lý] không có phân biệt và thoát khỏi mọi ô nhiễm, thì người ấy được thành tựu trong quán tưởng; người ấy thấy Ta, không có nghi ngờ gì nữa.

33. Trong cái này không có gì thuộc cấu trúc của tướng (tức giả thiết), nó giống như một ảo ảnh trong không khí; những ai nhìn thấy tất cả các sự vật như thế thì không nhìn thấy gì cả[1].

---

(1) Câu kệ này và câu kệ tiếp theo không có trong ban Đường và cả hai câu cũng không có trong đoạn văn xuôi.

thuvienhuequang.vn

34. Trong cái nhân duyên điều động hữu và phi hữu, các sự vật không sinh ra; trong ba cõi, cái tâm bị điên đảo, do đó mà các đa phức xuất hiện.

35. Thế giới cũng như thế, như một giấc mộng, các đa phức tính của các sự vật trong thế giới cũng như thế; [người trí] nhìn thấy tài sản, sự xúc chạm, cái chết, một bậc thầy của thế giới và công việc cũng thuộc cùng một bản chất như nhau[1].

36. Tâm này là nguồn cội của ba cõi; khi tâm đi lạc thì cõi này và cõi nọ xuất hiện; [269] nhận ra rằng thế giới là như thế, là phi hiện hữu, [một người trí] không phân biệt một thế giới.

37. Người ngu do bởi si muội không nhìn thấy [một thế giới đối tượng] là sinh khởi và đoạn diệt, nhưng kẻ nào có cái biết siêu việt thì nhìn thấy thế giới không sinh khởi cũng không đoạn diệt.

38. Những ai luôn luôn vượt lên trên phân biệt, phù hợp với chân lý, thoát khỏi tâm thức và những thứ thuộc tâm thức, thì ở trong thiên cung Akanishtha (Sắc cứu cánh) nơi ấy mọi điều ác đều bị gạt bỏ.

39. Đạt được các năng lực, các khả năng tâm linh (thần thông) và sự tự điều ngự (tự tại), hoàn

---

(1) Về phần tư câu cuối, bản Ngụy ghi: "Bậc tôn kính của thế giới thuyết giảng những hạnh này". Bản Đường ghi: "Người nhận thức rõ điều này sẽ được thế giới tôn kính".

thuvienhuequang.vn

toàn thuần thục với các Tam-ma-địa, và được chứng ngộ tại đấy [trong cõi trời]. Nhưng những người được chuyển hóa thì được chứng ngộ tại đây [cõi trần].

40. Chư Phật xuất hiện trên thế gian trong vô số hóa thân của chư vị, vượt khỏi mọi độ số, và ở khắp nơi, kẻ ngu theo chư vị để nghe pháp.

41. [Có một thứ] tách biệt với [những điều kiện hiện hữu như] khởi đầu, lúc giữa, cuối cùng, thoát khỏi hữu và phi hữu, phổ biến cùng khắp bất động, thanh tịnh và vượt trên sự đa phức, và [tuy vậy] sinh ra sự đa phức.

42. Cõ một bản thể[1] bị bao phủ hoàn toàn bởi các cấu trúc của tưởng và bị che dấu bên trong tất cả những gì có hình thể; vì sai lầm nên có Huyễn giả, Huyễn giả [tuy vậy] vẫn không phải là nguyên nhân của sai lầm.

43. Dù bởi cái tâm bị ô nhiễm, cũng có một cái gì đó [được nhận biết là thực]; khi ràng buộc với hai tự tính (Svabhàva), có sự chuyển hóa trong thức A-lại-da.

[270] 44. Thế giới không gì khác hơn là cấu trúc của tưởng, và ở đó một biển kiến giải về ngã và pháp (Dharma) nổi dậy, khi thế giới được nhận

---

(1) Gotra (chân tính 眞 性), theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

thức rõ ràng là như thế và khi có một sự đột biến[1] [trong tâm], [kẻ] như thế là con của Ta, là kẻ tận tụy vì chân lý của toàn trí.

45. Người ngu phân biệt các sự vật, xem đấy là nóng, lỏng, động, rắn; (tuy vậy) các sự vật là những phi thực thể được người ta khẳng định; không có cái được định nghĩa cũng không có cái định nghĩa.

46. Nhưng thân thể, hình tướng (hình, xứ samsthàna) và các giác quan này được tạo thành bởi tám chất; bị đánh lừa trong cái lồng của luân hồi nên người ngu phân biệt cái thế giới hiện tượng (sắc - rùpa) này.

47. Trong sự trộn lẫn nhau của các nguyên nhân và các điều kiện (nhân duyên), người ngu tưởng tượng ra sự sinh [của tất cả các sự vật]; nhưng họ không hiểu sự thật, họ đi lạc trong cái trú xứ này của ba cõi.

48. (Chương II, câu 46).

[271] 49. Những gì được biết (được gọi) là các mầm sống đa phức thì bội nhân trong tâm (citta); trong những gì được nhìn thấy, người ngu tưởng tượng ra sự sinh và mê đắm với cái nhị biên.

50. Vô minh, ái và nghiệp - đấy là những

---

(1) Paràvritti, lật lên, lật lại, quay chuyển.

thuvienhuequang.vn

nguyên nhân của tâm và những gì thuộc về tâm;[1] vì nó chuyển biến [một cách tương đối] như thế nên Ta [bảo] rằng chúng ta thuộc y tha khởi (paratantra).

51. Khi môi trường tâm thức trở nên lộn xộn, họ tưởng ra rằng có cái gì [thực] để nhiếp thủ; trong sự tưởng tượng này không có cái biết toàn hảo, đấy là vọng tưởng khởi sinh từ si muội.

52. Khi bị buộc vào những điều kiện mà nơi ấy một cái tâm phát sinh trong tất cả các chúng sinh; khi được thoát khỏi những điều kiện, Ta bảo, Ta không thấy có [cái tâm nào khởi sinh].

53. Khi cái tâm được thoát khỏi những điều kiện và không được bảo hộ bởi cái tưởng về ngã, không còn ở trong thân thể nữa thì đối với Ta không có cái thế giới đối tượng nào.

54 và 55 (Chương II, các câu 147 và 148)

56. (Chương II, câu 99)

[272] 57. Dòng nước thức A-lại-da luôn luôn bị những cơn gió có tính cách đối tượng (cảnh giới - Vishaya) quấy động và tiếp tục nhấp nhô bằng những cơn sóng thức khác nhau.

58. Vì có sở nhiếp và năng nhiếp, nên cái tâm sinh khởi trong tất cả các chúng sinh không có

---

(1) Đọc là Cittacaittànam kàrakam

thuvienhuequang.vn

những hình tướng sở kiến [trong thế giới] như những người ngu tưởng tượng.

59. Có cái thức A-lại-da tối cao, và lại có cái A-lại-da là cấu trúc của tưởng (thức, phân biệt - vijnàpti); Ta thuyết giảng cái như như (tathatà) vượt lên trên sở nhiếp và năng nhiếp.

60. Không phải một ngã, không phải một chúng sinh, không phải một con người hiện hữu trong các uẩn; [có sự sinh khi] cái thức được sinh ra và có [sự diệt khi] cái thức ngưng dứt.

61. Vì một bức tranh nêu trỏ chỗ cao chỗ thấp trong khi [thực sự] không có sự cao thấp nào trong bức tranh ấy; cho nên trong các sự vật hiện hữu có sự vật tính được nhìn thấy [như là thực] trong khi không có cái sự vật tính nào trong các sự vật ấy cả.

62. Thế giới sở kiến (được nhìn thấy - drísyam) luôn luôn có sự xuất hiện của thành Càn-thác-bà và của huyễn hóa; nó phải được xem là như thế, nhưng nó không hiện hữu như thế đối với trí tuệ siêu việt [của người trî].

63 và 64 (Chương III, các câu 79 và 80).

65. Một mệnh đề [được thiết lập] nhờ vào các điều kiện, các lý lẽ, và các ví dụ, [273] như một giấc mộng, [thành] của Càn-thác-bà, bánh xe [lửa], ảo ảnh, mặt trăng, mặt trời.

66. Bằng các ví dụ như ngọn lửa, tóc v.v..., Ta

thuvienhuequang.vn

thuyết giảng rằng sự sinh là cái gì không được thực sự nhận ra là như thế;[1] thế giới là cái gì được tưởng tượng ra, trống rỗng như một giấc mộng, hay huyễn giả (ảo thuật) là những thứ hư vọng.

67. Ba cõi không có chỗ nào để tự đặt để chúng; không phải ở trong, không phải ở ngoài, ba cõi là [vô trú xứ]; khi thấy rằng tất cả các chúng sinh và vô sinh, thì khởi lên sự thọ nhận trọn vẹn cái chân lý rằng không hề có gì được sinh ra (vô sinh nhẫn - Kshànti - anutpatti).

68. Vị ấy sẽ đạt cái Tam-ma-địa gọi là Như huyễn, cái ý thân, các năng lực tâm linh, sự tự điều ngự, và nhiều năng lực khác thuộc cái tâm.

69. Tất cả các sự vật hiện hữu thì bất sinh, trống rỗng và không có tự thể và sự si muội về các sự vật khởi lên và dứt đoạn tùy theo các điều kiện (duyên).

70. Tùy thuộc vào cái Tâm mà [bên trong] xuất hiện một cái tâm và bên ngoài xuất hiện một thế giới của những đối tượng đặc thù (Rùpina); và đây chứ không phải cái nào khác, là một thế giới bên ngoài mà người ngu suy tưởng ra.

71. Cái đống xương này, tượng Phật, sự phân

---

(1) Ở đây tôi theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

tích các thành tố - [đấy là những đề tài Thiền định]; nhờ vào những hình ảnh thuộc tâm thức (giả thiết - Prajnapti) mà những người thiện học nắm được những khía cạnh khác nhau của thế giới.

72. Thân thể nhà cửa và tài sản là ba biểu hiện (thức, phân biệt, vijñapti) được nhiếp thủ [như là các đối tượng]; cái ý muốn, [sự khát ái] được nhiếp thủ, sự phân biệt là biểu hiện này là những nhân tố nhiếp thủ (năng nhiếp).

[274] 73. Chừng nào mà các triết gia vốn lẫn lộn trong những lý luận của họ và không thể vượt qua được lĩnh vực các ngôn từ, còn phân biệt cái năng phân biệt với cái sở phân biệt, thì họ vẫn không thấy [chân lý] của như như.

74. Khi vị Tu hành nhờ vào trí tuệ siêu việt mà hiểu rằng tất cả các sự vật hiện hữu không có ngã thể, vị ấy đạt được sự tĩnh lặng và an lập trong trạng thái vô tướng (ànimitta).

75. Như một vật bị vẽ xấu bị người vô trí tưởng là một con gà trống, cũng thế, người ngu không biết, hiểu ba thừa theo cách như thế.

76. Không có Thanh văn, Duyên giác ở đây; tuy vậy, nếu người ta nhận ra được hình tướng của một vị Phật, của một Thanh văn thì đấy là một biểu hiện biến hóa của vị Bồ-tát vốn có bản chất là từ bi.

thuvienhuequang.vn

77. Ba cõi hiện hữu chỉ là cấu trúc của tưởng được phân biệt bởi hai tự tính [của sự tưởng tượng và cái biết tương đối]; nhưng khi [bên trong cái tâm] xảy ra một sự tách ly khỏi cái dòng của các đối tượng cảm giác (dharma) và một cái ngã - linh hồn (pudgala), thì bấy giờ chúng ta có [cái chân lý của] như như (tathàta).

78. Mặt trời, mặt trăng, ánh sáng của đèn, các thành tố, các chủng tử, mỗi thứ vận hành theo cách riêng của nó mà không phân biệt; và bản chất của Đức Phật cũng vận hành theo thể cách riêng của nó.

79. (Chương II, câu 51).

80. Các sự vật được gọi là cấu uế hay là thanh tịnh đều giống như những cái lưới tóc [tức là bị nhận thức sai lầm, bởi người bị mờ mắt]; [275] các sự vật không dính dáng chi tới những ý niệm như sinh, trụ, diệt hay thường hằng và không thường hằng.

81. Giống như một người nào đó bị mê man, nhìn thấy cả thế giới theo các màu vàng; dù không có vàng, nhưng đối với anh ta, đất đã biến thành vàng.

82. Người ngu bị ô nhiễm như thế từ thời vô thỉ với cái tâm và những gì thuộc về tâm hiểu các sự vật hiện hữu là thực sự phải như chúng xuất

thuvienhuequang.vn

hiện; mặc dù thực ra các sự vật đều có nguồn gốc do từ Như huyễn (Màyà) hay một ảo ảnh.

83. Một chủng tử hay không có chủng tử nào đều thuộc cùng một nhãn hiệu, và một chủng tử và tất cả các chủng tử cũng thế; và trong một cái tâm, ông nhìn thấy phức tính.

84. Khi một chủng tử được làm cho thanh tịnh thì có một sự quay vào trong một trạng thái không có chủng tử, sự nhất như là do từ vô phân biệt; từ sự quá phong nhiêu mà có sự sinh và sự rối rắm, từ đó khởi sinh ra nhiều chủng tử và từ đó khởi lên sự nêu trỏ về tất cả các chủng tử[1].

85. (Chương II, câu 140).

86. (Chương III, câu 52).

87. Khi tự tính của hiện hữu được hiểu thì không cần phải tránh sự si muội, vô sinh là tự tính của hiện hữu, thấy được như thế thì được giải thoát.

[276] 88. (Chương II, câu 170).

89. (Chương II, câu 144).

90. (Chương II, câu 141).

91. (Chương III, câu 48).

92. (Chương II, câu 136)

---

(1) Hai câu kệ 83 và 84 về "chung tử" (bìja) cần được giai thích đầy đu hơn để làm cho chúng được dễ hiêu hơn.

thuvienhuequang.vn

na là cái thức có sự phản ánh là tính chất đặc biệt của nó, nó nhận biết những môi trường cảm giác (các trần) khác nhau, vì lý do ấy nên nó được gọi là một cái Thức (Vijnàna).

103. Tâm (citta) thì luôn luôn vô ký; Ý (Manas) vận hành theo hai cách - cái thức vận hành thì hoặc tốt hoặc xấu.

104. (Chương II, câu 132).

105 - 109. (Chương IV, các câu 1 - 5).

[279] 110. Trong chính sự tự chứng không có [các giới hạn] thời gian, nó vượt khỏi mọi cảnh giới thuộc các cấp độ (địa) khác nhau; vượt khỏi độ số của ý tưởng, nó an định như là kết quả [của sự tu tập trong cảnh giới] vô sắc (không có sự xuất hiện).

111. Sự phi hiện hữu và hiện hữu ấy được nhận biết, và tính đa phức cũng thế, do bởi sự chấp trước sai lầm của người ngu; sự sai lầm [là nhìn thấy] cái tính đa phức.

112. Nếu có cái biết vô phân biệt, thì thực không hợp lý khi bảo rằng các thực tính [đặc thù]

"Duy tâm" nó nhằm nói đến cái được nêu định ở đây. Cần phải ghi nhớ sự phân biệt ấy vì đây là điều quan trọng. Hãy xem thêm cuốn "Nghiên cứu Kinh Lăng Già" (Studies in Lankàvara Sutra) của tôi (Suzuki), tr. 76 và ở chỗ khác nữa.

thuvienhuequang.vn

(bổn hữu - vastu) là hiện hữu; do bởi cái Tâm, không có những hình tướng đặc thù (rupàni), và do đó chúng ta nói đến [cái biết] vô phân biệt.

113. Các cơ quan cảm giác (căn) phải được biết là Như huyễn (Màyà), các môi trường cảm giác (trần) giống như một giấc mộng diễn viên, hồi kịch, sự đóng kịch. Các thứ này đều chẳng hiện hữu[1] chút nào [trong thực tế].

114. (Chương II, câu 133, câu 176).

115. (Chương II, câu 130, câu 177).

116. [280] - 117 (Chương II, các câu 9 và 10).

118. (Chương II, câu 174).

119. (Chương II, câu 173).

120. Theo cái biết thông tục (tục đế - Samvriti), các sự vật đều hiện hữu, nhưng trong chân lý tối hậu (đệ nhất đế - paramàrtha) thì không có gì hiện hữu cả, thực vậy, trong chân lý tối hậu, người ta thấy rằng tất cả các sự vật đều không có ngã thể. Dù không có ngã thể, cũng khởi lên cái gì đó mà người ta nhận thức [như là thực tính khách quan] - đấy gọi là cái biết thông tục.

121. Nếu các sự vật được xem là tự chúng hiện hữu; thì chúng hiện hữu do bởi chúng được định nên như thế trong ngôn từ; nếu không có ngôn từ

---

(1) Câu kệ này không có trong bản Ngụy.

thuvienhuequang.vn

để định nên sự hiện hữu của chúng thì chúng không hiện hữu.

122. Cái chỉ hiện hữu như là ngôn từ và không như là thực tích - thì cả trong cái biết thông tục cũng không thấy được như vậy; điều này là do cái tính chất của thực tính bị hiểu một cách sai lầm, và không thể chấp nhận cái nhận thức như thế được.

123. Nếu những sai lầm như thế mà được thừa nhận thì sẽ không thể nói về sự phi hữu của ngã thể; [281] vì tính chất của thực tính bị hiểu một cách sai lầm, nên có cái gì đó được nhận thức ở nơi thực sự không có ngã thể; thực vậy, tất cả là phi hữu.

124. Cái được nhìn thấy như là phức tính là cái tâm nó đầy những hình tướng của các tập khí xấu; do bởi những si muội thuộc tâm thức nên người ta chấp vào các hình tướng và các sự xuất hiện mà xem chúng là những [thực thể] khách quan.

125. Sự phân biệt bị tách rời ra bởi sự phân biệt vô phân biệt; chân lý của sự trống rỗng được nhìn thấy suốt bởi sự phân biệt vô phân biệt.

126. Giống như một con voi được tạo ra bằng ảo thuật, như những ngọn lá vàng trong một bức họa, thế giới sở kiến là của những người có cái tâm nó đầy những hình tướng của vô minh.

thuvienhuequang.vn

127 - 128 (Chương II các câu 168 và 169).

129. Như một người mắt bị lòa nhận thấy một cái vòng tóc do bởi ảo giác của mình, cũng thế, người ngu nhận thức ra một thế giới đối tượng sinh khởi bằng nhiều khía cạnh khác nhau của nó.

130. (Chương II, câu 150)

[282] 131. Sự phân biệt cái bị phân biệt, và sự gây nên phân biệt, sự ràng buộc, cái bị ràng buộc và nguyên nhân của nó; sáu thứ này là những điều kiện của giải thoát.

132. Không có [Bồ-tát] địa, không có các sự thật, không có [Phật] quốc độ, không có thân biến hóa; chư Phật, Duyên giác, Thanh văn là [sản phẩm của] tưởng tượng.

133. (Chương II, câu 139).

134. Tâm là tất cả, tâm được nhìn thấy ở khắp nơi và ở trong mỗi thân thể; chính do kẻ có tâm xấu mà tính đa phức được nhận biết, chỗ nào có Duy tâm thì không có tướng trạng (có thể được nhận biết).

135 - 137. (Chương III, các câu 35, 36, 37).

138. Sự cấu thành các tướng trạng (nimitta) được tạo thành bởi si muội là đặc tướng của cái biết paratantra (sự tùy thuộc - Y tha khởi); [283] sự đặt tên cho các tướng trạng này [xem chúng

thuvienhuequang.vn

như là những hiện hữu đặc thù thực sự] là đặc tính của sự tưởng tượng[1].

139. Khi sự cấu thành các tướng và danh vốn là những thứ có được do sự hợp nhất của các điều kiện và thực tính không còn xảy ra nữa thì chúng ta có cái đặc tính của cái biết được toàn hảo (viên thành tính - parinispanna)[2]

140. Thế giới thì đầy cả chư Phật Báo Thân[3], chư Phật Hóa Thân[4], chúng sinh, Bồ-tát và [Phật] độ.

141. [Chư Phật] Sở Lưu[5], [chư Phật] Pháp Thân, [chư Phật] Hóa Thân và chư Phật Hóa Hiện. Hết thảy chư Phật ấy đều đến từ Lạc quốc của A-di-đà.

142. Những gì chư Phật Hóa Thân tuyên thuyết và những gì chư Phật Báo Thân tuyên thuyết đều tạo thành cái giáo pháp được phát triển

---

(1) Thường là parikalpita, nhưng ở đây là vikalpita.

(2) Đây là theo ban Đường, nhưng tôi đề nghị như sau: "Khi sự cấu trúc các danh (tên gọi) và các tướng (các vẻ xuất hiện bên ngoài) không còn xảy ra trong nó, thì chỉ có các dấu hiệu thuộc nguyên nhân trỏ vào thực tính. Đây là đặc tính của cái biết toàn hảo (viên thành)". Cả hai ban Ngụy và Đường đều hiểu samketa ở đây theo nghĩa "hợp nhất".

(3) Vaipàkika

(4) Nirmànika

(5) Nisyanda.

thuvienhuequang.vn

đầy đủ trong các kinh và ông phải biết cái mật nghĩa của các kinh ấy.

143. Những gì chư Bồ-tát tuyên thuyết và những gì các bậc thầy tuyên thuyết - tất cả đều là những gì mà chư Phật Hóa Thân tuyên thuyết chứ không phải chư Phật Báo Thân tuyên thuyết.

144. Tất cả các sự vật đặc thù này (các pháp - dharma) chưa bao giờ được sinh ra, nhưng chúng không phải hoàn toàn là phi hiện hữu; chúng giống như thành của Càn-thác-bà, một giấc mộng, những sáng tạo thuộc ảo thuật.

145. Tâm được đưa vào vận hạnh theo nhiều cách khác nhau, và tâm được giải thoát; tâm không còn sinh khởi theo cách nào khác, và do đó tâm ngưng dứt.

146. Tâm của tất cả chúng sinh là cái tâm nhận thức một cái gì đó giống như là thực tại khách quan, và cái tâm này là sản phẩm của tưởng tượng; [284] trong Duy tâm không có thế giới đối tượng; khi người ta được thoát khỏi phân biệt thì có giải thoát.

147. Bị tập khí xấu về lý luận sai lầm kết chặt, phân biệt tự xác định mình; do đấy mà có sự phát triển của cái thế giới hư vọng này.

148. Cái biết [tương đối] (thức - vijnàna) xảy ra ở nơi nào có cái gì giống như một thế giới bên

thuvienhuequang.vn

ngoài; cái biết [siêu việt] (trí - jñàna)[1] thuộc cảnh giới Như như. Khi một sự chuyển biến (Chuyển y - paravritta) xảy ra, thì có một trạng thái vô tưởng vốn là cảnh giới của người trí.

149. (Chương II, câu 161)

150. Do vọng tưởng (parikalpita), tất cả các sự vật đang hiện hữu được tuyên bố là vô sinh; vì người ta trụ vào cái biết tương đối (paratantra) nên người ta bị lầm lẫn trong những phân biệt của mình.

151. Khi cái biết tương đối được thanh tịnh bởi sự tách ly khỏi phân biệt và được gỡ ra khỏi tưởng tượng thì có sự chuyển biến đến trú xứ của như như.

152. Chớ phân biệt sự phân biệt, không có chân lý nào trong sự phân biệt; [cái thế giới] hư ngụy [này] bị phân biệt về cái được nhận thức và cái nhận thức, nhưng thực ra không có cái nhị biên nào như thế trong nó; nhận ra một thế giới bên ngoài là một sự sai lầm, [cái ý niệm về] ngã thể là do tưởng tượng.

[285] 153. Tưởng tượng bằng sự tưởng tượng này, ngã thể được quan niệm là sinh khởi do các điều kiện nguyên gốc (bổn duyên - pratiyayodb-

---

(1) Về sự khác biệt giữa jñàna và jñàna, xem tr. 135 và tiếp theo đó.

thuvienhuequang.vn

hava); một thế giới bên ngoài được nhận biết trong sự sai lạc, thực ra không có thế giới bên ngoài nào như thế cả mà chỉ do chính cái Tâm.

154. Đối với kẻ nào thì nhìn thấy [thế giới] một cách rõ ràng và xác đáng, sự tách biệt giữa cái nhận thức và cái được nhận thức không còn nữa; không có cái thế giới bên ngoài nào giống như người ngu phân biệt.

155. Khi cái tâm bị dao động vì tập khí (hay ký ức) thì khởi lên cái có vẻ là một thế giới bên ngoài; khi sự tưởng tượng nhị biên chấm dứt thì bấy giờ khởi lên cái biết [siêu việt] (jñàna); cái cảnh giới Như như, cái cảnh giới của người trí thoát khỏi các hình tướng và vượt ra ngoài ý tưởng[1]

156. (Chương II, câu 134; chương VI, câu 3).

157. Từ sự hợp nhất của mẹ và cha, A-lại-da được nối kết với Mạt-na; giống như một con chuột trong một lọ bơ, màu đỏ lớn lên cùng với màu trắng.

158. Qua các cấp độ Pésì, Ghanà và Arbuda, cái nhọt lớn lên, một khối bất tịnh mang các nghiệp; được nuôi dưỡng bởi ngọn gió của nghiệp và bốn thành tố, nó trở thành chín muồi như một trái cây.

---

(1) Dòng đầu của câu 156 là một phần của câu trước. Xem câu 148.

thuvienhuequang.vn

159. Năm thứ, năm thứ và năm thứ; và những khổ đau là chín thứ(*); [286] móng, răng, tóc được tạo thành; khi đã sẵn sàng tuôn ra thì nó được sinh ra.

160. Khi [đứa bé] vừa sinh ra, nó giống như một con sâu trong đống phân; như một người đang ngủ thức dậy, mắt bắt đầu phân biệt các hình tướng, và sự phân biệt tiếp tục tăng trưởng.

161. Với cái biết đạt được do phân biệt, tiếng nói con người được tạo ra từ sự tập hợp của lợi, môi và xoang miệng; và sự phân biệt tiếp diễn như một con vẹt.

162. Các học thuyết triết lý thì có hạn định nhưng Ma-ha-diễn [hay Đại thừa] thì vô hạn định, nó được đưa vào vận hành bởi những ý tưởng về chúng sinh; nó không phải là trú xứ cho những ai nhìn thấy một cách sai lầm. Cái thừa được thể chứng trong chính tự ngã của Ta không phải là cảnh giới mà những kẻ biện luận có thể đạt đến(1).

163. - 164. Xin nói cho con biết sau khi bậc Đạo sư diệt, ai sẽ là người mang [Đại thừa] ? Này Mahàmati, ông nên biết rằng sẽ có người mang

---

(*) Năm, năm và năm: ngũ đại, ngũ căn, ngũ trần (hay ngũ uẩn ?). Chín: chín thức (người dịch ra tiếng Việt).

(1) Các câu kệ này đều bị chia sai, vì dòng này đúng ra phải thuộc câu 162 chứ không phải thuộc câu 163.

thuvienhuequang.vn

Chánh pháp (Dharma) vào một thời gian sau khi đấng Thiện Thệ nhập Niết-bàn.

165. Ở Vedalà, thuộc phương Nam, một Tỳ-kheo nổi tiếng và xuất sắc [sẽ ra đời]; trên vị ấy là Nàgàhvaya, vị ấy sẽ là kẻ diệt bỏ những biên kiến được đặt căn bản trên hữu và phi hữu.

166. Vị ấy sẽ tuyên thuyết cho thế giới biết cái Thừa của Ta, Đại thừa vô thượng; đạt được địa Hoan hỷ, vị ấy sẽ đến nước Cực lạc.

[287] 167. (Chương II, câu 175).

168. Trong cảnh giới của nguồn gốc thuộc duyên "có" và "không có" không xảy ra; những ai tưởng tượng ra cái gì đó là thật ngay trong cái nguồn gốc thuộc duyên sẽ bảo rằng "có" và "không có" nhưng các kiến giải triết học này thì xa rời với giáo lý của Ta.

169. Sự đặt tên cho tất cả các sự vật hiện hữu đã luôn luôn tiếp diễn suốt hàng trăm thế hệ rồi; điều này đã được lặp lại, đang lặp lại không ngừng; một sự phân biệt hỗ tương vô tận đang xảy ra như vậy.

170. Nếu sự nêu trỏ này không xảy ra thì toàn bộ thế giới sẽ rơi vào trong lẫn lộn. Do đó những tên gọi được tạo nên để tránh sự lẫn lộn.

171. Các sự vật hiện hữu được người ngu phân biệt theo ba hình thức phân biệt; đó là sự si muội

thuvienhuequang.vn

do những phân biệt các tên gọi, do cái nguồn gốc thuộc duyên và do [cái ý niệm về] sự hữu sinh ra.

172. [Các triết gia quả quyết rằng] các thành tố đầu tiên (cơ bản) là vô sinh và giống như bầu trời, không bị hư hao và cái ý niệm [chính nó] thuộc sự phân biệt.

173. [Những sự hiện hữu đặc thù là] các tướng trạng, hình ảnh, giống như Huyễn giả, như một ảo ảnh, một giấc mộng, một bánh xe được tạo thành do một que củi cháy quay tròn, [thành] của Càn-thác-bà, một tiếng dội - tất cả các thứ ấy đều được sinh ra theo cùng một cách như nhau.

[288] 174. Phi nhị biên, như như, trống rỗng, giới hạn tối hậu, bản chất (pháp tính - dharmatà), vô phân biệt - Ta dạy rằng tất cả các thứ này là thuộc khía cạnh của cái biết toàn hảo (viên thành tính - parinishpanna).

175. Ngôn ngữ thuộc cảnh giới của tư tưởng, [do đó] sự thực trở thành bị [diễn tả] một cách sai lạc; cái biết siêu việt (bát-nhã - prajñà) bị tư tưởng phân biệt mà rơi vào một nhị biên tính, do đó cái biết siêu việt là một cái gì không được tưởng tượng ra.

176. - 177. (Chương III, các câu 9 và 10).

178. Người ngu nhận thức toàn bộ sự hiện hữu (cuộc đời) không giống như người trí nhận thức;

thuvienhuequang.vn

toàn bộ sự hiện hữu theo như người trí nhận thức, thì không có các tướng trạng [đặc thù].

179. Giống như một chiếc vòng cổ giả, không phải bằng vàng, dù rằng được trông thấy như vàng, được người ngu tưởng là bằng vàng [thật], cũng thế, tất cả các sự vật được người ngu suy luận sai lầm mà tưởng tượng ra.

180. (Chương III, câu 11).

181. Các sự vật không có sự bắt đầu, không có sự chấm dứt; chúng trụ trong khía cạnh của thực tính; [289] không có người sáng tạo, không có gì hành tác trong cuộc đời, nhưng những nhà lý luận không hiểu như thế.

182. Những sự vật nào được nghĩ là đã hiện hữu trong quá khứ, sẽ hiện hữu trong tương lai hay đang hiện hữu trong hiện tại - tất cả các sự vật như thế đều vô sinh.

183. - 184. (Chương III, câu 44 và 45).

185. [Thế giới] này là một dấu hiệu[1] chỉ định của thực tính (dharmatà); bên ngoài dấu hiệu, không có cái gì được tạo ra, không có cái gì bị đoạn diệt.

186. - 187. (Chương II, các câu 159 và 160).

188. - 189. (Chương III, các câu 1 và 2).

---

(1) Samketa (gia danh) xem thêm câu 139.

thuvienhuequang.vn

[290] 190. Sự hiện hữu trong những liên hệ thuộc điều kiện của nó, không thể được [miêu tả] là đồng hay dị; đấy chỉ là một cách nói tổng quát rằng có sự sinh, ngưng dứt và đoạn diệt.

191. Sự trống rỗng vô sinh là một sự việc, sự trống rỗng hữu sinh là một việc khác; sự trống rỗng vô sinh thì tốt hơn, [vì] sự trống rỗng hữu sinh thì đưa đến sự đoạn diệt.

192. Như như, trống rỗng (hư vô), giới hạn, Niết-bàn, và pháp giới, các thân thể khác nhau do ý sinh ra, Ta chỉ rõ rằng đấy là đồng nghĩa.

193. Những ai phân biệt sự thanh tịnh theo các kinh, luật và luận, theo các sách vở chứ không theo các ý nghĩa tự nội; họ không an trụ trong vô ngã.

194. - 196. (Chương III, các câu 12 - 14).

[291] 197. Thế giới sở kiến vẫn giống như sừng thỏ chừng nào mà tất cả các chúng sinh còn tiếp tục phân biệt; những ai phân biệt thì bị mê muội giống như một con nai chạy theo một ảo ảnh.

198. Do chấp vào sự phân biệt, nên sự phân biệt [lại càng] tiếp tục, khi cái nguyên nhân của phân biệt bị gạt bỏ thì bấy giờ người ta được tự tại.

199. - 200. (Chương III, các câu 54 và 55)

201. Cái biết siêu việt thì thâm sâu, cao thượng, xa rộng, và nhận thức được tất cả các

thuvienhuequang.vn

Phật quốc. Ta dạy điều này cho các nam tử của đấng Tối Thắng; đối với hàng Thanh văn, Ta dạy sự tạm bợ.

202. Ba cõi là tạm bợ, hư không, không có ngã và những gì thuộc về ngã; Ta dạy cái học thuyết về tổng quát như thế cho hàng Thanh văn.

203. Chớ bị ràng buộc vào cái gì hiện hữu, biết thực sự các chân lý của cô tịch là gì là bước đi rất đơn độc; quả vị Bích-chi vượt khỏi lý luận là quả vị mà Ta thuyết dạy.

204. Các đối tượng bên ngoài được tưởng tượng, những ai có thân thể thì bị lệ thuộc vào cái biết tương đối; bị mê muội, họ không tự thấy họ, do đó mà một cái tâm phát triển.

205. [292] - 206. (Chương IV, các câu 6 và 7).

207 và 208. (Chương III, các câu 56 và 57).

209. (Chương II, câu 153).

210. (Chương II, câu 150).

211. Có bốn năng lực tâm linh: năng lực có được do sự chín muồi [của các thực hành tu tập], năng lực có được do gia lực của chư Phật, năng lực có được do nhập vào các con đường khác nhau của các chúng sinh đang sống, và năng lực đạt được trong một giấc mộng.

212. Năng lực đạt được trong một giấc mộng, năng lực có được do năng lực của chư Phật, và

thuvienhuequang.vn

năng lực sinh ra do nhập vào các con đường của các chúng sinh. Các năng lực này không[1] được sinh ra từ sự chín muồi (kết quả, thành tựu) [của các thực hành tu tập].

[293] 213. Tâm bị ảnh hưởng bởi tập khí, từ đó sinh khởi một cái gì giống như sự hiện hữu thực sự (Bhàvàbhàsa), vì người ngu không hiểu nên bảo rằng có sự sinh ra [của các thực tính].

214. Chừng nào các đối tượng bên ngoài (Bàhyam)[2] bị phân biệt là có các đặc tướng, thì cái tâm còn bị điên đảo (vimuhyate)[3] không thể thấy được sự mê muội của chính nó.

215. Tại sao sự sinh được nói đến ? Tại sao cái thế giới sở kiến không được nói đến ? Khi cái thế giới sở kiến (được nhận thức) không có sự hiện hữu vẫn được thấy là đang hiện hữu thì cái được nói đến là cái gì ? Cho ai ? Và tại sao ?

216. Cái Tâm (Citta) tự bản chất của nó là hoàn toàn thanh tịnh, Ý (manas) bị ô nhiễm, và Ý là cùng với các Thức (Vijñàna), tập khí thì luôn luôn đẩy [các chủng tử] của nó ra.

217. A-lại-da được tách rời khỏi thân thể, Ý

---

(1) Theo các bản dịch Hán và Tây Tạng - không phải là Vijñànavipàkajah, mà là bhihnā na vipàkajah.

(2) Theo bản Hán.

(3) Theo bản Ngụy.

thuvienhuequang.vn

mời gọi những con đường sống khác nhau; Thức bị mê muội bằng những gì giống như một thế giới đối tượng và khi nhận thức, nó bị đánh lừa[1].

218. Cái được nhìn thấy là cái tâm của chính mình, một thế giới đối tượng thì không hiện hữu, khi người ta nhận thức rằng [hiện hữu là] một sự lầm lạc[2] thì người ta đạt được cả Như như.

219. Cảnh giới [tàm linh] mà các Thiền giả đạt được, nghiệp và cái trạng thái cao vời của chư Phật. Ba thứ ấy vượt khỏi tư tưởng, chúng thuộc về cái cảnh giới Thức[3] vượt lên trên tư tưởng.

[294] 220. Quá khứ và vị lai, Niết-bàn, một cái ngã cá nhân [hư không[4]], các từ ngữ - Ta nói đến các thứ ấy là theo quy ước của thế tục, chứ cái thực tính tối hậu thì khỏi văn tự.

221. Hai thừa[5] và các triết gia là một trong sự tùy thuộc của họ vào các [vọng] kiến; họ bị lẫn lộn về duy tâm, và tưởng tượng ra một sự hiện hữu (thế giới) bên ngoài.

---

(1) Pralubhyate "bị ràng buộc một cách tham lam" theo bản Ngụy và bản Đường.

(2) Bhrànti, "một mê lầm", "một thế giới bên ngoài".

(3) Hẳn là jnàna, hay là trọ vào cái A-lại-da ?

(4)Theo bản Hán.

(5) Naikàyika, nguyên nghĩa là "những người thuộc Nikàya (Tiểu bộ).

thuvienhuequang.vn

222. Sự chứng ngộ mà hàng Duyên giác đạt được, Phật tính và quả vị A-la-hán, và cái thấy của chư Phật, đấy là những chủng tử bí mật lớn lên trong sự chứng ngộ; nhưng sự chứng ngộ này được thành tựu trong một giấc mộng[1].

223. Như huyễn (Màgà), Tâm (Citta), sự thông tuệ[2], sự tịch lặng, nhị biên của hữu và phi hữu, những giáo lý này ở đâu ? Cho ai ? Do đâu ? Và có nghĩa gì ? Xin hãy nói cho con biết.

224. Ta dạy rằng những thứ như Huyễn giả, hữu và phi hữu, là nhằm cho những kẻ bị lẫn lộn trong giáo lý Duy tâm; khi sinh và tử được nối kết với nhau [làm một], thì cái được định tính và cái định tính được gỡ bỏ.

225. Một cái tên khác cho ý (Mạt-na - manas) là phân biệt (vikalpa) và nó đi cùng với năm Thức; các chủng tử của tâm (cittabìja) theo cách như các hình ảnh [xuất hiện trong một tấm kính] hay [các sóng cuộn trên] nước biển.

---

(1) Ngụ ý của câu kệ này khó có thể là được thu lượm từ các nội dung của Lăng Già như chúng ta có ở đây. Sự hiện diện của các câu kệ như thế này, mà trong phần Sagàvatham (Tổng kệ) có khá nhiều, một cách nào đó cho ta thấy rằng phần kệ này có sự liên hệ hữu cơ với chính kinh.

(2) Bản Hán đọc là gati (con đường, hay dòng) chứ không phải mati.

thuvienhuequang.vn

226. Khi Tâm, Ý và Ý thức ngưng sinh khởi [295] thì có sự đạt ý thân và Phật địa.

227. Nhân duyên, các giới, các uẩn, và tự tính của tất cả các sự vật, cấu trúc của tưởng, một linh hồn cá nhân và tâm - các thứ ấy đều giống như một giấc mộng, một cái lưới tóc.

228. Khi nhìn thấy thế giới giống như Huyễn giả, người ta an trú cùng chân lý; thực ra, chân lý thoát ra ngoài những tướng trạng đặc thù, được gỡ ra khỏi suy luận.

229. Sự thể chứng tự nội mà người trí đạt được thì luôn luôn ở trong một trạng thái vô ký ức[1]; nó dẫn thế giới đến chân lý vì nó không bị điên đảo bởi suy luận.

230. Khi tất cả mọi suy luận sai lầm lắng xuống thì lầm lạc không còn sinh khởi; chừng nào còn có cái biết phân biệt[2] thì lầm lạc còn sinh khởi.

231. Thế giới là trống rỗng và không có tự tính; nói về thường hằng và vô thường hằng là kiến giải của những người theo chủ trương sinh chứ không phải của những người theo chủ trương vô sinh.

---

(1) Asmara, bản Đường.
(2) Jñàna thay vì pràjñà.

thuvienhuequang.vn

232. [Các triết gia] tưởng tượng thế giới là đồng và dị, là vừa đồng vừa dị [là vừa không đồng vừa không dị], và [đã sinh khởi] từ Tự Tại thiên, hay theo một cách tự nhiên, hay từ thời gian, hay từ một thần linh tối cao, hay từ cái nhân tố khác.

233. Thức vốn là cái mầm mống của luân hồi, không phát sinh khi thế giới sở kiến này [thực sự] được nhận biết; giống như bức tranh trên một bức tường, nó biến mất khi [bản chất của nó] được nhận biết.

[296] 234. Giống như những hình ảnh trong ảo thuật, người ta sinh ra và chết cũng như vậy; người ngu, do bởi sự si muội, [tưởng rằng] thực sự có sự ràng buộc và sự buông xả.

235. Cái nhị biên tính của thế giới, bên trong và bên ngoài, và các sự vật chịu sự nhân quả do hiểu một cách rõ ràng chúng là gì, người ta được an lập trong vô tưởng.

236. Cái tâm (citta) không tách khỏi tập khí, cũng không phải cùng với tập khí; dù được bao bọc bằng tập khí, tâm tự nó vẫn không bị phân biệt.

237. Tập khí được sinh ra từ Mạt-na thức giống như bụi, cái tâm (citta) là một cái áo trắng tuyền bị bụi ấy bao phủ và không thể lộ ra được.

238. Vì hư không thì không hiện hữu cũng không phi hiện hữu, Ta bảo rằng A-lại-da ở trong

thuvienhuequang.vn

thân thể, cũng như thế, nó không hiện hữu cũng không phi hiện hữu.

239. Khi Mạt-na thức "được chuyển biến" (chuyển y - vyàvritta), cái tâm tự giải thoát khỏi sự vẩn đục của nó; Ta bảo do hiểu được [bản chất của] tất cả các sự vật tâm (citta) trở thành Phật.

240. Được tháo gỡ khỏi ba tương tục, không có hữu và phi hữu, thoát khỏi bốn mệnh đề (tứ cú), tất cả các sự vật (bhava) luôn luôn giống như Huyễn giả.

241. Bảy địa (đầu) là tâm sinh và thuộc hai tự tính; hai địa (sau) và Phật địa là viên thành (Nispanna "cái biết toàn hảo").

[297] 242. Cõi sắc, cõi vô sắc và cõi dục, và Niết-bàn là ở trong thân thể này; tất cả được gọi là thuộc cảnh giới của Tâm.

243. Chừng nào còn có một cái gì đó được đạt, thì còn có quá nhiều lầm lạc sinh khởi; khi chính cái Tâm được thông hiểu hoàn toàn, thì lầm lạc không sinh khởi cũng không dứt đoạn.

244. (Chương II, câu 171).

245. (Chương II, câu 131).

246. Hai điều được Ta thiết lập; các đối tượng đặc thù và sự thể chứng; có bốn nguyên tắc lập nên các học thuyết luận lý.

247. Cái sai lầm (hay thế giới) được phân biệt

thuvienhuequang.vn

khi nó được nhìn thấy là được định tính bằng nhiều hình tướng khác nhau; khi các tên gọi và các hình tướng (danh và sắc) được gỡ bỏ thì tự tính trở nên thanh tịnh, đấy là cảnh giới của người trí.

248. Chừng nào phân biệt còn tiếp tục thì vọng tưởng (parikalpita) còn tiếp tục xảy ra; nhưng vì cái gì tưởng tượng bởi sự phân biệt thì không có thực tính, nên tự tính [thực sự được hiểu trong] cảnh giới của người trí.

249. Cái tâm được giải thoát là cái chân lý bất biến và vĩnh cửu; cái thể tính làm nên tự tính của các sự vật [298] và cái Như như thì không có phân biệt.

250. Có cái thực tính (bổn hữu - vastu); không nên định tính nó là thanh tịnh, cũng không nên bảo nó là ô nhiễm; vì một cái tâm được thanh tịnh lìa bỏ những dấu vết ô nhiễm, nhưng thực tính là cái chân lý thanh tịnh [một cách tuyệt đối], thuộc cảnh giới của người trí.

251. Thế giới được sinh ra từ nhân duyên; khi thế giới được xem là được gỡ ra khỏi phân biệt và được xem là giống như Huyễn giả, một giấc mộng v.v... thì người ta được giải thoát.

252. Nhiều tập khí sinh khởi do bởi lầm lạc nối kết với tâm; người ngu nhận thức chúng ta những

thuvienhuequang.vn

đối tượng hiện hữu bên ngoài; còn bản thể của tâm (cittasiya dharmatà) thì không được nhận thức.

253. Bản thể của tâm thì thanh tịnh nhưng không phải cái tâm được sinh ra từ sự sai lạc; sự lầm lạc sinh khởi từ sự lầm lạc, do đó người ta không nhận thức được Tâm.

254. Si mê tự nó không khác chân lý, chân lý không ở trong hữu tác (Saimskara) cũng không ở trong chỗ nào khác, mà chân lý ở chỗ nào mà hữu tác được quan sát [trong chiều hướng riêng của nó].

255. Khi hữu vi (Samskrita) được nhìn thấy là không có cái định tính và cái định tính, thì tất cả mọi thuộc tính đều bị gạt ra và do đó thế giới được nhìn thấy là của chính cái Tâm.

256. Khi [bậc Tu hành] nhập vào Duy tâm, vị ấy không còn phân biệt một thế giới bên ngoài; an lập ở nơi mà Như như an trụ, vị ấy sẽ tiếp tục đi đến Duy tâm[1].

---

(1) Cittamàtram ở đây và trong câu kệ tiếp theo được dịch trong bản Đường là 心 量 (Tâm lượng) chứ không phải là 唯 心 (Duy tâm) thường dùng. Tâm lượng nghĩa là "sự đo lường về tâm", từ nay được dùng trong ban Tống hoàn toàn thay cho Cittamàtram, vì vào thời Tống, "Duy tâm" chưa được nghĩ đến. Nhưng tại sao bản Đường lại dùng "Tâm lượng" thay cho "Duy tâm" trong trường hợp đặc biệt này, trong khi "Duy tâm" được dùng trong dòng mạch

thuvienhuequang.vn

257. Bằng cách tiếp tục đi đến Duy tâm, vị ấy tiếp tục đi đến trạng thái vô tưởng; [299] khi vị ấy an lập trong trạng thái vô tưởng, vị ấy không thấy [cả đến] Đại thừa[1].

258. Trạng thái không cố gắng (vô công dụng - anàbhoga) thì tĩnh lặng và hoàn toàn được thanh tịnh bằng các [bổn] nguyện; cái biết tuyệt vời nhất của vô ngã không nhìn thấy [nhị biên tính nào trong thế giới] do bởi vô tưởng.

259. Vị ấy phải nhìn lại cảnh giới của tâm, vị ấy phải nhìn lại cảnh giới của cái biết, vị ấy phải nhìn lại cảnh giới bằng cái biết siêu việt (bát-nhã - prajñà), và vị ấy sẽ không bị mê mờ vì các tướng trạng đặc thù.

260. Khổ thuộc về tâm, Tập là cảnh giới của cái biết (jñàna); hai chân lý[2] còn lại (Diệt và Đạo) và Phật địa ở nơi mà cái biết siêu việc vận hành.

261. Sự chứng ngộ, Niết-bàn và Bát Chánh đạo - khi tất cả các chân lý này được hiểu thì có các Phật trí hoàn toàn được thanh tịnh.

đó ? Phải chăng Cittamàtram ở đây chỉ đơn giản có nghĩa là "sự đo lường về tâm thức hay trí tuệ" chứ không được dùng theo nghĩa mà từ ngày được dùng ở các chỗ khác trong ban kinh ?

(1) "Không" (na) được thay thế bằng "vị ấy" (sa), có lẽ dễ hiểu hơn chăng ?

(2) Chỉ Tứ Thánh đế.

thuvienhuequang.vn

162. Mắt, hình sắc, không gian và Ý (Manas), do bởi [hòa hợp] này mà có sự sinh ra thức (vijñàna) trong con người; Ý thức thực ra được sinh ra từ A-lại-da.

263. Khi không có cái gì được thủ nhiếp thì cũng không có sự thủ nhiếp, cũng không người thủ nhiếp; không có các tên gọi, không có các đối tượng; những ai tiếp tục con đường suy nghĩ phân biệt vô căn cứ là những kẻ không có trí.

264. Tên gọi không sinh ra từ ý nghĩa, ý nghĩa cũng không sinh ra từ tên gọi; [300] các sự vật sinh ra từ nguyên nhân hoặc từ vô nguyên nhân. Như thế là phân biệt; chớ có phân biệt !

265. (Chương II, câu 145).

266. Tưởng mình đứng trên một sự thật, người ấy thuyết giảng về cấu trúc của tưởng; không đạt được cái nhất thể theo năm cách, và do đó chân lý đã bị loại bỏ[1].

267. Mê lầm (hý luận - Prapañca) là kẻ ác cần phải bị đập vỡ; hữu và phi hữu cần phải được vượt lên; khi người ta thấy suốt vào [sự thật về] vô ngã, thì người ta không còn ham muốn, không còn có ý nghĩ sai lầm về cuộc đời.

268. [Các triết gia tưởng ra] một kẻ sáng tạo hiện hữu thường hằng bị gắn vào ngôn từ suông

---

(1) Ý nghĩa không rõ.

thuvienhuequang.vn

mà thôi; chân lý tối thượng thì vượt khỏi các từ ngữ, Pháp được nhìn thấy khi sự ngưng dứt xảy ra.

269. Lấy A-lại-da làm chỗ nương tựa, Ý (manas) phát triển; dựa vào Tâm và Ý, hệ thống thức phát triển.

270. Cái gì được kiến lập bằng một kiến lập (Samàropa) là một kiến lập; Như như là bản thể của Tâm; khi điều này được nhận thức rõ, thì bậc Tu hành đạt cái biết về Duy tâm.

271. Người ta đừng suy nghĩ về Ý, về các tướng trạng đặc thù và thực tính từ quan điểm thường hằng và vô thường; cũng đừng suy nghĩ bằng Thiền định về sinh và vô sinh.

272. Họ không phân biệt nhị biên; Thức sinh khởi từ A-lại-da; [301] sự đồng nhất về ý nghĩa xảy ra như thế không nên được biết bằng một cái tâm vận hành một cách nhị biên.

273. Không có người nói, cũng không có sự nói, không có sự trống rỗng một khi Tâm được nhìn thấy thì có một mạng lưới triết học khởi lên.

274. Không có sự sinh khởi của [chuỗi] nhân duyên, không có các căn, giới, uẩn, tham, hữu vi.

275. Không có ngọn lửa[1] vận hành đầu tiên; không có sự vận hành nào được thực hiện, không

---

(1) Ban Đường ghi: "Nghiệp và các quả của nghiệp", trong khi ban Ngụy ghi: "Nghiệp trong hành tác".

thuvienhuequang.vn

có những kết quả được tạo nên, không có giới hạn cuối cùng, không có năng lực, không có giải thoát, không có ràng buộc.

276. Không có trạng thái hữu nào được gọi là bất định [hay không thể giải thích được] (avyàkrita); không có cái nhị biên của nghiệp và phi nghiệp; không có thời gian, không có Niết-bàn, không có bản chất của Pháp.

277. Không có chư Phật, không có các chân lý, không có quả, không có nhân, không có điên đảo, không có Niết-bàn, không có diệt, không có sinh.

278. Không có mười hai chi phần (anga) và không có cái nhị biên tính của giới hạn và vô giới hạn; do bởi sự ngưng dứt tất cả các ý niệm [mà các triết gia chủ trương]; Ta tuyên bố [có] Duy tâm.

279. Phiền não, nghiệp đạo, thân thể, những người sáng tạo, những kết quả - các thứ ấy đều giống như một chú thuật và một giấc mộng, chúng giống như thành của Càn-thác-bà.

280. Do nắm giữ Duy tâm, cái ý niệm về thực tính được gỡ bỏ; do thiết lập Duy tâm, thường hằng và đoạn diệt được nhìn thấy [trong mỗi liên hệ riêng của chúng].

281. Không có các uẩn trong Niết-bàn cũng không có một ngã - linh hồn, không có những tướng trạng đặc thù; [302] do nhập vào Duy tâm, người ta khỏi bị trói buộc mà đi đến giải thoát.

thuvienhuequang.vn

mà thôi; chân lý tối thượng thì vượt khỏi các từ ngữ, Pháp được nhìn thấy khi sự ngưng dứt xảy ra.

269. Lấy A-lại-da làm chỗ nương tựa, Ý (manas) phát triển; dựa vào Tâm và Ý, hệ thống thức phát triển.

270. Cái gì được kiến lập bằng một kiến lập (Samàropa) là một kiến lập; Như như là bản thể của Tâm; khi điều này được nhận thức rõ, thì bậc Tu hành đạt cái biết về Duy tâm.

271. Người ta đừng suy nghĩ về Ý, về các tướng trạng đặc thù và thực tính từ quan điểm thường hằng và vô thường; cũng đừng suy nghĩ bằng Thiền định về sinh và vô sinh.

272. Họ không phân biệt nhị biên; Thức sinh khởi từ A-lại-da; [301] sự đồng nhất về ý nghĩa xảy ra như thế không nên được biết bằng một cái tâm vận hành một cách nhị biên.

273. Không có người nói, cũng không có sự nói, không có sự trống rỗng một khi Tâm được nhìn thấy thì có một mạng lưới triết học khởi lên.

274. Không có sự sinh khởi của [chuỗi] nhân duyên, không có các căn, giới, uẩn, tham, hữu vi.

275. Không có ngọn lửa[1] vận hành đầu tiên; không có sự vận hành nào được thực hiện, không

---

(1) Ban Đường ghi: "Nghiệp và các quả của nghiệp", trong khi ban Ngụy ghi: "Nghiệp trong hành tác".

thuvienhuequang.vn

có những kết quả được tạo nên, không có giới hạn cuối cùng, không có năng lực, không có giải thoát, không có ràng buộc.

276. Không có trạng thái hữu nào được gọi là bất định [hay không thể giải thích được] (avyàkrita); không có cái nhị biên của nghiệp và phi nghiệp; không có thời gian, không có Niết-bàn, không có bản chất của Pháp.

277. Không có chư Phật, không có các chân lý, không có quả, không có nhân, không có điên đảo, không có Niết-bàn, không có diệt, không có sinh.

278. Không có mười hai chi phần (anga) và không có cái nhị biên tính của giới hạn và vô giới hạn; do bởi sự ngưng dứt tất cả các ý niệm [mà các triết gia chủ trương]; Ta tuyên bố [có] Duy tâm.

279. Phiền não, nghiệp đạo, thân thể, những người sáng tạo, những kết quả - các thứ ấy đều giống như một chú thuật và một giấc mộng, chúng giống như thành của Càn-thác-bà.

280. Do nắm giữ Duy tâm, cái ý niệm về thực tính được gỡ bỏ; do thiết lập Duy tâm, thường hằng và đoạn diệt được nhìn thấy [trong mỗi liên hệ riêng của chúng].

281. Không có các uẩn trong Niết-bàn cũng không có một ngã - linh hồn, không có những tướng trạng đặc thù; [302] do nhập vào Duy tâm, người ta khỏi bị trói buộc mà đi đến giải thoát.

thuvienhuequang.vn

282. Chính sự lầm lạc (dosha) khiến cho thế giới bị nhận thức theo bên ngoài như nó được hiển lộ đối với người ta, Tâm không sinh ra từ thế giới khả kiến; do đó Tâm không phải là khả kiến.

283. Chính cái tập khí của Người đã đưa vào kiến giải những thứ giống như thân thể, tài sản, nhà cửa; Tâm không phải là một hữu thể cũng không phải là một phi hữu thể, do bởi tập khí, tâm không tự hiển lộ được.

284. Bụi được phát hiện trong thanh tịnh nhưng thanh tịnh tự nó không bị cấu nhiễm; cũng như khi bầu trời bị mây che, Tâm thì không thể được thấy [khi nó bị ô nhiễm vì lầm lạc].

285. (Chương III, câu 38).

286. (Chương II, câu 182).

287. (Chương III, câu 40).

288. (Chương III, câu 41).

289. (Chương II, câu 183).

[303] 290. Tâm không sinh ra từ các thành tố (đại - bhùta), Tâm không được nhìn thấy ở đâu cả; chính tập khí của người ta đã đưa vào kiến giải cái thân thể, tài sản và nhà cửa. (1)

---

(1) Đây là lặp lại nửa sau của câu 282 và nửa đầu của câu 283. Trong bản Đường và bản Ngụy đều không như thế, chứng tỏ rằng sự sắp xếp có thể do lầm lẫn khi sao chép.

thuvienhuequang.vn

291. Tất cả những gì được tạo thành bởi thành tố (đại) thì không có hình sắc và không có hình sắc thì không phải là được tạo thành bởi thành tố; thành phố của Càn-thác-bà, một giấc mộng, ảo thuật, một hình ảnh - các thứ này đều không phải là do thành tố tao thành.

292.[1]

293.[2]

294. (Chương III, câu 43)

295. Vì thực tính và phi thực tính có thể được nêu định là thuộc sự hiện hữu sinh ra từ nhân duyên nên kiến giải về đồng và dị nhất định là thuộc về chúng.

296. - 302. (Chương II, các câu 184 - 190)

[304] 303. Hàng Thanh văn của Ta có ba loại: loại hóa thân, loại sinh ra từ các bổn nguyện, và loại Thanh văn đã thoát khỏi tham và sân, và được sinh ra từ Pháp.

---

(1) Nửa đầu của câu này tương ứng với nửa đầu của chương III, câu 42; trong khi nửa sau của câu 292 và nửa đầu của câu 293 rõ là lặp lại câu 290 và của cả nửa đầu của câu 282 và nửa đầu của câu 283. Các cách phân chia kệ của Nanjo, theo tôi cần phải được xem lại ở vài chỗ, nhưng vì sợ rằng sẽ tạo nên lộn xộn trong việc đánh số toàn bộ phần "Sagàthakam" nên tôi đã theo Nanjo.

(2) Nửa đầu của câu 292 và nửa sau của câu 293 tương ứng với chương III, câu 42.

thuvienhuequang.vn

304. Hàng Bồ-tát cũng có ba loại: những vị chưa đạt Phật địa, những vị hiện thân theo các ý tưởng của các chúng sinh hữu tình, và những vị được nhìn thấy giống như Phật[1].

305. - 310. (Chương II, các câu 191 - 196)

[305] 311. Chính cái Tâm của một người được nhận thức là những gì giống như (samnibham) hình một ngôi sao, một đám mây, một mặt trăng, một mặt trời và những gì họ nhận thức như thế được sinh ra từ tập khí.

312. Các thành tố không có ngã tính, không có cái được định tính và cái định tính trong các thành tố ấy; nếu tất cả các sự vật được tạo thành bằng thành tố là các thành tố, thì sắc (rùpa) cũng được tạo thành bằng thành tố.

313. Các thành tố là nhất thể, không có các sự vật được tạo thành bằng các thành tố trong các thành tố; các thành tố là nguyên nhân; đất, nước v.v... là kết quả.

314. Các chất liệu và hình thức của cấu trúc của tưởng (của giả thiết) thì giống như các sự vật được sinh ra từ Như huyễn; [306] chúng xuất hiện

---

(1) Đây là theo bản Đường. Một cách hiểu khác là: "Có ba loại Bồ-tát. Còn chư Phật thì không có hình tướng [cụ thể], nhưng cái gì đó trông giống như một Đức Phật có thể được trông thấy tùy theo các ý tưởng của mỗi chúng sinh hữu tình.

thuvienhuequang.vn

giống như một giấc mộng, một thành phố của Càn-thác-bà, chúng là một ảo ảnh và một chi phần thứ năm[1].

315. Có năm loại nhất-xiển-đề, các gia tộc cũng có năm loại; có năm thừa và vô thừa, và sáu loại Niết-bàn.

316. Các uẩn được chia làm hai mươi lăm, và có tám loại hình sắc, hai mươi bốn Phật, và có hai loại nam tử của Đức Phật.

317. Có một năm lẻ tám học thuyết và ba loại Thanh văn, có một quốc độ của chư Phật và Phật cũng thế, có một vị.

318. Giải thoát cũng như thế; có ba hình thức, bốn loại dòng tâm, sáu loại vô ngã của Ta, và cũng có bốn loại trí.

319. Được tách khỏi các yếu tố nguyên nhân, được gỡ ra khỏi các lý thuyết hư ngụy, đấy là cái biết của sự tự chứng, là Đại thừa, bất động và tối cao.

320. Về sinh và vô sinh, có tám loại và chín loại; hoặc sự đắc quả là ngay lập tức hoặc dần dần, đấy là một sự thể chứng.

---

(1) Bản kinh không cho ta manh mối gì về câu này cả. Phải chăng Prajñaptirùparn (hình thức của cấu trúc của tưởng) là cùng nghĩa với Vijñaptiùpam của A-tỳ-đạt-ma-câu-xá (Abhidharmakosa) ?

thuvienhuequang.vn

321. Có tám cõi vô sắc; Thiền định (Dhyàna) được chia thành sáu; và với hàng Bích-chi và nam tử của Đức Phật, có bảy hình thức giải thoát.

322. Không có những sự việc như quá khứ, hiện tại và vị lai; không có thường hằng cũng không có vô thường; tạo tác, sở hành và kết quả - tất cả không gì khác hơn một giấc mộng.

323. Từ đầu đến cuối, chư Phật, chư Thanh văn, chư nam tử của Phật chưa từng được sinh ra; [307] tâm được tách khỏi cái sở kiến, luôn luôn là một hiện hữu Như huyễn.

324. Cũng như thế, trú xứ ở trời Đâu-suất (Tushita), sự thọ thai, sự sinh, sự rời bỏ, cuộc sống trần thế, sự quay của bánh xe, sự đi khắp nơi trong tất cả các xứ - [một vị Phật] được nhìn thấy [làm tất cả điều này], nhưng Ngài không phải được sinh ra từ bào thai.

325. Vì lợi ích cho các chúng sinh hữu tình đang phải lang thang, di chuyển từ nơi này đến nơi khác cho nên giải thoát, chân lý, cái biết về [Phật] độ và sự sinh khởi của các sự vật do nhân duyên được nói đến.

326. Các thế giới, các rừng, các đảo, vô ngã, các triết gia, những sự lang thang, các Thiền định, các thừa, A-lại-da, chứng đạt, quả vị chứng đạt bất tự nghì.

thuvienhuequang.vn

327. Các gia tộc của mặt trăng và các vì sao, các gia tộc của các vua, các trú xứ của các vị Thiên, các gia tộc của La-sát và Càn-thác-bà - tất cả các thứ ấy đều được sinh ra từ nghiệp và được sinh ra từ khát ái.

328. Sự hóa tử bất tư nghì thì [vẫn còn] nối kết với tập khí; khi bị gián đoạn, cái tử bị chận đứng, mạng lưới phiền não bị đoạn diệt.

329. [Vị Bồ-tát] không được giữ[1] tiền bạc, lúa gạo, vàng bạc, đất đai, của cải, bò và cừu, nô lệ, ngựa, voi v.v...

330. Vị ấy không được ngủ trên một cái giường có đục lỗ (?), cũng không được để nền nhà lấm bùn;[2] Vị ấy không được có bình bát làm bằng vàng, bạc, thau, hay đồng.

331. Bậc Tu hành phải phải có áo trắng nhuộm màu xanh đậm hay màu đỏ nâu bằng phân bò, hay bùn, hay trái cây, hay lá.

[308] 332. Bậc Tu hành được phép mang một bình bát đo đúng theo Magadha, làm bằng đá, hay đất sét, hay sắt, hay vỏ sò, hay đá thạch anh.

333. Bậc Tu hành có mục tiêu tối hậu là tu hành được phép mang một con dao cong dài bằng

---

(1) Theo bản Hán.

(2) Người dịch (Suzuki) không biết xuất xứ.

thuvienhuequang.vn

bốn ngón tay để cắt vải; kẻ nỗ lực tu hành không được học các khoa về máy móc.

334. Bậc Tu hành tu tập theo các thực tập thì không được dấn thân vào việc mua bán; [nếu cần] hãy để cho thị giả lo việc ấy. Đấy là những giới luật mà Ta thuyết dạy.

335. Giữ gìn các căn của mình như thế, vị ấy phải có một sự thông hiểu chính xác trong ý nghĩa của kinh và luật (Vinàya), và không được giao tiếp với người đời, Ta gọi đấy là bậc Tu hành.

336. Bậc Tu hành phải sắp xếp chỗ ở của mình trong một căn nhà trống, hay một nghĩa địa, hay dưới một cái cây, hay trong một cái hang, hay giữa đồng, hay ở một nơi trống trải.

337 [Bậc Tu hành] phải mặc ba y (áo) hoặc lấy trong nghĩa địa hay ở nơi nào khác; nếu có ai vui lòng cho vị ấy một cái y thì vị ấy hãy nhận y ấy.

338. Khi vị ấy đi khất thực, vị ấy hãy nhìn thẳng tới trước cách một khoảng không quá một yoke; vị ấy phải cư xử theo cách ong đối với hoa.

339. Khi bậc Tu hành thấy mình đang ở trong một đám đông, trong sự xô bồ của một đám đông, hoặc với các Tỳ-kheo-ni [nữ khất sĩ], đây không phải là một mối liên hệ thích thú đối với các vị Tu hành, vì như thế có nghĩa là chia xẻ những thứ nhật dụng với họ.

thuvienhuequang.vn

340. Bậc Tu hành vốn có mục tiêu là tu tập trong sự thực tập, [309] không được đến gần hàng vua chúa, hoàng thân, đại thần hay những người quý tộc để nhận thức ăn.

341. Trong các nhà có đám tang, có trẻ ra đời hay trong nhà của các bạn bè, thân thuộc, hay ở chỗ có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đang ở chung, đấy là nơi không thích hợp cho các bậc Tu hành nhận thức ăn.

342. Trong các tịnh xá, thức ăn luôn luôn được nấu đều đặn, và khi thức ăn được chuẩn bị một cách có chủ tâm [ở một nơi nào khác] thì như thế không thích hợp cho các bậc Tu hành nhận thức ăn.

343. Bậc Tu hành phải nhìn cuộc đời là thoát khỏi sinh và tử, là không bị chuyển hoán giữa hữu và phi hữu, dù cuộc đời được nhìn thấy trong khía cạnh của cái được định tính và cái định tính.

344. Khi sinh [và tử] không bị phân biệt, bậc Tu hành sẽ ngay liền đạt Tam-ma-địa, các năng lực (thần thông), các khả năng tâm linh và sự tự điều ngự.

245. Bậc Tu hành không nên tôn giữ cái ý tưởng rằng thế giới do những nhân tố như nguyên tử, thời gian hay linh hồn tối cao; cũng không nên tuân giữ cái ý tưởng rằng thế giới được sinh ra từ các nguyên nhân và các điều kiện (nhân duyên).

thuvienhuequang.vn

346. Do sự tự phân biệt, thế giới được tưởng tượng ra, được sinh ra từ tập khí; bậc Tu hành phải nhận thức hiện hữu là luôn luôn giống như Huyễn giả và một giấc mộng.

347. Trí tuệ [thực sự] thì luôn luôn tách ly với những khẳng định hay những phủ định; bậc Tu hành chớ phân biệt ba cõi hiện ra như là thân thể, tài sản và nhà cửa.

348. Không nghĩ đến việc làm sao để có thức ăn và thức uống mà giữ thân thể cho thẳng, vị ấy phải mãi mãi cung kính chư Phật và chư Bồ-tát.

349. Thâu thập chân lý từ Luật (Vinàya), từ các giáo lý trong các kinh, vị Tu hành phải có trí tuệ sáng suốt thâu nhập vào năm pháp, chính cái Tâm và vô ngã.

[310] 350. Vị Tu hành phải có một sự hiểu biết rõ ràng về cái chân lý không ô nhiễm của sự tự chứng và về ý nghĩa của các [Bồ-tát] địa và [Phật] địa và phải được thọ ký trên [tòa] hoa sen lớn.

351. Lang thang qua tất cả các con đường, vị ấy trở nên chán ghét hiện hữu, và hướng bước chân mình về một nghĩa địa yên tĩnh mà khởi những tu tập khác nhau.

352. - 354. (Chương II, các câu 162 - 164).

355. [Theo các triết gia thì] có một thực tính được sinh ra từ các phi nguyên nhân, không

thuvienhuequang.vn

thường hằng cũng không bị đoạn diệt, và thoát ra khỏi hữu hay phi hữu, và điều này được họ tưởng là Trung đạo.

356. Họ tưởng ra lý thuyết về phi nguyên nhân, nhưng cái phi nguyên nhân là hư vô, vì họ không hiểu được [bản chất thực sự của] các đối tượng bên ngoài, và họ cố gắng thuyết dạy Trung đạo bằng cách khẳng định và phủ định.

357. Sự chấp vào hiện hữu không bị từ bỏ là do bởi sợ bị là hư vô, và họ cố gắng dạy Trung đạo bằng sự khẳng định hay phủ định.

[311] 358. Khi Duy tâm được hiểu, những đối tượng bên ngoài bị loại bỏ và phân biệt không còn xảy ra nữa; nơi đây Trung đạo được đạt đến.

359. Có cái Duy tâm, không có cái thế giới Sở kiến; vì không có thế giới sở kiến, nên [Tâm] không sinh khởi;(1) điều này được chính ta và [chư Như Lai] khác bảo là Trung Đạo.

360. Sinh và bất sinh, hữu và phi hữu - tất cả các thứ này đều trống rỗng, không có tự tính trong tất cả các sự vật, không nên tôn giữ cái nhị biên tính.

---

(1) Theo bản Đường. Bản Ngụy ghi: "Ngoài cái Tâm, không có gì sinh khởi", phải chăng là không có sự sinh khởi của một thế giới sở kiến ?

thuvienhuequang.vn

361. Chỗ nào không xảy ra cái khả tính của phân biệt thì người ngu tưởng có giải thoát; nhưng vì [ở trong họ] không có sự hiểu biết về sự sinh khởi của một cái tâm, thì làm sao sự ràng buộc vào nhị biên có thể bị đoạn diệt được ?(1)

362. Khi hiểu được rằng không có gì cả ngoài những gì được nhìn thấy từ cái Tâm, thì sự ràng buộc vào nhị biên bị đoạn diệt; thực vậy, cái biết là sự lìa bỏ chứ không phải sự đoạn diệt cái sở phân biệt.

363. Vì hoàn toàn biết rằng không có gì cả ngoài những gì được nhìn thấy từ cái Tâm nên phân biệt ngưng dứt; vì phân biệt ngưng dứt nên Như như được gỡ bỏ khỏi tri thức (citta)(2).

364. Nếu một người nhìn thấy sự kinh khởi [của tất cả các sự vật] mà nhận thức rằng Niết-bàn không có những lỗi lầm của các triết gia, thì đây là Niết-bàn mà người trí quan niệm, do bởi sự không bị đoạn diệt của nó.

365. Ta và chư Phật [khác] bảo rằng thể chức điều này là [đạt được] Phật tính; nếu có sự phân

---

(1) Chỗ này của bản kinh khó hiểu. Tôi (Suzuki) theo bản Đường.

(2) Xem chương III, các câu kệ 25 và phần "Sagàthakam" (Tổng kệ), câu 651.

thuvienhuequang.vn

biệt nào khác thì người ta bị phạm vào các kiến giải của các triết gia.

366. Không có gì được sinh ra và tuy vậy các sự vật đang được sinh ra; không có gì diệt và tuy vậy các sự vật đang diệt; [312] Trên khắp hàng triệu thế giới, những gì được đồng thời nhìn thấy đều giống như bóng trăng trong nước.

367. Một khi nhất tính được chuyển hóa thành đa tính thì mưa rơi và lửa cháy; vì một cái tâm bị biến thành [nhiều] ý tưởng nên chư vị tuyên bố rằng có Duy tâm.

368. Tâm là từ Duy tâm, Vô tâm cũng được sinh ra từ Tâm, khi được hiểu như thế thì các hình tướng và các vẻ bên ngoài là từ Duy tâm.

369. Bằng cách mang các Phật [tướng], các Thanh văn [tướng, các Bích-chi [tướng] và nhiều tướng khác, chư vị tuyên bố Duy tâm.

370. Vì chúng sinh nên [chư Phật] nêu trỏ các sắc bằng phương tiện vô sắc, từ cõi vô sắc và cõi sắc xuống đến các địa ngục nơi có các chúng sinh cư địa ngục ở; và tất cả điều này sinh ra từ Duy tâm.

371. Khi có một sự đột biến [tâm linh] xảy ra trong họ, họ sẽ đạt cái Tam-ma-địa gọi là Như huyễn, đạt ý thân, mười địa, sự tự điều ngự.

thuvienhuequang.vn

372. Do sự tự phân biệt gây nên các sai lầm và khiến những lý luận sai lạc vận hành, người ngu bị ràng buộc bằng các ý niệm trong những gì họ thấy, nghe, suy nghĩ và hiểu.

373. (Chương II, câu 197).

374. (Chương II, câu 198).

[313] 375. - 378. (Chương II, các câu 199 - 202).

379. Chư Phật trong [mỗi] quốc độ là chư Phật Biến Hóa, nơi ấy nhất thừa và tam thừa được tuyên thuyết; Ta không bao giờ nhập Niết-bàn, vì tất cả các sự vật đều trống rỗng khi không có sự sinh [và tử].

380. Có ba mươi sáu vị Phật khác nhau, và trong mỗi vị có mười vị khác nhau; trong hòa hợp với sự suy nghĩ của tất cả các chúng sinh, chư vị chia nhau các quốc độ của mình.

381. Khi hiện hữu bị phân biệt thì có nhiều hình tướng khác nhau; cũng vậy, thế giới của Đức Phật Pháp Tính có thể xuất hiện trong tính đa phức của nó, thực ra thế giới ấy không hiện hữu.

382. Đức Phật Pháp Tính là Đức Phật thực sự, ngoài ra đều là các hóa hiện của Ngài; chúng sinh hữu tình nhìn thấy các Phật tướng[1] của họ tùy

---

(1) Theo bản Đường và bản Ngụy.

thuvienhuequang.vn

theo một dòng tương tục của các chủng tử của riêng họ.

383. Khi [tâm bị] trói buộc bằng sai lầm và hình trạng thì sự phân biệt vận hành; [314] Như như không gì khác hơn là sự phân biệt và phân biệt không gì khác hơn là hình trạng bên ngoài.

384. Đức Phật Tự Tính, Đức Phật Hoan Hỷ, Đức Phật Biến Hóa, năm Đức Phật Biến Hóa và một nhóm ba mươi sáu Đức Phật - tất cả đều là thuộc Đức Phật Tự Tính[1].

---

(1) Năm Hóa thân (Pancanirmita) có thể có nghĩa là những Đức Phật Biến Hóa hóa hiện ra thành năm (đôi khi sáu) con đường hiện hữu (ngũ thú, lục thú) để cứu các chúng sinh hữu tình đang đau khổ nơi ấy trong bánh xe chuyển hóa vô tận. Theo học thuyết của Chân ngôn tông (Shingon) thì trong bốn Pháp thân, cái Hóa thân hay sự hóa hiện cuối cùng này khác với Đức Phật Hóa Thân như thông thường được chấp nhận và tự nó tạo nên một vị trí đặc biệt. Sự hóa thân này hiểu theo Chân ngôn tông được gọi là cái thân Đẳng lưu (Nishyandakàya), khác với cái thân thứ ba là Hóa thân hay Ứng thân (Nirmàna hay Nirmita-kaya). Amoghavajra (704 - 744) một trong những vị Tổ của Chân ngôn Ấn Độ, trú tại Trung Hoa đã trích dẫn câu kệ này trong tác phẩm của ông, nhan đề là Lược thuật Kim cang đỉnh Du-già phân biệt Thánh vị Tu chứng Pháp môn Kinh.(略述金剛頂瑜珈分別聖位修證法門經.).
(Đại tạng, ấn bản Taisho, N - 870, thư mục Nanjo, N - 1433). Tôi có tài liệu nhà nhờ Giáo sư Shòun Toganowo, Trường Phật học Kòya.

thuvienhuequang.vn

385. - [315 - 316] - 406. (Chương II, các câu 101 - 123, các cách chia câu thay đổi bất chợt).

407. Do bởi các chủng tử của tập khí [sinh khởi do sự nhận ra] một thế giới bên ngoài, sự phân biệt xảy ra; và từ đó cái khía cạnh[1] tương đối bị chấp thủ và cái gì bị chấp thủ thì được tưởng tượng ra theo nhiều cách[2].

[317] 408. Khi người ta tùy thuộc vào tâm mà nhận ra một thế giới bên ngoài thì sai lầm được sinh ra; sai lầm xảy ra từ hai [nguyên nhân] này, và không có nguyên nhân thứ ba.

409. Tùy thuộc vào và từ nguyên nhân ấy mà sai lầm được sinh ra sáu thứ (căn - indrya), mười hai thứ (xứ - àyatana), mười tám thứ (giới - dhàtu), Ta bảo rằng đều thuộc cái Tâm.

410. [Khi hiểu được rằng các sự vật là do bởi] sự tập hợp của các ngã - chủng tử và một thế giới bên ngoài (gràhya), thì sự ngã chấp bị loại bỏ.

411. Do bởi thức A-lại-da mà [hệ thống] thức phát triển; do bởi chỗ tựa bên trong mà có những gì hiện ra bên ngoài.

412. Kẻ thiếu trí tưởng Hữu vi (Samskrita) và Vô vi (Asamkrita) là thường hằng, trong khi cả hai

---

(1) Tantram: paratatram.
(2) Kalpitam: parikalpitam.

thuvienhuequang.vn

thứ ấy đều không thường hằng, vì chúng giống như những ngôi sao, một lưới tóc, một tiếng dội, hay như những sự vật được nhìn thấy trong một giấc mộng.

413. [Vì chúng] giống như thành phố của Càn-thác-bà, một ảo ảnh, hay Huyễn thuật; nên chúng không có, tuy chúng được nhận thức [như thể chúng là thực]; khía cạnh tương đối của hiện hữu (y tha khởi tướng - paratantra) cũng như vậy.

414. Bằng phương tiện ba cái tâm thức, Ta dạy về ngã, các giác quan (căn) và các thái độ (thức); nhưng Tâm, Ý và Ý thức đều không có tự tính.

415. Tâm (citta), Ý (manas) và Ý thức (Vijnàna), hai vô ngã, năm pháp, [ba] tự tính - những thứ này thuộc cảnh giới của chư Phật.

416. Tập khí làm nguyên nhân là một, nhưng chừng nào tướng (lakshana) vận hành thì tập khí là ba; [318] đây là thể cách mà một bức họa, một màu xuất hiện nhiều cách khác nhau trên bức tường.

417. Hai vô ngã, Tâm, Ý và Ý thức, năm pháp, [ba] tự tính - các thứ này không thuộc bản chất của Ta[1].

418. Khi Tâm tướng bị gạt đi, Ý và Ý thức bị

---

(1) Gotra, nguyên nghĩa là "gia tộc".

thuvienhuequang.vn

tách bỏ, và [năm] pháp, [ba] tự tính bị rời bỏ, thì bấy giờ người ta đạt bản chất của Như Lai tính.

419. [Bản chất của Như Lai tính] thanh tịnh không đạt được bằng thân thể, ngôn từ và ý tưởng; bản chất chả Như Lai tính (gotram tathàgatam) vốn thanh tịnh thì không có các hành tác.

420. Được thanh tịnh nhờ các khả năng tâm linh và sự tự điều ngự, được mỹ diệu với các Tam-ma-địa và các năng lực, được hỏa hiện bằng nhiều ý thân khác nhau - những điều này thuộc bản chất thanh tịnh của Như Lai tính.

421. Không bị ô nhiễm trong sự thể chứng bên trong, được thoát khỏi nguyên nhân và tướng (hetulakshara), đạt địa thứ tám và Phật địa - đây là bản chất của Như Lai tính.

422. Viễn hành địa, Thiện trí địa, Pháp vân địa và Như Lai địa - các địa này thuộc bản chất của Phật tính, trong khi các địa còn lại là của hai thừa.

423. Vì các chúng sinh hữu tình khác biệt nhau về tâm thức và về cá tính, chư Phật vốn đã thành tựu sự tự điều ngự tâm, dạy cho người ngu bảy địa.

424. Ở địa thứ bảy không có những lỗi lầm sinh khởi về thân, khẩu, ý; ở địa thứ tám, trú xứ tối hậu [của Ý thức], vị ấy như đã vượt qua một cọn sông lớn trong một giấc mộng.

thuvienhuequang.vn

[319] 425. Ở địa thứ nhất và địa thứ tám, chư Bồ-tát đạt tới sự thành thạo về các khoa máy móc và về triết lý và đạt vương quyền trong ba cõi.

426. Sinh và vô sinh, hư vô và phi hư vô, tự tính và vô tự tính, [người trí] không phân biệt về những thứ ấy; trong Duy tâm, những thứ ấy không tồn tại.

427. Phân biệt mà bảo rằng "Đây là đúng thực, đây là đúng thực, đây là hư giả" là giáo lý cho hàng Thanh văn và Duyên giác chứ không phải cho hàng nam tử của Đức Phật.

428. Không có hữu và phi hữu, cũng không có khía cạnh của sự tạm bợ, không có những cấu trúc của tưởng (giả thiết - prajnàpti), cũng không có vật chất (vật - dravya); không có gì tồn tại trong Duy tâm.

429. Theo chân lý quy ước (tục đế - samsvriti), các sự vật là có, nhưng không có trong chân lý tối cao; bị lẫn lộn trong các sự vật không có tự tính, điều này thuộc chân lý quy ước.

430. Ta thiết lập các cấu trúc của tưởng (giả thiết) ở nơi mà tất cả các sự vật là phi hiện hữu, những sự diễn đạt và những kinh nghiệm nào của người ngu cũng không thuộc cái chân lý đúng như chân lý (tattva).

431. Các sự vật được sinh ra từ các ngôn từ

thuvienhuequang.vn

hình như thuộc một cảnh giới đối tượng (khách quan); nhưng khi nhận thức được sinh ra từ các ngôn từ thì chúng trở thành phi hiện hữu.

432. Giống như không có bức họa nào được tách khỏi bức tường, không có cái bóng nào được tách khỏi chỗ, cũng vậy, không có những làn sóng [thức] bị quấy động khi [biển] A-lại-da thanh tịnh [và yên lặng].

433. (Chương VI, câu 4).

[320] 434. [Đức Phật] Pháp Tính được bảo rằng do từ Đức Phật Sở Lưu (Nishyanda) và Đức Phật Biến Hóa [Nirmita] do từ Đức Phật Sở Lưu;[1] Đây là chư Phật bổn nguyên, chư Phật còn lại là những cái thân được hóa hiện.

435. - 436. (Chương II, các câu 125 - 126).

437. (Chương II, các câu 123 và 129).

438. - 439. (Chương II, các câu 127 - 128).

440. Đừng phân biệt mà bảo rằng "Đây là không" hoặc lại bảo rằng "Đây không phải không"; cả hữu và phi hữu đều chỉ là tưởng tượng, vì không có cái thực tính nào tương ứng với cái được tưởng tượng.

441. Người ngu tưởng tượng rằng các sự vật sinh ra từ sự tích tập các tính chất, các nguyên tử,

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

hay các vật chất; nhưng không có một nguyên tử nào hiện hữu và do đó không có thế giới bên ngoài.

442. Các hình sắc được nhìn thấy hiện hữu ở bên ngoài là do sự tưởng tượng của người ta, chúng không gì khác hơn ngoài chính cái Tâm; [321] không có cái gì được nhìn thấy bên ngoài, và, do đó, không có thế giới bên ngoài.

443 - 444. (Chương III, các câu 157 - 158).

445 - 447. (Chương II, các câu 205 - 207).

448. (Chương II, câu 209).

449. (Chương II, câu 208).

450. (Chương II, câu 210).

[322] 451. Như con voi bị lún sâu trong bùn không thể cử động được, cũng thế, hàng Thanh văn mê đắm sâu vào trong rượu Tam-ma-địa nên vẫn đứng im.

452. (Chương II, câu 185).

453. Hư không, sừng thỏ, và đứa con của một người đàn bà không thể sinh con là những phi thực tính, và tuy vậy những thứ ấy vẫn được nói đến [như là thực]; tất cả các sự vật được tưởng tượng cũng như thế.

454. Thế giới khởi sinh từ tập khí, không có gì được nêu trỏ là hữu và phi hữu, cũng không có sự phủ định nó; những ai nhìn thấy điều này thì được giải thoát vì họ hiểu sự vô ngã của các sự vật.

thuvienhuequang.vn

455. [Trong ba tự tính], nhất tính là biến kế sở chấp tính (parikalpita), đa phức tính là y tha khởi tính (paritantra) và Như như là viên thành tính (parinishpanna); điều này được Ta tuyên thuyết trong kinh.

456. (Chương II, câu 172).

457. - 458. (Chương II, các câu 203 - 204).

459. Tâm, phân biệt cấu trúc của Tưởng, Ý, Thức, [323] A-lại-da, tất cả những thứ khiến cho ba cõi vận hành, là những từ đồng nghĩa với Tâm.

460. Đời sống, hơi ấm, Thức, A-lại-da, nguyên lý sống, Ý (Mạt-na), Ý thức (Mạt-na-thức) - đây là những tên gọi của phân biệt.

461. Thân thể được duy trì bởi Tâm, Ý luôn luôn nhận thức, [Ý] thức cùng với các Thức cắt thế giới ra từng mảnh làm đối tượng cho Tâm.

462. - 464. (Chương II, câu 3 - 5).

465. - 469. [324] (Chương II, các câu 15 - 19).

470. - 471. (Chương III, các câu 7 - 8).

472. [Một số người bảo rằng] một cái ngã - linh hồn thực sự có, nó tách rời với uẩn tướng, hoặc bảo rằng các uẩn thực sự có; [nhưng] sau cùng không có ngã - linh hồn nào trong các uẩn.

473. Khi các hành tác của người ta, cùng với các phiền não cơ bản và thứ yếu (phiền não và tùy

thuvienhuequang.vn

phiền não) được đưa ra ánh sáng thì người ta nhận thấy thế giới là chính cái Tâm và được thoát khỏi mọi khổ đau.

474-487. [325-326] (Chương II, các câu 20-33).

488. Cái trí tịch diệt mà hàng Thanh văn đạt được, sự sinh ra của chư Phật, và [sự sinh ra] của hàng Bích-chi, Bồ-tát - tất cả xảy ra bằng các loại bỏ phiền não.

489 Không có các hình tướng bên ngoài nào đang hiện hữu, cái gì thuộc bên ngoài là cái được nhìn thấy từ chính cái Tâm; vì người ngu không hiểu được về chính cái Tâm, nên họ tưởng tượng Hữu vi [là thực].

490. Sự thông hiểu rằng những đa phức là từ chính cái tâm tách biệt với kẻ ngu, kẻ ngu không biết bản chất của thế giới bên ngoài là gì nên bị trói buộc vào [cái ý niệm] về nhân duyên, và vào bốn mệnh đề (tứ cú).

491. Không có lý luận, không có khẳng định, không có minh chứng, không có những chi phần đối với người trí vốn biết rằng thế giới bên ngoài là phản ánh của cái Tâm của chính mình.

492. Đừng phân biệt bằng sự phân biệt, phân biệt là đặc tính của tưởng tượng (biến kế sở chấp tính - parakalpita); dựa vào sự tưởng tượng mà sự phân biệt phát sinh.

thuvienhuequang.vn

493. Tập khí của người ta là nguồn gốc [của tất cả các sự vật] không ngừng nối kết hỗ tương với nhau; [327] vì nhị biên là [một cách cơ bản] ở ngoài tâm người ta nên không có sự sinh khởi của nó.

494. Do bởi tâm và những gì thuộc về tâm nên có sự phân biệt [người ngu] được an lập một cách thích hợp trong ba cõi; một thế giới bên ngoài gồm những hình tướng được phát triển là do bởi sự phân biệt cái tự tính.

495. Do bởi sự tập hợp (hòa hợp) của các hình tướng và các chủng tử nên có mười hai xứ (ayatana); do bởi sự tập hợp của chủ thể (sở y) và đối tượng (sở duyên)[1], nên ta thuyết giảng về các hành tác.

496. Giống như những hình ảnh trong một tấm kính, giống như một cái lưới tóc đối với người bị lòa mắt, đối với người ngu, cái Tâm được nhìn thấy là bị bao bọc bởi tập khí.

497. Sự phân biệt tiếp diễn trong cái thế giới được tưởng tượng bởi sự ngã phân biệt, không có thế giới bên ngoài nào như các triết gia phân biệt.

498. Giống như kẻ ngu vì không nhận ra ngọn

---

(1) À'sraya và àlambana, cái bị tùy thuộc (sở y) và cái tùy thuộc (sở duyên).

thuvienhuequang.vn

roi mà tưởng nó là một con rắn, người ta tưởng ra một thế giới bên ngoài mà không biết rằng nó là từ chính cái Tâm.

499. Ngọn roi trong bản chất riêng của nó thì không phải là đồng hay dị; nhưng do bởi sự lỗi lầm là không nhận ra chính cái Tâm nên người ta tiếp tục sự phân biệt của mình về cái roi.

500. - 501. (Chương III, các câu 82 - 83).

[328] 502. Trong khi cái bị phân biệt, sự tưởng tượng tự nó không có thực tính; thấy rằng phân biệt không có thực tính thì sự tưởng tượng xảy ra [một cách thực sự] như thế nào ?

503. Sắc (rùpam, hay vật chất) không có thực tính của riêng nó, như trong trường hợp một cái bình, một cái vỏ bọc ngoài, v.v...; tuy vậy, trong thế giới vốn không có sự hiện hữu thực sự, phân biệt vẫn tiếp diễn.

504. Nếu người ta phân biệt một cách sai lầm về Hữu vi tư thời vô thỉ thì tại sao tự tính của các chúng sinh là một sai lầm ? Hỡi Đấng Mâu-ni, xin Ngài nói cho con biết.

505. Bản chất của tất cả các chúng sinh là phi hiện hữu, và những gì được nhìn thấy [là ở bên ngoài] là không gì khác hơn cái Tâm; khi Tâm không được nhận biết thì phân biệt sinh khởi.

506. Khi bảo rằng sự vật nào đó hiện hữu đối với người trí thì đấy không phải là sự vật mà người

thuvienhuequang.vn

ngu phân biệt; nếu người trí và người ngu đi chung một đường thì cái gì [là thực] với người trí phải là một sự hư ngụy.

508. Đối với người trí, không có gì lầm lạc, do đó tâm của họ không bị ô nhiễm; người ngu có cái tâm không ngừng bị ô nhiễm, tiếp tục tưởng tượng ra cái bị tưởng tượng.

509. Giống như một bà mẹ dụ dỗ đứa con bằng một trái cây trong hư không mà bảo rằng "Này con, đừng khóc, hãy hái trái cây đi, có rất nhiều trái cây đấy".

510. Bằng cách như vậy, Ta làm cho tất cả chúng sinh thêm nhiều thứ trái cây được tưởng tượng ra, [329] nhờ đó Ta [dẫn họ đến] cái chân lý vượt ra ngoài cái phân đề của hữu và phi hữu.

511. Cái hữu [được người trí thể chứng] chưa bao giờ hiện hữu mà không đồng nhất với nguyên nhân, nó cơ bản là không được sinh ra và tuy thế, được sinh ra, trong khi bản chất của nó là bất khả đắc.[1]

512. Cái bản chất bất khả đắc (alabhàtmaka)

---

(1) Ý nghĩa của điều này và của những gì theo sau là: có một hữu thể tuyệt đối loại bỏ tất cả các hình thức định tính, nhưng không có nó thì thế giới nhân quả này không thể có được; cái tuyệt đối như thế, trong một ý nghĩa, là bất kha đắc, và tuy vậy, trong một ý nghĩa khác, nó là lý do của cuộc đời chịu nhân quả này.

thuvienhuequang.vn

thực ra là bất sinh, và tuy vậy không có chỗ nào nó tách rời với nhân duyên; các sự vật đúng như các sự vật cũng không có chỗ nào tách rời với nhân duyên vào lúc này.

513. Khi thế giới khả kiến được hiểu thì ở đâu nó cũng không phải là hiện hữu, và cũng không phi hiện hữu, nó cũng không phải là vừa hiện hữu và vừa phi hiện hữu; đối với người trí thì khi đặt mình dưới nhân duyên, thực tính không phải chịu ảnh hưởng của sự phân biệt.

514. Các triết gia tôn giữ những ý tưởng hư vọng và người ngu có các lý thuyết về đồng và dị, họ không hiểu rằng thế giới chịu ảnh hưởng của nhân duyên giống như ảo thuật và một giấc mộng.

515. Đại thừa tối cao vượt khỏi lĩnh vực ngôn từ, ý nghĩa của nó được Ta soi tỏ rõ ràng, nhưng người ngu không hiểu được.

516. [Các học thuyết] được hàng Thanh văn và các triết gia tiến hành nhuốm màu ganh tị, họ đi lạc xa với thực tính vì các học thuyết của họ là những lý thuyết hư vọng.

517. Tướng trạng, tự tính, hình xứ (samsthà-nam), và danh, - dựa vào bốn điều kiện này mà tất cả các loại tưởng tượng được tiếp diễn.

518. Những ai tin vào cái một hay cái nhiều [của nguyên nhân], những ai tưởng tượng ra Phạm

thuvienhuequang.vn

ngu phân biệt; nếu người trí và người ngu đi chung một đường thì cái gì [là thực] với người trí phải là một sự hư ngụy.

508. Đối với người trí, không có gì lầm lạc, do đó tâm của họ không bị ô nhiễm; người ngu có cái tâm không ngừng bị ô nhiễm, tiếp tục tưởng tượng ra cái bị tưởng tượng.

509. Giống như một bà mẹ dụ dỗ đứa con bằng một trái cây trong hư không mà bảo rằng "Này con, đừng khóc, hãy hái trái cây đi, có rất nhiều trái cây đấy".

510. Bằng cách như vậy, Ta làm cho tất cả chúng sinh thêm nhiều thứ trái cây được tưởng tượng ra, [329] nhờ đó Ta [dẫn họ đến] cái chân lý vượt ra ngoài cái phân đề của hữu và phi hữu.

511. Cái hữu [được người trí thể chứng] chưa bao giờ hiện hữu mà không đồng nhất với nguyên nhân, nó cơ bản là không được sinh ra và tuy thế, được sinh ra, trong khi bản chất của nó là bất khả đắc.[1]

512. Cái bản chất bất khả đắc (alabhàtmaka)

---

(1) Ý nghĩa của điều này và của những gì theo sau là: có một hữu thể tuyệt đối loại bỏ tất cả các hình thức định tính, nhưng không có nó thì thế giới nhân quả này không thể có được; cái tuyệt đối như thế, trong một ý nghĩa, là bất kha đắc, và tuy vậy, trong một ý nghĩa khác, nó là lý do của cuộc đời chịu nhân quả này.

thuvienhuequang.vn

thực ra là bất sinh, và tuy vậy không có chỗ nào nó tách rời với nhân duyên; các sự vật đúng như các sự vật cũng không có chỗ nào tách rời với nhân duyên vào lúc này.

513. Khi thế giới khả kiến được hiểu thì ở đâu nó cũng không phải là hiện hữu, và cũng không phi hiện hữu, nó cũng không phải là vừa hiện hữu và vừa phi hiện hữu; đối với người trí thì khi đặt mình dưới nhân duyên, thực tính không phải chịu ảnh hưởng của sự phân biệt.

514. Các triết gia tôn giữ những ý tưởng hư vọng và người ngu có các lý thuyết về đồng và dị, họ không hiểu rằng thế giới chịu ảnh hưởng của nhân duyên giống như ảo thuật và một giấc mộng.

515. Đại thừa tối cao vượt khỏi lĩnh vực ngôn từ, ý nghĩa của nó được Ta soi tỏ rõ ràng, nhưng người ngu không hiểu được.

516. [Các học thuyết] được hàng Thanh văn và các triết gia tiến hành nhuốm màu ganh tị, họ đi lạc xa với thực tính vì các học thuyết của họ là những lý thuyết hư vọng.

517. Tướng trạng, tự tính, hình xứ (samsthà-nam), và danh, - dựa vào bốn điều kiện này mà tất cả các loại tưởng tượng được tiếp diễn.

518. Những ai tin vào cái một hay cái nhiều [của nguyên nhân], những ai tưởng tượng ra Phạm

thuvienhuequang.vn

thiên (Brahma) hay Tự tại thiên (I'svara), [330] những ai lầm cho mặt trời và mặt trăng là một thành tố - những người ấy không phải là các nam tử của Ta[1].

519. Những ai có được trí tuệ cao thượng và hoàn toàn thành thạo về Như như của thực tính thì biết rõ làm sao để lật ngược các ý tưởng mà đạt tới bờ bến kia của Thức.

520. Đây là dấu ấn giải thoát thuộc những nam tử nào [đã theo] giáo lý của Ta; nó giải thoát khỏi hữu và phi hữu, tách rời với đến và đi.

521. Nếu nghiệp biến mất bằng cách gây ra một sự biến hóa trong thế giới vật chất (sắc - rùpa) và trong các thức thì thường và vô thường không còn tồn tại và luân hồi dứt đoạn.

522. Khi sự biến hóa nào xảy ra, cái ý niệm về vật chất bị rũ bỏ, những liên hệ không gian bị loại đi, nhưng cái nghiệp đã thoát khỏi lỗi lầm về hữu và phi hữu vẫn ở cùng A-lại-da.

523. Trong khi vật chất và các thức đi vào đoạn diệt thì nghiệp ở cùng với sự hiện hữu của A-lại-da vốn không bị đoạn diệt, do đó mà có sự hợp nhất của vật chất và các thức.

524. Nếu nghiệp của người ta vốn kết hợp với người ta bị đoạn diệt thì sự tương tục của nghiệp

---

(1) Toàn bộ câu kệ không rõ ràng chút nào cả.

thuvienhuequang.vn

do đó bị đoạn diệt, bấy giờ sẽ không có luân hồi, không có sự đạt Niết-bàn.

525. Nếu nghiệp bị đoạn diệt cùng với vật chất và các thức, và vẫn còn bị luân hồi, thì vật chất sẽ vẫn tồn tại vì nó không khác gì nghiệp cả.

526. Tâm (citta) và vật không khác cũng không không khác với sự phân biệt; không có sự khác biệt nào giữa tất cả các sự vật khi chúng được gỡ ra khỏi hữu và phi hữu.

[331] 527. Biến kế sở chấp tính (Parikalpita) và Y tha khởi tính (paratantra) tùy thuộc với nhau và không khác nhau; cũng như thế, vật chất và thường hằng cũng tùy thuộc với nhau.

528. Tách ra khỏi đồng và dị, [Biến] kế sở chấp tính thì không có thể hiểu được; vật chất và vô thường cũng thế, làm sao người ta có thể nói về nó là hữu hay phi hữu được ?

529. Ở đâu Biến kế sở chấp tính được thông hiểu rõ ràng [về bản chất của nó], thì Y tha khởi tính (paratantra) không sinh ra; khi Y tha khởi tính được hiểu thì Biến kế sở chấp tính trở thành Như như.

530. Khi Biến kế sở chấp tính bị đoạn diệt thì pháp nhãn (netrì)[1] của Ta bị đoạn diệt, thì bấy

---

(1) Bản Đường là Pháp nhãn (法 眼); Bản Ngụy là Pháp luân (法 輪), hay Ngã pháp (我 法).

thuvienhuequang.vn

giờ trong giáo pháp của Ta xảy ra sự tranh chấp về khẳng định và phủ định.

531. Theo như thế thì bấy giờ sẽ sinh ra những kẻ phỉ báng Chánh pháp, không ai trong họ xứng đáng để người ta nói chuyện vì họ là những kẻ phá hoại pháp nhãn của Ta.

532. Vì họ không được đưa vào nhóm những người trí, nên họ lìa bỏ cuộc sống của vị Tỳ-kheo, và vì họ hủy diệt Biến kế sở chấp tính (parikalpita) nên họ bị đẩy vào những tranh cãi mà khẳng định và phủ định.

533. Vị trí của họ bị buộc vào hữu và phi hữu, nên cái gì xuất hiện ra đối với tưởng tượng của họ đều giống như một lưới tóc, huyễn thuật, một giấc mộng, thành của Càn-thác-bà, một ảo ảnh v.v...

534. Ai học tập theo chư Phật thì có thể không phải sống cùng với những kẻ tôn giữ nhị biên và hủy diệt kẻ khác.

535. Nhưng nếu có những bậc Tu hành thấy một chúng sinh xa lìa sự tưởng tượng và thoát khỏi hiện hữu và phi hiện hữu, thì chúng sinh ấy [tức một Phật tử] có thể tham gia với chư vị [tức các bậc Tu hành ấy].

536. Giống như một mỏ ở dưới đất sản xuất vàng và ngọc, nó không chứa nguyên nhân tranh chấp nào, và tuy vậy nó cũng cho người ta nhiều phương tiện sinh sống khác nhau.

thuvienhuequang.vn

537. Cũng như thế, dù thể tính (gotra)[1] của tất cả các chúng sinh thể hiện khác nhau, nó vẫn không dính dáng gì đến nghiệp; thế giới sở kiến là phi hiện hữu nên không có nghiệp, cũng không có con đường sinh ra từ nghiệp.

538. Theo sự hiểu biết của người trí, tất cả các sự vật không có sự tự hữu, nhưng theo những phân biệt của người ngu thì các sự vật lại hiện hữu.

539. Nếu các sự vật không hiện hữu như người ngu phân biệt thì tất cả các sự vật là phi hiện hữu, không có những cấu uế đối với ai cả.

540. Do bởi nhiều cấu uế được các chúng sinh tôn giữ nên có luân hồi, và các cơ quan cảm giác (căn) được thành tựu; bị ràng buộc bởi vô minh và khát ái nên có sự phát sinh ra các chúng sinh có một thân thể.

541. Nếu các chúng sinh không hiện hữu như người ngu phân biệt thì sẽ không có sự phát sinh những cơ quan cảm giác (căn) trong các chúng sinh này, đấy không phải là [kiến giải] của bậc Tu hành.

542. Nếu tự các chúng sinh không hiện hữu và tuy thế lại trở thành nguyên nhân của luân hồi, thì sẽ có một sự giải thoát độc lập với những nỗ lực của người ta.

---

(1) Tính (性), theo bản Ngụy.

thuvienhuequang.vn

543. Nếu các chúng sinh là không hiện hữu đối với ông thì làm sao có thể có sự khác biệt nào giữa người trí và người ngu ? Cũng không có cái gì định tính người trí vốn tu tập để được ba giải thoát.

[333] 544. Các uẩn, ngã - linh hồn, các học thuyết, tính đặc thù và tính tổng quát, vô tướng, nhân duyên và các căn - Ta nói đến những thứ ấy là nhằm cho hàng Thanh văn.

545. Vô nguyên nhân, Duy tâm, các năng lực (vibhùti), các [Bồ-tát] địa, sự thể chứng tự nội, sự như như thanh tịnh - Ta nói đến những thứ này nhằm cho hàng Bồ-tát.

546. Trong tương lai sẽ có những kẻ phỉ báng giáo lý của Ta, mặc áo cà-sa mà nói về hữu-và-phi-hữu và những hành tác của nó.

547. Các sự vật được sinh ra từ nhân duyên là phi hiện hữu, đây là cảnh giới của người trí; một sự vật được tưởng tượng thì không có thực tính, tuy vậy các sự vật vẫn được các lý thuyết gia tưởng tượng ra.

548. Trong tương lai sẽ có [một hạng người ngu được dẫn đầu bởi] Kanabhuj; họ sẽ nói về sự phi hiện hữu của hành tác, và sẽ phá hoại người ta bằng những lý thuyết tệ hại của họ.

549. Thế giới được sinh ra từ các nguyên tử (vi trần), các nguyên tử thì phi nguyên nhân, và có

thuvienhuequang.vn

chín vật chất thường hằng - đấy là những lý thuyết tệ hại mà họ thuyết giảng.

550. [Họ bảo rằng] các vật chất được sinh ra bởi các vật chất, và cũng thế, phẩm chất được sinh ra từ các phẩm chất, và họ phá hủy cái tự hữu của tất cả các sự vật [mà bảo rằng] đấy là cái hữu khác.

551. Nếu bảo rằng thế giới vốn đã không có và rồi nó được phát sinh thì nó đã phải có một sự khởi đầu, nhưng Ta khẳng định rằng không có sự giới hạn tiên khởi cho luân hồi.

[334] 552. Nếu tất cả vô số sự vật trong ba cõi đã không có và rồi được phát sinh ra thì không ai nghi ngờ gì về việc sừng mọc trên một con chó sói cái, hay trên một con lạc đà cái, hay một con lừa.

553. Nếu mắt, sắc (rùpa), và thức đã không có và bây giờ chúng có, thì những tấm thảm rơm, các vương miện, vải vóc v.v... sẽ được tạo ra từ những cục đất sét.

554. Một tấm thảm rơm không được tìm thấy trong vải vóc, vải vóc cũng không được tìm thấy trong việc bện thảm rơm; tại sao lại có sự việc một cái gì đó được tạo ra từ một cái khác bằng một sự tập hợp nào đó ?

555. Cuộc đời và thân thể được gọi là đã không có và rồi được phát sinh ra; tất cả những tranh cãi như thế đã được Ta tuyên bố [là không đúng thực].

thuvienhuequang.vn

556. Sự khẳng định đã được nêu ra trước [chống lại với các triết gia], và các kiến giải của họ đã bị chống chế; khi các kiến giải của họ bị chống chế; Ta sẽ nêu sự khẳng định của chính Ta.

557. Trong khi [đầu tiên] Ta nêu một sự khẳng định đại diện cho những hệ thống triết học, các môn đệ của Ta chớ bối rối vì Ta đưa tới cái nhị biên về hữu và phi hữu.

558. Một thế giới được sinh ra từ một linh hồn tối thượng và những thay đổi là do các tính chất - đây là điều mà trường phái Kapita dạy các môn đệ; nhưng đấy không phải là cách suy nghĩ đúng.

559. Không có thực tính, không có phi thực tính, không có [thế giới] nhân duyên nào bị ảnh hưởng của nhân duyên; vì không có cái gì được định tính là nhân duyên nên phi thực tính không bao giờ sinh khởi.

560. Sự khẳng định của Ta vượt ra khỏi hữu hay phi hữu, tác khỏi nhân và duyên, không có liên hệ gì với sinh và diệt, và tách khỏi cái được định tính [và cái định tính].

561. Khi thế giới được xem là giống như Huyễn giả, và một giấc mộng, không bị nhân và duyên [335] và vĩnh viễn phi nguyên nhân thì không có sự sinh khởi của tưởng tượng.

562. Khi hiện hữu (cuộc đời) luôn luôn được xem

thuvienhuequang.vn

là giống như [thành] của Càn-thác-bà, một ảo ảnh, một cái lưới tóc, và thoát khỏi sự chuyển đổi của hữu và phi hữu, tách khỏi nhân và duyên, và là phi nguyên nhân, thì bấy giờ tâm sạch hết những ô nhiễm.

563. [Các triết gia có thể bảo rằng] nếu không có thực tính bên ngoài, thì Duy Tâm cũng sẽ là phi hiện hữu; làm sao Tâm có thể hiện hữu mà không có thực tính (thực tại) bên ngoài ? [Học thuyết về] Duy tâm[1]. Do đó không thể chấp nhận được.

564. [Lại nữa, họ có thể bảo rằng] do bởi một thế giới đối tượng của các thực tính, tâm của người ta bị quấy động, làm sao có thể có một cái tâm mà không có nguyên nhân ? [Học thuyết về] Duy tâm[2] [do đó] không thể chấp nhận được.

565. Nhưng Như như và Duy tâm[2] là những thực tính thuộc giáo lý của người trí, những ai bác bỏ và những ai xác nhận đều không hiểu các giáo lý của Ta.

566. Nếu một cái Tâm được gọi là phát sinh do

---

(1) Về những cittamàtra này, bản Đường ghi là Duy thức (唯 識) thay vì Duy tâm (唯 心). Thông thường, Duy thức được dùng để dịch từ Vijñànamàtra hay Vijñaptimàtra, chứ không dùng để dịch từ Cittamàtra. Về mặt này, bản Ngụy nhất thống, vì luôn luôn dùng từ Duy tâm (唯 心).

(2) Xem số (2) trước.

thuvienhuequang.vn

bởi được nhận thức và nhận thức thì đây là cái tâm thuộc thế giới; thế thì Duy tâm không tồn tại.

567. Khi bảo rằng có cái gì giống như thân thể, tài sản và nhà cửa được tạo ra bằng cách như mộng, thì quả thực, một cái tâm được nhìn thấy dưới khía cạnh nhị biên; nhưng chính cái Tâm không phải thuộc nhị biên.

568. Giống như một cây kiếm không thể tự cắt nó, hay giống như một ngón tay không thể sờ vào đầu mút của chính nó, Tâm không thể nhìn thấy chính nó.

569. Trong trạng thái vô tưởng, không có thực tính, không có Biến kế sở chấp tính, không có Y tha khởi tính, không có năm pháp, không có hai tâm[1].

[336] 570. Cái nhị biên về tạo sinh và được sinh thuộc bản chất của các sự vật; khi Ta nói về sự tạo sinh của các sự vật vốn không có tự tính đấy là do bởi ý nghĩa thâm mật.

571. Nếu các phức tính của các tướng trạng được sinh ra từ sự tưởng tượng thì sẽ có cái gì đó của đối tượng tính trong [ý niệm về] không gian trong [ý niệm về] sừng thỏ.

572. Khi một thực tính đối tượng (bên ngoài)

---

(1) Theo ban Đường.

thuvienhuequang.vn

là thuộc tâm thì thực tính này không thuộc sự tưởng tượng, nhưng thực tính được sinh ra từ sự tưởng tượng là cái gì khác cái tâm và không thể chấp nhận được.

573. Trong luân hồi không có khởi đầu, một thế giới không tồn tại ở đâu cả; khi không có cái tâm nuôi dưỡng, thì cái hình tướng của sự vật có thể sinh khởi ở đâu được ?

574. Nếu có sự phát sinh nào từ cái không thì sừng có thể mọc lên ở một con thỏ; chớ để sự phân biệt xảy ra mà nghĩ rằng cái gì đó phát sinh từ cái không.

575. Vì bây giờ không có gì hiện hữu, khi không có thế giới đối tượng nào thì làm sao một cái tâm vốn bị ràng buộc với một thế giới đối tượng lại có thể sinh khởi được ?

576. Như như, hư vô, giới hạn [của thực tính], Niết-bàn, pháp giới, sự bất sinh của tất cả các sự vật, tự hữu, những thứ này định tính cái chân lý tối thượng.

577. Người ngu tôn giữ [cái ý niệm về] hữu và phi hữu bằng cách tưởng tượng ra các nhân và các duyên thì không thể hiểu rằng tất cả các sự vật là vô nguyên nhân và bất sinh.

578. Tâm được biểu hiện; không có cái thế giới đối tượng của các phức tính nào mà nguyên nhân

thuvienhuequang.vn

của nó có từ thời vô thỉ; [337] Nếu không có thế giới đối tượng từ thời vô thỉ thì làm cách nào mà sự phân biệt hóa[1] hiện hữu ?

579. Nếu cái gì đó phát sinh từ không thì người nghèo sẽ trở thành giàu; khi không có thế giới đối tượng thì làm sao một cái tâm có thể được sinh ra ? Hỡi đấng Mâu-ni xin hãy nói cho con biết.

580. Vì tất cả là phi nguyên nhân nên không có tâm cũng không có thế giới đối tượng; vì tâm không được sinh ra nên ba cõi là không có hành tác.

581. - 613. [338 - 341] (Chương III, các câu 86 - 117).

614. Sự khẳng định là một con thỏ không có sừng được tạo ra do bởi những lý luận về một cái bình, một cái áo, một vương miện và một cái sừng; ở đâu không có nguyên nhân toàn hảo thì không có sự hiện hữu [thực sự]; ông phải biết như thế.

615. Không có phi hiện hữu khi bằng cớ của hiện hữu [được tạo ra]; phi hiện hữu không chứng tỏ phi hiện hữu; thực ra, hiện hữu tìm kiếm phi hiện hữu, chúng tìm kiếm nhau và ảnh hưởng lẫn nhau.

616. Lại nữa, nếu nghĩ rằng một cái gì xuất hiện tùy thuộc vào một cái gì khác, cái gì bị tùy

---

(1) Theo bản Đường, Víseha ở đây hẳn nhiên là citta.

thuvienhuequang.vn

thuộc như thế phải là phi nguyên nhân, nhưng không có cái gì là phi nguyên nhân cả.

617. Nếu [bảo rằng] có một thực tính khác bị tùy thuộc thì thực tính nầy phải còn có một thực tính khác [để tùy thuộc vào]; như thế là phạm về lỗi lý luận vô tận, nó có thể không chấm dứt khi không đạt tới đâu cả không ?

618. Dựa vào những ngọn lá, những miếng gỗ v.v..., mà phù phép ảo thuật được thực hiện; cũng như thế, các đa phức tính của các sự vật dựa vào một số các sự vật [khác] mà thể hiện đối với người ta.

619. Mạng lưới ảo thuật không phải là những ngọn lá, không phải là những miếng gỗ, không phải là những viên sỏi; [342] do nhà ảo thuật mà màn ảo thuật được người ta nhận thức.

620. Như thế, khi một thứ gì [thuộc ảo thuật] dựa vào một số sự vật bị hủy diệt, nhị biên ngưng dứt vào lúc nhìn thấy; làm sao mà sẽ có cái gì thuộc phân biệt ?

621. Cái bị phân biệt bằng sự phân biệt không hiện hữu, và sự phân biệt tự nó không tồn tại, sự phân biệt đã không tồn tại như thế thì không có luân hồi cũng không có Niết-bàn.

622. Bây giờ sự phân biệt đã không thể tồn tại thì nó không bị quấy động; sự phân biệt không bị

thuvienhuequang.vn

quấy động thì làm sao một cái tâm có thể sinh khởi được ? Thế thì Duy tâm là chấp nhận được.

623. Khi ý tưởng bị chia ra thành nhiều thì giáo lý không có giá trị; và do bởi không có giá trị, nên không có giải thoát, cũng không có sự đa phức của các sự vật.

624. Không có thế giới đối tượng nào như người ngu phân biệt; khi tâm đi lạc do bởi tập khí thì nó tự biểu hiện như những ảo ảnh.

625. Tất cả các sự vật là vô sinh và không có liên hệ gì tới hữu và phi hữu, tất cả chỉ là Tâm và thoát ra khỏi sự phân biệt.

626. Đối với người ngu, các sự vật được cho là thuộc nguyên nhân, nhưng đối với người trí thì không thế; khi tự tính của tâm được giải thoát thì tâm trở nên thanh tịnh và người trí an trú tại đấy.

627. Như thế, phái Samkhya (Số luận), phái Vai'seshika (Thắng luận), các triết gia Lõa thể, các nhà thần học Bà-la-môn, các môn đồ của 'Siva [343] tôn giữ các kiến giải dựa vào hữu và phi hữu là những kẻ không có cái chân lý của cô tịch.

628. Không có tự tính, không được sinh ra, trống rỗng, giống như Huyễn giả, thoát khỏi các lậu hoặc [cấu nhiễm] - điều này được chư Phật cũng như chính Ngài nói cho ai ?

629. Nhằm cho các bậc Tu hành thanh tịnh

thuvienhuequang.vn

trong tâm, sự tu tập tâm linh (yoga) được chư Phật là những vị thoát khỏi các lý thuyết và suy luận thuyết giảng và Ta cũng tuyên bố như thế.

630. Nếu tất cả đây là Tâm thì thế giới ở đâu ? Tại sao con người đang được thấy là đến và đi trên đời ?

631. Như một con chim di chuyển trong không khí theo ý thích của nó mà không ở đâu cả, không lệ thuộc vào gì cả như là di chuyển trên đất.

632. Cũng vậy, người ta với sự phân biệt của mình mà tiến lên, đi khắp trong chính cái Tâm giống như một con chim di chuyển trong không khí[1].

633. Xin hãy nói cho con biết những gì trông giống như thân thể, tài sản và nhà cửa sinh khởi trong Tâm ra làm sao. Tướng trạng (bên ngoài) sinh khởi như thế nào ? Tại sao có Duy tâm ? Xin Ngài nói cho con biết.

634. Thân thể, tài sản và nhà cửa là những

---

(1) Điều này có nghĩa là dù có những phân biệt và tướng tượng của chúng ta, chúng ta không thể tách khỏi sự điều động của Duy tâm, điều này được diễn tả theo cách tôn giáo, như trong Tân Phật giáo (Shin Buddhism), Đức Phật A-di-đà vẫn theo đuổi các chúng sinh hữu tình dù họ cố chạy ra khỏi tình yêu bao trùm tất cả của Ngài. Được giải thích như thế, câu kệ này cho ta một quan điểm mới trong triết lý của Lăng Già.

thuvienhuequang.vn

tướng trạng và sự sinh khởi của chúng là do tập khí; các tướng trạng được sinh ra từ sự phi lý (ayukta), sự sinh khởi của chúng là do phân biệt.

635. Đối tượng tính được phân biệt tạo thành thế giới, một cái tâm sinh khởi từ [sự nhận biết] đối tượng tính; khi nhận thức một cách rõ ràng rằng những gì được nhìn thấy là chính cái Tâm thì sự phân biệt không còn nữa.

[344] 636. Khi sự phân biệt được nhìn thấy [về bản tính thực của nó, thì người ta ghi nhận rằng] tên gọi và ý nghĩa bị phân ly [Visamyukta][1]; bấy giờ cả cái biết lẫn người biết sẽ bị phân ly, và người ta được thoát khỏi Hữu vi.

637. Để loại bỏ cả tên gọi lẫn ý nghĩa, đây là con đường của hết thảy chư Phật[2]; những ai mong được chứng ngộ bằng con đường khác thì sẽ không đạt chứng ngộ cho chính mình, cũng không cho những người khác.

638. (Chương VI, câu 5).

639. Khi thế giới được nhìn thấy là được tách khỏi cái biết và tính biết thì không có ý nghĩa gì về nó nữa, và sự phân biệt không còn tiếp diễn.

---

(1) Đây là hiểu theo bản Đường.

(2) Hiểu theo bản Đường. Bản Sanskrit quá tối nghĩa không hiểu được.

thuvienhuequang.vn

640. Do thấy suốt [bản chất của] Tâm nên có sự dứt bặt phân biệt về các hành tác và các ngôn từ; do không thấu suốt [bản chất thực sự của] Tự tâm nên sự phân biệt phát sinh.

641. Bốn uẩn trong các uẩn là vô sắc (arùpina), không thể đếm chúng được, các thành tố (đại) đều khác nhau, làm sao chúng có thể sinh ra những đa phức của sắc (rùpa) như thế ?

642. Khi [cái ý niệm về] tính đặc thù bị loại bỏ, thì chúng ta không có thành tố nào, cơ bản và thứ yếu; nếu [chúng ta bảo rằng] sắc được tạo ra bởi các tính chất khác thì tại sao lại không phải là bởi các uẩn ?(1)

643. Khi người ta đã thoát ra được các xứ (Àyatana) và các uẩn mà thấy rằng chúng vượt ngoài các tướng trạng đặc thù thì bấy giờ Tâm được giải thoát do bởi nhìn thấy sự vô ngã của các sự vật.

[345] 644. Từ sự khác biệt giữa một thế giới đối tượng và các giác quan, cái thức được đưa vào vận hành theo tám cách; như thế các khía cạnh [của tư tưởng](2) là ba, nhưng khi sự vô tưởng tồn tại thì tất cả chúng đều chấm dứt.

---

(1) Không rõ ràng.

(2) Đấy là Svábhàvalaktrana (tự tướng).

thuvienhuequang.vn

645. Khi nhị biên được tôn giữ thì A-lại-da tạo nên trong Mạt-na cái ý niệm một cái ngã và những thứ thuộc về ngã và các thức; khi điều này được nhận thức triệt để thì những thứ ấy lắng xuống.

646. Khi cái bất động được nhìn thấy thì đồng và dị bị gạt bỏ, bấy giờ sẽ không còn phân biệt hai thứ ấy, ngã và những gì thuộc ngã.

647. Khi không có gì phát sinh thì không có sự sinh khởi, không có nguyên nhân nào để khiến cho các thức hoạt động; sự vận hành và nguyên nhân bị loại bỏ, có sự ngưng bặt và không có gì bị quấy động.

648. Xin Ngài nói cho con biết cái lý do của phân biệt, của Duy tâm và của thế giới. Tại sao thế giới được bảo rằng bị gỡ ra khỏi các nguyên nhân khi gạt bỏ cái được định tính và cái định tính ?

649. Tâm được thấy là nhiều khi các hình sắc sở kiến được phân biệt; vì không nhận thức một cách rõ ràng rằng những gì được nhìn thấy là do Tâm, nên có cái khác Tâm do [cái nhị biên của] một cái tâm và một thế giới bên ngoài bị người ta chấp vào.

650. Khi [thế giới] không được hiểu bằng trí tuệ thì có sự hư vô; [nhưng] một khi Tâm đã được khẳng định thì tại sao điều này lại khiến cho duy thực (astivadrishti) sinh khởi ?

651. Sự phân biệt không phải là hiện hữu cũng

thuvienhuequang.vn

không phải là phi hiện hữu, do đó, duy thực không sinh khởi; khi hiểu rõ rằng cái được nhìn thấy là từ Duy tâm thì phân biệt không vận hành.

652. Khi phân biệt không sinh khởi thì có một sự chuyển y (Paràvritti) và không có sự tùy thuộc vào bất cứ cái gì cả; [346] khi các sự vật được xem là bị ảnh hưởng của nhân duyên thì tứ cú ngăn ngại [con đường chân lý].

653. Những phát biểu khác nhau được phân rõ nhưng không có phát biểu nào là có thể kiểm chứng được; trong tất cả các phát biểu này có một sự hàm ngụ cần thiết khởi lên từ cái ý niệm về một nhân tố thuộc nguyên nhân cơ bản[1].

654. Do duy trì sự hòa hợp của các nhân và các duyên, một nhân tố nguyên nhân cơ bản bị ngăn chặn; khi một chuỗi nguyên nhân được xem là vô thường thì không bị lỗi về thường hằng.

655. Không có sinh, cũng không có diệt ở chỗ mà người ngu thấy sự vô thường; không có gì từng bị diệt, cái gì được nhìn thấy [là thực] là do [cái ý niệm về] một nhân tố thuộc nguyên nhân[2]. Cái không nhìn thấy được làm sao [được sinh ra] ? Do gì mà thế giới vô thường trở nên hiện hữu ?

---

(1) Không được rõ ràng lắm.

(2) Trong bản kinh Phạn, dòng này được cho là thuộc câu kế tiếp, như thế là sai.

thuvienhuequang.vn

656. (Chỉ riêng dòng thứ hai, Chương III, câu 62).

657. - 662. [347] (Chương III, các câu 62 - 68).

663. Chư Thiên, A-tu-la, người, súc sinh, ngạ quỷ và các chúng sinh ở địa ngục - sáu con đường hiện hữu (lục thú) này được kể ra, trong đó các chúng sinh hữu tình được sinh ra.

644. Tùy theo nghiệp của người ta, cao thấp hay trung bình, người ta được sinh ra trong [sáu] con đường này; giữ tất cả những gì thiện, [người ta sẽ đạt] một sự giải thoát cao vời.

665. Ngài dạy đoàn Tỳ-kheo rằng có sự sinh và diệt ở mỗi sát-na, xin Ngài nói cho con biết ý nghĩa của điều ấy.

666. Cũng như một hình sắc biến đổi thành một hình sắc khác, cũng vậy, cái tâm được sinh ra rồi bị hủy hoại; do đó Ta nói cho các môn đệ của Ta biết sinh [và diệt] xảy ra liên tục và từng lúc như thế nào.

667. Cũng như thế, phân biệt cũng sinh khởi và biến mất với mỗi hình sắc đơn lẻ; chỗ nào có sự phân biệt thì chỗ ấy có các chúng sinh đang sống; ngoài phân biệt thì không có chúng sinh nào đang sống cả.

668. Ở mỗi lúc, có một sự tách rời ra, đấy gọi là nhân duyên; [348] khi người ta được thoát khỏi

thuvienhuequang.vn

cái ý niệm về sắc (rùpa) thì không có sinh, không có diệt.

669. Khi nhị biên bị phá vỡ, bấy giờ khởi lên cái nhân duyên sinh, phi nhân duyên sinh, vô minh và Như như. v.v..., Như như thì không có tính cách nhị biên.

670. Khi nhân duyên [sinh] và phi nhân duyên sinh [là khác biệt], các sự vật bị khác biệt, thì có thường hằng, v.v..., có quả, nhân và nhân duyên.

671. Hễ chừng nào cái ý niệm về nguyên nhân và các kết quả còn được nêu lên thì không có sự khác nhau giữa các triết gia; cũng là giáo lý của Ngài cũng như của chư Phật [khác]; bạch đấng Đại Mâu-ni, những người như thế không phải là những người trí.

672. Bên trong thân thể dài bằng một Tì-da-na (Vyàna)[1] có một thế giới; nguyên nhân sinh khởi của nó, sự đạt tới đoạn diệt và con đường (pratipad), đấy là điều Ta dạy cho các nam tử của đấng Chiến Thắng.

673. Do chấp vào ba tự tính; sở nhiếp [hay sở chấp] và năng nhiếp [hay năng chấp] được biểu hiện; người sơ trí phân biệt các đối tượng mà cho rằng chúng thuộc vào thế gian và siêu thế gian.

---

(1) Dài bằng một sải tay.

thuvienhuequang.vn

674. Từ quan điểm tương đối, ý niệm về Tự tính được tôn giữ, nhưng để tránh các biên kiến thì không được phân biệt Tự tính.

675. Khi các lỗi lầm và thiếu sót được tìm thấy thì nguyên lý không được thiết lập, tâm cũng không [thích hợp] để được vận hành; điều này là do bởi sự sinh khởi của các ý niệm nhị biên; phi nhị biên là Như như.

[349] 676. [Nếu người ta nghĩ rằng] thức, v.v... được sinh ra từ vô minh, khát ái và nghiệp thì điều ấy là sai, vì cái lỗi về vô cùng (lý luận không có chỗ chấm dứt) bị phạm; khi lỗi ấy bị phạm thì sự sinh khởi của thế giới trở thành không thể được.

677. Bốn sự đoạn diệt của các sự vật được người vô trí nói đến; phân biệt được gọi là sinh khởi theo hai cách; [thực ra], không có hiện hữu, cũng không có phi hiện hữu. Khi người ta thoát khỏi tứ cú (bốn mệnh đề) thì người ta lìa bỏ nhị biên.

678. Phân biệt có thể sinh khởi theo hai cách, nhưng khi phân biệt được nhìn thấy [trong bản chất thực sự của nó] thì nó sẽ không bao giờ sinh khởi [trở lại] nữa vì trong tất cả các sự vật không được sinh ra có sự thức tỉnh của trí; nhưng[1] chỗ

---

(1) Phần còn lại của câu này lại là phần nửa đầu của câu 678 trong bản Sanskrit.

thuvienhuequang.vn

nào có sự sinh ra của các sự vật, thì đấy là do phân biệt; người ta chớ nên phân biệt.

679.[1] Bạch Ngài, xin nói cho con biết về chân lý để kiểm chứng những kiến giải nhị biên, [để cho] con và những người khác có thể không tôn giữ cái nhị biên luận về hữu và phi hữu.

680. Và [do đó] chúng con có thể giữ mình lánh xa các giáo lý của các triết gia và đồng thời tránh xa các Thanh văn và các Duyên giác; vì chư Bồ-tát không được bỏ mất đời sống chứng ngộ như chư Phật đã thể chứng.

681. Để thoát khỏi [cái ý niệm về] nguyên nhân và phi nguyên nhân, bất sinh và sinh - đấy là những thứ đồng nghĩa, [người ngu] bị các thứ ấy làm bối rối, nhưng người trí thì luôn luôn vượt khỏi các thứ ấy.

682. Tất cả các sự vật xuất hiện như một đám mây, như nhiều đám mây, cầu vồng; chúng giống như một ảo ảnh, một lưới tóc, huyễn thuật v.v... chúng được sinh ra từ sự tự phân biệt, và thế mà các triết gia phân biệt thế giới là được sinh ra từ một nhân tố tự sinh.

683. Bất sinh, Như như, thực tính, giới hạn và

---

(1) Câu 679 này gồm phân nửa câu sau của câu 679 và dòng đầu của câu 680 trong bản Sanskrit.

thuvienhuequang.vn

hư vô, đấy là những cái tên khác của sắc (rùpa); người ta không nên tưởng rằng đấy có nghĩa là một cái không.

[350]. 684. Trên đời, [một cái tên khác của] hasva (bàn tay) là kara; Indra (Đến Thích) [cũng được gọi là] 'Sakra và Purandara; cũng thế, [có thể nhiều từ đồng nghĩa] cho cuộc đời này; và người ta chớ nên tưởng rằng nó có nghĩa là một cái không.

685. Không không khác sắc, bất sinh cũng thế; chớ nên tưởng một cái gì khác điều ấy; nếu không thì những kiến giải sai lầm sẽ xảy ra sau đó.

686. Do bởi những xuất hiện của đối tượng được khẳng định, và có sự phân biệt tổng quát (tổng phân biệt - samkalpa) và sự phân biệt đặc thù (biệt phân biệt - vikalpa); do bởi tưởng tượng (hay biến phân biệt - parikalpa) mà có ngắn và dài, vuông và tròn v.v...

687. Sự phân biệt tổng quát thuộc về Tâm, sự tưởng tượng thuộc về Ý (Mạt-na - Manas) và sự phân biệt đặc thù thuộc Ý thức (Manovijñàna); [nhưng thực ra] không có cái được định tính và cái định tính.

688. Những ai đã đạt được cái biết về suy luận đúng đắn bằng cách dùng [ý niệm về] vô sinh và ý nghĩa của nó thì được gọi là có một sự hiểu biết về học thuyết của Ta.

thuvienhuequang.vn

689. Những ai đạt được cái trí suy luận đúng đắn bằng cách dùng [cái ý niệm] về vô sinh và ý nghĩa của vô sinh thì được gọi là có một sự hiểu biết về học thuyết của Ta.

690. Để phá vỡ các quan điểm triết học nên vô sinh được bảo rằng có nghĩa là không có chỗ trụ; biết được nhị biên nghĩa là gì, Ta thuyết dạy cái học thuyết về vô sinh.

691. Có phải tất cả các sự vật phải được xem là vô sinh hay là không ? Hỡi đấng Đại Mâu-ni, xin Ngài hãy dạy. Học thuyết về phi nguyên nhân, vô sinh, sự sinh khởi của cuộc đời - tất cả các thứ ấy đều được các triết gia chủ trương [351].

692[1] Ta giảng dạy cái Duy tâm vốn đã được gỡ ra khỏi [cái nhị biên về] hữu và phi hữu. Người ta phải loại bỏ [cái kiến giải về] sinh và vô sinh tạo ra nhiều lý thuyết triết học khác nhau.

693. Trong học thuyết về phi nguyên nhân, về vô sinh, về sinh, có bao hàm cái ý niệm về một nhân tố thuộc nguyên nhân mà các thứ ấy phụ thuộc vào. Những hành động vô tác (không có sự

---

(1) *Nửa đầu của câu kệ này được kể là câu 692 trong bản Sanskrit rõ ràng được đưa vào đây là sai lầm và không được dịch ra; và nửa đầu của câu kệ tiếp theo được đưa vào bổ túc câu 691. Do đó, việc ghi số từ câu 692 đến câu 694 được sửa đổi lại trong bản dịch này.*

thuvienhuequang.vn

cố gắng nào) là do từ cái không, và các hành động [như được thực hiện theo thông thường] thì bị trộn lẫn với các động cơ.

694. Xin Ngài nói cho con biết cái kiến giải [đúng] đi theo với những phương tiện thiện xảo, các bổn nguyện v.v..., làm sao Thánh chúng hội được hiện hữu khi tất cả các sự vật không hiện hữu ?

695. Do tách rời khỏi [cái nhị biên của] sở tri và năng tri nên không có sự sinh khởi, cũng không có sự đoạn diệt; tâm được sinh ra vì người ta tôn giữ các kiến giải về hiện hữu (cuộc đời) này hay hiện hữu khác.

696. Các sự vật được gọi là được sinh ra, như thế là sao ? Xin Ngài nói cho con biết. Các chúng sinh hữu tình không hiểu điều ấy nên điều ấy phải được giảng giải.

697. Bạch đấng Đại Mâu-ni, xin Ngài giảng giải cho con biết về tất cả các truyền thống [gồm trong các xác định đã được nêu] về trước và về sau, để con thoát khỏi những sai lầm của các triết gia và để được tách ly với cái lý thuyết về nhân duyên sai lạc.

698. Bạch đấng Đạo Sư tối cao, xin Ngài nói cho con biết về sự đoạn diệt và sự trở lại cuộc đời để con được thoát khỏi hữu và phi hữu, và tuy vậy không hủy diệt nhân và quả.

thuvienhuequang.vn

699. Bạch đấng Liên Hoa Nhãn[1], xin Ngài nói cho con biết về sự tiến lên theo tầng bậc đến các cấp độ (địa), vì thế giới tôn quý nhị biên luận và điên đảo vì các vọng kiến.

[352] 700. Vì do bởi [các vọng kiến về] sinh, bất sinh v.v... cái nguyên nhân an tịnh được không nhận biết, nên không có Thánh chúng hội đối với Ta và Ta không có cơ hội thuyết giảng về bản chất của hữu.

701. Có sự sai lầm ở chỗ nào nhị biên được duy trì, nhưng chư Phật thì hoàn toàn thoát khỏi nhị biên; tất cả các sự vật đều trống rỗng, tạm bợ, không có tự tính và chưa từng được sinh ra.

702. Những phân biệt được tiến hành bởi những kẻ bị bao bọc bởi những lý thuyết và học thuyết tệ hại, chứ không phải bởi chư Như Lai; Xin ngài nói cho con nghe về sự sinh khởi và sự ngưng dứt của phân biệt.

703. Bị chồng chất bởi những lý luận sai lầm nên có một tập hợp những hình tướng [và các thức] khác nhau; theo đó [mỗi thức] nhận lấy trong một môi trường đối tượng (trần) tùy theo thể loại của nó.

704. Nhận ra những hình trạng bên ngoài,

---

(1) Padma Ikshan, theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

phân biệt vận hành; khi điều này được hiểu và ý nghĩa của thực tính được nhìn thấy đúng như nó, thì tâm phù hợp với bản chất của người trí và không còn vận hành nữa.

705. Một khi các thành tố bị loại bỏ thì không có sự sinh ra của các sự vật, nhưng khi các thành tố [được xem là] các vẻ bên ngoài luôn luôn là cái tâm thì người ta hiểu được vô sinh nghĩa là gì.

706. Chớ phân biệt sự phân biệt, người trí là người thoát khỏi phân biệt; phân biệt được tiến hành thì có cái nhị biên thuận là cái không dẫn đến Niết-bàn.

707. Do khẳng định sự vô sinh, Huyễn giả được nhìn thấy và bị hủy diệt; khi Huyễn giả được xem là sinh ra từ phi nhân duyên, thì điều này xúc phạm đến chân lý của sự khẳng định.

[353] 708. Tâm phải được xem là một hình ảnh phản chiếu sinh ra từ thời vô thỉ; nó là một cái gì của thực tính nhưng không phải chính thực tính; người ta phải hiểu Tâm đúng như nó trong chính nó.

709. Bản chất của sinh [hay hiện hữu] giống như một hình ảnh xuất hiện trong một tấm gương, mà trong khi nó không có đồng và dị, nó không phải là phi hiện hữu.

710. Giống như thành của Càn-thác-bà, Huyễn

thuvienhuequang.vn

thuật, v.v... xuất hiện tùy thuộc vào các nguyên nhân và các điều kiện, sự sinh ra của tất cả các sự vật không phải là vô sinh [trong một ý nghĩa tương đối].

711. Do bởi quen dùng mà một sự phân biệt có tính cách nhị biên được nêu ra về người và về sự vật; những người ngu không hiểu điều này cho nên [cái ý tưởng về] một ngã - linh hồn và những đối tượng đặc thù được chủ trương.

712. Có năm [loại] Thanh văn: những Thanh văn nói chung là [những người nghe], những người bị ràng buộc vào học thuyết nhân duyên, những người là A-la-hán, những người dựa vào năng lực riêng của họ, và những người dựa vào [năng lực của] Đức Phật.

713. Sự gián đoạn, thời gian, sự đoạn diệt, cái thực tính tối thượng và tính tương hỗ - bốn thứ này bị người ngu không có trí tưởng là gồm trong ý niệm về vô thường.

714. Người ngu mê say về nhị biên luận mà tôn giữ [những ý tưởng như] tính nhị biên, các nguyên tử, vật chất bổn nguyên, và nguyên nhân tiên quyết và không hiểu các phương tiện giải thoát vì họ chấp chặt vào những chuyển đổi về hữu và phi hữu.

715. (Chương VI, câu 3).

thuvienhuequang.vn

[354] 716. Những thành tố chủ yếu là thuộc những tính chất khác nhau thì làm sao chúng có thể tạo nên[1] thế giới vật chất này (rùpa) được ? [Mỗi] thành tố có vị trí riêng của nó; những cái gì [được xem là] các thành tố thứ yếu thì không được những thành tố chủ yếu ấy tạo nên.

717. Lửa đốt cháy vật chất (sắc - rùpa), bản chất của nước là làm ướt, gió thổi tung các vật; làm sao vật chất có thể do các thành tố tạo nên được [trong khi chúng thuộc các bản chất trái nghịch] ?

718. Sắc uẩn (vật chất) và thức (uẩn) - Có hai uẩn này chứ không phải năm; chúng là những cái tên gọi khác của các uẩn; ta nói về điều này theo một trăm cách.

719. Do tách cái tâm khỏi những gì thuộc về tâm, mà thế giới này phát sinh [nhiều] hình thức [của vật chất] gắn bó không rời nhau; vật chất (sắc) là do tâm [tạo] chứ không phải do thành tố [tạo].

720. Màu xanh v.v... phải liên hệ đến màu trắng, và màu trắng phải liên hệ đến màu xanh; nhân và quả được tạo nên [theo cách hỗ tương như thế], cả hữu và phi hữu đều là không.

721. Kết quả và sự gây kết quả và cái trở

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

thành kết quả, lạnh và nóng, cái được định tính và cái định tính, như thị và tất cả [các sự vật khác] không nên được giải thích rõ ra bằng các lý thuyết.

722. Tâm, ý và sáu thức vốn từ bản chất là nhất thống và tách ly khỏi đồng và dị; chúng được phát sinh từ A-lại-da.

723. Những người theo trường phái Số luận (Samkhya) và Thắng luận (Vai'seshika), các triết gia Lõa thể, những kẻ tán đồng đấng Tự tại Sáng tạo đều mê đắm vào cái nhị biên luận về hữu và phi hữu, và không biết cái thực tính độc cư (đơn độc) là gì[1].

[355] 724. Nhiều hình thức (Sausthàna) và hình thể (Àkriti) không được sinh ra do các thành tố chủ yếu, nhưng các triết gia tuyên bố rằng chúng sinh ra từ các thành tố chủ yếu và thứ yếu.

725. Vì các triết gia tưởng rằng các nguyên nhân là khác cái vô sinh nên họ không hiểu, và do bởi ngu muội, họ tôn quý cái nhị biên của hữu và phi hữu.

726. Có một chân lý (tattva) được định tính bởi sự thanh tịnh, nó nhất thống với Tâm nhưng bị phân hóa với Ý (Manas) v.v..., nó ở cùng cái biết.

727. Nếu nghiệp là sắc (rùpa) thì nó sẽ là

---

(1) Lặp lại câu 627.

thuvienhuequang.vn

nguyên nhân của các uẩn và của thế giới đối tượng; những chúng sinh không bị ràng buộc (không có sự chấp trước) sẽ không trú [ngay cả] trong cõi vô sắc.

728. Vô ngã là một học thuyết thực sự theo sau sự phi hiện hữu của các chúng sinh; người bênh vực cho phi ngã là một kẻ đoạn trừ[1], gây nên cả sự ngưng dứt của thức.

729. Có bốn trú xứ của nó, làm cách nào nó sinh khởi từ sự phi hiện hữu của hình sắc ? Vì không có cái gì hiện hữu bên trong và bên ngoài, nên không có thức sinh khởi.

730. Các nhà lý thuyết mong được nhìn thấy các uẩn ở trong cõi trung (trung hữu); cũng như thế, [họ mong] một chúng sinh được sinh ra trong cõi vô sắc thì không có hình tướng; còn có gì nữa ?

731. [Nếu người ta bảo rằng] sự giải thoát được đạt mà không cần nỗ lực vì không có chúng sinh, không có Thức, thì đấy chắc chắn là một lý thuyết của các triết gia, những nhà lý thuyết không hiểu biết.

732. Nếu sắc được tìm thấy trong cõi vô sắc thì nó không thể được nhìn thấy; [356] sự phi hiện

---

(1) Nguyên nghĩa là cắt đứt (chela).

thuvienhuequang.vn

hữu của nó trái với chân lý, không có một chiếc xe cũng không có một người lái xe.[1]

733. Thức, được sinh ra do tập khí, thì nhất thống với các giác quan (căn); có tám loại thức, không phải tất cả chúng đều nhiếp một môi trường (trần) cùng một lúc[2](*)

734. Khi hình sắc không phát sinh thì các căn không phải là các căn; do đó Thế Tôn tuyên bố rằng các giác quan, v.v.. được định tính bằng sự tạm thời.

735. Không có sắc (rùpa) nêu định thì làm sao Thức có thể sinh khởi được ? Không có sự sinh khởi của cái biết thì làm sao luân hồi có thể xảy ra được ?

736. Đoạn diệt ngay sau khi sinh, đây không phải là giáo lý của chư Phật; cũng không có sự vô gián đoạn của tất cả các sự vật; vì phân biệt vận hành khắp nên người ta sinh ra theo nhiều con đường (thú) khác nhau.

737. Các giác quan (căn) và các thế giới đối tượng được giải thích cho người ngu chứ không

---

(1) Những phát biểu về sắc ở đây không được rõ ràng lắm.

(2) Không rõ ràng (Suzuki).

(*) Ta có thể hiểu chỗ này như sau: Tám căn không thể cùng lúc duyên một trần được. Ví dụ khi đối tượng là một tiếng chuông ở xa, nhãn căn, tỷ căn, thân căn,... không tiếp xúc với tiếng chuông ấy nên các Thức tương ứng không vận hành (người dịch ra Việt ngữ).

thuvienhuequang.vn

phải cho người trí; người ngu chấp theo các tên gọi, người trí hiểu cái ý nghĩa.

738. [Thức] thứ sáu không nên được hiểu là vô chấp, hay chấp; người trí vốn không có lỗi lầm chấp hữu thì không phạm vào một lý thuyết xác định.

739. Các lý thuyết gia không có trí sợ vĩnh cửu luận và hư vô luận; [357] người ngu không thể phân biệt giữa Hữu vi, Vô vi, và ngã - linh hồn.

740. [Một số người tưởng rằng ngã - linh hồn] cùng với cái Tâm là một, [một số người khác] tưởng rằng ngã - linh hồn khác với Mạt-na, v.v... sự chấp thủ[1] hiện hữu trong cái đồng (một) cũng như trong cái dị (khác)[2].

741. Nếu sự chấp chặt được nêu trỏ và nếu cái tâm và những thứ thuộc về nó được chỉ định, thì tại sao lại do bởi sự chấp mà có sự nêu trỏ bằng cái một (đồng) ?[3]

---

(1) Dàna rõ ràng được đặt ở đây thay vì upadàna theo như bản Đường hiểu. Tuy nhiên, câu này và hai hay ba câu kế thì khó mà hiểu rõ được vì trong kinh không có liên hệ đến những ý niệm được thảo luận ở đây. Có lẽ chúng trỏ đến các học thuyết A-tỳ-đàm (Abhidharma).

(2) Đọc theo bản Đường.

(3) Không rõ ràng. Một số câu kệ trong những trang này không nêu ý nghĩa nào theo như ta có thể thấy trong nhiều liên hệ của chúng, chẳng có dính dáng gì đến những tư tưởng tổng quát của Lăng Già. Những câu này có phải đã thêm vào về sau, lấy từ ở đâu khác chăng ?

thuvienhuequang.vn

742. Do vì chấp thủ nên chấp thủ, nghiệp, sinh, quả, v.v... được đưa vào mục đích giống như lửa; có sự giống nhau và không giống nhau trong nguyên tắc[1].

743. Cũng như khi lửa cháy, cái bị đốt và sự đốt đồng thời có ở đấy, sự chấp vào một cái ngã - linh hồn cũng như thế; cái mà các lý thuyết gia không chấp là gì ?

744. Hoặc có sự sinh hay không có sự sinh, tâm vẫn chiếu sáng vào mọi lúc; các lý thuyết gia sẽ tạo nên những dẫn chứng nào để làm sáng tỏ cái ý niệm của họ về một ngã - linh hồn ?

745. Những lý thuyết gia ấy không có nguyên tắc, bị lạc trong rừng Thức; tìm cách thiết lập cái lý thuyết về một ngã - linh hồn, họ lang thang khắp đây đó.

746. Ngã (Àtman) được định tính bằng sự thanh tịnh là cái trạng thái tự chứng; đây là Như Lai tạng (Garbha) không thuộc cảnh giới của các lý thuyết gia.

747. Khi người ta biết được thế nào là những đặc tính của sở chấp và năng chấp bằng cách phân tích các uẩn thì cái biết về nguyên lý sinh khởi.

[358] 748. Các triết gia tuyên bố rằng A-lại-da

---

(1) Có đúng chăng ?

thuvienhuequang.vn

trong đó Thai tạng ở là [trung tâm của] tư tưởng hợp nhất với ngã; nhưng đấy không phải là cái học thuyết được [chư Phật] xác nhận.

749. Do hiểu nó, (tức học thuyết) một cách rõ ràng nên có sự giải thoát và trí tuệ thâm nhập chân lý và sự thanh tịnh thoát khỏi các phiền não những thứ bị loại bỏ bằng quán tưởng và trí tuệ.

750. Cái Tâm nguyên sơ thanh tịnh là cái Như Lai tạng vốn là tốt nhưng bị các chúng sinh hữu tình chấp vào [như là một ngã - linh hồn]; nó thoát khỏi sự giới hạn và vô giới hạn.

751. Cũng như màu sắc đẹp đẽ của vàng và vàng trong đá sỏi được hiển lộ nhờ được thanh lọc, cũng thế, A-lại-da trong các uẩn của một chúng sinh được hiển lộ nhờ được thanh tịnh.

752. Đức Phật không phải là một linh hồn cũng không phải là các uẩn, Ngài là trí tuệ vượt khỏi dòng ác trược; khi nhận rõ Ngài mãi mãi quang tịnh, ta an trú trong Ngài.

753. Tâm, vốn nguyên sơ là thanh tịnh, đi kèm với các tùy phiền não, với Mạt-na, v.v..., và hợp nhất với cái ngã - linh hồn; đây là điều mà kẻ thuyết giảng giỏi nhất nói ra.

754. Tâm vốn nguyên sơ là thanh tịnh, nhưng Mạt-na, v.v... thì khác; chúng chấp chứa nhiều

thuvienhuequang.vn

nghiệp và do đó có những cấu uế làm cho nhị biên sinh khởi.

755. Ngã [vốn nguyên sơ] thanh tịnh đã bị ô nhiễm do bởi những phiền não bên ngoài từ thời vô thỉ, [359] và cái gì vốn đã được thêm vào từ bên ngoài thì giống như một cái áo [dơ] cần được tẩy sạch.

756. Khi một cái áo được tẩy sạch bụi dơ, hay khi vàng được gỡ ra khỏi những thứ dơ bẩn của nó, chúng không bị hủy diệt mà vẫn là chúng; cái ngã được thoát khỏi các ô nhiễm cũng vậy.

757. Vì tưởng rằng một âm thanh hay thì được tìm thấy trong một cây đàn, trong một cái vỏ ốc hay trong một cái trống định âm, người vô trí tìm một cái gì về ngã - linh hồn bên trong các uẩn.

758. Cũng như người ta cố gắng tìm ngọc trong một nhà bảo tàng, hay trong nước, hay dưới đất, nơi ấy không thấy được ngọc, [người ta tìm] một linh hồn trong các uẩn thì cũng như thế.

759. Vì người vô trí không thể nắm một cái tâm, và những thứ thuộc tâm thành một nhóm, và những chức vụ (vận hành) nối kết với các uẩn của chúng, nên [người họ không thể tìm thấy] một ngã - linh hồn trong các uẩn.

760. Như người đàn bà đang mang bào thai không nhìn thấy cái bào thai, cũng thế, những ai

thuvienhuequang.vn

không có trí tuệ thì không thấy cái ngã - linh hồn trong các uẩn.

761. Giống như bản chất của dược thảo hay giống như lửa trong củi nhen, những ai không có trí tuệ thì không nhìn thấy ngã - linh hồn bên trong cái uẩn.

762. Nỗ lực tìm cái thường hằng và cái hư vô trong tất cả các sự vật, kẻ vô trí không thể tìm thấy chúng được; đối với các ngã - linh hồn bên trong các uẩn thì cũng như thế.

763. Khi không có cái ngã - linh hồn thực sự thì không có các địa, không có sự tự điều ngự, không có các khả năng tâm linh, không có sự thọ ký tối thượng, không có các Tam-ma-địa cao vời.

[360] 764. Nếu một kẻ đoạn trừ đến và bảo: "Nếu có một cái ngã, hãy chỉ nó cho tôi"; một người trí sẽ tuyên bố "Hãy chỉ cho tôi sự phân biệt của riêng ông"[1].

765. Những ai chủ trương lý thuyết vô ngã là những kẻ xúc phạm đến các học thuyết Phật giáo, họ đã buông mình theo các kiến giải nhị biên về

---

(1) Những tuyên bố như thế ở đây về một cái ngã - linh hồn (Àtaman hay pudgala) hình như trái ngược nhau và quả thực đã cưỡng ép học thuyết vô ngã của Phật giáo theo như chúng ta vẫn hiểu.

thuvienhuequang.vn

hữu và phi hữu; họ phải bị loại ra khỏi hội chúng Tỳ-kheo và không bao giờ được nói đến[1].

766. Học thuyết về một cái ngã - linh hồn chiếu sáng rực rỡ giống như sự khởi dậy của ngọn lửa tận thế, tẩy sạch những lỗi lầm của các triết gia, đốt cái rừng vô ngã.

767. Mật mía, mía đường, đường và mật (ong); sữa chua, dầu mè và sữa lỏng - mỗi thứ đều có vị riêng của nó; nhưng người chưa từng biết nó sẽ không biết nó là gì.

768. Cố gắng tìm một ngã - linh hồn theo năm cách trong sự chất chứa của các uẩn, kẻ vô trí không thấy được nó, nhưng người trí nhìn thấy nó thì được giải thoát.

769. Nhờ vào những minh họa do các khoa học v.v... cung cấp, tâm vẫn không được nêu định một cách chính xác; còn về cái ý nghĩa chứa trong tâm thì làm sao người ta có thể nêu định một cách chính xác được ?

---

(1) Câu này và câu tiếp theo hình như lại mâu thuẫn với giáo lý Phật giáo về vô ngã. Không dễ gì nêu định được ý nghĩa của các câu kệ này vì chúng đứng riêng lẻ, không có đoạn văn xuôi giải thích nào. Quả thực những câu kệ này trong phần Sagàtham (Tổng kệ) vốn không có liên hệ trực tiếp với chính kinh, trừ những câu có ý nghĩa hoàn toàn rõ ràng, hình như khó biết chính xác được chúng muốn trỏ ý gì.

thuvienhuequang.vn

770. Các sự vật thì khác biệt nhau nhưng Tâm là một - điều này không được người ta nhận ra; các nhà lý thuyết [tưởng Tâm] là phi nguyên nhân và không vận hành, đấy là một sai lầm.

771. Khi vị Tu hành suy tưởng về Tâm, vị ấy không thấy cái Tâm trong cái Tâm; một trí tuệ đến từ cái được nhận thức [tức thế giới]; do đâu mà có sự sinh khởi của cái thế giới [sở kiến] này ?

[361] 772. Ta thuộc gia tộc Katyàyana (Ca-chiên-diên), dòng dõi Suddhàvàsa (Tác bình; Thiên tử). Ta thuyết dạy Chánh pháp để đưa chúng sinh hữu tình đến thành Niết-bàn.

773. Đây là cái dòng quả quá khứ; Ta và chư Như Lai đã thường khai thị ý nghĩa của Niết-bàn trong ba ngàn kinh.

774. Không phải trong cõi dục, cũng không phải trong cõi vô sắc mà Phật tính được đạt; nhưng chính là ở tại Akanistha trong cõi sắc (Sắc cứu cánh thiên) mà người ta chứng đắc Phật tính bằng cách loại bỏ tham ái.

775. Thế giới đối tượng không phải là nguyên nhân ràng buộc; cái nguyên nhân bị ràng buộc vào trong thế giới đối tượng; các phiền não bị đoạn trừ bởi trí tuệ, trí tuệ là thanh gươm nhọn nhờ tu hành mà đạt được.

776. Làm sao mà vô ngã được ? Các sự vật

thuvienhuequang.vn

giống như Huyễn giả như thế nào ? Thế nào về hữu và phi hữu ? Nếu Như như hiển lộ ra với người ngu thì làm sao vô ngã là phi hiện hữu ?[1]

777. Do bởi các sự vật được làm và bởi các sự vật không được làm, cái nguyên nhân không phải là cái tạo sinh; tất cả là vô sinh, người ngu không nhận ra rõ điều này.

778. Những nhân tố tạo sinh đều vô sinh; cả cái được tạo ra và cái điều kiện nhân quả đều vô sinh; tại sao sự tưởng tượng về các nhân tố tạo sinh lại tiếp diễn ?

779. Các lý thuyết gia giải thích một nguyên nhân gồm trong sự đồng thời của tiền tố và hậu tố; sự sinh ra của tất cả các sự vật được nói ra nhờ vào một ánh sáng, một cái bình, một đệ tử, v.v...

780. Chư Phật không phải được tạo thành do Hữu vi, nhưng có các tướng [thượng đẳng];

[362] Chư vị thuộc bản chất của một Chuyển Luân vương (Cakravartin); chư Phật không được gọi là chư Phật do bởi các [tướng] này.

781. Cái định tính chư Phật là trí (jñàna); trí không có những thiếu sót về sự thông tuệ (dris-tidosha); đấy là cái trí đạt được bởi sự tự chứng, tách ly với mọi thiếu sót.

---

(1) Có đúng chăng ?

thuvienhuequang.vn

782. Đời sống Phạm hạnh (Brahmacarya) không được thấy ở những ai đặc biệt bị điếc, mù, chột, câm, già, trẻ cũng không được thấy ở trong những ai buông mình theo sự cảm thọ thù địch.

783. Bậc Điều ngự Thế giới có các thiên tướng và các phụ tính dù những thứ này không hiển lộ ra. Tuy vậy, những thứ này lại trở thành hiển lộ trong một số tu sĩ sống đời vô gia đình và không hiển lộ ở trong ai khác nữa - điều ấy được tuyên bố như thế.

784. Sau sự nhập diệt của vị Đạo Sư dòng Sàkya, đây là những vị sẽ theo sau Ta: Vyàsa, Kanàda, Rishabha, Kapila và những vị khác.

785. Một trăm năm sau, khi Ta nhập diệt, Đại sĩ (Bhàrata) Vyàsa sẽ xuất hiện, kế tiếp là Pàndavas, Kauravas, Ràma và sau đó là Maurya.

786. Maurya, Nanda, Gupta, và sau đó là Mleccha là những ông vua xấu; sau Mleccha, một cuộc chiến tranh sẽ bùng dậy, rồi đến thời đại xấu xa; [363] sau thời đại xấu xa này, Chánh pháp không còn thù thắng trên đời nữa.

787. Sau khi trải qua những thời kỳ này, thế giới sẽ bị rơi vào một sự rối loạn giống như một bánh xe; lửa và mặt trời hợp lại với nhau, cõi dục sẽ bị thiêu đốt.

788. Các cõi trời sẽ được thiết lập trở lại và từ

thuvienhuequang.vn

đó thế giới sẽ sinh khởi cùng với bốn đẳng cấp, các vị vua, các nhà thấu thị (Rishi) và Chánh pháp.

789. Các bộ Veda, sự thờ phụng, lòng từ thiện sẽ lại nổi lên với sự hồi sinh của Chánh pháp; bằng các chuyện kể[1], các sử ký, các áng văn, luận sớ, chú thích, loại Tôi - nghe - như - vầy v.v..., thế giới sẽ [lại] rơi vào rối loạn.

790. Khi chuẩn bị vải có màu sắc thích hợp, hãy tẩy cho sạch, hãy nhuộm vải bằng bùn xanh và phân bò mà làm cho nó trở thành hoại sắc (không tả được màu sắc), để cho thân thể được bao bọc bằng những cái áo theo cách khác với vẻ bên ngoài của các triết gia.

791. Bậc Tu hành phải thuyết giảng cái học thuyết mang phù hiệu của chư Phật; vị ấy phải uống nước lọc bằng vải và mang dây lưng, vào lúc đã ấn định vị ấy phải đi khất thực và phải tránh xa các thứ xấu xa.

[364] 792. Vị ấy sẽ được sinh ra trong một cõi trời đầy ánh sáng, còn hai vị khác sẽ xuất trong loài người; được trang sức bằng ngọc, vị ấy sẽ được sinh ra như một vị Thiên và một vị Chủ tể của thế giới.

793. Trong trú xứ ánh sáng, vị ấy an hưởng

---

(1) Nguyên nghĩa là "quả thực đã như thế".

thuvienhuequang.vn

bốn cõi nhờ ở giáo pháp có căn bản là Chánh pháp; nhưng sau một triều đại lâu dài trên các cõi, vị ấy sẽ bị thối thất do bởi tham dục.

794. Có bốn thời đại hoàng kim, thời đại của ba, thời đại của hai và thời đại xấu xa; Sư tử của dòng Sàkya sẽ xuất hiện trong thời đại xấu xa, Ta và chư vị ấy sẽ xuất hiện trong thời đại hoàng kim.

795. Siddhartha (Tất-đạt-đa) của dòng 'Sàkya (Thích-ca), Vishnu (Tỳ-nữu), Vyàsa (Tỳ-da-bà), Mahe'svara (Ma-hê-thủ-la) - các triết gia ấy sẽ xuất hiện sau khi Ta nhập diệt.

796. Sẽ có giáo pháp của Sư tử dòng 'Sàkya được thuyết giảng theo cách Tôi-nghe-như-vầy, và giáo pháp của Vyàsa theo cách kể chuyện (quả thực đã như thế), và có những sự kiện quá khứ.

797. Vishnu và Mahe'svara sẽ dạy về sự sáng tạo thế giới; những sự việc như thế sẽ xảy ra sau khi Ta nhập diệt.

798. Mẹ ta là Vasumi, cha ta là trí giả Prajàpati; Ta thuộc gia tộc Kàtyàna, và tên Ta là Viraja Thắng giả.

799. Ta đã sinh tại Campà, và cũng như cha Ta và ông nội Ta, dòng dõi Mặt trăng (Nguyệt chủng - Somavamsa), [họ của Ta] là "Nguyệt Bảo" (Soma Gupta).

[365] 800. Tác các lời nguyện, Ta sẽ trở thành

thuvienhuequang.vn

một khất sĩ không nhà và thuyết pháp theo một ngàn cách; khi Mahàmati được thọ ký, Ta sẽ nhập Niết-bàn.

801. Mati sẽ trao [giáo pháp] cho Dharma và Dharma sẽ trao cho Mekhala; nhưng Mekhala và môn đệ của ông quá kém nên [giáo pháp] sẽ mất vào cuối kiếp-ba (Kalpa).

802. Kàsyapa, Krakucchanda, và Kanaka là những vị sắp xếp, và Ta tức Viraja cùng chư vị khác - tất cả chư Phật này đều thuộc thời đại hoàng kim.

803. Sau thời đại hoàng kim, sẽ xuất hiện một vị lãnh đạo tên là Mati, là một vị Đại hùng (Mahàvira) rất tinh thục với năm hình thức trí tuệ.

804. Không phải trong thời đại hai, cũng không phải trong thời đại ba, không phải trong thời đại xấu xa về sau mà trong thời đại hoàng kim, những vị thầy của thế giới sẽ xuất hiện và sẽ đạt Phật quả.

805. Không thay đổi các dấu hiệu, không cắt ra thành mười[1], hãy mặc áo chắp vá nhiều chỗ giống như những cái đốm ở đuôi một con công,

806. Hai tấm vá phải cách nhau một khoảng bằng hai ba ngón tay; nếu các tấm vá không đúng

---

(1) Đúng chăng ?

thuvienhuequang.vn

theo như thế thì sẽ gợi cho người ngu ý muốn được sở hữu.

807. Bậc Tu hành phải luôn luôn giữ cho ngọn lửa tham dưới sự kiểm soát của mình, hãy tắm trong nước trí và thực hành Tam quy (ba chỗ an trú) và hãy nỗ lực tinh tấn suốt ba thời.

[366] 808. Khi một mũi tên hay một viên đá, hay một miếng gỗ được bắn đi nhờ một cái cung, hay ná, một cái trúng; một cái sai; tốt (thiện) và xấu (ác) cũng như vậy.

809. Cái một không thể là cái nhiều, như thế thì không thấy những khác biệt ở đâu cả. Tất cả những người nhận phải giống như ngọn gió và những người cho phải giống như mảnh đất.

810. Nếu cái một là cái nhiều, thì tất cả sẽ không có cái nhân tố nguyên nhân; đấy là sự đoạn trừ một nhân tố nguyên nhân, là giáo lý của các lý thuyết gia.

811. [Giáo lý của họ] sẽ giống như một ngọn đèn, giống như một hạt giống, do bởi sự giống nhau; nhưng cái nhiều ở đâu ? Nếu cái một trở thành cái nhiều, thì đấy là giáo lý của các lý thuyết gia.

812. Đậu không mọc lên từ mè; lúa gạo không phải là nguyên nhân của lúa kiều mạch, lúa mì không tạo ra ngô; làm sao cái một có thể là cái nhiều được ?

thuvienhuequang.vn

813. Sẽ có Pànini, tác giả của 'Sabdanetri, Akshapàda, Vrihaspati; Pranetri vị Lokàyata sẽ được tìm thấy trong Phạm thai (Brahma - garbha).

814. Kàtyàya sẽ là tác giả của một bộ kinh, và Yajñavalka sẽ giống như ông ấy; Bhudhuka sẽ viết các tác phẩm về thiên văn; họ sẽ xuất hiện trong thời đại xấu xa.

[367] 815. Balin sẽ xuất hiện để làm tăng sự an lạc của thế giới, hạnh phúc của loài người, vị ấy sẽ là người bảo hộ của tất cả những gì là thiện; vua Balin sẽ là nhà quản ngự lớn.

816. Vàlmìka, Masuràksha, Kautilya, và À'svalàyana, là những vị Thấu thị công hạnh cao vời, sẽ xuất hiện trong tương lai.

817. Siddhartha của gia tộc Sàkya, Bhùtànta, Pãncacùdaka, Vàgbaliratha, Medhàvin sẽ xuất hiện trong các thời kế tiếp.

818. Khi Ta trú trong rừng, Brahma, vị chủ của chư Thiên sẽ cho ta tấm da nai có lông, một cây gậy gỗ, một dây thắt lưng và một cái đĩa.

819. Bậc Đại Tu hành sẽ được gọi là Viraja đấng Mâu-ni, vị Thầy và vị Khai thị giải thoát; vị ấy là biểu hiện của tất cả các đấng Mâu-ni.

820. Brahma cùng với đoàn tùy tùng và nhiều vị Thiên sẽ cho Ta một tấm da linh dương lấy từ trên trời, và rồi vị Quản ngự sẽ biến mất.

thuvienhuequang.vn

821. Khi Ta ở trong rừng, Indra, Virùdhaka và những vị khác, có chư Thiên đi theo, sẽ cho Ta y phục tuyệt nhất và một cái bát khất thực.

[368]. 822. Tìm ra một nguyên nhân trong học thuyết vô sinh, [người ta có thể bảo rằng] cái gì không được sinh ra thì cũng được sinh ra, [và tưởng tượng rằng] lý thuyết [vô sinh] được thiết lập [bằng cách ấy]; nhưng điều này chỉ được thực hiện chỉ bằng ngôn từ mà thôi.

823. - 828. (Chương VI, các câu 12 - 17).[1]

829. Sự việc tâm được làm cho vận hành bởi cái vô minh được tích tập bởi tư tưởng từ thời vô thỉ, và tâm bị ràng buộc vào sinh và diệt - đấy chỉ là sự tưởng tượng của các lý thuyết gia.

830. Triết học Số luận (Sàmkhya) chia làm hai. Có sự biến hóa do nguyên nhân đầu tiêu (cơ bản); [369] trong nguyên nhân đầu tiên có hành động, và hành động thì tự sinh.

831. Nguyên nhân đầu tiên thì ở cùng với tất cả các chúng sinh đang hiện hữu, và các tính chất được xem là khác nhau, các kết quả và các nguyên nhân thì khác nhau, không có sự biến hóa nào xảy ra.

---

(1) Cần ghi nhận rằng những chỗ lặp lại càng về sau càng ít và các chủ đề bàn luận càng ít liên hệ với các chủ đề của bản kinh. Phần Sagàthakam này có thể là một sưu tập riêng lẻ.

thuvienhuequang.vn

832. Như tấm gương tráng thủy thì trong sạch và không bị bụi bặm làm dơ, cũng thế, A-lại-da thì thanh tịnh, là chỗ trung tâm của tất cả các chúng sinh hữu tình.

833. Mùi hành của hành, cái thai của người đàn bà có thai, vị mặn của muối, v.v... [mỗi thứ] có phát triển giống như hạt giống không ?

834. Đồng không phải là dị, cũng thế vừa đồng vừa dị không phải là vừa không đồng vừa không dị; hiện hữu không phải là bị ràng buộc, không có phi hữu cũng không có vô vi.

835. Bảo rằng] một cái ngã được tìm thấy trong các uẩn thì cũng giống như bảo rằng tính chất ngựa thì ở trong tính chất bò, là thứ chẳng dính dáng gì đến nó; chúng ta có thể nói về Hữu vi và Vô vi, nhưng không có tự tính.

836. Bị ô nhiễm bởi luận lý, bởi các giáo pháp truyền thống (àgama)[1], bởi các vọng kiến, bởi suy luận, người ta không thể khẳng định một cách chắc chắn về cái ngã mà người ta bảo rằng có, nhưng ngã không hiện hữu cách nào khác hơn sự chấp thủ.

837. Chắc chắn người ta bị lỗi lầm. Khi nghĩ rằng cái ngã được nhận ra cùng với các uẩn do bởi đồng và dị; các nhà lý thuyết không sáng trí.

---

(1) Theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

838. Như một hình ảnh được thấy trong một tấm gương, trong nước, hay trong một con mắt, [370] cũng thế, một linh hồn trong các uẩn thì không có đồng và dị.

839. Phải biết rằng những ai tư duy và thực hiện Thiền định thì có thể thoát khỏi những lý thuyết sai lầm bằng cách tự huấn luyện mình trong ba thứ: con đường (màrga), chân lý (satya), và trí tuệ (dar'sana).

840. Như một chớp sáng được nhìn thấy khi ánh nắng xuyên qua khe cửa, sự biến hóa (sự thay đổi vô thường) của tất cả các sự vật cũng như thế; nó không giống như nó được tưởng tượng bởi người ngu.

841. Bị rối rắm, người ngu thấy Niết-bàn là sự biến mất của cái hiện hữu; nhưng khi thấy suốt cái thực tính (Sadbhava) đúng như thực tính ở trong chính nó, họ có một cái trí trung thực hơn.

842. Sự biến hóa [là trạng thái thực sự của hiện hữu] phải được khẳng định là tách ly với sinh và diệt, không có hiện hữu và phi hiện hữu, thoát khỏi cái được định tính và sự định tính.

843. Sự biến hóa phải được khẳng định là không có liên hệ gì đến các học thuyết triết lý, với các danh và sắc, và tạo một chỗ trú[1] cho các kiến giải về một cái ngã bên trong.

---

(1) Bản Đường hiểu là "diệt".

thuvienhuequang.vn

844. Với những tiếp xúc [hỷ lạc] của chư Thiên và sự gây phiền khổ của các chúng sinh địa ngục, nếu đấy không phải là đối với cõi trung (trung hữu) thì sẽ không có thức nào phát sinh[1].

845. Phải biết rằng sự sinh ra do bào thai, sự sinh ra do trứng, sự sinh ra do sự ẩm thấp, và nhiều thân thể khác nhau khác của các chúng sinh hữu tình được sinh ra từ cõi trung và đọa vào [sáu] đường hiện hữu (lục đạo).

846. Phiền não được an tịnh và được đoạn trừ bên ngoài sự suy luận đúng đắn và giáo lý trong kinh, [371] đấy là cái kiến giải và thuyết giảng của các triết gia, người trí không nên thực hành điều ấy.

847. Trước tiên người ta phải quán sát cái bản chất của một cái ngã - linh hồn và tránh xa sự chấp trước ràng buộc; cố gắng vượt xa và không quán sát thì chẳng có giá trị gì hơn đứa con của một người đàn bà không thể sinh đẻ.

848. Ta quán sát bằng một thần nhãn thuộc trí tuệ siêu việt và vượt khỏi cái xác thịt, [bằng thần nhãn này, Ta quán sát] các chúng sinh hữu tình, các thân thể vật lý của tất cả các chúng sinh đang sống không thuộc Hữu tác [Samskàra] và các uẩn[2].

---

(1) Đọc theo bản Đường.

(3) Hiểu theo bản Đường.

thuvienhuequang.vn

849. Thấy rằng [các chúng sinh] khác nhau về sự có màu xấu và có màu đẹp, về được giải thoát và không được giải thoát, về được thuộc cõi trời và thoát khỏi Hữu tác, và về sự trú cùng với Hữu tác.

850. Ta có cái thân thể đi khắp sáu đường hiện hữu (lục thú); đấy không thuộc cảnh giới của các nhà lý thuyết; nó vượt khỏi thế giới người và không phải là sở hữu của các nhà lý thuyết.

851. Ngã - linh hồn không có và tâm được sinh ra; làm sao sự phát sinh này xảy ra ? Há không phải bảo rằng sự xuất hiện của nó giống như một con sông, một ngọn đèn và một hạt giống ?

852. Thức không được sinh ra thì không có vô minh; vô minh không có thì không có Thức, và làm sao sự tiến hành lại có thể xảy ra được ?

853. Ba sự phân chia thời gian, vô thời gian, và cái thứ năm thì vượt ngoài sự mô tả; đây là [chỉ có] chư Phật biết được [dù] được nêu ra bởi các nhà lý thuyết.

[372]. 854. Cái biết vốn là nguyên nhân của Hữu tác (Samskàra) thì không nên được miêu tả bằng sự Hữu tác; cái biết được gọi là Hữu tác nhiếp thủ con đường Hữu tác[1].

855. Cái kia có nên cái này có; những điều

---

(1) Hiểu như thế có đúng chăng ?

thuvienhuequang.vn

kiện thuộc nguyên nhân [ở khắp nơi] nhưng không có các nguyên nhân; do bởi sự không có ấy nên không có những nhân tố thuộc nguyên nhân; mà những nhân tố ấy [chỉ] được vạch ra một cách tượng trưng.

856. Quả thực gió làm cho lửa cháy, nhưng gió chỉ kích thích chứ không tạo ra lửa; hơn nữa, được kích thích bởi gió, lửa lớn mạnh lên; làm sao có thể thiết lập [cái ngã] của một chúng sinh hữu tình được ?

857. Hữu vi và Vô vi được nói đến như là không có sự ràng buộc. Lửa được người ngu tưởng tượng ra như thế nào để thiết lập [cái ngã của họ] ?

858. Lửa xuất hiện trong cái thế giới được nâng giữ bằng sức mạnh của tính hỗ tương; nếu thế giới này được tưởng tượng là giống như lửa thì do đâu mà có sự sinh khởi của một chúng sinh hữu tình [tức là một cái ngã - linh hồn] ?

859. Do bởi Mạt-na, v.v... mà có sự tích chứa các uẩn và các xứ; vô ngã giống như một phú thương tiến hành với cái tâm (citta).

860. Hai thứ này giống như mặt trời, luôn luôn thoát ngoài kết quả và nguyên nhân; lửa không thiết lập chúng, các lý thuyết gia không hiểu được.

861. Tâm, chúng sinh hữu tình và Niết-bàn - những thứ này vốn nguyên sơ là thanh tịnh,

thuvienhuequang.vn

nhưng bị ô nhiễm bởi các lỗi lầm từ thời vô thỉ; chúng không bị phân khác đi, chúng giống như hư không.

[373] 862. Bị ô nhiễm vì những lý thuyết tệ hại của các triết gia, Hasti'sayya, v.v..., bị bao bọc bởi [những phân biệt sai lầm về] Mạt-na thức, họ tưởng rằng lửa, v.v... đang thanh tịnh hóa.

863. Những ai nhìn thấy [thực tính] đúng như nó trong chính nó thì sẽ nhìn thấy những phiền não của mình vỡ tung ra; rời ra cái rừng suy luận so sánh, họ đạt tới cảnh giới của người trí.

864. [Thực tính] bị tưởng là cái gì đó khác với chính nó do bởi sự phân biệt giữa năng tri và sở tri, kẻ vô trí không hiểu được nó; và điều vượt ra khỏi sự miêu tả lại được bàn đến.

865. Như người ngu làm một cái trống gỗ trầm bằng cách lấy một thứ khác giống như gỗ trầm và gỗ lô hội, cũng như thế, cái biết [chân thực] phải khác biệt với cái biết của các lý thuyết gia.

866. Khi ăn xong, vị ấy sẽ đứng dậy cầm bình bát không; vị ấy sẽ tẩy rửa miệng cho sạch hết những thứ dơ bẩn, tệ hại, vị ấy cần có thái độ như thế về đồ ăn.

867. Kẻ nào suy nghĩ một cách hợp lý về chân lý này thì sẽ đạt sự thanh tịnh tâm, sẽ thành tựu sự tu tập cao vời nhất và sẽ vượt lên trên sự tưởng

thuvienhuequang.vn

tượng; vị ấy sẽ thoát khỏi sự ràng buộc chấp trước và thể chứng các ý nghĩa tối thượng; và do đó vị ấy sẽ làm tỏa rạng con đường vàng của Chánh pháp.

868. Khi kẻ nào ngu muội có sự tưởng tượng sinh khởi từ các kiến giải về hữu và phi hữu được thoát khỏi cái lưới của các lý thuyết tệ hại do đó mà bị hư hoại, và thoát khỏi tham lam, xấu xa, sân hận, thì kẻ ấy sẽ được tẩy sạch các ô nhiễm và được chư Phật [tự tay] làm lễ quán đảnh.

869. Một số triết gia bị rối loạn về chiều hướng [của chân lý] do bởi lý thuyết về nhân duyên của họ; một số khác thì bị điên đảo về các điều kiện của nguyên nhân tính; [374] một số khác nữa không phải là người trí, trú vào hư vô luận do bởi sự phủ nhận của họ về nhân duyên và thực tính.

870. Có những sự biến hóa chín muồi từ [các hoạt động của] Mạt-na và các Thức; Mạt-na sinh ra từ A-lại-da, và Thức sinh ra từ Mạt-na.

871. Từ A-lại-da, tất cả các hoạt động tâm thức sinh khởi lên giống như những cơn sóng; do tập khí làm nguyên nhân, tất cả sự vật được sinh ra phù hợp với các điều kiện của nhân duyên.

872. [Tất cả các sự vật] được chia chẻ một cách tạm thời như bị buộc vào trong một chuỗi xích tương tục, được chấp thủ là thực trong khi chúng thuộc chính cái Tâm; chúng xuất hiện theo

thuvienhuequang.vn

nhiều hình thức và đặc tính khác nhau, nhưng đều là sản phẩm của Mạt-na và của nhãn thức v.v...

873. Bị ràng buộc bởi những lỗi lầm (về suy luận) từ thời vô thỉ, có sự sinh trưởng của tập khí khiến cho một cái gì đó sinh khởi giống như một thế giới bên ngoài; chính Tâm được nhìn thấy là nhiều khi nó bị ngăn ngại bởi các lý thuyết triết học sai lầm.

874. Với cái này làm nguyên nhân và với cái kia làm điều kiện (duyên), [hệ thống thức] được phát sinh; khi những kiến giải triết học này sinh ra thì những sự biến hóa xảy ra.

875. Tất cả các sự vật giống như Huyễn giả, như một giấc mộng, như thành phố của các Càn-thác-bà; chúng xuất hiện như một ảo ảnh, một bóng trăng trong nước; cần phải biết rằng tất cả đều do sự tự phân biệt.

876. Do sự bung vỡ của công hạnh mà có Như như và chánh trí tùy thuộc và Như như; những Tam-ma-địa cao vời như Như huyễn, Thủ-lăng-nghiêm (Suramgama), v.v... [đều được đạt].

877. Do nhập vào các cấp độ (địa) [khác nhau], những năng lực tâm linh và những sự tự điều ngự, cái biết về Như huyễn của cuộc đời và cái [ý] thân [đều được đạt], và có sự quán đảnh, thọ ký của chư Phật.

thuvienhuequang.vn

[375] 878. Khi thế giới được nhìn thấy là tịch lặng thì tâm ngưng bặt và địa [thứ nhất] Hoan hỷ được đạt, và [cuối cùng] người ta sẽ đạt Phật quả.

879. Một sự đột biến xảy ra ở bên trong [tâm thức, một người trở nên] giống như một viên ngọc nhiều màu sắc; người ấy thực hiện các hành động [lợi lạc] cho chúng sinh hữu tình theo cách mặt trăng tự phản chiếu trong nước.

880. Khi cái nhị biên về hữu và phi hữu bị lìa bỏ, không có đồng và dị, hay không đồng không dị, và vượt khỏi Thanh văn tính và Bích-chi tính, người ta vượt cả địa thứ bảy.

881. [Khi vượt lên qua các địa] cái trí tuệ thấu suốt chân lý tự chứng của vị ấy sẽ được thanh tịnh ở từng địa, và do thoát khỏi cái ngoại tính cũng như thoát khỏi các triết gia, vị ấy sẽ thuyết giảng Đại thừa.

882. Khi có một sự đột chuyển (paràvritti) khỏi phân biệt, người ta thoát khỏi cái chết và sự đoạn diệt; vị ấy phải thuyết giảng về cái chân lý của các bậc giải thoát, giống như sừng thỏ;[1] và một viên ngọc [nhiều màu].

---

(1) Theo bản Ngụy và bản Đường. Bản kinh ghi là "lông thỏ", không mang ý nghĩa gì theo văn mạch cả. Cái chân lý về hư vô có thể được so sánh theo một cách nào đó với những cái sừng của một con thỏ chứ không phải với lông của nó.

thuvienhuequang.vn

883. Bài giảng [được thực hiện] bởi lý lẽ, cũng thế, lý luận [được phát hiện] bởi bài giảng; do đó phải có lý lẽ [và bài giảng]; không được có sự phân biệt nào ngoài lý luận[1].

884. Đấy là mắt, nghiệp, ái dục, vô minh và các bậc Tu hành; đấy là Mạt-na trong liên hệ với nhãn [thức] và sắc; đấy là Mạt-na trong liên hệ với cái bị ô nhiễm[2].

---

(1) Đây là hiểu theo bản Đường "Bài giảng" (giáo 教, gran-tha) nghĩa là văn phẩm trong đó một nguyên tắc, hay lý lẽ, 理 (lý - yukti) được trình bày. Grantha ở đây trái nghĩa với yukti cũng như desanà hay de'sanàpàtha trái nghĩa với siddhànta hay pratyàtmagati, hay như rula trái nghĩa với artha. Sự trái nghĩa này của văn tự với tinh thần hay ý nghĩa vẫn là một trong những đề tài chủ yếu của Lăng Già. Bản Ngụy dùng từ kết 结 để dịch từ grantha và từ tương ưng 相 應 để dịch từ yukti, không tạo được ý nghĩa gì trong mạch văn này. Xin trích dẫn đầy đủ hai câu kệ trong bản Ngụy và bản Đường.
Bản Ngụy: 如衣结相應.依法亦如是.依相應相應.莫分別於異: Như y kết tương ưng. Y pháp diệc như thị. Y tương ưng tương ưng. Mạc phân biệt ư dị.
Bản Đường: 教由理故成.理由教故顯當.衣此教理.勿史餘分別: Giáo do lý cố thành. Lý do giáo cố hiển. Đương y thử giáo lý. Vật cánh dư phân biệt.

(2) Chỗ này không có trong bản Đường. Bản Ngụy còn thêm: "Khi đức Phật giảng bộ kinh tinh diệu này, Thánh giả Bồ-tát Ma-ha-tát Mahàmati, vua Ràvana, 'Suka (Đế Thích), Sàrana (Bà-lặc-da), Kumbakarna (Ủng Nhĩ) và các

thuvienhuequang.vn

Đến đây là hết "Kinh Đại Thừa Lăng Già tên là Àrya - Saddharma - Lankàvatàra (Thánh Thiện Pháp Nhập Lăng Già), kèm với các câu kệ".

[376] Tất cả các sự vật được sinh ra từ nhân duyên và nguyên nhân của chúng được Như Lai nói tới và đấng Đại Mâu-ni giảng.

Rằng sự ngưng dứt của chúng xảy ra như thế.

Ràkshana (La-sát), Deva (Đề-bà), Vàga (Long), Yaksha (Dược-xoa), Gandharva (Càn-thác-bà), Asura (A-tu-la), Thích, chư Tỳ-kheo, tất cả đều hoan hỷ và đón nhận [giáo pháp]". Phần thêm này chứng tỏ là bản Ngụy, như là một trọn bộ, có thể đã được tạo thành khá lâu về sau, sau cả bản Đường, vì đoạn văn như thế thường được xem là kết luận thông thường của một bản kinh; và khi không thấy có đoạn văn kết luận như thế này trong bản sao chép trước của kinh Lăng Già, người chép bản Ngụy gốc đã thêm nó vào để làm trọn hình thức chép kinh.

HẾT

thuvienhuequang.vn

LĂNG GIÀ ĐẠI THỪA KINH

Bản dịch tiếng Việt:

Tỳ-kheo THÍCH CHƠN THIỆN

Cư sĩ TRẦN TUẤN MẪN

Chịu trách nhiệm xuất bản : VƯƠNG LAN

Chịu trách nhiệm bản thảo : PHẠM HẬU

Biên tập : NGUYỄN CẨM HỒNG

Sửa bản in : HỒNG ANH

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - Q.1

ĐT: 8225340 - 8296764 - 8220405 - 8222726 - 8296713 - 8223637

FAX: 84.8.298540

In 2000 cuốn khổ 13 x 19cm tại XN In Gia Định, 9D Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, ĐT: 8412644. Số XB: 823-35/CXB-QLXB cấp ngày 27.9.1997. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8.1998.

thuvienhuequang.vn

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM
Website: thuvienhuequang.vn